

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dạy: "Đảng ta là một đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần *đạo đức cách mạng*, thật sự cần kiệm, liêm chính, chí công, vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân". Suốt hơn bảy thập kỷ qua, thực hiện tư tưởng của Bác, Đảng ta đã không ngừng chăm lo xây dựng Đảng, bảo đảm lãnh đạo nhân dân vượt qua mọi gian nan thử thách, đưa cách mạng đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác, viết tiếp những trang sử vẻ vang của dân tộc.

Ngày nay, Đảng đang lãnh đạo nhân dân ta thực hiện công cuộc đổi mới toàn diện đất nước và đã thu được những thành tựu rất to lớn và quan trọng. Tuy nhiên, trước yêu cầu mới ngày càng cao của sự nghiệp cách mạng, trong Đảng đã và đang bộc lộ một số yếu kém như: sự suy thoái về tư tưởng chính trị, tình trạng tham nhũng, quan liêu, lãng phí của một bộ phận cán bộ đảng viên có chiều hướng phát triển nghiêm trọng; việc thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ không nghiêm... Đảng ta xác định phải tiếp tục coi xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt, nhiệm vụ sống còn, có biện pháp phát huy ưu điểm, sửa chữa khuyết điểm, ra sức củng cố, chỉnh đốn, làm cho Đảng ngày càng vững mạnh về mọi mặt.

Để góp phần vào việc nghiên cứu, học tập nâng cao nhận thức về Đảng và đẩy mạnh công tác xây dựng Đảng trong giai đoạn hiện nay, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia xuất bản cuốn sách: ***Xây dựng chính đôn Đảng – Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*** của GS, TS. Nguyễn Phú Trọng - Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Thành ủy Hà Nội, Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương. Cuốn sách tập hợp một số bài nói bài viết của tác giả được sắp xếp thành bốn phần.

Phần thứ nhất: Một số vấn đề chung về Đảng và công tác xây dựng Đảng.

Phần thứ hai: Xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng.

Phần thứ ba: Xây dựng Đảng về tổ chức, cán bộ.

Phần thứ tư: Rèn luyện đạo đức, lối sống.

Nội dung cuốn sách đề cập nhiều vấn đề phong phú cả về lý luận và thực tiễn của công tác xây dựng Đảng, rút ra một số bài học và kết luận quan trọng giúp chúng ta tiếp tục làm tốt hơn nữa công tác xây dựng Đảng, thực hiện thắng lợi toàn diện công cuộc đổi mới đất nước hiện nay.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách cùng bạn đọc.

Tháng 7 năm 2005

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

Phần thứ nhất:

MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ ĐẢNG VÀ CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ XÂY DỰNG ĐẢNG*

Trong toàn bộ di sản tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, phần nói về *Đảng và xây dựng Đảng* chiếm một vị trí đặc biệt quan trọng và có nội dung rất phong phú, đặc sắc, toàn diện và hoàn chỉnh. Có thể nói, tất cả những điều Hồ Chí Minh nói và viết về Đảng và xây dựng Đảng cho đến nay vẫn còn nguyên giá trị. Từ việc phân tích sự cần thiết phải có Đảng lãnh đạo "để trong thì vận động và tổ chức dân chúng, ngoài thì liên lạc với dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp mọi nơi", đến việc khẳng định Đảng Cộng sản Việt Nam là sự kết hợp giữa chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam; từ những nguyên tắc chung về xây dựng Đảng đến yêu cầu và nhiệm vụ cụ thể ở mỗi giai đoạn cách mạng, những đòi hỏi cụ thể đối với người cán bộ, đảng viên, như rèn luyện tư tưởng chính trị, đạo đức cách mạng, nâng cao giác ngộ và trình độ hiểu biết các mặt, giữ gìn sự đoàn kết thống nhất trong Đảng, đào tạo và sử dụng cán bộ, xây dựng mối quan hệ mật thiết với nhân dân,... Tất cả đến nay vẫn đúng. Tất cả đều toát lên một tinh thần nhất quán, một sự mong mỏi thiết tha của Hồ Chí Minh: phải hết sức coi trọng và thường xuyên chăm lo công tác xây dựng Đảng; *phải xây dựng Đảng ta thật trong sạch, xứng đáng là người lãnh đạo và người đầy tớ thật trung thành của nhân dân.*

Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng tuy giản dị nhưng hết sức sâu sắc, bình dị mà vĩ đại, có tác dụng soi sáng lâu dài cho chúng ta trong việc chăm lo xây dựng củng cố và đổi mới Đảng ta.

Sở dĩ trong mấy chục năm qua, Đảng ta xây dựng và củng cố được đội ngũ của mình, từng bước nâng mình lên theo nhịp bước và yêu cầu của cách mạng, hoàn thành những trọng trách mà lịch sử giao phó, được nhân dân tin cậy và ủng hộ, là do Đảng ta luôn luôn quán triệt và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng. Cho đến nay, qua thực tiễn chúng ta càng thấm thía rằng: chỉ có nắm vững, vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, mới có thể xây dựng Đảng thật sự trong sạch và vững mạnh - nhân tố hàng đầu quyết định một thành công của cách mạng nước ta.

Hiện nay, trước những yêu cầu của tình hình và nhiệm vụ mới, công tác xây dựng Đảng đang nổi lên như một nhiệm vụ đặc biệt quan trọng và cấp bách, có ý nghĩa quyết định đối với toàn bộ sự nghiệp cách mạng nước ta và có ý nghĩa sống còn đối với Đảng. Đảng ta đã nhiều lần nhấn mạnh: lúc này xây dựng kinh tế là *trung tâm*, xây dựng Đảng là *then chốt*. Các cấp uỷ đảng từ trung ương đến cơ sở đang dành nhiều công sức cho công tác quan trọng này: một mặt triển khai thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng về xây dựng, đổi mới, chỉnh đốn Đảng; mặt khác tiến hành tổng kết các mặt chủ yếu của công tác xây dựng Đảng để tiếp tục bổ sung, phát triển các quan điểm lý luận về xây dựng Đảng.

Sở dĩ Đảng ta nhấn mạnh ý nghĩa quan trọng của công tác xây dựng Đảng trong tình hình hiện nay là do bốn *yếu tố sau đây*:

Một là: Cách mạng nước ta đang ở bước chuyển giai đoạn rất căn bản, rất quyết định: từ kinh tế hiện vật tập trung quan liêu bao cấp chuyển sang phát triển kinh tế hàng hoá nhiều thành phần vận động theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước, mở cửa với bên ngoài đi lên chủ nghĩa xã hội. Thực hiện dân chủ hoá xã hội,

đổi mới hệ thống chính trị, xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa.

Bước chuyển này đặt ta cho chúng ta hàng loạt vấn đề mới mẻ, khó khăn, phức tạp, đòi hỏi toàn Đảng, toàn thể cán bộ, đảng viên phải nâng cao trình độ về các mặt, có đủ trí tuệ, bản lĩnh, năng lực phẩm chất, tổ chức, đáp ứng được yêu cầu lãnh đạo trong giai đoạn mới. Đảng phải được chỉnh đốn và đổi mới cả về chính trị, tư tưởng, tổ chức cán bộ, phương thức lãnh đạo và lề lối làm việc.

Hai là: Những diễn biến nhanh chóng và phức tạp của tình hình thế giới, đặc biệt là sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội hiện thực ở Liên Xô, Đông Âu, sự tan rã của Đảng và Nhà nước Liên Xô, tác động rất mạnh vào tư tưởng, tình cảm, sự suy nghĩ và niềm tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân ta. Nhiều người lo rằng Liên Xô hùng mạnh như vậy mà còn tan vỡ liệu chúng ta có đứng vững và đi lên chủ nghĩa xã hội được không? Phải chăng con đường đi của chúng ta là không đúng? Trước kia chúng ta dựa chủ yếu vào Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác để xây dựng chủ nghĩa xã hội, bây giờ Liên Xô và hệ thống xã hội chủ nghĩa không còn, làm sao xây dựng được chủ nghĩa xã hội? Vì sao Đảng Cộng sản ở Liên Xô và các nước Đông Âu tan rã?... Rất nhiều câu hỏi cần được trả lời. Rất nhiều vấn đề về Đảng cần được giải quyết để củng cố, tăng cường vai trò lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, tăng cường niềm tin vào Đảng.

Ba là: Các thế lực chống cộng, chống chủ nghĩa xã hội nhân dịp này đang tiến công quyết liệt và điên cuồng vào chúng ta, mưu toan xóa bỏ chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta, thủ tiêu sự lãnh đạo của Đảng ta, ép nhân dân ta đi theo quỹ đạo của chủ nghĩa tư bản. Nhận rõ vai trò quan trọng về sự lãnh đạo của Đảng đối với xã hội, cũng như sức mạnh vô địch của Đảng, chúng tập trung đánh vào tổ chức đảng và vai trò lãnh đạo của Đảng. Thủ đoạn nguy hiểm và thâm độc của chúng là:

- Đánh vào *nền tảng tư tưởng* của Đảng ta là chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Chúng xuyên tạc, nói xấu, bôi nhọ chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh; rêu rao rằng chủ nghĩa Mác - Lênin sai từ gốc; đối lập Lênin với Mác; đối lập tư tưởng Hồ Chí Minh với chủ nghĩa Mác - Lênin, cho rằng chủ nghĩa Mác - Lênin đến nay đã lỗi thời!...

- Đánh vào *ương lĩnh, đường lối* của Đảng ta. Chúng cho rằng, Đảng ta chọn sai con đường, không thể có chủ nghĩa xã hội, đi theo chủ nghĩa xã hội là ảo tưởng! Chúng khuyến khích, kêu gào phải thực hiện tư nhân hoá, đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập, đòi tự do dân chủ nhân quyền theo kiểu của chúng.

- Đánh vào *nguyên tắc tổ chức cơ bản* của Đảng là nguyên tắc tập trung dân chủ. Vu cáo chúng ta thực hiện tập trung dân chủ là cực quyền, trong Đảng không có dân chủ và nhân đạo. Khuyến khích trong Đảng có nhiều phe phái đối lập, Đảng có nhiều đối trọng, cho như thế mới là dân chủ. Rằng phải thực hiện dân chủ không giới hạn, mà thực chất là chúng muốn chia rẽ, phá hoại Đảng, làm cho Đảng tan rã về tổ chức.

- *Kích động chia rẽ Đảng với Nhà nước; Đảng, Nhà nước với nhân dân.* Lợi dụng cuộc đấu tranh của ta chống quan liêu tham nhũng, đặc quyền, đặc lợi để vu cáo, bôi nhọ Đảng và Nhà nước ta; bằng mọi thủ đoạn mua chuộc, lôi kéo quân chúng, tách quân chúng ra khỏi ảnh hưởng của Đảng, nhất là ở những vùng dân tộc và trong đồng bào tôn giáo hòng tranh giành quân chúng, cô lập Đảng ta.

Trước những âm mưu và thủ đoạn phá hoại của các thế lực thù địch, nếu chúng ta không cảnh giác, không chăm lo xây dựng Đảng vững mạnh, trong sạch, đoàn kết thống nhất, thì tồn tại đối với cách mạng không thể lường trước được.

Bốn là: Bản thân Đảng được tôi luyện trong cuộc đấu tranh cách mạng lâu dài và gian khổ, có nhiều thành tích, cố gắng, luôn luôn tỏ rõ bản lĩnh chính trị vững

vàng, tính kiên định cách mạng, tinh thần độc lập sáng tạo, nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, gắn bó với nhân dân, giữ gìn đoàn kết nội bộ, đoàn kết quốc tế. Đó là những truyền thống quý báu thể hiện bản chất tốt đẹp của Đảng ta, giúp cho Đảng ta có khả năng lãnh đạo nhân dân vượt qua những khó khăn to lớn, đưa cách mạng liên tục tiến lên giành thắng lợi. Tuy nhiên, trước tình hình và yêu cầu nhiệm vụ mới, Đảng ta cũng bộc lộ một số khuyết điểm và nhược điểm, trong đó có những khuyết điểm đang trở thành nguy cơ không thể xem thường. Đáng chú ý nhất là:

- Trong Đảng có một bộ phận giảm sút ý chí chiến đấu, phai nhạt lý tưởng, dao động mất lòng tin; một số cán bộ, đảng viên sa vào chủ nghĩa cá nhân, trở nên thoái hoá, hư hỏng; tệ tham nhũng, hối lộ quan liêu kéo dài; tình trạng mất đoàn kết xảy ra ở không ít nơi, có nơi rất nghiêm trọng.

- Tổ chức, kỷ luật của Đảng lỏng lẻo. Tổ chức cơ sở đảng ở nhiều nơi không giữ được vai trò lãnh đạo. Uy tín của Đảng bị giảm sút. Nhiều thanh niên không tha thiết vào Đảng; Đảng đang có xu hướng "lão hoá".

- Phương thức lãnh đạo chậm được đổi mới, hoạt động của không ít cấp uỷ lúng túng trước tình hình mới. Bệnh quan liêu xa thực tế, xa quần chúng rất nặng.

Nếu không có biện pháp tích cực và hữu hiệu để chấn chỉnh, củng cố và đổi mới thì Đảng không đủ sức đảm đương được trọng trách trong giai đoạn mới.

Đương nhiên, đây là công việc hết sức phức tạp và khó khăn. Có nhiều vấn đề lý luận và thực tiễn chưa thật sáng tỏ, nhất là các vấn đề về Đảng cầm quyền lãnh đạo xây dựng kinh tế thị trường đi lên chủ nghĩa xã hội; phương thức, cơ chế lãnh đạo của Đảng; hệ thống tổ chức bộ máy của Đảng; tiêu chuẩn cán bộ đảng viên trong giai đoạn hiện nay; cơ chế bảo đảm dân chủ trong Đảng, quan hệ giữa Đảng và Nhà nước...

Và chẳng, xây dựng Đảng là xây dựng tổ chức, xây dựng con người, rất tế nhị, nhạy cảm, có liên quan đến tư tưởng, tình cảm, tâm lý, lợi ích rất cụ thể của cán bộ, đảng viên. Do đó không thể tiến hành một cách nôn nóng, thô bạo. Trái lại, phải rất chú ý cách làm, bước đi, bảo đảm vừa kiên quyết, tích cực, không né tránh, hữu khuynh; vừa không gây căng thẳng nội bộ và ảnh hưởng đến ổn định chính trị.

Để tiến hành đổi mới và chinh đốn đạt kết quả tốt, nâng cao được năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, cần luôn luôn dựa chắc vào tư tưởng Hồ Chí Minh, quán triệt sâu sắc và thực hiện đầy đủ những quan điểm và tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng, thể hiện trong *Cương lĩnh* và *Điều lệ Đảng*. Trước hết là những vấn đề cơ bản có tính nguyên tắc về Đảng và công tác xây dựng Đảng:

1. *Về bản chất giai cấp và tính tiên phong của Đảng*: Cần hiểu rõ và nắm vững: Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân Việt Nam, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc.

Bản chất giai cấp của Đảng thể hiện trước hết ở mục đích lý tưởng của Đảng. Khi định ra đường lối, chính sách, Đảng luôn luôn đứng vững lên lập trường cách mạng của giai cấp công nhân, tuyệt đối trung thành với lợi ích của giai cấp công nhân và nhân dân lao động. Đảng kiên định lập trường có tính nguyên tắc của mình là lãnh đạo nhân dân xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh theo con đường xã hội chủ nghĩa. Trong bất cứ hoàn cảnh nào, tình hình trong nước và thế giới dù khó khăn phức tạp đến đâu, Đảng cũng vững vàng, không xa rời mục đích lý tưởng của mình, đấu tranh không mệt mỏi cho lợi ích của giai cấp công nhân và nhân dân lao động. Bác Hồ vẫn thường nói nôm na rằng: Đảng ta là con nòi, xuất thân từ giai cấp lao động.

Đảng ta là đạo đức, là văn minh

Là thống nhất, độc lập, là hòa bình, ấm no.

2. *Về nền tảng tư tưởng của Đảng:* Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng chính thức khẳng định nền tảng tư tưởng của Đảng là chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

Theo quan điểm của Đảng ta, cho đến nay tuy có những vấn đề cần bổ sung và phát triển, chủ nghĩa Mác - Lênin về cơ bản vẫn đúng. Chủ nghĩa Mác - Lênin vẫn là học thuyết cách mạng và khoa học nhất, tiên tiến nhất, chưa ai có thể bác bỏ được (cả về phương pháp luận cũng như hệ thống những luận điểm cơ bản). Nó vẫn là "vũ khí tinh thần" của giai cấp công nhân, là kim chỉ nam cho hành động cách mạng. Các thế lực thù địch chống cộng, chống chủ nghĩa xã hội dù có xuyên tạc, phủ nhận, chỉ càng chứng tỏ chúng rất sợ sức mạnh và ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin.

Tư tưởng Hồ Chí Minh là sản phẩm của sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào thực tiễn Việt Nam, kế thừa và phát huy những giá trị văn hóa của dân tộc và nhân loại. Đó là một hệ thống những luận điểm về cách mạng Việt Nam gắn liền với những biến động của thế giới, có quan hệ đến đời sống của giai cấp và dân tộc, xã hội và con người, quốc gia và quốc tế. Nói tóm tắt thì tư tưởng Hồ Chí Minh là: phấn đấu vì độc lập và thống nhất của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội, vì tự do, hạnh phúc của nhân dân, vì hoà bình và hữu nghị của các dân tộc, vì sự phát triển các quan hệ văn hoá và nhân văn của thời đại.

3. *Nguyên tắc tổ chức sinh hoạt Đảng:* Nguyên tắc tổ chức cơ bản của Đảng là nguyên tắc tập trung dân chủ.

Nguyên tắc tập trung dân chủ thể hiện ở chỗ: Trong Đảng thực hành dân chủ rộng rãi, mọi đảng viên đều được thảo luận thẳng thắn nói hết ý kiến của mình, và khi đã thành nghị quyết thì mọi người đều phải chấp hành, thiểu số phục tùng đa số, cá

nhân phục tùng tổ chức, cấp dưới phục tùng cấp trên, các tổ chức trong toàn Đảng phục tùng Đại hội toàn quốc và Ban Chấp hành Trung ương. Trong các cơ quan lãnh đạo, thực hiện nguyên tắc tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách. Thường xuyên tiến hành tự phê bình và phê bình. Thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ là điều kiện bảo đảm cho Đảng vững mạnh về tổ chức, mọi thành viên đều thống nhất ý chí và hành động, cố kết chặt chẽ với nhau trên cơ sở Cương lĩnh và Điều lệ Đảng để đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, chủ nghĩa cơ hội, chống mọi biểu hiện độc đoán chuyên quyền, cục bộ địa phương, chia rẽ bè phái trong Đảng. Sức mạnh của Đảng là ở tính thống nhất, đoàn kết chặt chẽ "trăm người tiến đánh chỉ như một người". Xa rời hoặc không thực hiện nghiêm túc tập trung dân chủ thì Đảng không thể có được sức mạnh đó.

4. *Về quan hệ giữa Đảng với dân:* Bác Hồ thường xuyên căn dặn rất kỹ và sâu sắc rằng, Đảng ta là Đảng lãnh đạo, là Đảng cách mạng, là Đảng vì dân; Đảng không có lợi ích nào khác ngoài việc tranh đấu mưu lợi ích và hạnh phúc của dân. Là lãnh tụ chính trị và bộ tham mưu chiến đấu của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc, Đảng luôn luôn gắn bó mật thiết với nhân dân, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, thường xuyên chịu sự giám sát phê bình của nhân dân, đoàn kết lãnh đạo nhân dân tiến hành cách mạng. Lúc nào Đảng xa dân thì khi ấy Đảng không còn sức mạnh. Đảng càng không phải là tổ chức thăng quan tiến chức, biệt phái, đè đầu cưỡi cổ dân.

5. *Về phương thức lãnh đạo của Đảng:* Bác Hồ khẳng định, Đảng ta là Đảng cầm quyền, Đảng có trách nhiệm lãnh đạo tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, lo đến cả "tương cà mắm muối" và những thứ cần thiết cho đời sống thường ngày của nhân dân. Phải giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, đồng thời phải cải tiến, đổi mới phương thức lãnh đạo, bảo đảm nâng cao chất lượng và hiệu quả lãnh đạo của Đảng; phát huy mạnh mẽ vai trò của Nhà nước và các đoàn thể nhân dân.

Đảng không phải là cơ quan quyền lực nhà nước; Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị, đồng thời là một bộ phận của hệ thống chính trị, Đảng hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật.

6. *Về quan hệ quốc tế của Đảng*: Đảng kết hợp chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế trong sáng của giai cấp công nhân, kế thừa và phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc, đồng thời tiếp thu tinh hoa trí tuệ của nhân loại, kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại, đoàn kết ủng hộ sự nghiệp đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Quán triệt những nguyên tắc cơ bản trên đây, chúng ta sẽ từng bước đổi mới, chỉnh đốn Đảng có kết quả, tăng cường được bản chất giai cấp công nhân và tính tiên phong của Đảng, xây dựng Đảng ta thực sự vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, làm cho Đảng có đủ trình độ trí tuệ, năng lực lãnh đạo, phẩm chất đạo đức, đoàn kết thống nhất, có sức chiến đấu cao, đảm đương tốt sứ mệnh lãnh đạo sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc mà Chủ tịch Hồ Chí Minh hằng mong mỏi. Điều quan trọng quyết định là mỗi cán bộ, đảng viên, trước hết là cán bộ lãnh đạo các cấp phải thật sự gương mẫu, nói đi đôi với làm, nói và làm theo đúng những điều Bác Hồ căn dặn.

* Bài đăng trong sách *Tìm hiểu tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993.

ĐẢNG TA LÀ ĐẢNG CỦA MÙA XUÂN DÂN TỘC*

Trước khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, đất nước ta chìm trong đêm đen nô lệ bởi kẻ thù xâm lược. Nhân dân ta liên tiếp nổi dậy chống ách áp bức bóc lột của thực dân cướp nước và phong kiến tay sai. Các phong trào diễn ra mạnh mẽ, tràn đầy khí phách bất khuất và sáng ngời tinh thần yêu nước, nhưng tất cả đều không thành công, vì thiếu một đường lối đúng.

Trong bối cảnh ấy, đồng chí Nguyễn Ái Quốc với nhiệt tình yêu nước cháy bỏng, đã bôn ba khắp thế giới để tìm đường cứu nước, cứu dân, và Người đã tìm thấy ở chủ nghĩa Mác - Lênin con đường giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người. Người khẳng định: "Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản". Ngày 3-2-1930, dưới sự chủ trì của Người, các tổ chức cộng sản ở Việt Nam khi đó (Đông Dương Cộng sản Đảng, An Nam Cộng sản Đảng và Đông Dương Cộng sản Liên đoàn) đã họp Hội nghị hợp nhất thành một Đảng thống nhất lấy tên là Đảng Cộng sản Việt Nam. Hội nghị đã thảo luận và thông qua *Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, Chương trình tóm tắt và Điều lệ vắn tắt* của Đảng do chính đồng chí Nguyễn Ái Quốc khởi thảo, đồng thời định kế hoạch lập Ban Chấp hành Trung ương lâm thời. Các văn kiện trên đã xác định nhiệm vụ cách mạng Việt Nam là đánh đổ đế quốc và phong kiến tay sai, lập ra Chính phủ của nhân dân, làm cho Việt Nam hoàn toàn độc lập, nhân dân được sống tự do, hạnh phúc.

Với sự kiện lịch sử này, Đảng Cộng sản Việt Nam chính thức được thành lập. Từ đây cách mạng nước ta có đường lối đúng đắn. Đảng Cộng sản Việt Nam thực sự trở thành người lãnh đạo và tổ chức mọi thắng lợi của cách mạng nước ta. Đây là sự phát triển tất yếu của lịch sử, là kết quả của sự phát triển phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam kết hợp với chủ nghĩa Mác - Lênin được truyền bá vào Việt Nam.

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là sự kiện lịch sử trọng đại, là bước ngoặt lớn trong lịch sử cách mạng nước ta, đánh dấu một mốc son chói lọi trên con đường phát triển của dân tộc ta. Hơn 70 năm qua, dù con đường đi lên có lúc quanh co, phức tạp, dù Đảng ta có lúc phạm khuyết điểm, vấp vấp, nhưng theo quy luật vận động của lịch sử và do có bản lĩnh vững vàng, thực sự khiêm tốn, cầu thị, Đảng ta nghiêm túc tự phê bình, sửa chữa khuyết điểm, được nhân dân tin yêu, ủng hộ, cho nên Đảng đã lãnh đạo cách mạng Việt Nam vượt qua mọi khó khăn, thử thách, từng bước đi lên, không một thế lực nào ngăn cản nổi. Nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng, đã giành hết thắng lợi này đến thắng lợi khác, lập nên những kỳ tích trong thế kỷ XX, mà tập trung nhất là thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945; thắng lợi của các cuộc kháng chiến giải phóng dân tộc bảo vệ Tổ quốc; thắng lợi của công cuộc đổi mới, từng bước đưa đất nước quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội. Và chính trong quá trình đó, Đảng ta đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm quý báu, hun đúc nên những truyền thống vẻ vang mà hôm nay chúng ta có trách nhiệm phải ra sức giữ gìn và phát huy. Đó là truyền thống trung thành vô hạn với lợi ích của dân tộc và giai cấp, kiên định mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Chỉ có đi theo con đường cách mạng mà chủ nghĩa Mác - Lênin vạch ra và Bác Hồ đã lựa chọn thì cách mạng Việt Nam mới giành được thắng lợi trọn vẹn, đất nước ta mới thật sự được độc lập, dân tộc ta mới thật sự được tự do, nhân dân ta mới ngày càng ấm no, hạnh phúc.

Đó là truyền thống giữ vững độc lập, tự chủ về đường lối, nắm vững, vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tham khảo kinh nghiệm của quốc tế trong việc đề ra và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ cách mạng. Trong mỗi giai đoạn, Đảng ta luôn thấm nhuần quan điểm *chân lý là cụ thể, cách mạng là sáng*

tao, xuất phát từ thực tiễn Việt Nam để xác định phương hướng, nhiệm vụ, phương pháp của cách mạng Việt Nam.

Đó là truyền thống gắn bó máu thịt giữa Đảng và nhân dân. Đảng ta luôn luôn lấy việc phụng sự nhân dân làm mục tiêu phấn đấu. Nhân dân ta là người đã nuôi dưỡng và bảo vệ Đảng từ những ngày còn trứng nước, hết lòng tin yêu Đảng, ủng hộ và ra sức phấn đấu thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng. Sức mạnh vô tận của nhân dân cũng là sức mạnh vô địch của Đảng; nguồn gốc sức mạnh của Đảng là ở một liên hệ mật thiết với nhân dân, phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân.

Đó là truyền thống đoàn kết thống nhất, có tổ chức và kỷ luật trên cơ sở tình thương yêu đồng chí và nguyên tắc tự phê bình và phê bình. Trải qua những thử thách khắc nghiệt trong nhà tù đế quốc, trước lưỡi lê, họng súng của kẻ thù hay trên chiến trường lửa đạn, những người cộng sản Việt Nam đã nêu những tấm gương sáng ngời về tinh thần đoàn kết gắn bó, thương yêu nhau, về tình đồng chí, đồng đội. Chính tình nghĩa cộng sản đó đã gắn kết những người cộng sản Việt Nam thành một đội tiên phong gang thép được nhân dân tin yêu, bạn bè ngưỡng mộ, kẻ thù khiếp sợ; tạo thành sức mạnh để Đảng ta vượt qua mọi thử thách, hy sinh, giữ vững niềm tin và giương cao ngọn cờ lãnh đạo.

Đó là truyền thống đoàn kết quốc tế thủy chung, trong sáng dựa trên những nguyên tắc và mục tiêu cao cả. Đây là cơ sở vững chắc để Đảng ta hình thành và thực hiện thành công đường lối đối ngoại đúng đắn qua các thời kỳ cách mạng, phát huy đến đỉnh cao sự kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, đưa cách mạng Việt Nam liên tục phát triển.

Ôn lại những bước đường mà Đảng ta đã trải qua, cùng những thắng lợi vẻ vang mà nhân dân ta đã giành được dưới sự lãnh đạo của Đảng, chúng ta càng thấm thía và biết ơn vô hạn công lao trời biển của Chủ tịch Hồ Chí Minh muôn vàn kính yêu,

càng hiểu thêm, tin yêu thêm và tự hào thêm về dân tộc ta - một dân tộc anh hùng, thông minh và sáng tạo; tự hào về Đảng ta - Đảng Cộng sản Việt Nam do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập, lãnh đạo và rèn luyện - một lòng một dạ chiến đấu, hy sinh vì độc lập tự do của Tổ quốc, vì hạnh phúc của nhân dân.

Toàn bộ thực tiễn phong phú của cách mạng Việt Nam trong hơn 70 năm qua đã chứng minh rằng, sự lãnh đạo đúng đắn và sáng suốt của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định mọi thắng lợi của cách mạng nước ta; đồng thời chính trong quá trình lãnh đạo cách mạng mà Đảng ta được tôi luyện, thử thách và ngày càng trưởng thành, dày dặn kinh nghiệm. Vì vậy, Đảng phải luôn luôn chăm lo công tác xây dựng Đảng, làm cho Đảng trong sạch, vững mạnh cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức; coi xây dựng Đảng là nhiệm vụ sống còn của toàn bộ sự nghiệp cách mạng, là điều kiện cơ bản để không ngừng nâng cao vai trò lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng.

Hiện nay, toàn Đảng, toàn dân ta đang ra sức phấn đấu thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng, đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, nhằm mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng dân chủ, văn minh, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội. Bên cạnh những thuận lợi và thành tựu cơ bản, chúng ta cũng phải đương đầu với không ít khó khăn, thử thách.

Chúng ta xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc trong một bối cảnh rất phức tạp. Cuộc đấu tranh dân tộc, đấu tranh giai cấp trên phạm vi thế giới đang tiếp tục diễn ra sâu sắc. Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại phát triển với tốc độ thần kỳ. Toàn cầu hoá và kinh tế tri thức là xu thế khách quan đang lôi cuốn nhiều nước tham gia. Đất nước phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Đảng ta đứng trước nhiều vấn đề mới, phải xử lý nhiều việc hết sức phức tạp. Trong khi đó, trình độ nhận thức của chúng ta còn hạn chế. Không ít vấn đề lý luận và thực tiễn chưa tổng kết được hoặc chưa đủ sáng tỏ. Các thế lực thù địch

đang tìm mọi cách để phá hoại sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta. Chúng ra sức xuyên tạc, vu cáo Đảng ta, Nhà nước ta, đánh thẳng vào nền tảng tư tưởng của Đảng, vào Cương lĩnh, đường lối chính trị của Đảng, vào nguyên tắc tổ chức của Đảng, kích động, chia rẽ nội bộ Đảng, chia rẽ Đảng, Nhà nước với nhân dân, hòng làm tan rã Đảng ta, chế độ ta từ bên trong, hết sức thâm độc và nguy hiểm. Trong tình hình ấy, Đảng ta hơn bao giờ hết, càng phải thật sự vững vàng về chính trị và tư tưởng, thống nhất về ý chí và hành động, trong sạch về đạo đức và lối sống, chặt chẽ về tổ chức và cán bộ.

Vì vậy, nhiệm vụ của chúng ta là, đi đôi với việc lãnh đạo, phát triển kinh tế - xã hội, coi phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm, phải tích cực chăm lo hơn nữa công tác xây dựng Đảng, coi xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt, tiếp tục thực hiện có hiệu quả các Nghị quyết đã có về xây dựng Đảng, đặc biệt là Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khoá VIII và Kết luận của Hội nghị Trung ương 4 khoá IX về xây dựng chính đôn Đảng, tập trung sức làm tốt công tác giáo dục rèn luyện, nâng cao bản lĩnh chính trị, trình độ trí tuệ, đạo đức cách mạng, năng lực tổ chức thực tiễn; kiên quyết đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, tệ tham nhũng, quan liêu, lãng phí; phát huy dân chủ, giữ vững kỷ luật, kỷ cương, đổi mới phương thức lãnh đạo; chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ, bảo đảm kế tục trung thành và xuất sắc sự nghiệp cách mạng vẻ vang của Đảng và dân tộc.

Những năm gần đây, mặc dù tình hình thế giới có những diễn biến phức tạp, tình hình trong nước có nhiều khó khăn do thiên tai liên tiếp xảy ra, do âm mưu và hành động phá hoại của các thế lực thù địch, nhưng nhờ sự nỗ lực phấn đấu của toàn dân dưới sự lãnh đạo của Đảng, đất nước ta đã đạt được những thành tựu khá toàn diện và rất đáng mừng. Kinh tế tiếp tục tăng trưởng khá; chính trị xã hội cơ bản ổn định; văn hoá xã hội có bước phát triển mới; quốc phòng an ninh được giữ vững; vị thế nước ta trên trường quốc tế ngày càng được nâng cao. Riêng về kinh tế, hầu hết các

chỉ tiêu đều đạt và vượt; đời sống nhân dân từng bước được cải thiện. Có được những kết quả đó là do nhiều nguyên nhân, trong đó có nguyên nhân rất quan trọng là Đảng ta đã thường xuyên chăm lo công tác xây dựng Đảng, bao gồm cả việc xác định chủ trương, đường lối phát triển, xây dựng chiến lược, quy hoạch, cơ chế, chính sách; giáo dục rèn luyện, quản lý đội ngũ cán bộ, đảng viên; xây dựng sự đoàn kết thống nhất trong Đảng, sự đồng thuận trong nhân dân; củng cố xây dựng hệ thống chính trị, đấu tranh chống những hiện tượng sai trái, tiêu cực trong Đảng.

Tuy nhiên, so với yêu cầu và tiềm năng đất nước, chúng ta vẫn còn không ít hạn chế, khuyết điểm. Kinh tế xã hội còn nhiều mặt yếu kém: cơ cấu kinh tế chuyển biến chậm; chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế còn thấp; xuất khẩu và đầu tư trực tiếp của nước ngoài giảm. Nhiều vấn đề xã hội bức xúc chưa được giải quyết, tệ tham nhũng, lãng phí, tệ nạn xã hội (nhất là ma tuý, mại dâm), tai nạn giao thông,... vẫn là điều nhức nhối. Cải cách hành chính, chống quan liêu, phiền hà chuyển biến chưa mạnh. Công tác xây dựng Đảng vẫn là một lĩnh vực phải tập trung nhiều công sức hơn nữa.

Trong tình hình hiện nay, chúng ta phải tiếp tục phát triển kinh tế với tốc độ cao và bền vững, đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá; nâng cao chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh; huy động tối đa các nguồn lực để phát triển, sử dụng có hiệu quả vốn đầu tư; đẩy mạnh thi đua sản xuất, thực hành tiết kiệm; thực hiện tốt các chủ trương hội nhập kinh tế quốc tế, tăng cường xuất khẩu. Phát triển các hoạt động văn hoá - xã hội, giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ, xóa đói giảm nghèo, nâng cao đời sống nhân dân. Giữ vững an ninh - chính trị, trật tự an toàn xã hội, mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế. Đặc biệt, phải làm tốt hơn nữa công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị, đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, tệ quan liêu, tham nhũng, cùng các biểu hiện

tiêu cực khác, bảo đảm cho tổ chức đảng và hệ thống chính trị thật sự trong sạch, vững mạnh, gần bó mật thiết với nhân dân.

Đảng quang vinh của chúng ta sinh ra vào Mùa Xuân 1930. Từ đó đến nay, chúng ta đã có hơn 70 Mùa Xuân cách mạng. Đảng sinh ra vào Mùa Xuân và Đảng đem lại Mùa Xuân cho dân tộc, Mùa Xuân cho đất nước. Vì thế, cũng có thể nói: *Đảng ta là Đảng của Mùa Xuân dân tộc!*

* Bài đăng trên Tạp chí *Cộng sản*, số 6 (2-2003).

VAI TRÒ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG TRONG CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI ĐẤT NƯỚC*

Một trong những bài học lớn của công cuộc đổi mới ở Việt Nam là phải giữ vững và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng, coi xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt. Khác với Đảng Cộng sản Liên Xô và các Đảng mácxít ở Đông Âu (trước đây), Đảng Cộng sản Việt Nam trong quá trình tiến hành đổi mới không hề coi nhẹ, hạ thấp, hoặc phủ nhận sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản. Trái lại, luôn luôn chăm lo xây dựng Đảng, bảo đảm sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng. Càng đi vào đổi mới, Đảng càng coi trọng công tác xây dựng Đảng, nâng cao vai trò và năng lực lãnh đạo của Đảng. Đại hội VI của Đảng (12-1986) khẳng định: "Phải xây dựng Đảng ngang

tầm với nhiệm vụ chính trị của một đảng cầm quyền lãnh đạo nhân dân tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa".

Sau Đại hội VI, với phương hướng "đổi mới tư duy, đổi mới tổ chức, đổi mới cán bộ, đổi mới phong cách công tác", các cấp uỷ Đảng đã triển khai thực hiện sâu rộng nhiệm vụ xây dựng Đảng. Bộ Chính trị có Nghị quyết 04 về "Làm trong sạch Đảng, trong sạch bộ máy Nhà nước, làm lành mạnh các quan hệ xã hội". Ban Chấp hành Trung ương ra Nghị quyết 05 về "Một số nhiệm vụ cấp bách của công tác xây dựng Đảng". Hội nghị Trung ương 6 (3-1989) trên cơ sở sơ kết hai năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VI của Đảng, đã rút ra năm nguyên tắc chỉ đạo công cuộc đổi mới, trong đó nhấn mạnh ý nghĩa quyết định của sự lãnh đạo của Đảng phê phán những khuynh hướng phủ nhận hoặc hạ thấp sự lãnh đạo của Đảng. Tại Hội nghị này, Trung ương đã phê phán và bác bỏ tư tưởng "đa nguyên đa đảng", khẳng định dứt khoát ở Việt Nam chỉ có một Đảng lãnh đạo đó là Đảng Cộng sản Việt Nam. Liên tiếp hai Hội nghị Trung ương sau đó (Hội nghị lần thứ 7 và lần thứ 8) bàn về công tác tư tưởng và công tác quần chúng của Đảng. Đại hội VII thông qua cương lĩnh, chỉ ra phương hướng tăng cường công tác xây dựng Đảng trong thời kỳ đổi mới.

Sau Đại hội VII, Trung ương tiếp tục chỉ đạo đẩy mạnh công tác xây dựng Đảng, nhất là trên các lĩnh vực tổng kết thực tiễn nghiên cứu lý luận, bổ sung, phát triển, từng bước hoàn thiện cương lĩnh, uốn nắn những nhận thức lệch lạc, phê phán những quan điểm và khuynh hướng không đúng, tạo sự nhất trí và vững vàng về tư tưởng chính trị trong Đảng và trong nhân dân; chấn chỉnh việc thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo cá nhân phụ trách; đào tạo cán bộ và đổi mới công tác cán bộ; cải tiến phương thức lãnh đạo và lề lối công tác.

Nghị quyết 01 của Bộ Chính trị "Về công tác lý luận trong giai đoạn hiện nay" (đầu năm 1992), Nghị quyết 09 của Bộ Chính trị "Về những định hướng lớn trong

công tác tư tưởng" (đầu năm 1995), và đặc biệt là Nghị quyết Hội nghị Trung ương 3 khoá VII về công tác xây dựng Đảng (6-1992) được quán triệt và thực hiện tương đối có bài bản, đã tạo được bước chuyển biến mới trong công tác xây dựng Đảng. Một loạt các văn bản của Bộ Chính trị và Ban Bí thư đã cụ thể hoá và hướng dẫn thực hiện Nghị quyết Đại hội và Nghị quyết Trung ương 3. Cấp uỷ và tổ chức đảng các cấp đã dành không ít thời gian và công sức cho nhiệm vụ này.

Thực hiện Nghị quyết của Đại hội VII, từ năm 1992 đến năm 1996, Bộ Chính trị đã chỉ đạo tiến hành tổng kết công tác xây dựng Đảng giai đoạn 1975 - 1995 trên năm lĩnh vực chủ yếu: Xây dựng Đảng về chính trị, xây dựng Đảng về tư tưởng, xây dựng Đảng về tổ chức, xây dựng đội ngũ cán bộ, và đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng. Công việc tổng kết này đã được triển khai thực hiện một cách nghiêm túc, công phu, với sự tham gia của nhiều cán bộ lãnh đạo cán bộ nghiên cứu khoa học và hoạt động thực tiễn.

Sau Đại hội VIII, Hội nghị Trung ương 3 (6-1997) đã ra Nghị quyết về chiến lược cán bộ trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá, chỉ ra năm quan điểm chỉ đạo xây dựng đội ngũ cán bộ. Hội nghị Trung ương 5 và đặc biệt là Hội nghị Trung ương 6 (lần 2) tháng 10-1998 đã quyết định mở cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, đẩy mạnh đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, chống sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống. Hội nghị Trung ương 7 (8- 1999) ra nghị quyết về sắp xếp tổ chức bộ máy của Đảng và hệ thống chính trị.

Đại hội IX của Đảng (4-2001) - Đại hội mở đầu thế kỷ XXI đã nhìn lại một cách tổng quát quá trình cách mạng Việt Nam trong thế kỷ XX, rút bài học của 15 năm đổi mới, định ra chiến lược phát triển đất nước với phương hướng tổng quát là "Phát huy sức mạnh toàn dân tộc, tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hoá - hiện đại hoá, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa". Đại hội

đánh giá sâu sắc hơn, đầy đủ và toàn diện hơn về vị trí, vai trò và nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh.

Sau Đại hội IX, các Hội nghị Trung ương 4, Hội nghị Trung ương 5, Hội nghị Trung ương 9... tiếp tục có nghị quyết và kết luận về đẩy mạnh các mặt công tác xây dựng Đảng, đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực tăng cường công tác tư tưởng, lý luận, đổi mới nâng cao chất lượng hệ thống chính trị ở cơ sở, tích cực đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển cán bộ, thực hiện tốt hơn nữa công tác dân vận của Đảng, v.v..

Một điều đáng lưu ý là, bên cạnh sự chỉ đạo sát sao của Trung ương, sự hoạt động riết róng của các cấp uỷ và tổ chức Đảng, còn có sự đồng tình hưởng ứng tích cực của đồng bào cán bộ, đảng viên và nhân dân. Có lẽ chưa có thời kỳ nào cán bộ đảng viên và nhân dân quan tâm đến công tác xây dựng Đảng một cách thường xuyên và sâu sắc như thời kỳ này. Rất nhiều ý kiến đóng góp tâm huyết vào các dự thảo văn kiện, chỉ thị nghị quyết của Đảng. Rất nhiều ý kiến bàn luận về tổ chức nhân sự mỗi kỳ Đại hội Đảng. Nơi này lo lắng về sự "xuống cấp", "thoái hoá" của đội ngũ cán bộ, đảng viên. Nơi kia sốt ruột vì chưa chống được tham nhũng, các thế lực thù địch thì đang ráo riết thực hiện âm mưu "diễn biến hoà bình"... Điều quan trọng hơn là sự phấn đấu thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đảng, bằng hành động thực tế và cụ thể, đóng góp vào công tác xây dựng Đảng và tạo nên những thành tựu to lớn của công cuộc đổi mới đất nước.

Có thể nói, toàn bộ thành tựu và khuyết điểm của công cuộc đổi mới gắn liền với trách nhiệm lãnh đạo và hoạt động của Đảng ta. Sự lãnh đạo và hoạt động của Đảng là nhân tố quyết định tạo ra những thành tựu đổi mới; đồng thời, chính trong quá trình lãnh đạo đổi mới mà Đảng ngày càng trưởng thành, nhận rõ hơn những mặt yếu kém của mình để có biện pháp khắc phục.

*

Nhìn lại quá trình đổi mới ở Việt Nam, chúng ta thấy trên lĩnh vực xây dựng Đảng đã đạt được *những thành tựu rất quan trọng*.

Một: *Thành tựu cơ bản và quan trọng nhất là Đảng đã đề ra được và từng bước bổ sung, hoàn thiện dần đường lối đổi mới một cách đúng đắn, sáng tạo, hình thành ngày càng rõ hơn con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.*

Ai cũng biết, xác định được đường lối chính trị là vấn đề cốt tử, là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu trong toàn bộ công tác xây dựng Đảng. Bởi vì đường lối chính trị chỉ ra mục tiêu, phương hướng và giải pháp cơ bản của cách mạng, thể hiện bản chất của Đảng, và là ngọn cờ tập hợp, cổ vũ, động viên quần chúng; nó quyết định vận mệnh của Đảng và dân tộc.

Trong cách mạng dân tộc dân chủ, Đảng ta xây dựng được đường lối chính trị đúng - một đường lối phản ánh sự kiên định về chiến lược; sự sắc sảo mềm dẻo về sách lược; sự phong phú, sáng tạo và linh hoạt về phương pháp cách mạng. Và chính đây là nhân tố quan trọng hàng đầu, là nguồn gốc quyết định mọi thắng lợi của cách mạng nước ta.

Sau khi đất nước thống nhất, Đảng ta đã xác định đưa cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội, đây là một quyết định đúng. Đại hội IV của Đảng đã đề ra đường lối chung về cách mạng xã hội chủ nghĩa trong cả nước, đồng thời xác định đường lối đối ngoại và các chính sách quan trọng khác. Trong việc xác định đường lối, Đảng ta đã cố gắng vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tiễn cách mạng Việt Nam trong tình hình mới, phát triển một bước đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa đã được định ra từ Đại hội III và được bổ sung trong quá trình thực hiện.

Tuy nhiên, trong việc thiết kế các mô hình cụ thể và tổ chức chỉ đạo thực hiện, chúng ta đã phạm một số sai lầm và khuyết điểm. Như Đại hội VI của Đảng đánh giá, đó là "những sai lầm nghiêm trọng và kéo dài về chủ trương, chính sách lớn, sai lầm về chỉ đạo chiến lược và tổ chức thực hiện". Nguyên nhân sâu xa của những sai lầm đó là bệnh chủ quan, duy ý chí, lối suy nghĩ và hành động đơn giản, nóng vội, không tôn trọng quy luật khách quan, nhận thức về chủ nghĩa xã hội không đúng với thực tế Việt Nam, thiếu dân chủ, không lắng nghe ý kiến của quần chúng và cấp dưới; ở một số cán bộ lãnh đạo cấp cao có phần say sưa với thắng lợi giải phóng miền Nam, nên thiếu sự tỉnh táo trong phân tích tình hình, không lường hết khó khăn khi đi vào xây dựng kinh tế.

Tiếp theo đổi mới bộ phận, đổi mới từng bước, đến Đại hội VI (12-1986), Đảng đã đề ra đường lối đổi mới toàn diện, đánh dấu bước chuyển rất quan trọng trong nhận thức của Đảng ta về chủ nghĩa xã hội, về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Đại hội VI đã cụ thể hoá quan điểm mới về cơ cấu kinh tế, về công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa trong chặng đường đầu tiên, từ đó đề ra chủ trương tập trung cho "ba chương trình kinh tế lớn". Đại hội đã có quan điểm mới về cải tạo xã hội chủ nghĩa, coi cải tạo xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ thường xuyên, phải trải qua thời gian lâu dài và liên tục với những bước đi và hình thức thích hợp, và nhận rõ ngay khi quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa chiếm ưu thế vẫn tồn tại những thành phần kinh tế khác như kinh tế tiểu sản xuất hàng hoá, kinh tế tư bản tư nhân ở mức độ nhất định. Đại hội thừa nhận sự tồn tại khách quan của sản xuất hàng hoá và của thị trường. Cơ chế tập trung quan liêu bao cấp đã bị phê phán triệt để và khẳng định chuyển hẳn sang hạch toán kinh doanh.

Đại hội chủ trương phát tán những hình thức kinh tế phù hợp với trình độ tổ chức sản xuất; về phân phối, coi trọng việc kết hợp ba lợi ích: cá nhân, tập thể và xã hội.

Đại hội có nhận thức mới về vấn đề xã hội, coi đây không chỉ là chính sách giúp đỡ, trợ cấp mà là chăm lo toàn diện và phát huy nhân tố con người.

Nghị quyết Đại hội VI được cụ thể hoá qua các Hội nghị Trung ương và Bộ Chính trị để đi dần vào cuộc sống. Đáng chú ý là Hội nghị Trung ương 6 (3-1989) đã cụ thể hoá và phát triển nhiều quan điểm của Đại hội VI, hoàn chỉnh thêm một bước những quan điểm đổi mới cơ bản của Đảng, kịp thời uốn nắn những nhận thức không đúng, những biểu hiện lệch lạc, khẳng định các nguyên tắc chỉ đạo quá trình đổi mới ở nước ta.

Đại hội VII của Đảng họp vào tháng 6-1991. Lúc này chế độ xã hội chủ nghĩa ở các nước Đông Âu đã bị sụp đổ và Liên Xô đi chệch hướng cải tổ, đang có nguy cơ đi đến tan rã. Công cuộc đổi mới của chúng ta đã đạt được những thành tựu bước đầu rất quan trọng, song đất nước vẫn chưa ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội. Khi Liên Xô tan rã, một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân có những biểu hiện dao động, thậm chí có người muốn đi con đường khác. Các thế lực thù địch dần tới phản công vào cách mạng xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Đại hội dựa trên cơ sở tổng kết việc thực hiện đường lối đổi mới toàn diện từ Đại hội VI và những kết luận rút ra từ cuộc sống, đã thông qua *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000*, thông qua *Điều lệ Đảng (sửa đổi)*. Đại hội VII khẳng định kiên trì con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, xác định sáu đặc trưng của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, bảy phương hướng cơ bản chỉ đạo quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội trong thời kỳ quá độ; xác định những định hướng lớn trong chính sách kinh tế, đồng thời đề ra đổi mới hệ thống chính trị, phát huy nền dân chủ xã hội chủ nghĩa.

Sau Đại hội VII, các nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị tiếp tục bổ sung, phát triển và cụ thể hoá các quan điểm, phương hướng cơ bản nêu trong Cương lĩnh, Chiến lược, như: Nghị quyết Trung ương 3 (6- 1992) về quốc

phòng, an ninh, đối ngoại; Nghị quyết Trung ương 4 (11-1992) về một số chính sách xã hội, chăm lo con người; Nghị quyết Trung ương 5 (6-1993) về phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới; Nghị quyết Trung ương 7 (7-1994) về đẩy tới một bước công nghiệp hoá, hiện đại hoá; Nghị quyết Trung ương 2 (12-1991) và Nghị quyết Trung ương 8 (1-1995) về xây dựng và hoàn thiện bộ máy Nhà nước...

Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ của Đảng (1-1994) đã kiểm điểm hai năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VII, tổng kết một bước công cuộc đổi mới, đề ra những biện pháp đẩy tới việc thực hiện công cuộc đổi mới. Đặc biệt. Hội nghị đã nêu lên bốn nguy cơ: tụt hậu xa hơn và kinh tế; khả năng đi chệch hướng xã hội chủ nghĩa; nạn tham nhũng và tệ quan liêu; âm mưu và hành động "diễn biến hoà bình" của các thế lực thù địch. Đồng thời chỉ ra những thuận lợi cơ bản: Đảng ta có đường lối đúng đắn, đoàn kết, nhất trí; nhân dân ta cần cù, thông minh; nước ta có thế và lực mới; sự phát triển của cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật thế giới. Từ đó đề ra chủ trương đưa đất nước chuyển dần sang thời kỳ phát triển mới - thời kỳ đẩy tới một bước công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Đại hội VIII của Đảng (6-1996) khẳng định nước ta đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, tiếp tục làm rõ hơn quan niệm về *chặng đường đầu tiên, chặng đường tiếp theo* trong thời kỳ quá độ, trên cơ sở đó xác định rõ mục tiêu đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước là đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp vào năm 2020. Các Hội nghị Trung ương khoá VIII tiếp tục làm rõ hơn định hướng xã hội chủ nghĩa trong việc phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần; xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân; khẳng định phát triển giáo dục - đào tạo và khoa học - công nghệ là quốc sách hàng đầu, là khâu đột phá trong quá trình thực hiện công nghiệp hoá hiện đại hoá; phát

triển văn hoá là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu vừa là động lực của phát triển kinh tế - xã hội.

Đại hội IX của Đảng (4-2001) thông qua chiến lược phát triển kinh tế - xã hội trong hai thập niên đầu thế kỷ XXI, khẳng định đường lối phát triển kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa, coi đây là mô hình kinh tế tổng quát của cả thời kỳ quá độ tiếp tục thực hiện đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, rộng mở, đa phương hoá, đa dạng hoá các quan hệ quốc tế. Các Hội nghị Trung ương của khoá IX cụ thể hoá và phát triển các quan điểm về phát triển nền kinh tế nhiều thành phần; đổi mới nâng cao hiệu quả kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể, khuyến khích phát triển mạnh kinh tế tư nhân; đẩy nhanh công nghiệp hoá nông nghiệp, hiện đại hoá nông thôn; tăng cường sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, phát huy dân chủ, đổi mới hoạt động của hệ thống chính trị; thực hiện chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới...

Như vậy, rõ ràng thời kỳ từ Đại hội VI đến nay là thời kỳ tiếp tục hình thành và từng bước phát triển đường lối đổi mới của Đảng, thời kỳ có những nhận thức mới đúng đắn hơn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Có được đường lối chính trị đúng trong hoàn cảnh phát triển bình thường đã là việc khó; ở những bước ngoặt của lịch sử trong bối cảnh đất nước và quốc tế có những diễn biến nhanh chóng, phức tạp, thì việc xác định được một đường lối chính trị đúng và bảo đảm cho đường lối đó thành hiện thực càng khó khăn hơn. Nó là kết quả của trí tuệ, tài năng, phẩm chất, khí phách. Nó trải qua một quá trình suy tư gian khổ, tìm tòi, đổi mới tư duy lý luận, tổng kết thực tiễn, có khi phải làm đi làm lại nhiều lần, thậm chí có lúc đã không tránh khỏi sai lầm và tạm thời thất bại. Thực tế Đảng ta cũng đã phạm những khuyết điểm, sai lầm. Điều quan trọng là Đảng ta không che giấu khuyết điểm, sai lầm, mà đã công khai thừa nhận, thành tâm lắng nghe ý kiến nhân dân; và một khi đã phát hiện và nhận ra sai lầm thì quyết tâm sửa chữa để phân đấu đi lên, từ đó Đảng ngày càng trưởng thành.

Sở dĩ Đảng ta nhận ra và sửa chữa được sai lầm, xác định được đường lối đổi mới đúng đắn, là do:

- Đảng tuyệt đối trung thành với lợi ích của giai cấp và dân tộc, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, không dao động về hệ tư tưởng và nguyên tắc tổ chức; đổi mới nhưng không phủ nhận truyền thống và quá khứ cách mạng, không từ bỏ nguyên tắc; biết kết hợp chặt chẽ sự kiên định về chiến lược với sự vận dụng mềm dẻo, uyển chuyển về sách lược, linh hoạt, khéo léo về phương pháp.

- Đảng nắm vững, vận dụng một cách sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, kế thừa và phát huy truyền thống dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại.

- Đảng thường xuyên bám sát thực tiễn, coi trọng nghiên cứu lý luận, kết hợp lý luận với thực tiễn. Đặc biệt chú trọng những nhân tố mới, khuyến khích và ủng hộ cái mới.

- Phát huy dân chủ, phát huy trí tuệ của toàn Đảng, toàn dân. Có thể nói thành công trong việc sửa chữa sai lầm và xác định đúng đắn đường lối đổi mới vừa qua, một nguyên nhân rất quan trọng là do Đảng ta đã giữ vững những nguyên tắc sinh hoạt Đảng, mở rộng dân chủ trong Đảng và trong xã hội, biết lắng nghe ý kiến của cán bộ, đảng viên và nhân dân, không chủ quan, thoả mãn.

Hai: Đảng đã khẳng định tư tưởng Hồ Chí Minh cùng với chủ nghĩa Mác - Lênin là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của Đảng. Ở những bước ngoặt của cách mạng, trước những diễn biến phức tạp của tình hình, Đảng kịp thời có định hướng tư tưởng chính trị đúng đắn, uốn nắn những nhận thức lệch lạc, chống những luận điệu thù địch, tạo cơ sở cho sự thống nhất tư tưởng trong toàn Đảng và trong nhân dân.

Tư tưởng Hồ Chí Minh là kết quả vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của Việt Nam, là kết tinh tinh hoa văn hoá dân tộc, kết hợp nhuần nhuyễn truyền thống văn hoá dân tộc với những tư tưởng tiến bộ của thế giới cả ở phương Đông và phương Tây. Tư tưởng Hồ Chí Minh đã trở thành tài sản tinh thần quý báu của Đảng và của cả dân tộc. Việc khẳng định tư tưởng Hồ Chí Minh thể hiện sự trưởng thành về tư duy lý luận của Đảng ta, hoàn toàn phù hợp với thực tế khách quan đáp ứng đúng nguyện vọng và sự trông đợi của toàn Đảng, toàn dân; thúc đẩy chúng ta tiếp tục bồi dưỡng tư duy sáng tạo trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội phù hợp với đặc điểm Việt Nam.

Đã có nhiều công trình nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh trên các mặt: tư tưởng giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng con người; tư tưởng gắn liền độc lập với chủ nghĩa xã hội; tư tưởng về phương pháp cách mạng, tập hợp mọi lực lượng trong khối đại đoàn kết dân tộc; nghệ thuật chỉ đạo chiến lược và sách lược; xây dựng chính quyền nhân dân; về công tác dân vận; về kinh tế về văn hoá, về quân sự; về đạo đức cách mạng và phong cách công tác... Việc công bố các công trình nghiên cứu ấy cùng với những hoạt động kỷ niệm lần thứ 100 ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, những sinh hoạt giáo dục truyền thống cách mạng, giáo dục tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh ... đã góp phần làm cho cán bộ, đảng viên và nhân dân ngày càng hiểu rõ hơn và làm theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

Mấy năm đầu của thời kỳ đổi mới, một số cán bộ, đảng viên muốn rập khuôn kinh nghiệm cải tổ, cải cách của nước ngoài, nhất là trong đổi mới chính trị đổi mới kinh tế và hoạt động báo chí, văn hoá, văn nghệ. Đã chớm nở khuynh hướng đòi "dân chủ, công khai" một cách cực đoan; khuynh hướng phủ nhận quá khứ, bôi đen hiện thực; khuynh hướng muốn chuyển nhanh nhất loạt sang cơ chế thị trường tự do, muốn tư nhân hoá hoàn toàn, "thương mại hoá" báo chí, xuất bản... Những khuynh hướng này đã được ngăn chặn, uốn nắn kịp thời. Các nghị quyết, chỉ thị

của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư đã định hướng tư tưởng trong Đảng và trong xã hội. Thực sự có cuộc đấu tranh tư tưởng sâu rộng để đổi mới và giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa.

Kinh nghiệm công tác tư tưởng trong thời gian qua cho thấy, cùng với nhiệm vụ giáo dục thường xuyên, ở mỗi bước ngoặt của cách mạng hoặc khi tình hình thực tiễn diễn biến phức tạp, Đảng kịp thời có định hướng tư tưởng. Lúc nào chậm chạp, chập chờn thì tư tưởng của bộ phận không nhỏ có những biểu hiện tiêu cực. Kết luận ba quan điểm của Bộ Chính trị về kinh tế trước Đại hội VI, Kết luận 20 của Bộ Chính trị về một số vấn đề công tác tư tưởng, các Nghị quyết Trung ương 6,7,8 (khoá VI), Kết luận của Bộ Chính trị (khoá VII), về Sự kiện Liên Xô tan vỡ, việc xử lý kịp thời một số trường hợp dao động về chính trị, các nghị quyết Trung ương và nghị quyết của Bộ Chính trị các khoá tiếp theo đều là những định hướng quan trọng cho công tác tư tưởng. Mặt khác, những thành công trong thực tiễn đổi mới là cơ sở và nguồn sức mạnh quan trọng cho công tác tư tưởng và làm tăng thêm khả năng thống nhất tư tưởng trong Đảng, trong nhân dân.

Nhìn chung, công tác tư tưởng đã góp phần đổi mới tư duy, nâng cao nhận thức về sự nghiệp đổi mới trên cơ sở kiên định con đường xã hội chủ nghĩa, tinh thần độc lập tự chủ; kịp thời cổ vũ những thành tựu của công cuộc đổi mới, những sáng kiến của quần chúng; đấu tranh chống lại những luận điệu xuyên tạc, phản động; khắc phục tâm trạng hoài nghi, bi quan, tạo thêm niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng

Ba: *Giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách. Có tiến bộ về thực hiện dân chủ trong Đảng và lãnh đạo thực hiện dân chủ trong xã hội.*

Trước tình hình một số Đảng Cộng sản và công nhân trên thế giới từ bỏ hoặc hạ thấp nguyên tắc tập trung dân chủ, trong bối cảnh chuyển đổi cơ chế ở trong nước,

nguyên tắc tập trung dân chủ bị thách thức, Đảng ta đã khẳng định phải kiên trì và thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ. Nhiều nghị quyết của Đảng nhấn mạnh rằng, giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ trong tổ chức và sinh hoạt đảng là một trong những tiêu chuẩn cơ bản của Đảng Mác - Lênin chân chính.

Trên thực tế, việc xây dựng đường lối, chủ trương, chính sách, việc chuẩn bị nghị quyết, ra nghị quyết, Đảng đã phát huy trí tuệ tập thể của cấp ủy, lắng nghe và tiếp thu ý kiến của cán bộ, đảng viên và nhân dân, tổng kết kinh nghiệm từ cơ sở, khơi dậy tiềm năng sáng tạo trong Đảng và trong nhân dân.

Đã có bước tiến mới trong việc xây dựng và thực hiện quy chế, quy trình đánh giá, bố trí, đề bạt, bầu cử, khen thưởng, kỷ luật cán bộ, bảo đảm chế độ tập thể và dân chủ khi ra quyết định về cán bộ.

Giữ vững nền nếp sinh hoạt từ Ban Chấp hành Trung ương đến các cấp ủy cơ sở. Nhìn chung, hội nghị của các cấp ủy Đảng đều được thông báo trước về những nội dung quan trọng, thảo luận dân chủ, biểu quyết theo đa số từng vấn đề hoặc toàn văn nghị quyết. Đối với những vấn đề lớn, quan trọng và có ý kiến khác nhau thường được tranh luận và biểu quyết bằng phiếu kín. Đã chú trọng hơn chế độ tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách. Bộ Chính trị, Ban Bí thư và nhiều cấp ủy đã nâng cao chất lượng tự phê bình và phê bình đối với tập thể và từng cấp ủy viên.

Trong việc lãnh đạo phát huy dân chủ trong xã hội, Đảng đặc biệt chú trọng đổi mới việc lãnh đạo bầu cử và phát huy dân chủ trong sinh hoạt. Quốc hội, Hội đồng nhân dân, các đoàn thể chính trị - xã hội và hoạt động của chính quyền các cấp; xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở theo tinh thần "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra". Trên cơ sở *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, chúng ta đã sửa đổi Hiến pháp, sửa đổi và ban hành mới nhiều văn bản pháp luật quan trọng, trong đó có những luật về đổi mới tổ chức bộ máy nhà nước, Luật Dân sự, Luật Đất đai, Luật Lao động, Luật Doanh nghiệp

nhà nước Luật Đầu tư trong nước...; tiến hành cải cách một bước nền hành chính quốc gia, tiếp tục xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Hoạt động của cơ quan nhà nước các cấp có những đổi mới và tiến bộ theo hướng phát huy dân chủ, tăng cường kỷ cương và nâng cao hiệu lực. Mặt trận, các đoàn thể nhân dân, hội quần chúng và tổ chức xã hội từng bước đổi mới nội dung và phương thức hoạt động, đạt hiệu quả thiết thực hơn. Quyền làm chủ của nhân dân trên các lĩnh vực kinh tế chính trị, tư tưởng, văn hoá được phát huy. Đồng bào các dân tộc, các tầng lớp nhân dân cả nước ta ngày càng đoàn kết, gắn bó trong sự nghiệp chung: dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ văn minh. Đồng bào ta ở nước ngoài ngày càng hướng về quê hương vì mục tiêu ấy.

Ngày nay, tuy còn nhiều việc chưa hài lòng, nhưng mỗi người dân đều cảm nhận được quyền tự do dân chủ thực tế của mình. Mọi người đều được tự do kinh doanh theo pháp luật, tự do sinh hoạt hội họp, có quyền bầu cử, ứng cử, đề cử, tham gia đóng góp ý kiến xây dựng các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Các phương tiện thông tin đại chúng, các hoạt động văn hoá văn nghệ có điều kiện phát triển, thông tin đa dạng, nhiều chiều, phát huy sáng tạo, công khai phê bình, đấu tranh với những hiện tượng tiêu cực xã hội. Ở nhiều cơ quan Đảng và Nhà nước đã thành nếp tiến hành việc điều tra xã hội học, thu thập, lắng nghe ý kiến của các tầng lớp nhân dân, tổ chức để nhân dân tham gia vào các công việc chung của đất nước.

Kinh nghiệm của những năm qua cho thấy: Muốn thực hiện tốt dân chủ phải có nhiều hình thức sinh động, thiết thực, phù hợp với trình độ và truyền thống của Đảng, của dân tộc. Và điều rất quan trọng là phải nâng cao trình độ giác ngộ về ý thức chính trị của đảng viên, ý thức chấp hành luật pháp của công dân, từng bước bổ sung, hoàn thiện luật pháp, hoàn thiện các quy định, cơ chế bảo đảm quyền dân chủ của đảng viên và công dân; đấu tranh với những khuynh hướng cực đoan, lợi

dụng dân chủ để truyền bá những quan điểm sai trái, những hành động gây chia rẽ bè phái, tự do, vô kỷ luật; đồng thời chống tệ quan liêu và các biểu hiện dân chủ hình thức.

Bốn: Đổi mới một bước tổ chức và cán bộ, nâng cao trình độ và sức chiến đấu của đội ngũ đảng viên; ngăn chặn được sự sa sút, yếu kém của nhiều tổ chức cơ sở đảng; bước đầu cải tiến phương thức lãnh đạo và phong cách công tác.

Với việc thực hiện các nghị quyết của Trung ương, của Bộ Chính trị, nhiều cấp uỷ đã có chủ trương và biện pháp tích cực đổi mới, chỉnh đốn Đảng, gắn với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, kiện toàn hệ thống chính trị. Đã chú trọng xây dựng hệ thống tổ chức của Đảng và các tổ chức trong hệ thống chính trị từ Trung ương đến cơ sở phù hợp với tình hình và yêu cầu của công cuộc đổi mới.

Cùng với việc tiến hành có nền nếp các Đại hội và Hội nghị Đảng theo định kỳ, đã chăm lo củng cố, kiện toàn các cấp uỷ Đảng từ trung ương đến các địa phương và cơ sở. Sắp xếp lại tổ chức các ban và cơ quan sự nghiệp của Đảng ở Trung ương và tỉnh, huyện gọn hơn. Đã quy định rõ hơn chức năng, nhiệm vụ các Ban; sắp xếp, bổ sung cán bộ, xây dựng chương trình công tác và quy chế làm việc.

Đã lãnh đạo đổi mới nội dung, tổ chức và phương thức hoạt động của các cơ quan nhà nước, xây dựng Nhà nước pháp quyền của dân, do dân và vì dân. Bước đầu chuyển đổi mô hình tổ chức và cơ chế quản lý cũ sang mô hình tổ chức quản lý mới. Đã sắp xếp lại tổ chức một số Bộ và cơ quan ngang Bộ theo hướng tinh gọn hơn, bớt đầu mối trung gian. Tiến hành cải cách một bước nền hành chính quốc gia, xây dựng các cơ quan Chính phủ thực hiện chức năng quản lý nhà nước; giảm bớt quản lý trực tiếp các đơn vị sản xuất kinh doanh. Cải tiến cơ cấu tổ chức, giới thiệu nhiều cán bộ có kiến thức và kinh nghiệm tham gia các cơ quan dân cử, nâng cao hơn vai trò của Quốc hội và các cơ quan tư pháp, tăng cường quản lý nhà nước và xã hội bằng pháp luật. Thu gọn đầu mối cơ quan nhà nước các cấp.

Từ năm 1992, thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (khoá VII), đã lập Ban cán sự đảng Chính phủ, lập lại các Ban cán sự đảng trong các bộ, ngành của chính quyền và một số tổng công ty lớn, củng cố các đảng đoàn ở các cơ quan dân cử và đoàn thể, bảo đảm nguyên tắc Đảng lãnh đạo bằng tổ chức. Sau khi được thành lập và củng cố, nhiều đảng đoàn ban cán sự đảng bước đầu có những hoạt động tốt, nhất là về công tác cán bộ

Cùng với việc sắp xếp lại tổ chức bộ máy, chúng ta đã thay đổi, bố trí lại hàng loạt cán bộ để đáp ứng yêu cầu của cơ chế quản lý mới trong điều kiện kinh tế thị trường. Bên cạnh những cán bộ lâu năm, vững vàng về chính trị, đã chú ý đào tạo và sử dụng cán bộ trẻ, năng động, tháo vát, dám nghĩ, dám làm, có kiến thức khoa học, kinh tế, luật pháp, có đầu óc kinh doanh...

Việc đánh giá và sử dụng cán bộ không chỉ nặng về lý lịch thành phần, bằng cấp, quá trình... như trước, mà đã chú ý kết hợp các mặt, lấy hiệu quả công việc làm căn cứ chủ yếu. Một số nguyên tắc được khẳng định lại, một số quy chế và quy trình được ban hành và thực hiện theo hướng dân chủ hơn. Trong việc bố trí cán bộ, đã chú ý kết hợp giữa các độ tuổi các loại các lớp cán bộ, không trẻ hoá hình thức. Nói chung, trong những năm đổi mới, chúng ta chú ý hơn đến tiêu chuẩn để lựa chọn, đào tạo và bố trí cán bộ lãnh đạo chủ chốt ở các cấp, các ngành, các cơ quan đảng, nhà nước và đoàn thể, bảo đảm được yêu cầu của nhiệm vụ chính trị. Những thành tựu đạt được trong công cuộc đổi mới chứng tỏ chúng ta có một đội ngũ cán bộ tốt, có bản lĩnh, trưởng thành nhanh, vững vàng trước những diễn biến phức tạp của tình hình, bước đầu đáp ứng được những đòi hỏi của giai đoạn cách mạng mới. Kiến thức, trình độ và năng lực quản lý kinh tế, quản lý xã hội có bước tiến bộ. Số cán bộ lãnh đạo và quản lý các cấp có trình độ đại học và trên đại học ngày càng tăng, thích ứng nhanh với cơ chế thị trường. Trong điều kiện đời sống khó khăn và

có nhiều tác động tiêu cực của xã hội, số đông vẫn giữ được lối sống lành mạnh, quan tâm, chăm lo đến sự nghiệp chung.

Đối với các tổ chức cơ sở đảng, qua đổi mới và chỉnh đốn, hước đầu tạo ra được những chuyển biến tích cực. Đáng chú ý là đã nâng thêm được năng lực lãnh đạo của cấp uỷ Đảng, tạo được sự thống nhất cao hơn về tư tưởng chính trị, khắc phục được tình trạng lỏng lẻo trong sinh hoạt Đảng. Nhiều tổ chức cơ sở đảng đã lãnh đạo có hiệu quả các nhiệm vụ chính trị ở cơ sở, nhất là nhiệm vụ phát triển kinh tế, cải thiện đời sống nhân dân, xoá đói giảm nghèo, chăm sóc các gia đình có công với nước. Nâng cao tinh thần trách nhiệm của cán bộ đảng viên trong các cơ quan, đơn vị.

Trong công tác đảng viên, Đảng ta đã chú trọng cả ba mặt: giáo dục, bồi dưỡng, chỉnh đốn và phát triển đội ngũ đảng viên. Cấp uỷ và tổ chức đảng các cấp đã chú trọng việc kiểm tra, phân tích tình hình đảng viên để có hướng bồi dưỡng nâng cao chất lượng; tiến hành phân công công tác giao nhiệm vụ cụ thể cho đảng viên theo địa bàn dân cư, phụ trách các hộ gia đình, theo đơn vị sản xuất kinh doanh, theo các nhóm chuyên đề, phụ trách các đoàn thể và các hội quần chúng... Tỷ lệ đảng viên được phân công công tác ở nhiều nơi tăng hơn trước. Nhiều đảng viên tuổi cao, sức yếu đã được miễn công tác và sinh hoạt trên cơ sở tự nguyện.

Công tác phát triển đảng viên đã được quan tâm và có chuyển biến mới, đặc biệt từ khi thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (khoá VII) số đảng viên mới kết nạp liên tục tăng; khắc phục được tình trạng giảm sút số lượng đảng viên mới kết nạp liên tục trong bốn năm 1988 -1991. Đã thu hẹp hơn diện các thôn, xóm, ấp, bản lâu nay chưa có đảng viên. Nhiều nơi đã làm tốt hơn việc tổ chức và hướng dẫn đảng viên nâng cao trình độ về mọi mặt như mở các lớp bổ túc văn hoá, bồi dưỡng lý luận chính trị, quản lý kinh tế, chuyên môn nghiệp vụ và ngoại ngữ. Ý thức tự vươn lên trong học tập và tu dưỡng của đảng viên ở một số nơi, nhất là trong số đảng viên

trẻ có chuyển biến rõ hơn. Bản tin thời sự và báo đảng đã được phát hành nhiều hơn tới các tổ chức cơ sở và chi bộ Đảng.

Khi đất nước bước vào thời kỳ chuyển đổi cơ chế cũ sang cơ chế mới, cùng với sự đổi mới toàn diện và sâu sắc về kinh tế xã hội và quá trình phát triển nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, Đảng đứng trước yêu cầu phát đổi mới hơn nữa nội dung và phương thức lãnh đạo, từng bước xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Nhà nước của dân, do dân và vì dân. Tại Hội nghị Trung ương 6 (khoá VI) năm 1989, Đảng ta đã đề ra những quan điểm đổi mới phương thức hoạt động của hệ thống chính trị phù hợp với điều kiện mới. Đã bước đầu hình thành một số quan điểm cơ bản định hướng cho quá trình đổi mới nội dung và phương thức lãnh đạo của Đảng trong điều kiện Đảng cầm quyền. Đại hội VII đã khẳng định những quan điểm đó và đưa vào cương lĩnh, Điều lệ Đảng. Các Đại hội và Hội nghị Trung ương Đảng sau này tiếp tục cụ thể hoá thêm các quan điểm chỉ đạo đó.

Thực tiễn ngày càng cho thấy rõ nội dung và phương thức Đảng lãnh đạo Nhà nước và đoàn thể nhân dân, lãnh đạo các lĩnh vực của đời sống xã hội, bảo đảm sự lãnh đạo thống nhất, có hiệu quả; bớt dần tình trạng ôm đồm, bao biện hoặc buông lỏng; phát huy vai trò chủ động của cơ quan nhà nước trong quản lý điều hành; phát huy tính chủ động sáng tạo của các đoàn thể và tính tích cực của nhân dân. Các tổ chức đảng đã từng bước nâng cao chất lượng các quyết định, đổi mới quy trình ra quyết định, cải tiến lề lối làm việc, phát huy dân chủ, tập thể, đề cao trách nhiệm cá nhân, khôi phục và củng cố các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng, tập trung sức lực trí tuệ vào vấn đề xây dựng kinh tế, củng cố và tăng cường ổn định chính trị, đổi mới, chỉnh đốn Đảng và củng cố nâng cao hiệu lực quản lý của Nhà nước.

Bên cạnh những thành tựu và kết quả nêu trên, công tác xây dựng Đảng cũng còn *không ít thiếu sót và khuyết điểm*. Hiện nay đang nổi lên một số vấn đề sau đây:

1. Trong điều kiện kinh tế thị trường, mở cửa giao lưu với các nước, trước những tác động tiêu cực của mặt trái cơ chế thị trường, trước sự tiến công của các thế lực thù địch, *một bộ phận cán bộ, đảng viên có biểu hiện suy thoái về phẩm chất chính trị, đạo đức và lối sống*. Đó là những biểu hiện dao động, mất niềm tin vào chủ nghĩa xã hội và sự lãnh đạo của Đảng, phai nhạt lý tưởng, giảm sút ý chí phấn đấu, kém tính đảng, chạy theo lối sống cơ hội, thực dụng, làm giàu bất chính, lợi dụng chức quyền và những sơ hở trong cơ chế chính sách để ăn cắp của công, thu vén cá nhân, ăn chơi hưởng lạc. Một số vụ tham nhũng, buôn lậu phát triển thành những “đường dây” có tổ chức. Sự phân hoá giàu nghèo diễn ra ngay trong đội ngũ cán bộ, đảng viên; số giàu không bình thường đang tăng lên, ở không ít nơi lợi ích cá nhân lấn át lợi ích tập thể, lợi ích cục bộ lấn át lợi ích toàn cục. Có không ít người giàu lên rất nhanh, đang bị dư luận đặt vấn đề nghi vấn, hoặc lên án.

Trong khi đó, Đảng thiếu sự chuẩn bị cho bước chuyển biến mới, không chú ý đúng mức vấn đề giáo dục, rèn luyện phẩm chất đạo đức. Nhiều tổ chức đảng buông lỏng công tác giáo dục, rèn luyện, quản lý cán bộ, đảng viên; có phần nhấn mạnh một chiều vấn đề lợi ích vật chất, xem nhẹ việc giáo dục lý tưởng, tinh thần hy sinh. Bản thân người cán bộ, đảng viên không chú ý rèn luyện; trong bối cảnh môi trường xã hội mới, một bộ phận sống buông thả, chạy theo lợi ích vật chất, lao vào làm giàu, kể cả làm giàu phi pháp, hưởng lạc, không rèn luyện, giữ gìn phẩm chất đạo đức. Một số bộc lộ rất lộ liễu tham vọng cá nhân, kèn cựa địa vị, cục bộ địa phương, gia trưởng, độc đoán, ý thức tổ chức kỷ luật kém, phát ngôn tùy tiện, bất chấp các nguyên tắc tổ chức sinh hoạt Đảng. Cá biệt có những người do bất

mãn mà đi đến phản bội lại lý tưởng của Đảng và lợi ích của nhân dân. Số thoái hoá về chính trị rất ít nhưng hoạt động của họ gây hậu quả xấu.

Chính những biểu hiện tiêu cực trên đây đang làm xói mòn thanh danh, uy tín của Đảng. Đông đảo cán bộ, đảng viên và nhân dân lo lắng trước tình hình này. Vấn đề bản chất của Đảng đang đứng trước những thách thức mới rất gay gắt.

2. Trình độ kiến thức, năng lực lãnh đạo của Đảng có mặt chưa theo kịp yêu cầu của sự nghiệp đổi mới. Đội ngũ cán bộ lãnh đạo và quản lý các cấp nhìn chung còn thiếu nhiều kiến thức, nhất là kiến thức về quản lý kinh tế, quản lý nhà nước; phần lớn là vừa làm vừa học. Đội ngũ cán bộ chủ chốt vùng sâu, vùng xa, trình độ học vấn còn thấp. Chuyển sang kinh tế thị trường và mở cửa nhưng thiếu cán bộ có kiến thức quản lý kinh doanh giỏi, cán bộ thông thạo về kinh tế đối ngoại, cán bộ có kiến thức luật pháp, thiếu các chuyên gia đầu ngành, nhất là về khoa học, lý luận.

Hiện nay, còn nhiều vấn đề lý luận và thực tiễn chưa được làm sáng tỏ, nhất là các vấn đề kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; các mô hình cụ thể kinh tế nhà nước, kinh tế hợp tác, kinh tế tư nhân; xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, phương thức lãnh đạo của Đảng; mô hình tổ chức các cơ quan hành chính, các tổ chức quản lý kinh tế; đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của các đoàn thể. ..

3. Tổ chức cơ sở đảng ở nhiều nơi yếu kém, thậm chí có nơi rệu rã, tê liệt; phương thức lãnh đạo và sinh hoạt lúng túng, có tình trạng vừa kém dân chủ, vừa thiếu kỷ luật, kỷ cương. Một số cán bộ và cấp uỷ chưa tôn trọng và thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ, gia trưởng, độc đoán; không ít nơi nội bộ mất đoàn kết nghiêm trọng. Tổ chức bộ máy của các cơ quan Đảng, Nhà nước và các đoàn thể vẫn còn công kênh, nhiều khâu trung gian, trùng lặp công việc, chất lượng và hiệu quả hoạt động còn thấp.

Việc xây dựng các chi bộ đảng và xây dựng các đoàn thể trong các doanh nghiệp tư nhân và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tuy bước đầu đã có cố gắng nhưng còn rất chậm so với yêu cầu phát triển nhanh ở khu vực kinh tế này. Công tác phát triển Đảng vẫn chưa đáp ứng yêu cầu. Lực lượng trẻ (dưới 30 tuổi) trong Đảng còn mỏng. Số đảng viên là cán bộ, công nhân, viên chức nghỉ hưu ngày một tăng. Độ tuổi bình quân của đảng viên ngày càng cao. Trong khi đó, công tác giáo dục, bồi dưỡng, tạo nguồn phát triển đảng viên chưa tốt.

Về công tác cán bộ, tồn tại lớn là chưa triển khai thực hiện tốt chiến lược xây dựng đội ngũ cán bộ phục vụ cho nhiệm vụ cách mạng thời kỳ mới. Nhiều việc hầu như làm theo nếp cũ, kể cả quan điểm, chính sách, phương thức, quy trình. Thiếu dự báo để chuẩn bị đội ngũ cán bộ đón đầu cho thời kỳ mới, mà thường sa vào những công việc cụ thể mang tính đối phó, chấp vá; tình trạng hẫng hụt cán bộ là do thiếu chuẩn bị và cũng có phần do quan điểm và phương pháp đánh giá lựa chọn chưa phù hợp. Trách nhiệm lựa chọn và bố trí không rõ.

4. Công tác kiểm tra chưa được chú trọng đúng mức và vẫn là một khâu yếu, nhất là việc kiểm tra chấp hành đường lối nghị quyết của Đảng, kiểm tra việc thực hiện Điều lệ Đảng. Mặt yếu của công tác kiểm tra là chưa thường xuyên bám sát và phục vụ tốt việc thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước cũng như việc chống tiêu cực, chống tham nhũng, buôn lậu, lãng phí và quan liêu. Không ít cấp uỷ tiến hành việc kiểm tra chủ yếu là qua nghe báo cáo nên nắm tình hình không chắc, ít phát hiện được sai lầm, khuyết điểm. Nhiều cấp uỷ cũng mới chú trọng kiểm tra việc thực hiện của cấp dưới, ít tự kiểm tra cấp mình, và thiếu các biện pháp chủ động ngăn chặn tệ quan liêu, tham nhũng... Việc thi hành kỷ luật chưa nghiêm. Vẫn còn tình trạng thiếu công minh, "nhẹ trên, nặng dưới", thiếu thống nhất, không kịp thời, nhất là đối với cán bộ cao cấp. Số người vi phạm còn nhiều, có những trường hợp vi phạm nghiêm trọng chưa bị xử lý, xử lý

chưa đúng mức hoặc không xử lý được. Mặt khác, cũng có những trường hợp xử
khất khe, quá mức.

* *

*

Từ tất cả những thành tựu và khuyết điểm của công tác xây dựng Đảng cũng như
của toàn bộ công cuộc đổi mới trong thời gian qua, có thể rút ra kết luận:

*Thắng lợi của công cuộc đổi mới tùy thuộc vào bản lĩnh, trình độ và năng lực lãnh
đạo của Đảng. Phải giữ vững, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, đồng thời
thường xuyên chăm lo công tác xây dựng Đảng.* Thực tế cho thấy, sự lãnh đạo
đúng đắn và sáng tạo của Đảng là nhân tố hàng đầu mang lại những thành tựu của
công cuộc đổi mới. Với bản lĩnh chính trị vững vàng, tính kiên định cách mạng,
tinh thần độc lập, tự chủ, sáng tạo, Đảng đã tiếp tục giữ vững và phát huy truyền
thống vẻ vang, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, nắm bắt và
tổng kết được những hoạt động thực tiễn sáng tạo của quần chúng, kịp thời đề ra
chủ trương đổi mới đúng đắn, khơi dậy và phát huy được tiềm năng to lớn của
nhân dân.

Sở dĩ phải kiên định sự lãnh đạo của Đảng, coi đây là vấn đề nguyên tắc, bởi vì sự
lãnh đạo của Đảng là nhân tố bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế
thị trường và mọi hoạt động xã hội. Không có sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản thì
không thể có chủ nghĩa xã hội. Lúc bình thường vai trò lãnh đạo của Đảng rất quan
trọng, ở những bước chuyển giai đoạn thì vai trò lãnh đạo của Đảng càng đặc biệt
tăng lên. Điều đó cắt nghĩa vì sao suốt mấy chục năm qua, nhất là mấy năm gần
đây, các thế lực chống cộng không ngừng tiến công vào Đảng Cộng sản, cố vũ cho
con đường phát triển "kinh tế thị trường tự do", "tư nhân hoá", "đa nguyên, đa

đảng", tìm một cách để xoá bỏ chủ nghĩa xã hội và thủ tiêu vai trò lãnh đạo của Đảng.

Trong giai đoạn hiện nay, trước những yêu cầu nhiệm vụ mới rất phức tạp, trước những đòn tiến công phá hoại của các thế lực thù địch, chúng ta càng không thể chập chờn, dao động về vấn đề này. Trái lại, phải hết sức kiên định, đấu tranh uốn nắn những nhận thức lệch lạc, bác bỏ những luận điệu sai trái, giữ vững và không ngừng nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng.

Đương nhiên, để có đủ khả năng và điều kiện lãnh đạo cách mạng đúng đắn và có hiệu quả, Đảng phải thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức mạnh của Đảng về mọi mặt. *Thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn cũng là một quy luật tồn tại và phát triển của Đảng.* Chỉ có chăm lo đầy đủ công tác xây dựng Đảng, thường xuyên đổi mới và chỉnh đốn, Đảng mới nâng cao được sức chiến đấu của mình, bảo đảm sự thành công của công cuộc đổi mới và con đường đi lên đúng đắn của dân tộc.

Trong quá trình đổi mới và chỉnh đốn, Đảng phải giữ vững định hướng và không xa rời nguyên tắc; kiên định và phát triển sáng tạo những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng, chống các khuynh hướng: bảo thủ, cơ hội, cực đoan. Đổi mới nhưng không phủ nhận thành tựu của quá khứ; không dao động trên những vấn đề nguyên tắc, không lẫn lộn những vấn đề chiến lược với sách lược; kiên định những vấn đề có tính nguyên tắc nhưng đổi mới sáng tạo, phù hợp với thực tế Việt Nam.

Đổi mới và chỉnh đốn Đảng là nhằm xây dựng và bảo vệ Đảng, bảo đảm thực hiện có kết quả những nhiệm vụ chính trị, trong đó trọng tâm là phát triển kinh tế - xã hội, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, giữ vững ổn định chính trị, phấn đấu vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, xây dựng và bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Vì vậy, nó phải gắn với đổi mới các lĩnh vực của đời sống

kinh tế xã hội, trước hết là với quá trình thực hiện và hoàn thiện các chính sách và cơ chế quản lý, với kiện toàn hệ thống chính trị, với phong trào hành động cách mạng của quần chúng, khơi dậy và phát huy trí sáng tạo của nhân dân.

* Bài đăng trong sách *Có một Việt Nam như thế - đổi mới và phát triển*, Nxb, Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1997.

XÂY DỰNG ĐẢNG CÀM QUYỀN: TỪ THỰC TIỄN ĐỔI MỚI Ở VIỆT NAM*

Xây dựng đảng cầm quyền là một vấn đề rất rộng lớn, có ý nghĩa lý luận và thực tiễn quan trọng, nhưng cũng rất khó và phức tạp. Ở Việt Nam, trong những năm qua, đã có khá nhiều công trình nghiên cứu về vấn đề này và cũng đã đạt được những kết quả nhất định, nhưng cho đến nay, vẫn còn không ít nội dung cần tiếp tục đi sâu nghiên cứu, làm sáng tỏ. Chẳng hạn như: Thế nào là đảng cầm quyền? Đảng có phải là cơ quan quyền lực không? Đảng và Nhà nước có phải là hai hệ thống quyền lực song song không? Đảng cầm quyền trong điều kiện một đảng khác với trong điều kiện đa đảng ở chỗ nào? Đảng cầm quyền ở các nước xã hội chủ nghĩa khác ở các nước tư bản chủ nghĩa ra sao? Làm thế nào để xây dựng Đảng ngày càng trong sạch, vững mạnh, tránh được các nguy cơ của một đảng cầm quyền, nhất là trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường, mở cửa, hội nhập kinh tế quốc tế?... Đại hội IX Đảng Cộng sản Việt Nam đã nhận định: trong những năm

qua, bên cạnh những ưu điểm và thành tựu, công tác xây dựng Đảng, cả về lý luận và thực tiễn, cũng còn có những yếu kém, bất cập, trong đó có việc "chưa đi sâu làm rõ đặc điểm và yêu cầu về sự lãnh đạo của Đảng trong điều kiện *Đảng cầm quyền*"...

Trong tình hình như vậy, việc nghiên cứu vấn đề này có ý nghĩa rất lớn. Dưới đây, tôi xin trình bày một số ý kiến về thực tiễn xây dựng Đảng cầm quyền ở Việt Nam, chủ yếu trong những năm đổi mới gần đây.

1. Chúng ta đều đã biết, đảng là một tổ chức chính trị của những người tự nguyện cùng chung một chí hướng đấu tranh cho lợi ích của một giai cấp hoặc tầng lớp nhất định. Các thuật ngữ "*đảng cầm quyền*", "*đảng chấp chính*", "*đảng nắm chính quyền*" đã được dùng từ lâu ở các nước phương Tây để chỉ rõ vai trò, vị thế và trách nhiệm của một đảng khi đã có chính quyền; phân biệt đảng nắm chính quyền với những đảng không nắm chính quyền, chưa giành được chính quyền hoặc ở vị thế đối lập. Trong xã hội có nhiều giai cấp và tầng lớp, có thể có một đảng hoặc nhiều đảng, trong đó có đảng cầm quyền, có đảng không cầm quyền. Tùy theo điều kiện và tương quan lực lượng cụ thể ở mỗi nước mỗi lúc mà có thể do một đảng hoặc một số đảng liên minh với nhau cầm quyền. *Đảng cầm quyền có nghĩa là đảng lãnh đạo chính quyền, chi phối chính quyền, làm cho mọi hoạt động của chính quyền thể hiện và thực hiện tư tưởng, đường lối của đảng đó, phù hợp với lập trường và phục vụ cho lợi ích của giai cấp, tầng lớp mà đảng đó đại diện.*

Ở các nước xã hội chủ nghĩa trước đây, vấn đề đảng cầm quyền cũng được đặt ra khá sớm. Ngay từ trước Cách mạng Tháng Mười Nga (năm 1917), V.I. Lênin đã nói rằng Đảng Bôn-sê-vích Nga "bất cứ lúc nào cũng sẵn sàng đứng ra nắm toàn bộ chính quyền". Sau Cách mạng Tháng Mười Nga, Đảng Bôn-sê-vích Nga và tiếp sau đó là Đảng Cộng sản Liên Xô trở thành đảng cầm quyền và đã có những đóng góp hết sức to lớn cho sự nghiệp cách mạng của nhân dân Liên Xô và nhân dân thế

giới. Ngày 27-3-1922, trong Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản (b) Nga, V.I. Lênin lần đầu tiên đưa ra khái niệm "*Đảng Cộng sản cầm quyền*" và nhận định ở nước Nga chỉ có "một đảng cầm quyền". Từ đó về sau, trong rất nhiều tài liệu văn kiện của Đảng Cộng sản Liên Xô đều dùng thuật ngữ "*đảng cầm quyền*".

Tuy nhiên, có một thời gian khá dài, ở Liên Xô và nhiều nước xã hội chủ nghĩa khác, do chưa có sự sáng tỏ về lý luận và thực tiễn, còn những cách hiểu không đúng về "đảng cầm quyền", cho nên có những việc làm không phù hợp, nhất là trong quan hệ giữa sự lãnh đạo của Đảng và vai trò quản lý của Nhà nước. Bên cạnh những hiện tượng buông lỏng sự lãnh đạo của Đảng, có thể nói tình trạng phổ biến là Đảng làm thay công việc của chính quyền, bận rộn quá nhiều vào các công việc của Nhà nước và các tổ chức kinh tế, gần như Đảng cũng là cơ quan quyền lực nhà nước, đứng trên Nhà nước.

Phát hiện ra khuyết điểm này, vào những năm 80 của thế kỷ XX, Đảng Cộng sản Liên Xô chủ trương phải tiến hành cải tổ đổi mới phương thức lãnh đạo, chống hành chính hoá công việc của Đảng, khắc phục tình trạng bao biện, làm thay Nhà nước. Đó là chủ trương đúng. Nhưng trong quá trình thực hiện, một số người lãnh đạo chủ chốt của Đảng lúc đó dần dần xa rời nguyên tắc và chủ định lúc ban đầu, trượt dài trên con đường sai lầm mới. Đưa ra những khẩu hiệu có tính chất mỉa dân: "Trả lại chính quyền cho nhân dân", "Tất cả chính quyền về tay Xôviết", xóa điều 6 trong Hiến pháp Liên Xô (là điều khẳng định sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Liên Xô đối với toàn xã hội), họ từng bước hạ thấp, buông lỏng, rồi phủ định luôn vai trò lãnh đạo của Đảng. Với khẩu hiệu "phi đảng hoá", "phi chính trị hoá" trong quân đội, công an, KGB, họ còn vô hiệu hoá sự lãnh đạo của Đảng trong lực lượng chuyên chính này. Trong khi đó họ khuyến khích lập các đảng phái, tổ chức đối

lập, tưởng làm như thế là dân chủ, rốt cuộc để tuột sự lãnh đạo, thủ tiêu vai trò cầm quyền của Đảng (đương nhiên đây không phải là nguyên nhân duy nhất).

2. Ở Việt Nam, từ sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đến nay, Đảng Cộng sản Việt Nam là đảng cầm quyền. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhiều lần khẳng định: "*Đảng ta là đảng cầm quyền*". Điều đó không phải tự nhiên mà có; đây là thành quả của bao nhiêu năm đấu tranh cách mạng của toàn Đảng, toàn dân Việt Nam. Được thành lập năm 1930, phải 15 năm sau, trải qua biết bao hy sinh, thử thách, hàng loạt cán bộ, đảng viên, nhân dân, trong đó có rất nhiều lãnh tụ xuất sắc của Đảng hy sinh, Đảng Cộng sản Việt Nam mới giành được chính quyền. Rồi tiếp sau đó, ròng rã suốt 30 năm kháng chiến gian khổ và anh dũng, Việt Nam mới giải phóng được toàn bộ đất nước và Đảng Cộng sản Việt Nam trở thành Đảng cầm quyền trong cả nước thống nhất, đưa đất nước đi lên chủ nghĩa xã hội. Những thành quả mà nhân dân đạt được dưới sự lãnh đạo của Đảng khiến cho nhân dân thấy rõ rằng, ở Việt Nam chỉ có Đảng Cộng sản Việt Nam mới có khả năng lãnh đạo nhân dân xây dựng cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc; lợi ích của nhân dân gắn liền với sự nghiệp của Đảng; mục đích lý tưởng của Đảng cũng là ước mơ, nguyện vọng của nhân dân. Ngày nay, với tư cách là Đảng cầm quyền, Đảng Cộng sản Việt Nam nhận rõ trách nhiệm của mình trước đất nước và dân tộc để vạch ra đường lối xây dựng phát triển đất nước, trên cơ sở đó phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn hệ thống chính trị, của cả xã hội, tổ chức thực hiện thắng lợi đường lối đó, đồng thời xác định đúng nội dung và phương thức hoạt động của Đảng, phát huy mặt thuận lợi, hạn chế mặt khó khăn, ngăn ngừa và khắc phục những nguy cơ của một đảng cầm quyền.

Khi nói tới đảng cầm quyền là nói đảng đó lãnh đạo toàn bộ xã hội, sử dụng bộ máy nhà nước quy tụ và phát huy sức mạnh của toàn thể nhân dân để làm cho quan điểm của Đảng giữ vai trò chủ đạo đối với sự phát triển xã hội, mục tiêu, đường lối

của Đảng được thực hiện trong toàn xã hội. Đảng cầm quyền có nghĩa là Đảng phải chịu trách nhiệm trước nhân dân, trước dân tộc. Như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói, Đảng chẳng những phải lo những việc lớn như biến đổi nền kinh tế và văn hoá, mà còn lo đến cả những việc nhỏ như "trương cà, mắm muối" là những thứ cần thiết cho đời sống thường ngày của nhân dân. Khi đã trở thành đảng cầm quyền, Đảng càng có điều kiện đại biểu cho lợi ích của giai cấp mình là giai cấp công nhân, đồng thời đại biểu cho lợi ích của toàn thể nhân dân lao động, trở thành đội tiên phong chính trị của cả dân tộc. Điều quan trọng quyết định là Đảng phải luôn luôn giữ được bản chất cách mạng và khoa học của mình, không biến chất và có phương thức lãnh đạo đúng.

Trong công cuộc đổi mới đất nước, sự lãnh đạo và vai trò cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam càng được thử thách và khẳng định. Trong hoàn cảnh đất nước có muôn vàn khó khăn, thế giới có những diễn biến hết sức phức tạp, Đảng đã kiên định mục tiêu cách mạng, giữ vững tinh thần độc lập tự chủ sáng tạo, lãnh đạo toàn dân tiến hành công cuộc đổi mới bước đầu thu được kết quả: kinh tế không ngừng phát triển, chính trị xã hội ổn định, đối ngoại được mở rộng, đời sống nhân dân được cải thiện rõ rệt. Đó là những thành tựu to lớn và có ý nghĩa rất quan trọng. Sự lãnh đạo của Đảng là một nhân tố quyết định tạo ra những thành tựu của công cuộc đổi mới; mặt khác, chính trong quá trình đổi mới mà Đảng ngày càng trưởng thành, nhận rõ hơn những yếu kém, khuyết điểm để có biện pháp khắc phục và tiếp tục tiến lên.

3. Từ thực tiễn đổi mới của Việt Nam trong gần 20 năm qua, có thể rút ra một kết luận quan trọng là:

Trong quá trình tiến hành công cuộc đổi mới, phải luôn luôn kiên định vai trò lãnh đạo, vị thế cầm quyền của Đảng; đồng thời làm tốt công tác xây dựng Đảng, thường xuyên đổi mới, chỉnh đốn Đảng. Đây là vấn đề có tính nguyên tắc, là nhân

tổ bảo đảm cho công cuộc đổi mới thành công, đất nước phát triển theo đúng định hướng xã hội chủ nghĩa. Càng đi vào đổi mới, đi vào kinh tế thị trường, mở cửa, càng phải giữ vững, tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng, nắm chắc vai trò cầm quyền của Đảng. Tuyệt đối không mơ hồ, dao động về vấn đề này. Đại hội VI của Đảng (12-1986) khẳng định: "Phải xây dựng Đảng ngang tầm với nhiệm vụ chính trị của một đảng cầm quyền lãnh đạo nhân dân tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa". Ngay sau Đại hội VI, với phương hướng "đổi mới tư duy, đổi mới tổ chức, đổi mới cán bộ, đổi mới phong cách lãnh đạo và công tác", các cấp uỷ và tổ chức đảng đã triển khai thực hiện sâu rộng nhiệm vụ xây dựng Đảng. Tính ra, từ năm 1987 đến nay, Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị các khoá đã ban hành 15 nghị quyết chuyên đề quan trọng về xây dựng Đảng, và đã chỉ đạo khá tập trung công tác này. Thực hiện Nghị quyết Đại hội VII từ năm 1992 đến năm 1996 Bộ Chính trị đã chỉ đạo tiến hành tổng kết công tác xây dựng Đảng giai đoạn 1975 - 1995 trên các lĩnh vực chính trị, tư tưởng, tổ chức, cán bộ và phương thức lãnh đạo của Đảng, phục vụ thiết thực cho việc chỉ đạo công tác xây dựng Đảng. Mới đây, Hội nghị Trung ương 9 (khoá IX) trên cơ sở kiểm điểm nửa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội IX và căn cứ vào yêu cầu thực tiễn đã quyết định trong những năm tới phải chỉ đạo tập trung và quyết liệt hơn nữa công tác xây dựng Đảng nhằm tạo cho được sự chuyển biến sâu sắc hơn trên lĩnh vực này, từng bước đẩy lùi, khắc phục tệ quan liêu tham nhũng lãng phí, nâng cao sức chiến đấu của các tổ chức cơ sở đảng, kiện toàn đội ngũ cán bộ, đẩy mạnh công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng.

Trong nhiều nghị quyết, Đảng Cộng sản Việt Nam đã khẳng định *xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt, nhiệm vụ sống còn của toàn bộ sự nghiệp cách mạng; thường xuyên đổi mới, chỉnh đốn là quy luật tồn tại và phát triển của Đảng*. Trong công tác xây dựng Đảng, phải luôn luôn kiên định và phát triển sáng tạo những

quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh; chống các khuynh hướng bảo thủ, cơ hội, cực đoan. Đổi mới nhưng không phủ nhận thành tựu của quá khứ, không dao động trên những vấn đề nguyên tắc, không lẫn lộn những vấn đề chiến lược với sách lược. Mặt khác, kiên định những vấn đề có tính nguyên tắc nhưng luôn luôn đổi mới sáng tạo phù hợp với thực tế Việt Nam.

4. Một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của công tác xây dựng Đảng trong thời kỳ đổi mới là phải *phát huy truyền thống tốt đẹp, giữ vững bản chất cách mạng và khoa học của Đảng*. Đây là vấn đề mà Đảng Cộng sản Việt Nam đặc biệt quan tâm. Bởi vì, với vị thế là đảng cầm quyền, lại hoạt động trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường, mở cửa hội nhập quốc tế, bên cạnh thuận lợi, môi trường xã hội có những phức tạp mới. Nhiều cán bộ, đảng viên có chức, có quyền, hằng ngày hằng giờ tiếp xúc với hàng và tiền, với biết bao sự cám dỗ về danh và lợi. Nếu không chăm lo giáo dục, rèn luyện, giữ vững và phát huy truyền thống tốt đẹp, bản chất cách mạng của Đảng thì rất dễ bị biến chất. Giữ cho Đảng không biến chất, trước sau luôn luôn là Đảng Cộng sản, đảng cách mạng chân chính, hoạt động vì lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và cả dân tộc, là vấn đề hết sức cơ bản.

Nói truyền thống tốt đẹp, bản chất cách mạng và khoa học là nói truyền thống yêu nước, đấu tranh kiên cường bất khuất của dân tộc, ý chí kiên định, trí tuệ tiên phong, đạo đức vị tha và ý thức tổ chức chặt chẽ của giai cấp công nhân. Giữ vững và tăng cường bản chất giai cấp công nhân có nghĩa là Đảng phải kiên định quan điểm, lập trường của giai cấp công nhân, tuyệt đối trung thành với lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc; phấn đấu vì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Dù tình hình thế giới và trong nước khó khăn, phức tạp đến đâu, Đảng cũng không chao đảo, dao động, xa rời mục tiêu lý tưởng đó.

Đảng Cộng sản Việt Nam luôn luôn xác định phải lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động. Trong tình hình hiện nay càng phải kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh; vận dụng sáng tạo vào hoàn cảnh cụ thể của Việt Nam để hoàn chỉnh cương lĩnh, đường lối; từ thực tiễn mà tổng kết, khái quát, bổ sung, phát triển, làm phong phú thêm học thuyết cách mạng và khoa học đó.

Bản chất cách mạng và khoa học đòi hỏi Đảng phải được tổ chức chặt chẽ và hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, thường xuyên tự phê bình và phê bình, giữ gìn sự đoàn kết thống nhất trong Đảng. Mọi sự chia rẽ, bè phái, buông lỏng kỷ luật đều trái với bản chất của Đảng.

Đảng gắn bó mật thiết với nhân dân và dân tộc, lãnh đạo xây dựng và làm nòng cốt trong khối đại đoàn kết toàn dân; chống tư tưởng phường hội, cục bộ, bản vị, phân tán.

Đảng kết hợp chủ nghĩa yêu nước chân chính, kế thừa và phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc với việc tiếp thu tinh hoa văn hoá của nhân loại.

Ở Việt Nam, bản chất giai cấp công nhân không đối lập với tính dân tộc; trái lại, nó quyện chặt nhuần nhuyễn với tính dân tộc. Nói theo nghĩa nào đó, trong bản chất giai cấp công nhân đã bao hàm tính dân tộc; và ngược lại, khi nói tính dân tộc trong thời đại hiện nay khi có Đảng Cộng sản lãnh đạo đã bao hàm tính giai cấp công nhân. Giai cấp công nhân Việt Nam có quan hệ máu thịt với giai cấp nông dân và toàn thể dân tộc Việt Nam; lợi ích giai cấp công nhân thống nhất với lợi ích của nhân dân lao động và của toàn dân tộc. Và trên thực tế, Đảng phấn đấu hy sinh không chỉ vì lợi ích của giai cấp công nhân mà còn vì lợi ích của nhân dân và của cả dân tộc. Đảng chẳng những thường xuyên giữ vững và nâng cao bản chất giai cấp công nhân mà còn chú ý học tập, tiếp thu, phát triển tinh hoa và truyền thống dân tộc, giữ gìn và phát huy bản sắc Việt Nam. Chính truyền thống dân tộc đã nhân

lên sức mạnh của Đảng. Chủ tịch Hồ Chí Minh - Người sáng lập, lãnh đạo và rèn luyện Đảng Cộng sản Việt Nam - là sự thể hiện tuyệt vời sự thống nhất giữa lợi ích giai cấp và lợi ích dân tộc, giữa chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa xã hội. Người chẳng những là lãnh tụ tối cao của Đảng mà còn là lãnh tụ tối cao của dân tộc. Và như vậy cũng có thể nói rằng, Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong chính trị của giai cấp công nhân, mang bản chất cách mạng và khoa học của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong lãnh đạo của cả dân tộc, mang trong mình dòng máu và những phẩm chất tốt đẹp của dân tộc. Sự kết hợp nhuần nhuyễn tính chất giai cấp công nhân với tinh hoa truyền thống dân tộc, làm thành *bản chất đặc sắc của Đảng Cộng sản Việt Nam*.

5. Trách nhiệm cao cả và nặng nề trước hết của một đảng cầm quyền là vạch ra cương lĩnh, đường lối đúng để lãnh đạo đất nước, dẫn dắt cả dân tộc đi lên, tránh được nguy cơ sai lầm về đường lối. Đây là vấn đề cốt tử trong toàn bộ công tác xây dựng Đảng, đòi hỏi phải thường xuyên *nâng cao bản lĩnh chính trị, trình độ trí tuệ và chất lượng công tác lý luận của Đảng*. Đường lối chính trị đúng là đường lối phản ánh đúng quy luật khách quan, đáp ứng đúng yêu cầu của thực tiễn, phù hợp với nguyện vọng của nhân dân, chỉ ra được mục tiêu, phương hướng và giải pháp cơ bản của cách mạng, trên cơ sở đó tập hợp, tổ chức, động viên quần chúng thực hiện một cách có hiệu quả.

Trong quá trình đổi mới đất nước, Đảng Cộng sản Việt Nam đã đề ra được và từng bước bổ sung, phát triển, hoàn thiện dần đường lối đổi mới, hình thành ngày càng rõ hơn con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Tiếp theo những đổi mới bộ phận, đổi mới từng bước, đến Đại hội VI (năm 1986) Đảng đã đề ra đường lối đổi mới toàn diện, Đại hội VII đã thông qua *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, và các Đại hội tiếp sau đó của Đảng tiếp tục bổ sung, phát triển, đến nay đã hình thành một hệ thống các quan điểm chỉ đạo sự

nghiệp đổi mới ở Việt Nam. Đây là kết quả của cả một quá trình tìm tòi, đổi một tư duy lý luận, tổng kết thực tiễn, mở rộng dân chủ, phát huy trí tuệ của toàn Đảng, toàn dân, nắm bắt được những vấn đề nảy sinh từ cuộc sống. Trong khi kiên định mục tiêu, lý tưởng, kiên định những vấn đề có tính nguyên tắc, Đảng luôn luôn có ý thức đổi mới sáng tạo, dám từ bỏ những cái cũ không còn thích hợp, cả trên lĩnh vực kinh tế cũng như trên lĩnh vực văn hoá, xã hội; cả đối nội và đối ngoại; giải quyết tốt mối quan hệ giữa giai cấp và dân tộc quốc gia và quốc tế, mở rộng khối đại đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế, tập trung sức cho công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước. Nói cách khác, Đảng Cộng sản Việt Nam kiên trì nắm vững nguyên tắc và phương pháp biện chứng duy vật; không phiến diện, cực đoan, hoặc giản đơn từ cực này nhảy sang cực kia.

Việc nâng cao trình độ trí tuệ, tinh tiên phong có quan hệ hữu cơ với việc đổi mới, nâng cao chất lượng nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn; củng cố, nâng cao niềm tin, bản lĩnh, ý chí kiên định lý tưởng cách mạng của đội ngũ cán bộ, đảng viên, trước hết là các cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp. Nhận thức được vấn đề này, Đảng đã có kế hoạch chỉ đạo và tổ chức cho cán bộ đảng viên thường xuyên học tập, nâng cao trình độ hiểu biết về mọi mặt, nhất là trình độ tư duy lý luận; trình độ nhận thức, nắm bắt quy luật; trình độ tiếp cận phân tích, tổng kết thực tiễn; năng lực đề ra quyết sách đúng và tổ chức thực hiện có kết quả đường lối, chủ trương của Đảng.

Trước mỗi bước ngoặt và trước những diễn biến phức tạp của tình hình thế giới và trong nước, Đảng đã kịp thời chỉ đạo, làm tốt công tác tư tưởng chính trị, uốn nắn những nhận thức lệch lạc, phê phán những quan điểm và khuynh hướng không đúng, tạo sự nhất trí cao và sự vững vàng về tư tưởng trong Đảng và sự đồng thuận trong nhân dân. Tuy nhiên, cho đến nay trình độ lý luận, kiến thức, năng lực lãnh đạo của một bộ phận cán bộ, đảng viên chưa theo kịp yêu cầu đổi mới, nhất là trên

lĩnh vực quản lý nhà nước, quản lý kinh tế, lãnh đạo sản xuất, kinh doanh. Nếu không đẩy mạnh việc học tập, nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn thì không thể đáp ứng được các yêu cầu mới của cách mạng.

Tổ chức thực hiện các nghị quyết của Đảng là một nhiệm vụ quan trọng và cũng là một khâu yếu hiện nay; không ít nghị quyết rất đúng nhưng chưa thực sự đi vào cuộc sống, chưa biến thành hiện thực. Vì vậy, Đảng chủ trương phải đẩy mạnh hơn nữa công tác chỉ đạo tổ chức thực tiễn, nâng cao năng lực tổ chức thực tiễn, bao gồm cả việc cụ thể hoá, thể chế hoá, bố trí cán bộ, năng lực tổ chức điều hành, quản lý, kiểm tra của các cán bộ có trách nhiệm trực tiếp.

Đi đôi với việc nâng cao bản lĩnh chính trị, trình độ trí tuệ, năng lực lãnh đạo. Đảng Cộng sản Việt Nam đặc biệt coi trọng việc rèn luyện đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân, chống sự suy thoái, hư hỏng trong Đảng. Ngay sau Đại hội VI, năm 1987 Bộ Chính trị đã ra Nghị quyết 04 "Về làm trong sạch Đảng, trong sạch bộ máy Nhà nước, làm lành mạnh các quan hệ xã hội"; Hội nghị Trung ương 3 (khoá VII) ra Nghị quyết về đổi mới, chỉnh đốn Đảng; Hội nghị Trung ương 5 (khoá VIII) khẳng định phải nâng cao phẩm chất đạo đức, coi đây là nét đẹp văn hoá trong Đảng, quyết định tiến hành một đợt tự phê bình và phê bình trong Đảng. Đặc biệt là Hội nghị Trung ương 6 (lần 2) đã quyết định mở cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh, tiến hành trong hai năm 1999 - 2001 nhằm đẩy mạnh đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực. Bộ Chính trị cũng ban hành quy định 19 điều đảng viên không được làm, đồng thời tăng cường công tác kiểm tra, xử lý đảng viên có vi phạm ở các cấp. Hội nghị Trung ương 4 (khoá IX) đã kiểm điểm việc thực hiện cuộc vận động và ra kết luận về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực. Nhiều cán bộ, đảng viên vi phạm pháp luật đã bị

xử lý, trong đó có cả một số cán bộ cao cấp (cấp Ủy viên Trung ương Đảng, thứ trưởng, bộ trưởng...)

Các nghị quyết của Đảng đã yêu cầu tất cả cán bộ, đảng viên dù ở cương vị công tác nào cũng phải không ngừng tự rèn luyện để nâng cao đạo đức cách mạng, khắc phục các thói quan liêu, cửa quyền, giữ gìn thanh danh, uy tín của Đảng. Phải thấm nhuần sâu sắc và thực hiện lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh về giữ gìn đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân. Cán bộ giữ chức vụ càng cao càng phải gương mẫu. Các tổ chức đảng xây dựng quy chế và có biện pháp giáo dục, bồi dưỡng, kiểm tra, quản lý hoạt động của cán bộ, đảng viên. Kịp thời biểu dương những cán bộ, đảng viên gương mẫu, đồng thời xử lý nghiêm minh những người hư hỏng về phẩm chất đạo đức, bất kể họ là ai, ở cương vị công tác nào.

6. Trong những năm đổi mới, Đảng Cộng sản Việt Nam thường xuyên coi trọng việc *xây dựng, củng cố đảng về tổ chức, bảo đảm nội bộ luôn luôn đoàn kết thống nhất, có sức chiến đấu cao*. Xây dựng, củng cố Đảng về tổ chức bao gồm nhiều việc, trong đó phải đặc biệt quan tâm thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ và chấn chỉnh hệ thống tổ chức của Đảng.

Thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ là vấn đề trọng yếu bảo đảm cho Đảng thật sự chặt chẽ về tổ chức, đoàn kết thống nhất và có sức chiến đấu cao. Vào những năm cuối thập kỷ 80 đầu thập kỷ 90 của thế kỷ XX, trước sự tan rã của Đảng Cộng sản Liên Xô và một số đảng mácxít ở Đông Âu, trước những đòn tiến công mới của các thế lực thù địch, ở Việt Nam cũng có những biểu hiện dao động trên vấn đề thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ; có khuynh hướng muốn hạ thấp hoặc phủ nhận nguyên tắc tập trung dân chủ, muốn áp dụng chế độ "đa nguyên đa đảng" kiểu phương Tây. Đảng Cộng sản Việt Nam đã kịp thời uốn nắn, chấn chỉnh những lệch lạc này, yêu cầu các cấp uỷ và tổ chức đảng phải làm tốt

công tác giáo dục, thống nhất nhận thức, đồng thời chỉ đạo xây dựng cơ chế bảo đảm thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ trong Đảng.

Một mặt, phải thực hiện đầy đủ các quyền dân chủ của đảng viên, có quy chế, quy trình để các đảng viên tham gia trực tiếp vào quá trình hoạch định và tổ chức thực hiện đường lối chủ trương, chính sách của Đảng; cán bộ lãnh đạo, nhất là người đứng đầu cấp uỷ phải tôn trọng và lắng nghe ý kiến cũng như những việc làm sáng tạo của đảng viên, của cấp dưới; lắng nghe các ý kiến khác nhau trước khi quyết định; thực hiện dân chủ tập thể trong công tác cán bộ. Mặt khác, phải đấu tranh với những khuynh hướng dân chủ hình thức hoặc dân chủ cực đoan, muốn lợi dụng dân chủ để gây chia rẽ, bè phái, mị dân, theo đuôi quần chúng lạc hậu. Dân chủ chân chính không thể có được nếu thiếu tập trung, thiếu kỷ luật, thiếu trách nhiệm. Dân chủ không tương dung với độc đoán, chuyên quyền, cũng không phải là tự do vô chính phủ. Nếu xa rời hoặc coi nhẹ nguyên tắc tập trung dân chủ là làm sai lạc tổ chức đảng từ trong bản chất; nếu thực hiện không đúng nguyên tắc tập trung dân chủ là làm yếu sức mạnh của Đảng từ gốc.

Những năm gần đây, Đảng nhấn mạnh việc thực hiện nghiêm túc chế độ tự phê bình và phê bình, chăm lo củng cố sự đoàn kết thống nhất trong Đảng trên cơ sở đường lối chính trị, nguyên tắc tổ chức và tình thương yêu đồng chí. Tập trung giải quyết tình trạng mất đoàn kết ở một số nơi. Kiên quyết đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, tư tưởng kèn cựa, địa vị, tranh giành ngôi thứ, lợi lộc cũng như đầu óc cục bộ, bản vị là nguyên nhân quan trọng gây ra tình trạng mất đoàn kết.

Trong việc xây dựng, kiện toàn hệ thống tổ chức bộ máy của Đảng và hệ thống chính trị, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn quán triệt tinh thần *tích cực, khoa học, đồng bộ*, bám sát yêu cầu nhiệm vụ chính trị. Việc xây dựng hệ thống tổ chức không chỉ là việc sắp xếp cơ cấu bộ máy mà còn phải xác định rõ chức năng, nhiệm vụ và quy chế hoạt động của một tổ chức cũng như của toàn hệ thống. Khắc

phục tình trạng chồng chéo, chức năng không rõ, trùng lặp công việc; kiên quyết cắt giảm những bộ phận thừa, những khâu trung gian không cần thiết.

Trong hệ thống tổ chức của Đảng, tổ chức cơ sở đảng có vị trí rất quan trọng. Vừa qua, ở không ít nơi, tổ chức cơ sở đảng giảm sút, vai trò lãnh đạo, thậm chí có nơi rệu rã, tê liệt. Để sớm khắc phục tình hình này, củng cố xây dựng các tổ chức cơ sở đảng, bảo đảm vai trò lãnh đạo của Đảng ở tất cả mọi cơ sở, Đảng Cộng sản Việt Nam chú trọng việc chấn chỉnh và cải tiến sinh hoạt đảng, bố trí đúng cán bộ cốt cán - những người thật sự có năng lực, giữ gìn phẩm chất đạo đức, được nhân dân tín nhiệm; đồng thời làm tốt công tác đảng viên, kể cả việc phát triển đảng viên mới đúng tiêu chuẩn, thật sự có chất lượng. Đối với những tổ chức kinh tế, các doanh nghiệp tư nhân, liên doanh với nước ngoài, có nhiều vấn đề mới đặt ra, Đảng chủ trương phải nghiên cứu, tổng kết thực tiễn để thành lập, củng cố các tổ chức đảng và có các hình thức sinh hoạt thích hợp, vừa bảo đảm vai trò lãnh đạo của Đảng, vừa phát huy tính tự chủ của đơn vị sản xuất, kinh doanh.

7. Thực tiễn những năm gần đây càng chứng minh sâu sắc chân lý: cán bộ đóng vai trò quyết định; công tác cán bộ là công tác đặc biệt quan trọng. Là Đảng cầm quyền trong điều kiện hiện nay, Đảng phải *thường xuyên chăm lo công tác cán bộ; chăm lo cán bộ cho cả hệ thống chính trị, trên tất cả các lĩnh vực.*

Trong nhiều nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương, của Bộ Chính trị, đặc biệt là Nghị quyết Trung ương 3 (khoá VIII) về chiến lược cán bộ trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, Đảng Cộng sản Việt Nam đã chỉ ra những phương hướng, nhiệm vụ công tác cán bộ trong điều kiện mới, nhấn mạnh phải đổi mới tư duy trong công tác cán bộ, làm tốt hơn nữa công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, sử dụng cán bộ. Đồng thời đổi mới phương pháp tiến hành công tác cán bộ theo hướng thật sự dân chủ, tập thể, kết hợp với tập trung thống nhất theo một quy trình chặt chẽ.

Trên cơ sở nắm vững quan điểm giai cấp công nhân, Đảng Cộng sản Việt Nam đã đề ra các chính sách đoàn kết, tập hợp rộng rãi các loại cán bộ ở các thành phần kinh tế, đào tạo, vun trồng và trọng dụng nhân tài của đất nước, kể cả những người Việt Nam định cư ở nước ngoài. Có chính sách thu hút nhân tài, tránh lãng phí chất xám. Một kinh nghiệm quan trọng là phải thực hiện trẻ hoá đội ngũ cán bộ, kết hợp tốt "ba độ tuổi", bảo đảm tính liên tục, tính kế thừa và phát triển trong đội ngũ cán bộ, khai thác mặt mạnh của mỗi loại cán bộ để bổ sung cho nhau.

Trong khi kiện toàn các trường đào tạo cán bộ, Đảng chủ trương phải không ngừng đổi mới nội dung chương trình, nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo. Chú trọng đào tạo bồi dưỡng cán bộ toàn diện cả về phẩm chất, trình độ, năng lực; cả cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý, các chuyên gia, các nhà doanh nghiệp, trước hết là cán bộ chủ chốt ở các cấp. Mọi cán bộ phải thường xuyên rèn luyện, trau dồi phẩm chất cách mạng, gương mẫu về đạo đức, lối sống, tuyệt đối trung thành với sự nghiệp của Đảng, của dân tộc kết hợp hài hoà lợi ích riêng và lợi ích chung; khi lợi ích riêng mâu thuẫn với lợi ích chung thì phải biết đặt lợi ích chung lên trên hết, trước hết... Chính đây là cái tạo nên uy tín của cán bộ, tạo nên uy tín của Đảng.

Trong việc sử dụng, bố trí cán bộ, Đảng Cộng sản Việt Nam nhấn mạnh phải theo đúng tiêu chuẩn, đúng sở trường cán bộ. Cố gắng đề bạt, bổ nhiệm đúng lúc, giao việc đúng tầm, có cơ chế, chính sách khuyến khích cán bộ không ngừng phấn đấu vươn lên đảm nhiệm các công việc cao hơn, cống hiến được nhiều hơn. Xử lý nghiêm minh những cán bộ vi phạm kỷ luật pháp luật; thay thế kịp thời những người yếu kém, không hoàn thành nhiệm vụ. Phát huy tốt đội ngũ cán bộ hiện có; bồi dưỡng, đào tạo cán bộ theo yêu cầu mới; tạo nguồn cán bộ cho lâu dài. Muốn thế, một nhiệm vụ rất quan trọng là phải làm tốt việc xây dựng quy hoạch cán bộ, kết hợp đào tạo ở trường lớp với rèn luyện thử thách trong thực tiễn công tác, thực

hiện mạnh việc luân chuyển cán bộ theo quy hoạch; có biện pháp chủ động bảo vệ cán bộ, làm tốt công tác giáo dục, rèn luyện, quản lý cán bộ.

8. *Liên hệ chặt chẽ với nhân dân là quy luật tồn tại, phát triển và hoạt động của Đảng, là nhân tố quyết định tạo ra sức mạnh của Đảng.* Đây là mối quan hệ "tin cậy lẫn nhau", tín nhiệm lẫn nhau như Lênin nói. Nhân dân tin Đảng, ủng hộ Đảng, theo Đảng làm cách mạng. Còn Đảng làm hết sức mình để phục vụ nhân dân, phát huy vai trò và khả năng sáng tạo không bao giờ cạn của nhân dân. Trong điều kiện Đảng cầm quyền, vấn đề này lại càng có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, bởi vì, như Lênin nói, một trong những nguy cơ lớn nhất và đáng sợ nhất đối với một đảng cầm quyền là Đảng tự cắt đứt mối liên hệ với quần chúng nhân dân.

Bảy mươi năm lãnh đạo nhân dân tiến hành cách mạng, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn luôn gắn bó chặt chẽ với nhân dân, được nhân dân curu mang, che chở, giúp đỡ hết lòng. Và chính nhờ thế mà Đảng có đủ khả năng và sức mạnh lãnh đạo cách mạng vượt qua mọi khó khăn, chiến thắng mọi kẻ thù, dù đó là kẻ thù hung bạo nhất. Liên hệ mật thiết với nhân dân là một truyền thống tốt đẹp của Đảng, là bài học lớn của cách mạng Việt Nam. Ngày nay, trong điều kiện mới, với quy mô, tầm vóc to lớn của cách mạng, với vai trò và trình độ ngày càng cao của nhân dân, với vị thế mới của mình, Đảng Cộng sản Việt Nam có thêm điều kiện thuận lợi để mở rộng và tăng cường mối liên hệ với nhân dân. Nhưng mặt khác, với vị thế là Đảng cầm quyền, tính chất và phương thức lãnh đạo mới, mối liên hệ giữa Đảng và nhân dân cũng có những đòi hỏi cao hơn và đang đứng trước những thử thách mới. Ngoài những nỗ lực phấn đấu để vượt qua khó khăn khách quan, Đảng phải cố gắng rất nhiều để khắc phục những khuyết điểm chủ quan, như tình trạng quan liêu, mệnh lệnh, cửa quyền trong một số cơ quan lãnh đạo và quản lý; những hiện tượng sa sút về đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên, nhất là những

hiện tượng tham nhũng, sách nhiễu dân, lợi dụng chức quyền để mưu lợi cá nhân, trù dập, ức hiếp quần chúng.

Nhận thức được điều đó, trong những năm qua Đảng liên tục có những chủ trương và biện pháp tăng cường công tác quần chúng của Đảng, tích cực làm những gì có thể làm được để củng cố, tăng cường mối liên hệ máu thịt giữa Đảng và nhân dân. Nghị quyết Trung ương 5, Nghị quyết Trung ương 8 (khoá VI), Nghị quyết Trung ương 7 (khoá IX) và nhiều nghị quyết chuyên đề của Bộ Chính trị về công tác vận động quần chúng, xây dựng Mặt trận và các đoàn thể chính trị xã hội đã đề cập sâu sắc toàn diện vấn đề này. Đặc biệt, Nghị quyết Đại hội IX của Đảng đã khẳng định xây dựng và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc để phát huy sức mạnh tổng hợp, thực hiện sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, coi đây là động lực chủ yếu để xây dựng và phát triển đất nước. Từ năm 1998, Bộ Chính trị khoá VIII đã ra chỉ thị thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở và tích cực chỉ đạo để phát huy mạnh mẽ và thực hiện quyền làm chủ của nhân dân.

Thực tế cho thấy, để đổi mới công tác quần chúng của Đảng, củng cố và tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân, Đảng và Nhà nước phải làm rất nhiều việc cụ thể và thiết thực, chăm lo đầy đủ và sâu sắc đến đời sống của nhân dân; đề ra chủ trương, chính sách hợp lòng dân, bảo vệ lợi ích chính đáng của nhân dân; thật sự tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân; thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở; xây dựng và chỉnh đốn Đảng, cơ quan nhà nước trong sạch, vững mạnh; làm tốt công tác tư tưởng chính trị trong nhân dân; đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, tác phong công tác của cán bộ, công chức; khắc phục những hiện tượng thoái hoá, tiêu cực, đặc quyền đặc lợi trong cán bộ, đảng viên, làm lành mạnh các quan hệ xã hội,... tức là phải thấm nhuần và quán triệt sâu sắc tư tưởng Hồ Chí Minh về quan điểm quần chúng, đi đúng đường lối quần chúng và làm tốt

công tác dân vận, thật sự gần dân, trọng dân, tin dân. Kiên quyết chống quan liêu, xa rời quần chúng.

Đảng yêu cầu và xây dựng các cơ chế, các quy định buộc các cấp uỷ và tổ chức đảng phải tổ chức và tạo điều kiện thuận lợi để nhân dân và các đoàn thể nhân dân thường xuyên tham gia các công việc của Đảng, đóng góp ý kiến xây dựng các chủ trương, chính sách của Đảng; giám sát, phê bình cán bộ, đảng viên; giới thiệu những người xứng đáng để bầu vào các cơ quan lãnh đạo của Đảng và Nhà nước; giới thiệu những người đủ tiêu chuẩn để kết nạp vào đội ngũ của Đảng; giúp tổ chức đảng làm tốt công tác kiểm tra, phát hiện, đấu tranh với những hành vi tham nhũng, tiêu cực. Trên thực tế, trong những năm đổi mới, rất nhiều đoàn thể nhân dân, các tổ chức xã hội, nghề nghiệp được thành lập, được củng cố, đổi mới nội dung, phương thức hoạt động và đã có nhiều hoạt động phong phú, sáng tạo, đóng góp thiết thực cho công cuộc đổi mới đất nước nói chung, xây dựng Đảng nói riêng.

9. *Đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo của Đảng, trước hết là sự lãnh đạo đối với Nhà nước*, là một nội dung hết sức quan trọng của việc xây dựng Đảng cầm quyền trong điều kiện xây dựng chủ nghĩa xã hội, bảo đảm vừa giữ vững sự lãnh đạo của Đảng, vừa phát huy vai trò quản lý điều hành của Nhà nước; đề phòng và khắc phục tình trạng "lộn sắn", "bao biện làm thay" hoặc "buông lỏng" sự lãnh đạo. Qua thực tế công cuộc đổi mới, Đảng Cộng sản Việt Nam ngày càng nhận thức được rằng, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và phát huy hiệu lực quản lý của Nhà nước là hai mặt thống nhất, không cản trở nhau; trái lại, bổ sung cho nhau, hỗ trợ nhau trên cơ sở xác định rõ và làm đúng chức năng của mỗi tổ chức.

Đảng lãnh đạo là Đảng định ra đường lối, chủ trương, đồng thời lãnh đạo Nhà nước đưa đường lối, chủ trương đó vào nội dung hoạt động của Nhà nước, thể chế hoá đường lối, quan điểm của Đảng thành chính sách, luật pháp và quản lý, điều

hành, tổ chức việc thực hiện; Đảng bố trí cán bộ và kiểm tra việc chấp hành đường lối, chủ trương, quan điểm của Đảng. Đảng cầm quyền nào cũng phải làm như vậy. Đó là lý do tồn tại, là chức năng không ai thay thế được của Đảng cầm quyền. Phải làm sao để khi nhân dân thực hiện chính sách, luật pháp của Nhà nước cũng tức là thực hiện cương lĩnh, đường lối của Đảng. Khi toà án xét xử một tội phạm, kết luận một tội danh hoặc tuyên phạt một mức án là căn cứ theo điều luật của Nhà nước, tức cũng là thể hiện quan điểm, tư tưởng, thái độ của Đảng.

Còn làm thế nào để biến cương lĩnh, đường lối của Đảng thành chính sách, luật pháp của Nhà nước, thì đó là cơ chế, phương thức, là nghệ thuật lãnh đạo. Một biện pháp có ý nghĩa quyết định là Đảng phải cử những cán bộ, đảng viên có uy tín, có năng lực, có tính đảng cao vào hoạt động trong các cơ quan nhà nước, nắm giữ những cương vị then chốt trong bộ máy Nhà nước, đồng thời có cơ chế kiểm tra hoạt động của các đảng viên đó. Các đảng viên hoạt động trong bộ máy nhà nước có trách nhiệm vận động, thuyết phục các cơ quan và công chức nhà nước thực hiện quan điểm, đường lối của Đảng và ra sức hoạt động để biến đường lối của Đảng thành hiện thực. Mọi đảng viên phải chấp hành các quyết định của Đảng, phục tùng kỷ luật của Đảng; lại phải biết lắng nghe ý kiến của các cơ quan và công chức nhà nước để kiến nghị với Đảng, kịp thời điều chỉnh các chủ trương chưa thật phù hợp.

Vừa qua, Đảng đã lựa chọn và giới thiệu các đảng viên có trình độ, năng lực và phẩm chất sang hoạt động ở các cơ quan nhà nước. Ở các địa phương, bí thư hoặc phó bí thư Đảng ứng cử vào chức vụ chủ tịch Hội đồng nhân dân. Ủy ban nhân dân; một số trưởng ban đảng ứng cử tham gia một số ban của Hội đồng nhân dân; một số cấp uỷ viên được giới thiệu vào chức danh trưởng, phó sở, ngành. Làm như vậy chính là để tăng thêm sự thống nhất giữa Đảng và Nhà nước, vừa giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng, vừa tăng cường hiệu lực thực tế của cơ quan nhà nước.

Có ý kiến lo ngại rằng, nếu cán bộ chủ chốt của Đảng đảm nhiệm cả chức vụ chủ chốt của chính quyền thì dễ sinh ra độc đoán, chuyên quyền, phải có cơ chế gì để kiểm tra, kiểm chế, ngăn ngừa tiêu cực. Đúng là phải có cơ chế. Ngoài sự giáo dục, quản lý của chi bộ, sự giám sát phê bình của nhân dân thì một trong những cơ chế bảo đảm sự lãnh đạo và kiểm tra hoạt động của các đảng viên hoạt động trong bộ máy nhà nước chính là *đảng đoàn* (ở các cơ quan dân cử) và *ban cán sự đảng* (ở các cơ quan chấp hành, cơ quan tư pháp); định rõ thẩm quyền và trách nhiệm của đảng đoàn, ban cán sự đảng, thẩm quyền và trách nhiệm của những người đứng đầu cơ quan nhà nước. Cơ chế này là sự thể hiện và tạo điều kiện để thể hiện nguyên tắc tập trung dân chủ trong sinh hoạt đảng và tính chất dân chủ, thuyết phục trong phương thức lãnh đạo đối với các cơ quan nhà nước.

Một biện pháp nữa rất quan trọng là Đảng luôn luôn dựa vào và phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, của các đoàn thể nhân dân, lãnh đạo Mặt trận và các đoàn thể nhân dân đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động, khắc phục tình trạng hành chính hoá, thông qua các đoàn thể này để vận động, tổ chức nhân dân tham gia xây dựng, củng cố bộ máy nhà nước, tham gia các công việc nhà nước, giám sát, kiểm tra hoạt động của Nhà nước và các cán bộ, công chức hoạt động trong các cơ quan nhà nước, đấu tranh ngăn ngừa và khắc phục tệ quan liêu, tham nhũng và các biểu hiện tiêu cực khác. Trong điều kiện một đảng duy nhất cầm quyền thì đây là biện pháp quan trọng, và cũng có thể nói là một cơ chế, để phòng ngừa và hạn chế những tiêu cực do vị thế cầm quyền của Đảng sinh ra.

Sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước là làm cho Nhà nước hoạt động có hiệu quả theo đúng đường lối, quan điểm của Đảng, thể hiện được ý chí, nguyện vọng, lợi ích của nhân dân và gắn bó chặt chẽ với nhân dân. Đảng lãnh đạo không phải là Đảng thay thế Nhà nước quản lý xã hội hoặc thay thế nhân dân làm chủ Nhà nước. Cả Đảng, cả Nhà nước đều là công cụ bảo đảm và thực hiện quyền làm chủ của

nhân dân, đều phấn đấu hoạt động vì lợi ích của nhân dân, Đảng không phải là cơ quan quyền lực nhà nước, không nên hiểu Đảng và Nhà nước là hai hệ thống quyền lực song song, càng không nên tách rời hoặc đối lập Đảng và Nhà nước. Đảng lãnh đạo Nhà nước, lãnh đạo hệ thống chính trị, nhưng lại là một bộ phận của hệ thống chính trị, một thành viên của Mặt trận Tổ quốc. Đảng lãnh đạo định ra Hiến pháp và pháp luật, đồng thời hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật. Cán bộ, đảng viên của Đảng không đứng trên pháp luật, hoạt động ngoài khuôn khổ của pháp luật.

Đó là những căn cứ lý luận quan trọng để tiến hành đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, và đó cũng là nguyên tắc cơ bản chỉ đạo hoạt động của một đảng cầm quyền.

* *

*

Trên đây là một số vấn đề cơ bản được rút ra từ thực tiễn xây dựng Đảng cầm quyền trong những năm tiến hành công cuộc đổi mới ở Việt Nam. Không phải mọi việc đều đã làm tốt cả. Có việc đã làm được, có việc mới bắt đầu, có việc còn đang trong quá trình thử nghiệm. Nhưng dấu sao đó là những kinh nghiệm bước đầu, những định hướng cơ bản để tiếp tục thực hiện trên con đường xây dựng một Đảng Cộng sản cầm quyền đáp ứng yêu cầu sự nghiệp cách mạng của dân tộc. Chúng ta biết rằng, xây dựng một đảng cách mạng chân chính là công việc không đơn giản, trái lại, cực kỳ phức tạp khó khăn, đặc biệt là trong điều kiện Đảng cầm quyền, phát triển kinh tế thị trường, mở cửa hiện nay. Đảng chẳng những phải đối phó với những âm mưu của các thế lực thù địch mà còn phải tự vượt qua những hạn chế của chính mình. Tuy nhiên, với những gì đã làm được trong hơn 70 năm qua, với những triển vọng tốt đẹp trong thời kỳ mới, được nhân dân tin cậy và ủng hộ, chúng ta tin tưởng rằng Đảng Cộng sản Việt Nam sẽ từng bước vươn lên hoàn

thiện bản thân mình, đáp ứng được yêu cầu của sự nghiệp cách mạng và sự mong đợi của nhân dân.

* Bài đăng trên Tạp chí Cộng sản, số 5 (3-2004)

MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA NGHỊ QUYẾT TRUNG ƯƠNG 6 (LẦN 2) VỀ XÂY DỰNG, CHỈNH ĐÓN ĐẢNG *

Hội nghị Trung ương 6 (lần 2) khoá VIII họp từ ngày 25 tháng 1 đến ngày 2 tháng 2 năm 1999 tại Hà Nội. Hội nghị đã tập trung thảo luận Báo cáo của Bộ Chính trị và ra Nghị quyết “*Một số vấn đề cơ bản và cấp bách về công tác xây dựng Đảng hiện nay*”; góp ý kiến vào bản kiểm điểm của Bộ Chính trị, hay nói cách khác góp ý kiến phê bình Bộ Chính trị; cho ý kiến về kế hoạch tiến tới chuẩn bị Đại hội IX. Như vậy, trong chương trình nghị sự của Trung ương hoàn toàn không có việc bàn về nhân sự như người ta đồn, nhất là phương Tây.

Hội nghị đã thảo luận rất sôi nổi với tinh thần dân chủ, thẳng thắn, đầy trách nhiệm. Có tự phê bình và phê bình, có chất vấn, có trả lời. Một số vấn đề có ý kiến khác nhau thì biểu quyết. Hội nghị lần này in rõ dấu ấn về đổi mới không khí làm việc, cách thảo luận và cách ra nghị quyết. Đã có 142 ý kiến phát biểu ở tổ và 37 ý kiến phát biểu tại Hội trường. Tinh thần chung và sự thống nhất rất cao của Trung ương là quyết tâm xoay chuyển tình hình, thực hiện tốt hơn nhiệm vụ xây dựng

Đảng vì sự nghiệp của đất nước, của dân tộc và của Đảng. Nghị quyết của Hội nghị được viết rất ngắn gọn với mong muốn rõ việc để các cấp dễ hiểu dễ nhớ, dễ thực hiện và dễ kiểm tra, kiểm điểm.

Để giúp cho việc nghiên cứu sâu, xin được giới thiệu một số nội dung cần thiết, chủ yếu là cung cấp thêm một số thông tin xung quanh Hội nghị và những nội dung được đề cập trong Nghị quyết.

I. CÁCH ĐẶT VẤN ĐỀ, TƯ TƯỞNG CHỈ ĐẠO, PHẠM VI VÀ TRỌNG TÂM CỦA HỘI NGHỊ

1. Vấn đề xây dựng Đảng đã được Trung ương Bộ Chính trị bàn và ra không ít nghị quyết. Chỉ tính từ Đại hội VI đến nay: khoá VI đã có Hội nghị Trung ương 5 bàn chuyên đề về xây dựng Đảng; khoá VII có Hội nghị Trung ương 3 bàn về xây dựng Đảng; khoá VIII cũng có Hội nghị Trung ương 3 bàn về chiến lược cán bộ là một nội dung lớn của xây dựng Đảng. Bộ Chính trị cũng có nhiều nghị quyết trên những mặt lớn của xây dựng Đảng: Nghị quyết 01 của Bộ Chính trị khoá VII bàn về công tác lý luận; Nghị quyết 09 của Bộ Chính trị bàn về những định hướng trong công tác tư tưởng; một số hội nghị Trung ương mặc dù bàn về những vấn đề kinh tế hoặc những vấn đề khác nhưng cũng có kết luận của Trung ương về bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phê phán, bác bỏ những quan điểm sai trái, đó cũng là nội dung xây dựng Đảng, v. v... Bộ Chính trị, Ban Bí thư các khoá gần đây cũng đã dành rất nhiều thời gian cho công tác xây dựng Đảng. Theo thống kê của Văn phòng Trung ương Đảng, riêng trong khoá VII, thời gian mà Bộ Chính trị và Ban Bí thư dành để bàn về xây dựng Đảng trong các kỳ họp đã chiếm 56%. Ban

Bí thư khoá VII đã chỉ đạo tiến hành tổng kết 20 năm công tác xây dựng Đảng từ năm 1975 - 1995.

Như vậy là, Trung ương đã có nhiều dịp bàn về xây dựng Đảng, luôn luôn coi trọng công tác xây dựng Đảng. Vậy tại sao lần này lại bàn về xây dựng Đảng nữa? Và bàn cái gì? Trước khi Hội nghị Trung ương 6 họp, từ trong Đảng, trong dân và kể cả người nước ngoài rất quan tâm về vấn đề này đương nhiên với những góc độ, động cơ khác nhau.

Có bốn lý do mà Hội nghị Trung ương lần này phải bàn và ra Nghị quyết về công tác xây dựng Đảng là:

Thứ nhất, công tác xây dựng Đảng luôn luôn có ý nghĩa cực kỳ quan trọng đối với sự nghiệp cách mạng nước ta. Đây là bài học, là kết luận được rút ra qua cả một quá trình suốt gần 70 năm phấn đấu của Đảng ta, đồng thời căn cứ vào kinh nghiệm thực tiễn của nhiều nước trên thế giới. Đảng là nhân tố quyết định bảo đảm mọi thắng lợi của cách mạng, là nhân tố bảo đảm cho định hướng xã hội chủ nghĩa. Trước đây, các Đảng Cộng sản và công nhân quốc tế đã rút ra kết luận này và coi đây là vấn đề có tính nguyên tắc, có tính quy luật của cách mạng xã hội chủ nghĩa. Gần đây, Trung Quốc cũng khẳng định lại điểm này. Chuyến thăm của đồng chí Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu sang Trung Quốc, khi hội đàm, đồng chí Giang Trạch Dân cũng nói là dứt khoát phải kiên trì vai trò lãnh đạo của Đảng. Cho nên ta nói phát triển kinh tế là trung tâm, xây dựng Đảng là then chốt.

Vào thời điểm này, chúng ta càng cần phải khẳng định sự lãnh đạo của Đảng, vai trò lãnh đạo của Đảng và ý nghĩa quan trọng của công tác xây dựng Đảng. Trong thực tế cũng có nơi này, nơi khác, lúc này, lúc khác chưa phải đã nhận thức một cách sâu sắc vấn đề này. Hoặc là chưa quan tâm đầy đủ đến công tác xây dựng Đảng, hoặc là có ý nào đó xem nhẹ vai trò lãnh đạo của Đảng. Đây đó đã có người cho rằng thực hiện kinh tế nhiều thành phần, liên doanh với nước ngoài, cơ chế thị

trường thì cần gì phải có vai trò lãnh đạo của Đảng. Thậm chí có ý kiến cho rằng hình như sự lãnh đạo của tổ chức đảng ngáng trở sự phát triển của kinh tế (!).

Thứ hai, lúc này chúng ta phải bàn và ra nghị quyết về xây dựng Đảng chính là vì yêu cầu của nhiệm vụ chính trị trong thời kỳ mới rất nặng nề, đòi hỏi Đảng phải nâng tầm lãnh đạo lên, nâng sức chiến đấu của Đảng lên. Đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, chuẩn bị tiến vào thế kỷ XXI, thiên niên kỷ thứ ba là nhiệm vụ hết sức quan trọng nhưng cũng rất nặng nề, đặt ra nhiều vấn đề mới. Bên cạnh những thuận lợi, chúng ta phải đương đầu với không ít khó khăn và thách thức. Tại Hội nghị Trung ương, nhiều đồng chí phát biểu, nói là hiện nay chúng ta đang xây dựng chủ nghĩa xã hội trong một bối cảnh rất phức tạp. Đó là: mở cửa, đa dạng hoá, đa phương hoá, phát triển các thành phần kinh tế, áp dụng cơ chế thị trường, v.v. tạo ra nền kinh tế phát triển có hiệu quả, năng động, sáng tạo, thế nhưng cũng có nhiều vấn đề mới đặt ra. Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ trên thế giới ngày càng phát triển như vũ bão và người ta đang dự kiến đến thế kỷ XXI cuộc cách mạng này tiếp tục phát triển mạnh mẽ hơn nữa, đó là tin học, đó là công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới, v.v... Gần đây thế giới đang nói nhiều đến “một nền kinh tế tri thức”, “kinh tế mạng”, “kinh tế số”, tức là nền kinh tế có trí tuệ rất cao. Đi vào thời kỳ này chúng ta phải như thế nào, Đảng phải như thế nào để đáp ứng được?

Trên thế giới, cuộc đấu tranh giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản, phong trào cộng sản, công nhân quốc tế chống lại các thế lực thù địch đang diễn ra rất sâu sắc, quyết liệt. Chúng ta biết là các nước xã hội chủ nghĩa, các Đảng Cộng sản và công nhân, các lực lượng tiến bộ trên thế giới đang kiên trì đấu tranh vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội. Năm 1998, nhiều Đảng Cộng sản giành thắng lợi trong các cuộc bầu cử. Đảng Cộng sản Nhật Bản, Đảng Cộng sản Ucraina, Đảng Cộng sản Mônđôva, các đảng cánh tả Séc, Hunggari... Hội thảo

Quốc tế kỷ niệm 150 năm ngày sinh của Mác tại Pháp có 1.500 đại biểu đến dự từ gần 70 nước, hơn 300 bài phát biểu. Đoàn Braxin đi cả chuyên cơ sang, xuống sân bay họ hát Quốc tế ca. Bây giờ 43 đảng ở Mỹ Latinh vẫn đang nghiên cứu về chủ nghĩa Mác -Lênin và chủ nghĩa xã hội. Tổ chức “Những không gian Mác” của Pháp gửi thư cho chúng ta đề nghị chuẩn bị một cuộc gặp gỡ lớn hơn trong năm 2000 và tiến tới thành lập các mạng lưới ở các nước về tổ chức “Những không gian Mác” để nghiên cứu về chủ nghĩa tư bản, nghiên cứu về thế kỷ XX, làm sao vượt qua chủ nghĩa tư bản và cải tạo xã hội. Theo nhiều tài liệu, hằng năm có rất nhiều vụ đe dọa nhằm vào các cơ quan đại diện của Mỹ ở nước ngoài. Đó là chưa kể các phong trào cộng sản ở Nga, ở các nước thuộc khối xã hội chủ nghĩa cũ đang có sự đấu tranh rất gay go, quyết liệt.

Tuy nhiên, phải thừa nhận rằng, chủ nghĩa xã hội thế giới đang khủng hoảng; cách mạng thế giới đang trong giai đoạn thoái trào. Các thế lực tư bản đế quốc đang thừa cơ xông lên tiến công vào chủ nghĩa xã hội, vào phong trào cách mạng. Chúng ta xây dựng chủ nghĩa xã hội trong tình thế đó là hết sức khó khăn. Chủ nghĩa đế quốc, đặc biệt là Mỹ dường như đang thắng thế và đang muốn đóng vai trò lãnh đạo thế giới, đang chi phối nhiều hoạt động trên thế giới, tự cho mình cái quyền can thiệp vào bất cứ chỗ nào nếu họ muốn, như vào Irắc, Côxôvô....

Nhiều đồng chí Trung ương đã chỉ rõ, chúng ta cứ nói hội nhập, nhưng phải hiểu hội nhập là hội nhập vào đâu, theo hướng nào? Ta đang hội nhập tư bản chủ nghĩa chứ đâu phải xã hội chủ nghĩa. Vậy phải như thế nào, có bản lĩnh như thế nào mới có thể vượt qua được những khó khăn thách thức này? Xây dựng chủ nghĩa xã hội trong bối cảnh quốc tế mà bên cạnh mặt thuận lợi đang có những khó khăn. Ở trong nước, chúng ta chủ trương phát triển kinh tế nhiều thành phần, sử dụng cả các yếu tố của chủ nghĩa tư bản để xây dựng chủ nghĩa xã hội; sử dụng kinh tế thị trường nhưng đi lên chủ nghĩa xã hội; tăng trưởng kinh tế nhưng phải bảo đảm

công bằng xã hội; phát triển nhưng phải bền vững; mở cửa hội nhập nhưng phải giữ gìn bản sắc dân tộc, v.v.. Một loạt các vấn đề tưởng như mâu thuẫn, nghịch lý ấy xử lý thế nào? Gần đây các nước xung quanh ta lại khủng hoảng tài chính - tiền tệ, dẫn đến khủng hoảng kinh tế, khủng hoảng chính trị, một số “con rồng”, “con hổ” vài năm gần đây nhịp độ tăng trưởng kinh tế chậm lại, gặp rất nhiều khó khăn.

Rõ ràng, chúng ta xây dựng kinh tế, tiến hành công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong thời kỳ mới có nhiều khó khăn, phức tạp mới. Những khó khăn đó đang tác động vào tư tưởng, tình cảm, tâm trạng của cán bộ, đảng viên và nhân dân ta. Nhiều vấn đề về lý luận, thực tiễn chúng ta chưa tổng kết, chưa làm sáng tỏ được cho nên có ý kiến khác nhau, cả trên vấn đề cụ thể cũng như một số vấn đề cơ bản. Nhiều người lo lắng mặt trái của cơ chế thị trường, của hội nhập, mở cửa đang tác động vào xã hội ta, làm băng hoại những giá trị đạo đức truyền thống của dân tộc ta, sự phân cực giàu nghèo diễn ra rất phức tạp.

Thứ ba, bản thân Đảng, tình hình Đảng, bên cạnh mặt tích cực, bản chất và truyền thống tốt đẹp được phát huy cũng đang đứng trước những yêu cầu mới. Trong bối cảnh xã hội hiện nay, nhiều người lo lắng về bản chất của Đảng. Bây giờ trong Đảng có những người giàu lên rất nhanh, rồi người giàu có nghĩ giống như người nghèo không? Mai kia Đảng này sẽ là Đảng của ai? Có giữ được bản chất đảng của giai cấp công nhân, của những người lao động, của dân tộc không? Trong Đảng có tình hình mới là, một mặt số kết nạp vào Đảng có nhiều người trẻ (riêng năm 1998 kết nạp 10.600 đồng chí, trong đó dưới 30 tuổi là 50,9%; đoàn viên, thanh niên là 49,8%). Nhưng mặt khác, số đảng viên lớn tuổi cũng ngày càng nhiều. Hiện nay đảng viên về hưu, mất sức chiếm hơn 25%. Trong số những đảng viên về hưu có nhiều đồng chí rất nhiệt tình tham gia công tác do còn có điều kiện sức khỏe, nhưng có đồng chí yếu, được miễn công tác, miễn sinh hoạt, thông tin khác nhau, ý kiến khác nhau. Một số địa phương cho là giữa người tiền nhiệm và người đương

nhiệm; giữa đồng chí đã nghỉ hưu với người đang làm đôi khi có những trục trặc, có những linh kinh, không có lợi cho công tác. Đặc biệt trong Đảng có những suy thoái, có bộ phận suy thoái nghiêm trọng về tư tưởng, đạo đức, lối sống, thậm chí có người công khai bày tỏ không đồng tình với Cương lĩnh, Điều lệ Đảng. Cái suy thoái rất đáng lo ngại là quan liêu, xa dân, một số nơi mất đoàn kết nội bộ, bản thân cán bộ, đảng viên hư hỏng, biến chất, uy tín đối với dân giảm sút nghiêm trọng.

Thứ tư, sự tiến công phá hoại của các thế lực thù địch. Chúng ta đã nhiều lần nói đến âm mưu “diễn biến hoà bình”. Lực lượng thù địch và bọn phản động đang triệt để khai thác các điều kiện phức tạp do cuộc khủng hoảng tiền tệ khu vực, gây sức ép nhằm chuyển hoá nội bộ ta; tiếp tục sử dụng kinh tế làm điều kiện ép ta thay đổi về chính trị; tìm cách đẩy lực lượng chống đối và các loại tội phạm trong số người Việt ở nước ngoài vào nước ta; ráo riết triển khai các hoạt động tình báo. Các trung tâm phá hoại tư tưởng thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, công khai tuyên truyền xuyên tạc, vu cáo Việt Nam, nhất là về vấn đề dân chủ, nhân quyền. Họ tìm cách móc nối với đối tượng trong nước, nhất là số cơ hội chính trị, bất mãn, lợi dụng chiêu bài chống tham nhũng, tiêu cực để kích động những hoạt động chống đối.

Chiến lược mới của Mỹ thay cho chiến lược “Vượt trên ngăn chặn” là chiến lược “Triệt tiêu kẻ thù” được Clinton cho nghiên cứu từ năm 1992 và áp dụng từ năm 1996. Tư tưởng chủ đạo của chiến lược này là áp dụng các biện pháp tiếp cận, lôi kéo chúng ta từ đối đầu sang đối thoại, rồi đưa chúng ta vào vị trí cùng hợp tác hoặc hoà nhập với Mỹ, không chế theo sự chỉ huy và chi phối của Mỹ, để rồi cuối cùng là thực hiện “triệt tiêu kẻ thù”. Mấy mũi nhọn họ tập trung vào là: phá vỡ niềm tin; ngoại giao thân thiện; chi phối đầu tư; chia rẽ nội bộ.

Nếu như chiến lược “Vượt trên ngăn chặn” trước đây chủ yếu áp dụng đối với Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa thì hiện nay, đối tượng áp dụng chiến lược “Triệt

tiêu kẻ thù” là các nước cộng sản còn lại và cả các nước nào mà không tuân theo sự chỉ huy của Mỹ, kể cả tư bản và các nước Hồi giáo. Vừa qua, họ đã áp dụng các biện pháp này đối với ta, tức là không đứng bên ngoài hò hét, mà xâm nhập vào ta để đánh từ trong nội bộ đánh ra, làm cho “cộng sản tự diệt cộng sản”, “cộng sản con diệt cộng sản bố”. Trước đây họ nói sẽ lật đổ chế độ công sản ở Việt Nam vào năm 1997, hoặc chậm nhất là vào năm 2000. Bây giờ có người lại dự kiến khoảng độ 10 năm nữa họ đẩy mạnh các hoạt động kích động vấn đề nhân quyền, dân chủ, dân tộc, tôn giáo.

Một số người cơ hội, bất mãn ở trong nước phối hợp với bên ngoài viết và gửi nhiều tài liệu rất bậy bạ, hằn học. Họ không chỉ “đánh vào” lý luận, tư tưởng, mà “đánh thẳng” vào đường lối, cương lĩnh, “đánh vào” tổ chức, nhân sự, xuyên tạc, kích động chia rẽ nội bộ. Nếu chúng ta không vững vàng, Đảng không được củng cố vững chắc thì không biết điều gì sẽ xảy ra.

Đó là những lý do giải thích vì sao Trung ương phải bàn và ra Nghị quyết về xây dựng Đảng, đồng thời nói lên ý nghĩa đặc biệt quan trọng của Hội nghị Trung ương 6 (lần 2). Có đồng chí Trung ương cho rằng, Hội nghị Trung ương 6 lần này có ý nghĩa như là mấy Hội nghị Trung ương 6 lần trước. Hội nghị Trung ương 6 (khoá IV) tháng 8-1979 mở đầu cho sự đổi mới. Đó là Hội nghị “bung ra”, bắt đầu xoá bỏ tình trạng ngăn sông cấm chợ, rồi ban hành chỉ thị khoán 100, các Nghị định 25, 26/CP, thực hiện kế hoạch “ba phần”. Hội nghị Trung ương 6 (khoá VI) tháng 3-1989 tiếp tục đưa công cuộc đổi mới vào chiều sâu, phát triển mạnh tư tưởng của Đại hội VI, khẳng định phát triển kinh tế nhiều thành phần là vấn đề chiến lược, cho kinh tế tư bản tư nhân phát triển với bất kỳ quy mô nào, phạm vi nào, miễn là đúng pháp luật, v.v.. Lần này, Hội nghị Trung ương 6 (lần 1) bàn về kinh tế - xã hội là bàn “nhiệm vụ trung tâm”. Hội nghị Trung ương 6 (lần 2) bàn về xây dựng Đảng là bàn “nhiệm vụ then chốt”. Hội nghị bàn việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết

Đại hội VIII về xây dựng Đảng, đồng thời cũng là một bước chuẩn bị tiến tới Đại hội IX của Đảng.

2. Chính vì nhận thức rõ vị trí quan trọng của Hội nghị Trung ương lần này, Bộ Chính trị đã chỉ đạo chuẩn bị một cách công phu và khá sớm. Vào đầu năm 1998, Bộ Chính trị đã cho ý kiến, cho hướng chuẩn bị và thành lập Tiểu ban giúp Bộ Chính trị chuẩn bị Báo cáo và Nghị quyết. Tiểu ban này có một số Ủy viên Trung ương và Ủy viên Bộ Chính trị tham gia. Tiểu ban đã hoàn thành một khối lượng công việc lớn và phức tạp: khảo sát tình hình thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (khoá VII), Nghị quyết Trung ương 3 (khoá VIII) ở chín tỉnh (nghe ý kiến từ cơ sở xã, phường, doanh nghiệp, trường học, lên đến quận, huyện, tỉnh, thành; nghe một số đồng chí lão thành cách mạng, một số trí thức, thanh niên, sinh viên); nghe hai đảng bộ trực thuộc Trung ương (là Quân đội và Công an) và ba đảng bộ của ba ngành quan trọng về kinh tế là thuế, ngân hàng, hải quan. Tiểu ban đã trực tiếp nghe ý kiến của các đồng chí: Phạm Văn Đồng, Đỗ Mười, Lê Đức Anh, Võ Văn Kiệt, nghiên cứu các bản góp ý kiến của các cấp uỷ tỉnh, thành, các ban đảng, đảng đoàn, ban cán sự trực thuộc Trung ương và thư góp ý của nhiều đồng chí lão thành cách mạng. Tiểu ban cũng đã tổ chức một số cuộc hội thảo khoa học sau khi đi khảo sát hình thành nên bản báo cáo. Bộ Chính trị đã họp hai lần để thảo luận xây dựng bản báo cáo đó rồi gửi đi lấy ý kiến các ngành, các cấp. Bộ Chính trị mời 300 đồng chí lão thành cách mạng góp ý kiến (chia làm chín tổ họp tại ba nơi: Hà Nội, Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh). Đồng thời nghe ý kiến đóng góp của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh. Trên cơ sở những ý kiến đóng góp, Bộ Chính trị lại họp hai ngày rưỡi để thảo luận tiếp thu, hoàn chỉnh bản báo cáo trình Trung ương. Như vậy, bản báo cáo của Bộ Chính trị thực sự là sản phẩm của trí tuệ tập thể.

3. Về phạm vi và trọng tâm của Hội nghị, lần này Trung ương không bàn toàn diện, mà chọn một số vấn đề cơ bản, cấp bách nhất. Đó là ba vấn đề: nhận thức, tư tưởng chính trị, đạo đức; và một số vấn đề về tổ chức.

Trong ba vấn đề này, khi thảo luận có ý kiến hỏi vấn đề nào là trọng tâm, là quan trọng nhất? Có ý kiến cho rằng, bây giờ vấn đề tư tưởng chính trị là quan trọng nhất, vì nó liên quan đến sinh mệnh chính trị của Đảng, đến Cương lĩnh, đường lối, Điều lệ Đảng - tức là vấn đề rất cốt tử. Có ý kiến nói vấn đề ấy là ở trên Trung ương, ở tầm cao, nhìn sâu xa chiến lược, cái đó đúng, chứ còn ở địa phương, ở cơ sở thì điều nhức nhối lại là vấn đề suy thoái về đạo đức lối sống. Quần chúng ở cơ sở không mất lòng tin vào đường lối, không mất lòng tin vào Đảng, mà mất lòng tin vào một số hiện tượng tham nhũng, tiêu cực, suy thoái phẩm chất đạo đức của cán bộ, đảng viên, cho nên phải bàn vấn đề đạo đức, lối sống là vấn đề quyết định. Lại có ý kiến khác, bây giờ nguyên nhân của mọi nguyên nhân vẫn là vấn đề tổ chức và cán bộ. Chúng ta nói mãi mà tổ chức cứ phình ra, bộ máy cứ chùng chèo, biên chế thì nhiều, lương thì bất hợp lý, cho nên phải gỡ từ công tác tổ chức cán bộ, Trung ương đã thảo luận và đi đến nhất trí rằng, mỗi một cách phân tích, cách lập luận đều có lý, có thực tiễn, nhưng xét về từng góc độ một thì phải thấy ba vấn đề ấy vấn đề nào cũng có vị trí quan trọng của nó. Nếu tư tưởng chính trị mà có vấn đề, chệch một cái thì cực kỳ nguy hiểm. Nhưng cái nhức nhối bây giờ là suy thoái phẩm chất đạo đức. Vấn đề tổ chức bộ máy cũng thế, không thể để lung lay nhưng mãi thế này được. Đúng là mỗi vấn đề có vị trí của nó, nhưng có liên quan với nhau, cho nên trong tư tưởng chỉ đạo phải coi trọng cả ba vấn đề ấy, không nên đặt trọng tâm nặng về vấn đề nào. Nhưng trong thực tế khi thảo luận ở tổ hay thảo luận ở hội trường thì tập trung nhiều vào phân nhận thức, tư tưởng chính trị.

II. MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA NGHỊ QUYẾT

Như trên đã nói, lần này Trung ương đổi mới cách ra nghị quyết. Bản Nghị quyết được viết rất ngắn gọn, chưa đầy bảy trang, nhưng trong đó toát lên rất nhiều nội dung cơ bản và quan trọng đã được đề cập trong bản Báo cáo của Bộ Chính trị và được Hội nghị Trung ương nhất trí thông qua. Trong bản báo cáo có phần mở đầu; phần đánh giá tình hình và phân phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp.

Phần mở đầu đánh giá khái quát về Đảng ta, nêu rõ truyền thống vẻ vang của Đảng trong gần 70 năm qua, khẳng định những thành tựu sau hơn 10 năm đổi mới, hơn hai năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VIII về xây dựng Đảng, chỉ ra những việc đã làm được, việc chưa làm được, cùng những yêu cầu đặt ra trong thời kỳ mới, từ đó đi đến kết luận là Đảng ta phải tiếp tục đổi mới, chinh đốn một cách tích cực và kiên quyết hơn, tạo ra một bước chuyển biến thực sự trên các mặt chủ yếu: ngăn chặn và đẩy lùi một bước quan trọng tình trạng suy thoái, trước hết về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên; củng cố sự kiên định về mục tiêu lý tưởng cách mạng, tăng cường sự thống nhất ý chí và hành động; củng cố tổ chức chặt chẽ, sinh hoạt dân chủ, tăng cường kỷ cương, đoàn kết thống nhất; cán bộ, đảng viên tiên phong, gương mẫu, trong sạch, nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, đáp ứng những yêu cầu của nhiệm vụ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, giữ vững ổn định chính trị - xã hội. Đây là vấn đề sống còn của Đảng, của chế độ ta.

A. Trong phần đánh giá

Việc đánh giá tình hình thường rất khó, phụ thuộc vào góc nhìn, cách nhìn và lượng thông tin mà mỗi người có được, cho nên thường có ý kiến khác nhau. Tại Hội nghị này, Trung ương dành khá nhiều thời gian để thảo luận, đánh giá tình hình. Dưới đây là một số điểm cần lưu ý:

1. Về đánh giá tổng quát

Khi thảo luận có một số ít ý kiến cho rằng Báo cáo chưa thể hiện tinh thần nhìn thẳng vào sự thật, vẫn còn lạc quan, chưa thấy hết mức nghiêm trọng của những yếu kém, khuyết điểm. Ngược lại, nhiều ý kiến kể cả ở Trung ương và địa phương, nhất là địa phương cho rằng, trong bản Báo cáo của Bộ Chính trị mặt yếu kém nêu ra đen quá, nặng nề quá, tình hình Đảng không đến mức như vậy. Nếu như vậy thì tại sao mấy năm vừa qua chúng ta tiến hành đổi mới đạt được nhiều thành tựu mà cả thế giới thừa nhận, vị thế nước ta trên trường quốc tế ngày càng được nâng cao? Nói thế nào cho khoa học, đúng mức, không nên tự mình bôi nhọ mình, rồi để kẻ xấu lợi dụng, giơ lưng cho địch đâm. Thậm chí có đồng chí cho rằng chẳng khác nào “tiếp đạn thêm cho kẻ xấu bên ngoài bắn vào ta”. Nó đang muốn phá vỡ niềm tin, bôi xấu mình thì mình lại tự làm mất uy tín của mình, như thế là mắc mưu địch. Hầu hết ý kiến đề nghị là phải khẳng định mạnh mẽ thành tựu, ưu điểm, bản chất tốt đẹp, truyền thống anh hùng của Đảng ta. Phải khẳng định phần lớn cán bộ, đảng viên ta là rất tốt. Nếu không tốt thì làm gì có thành tựu như bây giờ. Vừa qua chúng ta đạt được thành tựu trên các mặt là rất quan trọng, đáng tự hào. Năm 1998, trong bối cảnh phức tạp như vậy, nhiều nước xung quanh ta tốc độ tăng trưởng âm, nhưng chúng ta vẫn đạt nhịp độ tăng trưởng 5,8%, sản lượng lương thực đạt 31,5 triệu tấn, bình quân hơn 400 kg lương thực/đầu người (vượt chỉ tiêu Đại hội đề ra cho năm 2000). Chưa bao giờ nước ta có dự trữ lương thực quốc gia mạnh như bây giờ và năm 1998 vẫn xuất khẩu được 3,8 triệu tấn gạo, đứng thứ hai trên thế giới; cà phê xuất khẩu đứng đầu châu Á; dầu khí đạt 11 triệu tấn; than sạch hơn 10 triệu tấn. Chúng ta giữ được ổn định chính trị - xã hội. Phải nói những thực tế đó là đáng tự hào chứ. Vừa qua ở chỗ này, chỗ khác có những điểm nóng, nhưng đó là những bất bình của dân đối với hiện tượng cán bộ tiêu cực, tham nhũng hoặc có việc làm khuất tất. Đây không phải là sự biểu tình để lật đổ hay chống chính quyền, mà là

một cách tỏ thái độ trước hiện tượng để cái xấu tồn tại lâu quá không giải quyết. Dân gõ nhiều cửa, kêu nhiều nơi chưa được giải quyết thì họ phải tỏ thái độ. Nhưng khi vận động giải thích dân nghe ra thì lại thay đổi. Dân ta rất độ lượng, cán bộ mà sai, nhận sai thì dân tha thứ, tất cả cái đó cho chúng ta nhiều bài học.

Riêng về đối ngoại, báo chí nước ngoài đã ca ngợi năm 1998 là năm Việt Nam gặt hái được rất nhiều thành tựu. Tiếp theo Hội nghị cấp cao sử dụng tiếng Pháp gây một tiếng vang, chúng ta tổ chức Hội nghị cấp cao ASEAN 6. Hội nghị ASEAN 6 diễn ra trong bối cảnh rất phức tạp. Bên ngoài họ bảo có sự rạn nứt, chia rẽ trong khối ASEAN, rồi vấn đề kết nạp Campuchia thế nào, kết nạp hay không kết nạp mà ý kiến của các thành viên ASEAN rất khác nhau. Nhưng với thái độ thiện chí và cách điều hành khôn khéo của ta, cuối cùng Hội nghị diễn ra tốt đẹp. Cũng trong năm 1998, chúng ta đăng cai tổ chức Hội nghị quốc tế về Việt Nam học - một hội nghị lớn với sự tham gia của hơn 300 nhà khoa học thuộc 27 nước và gần 300 nhà khoa học Việt Nam. Rất nhiều đại biểu quốc tế tỏ tình cảm tốt đẹp đối với Việt Nam, ca ngợi về dân tộc Việt Nam, nền văn hoá Việt Nam. Nhiều chuyên thăm của các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước ta ra nước ngoài đã thu được kết quả tốt. Mới đây nhất, chuyến đi của đồng chí Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu sang Trung Quốc đã thành công rất tốt đẹp. Lần đầu tiên ra được tuyên bố chung, mà trong đó khẳng định mối quan hệ của chúng ta với Trung Quốc là mối quan hệ “láng giềng hữu nghị, hợp tác toàn diện, ổn định lâu dài, hướng tới tương lai”; khẳng định trong năm 1999 sẽ ký Hiệp định biên giới trên bộ; năm 2000 sẽ ký Hiệp định về phân định Vịnh Bắc Bộ; nâng kim ngạch buôn bán đến năm 2000 lên 2 tỷ đôla, v.v..

Tóm lại, ý của Trung ương là phải đánh giá đúng tình hình, thấy cả mặt thành tựu, thắng lợi để tự hào, tin tưởng; đồng thời thấy cả mặt thiếu sót, khuyết điểm để

không chủ quan; không nên phiến diện, nhấn mạnh một mặt nào. Mọi thái độ thổi phồng, cực đoan đều là không đúng.

2 . Về định giá nhận thức, tư tưởng chính trị

Trung ương khẳng định: trong điều kiện mới, phần lớn cán bộ, đảng viên tiếp tục giữ vững phẩm chất chính trị, phát huy truyền thống yêu nước và cách mạng, trung thành với mục tiêu, lý tưởng, nhất trí nói và làm theo Cương lĩnh, Điều lệ, đường lối, nghị quyết của Đảng. Nhiều cán bộ, đảng viên tích cực đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng, đường lối quan điểm, nguyên tắc tổ chức của Đảng, kiên định lập trường cách mạng. Nhưng về nhận thức, tư tưởng chính trị có một số diễn biến phức tạp và có mặt nghiêm trọng. Có đồng chí hỏi tại sao không nói luôn là về tư tưởng chính trị, mà lại nói *nhận thức, tư tưởng chính trị*? Quá trình thảo luận chỗ này cũng có ý tứ. Lúc đầu, dự thảo chỉ nói *tư tưởng chính trị*, nhưng khi đưa ra lấy ý kiến và nhất là khi thảo luận, Bộ Chính trị, Trung ương thấy có những vấn đề thực tiễn còn đang vận động, có cái nhận thức được, có cái chưa nhận thức được hoặc nhận thức chưa đầy đủ, nhận thức ở mỗi người, mỗi bộ phận lại khác nhau, nếu bây giờ quy tất cả thành vấn đề quan điểm, thành vấn đề tư tưởng chính trị thì e rằng chưa thật rõ, chưa thật thuyết phục, và như thế không có lợi. Cho nên nói “nhận thức tư tưởng, chính trị” thì đúng hơn.

Một điểm nữa xin lưu ý là trong Báo cáo có nhận định: một số cán bộ, đảng viên có biểu hiện phai nhạt lý tưởng cách mạng, một số có biểu hiện cơ hội dưới nhiều hình thức. “Biểu hiện cơ hội dưới nhiều hình thức” chứ không phải chủ nghĩa cơ hội hay chủ nghĩa xét lại, giáo điều. Đây là một nhận định cực kỳ quan trọng. Ý ở đây là tình hình đến đâu thì nói đến đấy, không nên nhận định vội vã, chủ quan. Nói quá đi cũng không tốt mà nếu nói chưa tới mức của nó thì cũng không tốt. Không nên vội quy kết là chủ nghĩa cơ hội, chủ nghĩa xét lại, chủ nghĩa giáo điều, anh này tả khuynh, anh kia hữu khuynh mà thực tế có đến đâu thì nói tới đó. Bởi

vì, trong tình hình hiện nay có những vấn đề đã rõ, đã kết luận được có những vấn đề thực tiễn còn đang vận động, nhiều việc phải vừa làm vừa mò mẫm rút kinh nghiệm. Khi mò mẫm thì có cái đúng có cái chưa đúng, thậm chí có cái trật, phải rút kinh nghiệm. Nếu quy kết anh này là cơ hội, anh này là xét lại, anh này là bảo thủ, anh này là giáo điều thì không khoa học và không có lợi.

Trong Báo cáo và trong Nghị quyết có nhận định là hiện nay có một số cán bộ, đảng viên chưa có ý kiến thống nhất cao trên một số vấn đề cơ bản cũng như một số vấn đề cụ thể quan hệ tới quan điểm, đường lối, chủ trương, chính sách lớn của Đảng; từ đó dẫn tới lúng túng hoặc chậm cụ thể hoá để triển khai Nghị quyết của Đảng. Thuộc dạng này là một số cán bộ, đảng viên chủ yếu ở các cơ quan trung ương, cán bộ nghiên cứu, tham mưu, cán bộ hưu trí, trí thức và một số cán bộ hoạt động thực tiễn ở các ngành và địa phương. Chúng ta cần hiểu đúng về vấn đề này. Có thể nói, trong cuộc sống đời thường ít có vấn đề nào mà ý kiến của mọi người đều giống nhau một trăm phần trăm. Công việc cách mạng là công việc đại sự, công việc khó khăn, cho nên khi thảo luận ý kiến khác nhau là bình thường, không nên hiểu ý kiến khác nhau là mất đoàn kết. Trước kia cũng thế thôi. Chúng ta thấy trong thời gian đánh Mỹ, thời kỳ mà tập trung rất cao nhưng vẫn có ý kiến khác nhau. Điều quan trọng là ý kiến khác nhau thì phải thảo luận, tranh luận, tạo ra sự thống nhất theo nguyên tắc tập trung dân chủ. Rồi vừa làm vừa tổng kết, lại bổ sung. Bây giờ cũng phải theo tinh thần đó. Ở Trung Quốc cũng rất nhiều ý kiến khác nhau, khác nhau đến mức có lúc ông Đặng Tiểu Bình đã phải nói là: “Không tranh luận nữa, cứ làm đi, rồi thực tiễn sẽ cho ta câu trả lời”.

Một vấn đề được Hội nghị Trung ương rất quan tâm, đó là công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn. Khi thảo luận ở tổ cũng như ở hội trường, nhiều đồng chí phát biểu đã nhấn mạnh, trong những năm đổi mới vừa qua, công tác lý luận của chúng ta có bước phát triển, nhờ thế đã đề ra được đường lối đổi mới đúng đắn, đề

ra được *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*. Nhiều vấn đề lý luận và thực tiễn ngày càng sáng tỏ hơn. Tuy nhiên, phải thừa nhận rằng, công tác nghiên cứu lý luận của chúng ta còn chậm, chưa đáp ứng được yêu cầu, chưa giải đáp được nhiều vấn đề còn đang vướng mắc. Đây là một nguyên nhân dẫn đến có các ý kiến khác nhau ở trong Đảng. Những ý kiến đó rất đúng đắn và đã được thể hiện trong Nghị quyết của Hội nghị. Một điểm nữa là vấn đề học tập chính trị, học tập lý luận Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh của cán bộ, đảng viên chưa tốt. Tình trạng lười học lý luận Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh hoặc là học qua loa, học đối phó, học cốt để lấy bằng còn xảy ra khá phổ biến; mặt khác, cũng chưa đổi mới mạnh mẽ về chương trình, nội dung, phương thức giảng dạy.

3. Về đánh giá tình hình đạo đức, lối sống

Nói chung phần này dễ nhất trí, chỉ có nhấn mạnh thêm phải kiên quyết chống tham nhũng. Trung ương yêu cầu phải có biện pháp cụ thể chống tham nhũng, quan liêu, lãng phí và qua đây củng cố một bước quan hệ giữa Đảng với nhân dân. Tuy trong Báo cáo và trong Nghị quyết không có mục nào nói riêng về quan hệ giữa Đảng với dân, nhưng tư tưởng của Nghị quyết là thông qua các việc làm cụ thể làm trong sạch Đảng, làm lành mạnh các quan hệ xã hội để củng cố, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng với dân. Trung ương phê bình Bộ Chính trị và Chính phủ vừa qua có một số vụ việc xử lý chậm, còn nể nang hữu khuynh. Trong báo cáo đã chỉ ra những biểu hiện nổi bật của sự suy thoái đạo đức, lối sống. Đó là chủ nghĩa cá nhân, thực dụng, tình trạng hối lộ, ăn chia bòn rút của công, sống xa hoa, hưởng lạc phát triển ngày càng nghiêm trọng trong một bộ phận cán bộ, đảng viên. Gia đình một số cán bộ lợi dụng thân thế người thân vi phạm pháp luật, làm giàu bất chính. Tình trạng móc ngoặc, chạy chọt trước khi bầu cử, bỏ nhiệm cán bộ, thi cử, điều tra, thanh tra, truy tố, xét xử, phân phối, duyệt dự án, v.v... Trong

Báo cáo khái quát là “chạy chức”, “chạy quyền”, “chạy tội”, “chạy chỗ” đang phát triển. Một số nơi mất đoàn kết khá nghiêm trọng vì kèn cựa, tranh giành chức quyền, lợi lộc, nhất là những cán bộ chủ chốt; có trường hợp vì mâu thuẫn cá nhân mà tập hợp lực lượng hình thành bè cánh để chống đối nhau, gây mất đoàn kết.

4. Về tổ chức

Có bốn khía cạnh: *Một là*, về nguyên tắc tập trung dân chủ, đánh giá tình hình nhận thức và thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ. *Hai là*, tình hình các tổ chức cơ sở đảng. *Ba là*, về tổ chức bộ máy, biên chế. *Bốn là*, phương thức lãnh đạo của Đảng, nhất là Đảng lãnh đạo Nhà nước. Trong Báo cáo đã nêu rõ bước tiến bộ trong mấy năm vừa qua trên bốn lĩnh vực này. Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, nhiều cấp uỷ và tổ chức đảng các cấp đã thực hiện tốt hơn nguyên tắc tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách; chế độ kiểm tra công tác theo định kỳ, kiểm tra, phát hiện xử lý nhiều vụ vi phạm kỷ luật của Đảng và pháp luật của Nhà nước, bảo đảm sự đoàn kết thống nhất trong toàn Đảng góp phần thực hiện có kết quả các nhiệm vụ chính trị, xã hội, an ninh quốc phòng. Nhiều tổ chức cơ sở đảng được đổi mới và chỉnh đốn theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 3 (khoá VII) và Nghị quyết Đại hội VIII của Đảng. Các cấp uỷ cũng được kiện toàn một bước. Sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân dần dần có những cải tiến nhất định.

Tuy vậy, về mặt này cũng còn nhiều khuyết điểm tồn tại. Đáng chú ý là việc thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ chưa tốt, không ít nơi có tình trạng dân chủ hình thức; tập thể là “bình phong” để hợp thức hoá ý kiến của thủ trưởng, mà thực chất đó là gia trưởng độc đoán. Phê bình, tự phê bình rất kém, thiếu thẳng thắn, trung thực, giám sát tinh thần đấu tranh bảo vệ nguyên tắc của Đảng, bảo vệ chân lý. Trong hội nghị thì nhất trí nhưng ra ngoài nói khác hoặc không thực hiện. Nói một đằng làm một nẻo. Khi đương chức thì không nói hoặc nói kiêu này, khi nghỉ chức

vụ hoặc về hưu lại nói kiểu khác. Khi còn phụ trách không được góp ý kiến (vì sợ), nhưng đến khi nghỉ hưu, hoặc chuyển công tác thì rất nhiều đơn thư tố cáo, moi móc. Mặt khác, lại có tình trạng dân chủ không đi đôi với kỷ luật; kỷ cương không nghiêm. Có tình trạng vi phạm nguyên tắc sinh hoạt đảng, tán phát “tờ rơi”, thư nặc danh, đưa tin đồn để nói xấu, đả kích làm mất uy tín nhau gây nghi ngờ, chia rẽ nội bộ, thậm chí núp đằng sau xúi quạu chúng đấu tranh.

Tổ chức cơ sở đảng ở nhiều nơi tuy được công nhận là trong sạch, vững mạnh nhưng khi xảy ra sự cố gì thì gần như bị vô hiệu hoá, không có tác dụng gì cả. Tổ chức đảng ở nhiều xã, phường, cơ quan, đơn vị sự nghiệp không quản lý tốt đảng viên, không ngăn chặn được tình trạng tham nhũng của cán bộ.

Tổ chức bộ máy đảng và hệ thống chính trị ở các cấp vẫn còn kênh, chòng chẹo. Chất lượng tham mưu hướng dẫn, kiểm tra, thẩm định, phản biện của các ban đảng còn thấp. Phương thức lãnh đạo của Đảng chưa theo kịp yêu cầu. Tổ chức thực hiện vẫn là khâu rất yếu. Nhiều nghị quyết không được triển khai thực hiện. Có đồng chí Trung ương nói vừa qua “thất thoát nhiều là thất thoát nghị quyết”, xuống đến cơ sở là coi như rơi rụng. Công tác kiểm tra vẫn còn yếu kém.

5. Về nguyên nhân

Khi thảo luận, Trung ương đã chỉ ra ba loại nguyên nhân chung. Nguyên nhân thứ nhất là chủ nghĩa cá nhân phát triển. Đây là nguyên nhân chính của sự phai nhạt lý tưởng và sự suy thoái về đạo đức, lối sống. Cán bộ, đảng viên thiếu tự rèn luyện, không gương mẫu, nói không đi đôi với làm. Nhiều tổ chức đảng buông lỏng công tác quản lý, giáo dục, rèn luyện đảng viên. Nguyên nhân thứ hai là sự lạc hậu của lý luận, sự chậm trễ yếu kém về công tác lý luận, ảnh hưởng đến nhận thức, tư tưởng chính trị cán bộ, đảng viên. Cũng có đồng chí nêu nguyên nhân thứ ba là do lãnh đạo có hữu khuynh, thậm chí cho đây là nguyên nhân quan trọng dẫn đến sự yếu kém trong việc giữ vững kỷ cương của Đảng, của xã hội. Bộ Chính trị đã thảo

luận và cho rằng, xét lên đường lối, quan điểm, chủ trương và chính sách cơ bản đối nội cũng như đối ngoại thì Bộ Chính trị và Trung ương đã thể hiện sự trung thành với cương lĩnh, điều lệ, nghị quyết Đại hội Đảng, không mắc vào hữu khuynh. Nhưng trong xử lý việc cụ thể thì có một số biểu hiện do dự, chậm chễ, thậm chí có việc còn nể nang, hữu khuynh. Ví dụ: để cho tệ tham nhũng phát triển tràn lan và nghiêm trọng; có vụ việc xử lý không nghiêm, là biểu hiện của hữu khuynh. Bộ Chính trị đã tự phê bình, nhưng hiểu hữu khuynh là theo nghĩa ấy, trong phạm vi và sự việc cụ thể ấy.

B - Về các nhiệm vụ và giải pháp sắp tới

Ban Chấp hành Trung ương khẳng định phải thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ đã nêu trong Báo cáo của Bộ Chính trị; đặc biệt phải chú trọng *10 nhiệm vụ* sau đây:

- 1. Tăng cường sự thống nhất trong Đảng về nhận thức, ý chí và hành động, kiên trì đấu tranh đẩy lùi bốn nguy cơ; đảng viên phải nói và làm theo nghị quyết, thực hiện đúng Cương lĩnh, Điều lệ Đảng và pháp luật của Nhà nước. Đặc biệt phải kiên định sáu vấn đề về quan điểm có tính nguyên tắc; không ai được nói trái, làm trái; càng không được tán phát tài liệu có nội dung trái với những quan điểm này. Để thực hiện có hiệu quả, phải tăng cường thảo luận, nhất là những vấn đề còn có ý kiến khác nhau, nhưng thảo luận là để làm sáng tỏ hơn và thực hiện có hiệu quả hơn, chứ thảo luận không phải để bác bỏ sáu nguyên tắc đó. Khi thảo luận, cần phải phát huy hết trí tuệ của tập thể, thảo luận cởi mở, dân chủ, không phân biệt đối xử hoặc có định kiến đối với những đảng viên có ý kiến thuộc về thiểu số. Những vấn đề chưa kết luận được thì cho làm thí điểm, rồi tổng kết thực tiễn, kết luận; ý kiến khác nhau thì biểu quyết và theo đa số, ý kiến thiểu số được bảo lưu, được trình bày hết trong các tổ chức, nhưng không được tuyên truyền ra bên ngoài. Tinh thần chung là phải bảo đảm dân chủ thật sự, đồng thời giữ đúng nguyên tắc*

tập trung. Các cấp uỷ phải chủ động nắm diễn biến nhận thức, tư tưởng chính trị của cán bộ, đảng viên, thường xuyên cung cấp thông tin, giúp đỡ lẫn nhau tạo nhất trí về quan điểm, đường lối của Đảng; kịp thời uốn nắn lệch lạc.

2. *Đẩy mạnh công tác tổng kết thực tiễn và nghiên cứu lý luận* (trong nước và thế giới), *tiếp tục làm rõ hơn những vấn đề bức xúc do thực tiễn đặt ra, làm rõ hơn mô hình con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta*, chuẩn bị cho Đại hội IX của Đảng. Hội đồng Lý luận Trung ương đang triển khai bảy chương trình nghiên cứu khoa học với hơn 50 đề tài, với ý muốn đến Đại hội IX có một tài liệu hay tác phẩm của Đảng về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Trước mắt, Trung ương giao cho Bộ Chính trị chỉ đạo nghiên cứu thảo luận làm rõ một số vấn đề bức xúc, như: kinh tế thị trường và định hướng xã hội chủ nghĩa; vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước, cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước; củng cố và đổi mới kinh tế hợp tác xã và hợp tác xã; chính sách đối với kinh tế tư nhân và tư bản tư nhân; sắp xếp hệ thống tổ chức bộ máy Đảng, Nhà nước, đoàn thể, cải tiến chế độ tiền lương; kết hợp tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội; chống chiến lược “diễn biến hoà bình”...

3. *Đổi mới công tác giáo dục trong Đảng và trong xã hội về chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước*. Có quy định cụ thể về chế độ học tập lý luận đối với cán bộ, đảng viên. Kiện toàn, nâng cao chất lượng các cơ quan nghiên cứu và hệ thống các trường đảng, nhà nước, đoàn thể. Tăng cường quản lý và nâng cao chất lượng, trước hết là chất lượng chính trị, văn hoá, khoa học và hệ thống giáo dục, đào tạo, các cơ quan thông tin đại chúng và hệ thống xuất bản.

4. *Tăng cường giáo dục, rèn luyện phẩm chất đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên*. Các tổ chức đảng phải thường xuyên giáo dục, quản lý, kiểm tra cán bộ, đảng viên về đạo đức, lối sống. Cán bộ, đảng viên phải tự giác rèn luyện và cấp càng cao

càng phải gương mẫu. Gia đình các cán bộ cũng phải được giáo dục, thuyết phục để cùng thực hiện. Thực hiện nghiêm túc Pháp lệnh cán bộ, công chức; Pháp lệnh chống tham nhũng; Pháp lệnh thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Luật khiếu nại, tố cáo. Thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở quy chế tiếp dân, chế độ công khai tài chính. Thực hiện kê khai tài sản theo quy định của Đảng, của Nhà nước. Thực hiện nghiêm các văn bản pháp quy. Công khai hoá các chế độ được hưởng đối với cán bộ. Thực hiện quy định về những việc đảng viên không được làm. Ví dụ: không được phát ngôn, tán phát tài liệu, truyền bá những quan điểm sai trái với quan điểm, đường lối của Đảng, ai vi phạm sẽ bị xử lý. Không gây phiền hà, khó khăn, vòi vĩnh nhận quà hoặc tự đặt ra những yêu cầu thủ tục ngoài quy định của Nhà nước trong khi giải quyết công việc. Không được môi giới nhận phần trăm hoa hồng không đúng quy định. Không được lợi dụng chức vụ, quyền hạn để bản thân hoặc người trong gia đình đi du lịch, tham quan trong nước và ngoài nước bằng kinh phí của tập thể; không được nhận tài trợ của tập thể, cá nhân nước ngoài cho mình và cho người thân trong gia đình đi du lịch, du học hay du nghiệp ở nước ngoài, v.v..

5. Tập trung chỉ đạo cuộc đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu có hiệu quả. Chống tham nhũng đã nói nhiều, lần này phải thực hiện thế nào cho có hiệu quả, nếu không, càng nói thì càng mất tín nhiệm. Lần này Trung ương đưa ra một số giải pháp tương đối đồng bộ. Ví dụ như hoàn thiện các chính sách, luật pháp, trước hết là về quản lý ngân sách, quản lý tài sản doanh nghiệp, quản lý đất đai. Các chương trình kinh tế - xã hội, văn hoá, an ninh quốc phòng, đối ngoại đều phải có biện pháp thiết thực tiết kiệm và phòng chống tham nhũng. Phải chấn chỉnh cơ chế “xin cho”, vì đây là kẽ hở tạo điều kiện cho hối lộ, tham nhũng. Nhiều đồng chí phê phán gay gắt tình trạng này. Thậm chí có ý kiến cho rằng còn có người cho

thì còn có người xin, mà đi xin thì “có đi có về”, “đi nặng về nặng”, “đi không về không”. Cơ chế “xin cho” cần phải sửa từ gốc.

Cấp uỷ và uỷ ban kiểm tra các cấp cùng với các cơ quan thanh tra điều tra, kiểm sát, toà án, tức là các cơ quan chức năng phải nắm chắc tình hình và khẩn trương kiểm tra, kết luận, xử lý kịp thời, đúng pháp luật các đơn thư tố cáo về đạo đức, lối sống tiêu cực của cấp uỷ viên và người đứng đầu các cơ quan, trước hết đối với Ủy viên Trung ương Đảng, trưởng ban, bộ trưởng, bí thư cấp uỷ, chủ tịch uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và cán bộ chủ chốt trong hệ thống chính trị. Khi xảy ra tham nhũng, lãng phí, các hiện tượng tiêu cực ở địa phương, ngành, cơ quan nào thì tùy theo mức độ tính chất vi phạm của vụ việc mà xem xét hình thức kỷ luật và chế độ trách nhiệm đối với cấp uỷ và người đứng đầu ở nơi đó.

Một biện pháp nữa là phải sử dụng đồng bộ hệ thống giám sát cán bộ, đảng viên, bao gồm sự giám sát của tổ chức đảng, trước hết là từ chi bộ; sự giám sát của nhân dân và các cơ quan đại diện nhân dân, nhất là ở nơi cư trú và nơi công tác; sự giám sát của công luận; sự giám sát của cơ quan chức năng.

Có ý kiến đề nghị lập ban chống tham nhũng riêng. Bộ Chính trị và Trung ương đã thảo luận cho rằng, chống tham nhũng là trách nhiệm của tất cả các tổ chức đảng, các cơ quan nhà nước, của nhân dân. Bộ Chính trị phân công một số uỷ viên Bộ Chính trị; các cấp uỷ phân công một số uỷ viên ban thường vụ trực tiếp chỉ đạo chống tham nhũng và có sử dụng một số cán bộ có uy tín để kiểm tra đôn đốc, giúp Bộ Chính trị và cấp uỷ trong cuộc đấu tranh chống tham nhũng. Không cần thiết lập ban chống tham nhũng riêng.

Chỉ đạo các cơ quan thông tin đại chúng nêu gương “người tốt việc tốt”, giới thiệu kinh nghiệm của các điển hình tiên tiến; lên án cái xấu, cái ác, đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu và các tệ nạn xã hội; chống những quan điểm sai trái, thù địch.

6. *Thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ, chế độ tự phê bình và phê bình trong Đảng.* Trong Nghị quyết nói là nâng cao nhận thức thống nhất trong Đảng về nguyên tắc tập trung dân chủ. Đồng thời phải có cơ chế thực hiện. Trung ương giao cho Ban Tổ chức Trung ương nghiên cứu để xây dựng và bổ sung các quy định quy chế về thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ. Giữ vững chế độ sinh hoạt định kỳ của các tổ chức Đảng, mở rộng dân chủ, khuyến khích tranh luận thẳng thắn. Khi có ý kiến khác nhau phải thảo luận kỹ; đối với những vấn đề quan trọng và còn ý kiến khác nhau phải biểu quyết; khi cần, phải điều tra, khảo sát làm thí điểm rồi kết luận. Khi đã có kết luận thì phải nói và làm theo kết luận.

7. *Củng cố tổ chức, tăng cường sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo của tổ chức cơ sở đảng.* Tiếp tục cụ thể hoá chức năng, nhiệm vụ, chấn chỉnh sinh hoạt, bố trí cán bộ, phân công bí thư, phó bí thư và uỷ ban thường vụ phụ trách các cơ sở trọng điểm, v.v...

8. *Sắp xếp lại tổ chức, bộ máy đảng và các tổ chức trong hệ thống chính trị* gắn liền với cải cách hành chính theo hướng tinh gọn, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả. Từ nay đến Đại hội IX, kiên quyết sắp xếp một bước bộ máy các tổ chức trong hệ thống chính trị, giảm biên chế ở các cơ quan hành chính nhà nước, cơ quan đảng và đoàn thể. Thực hiện cải tiến chính sách tiền lương. Riêng vấn đề tổ chức bộ máy, Trung ương giao cho Bộ Chính trị chỉ đạo các cơ quan liên quan nghiên cứu chuẩn bị để đưa ra bàn ở Hội nghị Trung ương 7.

Chỉ đạo các cơ quan thông tin đại chúng nêu gương "người tốt việc tốt", giới thiệu kinh nghiệm của các điển hình tiên tiến; lên án cái xấu cái ác, đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu và các tệ nạn xã hội; chống những quan điểm sai trái, thù địch.

6. *Thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ, chế độ tự phê bình và phê bình trong Đảng.* Trong Nghị quyết nói là nâng cao nhận thức thống nhất trong

Đảng về nguyên tắc tập trung dân chủ. Đồng thời phải có cơ chế thực hiện. Trung ương giao cho Ban Tổ chức Trung ương nghiên cứu để xây dựng và bổ sung các quy định, quy chế về thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ. Giữ vững chế độ sinh hoạt định kỳ của các tổ chức Đảng, mở rộng dân chủ, khuyến khích tranh luận thẳng thắn. Khi có ý kiến khác nhau phải thảo luận kỹ; đối với những vấn đề quan trọng và còn ý kiến khác nhau phải biểu quyết; khi cần, phải điều tra, khảo sát làm thí điểm rồi kết luận. Khi đã có kết luận thì phải nói và làm theo kết luận.

7. *Củng cố tổ chức, tăng cường sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo của tổ chức cơ sở đảng.* Tiếp tục cụ thể hoá chức năng, nhiệm vụ, chấn chỉnh sinh hoạt, bố trí cán bộ, phân công bí thư, phó bí thư và uỷ ban thường vụ phụ trách các cơ sở trọng điểm, v.v..

8. *Sắp xếp lại tổ chức, bộ máy đảng và các tổ chức trong hệ thống chính trị* gắn liền với cải cách hành chính theo hướng tinh gọn, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả. Từ nay đến Đại hội IX, kiên quyết sắp xếp một bước bộ máy các tổ chức trong hệ thống chính trị, giảm biên chế ở các cơ quan hành chính nhà nước, cơ quan đảng và đoàn thể. Thực hiện cải tiến chính sách tiền lương. Riêng vấn đề tổ chức bộ máy, Trung ương giao cho Bộ Chính trị chỉ đạo các cơ quan liên quan nghiên cứu chuẩn bị để đưa ra bàn ở Hội nghị Trung ương 7. Ở đây liên quan đến điều chỉnh chương trình làm việc của Trung ương. Lúc đầu dự định Hội nghị Trung ương bàn về công nhân, nông dân, trí thức và dân vận, nhưng lần này Trung ương quyết định giao cho Bộ Chính trị tiếp tục chuẩn bị, nếu có điều kiện thì Bộ Chính trị ra nghị quyết, nếu chưa đủ điều kiện thì cần nghiên cứu thân. Còn Hội nghị Trung ương 7 sẽ bàn về vấn đề tổ chức bộ máy và vấn đề tiền lương, biên chế.

9. *Toàn Đảng tiến hành một cuộc vận động xây dựng chính đôn Đảng,* thực hiện tự phê bình và phê bình nhân kỷ niệm 30 năm thực hiện *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh và kỷ niệm 70 năm ngày thành lập Đảng. Đây là quyết định được Trung

ương nhất trí rất cao và tỏ rõ quyết tâm chỉ đạo thực hiện một cách thiết thực, hiệu quả.

10. *Cải tiến việc ra nghị quyết và tổ chức thực hiện nghị quyết của Đảng.* Đảng chỉ ra nghị quyết, chỉ thị khi thật cần thiết. Nghị quyết phải ngắn gọn, rõ ràng, có thể thực hiện được ngay, giảm bớt thời gian chờ đợi và hướng dẫn của Trung ương. Lâu nay, sau khi có Nghị quyết, Bộ Chính trị phải có chỉ thị, rồi các ban có hướng dẫn, khá nhiều tầng nấc nên rất lâu. Lần này phải cải tiến cách ra nghị quyết và triển khai việc thực hiện nghị quyết.

Công bố công khai các nghị quyết, chương trình hành động của cấp uỷ, tổ chức đảng (nhất là cấp cơ sở) có liên quan đến phát triển kinh tế - xã hội, cải thiện đời sống nhân dân, nghĩa vụ và quyền lợi của nhân dân để dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra.

Khi đã có nghị quyết thì tập trung chỉ đạo thực hiện, nói đi đôi với làm. Lần này Nghị quyết nhấn mạnh là cá nhân và tổ chức nào không làm và làm không đầy đủ, hoặc làm trái phải bị phê bình, xử lý kỷ luật. Phải tăng cường kiểm tra, đi sâu đôn đốc, nắm chắc tình hình thực hiện. Từng đồng chí cấp uỷ viên, từ Uỷ viên Trung ương, Bộ Chính trị đến các cấp uỷ phải gương mẫu và xắn tay áo vào chỉ đạo việc thực hiện nghị quyết.

III- VIỆC TỔ CHỨC THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT

Lần này Trung ương và Bộ Chính trị đặc biệt nhấn mạnh yêu cầu phải tổ chức thực hiện tốt Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2). Từ sau Hội nghị Trung ương, dư luận chung rất hoan nghênh và tán thành, nhưng vẫn băn khoăn là liệu có thực hiện được không. Tinh thần của Trung ương là quyết tâm thực hiện và đã có kế hoạch

triển khai thực hiện Nghị quyết, thực hiện cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Việc triển khai thực hiện Nghị quyết lần này của Trung ương được chia làm bốn bước:

Bước một (từ nay đến ngày 19-5-1999).

Phải triển khai thông báo nhanh về Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2). Hiện các địa phương đang làm. Cũng có nơi có chương trình hành động cụ thể. Chuẩn bị các tài liệu cho việc nghiên cứu học tập Nghị quyết này. Bộ Chính trị sẽ tiến hành kiểm điểm tự phê bình và phê bình tập thể và cá nhân (trong tháng 3-1999). Sau đó là kiểm điểm Ban cán sự đảng Chính phủ, một số tỉnh thành trọng điểm.

Bộ Chính trị thông qua một số quy chế, một số văn bản có tính chất pháp quy để thực hiện, như quy định một số việc mà cán bộ, đảng viên không được làm; quy định thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ; quy định về học tập chính trị của cán bộ, đảng viên. Một loạt quy chế về cán bộ để thực hiện Nghị quyết Trung ương 3. Kiên quyết thực hiện việc luân chuyển, điều động cán bộ. Có kế hoạch tổ chức một đợt sinh hoạt tư tưởng chính trị trong toàn Đảng nghiên cứu, học tập Cương lĩnh, Điều lệ Đảng.

Chính phủ sẽ ban hành một số quy định cụ thể, thống nhất tiêu chuẩn, chế độ trang cấp phương tiện, vật dụng cho các chức danh cán bộ.

Trước mắt, thực hiện nghiêm chỉ thị về tiết kiệm, chấm dứt việc sử dụng công quỹ để quà cáp, biếu xén trong dịp Tết nguyên đán. Theo báo cáo bước đầu của Văn phòng Trung ương Đảng thì Tết Kỷ Mão vừa rồi giảm được khoảng 30 - 40%, không biết chính xác chưa, nhưng mà ai cũng nói đây là một chủ trương rất hợp lòng dân. Đương nhiên, để thực hiện được vấn đề này còn phải làm nhiều việc, phải đấu tranh gian khổ, kiên trì, vì đây là vấn đề rất phức tạp.

Bước hai (từ 19-5-1999 đến 2-9-1999).

Mở Hội nghị cán bộ toàn quốc quán triệt Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 (lần 2) trong dịp kỷ niệm lần thứ 109 ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đồng thời mở đầu cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Đồng chí Tổng Bí thư sẽ thay mặt Trung ương phát động cuộc vận động này.

Tổ chức học tập, nghiên cứu sâu Nghị quyết do các cấp uỷ đảng tổ chức.

Phổ biến kế hoạch của Bộ Chính trị về cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng và kế hoạch đợt sinh hoạt tư tưởng chính trị về Cương lĩnh, Điều lệ Đảng; phổ biến các quy định do Bộ Chính trị và Thủ tướng quyết định.

Các cấp uỷ đảng, các ban cán sự đảng, đảng đoàn có chương trình hành động và chỉ đạo thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2). Đồng thời phải thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - xã hội ở địa phương chứ không phải tập trung đóng cửa để chỉnh đốn Đảng. Chuẩn bị Đại hội anh hùng, chiến sĩ thi đua toàn quốc trong thời kỳ đổi mới vào cuối năm 2000. Tiến hành tự phê bình và phê bình theo kế hoạch 01 của Bộ Chính trị. Chương trình làm việc của Trung ương từ nay đến Đại hội IX đại thể có ba việc lớn: *Một là*, chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - xã hội theo các Nghị quyết Trung ương 2, 3, 4, 5, 6 (lần 1). *Hai là*, tập trung chỉ đạo thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) về xây dựng, chỉnh đốn Đảng. *Ba là*, chuẩn bị Đại hội IX. Trung ương đã quyết định nếu không có gì thay đổi thì triệu tập Đại hội IX vào quý I năm 2001. Như vậy nửa cuối năm 2000 là các cấp phải tiến hành đại hội.

Bước 3 (từ 2-9-1999 đến 3-2-2000).

Phát động toàn Đảng, toàn dân học tập và làm theo *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh và năm lời thề trong Lễ truy điệu Người, với nội dung là rèn luyện, nâng cao đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân, thực hiện những lời Bác dạy trong *Di chúc*.

Tiến hành sơ kết cuộc vận động để rút kinh nghiệm, triển khai làm tiếp bước sau.

Bước 4 (từ 3-2-2000 đến 19-5-2001).

Tiếp tục cuộc vận động xây dựng và chỉnh đốn Đảng, tiến tới Đại hội IX. Chuẩn bị thật tốt để kỷ niệm các ngày lễ lớn trong năm 2000. Năm 2000 có rất nhiều ngày lễ lớn: năm chẵn kỷ niệm ngày thành lập Đảng, ngày thành lập nước, ngày sinh của Bác, giải phóng miền Nam thống nhất đất nước... Năm 2000 là năm cuối của thế kỷ XX để chuyển sang thế kỷ XXI và có Đại hội anh hùng, chiến sĩ thi đua toàn. Trên cơ sở kế hoạch này, Bộ Chính trị giao cho các ban chức năng chuẩn bị các công việc để triển khai Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2).

* *

*

Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) là một nghị quyết có tầm quan trọng đặc biệt. Nghị quyết đã được toàn Đảng, toàn dân đón nhận với một niềm phấn khởi, tin tưởng và chờ mong, vấn đề quyết định là khâu tổ chức thực hiện. Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị cho rằng Nghị quyết có được thực hiện tốt hay không phải do toàn Đảng, toàn dân, tất cả các cấp, các ngành, trước hết là các đồng chí lãnh đạo chủ chốt. Đương nhiên, đây là công việc rất khó, vì xây dựng Đảng là vấn đề xây dựng tổ chức, xây dựng con người. Vấn đề là mỗi người có quyết tâm và có tự giác thực hiện hay không? Mỗi cán bộ có gương mẫu hay không và chúng ta có đủ niềm tin, đủ ý chí hay không?

* Bài đăng trên Tạp chí Thông tin công tác tư tưởng, số 4- 1999.

NHỮNG NHIỆM VỤ CHỦ YẾU CỦA CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY*

Phương hướng cơ bản của công tác xây dựng Đảng trong giai đoạn hiện nay là: *Phát huy truyền thống vẻ vang, tăng cường bản chất giai cấp công nhân vì tính tiên phong của Đảng, xây dựng Đảng thực sự vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức đổi mới phương thức lãnh đạo, tăng cường mối liên hệ giữa Đảng với nhân dân, bảo đảm cho Đảng làm tròn trách nhiệm là đội tiên phong lãnh đạo sự nghiệp cách mạng.*

Trên cơ sở phương hướng chung ấy, cần thực hiện các nhiệm vụ chủ yếu sau:

1. Giữ vững và tăng cường bản chất giai cấp công nhân của Đảng

Xác định rõ và nhận thức sâu sắc bản chất của Đảng là vấn đề rất hệ trọng. Nó chi phối nội dung, nguyên tắc hoạt động của Đảng, đồng thời quyết định phương hướng, biện pháp xây dựng Đảng.

Trước thời kỳ đổi mới, vấn đề bản chất của Đảng ta tuy có ý kiến thảo luận nhưng không nhiều. Hầu như mọi người đều thống nhất nhận thức rằng: Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân Việt Nam đồng thời là đại biểu lợi ích của nhân dân lao động và của cả dân tộc; Đảng là sản phẩm của sự kết hợp chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam.

Trong những năm đổi mới, vấn đề bản chất của Đảng được nhiều người bàn thảo, nhất là vào dịp chuẩn bị các Đại hội của Đảng. Ý kiến khác nhau thường tập trung vào các khía cạnh: Đảng ta là Đảng của ai? Đảng của riêng giai cấp công nhân hay

của cả nhân dân lao động và của toàn dân tộc? Có nói Đảng ta là Đảng của dân tộc không? Hiểu tính giai cấp và tính dân tộc trong bản chất Đảng thế nào cho đúng? Nói Đảng của giai cấp công nhân hình như là biệt phái, còn nói Đảng của nhân dân lao động thì hình như rơi vào “phi giai cấp”, “đảng toàn dân”... Có đồng chí ngần ngại khi nói bản chất giai cấp công nhân của Đảng ta, vì cho rằng giai cấp công nhân ở nước ta còn nhỏ bé, tỷ lệ đảng viên xuất thân từ công nhân còn rất thấp (dưới 10%), thực tế trong giai cấp công nhân và trong Đảng ta có những biểu hiện tiêu cực, lạc hậu.

Gần đây, khi thảo luận vấn đề tính chất Đảng, vẫn có ý kiến muốn nhấn mạnh khía cạnh *giai cấp*, ngược lại có ý kiến muốn nhấn mạnh khía cạnh *dân tộc*. Có đồng chí cho rằng, không nên nói Đảng ta chỉ là Đảng của giai cấp công nhân, mà nên nói “là đảng của giai cấp công nhân đồng thời là đảng của nhân dân lao động và của cả dân tộc”.

Các ý kiến trên đây đều có những căn cứ nhất định, đều nói đúng được các mặt bản chất của Đảng ta, phản ánh đúng thực tế của nước ta. Vấn đề là ở chỗ tìm ra mối liên hệ biện chứng giữa các mặt, các khía cạnh, không nên đối lập hoặc cực đoan nhấn mạnh một mặt. Vì trong thực tế, nếu nhấn mạnh một chiều, một mặt nào đó thì dễ dẫn đến hạ thấp hoặc phủ nhận mặt kia và như vậy sẽ có hại cho hoạt động thực tiễn.

Cần nhắc lại rằng, bất cứ một đảng chính trị nào cũng là sản phẩm của đấu tranh giai cấp và mang bản chất của một giai cấp nhất định. Dù tổ chức chặt chẽ hay lỏng lẻo, hoạt động cách mạng hay đấu tranh nghị trường (ở một số nước tư bản)... đảng nào cũng đứng trên lập trường của giai cấp mình, bênh vực và bảo vệ lợi ích của giai cấp mình. Không như thế không phải là chính đảng. Bản chất giai cấp công nhân là vấn đề cơ bản, bao trùm, có tính nguyên tắc đối với tất cả các đảng mác xít - leninist chân chính. Nó càng đặc biệt quan trọng đối với Đảng ta -

một đảng ra đời và trưởng thành ở một nước nông nghiệp lạc hậu, công nghiệp chưa phát triển, giai cấp công nhân còn nhỏ bé, đảng viên xuất thân từ công nhân rất ít. Hiện nay, Đảng ta lại đang hoạt động trong điều kiện mới - điều kiện một đảng cầm quyền lãnh đạo đất nước chuyển sang phát triển kinh tế nhiều thành phần, mở cửa, môi trường xã hội có nhiều phức tạp; cán bộ, đảng viên của Đảng giữ nhiều trọng trách, hằng ngày hằng giờ tiếp xúc với hàng và tiền, đối mặt với chủ nghĩa tư bản, phải làm sao giữ vững và tăng cường bản chất giai cấp công nhân và tính tiên phong của Đảng. Nếu không nhận rõ và khẳng định bản chất giai cấp công nhân của Đảng để có biện pháp tích cực đổi mới, chỉnh đốn Đảng thì rất dễ mơ hồ và Đảng rất dễ bị biến chất. Vấn đề giữ cho Đảng không biến chất, luôn luôn mang bản chất của giai cấp công nhân là vấn đề hết sức cơ bản và quyết định. Càng đi vào phát triển kinh tế thị trường lại càng phải chăm lo giữ vững và tăng cường bản chất giai cấp công nhân của Đảng. Không phải ngẫu nhiên mà Đảng ta luôn luôn coi "đây là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu".

Nói bản chất giai cấp công nhân là nói bản chất *cách mạng và khoa học, ý chí kiên định, trí tuệ tiên phong và ý thức tổ chức kỷ luật chặt chẽ...* của giai cấp công nhân. Bản chất giai cấp công nhân của Đảng thấm sâu vào tất cả các mặt chính trị, tư tưởng và tổ chức, tức là cả trong đường lối chính trị, nền tảng tư tưởng, nguyên tắc tổ chức và mọi hoạt động của Đảng. Cụ thể là bản chất giai cấp công nhân của Đảng thể hiện ở các mặt sau đây:

- Đảng tuyệt đối trung thành với lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc, Đảng tồn tại và hoạt động là vì lợi ích của giai cấp và dân tộc. Khi định ra cương lĩnh, đường lối chính trị, Đảng luôn luôn đứng vững trên lập trường của giai cấp công nhân, nắm vững quy luật khách quan, phản ánh đúng lợi ích của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, Đảng kiên định bảo vệ mục tiêu lý tưởng của giai cấp công nhân; đó là độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, từng

bước tiến lên chủ nghĩa cộng sản. Dù tình hình thế giới và trong nước khó khăn, phức tạp đến đâu Đảng cũng không chao đảo, dao động, xa rời mục tiêu lý tưởng đó.

- Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động, đồng thời tiếp thu tinh hoa trí tuệ của dân tộc và nhân loại, đấu tranh bảo vệ và không ngừng phát triển, làm phong phú thêm chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

- Đảng là một khối thống nhất ý chí và hành động, lấy tập trung dân chủ làm nguyên tắc tổ chức cơ bản, thực hiện lãnh đạo tập thể, cá nhân phụ trách, tự phê bình và phê bình, giữ đoàn kết thống nhất trong Đảng trên cơ sở Cương lĩnh chính trị và Điều lệ Đảng; đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, chủ nghĩa cơ hội, chống mọi biểu hiện độc đoán, chuyên quyền, cục bộ địa phương, chia rẽ, bè phái trong Đảng.

- Đảng gắn bó mật thiết với nhân dân, tôn trọng quyền làm chủ của nhân dân và thường xuyên chịu sự giám sát của nhân dân; đoàn kết, tổ chức và lãnh đạo nhân dân tiến hành sự nghiệp cách mạng. Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, tôn trọng và phát huy vai trò của Nhà nước, Mặt trận các đoàn thể chính trị - xã hội; đồng thời Đảng là một bộ phận của hệ thống chính trị và là thành viên của Mặt trận Tổ quốc.

- Đảng kết hợp chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân, ủng hộ sự nghiệp đấu tranh vì hoà bình độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội của nhân dân thế giới.

Phấn đấu thực hiện tốt năm mặt nêu trên chính là để giữ vững và tăng cường bản chất giai cấp công nhân của Đảng. Trong tình hình hiện nay, *điều cực kỳ quan trọng là phải trung thành với mục tiêu lý tưởng của giai cấp công nhân và lợi ích*

tối cao của dân tộc; xây dựng một đội ngũ cán bộ, trước hết là cán bộ chủ chốt các cấp thực hiện kiên định, vững vàng, tiêu biểu cho đường lối chính trị, phẩm chất trí tuệ là bản lĩnh của giai cấp công nhân và dân tộc Việt Nam.

Ở Việt Nam, bản chất giai cấp công nhân không tách rời và càng không đối lập với tính dân tộc. Bản chất giai cấp công nhân thể hiện không phải chỉ ở số lượng đảng viên xuất thân từ thành phần công nhân nhiều hay ít (mặc dù vấn đề tăng số lượng đảng viên xuất thân từ công nhân là rất quan trọng) mà *chủ yếu và quyết định hơn* là ở chỗ lập trường, quan điểm, thế giới quan, đường lối chính trị, nguyên tắc tổ chức... của Đảng có thực sự là của giai cấp công nhân không, có tiêu biểu cho lợi ích của dân tộc không.

Trên cơ sở nắm vững những quan điểm chung về bản chất của Đảng, chúng ta phải vận dụng vào các việc cụ thể hằng ngày trong công tác xây dựng Đảng. Từ việc định ra chủ trương chính sách đến việc giáo dục, bồi dưỡng xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên; từ việc thực hiện nghiêm túc các nguyên tắc tổ chức sinh hoạt Đảng đến việc thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc, mở rộng và tăng cường quan hệ quốc tế. Tất cả đều phải thấm nhuần, quán triệt sâu sắc quan điểm giai cấp công nhân và truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta.

2. Nâng cao bản lĩnh chính trị, trình độ trí tuệ, phẩm chất và năng lực cán bộ, đảng viên

Đảng ta là người lãnh đạo, là đội tiên phong chiến đấu của giai cấp, đồng thời là lãnh tụ chính trị của cả dân tộc, cho nên hơn ai hết Đảng phải có bản lĩnh chính trị kiên cường, trí tuệ cao, có tính tiên phong. Chiến thắng được các kẻ thù xâm lược, giải phóng được đất nước là nhờ Đảng ta có bản lĩnh chính trị kiên cường và có trí tuệ tiên phong. Lúc này muốn chiến thắng nghèo nàn, lạc hậu, càng cần phải có bản lĩnh và trí tuệ tiên phong. Việc nâng cao trình độ trí tuệ, tính tiên phong được đặt ra rất cấp bách. Mọi cán bộ, đảng viên, trước hết là các cán bộ lãnh đạo chủ

chốt, phải nhận thức đầy đủ và sâu sắc vấn đề này để có kế hoạch thường xuyên học tập, nâng cao trình độ hiểu biết, trình độ tư duy lý luận. Vừa qua, Đảng ta đề ra và tổ chức thực hiện có kết quả đường lối đổi mới là do Đảng đã kiên định mục tiêu chiến lược đồng thời đổi mới tư duy, nâng cao trình độ lý luận, vận dụng một cách độc lập, sáng tạo những nguyên lý lý luận, tổng kết thực tiễn, phát huy được trí tuệ của toàn Đảng, toàn dân, nắm bắt được những vấn đề nảy sinh từ cuộc sống. Hiện nay còn rất nhiều vấn đề cần phải tiếp tục đi sâu nghiên cứu, làm sáng tỏ. Nếu không đẩy mạnh công tác nghiên cứu lý luận, đi vào cuộc sống tổng kết thực tiễn, nếu cán bộ, đảng viên không chịu học (học lý luận, học quản lý, học chuyên môn, nghiệp vụ...), học trong nghiên cứu, tổng kết thực tiễn thì không thể tìm ra được câu trả lời cho các vấn đề đó. Học tập là nghĩa vụ bắt buộc đối với mọi cán bộ, đảng viên. Lười học tập, lười suy nghĩ sẽ dẫn đến thụ động, ý lại, không thể nâng được trí tuệ chung của toàn Đảng. Và như thế thì làm sao đáp ứng được yêu cầu của tình hình mới.

Đảng ta đã nhiều lần nhấn mạnh, phải kiên quyết khắc phục tình trạng suy thoái về phẩm chất chính trị, đạo đức và lối sống trong một bộ phận cán bộ, đảng viên. Hoạt động trong điều kiện mới, môi trường xã hội có không ít yếu tố phức tạp, bối cảnh thế giới và trong nước có những diễn biến rất nhanh, các thế lực thù địch lại giăng ra đủ thứ mưu mô và cạm bẫy, nếu cán bộ, đảng viên không chịu rèn luyện, giữ mình trong sáng. không trung thành với lý tưởng cách mạng, kiên định con đường đi, thì Đảng sẽ ra sao Đảng và nhân dân đang rất lo ngại vì có một bộ phận đảng viên, cán bộ giảm sút phẩm chất chính trị và đạo đức rất nhanh và nghiêm trọng.

Phải thừa nhận rằng, trong hoàn cảnh mới hiện nay, có không ít đảng viên dao động, giảm sút lòng tin và ý chí phấn đấu, phai nhạt lý tưởng, không phát huy được vai trò tích cực trong quần chúng. Nhiều người chỉ ham làm giàu, ngại sinh hoạt chính trị, có khuynh hướng xa rời chính trị. Tình trạng lợi dụng chức quyền và

cương vị công tác để tham nhũng ăn hối lộ, buôn lậu, làm giàu bất chính có chiều hướng tăng lên, nhất là trong số cán bộ hoạt động sản xuất kinh doanh, và cả trong một số cán bộ quản lý nhà nước, bảo vệ pháp luật. Lối sống buông thả, thực dụng chạy theo đồng tiền, xa hoa lãng phí lây lan phổ biến. Thậm chí không ít cán bộ sống quay lưng lại với dân, ăn chơi sa đọa, hưởng lạc. Có thể nói cả xã hội đang nhúc nhối về nạn tham nhũng hối lộ, buôn lậu, lối sống tất cả vì tiền, coi đồng tiền là trên hết. Một số người kèn cựa địa vị, cục bộ địa phương, gia trưởng độc đoán, ý thức tổ chức kỷ luật kém, bất chấp các nguyên tắc tổ chức sinh hoạt Đảng... Nếu không khắc phục được những hiện tượng đó thì rất dễ làm thoái hoá biến chất Đảng và Nhà nước.

Mỗi cán bộ, đảng viên dù ở cương vị công tác nào đều phải thấy hết trách nhiệm của mình, không ngừng tự rèn luyện, tự phấn đấu để nâng cao đạo đức cách mạng, khắc phục các thói tệ của chủ nghĩa cá nhân. Các tổ chức Đảng phải có kế hoạch giáo dục bồi dưỡng, kiểm tra, quản lý, giúp đỡ một cách có hiệu quả việc rèn luyện đó. Đi đôi với việc kịp thời biểu dương những đảng viên gương mẫu, phải kiên quyết đưa những người đã thoái hoá biến chất ra khỏi Đảng, xử lý kịp thời và nghiêm minh những cán bộ, đảng viên hư hỏng, vi phạm kỷ luật Đảng và pháp luật Nhà nước, bất kể họ là ai, ở cương vị nào. Nạn ô dù, bao che cũng phải coi là một tội ác.

Trong điều kiện hoà bình xây dựng kinh tế đảng viên cần phải phát huy vai trò tiên phong, gương mẫu trong lao động sản xuất, phát triển kinh tế, được phép làm giàu, nhưng đó phải là làm giàu chính đáng, hợp pháp, theo đúng chính sách, luật pháp của Nhà nước và các quy định của Điều lệ Đảng. Phải thực hiện tốt việc cải cách nền hành chính nhà nước, đồng thời tiếp tục nghiên cứu, tổng kết thực tiễn, đề ra những cơ chế, chính sách, quản lý vĩ mô để chống tham nhũng, hối lộ, buôn lậu từ gốc.

3. Củng cố Đảng về mặt tổ chức, thực hiện tốt hơn nữa nguyên tắc tập trung dân chủ, bảo đảm cho tổ chức đảng luôn luôn chặt chẽ, nội bộ đoàn kết thống nhất, có sức chiến đấu cao

Củng cố Đảng về tổ chức là một yêu cầu cấp bách trong công tác xây dựng Đảng, bảo đảm cho tổ chức Đảng chặt chẽ, thống nhất ý chí và hành động, hoạt động nhịp nhàng, có hiệu quả. Theo quan điểm toàn diện, công tác củng cố Đảng về tổ chức bao gồm nhiều loại vấn đề: từ xác định và xây dựng cơ cấu bộ máy, chức năng nhiệm vụ đến cơ chế vận hành; từ bố trí cán bộ đến xây dựng phương thức lề lối làm việc; từ việc thực hiện các nguyên tắc tổ chức đến việc quản lý kiểm tra hoạt động của các thành viên trong tổ chức. Ở đây chỉ nêu một số vấn đề nguyên tắc tổ chức và hệ thống tổ chức Đảng.

Nguyên tắc cơ bản bảo đảm cho Đảng chặt chẽ về tổ chức là *nguyên tắc tập trung dân chủ*. Đảng phải là một khối thống nhất (thống nhất tư tưởng, thống nhất ý chí, thống nhất hành động) trên cơ sở mục tiêu lý tưởng, đường lối chính trị và thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ trong Đảng. Phủ nhận nguyên tắc tập trung dân chủ là phủ nhận Đảng từ bản chất; xoá bỏ nguyên tắc tập trung dân chủ là phá hoại sức mạnh của Đảng từ gốc.

Kinh nghiệm chỉ rõ, để quán triệt và thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ phải nhận thức thống nhất về nguyên tắc này; kiên quyết đấu tranh với những tư tưởng và hành động sai trái; đồng thời phải có cơ chế vận hành, cơ chế giám sát, kiểm soát và các quy định cụ thể về phát huy dân chủ, đi đôi với lãnh đạo tập trung một cách đúng đắn ở mọi cấp trong Đảng.

Cấp uỷ và các tổ chức đảng phải bảo đảm thực hiện đầy đủ các quyền của đảng viên, như quyền tự do tư tưởng và dân chủ thảo luận trong sinh hoạt đảng; quyền được thông tin về tình hình, thông báo kịp thời các chủ trương, chính sách, chỉ thị,

ng nghị quyết mới của Đảng; quyền được bảo lưu những ý kiến thuộc về thiểu số và được xem xét những ý kiến đó; quyền được phê bình, chất vấn lãnh đạo.

Xây dựng quy chế, quy trình để các đảng viên, chuyên gia, nhà khoa học, cán bộ hoạt động thực tiễn cũng như các tầng lớp nhân dân tham gia trực tiếp vào quá trình hoạch định và tổ chức thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng. Khuyến khích, tạo điều kiện để mọi người mạnh dạn suy nghĩ, tìm tòi, phát biểu thẳng thắn và trung thực ý kiến của mình trong tổ chức.

Cán bộ lãnh đạo, nhất là người đứng đầu cấp uỷ, phải tôn trọng ý kiến và những việc làm sáng tạo của đảng viên, của cơ sở; lắng nghe các ý kiến khác nhau trước khi quyết định; dân chủ hoá việc nhận xét đánh giá cán bộ. Tổ chức đảng cấp trên phải sâu sát cơ sở và thực tiễn. Trước khi quyết định những vấn đề quan trọng của cấp dưới, cần lắng nghe ý kiến của cấp dưới và của cả cơ quan tham mưu, tránh gò ép, áp đặt.

Đấu tranh với những khuynh hướng dân chủ cực đoan, lợi dụng dân chủ gây chia rẽ, bè phái; mị dân, theo đuôi quần chúng lạc hậu; dân chủ hình thức. Dân chủ thực sự chân chính không thể có được nếu thiếu tập trung, thiếu kỷ luật, pháp luật, thiếu trách nhiệm đảng viên. Dân chủ một mặt đối lập với độc đoán, chuyên quyền, mặt khác đối lập với chủ nghĩa tự do vô chính phủ. Dân chủ phải đi đôi với tập trung và dưới sự chỉ đạo của tập trung. Không có tập trung trên cơ sở dân chủ sẽ không thể hình thành được đường lối, chủ trương, chính sách đúng đắn; không thể tạo nên sức mạnh để thực hiện các quyết định đã đề ra. Quan hệ giữa dân chủ và tập trung là mối quan hệ thống nhất biện chứng. Các tổ chức đảng, đảng viên phải thực hiện đúng quy định: thiểu số phục tùng đa số, cá nhân phục tùng tổ chức, cấp dưới phục tùng cấp trên, các tổ chức trong toàn Đảng phục tùng Đại hội đại biểu toàn quốc và Ban Chấp hành Trung ương. Mỗi cán bộ, đảng viên dù ở cương vị nào đều phải rèn luyện ý thức tổ chức kỷ luật, tự giác đặt mình trong sự quản lý của chi bộ, tự khép

mình trong khuôn khổ kỷ luật Đảng và pháp luật Nhà nước, khắc phục tình trạng buông lỏng kỷ luật kỷ cương.

Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo tập trung thống nhất của Trung ương, chú trọng điều tiết, quản lý vĩ mô, bảo đảm hành Đảng thống nhất đối với những vấn đề quan trọng của toàn Đảng; đồng thời phát huy trách nhiệm và tính chủ động, năng động, sáng tạo của địa phương và cơ sở. Khắc phục cả hai khuynh hướng lệch lạc: phân tán, cục bộ và tập trung quan liêu.

Tất cả các tổ chức đảng và mọi cán bộ, đảng viên phải quán triệt và chấp hành nghị quyết, chỉ thị của Đảng. Mọi hoạt động vô tổ chức, vô kỷ luật, cố tình không chấp hành nghị quyết, chỉ thị, gây chia rẽ, bè phái, làm suy yếu khối đoàn kết thống nhất của Đảng đều phải bị thi hành kỷ luật. Đồng thời có hình thức khen thưởng các tổ chức đảng và đảng viên chấp hành nghiêm túc kỷ luật, kỷ cương, giữ gìn phẩm chất đạo đức.

Thực hiện nghiêm túc chế độ tự phê bình và phê bình; chống làm hình thức, chiếu lệ, không tiếp thu phê bình hoặc tiếp thu mà không sửa chữa khuyết điểm. Nghiêm cấm hiện tượng trấn áp, trù dập người phê bình cũng như hiện tượng lợi dụng phê bình để vu cáo, đả kích cá nhân, gây rối nội bộ.

Thường xuyên chăm lo củng cố khối đoàn kết thống nhất trong Đảng, giữ gìn và phát huy truyền thống đoàn kết của Đảng, của dân tộc. Thực tế cho thấy, đoàn kết thống nhất trong Đảng, trước hết là ở cơ quan lãnh đạo, có ý nghĩa quyết định sự thành công của cách mạng. Cán bộ, đảng viên giữ gìn sự đoàn kết thống nhất trong Đảng trên cơ sở đường lối chính trị, nguyên tắc tổ chức và tình thương yêu đồng chí. Nhiều văn kiện của Đảng đã nhấn mạnh, phải tập trung giải quyết cho được tình trạng mất đoàn kết nghiêm trọng ở một số ngành và địa phương. Muốn vậy, phải phân tích đúng nguyên nhân, có biện pháp giải quyết phù hợp. Đặc biệt cần chú ý: bố trí đúng người đứng đầu tổ chức đảng và cơ quan chính quyền cùng cấp,

nắm vững và thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ; có quy chế công tác rõ ràng, chặt chẽ, nhất là về công tác cán bộ, thường xuyên tự phê bình và phê bình; kiên quyết đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân; tư tưởng kèn cựa địa vị, tranh giành ngôi thứ, lợi lộc, cũng như đầu óc cục bộ, bản vị; bồi dưỡng tình thương yêu đồng chí, tôn trọng lẫn nhau; phát hiện sớm hiện tượng mất đoàn kết, tập trung giải quyết và xử lý dứt điểm.

Không nên đồng nhất việc trong Đảng có những ý kiến khác nhau khi thảo luận, tranh luận với tình trạng mất đoàn kết. Trước sự phát triển của cách mạng, có nhiều vấn đề lý luận và thực tiễn rất phức tạp, chưa sáng tỏ, trong Đảng cần có sự thảo luận, tranh luận. Mọi cán bộ, đảng viên phải biết lắng nghe, tôn trọng ý kiến của nhau, giải quyết có lý có tình, có việc phải chờ đợi nhau. Đồng thời không đoàn kết hình thức, một chiều, xuê xoa, không dám đấu tranh.

Trong việc xây dựng, kiện toàn hệ thống tổ chức, bộ máy của Đảng cần bám sát yêu cầu của nhiệm vụ chính trị và phục vụ thiết thực cho nhiệm vụ chính trị. Việc xây dựng hệ thống tổ chức không chỉ là việc sắp xếp cơ cấu bộ máy mà điều quan trọng là xác định rõ chức năng, nhiệm vụ và quy chế hoạt động của một tổ chức, giải quyết đúng đắn mối quan hệ của các tổ chức trong cùng hệ thống và ngoài hệ thống. Cuộc sống bao giờ cũng đòi hỏi một mô hình tổ chức hợp lý, không trùng lặp nhiệm vụ, có bộ máy và biên chế tinh gọn. Không chấp nhận sự chồng chéo công việc, trách nhiệm của tập thể và cá nhân thiếu rõ ràng, vì người mà để ra tổ chức, vì có tổ chức mà sinh ra những thủ tục phiền hà, chi phí tốn kém. Đó phải là những tổ chức có chất lượng cao, trong sạch, có sức chiến đấu mạnh mẽ, luôn luôn biết đổi mới, một mặt phản ánh kịp thời những biến đổi của hạ tầng cơ sở, mặt khác lại tác động tốt đến hạ tầng cơ sở.

Xây dựng, kiện toàn hệ thống tổ chức bộ máy của Đảng và của các tổ chức khác trong hệ thống chính trị theo hướng gọn nhẹ, chất lượng, hiệu lực; đồng thời đổi

mới cơ chế hoạt động, cải tiến phương thức lãnh đạo, đảm bảo cho hệ thống bộ máy vận hành thông suốt, thống nhất, có hiệu quả. Kiên quyết cắt giảm những bộ phận thừa, những khâu trung gian không cần thiết. Tập trung củng cố hai khâu tổ chức trọng yếu là cấp trung ương và cấp cơ sở. Cũng không vì yêu cầu tinh giản tổ chức và biên chế mà nhập các tổ chức vào nhau, lẫn lộn chức năng của mỗi loại tổ chức.

Phải thừa nhận là vấn đề tổ chức và công tác kiện toàn hệ thống, cơ cấu tổ chức vẫn đang là một khâu yếu hiện nay. Chúng ta vẫn chưa giải quyết được một cách cơ bản vấn đề: Chức năng, nhiệm vụ của từng loại tổ chức và mối quan hệ giữa các tổ chức với nhau, nhất là giữa tổ chức đảng và cơ quan nhà nước; đổi mới phương thức lãnh đạo ở mỗi cấp cụ thể, mỗi ngành cụ thể là thế nào. Cần sớm khắc phục tình trạng lúng túng này.

4. Chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ, trước hết là đội ngũ lãnh đạo cốt cán ở các cấp, bảo đảm sự phát triển liên tục của cách mạng và sự bền vững của chế độ, của đất nước

Hiện nay cách mạng nước ta đang ở bước chuyển rất cơ bản; đội ngũ cán bộ lãnh đạo các cấp cũng đang ở thời kỳ chuyển tiếp quan trọng. Nhiều cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp, nhất là cấp chiến lược vĩ mô, do tuổi tác và sức khỏe, sẽ dần dần chuyển giao vị trí công tác cho cán bộ trẻ hơn. Kinh nghiệm ở nhiều nước cho thấy, nếu không làm tốt bước chuyển tiếp cán bộ lãnh đạo, không chuẩn bị tích cực đội ngũ cán bộ kế tục thì hậu quả khó mà lường hết được. Các thế lực thù địch cũng đang toan tính và rất muốn lợi dụng thời cơ này để thực hiện ý đồ đen tối của chúng.

Trong tình hình hiện nay, cần nắm vững các quan điểm đúng đắn của Đảng và Bác Hồ trong công tác cán bộ, vì lợi ích của giai cấp và dân tộc mà nhìn nhận và tiến hành công tác cán bộ. Trong việc xây dựng đội ngũ cán bộ cốt cán, những cán bộ

lãnh đạo chính trị, phải chú ý lựa chọn, đào tạo và sử dụng những người thật sự trung thành với lý tưởng của giai cấp công nhân, với lợi ích của dân tộc, với chủ nghĩa xã hội. Đoàn kết, tập hợp rộng rãi các loại cán bộ, trọng dụng mọi nhân tài của đất nước, dù người đó ở trong Đảng hay ngoài Đảng, thuộc dân tộc, tôn giáo nào, ở trong nước hay Việt kiều ở nước ngoài, miễn sao họ toàn tâm toàn ý phụng sự đất nước, phụng sự nhân dân. Không nên mặc cảm, định kiến với những người quá khứ có sai lầm nay đã hối cải và sửa chữa.

Chú trọng trẻ hóa đội ngũ cán bộ, đồng thời kết hợp tốt “ba độ tuổi”, bảo đảm tính kế thừa và tính phát triển trong đội ngũ cán bộ, phát huy sức mạnh tổng hợp của các loại cán bộ.

Đổi mới quan niệm và phương pháp đánh giá, bố trí sử dụng cán bộ theo hướng thật sự dân chủ, khoa học, khách quan, công tâm, theo một quy trình chặt chẽ. Đánh giá và sử dụng cán bộ phải căn cứ vào tiêu chuẩn cán bộ, yêu cầu công việc; phải lấy hiệu quả công tác và sự đóng góp thực tế làm thước đo phẩm chất và năng lực cán bộ; đặt cán bộ trong môi trường và điều kiện cụ thể để xem toàn diện mặt khách quan, chủ quan, trong cả quá trình phát triển của cán bộ. Những nhận xét, kết luận về cán bộ, những công việc về nhân sự cán bộ nhất thiết phải do tập thể xem xét quyết định. Tránh làm đơn giản, chủ quan, cách nhìn phiến diện; khắc phục quan niệm gia trưởng, hẹp hòi, thành kiến, thiếu công tâm trong công tác cán bộ.

Đi đôi với việc bổ sung, hoàn thiện đường lối chính trị và chiến lược kinh tế - xã hội, phải tích cực chuẩn bị chiến lược cán bộ, trong đó đặc biệt chú trọng cán bộ lãnh đạo cốt cán. Phát huy tốt đội ngũ cán bộ hiện có; đồng thời bồi dưỡng, đào tạo cán bộ theo yêu cầu mới; xử lý kịp thời những cán bộ có sai lầm khuyết điểm. Phải xây dựng quy hoạch cán bộ, tạo nguồn cán bộ và chăm lo đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Nội dung của quy hoạch cán bộ gồm: phát hiện, lựa chọn, đào tạo, bồi dưỡng,

bố trí, sử dụng, chuẩn bị đội ngũ kế cận, tạo nguồn dự bị; gắn việc quy hoạch cán bộ với việc đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng cán bộ. Quy hoạch cán bộ không phải chỉ là đưa cán bộ đi học. Chú ý đầy đủ vấn đề nâng cao dân trí, chăm lo tạo nguồn cán bộ ngay từ trong hoạt động thực tiễn, trong các trường đại học, cao đẳng và dạy nghề. Chấn chỉnh lại việc đào tạo giáo dục ở các trường này.

Đào tạo bồi dưỡng cán bộ toàn diện cả về phẩm chất chính trị, đạo đức, trình độ và năng lực; cả cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý, các nhà doanh nghiệp và các chuyên gia, trước hết là các cán bộ chủ chốt trong hệ thống chính trị; coi trọng cả đức và tài, trong đó đức là gốc. Mọi cán bộ phải thường xuyên nâng cao trình độ mọi mặt, rèn luyện, trau dồi phẩm chất chính trị, lòng trung thành với lý tưởng cách mạng, ý chí kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, ý thức tổ chức kỷ luật, gương mẫu trong đạo đức và lối sống, kết hợp hài hoà giữa lợi ích cá nhân và lợi ích tập thể, khi lợi ích cá nhân mâu thuẫn với lợi ích tập thể thì phải biết đặt lợi ích chung lên trên hết, trước hết. Chính đây là cái tạo nên uy tín của cán bộ và uy tín của Đảng.

Trong việc bố trí và sử dụng cán bộ cần chú ý bảo đảm đúng tiêu chuẩn, đúng sở trường cán bộ. Đề bạt, bổ nhiệm cán bộ cần đúng lúc, giao việc đúng tầm, khuyến khích cán bộ vươn lên đảm nhiệm công việc cao hơn. Thực hiện quy chế bầu cử có nhiệm kỳ, bổ nhiệm có thời hạn; khắc phục tình trạng "đã lên không xuống, đã vào không ra". Có chế độ cho cán bộ được tự xin từ chức hoặc rút chức để nhận công việc thích hợp. Xây dựng quy chế tuyển chọn cán bộ, tuyển chọn nhân tài.

Đảng cầm quyền không những lo xây dựng đội ngũ của mình mà còn phải lo cán bộ cho cả hệ thống chính trị, cho toàn xã hội, trên tất cả các lĩnh vực. Vì vậy, Đảng phải trực tiếp thông nhất lãnh đạo và quản lý cán bộ, đồng thời phát huy trách nhiệm của các tổ chức thành viên trong hệ thống chính trị, tôn trọng luật pháp và điều lệ của các tổ chức quần chúng.

Có chính sách sử dụng, đãi ngộ đúng đắn đối với cán bộ, ngăn ngừa và khắc phục tình trạng cán bộ "trôi nổi" trong cơ chế thị trường, "chảy chất xám". Mặt khác, cần đề cao cảnh giác, có biện pháp tích cực và chủ động bảo vệ cán bộ. Quản lý bảo vệ cán bộ là biện pháp tốt nhất để bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ, bảo vệ sự nghiệp của nhân dân.

5. Nâng cao sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng

Thực tiễn của những năm đổi mới một lần nữa cho thấy, muốn toàn Đảng mạnh thì từng cơ sở phải mạnh; phải luôn luôn quan tâm, xây dựng và củng cố các tổ chức cơ sở đảng, bảo đảm vai trò lãnh đạo của Đảng trong tất cả các loại cơ sở.

Càng đi vào công cuộc đổi mới, thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá càng phải làm tốt việc củng cố kiện toàn tổ chức cơ sở đảng, coi đây là một trọng tâm công tác thường xuyên của toàn Đảng. Tập trung hơn vào những cơ sở trọng điểm, những nơi còn nhiều khó khăn; coi trọng việc xây dựng tổ chức cơ sở đảng và đoàn thể quần chúng ở các loại cơ sở trong tất cả các thành phần kinh tế.

Đảng ta đã chỉ rõ, hướng chủ yếu củng cố, chỉnh đốn các tổ chức cơ sở đảng là làm cho các cơ sở này quán triệt đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước, đề ra được chủ trương, giải pháp đúng và lãnh đạo tổ chức thực hiện tốt các nhiệm vụ của đơn vị phát triển kinh tế, xoá đói giảm nghèo, cải thiện đời sống của người lao động, chống tham nhũng ức hiếp quần chúng. Chấn chỉnh và cải tiến sinh hoạt đảng, có quy định chặt chẽ đối với những trường hợp đảng viên đi công tác làm việc lưu động ở nơi xa, ở nước ngoài, quản lý có nền nếp đảng viên.

Ở các doanh nghiệp tư nhân, liên doanh với nước ngoài, những nơi chưa có hoặc có ít đảng viên phải đi từ việc xây dựng các đoàn thể, tập hợp và giáo dục quần chúng, phát triển đoàn viên, hội viên, đảng viên, tiến tới xây dựng các tổ chức và

chi bộ đảng. Sớm có quy chế, quy định hướng dẫn chỉ đạo hoạt Đảng của các tổ chức đảng ở khu vực này.

Các tổ chức cơ sở đảng phải có kế hoạch Đảng viên và tổ chức để nhân dân thường xuyên tham gia xây dựng Đảng: Đóng góp ý kiến chuẩn bị các nghị quyết, chủ trương công tác của Đảng; giám sát, phê bình cán bộ, đảng viên, giới thiệu những người xứng đáng để kết nạp vào đội ngũ của Đảng, để bầu vào các cơ quan lãnh đạo của Đảng; và đề cử giữ các cương vị chủ chốt của Nhà nước; giúp tổ chức Đảng làm tốt công tác kiểm tra, phát hiện, đấu tranh với những hành vi tham nhũng, buôn lậu và các tệ nạn tiêu cực khác... Về công tác đảng viên, cần nắm vững yêu cầu về tiêu chuẩn đảng viên trong giai đoạn hiện nay? trung thành với mục tiêu lý tưởng của Đảng; đặt lợi ích của Tổ quốc và nhân dân lên trên lợi ích cá nhân; nghiêm chỉnh chấp hành Cương lĩnh, Điều lệ, nghị quyết của Đảng và pháp luật của Nhà nước; có đạo đức cách mạng và lối sống lành mạnh, gắn bó với quần chúng, gương mẫu trong sản xuất, công tác, hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao; thường xuyên học tập, nâng cao trình độ về mọi mặt, có ý thức tổ chức kỷ luật, giữ gìn sự đoàn kết thống nhất trong Đảng.

Đảng viên có trách nhiệm lãnh đạo các tầng lớp nhân dân tham gia các hoạt động kinh tế theo đường lối đổi mới, trực tiếp thực hiện và hướng dẫn, giúp đỡ quần chúng thực hiện xoá đói giảm nghèo, làm giàu chính đáng theo luật pháp. Bản thân phải tuân thủ Điều lệ và các quy định của Đảng, không chạy theo lợi ích cá nhân thực dụng, không tham nhũng, làm giàu phi pháp. Một số đảng viên đã là chủ các đơn vị kinh tế tư bản tư nhân, phải gương mẫu chấp hành các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, thực hiện tốt chính sách của người lao động, chịu sự giám sát, kiểm tra của tổ chức Đảng.

Đảng viên hoạt động trong các vùng dân tộc, tôn giáo, trong quan hệ tiếp xúc và làm việc với người nước ngoài hoặc đi công tác ở nước ngoài... cần thực hiện đúng theo các quy định của Đảng.

Làm tốt việc phân công đảng viên, miễn sinh hoạt và công tác cho những đảng viên tuổi cao, sức yếu, tạo điều kiện để đông đảo đảng viên cống hiến và rèn luyện trong các hoạt động thực tiễn (xoá đói, giảm nghèo, làm giàu chính đáng, hoàn thành tốt nhiệm vụ chuyên môn...). Đồng thời tăng cường bồi dưỡng, nâng cao kiến thức và năng lực công tác của đảng viên, phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ trong từng môi trường công tác.

Trong tình hình tuổi bình quân của đội ngũ đảng viên ngày càng cao, cần quan tâm hơn nữa đến công tác phát triển đảng, tăng thêm sinh lực mới cho Đảng. Làm tốt công tác giáo dục quần chúng, tạo nguồn cho công tác phát triển Đảng, hướng vào lớp trẻ, đoàn viên thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, trong công nhân (các doanh nghiệp nhà nước, tư nhân, liên doanh), nông dân, học sinh, sinh viên, trí thức, chiến sĩ trong các lực lượng vũ trang, nữ, dân tộc ít người, trong các tôn giáo, những nơi còn ít hoặc chưa có đảng viên. Xoá tình trạng "trắng" ở một số cơ sở, thôn, ấp, bản; thu hẹp khoảng cách về tỷ lệ đảng viên ở các vùng.

Các cấp uỷ và tổ chức đảng cần tăng cường công tác lãnh đạo, xây dựng Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, tạo điều kiện cho Đoàn làm tốt chức năng tập hợp, giáo dục và phát huy vai trò xung kích của thế hệ trẻ, tuyển chọn, giới thiệu nhiều đoàn viên ưu tú vào Đảng, tăng sức trẻ và bảo đảm sự kế thừa lâu dài của Đảng.

6. Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng

Thực tiễn nhiều năm qua cho thấy, cần đặt vấn đề đổi mới, hoàn thiện phương thức lãnh đạo ở tầm quan điểm, chủ trương, ở cơ chế vận hành của cả hệ thống, chú

không chỉ ở phong cách, lề lối làm việc. Nói cách khác, muốn có phương thức lãnh đạo đúng, có hiệu quả, phải xác định rõ vị trí, chức năng, nhiệm vụ, tổ chức và mối quan hệ công tác giữa Đảng với các tổ chức khác trong hệ thống chính trị, đặc biệt là Nhà nước.

Là Đảng cầm quyền, Đảng lãnh đạo toàn diện đối với Nhà nước và xã hội, Đảng chịu trách nhiệm về mọi thành công và thiếu sót trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Sự lãnh đạo của Đảng là để bảo đảm quyền lực thực sự thuộc về nhân dân, Nhà nước thực sự là của dân, do dân và vì dân. Đây không chỉ là vấn đề có tính nguyên tắc được khẳng định từ trong những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, mà còn là kết luận nóng hổi được rút ra từ thực tiễn sinh động của cuộc sống.

Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và phát huy hiệu lực quản lý của Nhà nước là hai mặt thống nhất. Hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước là thước đo trình độ lãnh đạo của Đảng. Phải gắn bó hữu cơ giữa xây dựng Đảng và xây dựng Nhà nước, làm cho Nhà nước thực sự là của nhân dân, bảo vệ và phục vụ lợi ích của nhân dân. Khi có chính quyền và Đảng được Nhà nước, được nhân dân thừa nhận là lực lượng lãnh đạo thì Đảng có thuận lợi lớn để hoàn thành sứ mệnh của mình, đồng thời trách nhiệm của Đảng nặng nề hơn gấp bội. Đảng phải đề phòng phạm phải các sai lầm như quan liêu, lạm quyền, lạm quyền, thoái hoá, biến chất, đặc quyền, đặc lợi đặc biệt là sai lầm về đường lối. Vấn đề mấu chốt là phải phân định rõ chức năng giữa Đảng và Nhà nước, xây dựng và hoàn thiện cơ chế, hình thức, biện pháp phát huy dân chủ, bảo đảm cho Đảng là hiện thân của trí tuệ, lương tâm của giai cấp và dân tộc. Chăm lo thực hiện quyền làm chủ của nhân dân, phát huy mạnh mẽ trí tuệ, nghị lực và sức sáng tạo từ lớn của nhân dân.

Đảng lãnh đạo định ra đường lối, chính sách, những chủ trương cụ thể quan trọng, có quan hệ nhiều mặt, có ảnh hưởng chính trị rộng. Nhà nước thể chế hoá đường

lối, chủ trương của Đảng và tổ chức, quản lý, điều hành việc thực hiện. Đảng kiểm tra việc chấp hành đường lối, chủ trương chính sách, khuyến khích những mặt tốt, uốn nắn kịp thời những lệch lạc; lãnh đạo việc bố trí cán bộ, chỉ đạo sự phối hợp giữa các tổ chức, phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị. Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị, nhưng Đảng và mọi đảng viên đều hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật và chịu trách nhiệm về các hoạt động của Đảng lãnh đạo thông qua tổ chức đảng, đảng đoàn, ban cán sự, qua đảng viên hoạt động ở cơ quan nhà nước và các đoàn thể. Tổ chức đảng và đảng viên hoạt động ở các cơ quan này phải nghiêm chỉnh chấp hành các nghị quyết, chỉ thị của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

Về kinh tế - xã hội, Đảng xem xét quyết định mục tiêu, phương hướng kế hoạch, phương hướng cân đối ngân sách, các chính sách về các thành phần kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đổi mới cơ chế quản lý, quy hoạch phát triển một số ngành trọng yếu, một số công trình lớn, những khoản vay nợ lớn của nước ngoài, các chủ trương, chính sách về xã hội, văn hoá, giáo dục, y tế... và những vấn đề quan trọng khác.

Các lĩnh vực quốc phòng, an ninh, đối ngoại đặt dưới sự lãnh đạo tuyệt đối và trực tiếp về mọi mặt của Đảng. Cấp uỷ Đảng quyết định chủ trương, phương hướng, nhiệm vụ hằng năm; trực tiếp cho ý kiến lãnh đạo về đối sách cụ thể đối với những vụ việc phức tạp, quan trọng.

Trên lĩnh vực bảo vệ pháp luật, Đảng lãnh đạo về chính sách xử lý các loại tội phạm theo quy định của pháp luật; tôn trọng tính độc lập trong hoạt động của các cơ quan tư pháp, không can thiệp vào việc điều tra, xét xử cụ thể. Đối với một số vụ án quan trọng và phức tạp về chính trị, đối ngoại khi cần thiết ban cán sự đảng các cơ quan tư pháp báo cáo cấp uỷ.

Về công tác cán bộ, Đảng thống nhất lãnh đạo trong cả hệ thống chính trị, quyết định đường lối, chính sách cán bộ, tiêu chuẩn cán bộ, trực tiếp quản lý cán bộ và kiểm tra việc chấp hành. Việc đề bạt, điều động, kỷ luật cán bộ do cấp uỷ, ban cán sự đảng, đảng đoàn quyết định tập thể. Đối với cán bộ của cơ quan nhà nước và các đoàn thể, thì cấp uỷ đảng, đảng đoàn, ban cán sự đảng giới thiệu với các cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Đảng đoàn ban cán sự đảng trong các cơ quan nhà nước và đoàn thể chịu trách nhiệm trước cấp uỷ về quán triệt đường lối, chính sách của Đảng trong hoạt động của các cơ quan và đoàn thể đó. Phối hợp với đảng uỷ khối và cấp uỷ địa phương trong công tác xây dựng Đảng thuộc ngành mình. Đảng uỷ, đảng đoàn, ban cán sự đảng và các ban đảng làm việc theo nguyên tắc tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, có chế độ sinh hoạt định kỳ với nội dung rõ ràng, không lẫn lộn với sinh hoạt của chính quyền.

Đổi mới và tăng cường công tác kiểm tra của Đảng, bao gồm kiểm tra việc chấp hành đường lối, chính sách của Đảng và kiểm tra việc thực hiện các nguyên tắc tổ chức sinh hoạt Đảng, giữ gìn kỷ luật trong Đảng. Thực hiện tốt công tác kiểm tra là một yếu tố bảo đảm cho Cương lĩnh, Điều lệ, Nghị quyết và các Chỉ thị của Đảng được thực hiện đúng đắn là điều kiện để phát huy dân chủ, tăng cường kỷ luật trong Đảng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên. Trong điều kiện Đảng cầm quyền, tiến hành sự nghiệp đổi mới đầy khó khăn thử thách như hiện nay, để khắc phục có hiệu quả nguy cơ, thách thức, tệ quan liêu, tham nhũng và những tiêu cực phát sinh từ những mặt trái của cơ chế thị trường..., Đảng càng phải tăng cường công tác kiểm tra.

Xuất phát từ yêu cầu của tình hình mới, các cấp uỷ đảng cần tự mình tiến hành kiểm tra và sử dụng các ban để tổ chức tốt việc kiểm tra thực hiện đường lối, chính sách, nghị quyết, chỉ thị của Đảng. Có cơ chế phát huy dân chủ, bảo đảm cho mọi

cán bộ, đảng viên đều có quyền và trách nhiệm tham gia công tác kiểm tra, chủ động giám sát, phát hiện những ưu điểm để phát huy, những khuyết điểm để uốn nắn, xử lý.

Các cơ quan được bầu chịu sự giám sát của tổ chức đảng và đảng viên, phải định kỳ báo cáo, thông báo tình hình hoạt động của mình đến các tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên.

Cấp trên phải tự phê bình trước cấp dưới và tổ chức tốt việc tự phê bình từ dưới lên. Cán bộ lãnh đạo phải gương mẫu tự phê bình và tiếp thu phê bình. Nghiêm cấm trù dập người phê bình thẳng thắn, đồng thời kiên quyết xử lý những người lợi dụng phê bình để đả kích cá nhân, vu cáo, chia rẽ. Tiếp tục đổi mới tổ chức, nhiệm vụ quyền hạn và phương thức hoạt Động của Ủy ban kiểm tra các cấp theo hướng tăng cường quyền hạn và trách nhiệm của Ủy ban kiểm tra, nâng cao chất lượng và hiệu quả của công tác kiểm tra. Trong tình hình còn có không ít cán bộ, đảng viên vi phạm nghiêm trọng, tinh vi, phức tạp, tinh thần tự giác phê bình và phê bình kém, các cấp uỷ cần trực tiếp chỉ đạo và có quy chế phối hợp, kết hợp chặt chẽ giữa hai cơ quan kiểm tra Đảng và thanh tra Nhà nước; phối hợp với các tổ chức kiểm tra, thanh tra của nhân dân thành một lực lượng tổng hợp.

Coi trọng công tác giáo dục, tuyên truyền về kỷ luật Đảng và kiên quyết khắc phục những khuynh hướng sai lệch trong việc thi hành kỷ luật. Một mặt, cần tập trung xem xét, xử lý những đảng viên thoái hoá biến chất, vi phạm các quy định của Điều lệ Đảng và pháp luật của Nhà nước; mặt khác, sớm ban hành quy định về những việc đảng viên được làm và những việc không được làm, nhất là về hoạt Động kinh tế và những quy định cụ thể về việc thi hành kỷ luật để áp dụng thống nhất trong toàn Đảng.

Các cơ quan nhà nước đẩy mạnh công tác nghiên cứu, bổ sung, hoàn thiện luật pháp, các cơ chế, chính sách về kinh tế - xã hội về ổn định và cải thiện đời sống

cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân, bảo đảm các nguyên tắc phân phối đúng đắn, cũng là những điều kiện rất cơ bản để giữ vững kỷ luật kỷ cương, đẩy lùi các biểu hiện tha hoá tham nhũng và tiêu cực khác.

Tất cả những nhiệm vụ trên đây nếu được thực hiện tốt, chắc chắn Đảng ta sẽ có bước tiến bộ mới, ngày càng trong sạch, vững mạnh, trưởng thành đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ của thời kỳ mới và xứng đáng với niềm tin yêu mong đợi của nhân dân.

* Bài đăng trong sách *Có một Việt Nam như thế - đổi mới và phát triển*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1997.

HÀ NỘI CHĂM LO CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG, ĐÁP ỨNG YÊU CẦU CỦA SỰ NGHIỆP PHÁT TRIỂN THỦ ĐÔ*

Được thành lập ngày 17-3-1930, đến nay, Đảng bộ Hà Nội đã có lịch sử hoạt động 74 năm. Trong 74 năm qua, Đảng bộ Hà Nội luôn luôn quán triệt, vận dụng sáng tạo đường lối, chủ trương của Trung ương phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh thực tiễn của Hà Nội, lãnh đạo các tầng lớp nhân dân đoàn kết, phấn đấu bền bỉ kiên cường, lập nên nhiều thành tựu to lớn, tạo ra những biến đổi sâu sắc ở Thủ đô,

đồng thời tích lũy được nhiều bài học kinh nghiệm quý báu có ý nghĩa thực tiễn rất sâu sắc.

Trước khi Đảng Cộng sản Việt Nam được thành lập, Hà Nội là một trong những cái nôi cách mạng sớm nhất của cả nước, nơi kết tinh, hội tụ những điều kiện thuận lợi cho sự ra đời của các tổ chức cộng sản tiên thân ở nước ta. Tháng 3-1927, *Kỳ bộ Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên Bắc Kỳ* được thành lập. Tháng 6-1927, *Tỉnh bộ Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên của Hà Nội* ra đời. Tháng 3-1929, tại số nhà 5D phố Hàm Long (Hà Nội), chi bộ cộng sản đầu tiên đã được thành lập - *Chi bộ 5D Hàm Long*.

Ngày 17-6-1929, tại số nhà 312, phố Khâm Thiên, đại biểu các tổ chức cộng sản ở các tỉnh Bắc Kỳ đã họp quyết định thành lập *Đông Dương Cộng sản Đảng*. Do những hoạt động mạnh mẽ cùng với sự phát triển của các phong trào cách mạng, chỉ trong một thời gian ngắn, ảnh hưởng của Đông Dương Cộng sản Đảng đã lan rộng ra khắp cả nước. Mùa thu năm 1929, *An Nam Cộng sản Đảng* tuyên bố thành lập; và đến tháng 1-1930, *Đông Dương Cộng sản liên đoàn*, cũng ra đời. Do có sự chuẩn bị tích cực và sáng kiến của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, ngày 3-2-1930, ba tổ chức này đã họp Hội nghị hợp nhất ở Cửu Long (Hương Cảng) và thành lập *Đảng Cộng sản Việt Nam*.

Thời kỳ đầu mới được thành lập, Đảng bộ Hà Nội chỉ có ba đảng viên, dần dần, cùng với sự phát triển của các phong trào đấu tranh cách mạng, Đảng bộ Hà Nội từng bước trưởng thành và ngày càng lớn mạnh. Đến năm 1945, Đảng bộ Hà Nội có 50 đảng viên; năm 1954 có 1.724 đảng viên, với 72 chi bộ. Đến nay (năm 2004) Đảng bộ Hà Nội có gần 18 vạn đảng viên, sinh hoạt ở 1.670 tổ chức cơ sở đảng và 9.982 chi bộ trực thuộc.

Từ năm 1986 tới nay, Đảng bộ Hà Nội luôn luôn quán triệt và vận dụng sáng tạo đường lối đổi mới của Đảng, xác định phát triển kinh tế là trọng tâm, xây dựng

Đảng là then chốt, quản lý đô thị là nhiệm vụ thường xuyên quan trọng. Các nghị quyết của Đảng bộ Hà Nội ngày càng đi vào cuộc sống, khơi dậy sức mạnh của các lực lượng, các thành phần kinh tế, phát huy tiềm năng, trí tuệ của nhân dân, tạo bước chuyển biến rõ rệt trong sự nghiệp xây dựng và phát triển Thủ đô. Đi đôi với nhiệm vụ phát triển kinh tế, quản lý đô thị, Thành uỷ Hà Nội đã tập trung chỉ đạo, dành nhiều công sức cho nhiệm vụ xây dựng, chỉnh đốn Đảng, củng cố, kiện toàn hệ thống chính trị.

Thực hiện các Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, VII, VIII, đặc biệt là các Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 (khoá VI); Hội nghị Trung ương 3 (khoá VII); Nghị quyết Trung ương 3 và Nghị quyết Trung ương 7 (khoá VIII); Kết luận Hội nghị Trung ương 4 (khoá IX), Thành uỷ Hà Nội đã cụ thể hoá và chỉ đạo thực hiện có hiệu quả một số nghị quyết chuyên đề, chương trình và nhiều đề án lớn về công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và công tác tổ chức, cán bộ.

Riêng nhiệm kỳ khoá XIII (2001 - 2005), Thành uỷ Hà Nội đã nghiên cứu xây dựng và chỉ đạo thực hiện chương trình số 06-CTr/TU "*Một số vấn đề về xây dựng, chỉnh đốn Đảng giai đoạn 2001 – 2005*". Chương trình được quán triệt triển khai khá đồng bộ trong toàn thành phố, và sau bốn năm thực hiện, đã đạt được một số kết quả bước đầu quan trọng. Công tác giáo dục chính trị tư tưởng, rèn luyện phẩm chất, đạo đức, lối sống của đội ngũ cán bộ, đảng viên được tăng cường, tạo sự đoàn kết, thống nhất ý chí và hành động trong Đảng bộ. Bám sát các nghị quyết của Trung ương, Thành uỷ và các cấp uỷ đảng ở Hà Nội đã tổ chức học tập, quán triệt sâu rộng, đồng bộ, gắn với việc xây dựng các đề án để thực hiện nghị quyết. Ví dụ: trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 4, Trung ương 5 (khoá IX), Thành uỷ đã xây dựng Kế hoạch số 13 "*Về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khoá VIII, đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, ngăn chặn, đẩy lùi tệ tham nhũng, lãng phí, quan liêu*"; Đề án số 14 "*Về đẩy mạnh*

công tác kiểm tra cán bộ, đảng viên có dấu hiệu vi phạm phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống"; Đề án số 15 "Về tăng cường đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu"; Đề án số 16 "Về đổi mới và nâng cao chất lượng của hệ thống chính trị ở cơ sở xã, phường, thị trấn"; Đề án số 20 "Về tăng cường công tác tư tưởng, lý luận trong tình hình mới" v.v.. Đồng thời lập ban chỉ đạo hoặc tổ công tác để chỉ đạo, đôn đốc việc thực hiện. Nhờ thế, một số nghị quyết và chủ trương công tác đã từng bước đi vào cuộc sống.

Công tác giáo dục lý luận chính trị có sự cải tiến nhất định, tạo chuyển biến mới trong nhận thức, hành động, củng cố niềm tin của cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân Thủ đô vào chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và sự nghiệp đổi mới của Đảng; nâng cao cảnh giác cách mạng, góp phần làm thất bại âm mưu "diễn biến hoà bình" của các thế lực thù địch.

Các cấp uỷ đảng đã xác định được vai trò và trách nhiệm của mình, chú ý nhiều hơn đến việc giáo dục, rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên. Trong những năm qua, mặc dù tình hình thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp và trong nước có chịu tác động tiêu cực từ mặt trái của cơ chế thị trường, nhưng nhìn chung, đội ngũ cán bộ, đảng viên vẫn kiên định lập trường của chủ nghĩa Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, phát huy vai trò của người đảng viên trên lĩnh vực công tác được giao.

Công tác đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu, thực hành tiết kiệm được tập trung chỉ đạo, có tác dụng răn đe, hạn chế một số biểu hiện suy thoái, biến chất, tiêu cực. Từ đầu nhiệm kỳ khoá XIII (2001) đến tháng 6-2004, cấp uỷ đảng và uỷ ban kiểm tra các cấp đã xem xét, thi hành kỷ luật 962 cán bộ, đảng viên. Trong đó: khiển trách 380, cảnh cáo 411, cách chức 33 và khai trừ 138; đối tượng bị thi hành kỷ luật là cán bộ diện Thành uỷ quản lý 12; cấp quận, huyện uỷ viên là

9; cấp uỷ viên cơ sở là 138; nội dung vi phạm kỷ luật về tội tham ô, hối lộ là 49; phẩm chất, lối sống là 78; vi phạm chỉ thị, nghị quyết của Đảng pháp luật của Nhà nước là 154.

Về công tác tổ chức, Thành uỷ đã chỉ đạo rà soát, bổ sung chức năng nhiệm vụ, kiện toàn mô hình tổ chức và nâng cao chất lượng hoạt động của tổ chức cơ sở đảng, trọng tâm là chi bộ ở địa bàn thôn, xóm (khối xã), tổ dân phố, khu dân cư (khối phường); chi bộ trong các doanh nghiệp tư nhân, công ty cổ phần, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, v.v...

Thực hiện Đề án số 16 của Thành uỷ, Ban Tổ chức Thành uỷ đã tiến hành khảo sát ở 228/228 đảng bộ xã, phường, thị trấn với 2.874 chi bộ. Qua phân tích số liệu cho thấy, về quy mô và phạm vi lãnh đạo của chi bộ dân cư, hiện còn chùng chéo và rất khác nhau: 1 chi bộ lãnh đạo 1 tổ dân phố chiếm 48,5%, 1 chi bộ lãnh đạo từ 2 - 3 tổ dân phố chiếm 48,8%; ngược lại: 1 tổ dân phố, thôn, xóm có 2 chi bộ lãnh đạo chiếm 1,7%, 1 tổ dân phố, thôn, xóm có 3 chi bộ lãnh đạo chiếm 0,5% và 1 tổ dân phố, thôn, xóm có 4 chi bộ lãnh đạo chiếm 0,3%, v.v... Ý kiến chung của các cấp uỷ cơ sở cho rằng, mô hình 1 chi bộ lãnh đạo 1 tổ dân phố hoặc 1 thôn, xóm là phù hợp nhất, tập trung được sự lãnh đạo toàn diện của chi bộ, tránh được sự chùng chéo hoặc phân tán trong lãnh đạo địa bàn, gắn với lãnh đạo hệ thống chính trị ở cơ sở. Thành uỷ đã đề ra một số giải pháp để tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của chi bộ dân cư và ban hành các văn bản hướng dẫn về chức năng, nhiệm vụ và tổ chức của chi bộ tổ dân phố, khu dân cư, chi bộ thôn, xóm.

Đối với loại hình chi bộ trong các doanh nghiệp tư nhân và công ty cổ phần, Thành uỷ chỉ đạo các cơ quan chức năng nghiên cứu, xây dựng, bổ sung quy chế hoạt động cho phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ. Ban Tổ chức Thành uỷ đã đề xuất và nghiên cứu, có văn bản hướng dẫn về chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ

trong các công ty cổ phần; quy định tạm thời về chức năng, nhiệm vụ của đảng uỷ các tổng công ty nhà nước trực thuộc Đảng bộ Hà Nội, v.v...

Về công tác cán bộ, việc đánh giá, quy hoạch, điều động và luân chuyển cán bộ được triển khai tích cực và tương đối có bài bản. Trong ba năm (2001 - 2003), toàn thành phố đã đánh giá 1.213 cán bộ diện Thành uỷ quản lý; trong đó, số cán bộ được xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ là 1.112, đạt 91,67%. Đã có 79,5% số đơn vị xây dựng xong quy hoạch cán bộ diện Ban Thường vụ Thành uỷ quản lý; tổng số cán bộ được giới thiệu quy hoạch là 518, trong đó, hầu hết đều có trình độ đại học. Thực hiện Hướng dẫn số 17 của Ban Tổ chức Trung ương về quy hoạch nhân sự chính quyền tỉnh, thành phố, Hà Nội đã lập xong danh sách quy hoạch A1, phục vụ trực tiếp cho cuộc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp của Thành phố nhiệm kỳ 2004 - 2009 và chuẩn bị cho Đại hội đảng bộ các cấp của Thành phố khoá XIV (2005 - 2010) sắp tới.

Công tác đề bạt, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển cán bộ ngày càng đi vào nề nếp, thực hiện theo đúng quy chế, quy trình. Từ đầu năm 2002 đến nay, toàn thành phố đã điều động, luân chuyển 1.111 cán bộ (cán bộ diện Ban Thường Vụ Thành uỷ quản lý là 79; cán bộ thuộc khối quận, huyện uỷ và đảng uỷ trực thuộc quản lý là 842; cán bộ các sở, ban, ngành, đoàn thể thành phố quản lý là 190).

Về phong cách lãnh đạo và lề lối làm việc, Thành uỷ chủ trương phải đổi mới mạnh mẽ, coi đây là một khâu đột phá quan trọng nhằm thúc đẩy thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ công tác của thành phố. Đã từng bước cải tiến chế độ hội họp, nâng cao vai trò lãnh đạo của tập thể, trách nhiệm của cá nhân trong việc chuẩn bị các nghị quyết, đề án công tác. Trong chỉ đạo thực hiện, trên cơ sở xác định đúng những nhiệm vụ trọng tâm, những vấn đề bức xúc, nổi cộm, đề ra các giải pháp thực hiện theo tinh thần "tập trung, kiên quyết, dứt điểm, hiệu quả", phân công rõ người, rõ việc, có lộ trình công việc, tiến độ thời gian cụ thể, thường xuyên đôn

đốc kiểm tra. Nhiều cán bộ chủ chốt đã thực hiện tốt chế độ đi cơ sở trực tiếp đối thoại với dân, chỉ đạo tháo gỡ khó khăn ngay tại cơ sở.

Ban Thường vụ Thành uỷ duy trì đều chế độ giao ban định kỳ ba tháng một lần với bí thư, chủ tịch các quận, huyện và giám đốc các sở, ban, ngành thành phố để tăng cường sự phối hợp lãnh đạo, điều hành giữa các tổ chức trong hệ thống chính trị từ thành phố tới cơ sở, tập trung chỉ đạo giải quyết các vấn đề nổi cộm, bức xúc; đồng thời cũng là biện pháp kiểm tra, đôn đốc thực hiện, tạo sự thống nhất và quyết tâm trong việc giải quyết những nhiệm vụ trọng tâm của thành phố.

Thành uỷ đã coi trọng công tác khảo sát, tổng kết thực tiễn, lắng nghe ý kiến của nhân dân để kịp thời điều chỉnh các chủ trương công tác và khắc phục những thiếu sót, khuyết điểm. Các bộ phận tham mưu, giúp việc của Thành uỷ Hội đồng nhân dân và Uỷ ban nhân dân thành phố thường xuyên phối hợp, trao đổi, xử lý thông tin. kịp thời phục vụ sự chỉ đạo của cấp uỷ, chính quyền thành phố. Những kết quả của công tác xây dựng Đảng đã góp Phần quan trọng bảo đảm cho sự ổn định chính trị, phát triển kinh tế văn hoá - xã hội, giữ vững an ninh, quốc phòng, tạo tiền đề và động lực thúc đẩy công cuộc đổi mới toàn diện Thủ đô. Tuy nhiên, những kết quả đó chưa toàn diện. Tính chiến đấu, vai trò hạt nhân lãnh đạo của một số tổ chức đảng và đảng viên chưa cao; công tác kiểm tra, quản lý cán bộ, đảng viên ở không ít nơi chưa chặt chẽ; thực hiện tự phê bình và phê bình chưa nghiêm túc. Kết quả đấu tranh chống tham nhũng, quan liêu, lãng phí, ngăn ngừa các biểu hiện tiêu cực, nhất là ở một số lĩnh vực trọng điểm, còn hạn chế, chưa thực sự đem lại niềm tin cho nhân dân.

Từ những việc làm được và chưa làm được trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng ở Hà Nội, có thể rút ra một số kinh nghiệm như sau:

Một là, phải nhận thức sâu sắc ý nghĩa quan trọng của công tác xây dựng Đảng, nhất là trong tình hình hiện nay. Từ đó, có quyết tâm cao, luôn luôn chủ động và

manh dạn sáng tạo trong việc vận dụng các quan điểm, đường lối của Đảng để đề ra những chủ trương sát đúng, phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương. Trên cơ sở đó *tập trung cho việc tổ chức chỉ đạo thực hiện* coi đây là khâu quyết định. Trong việc tổ chức chỉ đạo thực hiện, cần bám sát các nghị quyết, các chương trình công tác xác định đúng nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm và khâu đột phá; kết hợp tuyên truyền, hướng dẫn với kiểm tra, đôn đốc thực hiện một cách tập trung, quyết liệt, dứt điểm; giải quyết công việc trước mắt gắn với thực hiện mục tiêu lâu dài; hướng mạnh về cơ sở, sớm phát hiện những vướng mắc nảy sinh, tập trung giải quyết tại chỗ.

Hai là, thường xuyên chăm lo xây dựng, củng cố sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng, sự phối hợp nhịp nhàng, đồng bộ trong hệ thống chính trị và sự đồng thuận trong nhân dân. Khơi dậy lòng tự hào, niềm vinh dự và ý thức trách nhiệm của người dân; phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị.

Ba là, nâng cao sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng bằng cách duy trì đều đặn và cải tiến nội dung sinh hoạt đảng; bố trí đúng bí thư cấp uỷ; thường xuyên làm tốt công tác giáo dục, rèn luyện, quản lý đội ngũ cán bộ, đảng viên. Đấu tranh mạnh mẽ và có hiệu quả hơn nữa chống tham nhũng, tiêu cực.

Bốn là, đổi mới công tác cán bộ, bao gồm cả việc đánh giá, quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng và bố trí, đề bạt cán bộ; xây dựng các quy chế, quy trình và thực hiện đúng các quy chế, quy trình về công tác cán bộ.

Hướng tới kỷ niệm 1.000 năm Thăng Long - Hà Nội, với vị thế là Thủ đô - trái tim của cả nước, Hà Nội phấn đấu bảo đảm ổn định vững chắc về chính trị, trật tự an toàn xã hội; phát triển kinh tế, văn hoá - xã hội toàn diện, bền vững; xây dựng Thủ đô ngày càng giàu đẹp, văn minh, thanh lịch, hiện đại nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân. Riêng về lĩnh vực xây dựng Đảng, Thành uỷ Hà Nội đang tập trung chỉ đạo thực hiện một số nhiệm vụ chủ yếu sau:

- Tăng cường công tác giáo dục tư tưởng chính trị, làm cho cán bộ, đảng viên, nhân dân Thủ đô nhận thức sâu sắc tình hình, nhiệm vụ trong giai đoạn mới, nâng cao ý thức trách nhiệm, phấn đấu hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao.
- Tiếp tục rà soát, đánh giá hoạt động của các mô hình tổ chức trong hệ thống chính trị, đặc biệt là mô hình tổ chức chi bộ trong các doanh nghiệp tư nhân, công ty cổ phần, các khu dân cư, tổ dân phố để bổ sung và điều chỉnh các mặt còn bất cập; tập trung củng cố và nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở.
- Đẩy mạnh thực hiện các đề án về quy hoạch cán bộ, gắn với việc thực hiện kế hoạch sắp xếp, bố trí, điều động, luân chuyển cán bộ, trọng tâm là cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt các cấp. Chuẩn bị nhân sự cho đại hội đảng bộ các cấp của thành phố nhiệm kỳ 2005 - 2010.
- Tăng cường công tác kiểm tra việc thi hành Điều lệ Đảng, kiểm tra việc thực hiện chỉ thị, nghị quyết của Đảng; xem xét, giải quyết dứt điểm các đơn thư khiếu nại, tố cáo, các vụ việc nổi cộm, bức xúc, kéo dài.
- Đẩy mạnh cuộc đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí, thực hiện tiết kiệm; xem xét và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm tư cách cán bộ, đảng viên.
- Mở rộng việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể, làm tốt hơn nữa công tác vận động quần chúng.
- Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo, phong cách công tác, lề lối làm việc, thực hiện nghiêm túc nguyên tắc tập trung dân chủ, chế độ tự phê bình và phê bình; xây dựng mối quan hệ phối hợp chặt chẽ giữa các tổ chức trong hệ thống chính trị. Làm rõ cơ chế tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách và trách nhiệm của người đứng đầu

cấp uỷ, chính quyền, đoàn thể các cấp. Đẩy mạnh cải cách hành chính, đặc biệt là ở những lĩnh vực trọng điểm.

Đó là những nhiệm vụ rất nặng nề, đòi hỏi Đảng bộ Hà Nội phải tiếp tục phát huy truyền thống đoàn kết, thống nhất, nêu cao ý chí và nghị lực, sự thông minh và sáng tạo, phấn đấu vượt qua mọi khó khăn, xây dựng Đảng bộ ngày càng vững mạnh, trong sạch, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp phát triển Thủ đô trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

MỘT CHẶNG ĐƯỜNG OANH LIỆT TRONG LỊCH SỬ 1000 NĂM THĂNG LONG - HÀ NỘI*

Thủ đô ngàn năm văn hiến

Kể từ năm 1010, với quyết định sáng suốt của vị vua anh minh Lý Thái Tổ, thành Đại La đã trở thành kinh đô Thăng Long, Thủ đô của nước Đại Việt, "kinh đô bậc nhất của đế vương muôn đời".

Với khát vọng và khí phách "*Rồng bay lên*", suốt tám thế kỷ độc lập (từ thế kỷ XI đến thế kỷ XIX), Thăng Long (có lúc được đổi tên là *Đông Đô*, *Đông Quan*, *Đông Kinh*), là niềm kiêu hãnh của dân tộc, nơi sản sinh và hội tụ không biết bao nhiêu anh hùng dân tộc và danh nhân văn hoá; nơi minh chứng cho các cuộc chiến đấu và chiến thắng giặc ngoại xâm. Đã trở thành bất tử những địa danh Cổ Loa, Thành cổ, Văn Miếu - Quốc Tử Giám, chùa Một Cột, Hàm Tử, Chương Dương, Ngọc Hồi,

Đổng Đa; .. và mãi mãi chói sáng những danh nhân Lý Thường Kiệt, Chu Văn An, Nguyễn Trãi, Ngô Thì Nhậm, Nguyễn Văn Siêu, Cao Bá Quát, Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương,..

Đầu thế kỷ XIX, nhà Nguyễn đóng đô ở Huế, đổi tên *Thăng Long* thành *Hà Nội* (năm 1831).

Từ giữa thế kỷ XIX, thực dân Pháp xâm lược Việt Nam, Hà Nội cùng cả nước đứng lên chống xâm lược. Trong gần một thế kỷ dưới ách áp bức bóc lột của chế độ thực dân phong kiến, Hà Nội vừa là cái nôi vừa là chứng nhân của biết bao phong trào yêu nước và cách mạng. Tổ chức đầu tiên của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, chi bộ cộng sản đầu tiên được thành lập chính là ở Hà Nội. Nhiều cao trào cách mạng và khởi nghĩa đều bắt đầu từ Hà Nội. Ngày 19-8-1945, Cách mạng Tháng Tám đã giành thắng lợi trọn vẹn ở Hà Nội, nhanh chóng lan toả đi khắp nơi, cổ vũ và thúc đẩy mạnh mẽ nhân dân cả nước nổi dậy khởi nghĩa giành chính quyền. Ngày 2-9-1945, tại quảng trường Ba Đình, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đọc bản *Tuyên ngôn độc lập*, khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, mở ra một kỷ nguyên mới - kỷ nguyên độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội trên đất nước ta. Hà Nội lại được khẳng định là Thủ đô của nước Việt Nam mới.

Suốt gần 1000 năm, Thăng Long - Hà Nội đã trải qua và chứng kiến biết bao sự biến thiên của lịch sử, nhưng Thăng Long - Hà Nội vẫn là "*chốn hội tụ trọng yếu của bốn phương đất nước*". Quân và dân Thăng Long - Hà Nội, thế hệ sau tiếp bước thế hệ trước, đã bền bỉ lao động, kiên cường đấu tranh, sáng tạo nên một nền văn hiến rạng rỡ, lập nên nhiều chiến công hiển hách và thành tựu lớn lao lưu danh muôn đời. Ngày nay, trong thời đại mới, dưới ánh sáng chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, Thủ đô Hà Nội - trí tuệ và trái tim thân yêu của cả nước, lại càng toả sáng, luôn luôn là bộ mặt của cả nước, tiêu biểu cho dân tộc. Văn minh, văn hiến Thăng Long - Hà Nội được xây dựng, vun đắp, bảo vệ và phát huy bằng

mồ hôi, xương máu, đức cần cù dũng cảm, trí thông minh sáng tạo của toàn dân tộc, của biết bao thế hệ con Lạc cháu Hồng, tạo thành một nguồn vốn văn hoá vô cùng quý báu đặc sắc, làm giàu cho di sản văn hoá Việt Nam.

Hà Nội "quyết tử để Tổ quốc quyết sinh"

Sau Cách mạng Tháng Tám thành công năm 1945, nhân dân Hà Nội và cả nước không có nguyện ước gì hơn là được sống trong hoà bình để xây dựng, phát triển. Nhưng thực dân Pháp, với dã tâm cướp nước ta một lần nữa, đã không để cho chúng ta yên. Chúng câu kết và phối hợp với các thế lực phản động trong và ngoài nước chống phá nước ta rất điên cuồng. Trong tình thế có muôn vàn khó khăn tưởng như không thể vượt qua nổi, cùng một lúc, phải đương đầu với cả thù trong, giặc ngoài, cả giặc đói, giặc dốt, giặc ngoại xâm, dưới sự lãnh đạo tài tình và khôn khéo của Trung ương Đảng và Bác Hồ, Hà Nội đã cùng với cả nước kiên cường đấu tranh bảo vệ chính quyền cách mạng non trẻ xây dựng lực lượng sẵn sàng đối phó với mọi tình huống. Nhân dân Hà Nội đã tự nguyện đóng góp vào *Quỹ độc lập* và ủng hộ *Tuần lễ vàng* được hơn 2.200 lạng vàng và gần 100 tấn thóc, nhiều tiền bạc và hiện vật khác tổng giá trị hơn 7 triệu đồng Đông Dương lúc bấy giờ. Ngày 23-9-1945, thực dân Pháp gây hấn ở Nam Bộ, hàng vạn thanh niên Hà Nội lập tức lại tòng quân "*Nam tiến*", góp sức cùng đồng bào miền Nam ruột thịt bảo vệ Tổ quốc Tháng 10-1946, giặc Pháp nổ súng chiếm Hải Phòng, rồi tấn công Lạng Sơn, khiêu khích ở Hà Nội,... Không còn cách nào khác, chúng ta buộc lại phải cầm súng chiến đấu. Đáp lời kêu gọi thiêng liêng của Chủ tịch Hồ Chí Minh "*Thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ*", Hà Nội đã nhất tề đứng lên chống giặc, giành thế chủ động cho cuộc kháng chiến. Phát súng đầu tiên từ pháo đài Láng bắn vào trại giặc (lúc 20 giờ 3 phút ngày 19-12-1946) đã trở thành hiệu lệnh mở đầu cho cuộc kháng chiến thần thánh của dân tộc. Với tinh thần "*Quyết tử để Tổ quốc quyết sinh*" quân và dân Hà

Nội đã chiến đấu rất kiên cường và quả cảm, biến mỗi góc phố, mỗi căn nhà thành một pháo đài, mỗi người dân thành một chiến sĩ, bám trụ, quần nhau với giặc trong suốt 60 ngày đêm khói lửa. Nhiều đội cảm tử quân được thành lập, "Trung đoàn Thủ đô" ra đời. Hàng nghìn người con của Liên khu I đã anh dũng chiến đấu, nhiều người đã ngã xuống để bảo vệ Thủ đô, để tìm chân, tiêu hao sinh lực địch, tạo điều kiện cho các lực lượng kháng chiến rút về căn cứ địa an toàn, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ Trung ương giao. Sau gần chín năm ròng rã, không chịu đựng nổi sức chiến đấu ngoan cường, thông minh của quân dân ta, nhất là sau trận đòn quyết định của ta tại Điện Biên Phủ, thực dân Pháp buộc phải ngồi vào bàn thương lượng và ký Hiệp định Giơnevơ (20-7-1954) công nhận độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của ba nước Việt Nam, Lào, Campuchia; chấp nhận phải rút quân khỏi miền Bắc Việt Nam.

Theo Hiệp định Giơnevơ, Hà Nội nằm trong khu vực tập kết 80 ngày của địch. Biết trước âm mưu của Pháp lợi dụng thời gian này để phá hoại các cơ sở kinh tế, văn hoá của ta cài cắm gián điệp, lôi kéo người di cư vào Nam, hòng làm cho khi Chính phủ ta về thành phố, Hà Nội trở thành trống rỗng, không có điện, nước, mọi công việc bị đình trệ,... chúng ta đã chủ động có kế hoạch đề phòng đấu tranh, đồng thời chuẩn bị lực lượng về mọi mặt để tiếp quản Thủ đô một cách trọn vẹn. Ngày 10-10-1954, trong niềm vui hân hoan đón chào đoàn quân chiến thắng trở về, mừng Hà Nội sạch bóng quân thù, Đảng bộ và nhân dân thành phố lại nhận được lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh: "Sau cuộc biến đổi lớn, việc khôi phục lại đời sống bình thường sẽ phức tạp, khó khăn. Nhưng Chính phủ có quyết tâm, toàn thể đồng bào Hà Nội đồng tâm nhất trí góp sức với Chính phủ, thì chúng ta nhất định vượt được mọi khó khăn và đạt được mục đích chung: làm cho Hà Nội thành một Thủ đô yên ổn, tươi vui và phồn thịnh"¹. Người còn khẳng định: "Hà Nội, Thủ đô của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà muôn năm!". Thực hiện lời kêu gọi của

Bác Hồ Đảng bộ và chính quyền Hà Nội đã lãnh đạo, tổ chức nhân dân hoàn thành thắng lợi việc tiếp quản Thủ đô, nhanh chóng ổn định tình hình, bắt tay vào khôi phục và cải tạo thành phố. Chỉ hơn một tháng sau giải phóng, thành phố đã thông qua kế hoạch phục hồi công thương nghiệp và một năm sau đã hoàn thành cải cách ruộng đất, một nhiệm vụ chiến lược cơ bản của cách mạng dân tộc dân chủ. Những năm sau đó, cả Hà Nội là một công trường lớn xây dựng và phát triển kinh tế, văn hoá xã hội, cải thiện đời sống của nhân dân. Không khí hoà bình xây dựng rất nhộn nhịp, sôi động. Bộ mặt thành phố thay đổi từng ngày, từng giờ.

"Thủ đô của lương tri và phẩm giá con người"

Đầu năm 1965, đế quốc Mỹ mở rộng chiến tranh phá hoại ra miền Bắc; kế hoạch 5 năm lần thứ nhất đang được thực hiện những tháng cuối cùng, thì Hà Nội lại phải cùng cả nước chuyển sang thời kỳ mới - thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Một chặng đường gian nan lại thử thách Hà Nội. Kẻ thù muốn huỷ diệt, đưa chúng ta trở về thời kỳ đồ đá, gây sức ép buộc ta ngừng chi viện cho cách mạng miền Nam nhưng Hà Nội vẫn cùng cả miền Bắc, bình tĩnh, tự tin, nhanh chóng chuyển sang thời chiến, vừa trực tiếp đánh giặc, vừa là hậu phương của tiền tuyến lớn miền Nam. Chỉ sau bốn ngày giặc Mỹ đánh phá miền Bắc, Thành đoàn Hà Nội đã phát động phong trào "Ba sẵn sàng" với hàng chục vạn thanh niên tham gia. Sau đó "Ba sẵn sàng" nhanh chóng lan rộng thành phong trào chung của thanh niên toàn miền Bắc.

Ngày 29-6-1966, đế quốc Mỹ sử dụng hàng chục lần chiếc máy bay ném bom kho xăng Đức Giang, bắt đầu giai đoạn đánh phá trực tiếp vào Thủ đô Hà Nội. Với tinh thần "*Không có gì quý hơn độc lập tự do*", quân dân Hà Nội không sợ hy sinh, tàn phá, đã chiến đấu cực kỳ anh dũng và sáng tạo, làm tốt công tác phòng không sơ tán, giữ gìn trật tự trị an, duy trì đời sống kinh tế, văn hoá, xã hội, tiếp tục chi viện sức người sức của cho tiền tuyến lớn miền Nam.

Đặc biệt, 12 ngày đêm cuối tháng chạp năm 1972, đế quốc Mỹ liều lĩnh huy động toàn bộ máy bay B52 và các phương tiện chiến tranh hiện đại nhất lúc đó (trừ bom nguyên tử) đánh phá Hà Nội, ném bom rải thảm xuống khắp nội, ngoại thành, cướp đi sinh mạng của hàng nghìn người. Nhưng quân dân Hà Nội không hề nao núng; trái lại, sẵn sàng chấp nhận cuộc đối đầu lịch sử, tổ chức chiến đấu, lập nên kỳ tích "*Điện Biên Phủ trên không*", bắn rơi 30 máy bay, trong đó có 23 chiếc B52, 2 chiếc F111, bắt sống nhiều giặc lái. Đây là chiến công xuất sắc nhất trong lịch sử chiến tranh nhân dân của ta chống chiến tranh phá hoại bằng không quân của đế quốc Mỹ trên miền Bắc. Chiến thắng đó là một trong những đỉnh cao thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, đã góp phần đánh sập uy thế không lực Hoa Kỳ, buộc chúng phải ký Hiệp định Pari rút quân đội viễn chinh về nước, chấm dứt 115 năm chiếm đóng của quân đội thực dân đế quốc trên đất nước ta.

Tính ra, từ năm 1965 đến năm 1975, Hà Nội đã động viên tuyển quân 29 đợt, với gần chục vạn người bổ sung cho các đơn vị bộ đội thường trực chiến đấu bảo vệ Thủ đô và chi viện cho các chiến trường; bắn rơi hơn 300 máy bay của địch; có hơn 11.500 cán bộ, chiến sĩ đã anh dũng hy sinh; 6 đơn vị được tặng danh hiệu "Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân"; 633 Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.

Với những thành tích xuất sắc trong chiến đấu, sản xuất và chi viện tiền tuyến, quân dân Thủ đô đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh bốn lần gửi thư khen và tặng cờ thưởng; được Ủy ban Thường vụ Quốc hội tuyên dương công trạng "*Hà Nội lập công to xứng đáng là Thủ đô anh hùng của cả nước*"; được Nhà nước tặng thưởng một Huân chương Sao vàng, một Huân chương Độc lập hạng Nhất, danh hiệu "Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân"; bạn bè quốc tế khâm phục và đặt cho cái tên thân yêu "*Thủ đô của lương tri và phẩm giá con người*".

Cuộc kháng chiến chống Mỹ kết thúc thắng lợi, vừa ra khỏi chiến tranh, Hà Nội lại phải đương đầu với khó khăn, thử thách mới rất gay gắt, nhất là vào cuối những

năm 70 và những năm 80 của thế kỷ XX. Đất nước lâm vào tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội, trong khi đó các thế lực thù địch ra sức tìm cách chống phá sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta, kể cả việc dùng thủ đoạn bao vây cấm vận, "diễn biến hoà bình". Được sự quan tâm của Đảng, Nhà nước, được sự giúp đỡ của các tỉnh, thành phố bạn, Đảng bộ Hà Nội đã lãnh đạo quân dân một mặt khẩn trương khôi phục những cơ sở kinh tế, văn hoá bị chiến tranh tàn phá, bảo vệ vững chắc Tổ quốc; mặt khác cùng cả nước xắn tay tìm tòi, từng bước tháo gỡ khó khăn để đi lên.

Hà Nội – "Thành phố vì hoà bình"

Từ năm 1986, quán triệt và vận dụng sáng tạo đường lối đổi mới của Đảng, Thành uỷ Hà Nội đã đề ra chủ trương phát triển kinh tế - xã hội phù hợp với thực tế của địa phương, quyết tâm đổi mới cơ chế quản lý, phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Kinh tế dần dần đã vượt qua tình trạng khủng hoảng, đạt nhịp độ phát triển nhanh, liên tục. Trong 5 năm đầu đổi mới (1986 - 1990), tốc độ tăng trưởng GDP bình quân hằng năm là 4,48%; giai đoạn 1991 - 1995 là 12,52%; giai đoạn 1996 - 2000 là 10,72%; trong ba năm 2001 - 2003 là 11,05%. Cơ cấu kinh tế từng bước chuyển dịch theo hướng tỷ trọng công nghiệp, dịch vụ ngày một tăng, tỷ trọng nông nghiệp giảm. Năm 2003, tỷ trọng trong GDP của công nghiệp là 40,4%, dịch vụ là 57,2%, nông - lâm - thuỷ sản là 2,4%.

Đến nay, thành phố có 14 khu công nghiệp lớn tập trung và 16 khu, cụm công nghiệp vừa và nhỏ. Cùng với hệ thống các doanh nghiệp nhà nước, trên địa bàn thành phố có gần 25 000 doanh nghiệp ngoài quốc doanh hoạt động theo Luật doanh nghiệp. Giá trị sản xuất công nghiệp bình quân hằng năm tăng: giai đoạn 1986 - 1990 là 2,5%, giai đoạn 1991 - 1995 là 19,1%, giai đoạn 1996 - 2000 là 15,4%, ba năm 2001 - 2003 là 20,9%. Hoạt động thương mại du lịch, dịch vụ phát

triển mạnh Thị trường Hà Nội ngày càng sôi động, hàng hoá phong phú đa dạng, đáp ứng được nhu cầu tiêu dùng của nhân dân. Năm 2003, Hà Nội có khoảng 2.000 doanh nghiệp có quan hệ buôn bán với 161 quốc gia và vùng lãnh thổ. Kim ngạch xuất khẩu bình quân giai đoạn 1996 - 2003 tăng 11,6%/năm. Các lĩnh vực du lịch, tài chính, ngân hàng... phát triển. ngày càng có vai trò quan trọng trong cơ cấu kinh tế Thủ đô.

Trong nông nghiệp, đang dấy lên phong trào chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, áp dụng các tiến bộ kỹ thuật thâm canh tăng vụ, hình thành các vùng chuyên canh, đổi mới mô hình hợp tác xã nông nghiệp. Nhiều làng nghề được phục hồi và phát triển. Giá trị sản xuất nông nghiệp trên 1 ha đất canh tác tăng lên qua các năm: năm 1995 đạt 28,2 triệu đồng/ha, năm 2002: 43,7 triệu đồng/ha, năm 2003: 46,6 triệu đồng/ha.

Xây dựng và quản lý đô thị có nhiều tiến bộ. Nếu so với năm 1954 thì hiện nay quy mô diện tích thành phố đã tăng gấp sáu lần, dân số tăng tám lần. Đã cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng, đầu tư xây dựng nhiều công trình mới làm cho diện mạo Thủ đô ngày càng khang trang. Các cửa ngõ ra vào thành phố được mở rộng; nhiều tuyến đường mới, nhiều con đường mới được xây dựng theo tiêu chuẩn hiện đại. Giao thông công cộng, đặc biệt là xe buýt phát triển nhanh. Xây dựng nhà ở được đẩy mạnh. Nếu trong ba năm (1991 - 1993) chỉ xây dựng được 53 vạn mét vuông nhà ở, trong 5 năm (1996 - 2000) tăng lên 1,5 triệu mét vuông thì ba năm (2001 - 2003) đã xây dựng được hơn 3 triệu mét vuông. Một số khu đô thị mới đồng bộ, hiện đại đã hình thành. Mạng lưới thông tin liên lạc thành phố đạt 30 máy điện thoại/100 dân. Nông thôn ngoại thành đang đô thị hoá rất nhanh.

Sự nghiệp văn hoá - xã hội phát triển mạnh. Năm 1999, thành phố đã hoàn thành phổ cập trung học cơ sở. Mạng lưới y tế được kiện toàn bảo đảm 100% các trạm y tế xã, phường có bác sĩ. Các chương trình dân số kế hoạch hoá gia đình, giáo dục,

chăm sóc trẻ em được triển khai tích cực. Hà Nội là địa phương có chỉ số phát triển con người cao nhất cả nước. Đến nay, tỷ lệ thất nghiệp thành thị giảm còn 6,8%; số hộ nghèo còn 1%. Phong trào làm việc thiện, chăm sóc các gia đình thương binh liệt sĩ, phụng dưỡng Bà mẹ Việt Nam. Anh hùng, giúp đỡ đồng bào các vùng bị thiên tai ... trở thành nét đẹp trong lối sống của người Hà Nội.

An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội luôn luôn được giữ vững, xứng đáng là chỗ dựa chính trị tin cậy của cả nước. Quan hệ đối ngoại ngày càng mở rộng. Hà Nội có quan hệ hợp tác hữu nghị với hơn 60 thủ đô và thành phố lớn trên thế giới.

Những thành tựu mà Hà Nội đạt được trong những năm đổi mới làm cho vị thế của Thủ đô đối với bạn bè quốc tế ngày một nâng lên. Năm 1999, Hà Nội được Tổ chức văn hoá giáo dục của Liên hợp quốc (UNESCO) đánh giá là thành phố "*có một quá trình phát triển đầy ấn tượng*" và bình chọn là thành phố duy nhất ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương được nhận danh hiệu "*Thành phố hoà bình*".

"Thủ đô anh hùng" hướng tới tương lai

Nhìn lại 50 năm chiến đấu và xây dựng, chúng ta vui mừng nhận thấy Thủ đô Hà Nội đã đạt được những thành tựu rất to lớn và đáng tự hào. Từ một thành phố nhỏ bé, nghèo nàn, kết cấu hạ tầng thấp kém, kinh tế lạc hậu, hoàn toàn phụ thuộc vào nước ngoài, lại bị chiến tranh tàn phá nặng nề, ngày nay Hà Nội đã trở thành một trung tâm lớn về chính trị, kinh tế, văn hoá, khoa học, giáo dục,... có vị thế rất quan trọng ở khu vực và đóng góp xứng đáng vào sự nghiệp chung của cả nước. Hà Nội tuy chỉ chiếm 3,6% dân số và 0,3% diện tích lãnh thổ quốc gia, hằng năm đã đóng góp khoảng 45% GDP của vùng đồng bằng sông Hồng, 8% vào GDP cả nước. Hà Nội đã có bước phát triển vượt bậc cả về quy mô, tầm vóc, diện mạo, cũng như về trình độ, chất lượng; cả về kinh tế và văn hoá, về tăng trưởng kinh tế và cải thiện đời sống nhân dân. Tháng 10-2000, Hà Nội có vinh dự được Đảng và Nhà nước trao tặng danh hiệu cao quý "*Thủ đô Anh hùng*". Tuy nhiên, so với tiềm

năng và yêu cầu, Hà Nội còn rất nhiều việc phải làm, còn nhiều khó khăn thách thức mới. Điều quan trọng là cần tổng kết thực tiễn, rút ra những bài học kinh nghiệm để chỉ đạo cho sự phát triển trong tương lai.

- Đó là bài học về sự kiên định con đường cách mạng, con đường độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội mà Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã xác định. Trong bất cứ hoàn cảnh nào, dù khó khăn, thử thách khắc nghiệt đến đâu, Đảng bộ và nhân dân Hà Nội cũng vững vàng, một lòng một dạ hy sinh phấn đấu cho mục tiêu, lý tưởng cao cả đó.

- Đó là bài học về sự chủ động, năng động, sáng tạo trong việc quán triệt và vận dụng các chủ trương, đường lối của Đảng vào hoàn cảnh cụ thể của Thủ đô, đề ra những nhiệm vụ biện pháp sát đúng, mạnh dạn; trên cơ sở đó tổ chức chỉ đạo thực hiện một cách tập trung, kiên quyết, dứt điểm và hiệu quả.

- Đó là bài học về việc phát huy sức mạnh tổng hợp trên địa bàn, khai thác, gắn kết sức mạnh của địa phương với sức mạnh của các cơ quan trung ương; sức mạnh hợp tác với các địa phương trong cả nước và hợp tác quốc tế. Đó là bài học về phát huy dân chủ đi liền với thực hiện kỷ luật, kỷ cương, tăng cường sự đoàn kết thống nhất trong Đảng, sự ăn khớp đồng bộ trong hệ thống chính trị, sự ủng hộ, đồng thuận của nhân dân; cán bộ, đảng viên gương mẫu, tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh.

Hiện nay, Hà Nội đang hướng tới kỷ niệm 1000 năm tuổi vào năm 2010 và mở tầm nhìn đến năm 2020. Với vị thế là *trái tim của cả nước, đầu não chính trị - hành chính quốc gia, trung tâm lớn về văn hoá, khoa học, giáo dục, kinh tế và giao dịch quốc tế*, Hà Nội phải phấn đấu bảo đảm ổn định vững chắc về chính trị, trật tự an toàn xã hội; phát triển kinh tế, văn hoá toàn diện, bền vững; xây dựng Thủ đô ngày càng giàu đẹp văn minh, thanh lịch, hiện đại, đậm đà bản sắc ngàn năm văn hiến, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân.

Muốn thế, phải tiếp tục xây dựng, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, nâng cao chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh, đẩy mạnh hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế. Phát triển công nghiệp có chọn lọc, đột phá vào những ngành hàng và sản phẩm sử dụng công nghệ cao, hiện đại. Nâng cao trình độ và chất lượng các ngành dịch vụ. Phát triển kinh tế ngoại thành theo hướng nông nghiệp đô thị, sinh thái. Xây dựng cơ sở hạ tầng và quản lý đô thị theo hướng đồng bộ và từng bước hiện đại. Phát triển giáo dục, đào tạo và khoa học công nghệ; xây dựng văn hoá và con người Hà Nội văn minh, thanh lịch, giàu bản sắc của người Tràng An; ngăn chặn, đẩy lùi các tiêu cực và tệ nạn xã hội. Mở rộng quan hệ đối ngoại và giao lưu quốc tế. Củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị, nhất là phẩm chất, năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức đảng, sự trong sạch và hiệu lực quản lý của bộ máy chính quyền, tăng cường mối liên hệ máu thịt giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân.

Phát huy truyền thống và kinh nghiệm của 50 năm chiến đấu và xây dựng, với những dấu ấn sâu sắc về ý chí và nghị lực, lòng quả cảm và sự thông minh sáng tạo, tài hoa, đảng bộ, chính quyền và nhân dân Thủ đô nhất định sẽ vượt qua mọi khó khăn, viết tiếp những trang sử mới, làm rạng rỡ thêm truyền thống nghìn năm văn hiến và anh hùng của mảnh đất Thăng Long - Hà Nội.

* Bài đăng trên Báo *Nhân dân* số ra ngày 10-10-2004;

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb, Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.7, tr.361

Phần thứ hai:

XÂY DỰNG ĐẢNG VỀ CHÍNH TRỊ - TƯ TƯỞNG

ĐỔI MỚI TƯ DUY LÝ LUẬN VỀ SỰ NGHIỆP

XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI*

Kể từ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI (1986) đến nay, tư duy lý luận của Đảng ta đã từng bước đổi mới và có tiến bộ rõ rệt. Các quan điểm cơ bản của Đảng chỉ đạo sự nghiệp đổi mới thể hiện lập trường kiên định và sự vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh vào điều kiện cụ thể Việt Nam trong thời kỳ mới. Những thành tựu nghiên cứu lý luận gắn với tổng kết thực tiễn đã cung cấp luận cứ khoa học cho việc hoạch định đường lối của Đảng, tăng cường sự thống nhất trong Đảng và sự đồng thuận trong xã hội; góp phần vào những thành công to lớn của sự nghiệp đổi mới. Tuy nhiên, công tác lý luận chưa theo kịp sự phát triển và yêu cầu của cách mạng, chưa làm sáng tỏ một số vấn đề mà công cuộc đổi mới đặt ra.

Tại phiên họp ngày 1-3-2003, Bộ Chính trị đã quyết định tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 20 năm đổi mới nhằm khẳng định những thành tựu, chỉ rõ những hạn chế trong quá trình phát triển tư duy lý luận của Đảng ta, phân tích nguyên nhân, rút ra bài học kinh nghiệm: phát hiện những nhân tố mới và những vấn đề mới về lý luận, làm sáng tỏ hơn một số vấn đề về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam: lý giải, kết luận một số vấn đề còn có ý kiến khác nhau góp phần bổ sung phát triển đường lối đổi mới của Đảng. cung cấp luận cứ khoa học cho việc chuẩn bị các văn kiện Đại hội X của Đảng. Ngày 12-5-

2003. Ban Bí thư Trung ương Đảng cũng đã ra chỉ thị về vấn đề này, giao trách nhiệm tổng kết cho các Ban Đảng, Ban cán sự đảng, Đảng đoàn. Đảng uỷ trực thuộc Trung ương các tỉnh uỷ thành uỷ, Hội đồng Lý luận Trung ương (cơ quan Thường trực Ban chỉ đạo tổng kết) và các cơ quan nghiên cứu lý luận.

Sau hơn một năm rưỡi triển khai thực hiện, các đơn vị được giao nhiệm vụ đã quán triệt dụng tinh thần chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, và đã thu được những kết quả tốt đẹp. Trong hai ngày 12 và 13-11-2004. sau khi nghe Ban chỉ đạo tổng kết lý luận Trung ương báo cáo kết quả tổng kết, Bộ Chính trị đã thảo luận và cho ý kiến đánh giá: "Đây là lần đầu tiên Đảng ta có điều kiện nhìn lại toàn diện chặng đường đổi mới đã qua; là cuộc tổng kết có quy mô lớn, quan trọng, nội dung phong phú, liên quan đến hầu hết các vấn đề quan điểm, đường lối, chiến lược của cách mạng nước ta... Bộ Chính trị biểu dương và đánh giá cao sự cố gắng, tinh thần làm việc nghiêm túc, dân chủ, khoa học và kết quả đạt được của Ban chỉ đạo và các lực lượng tham gia tổng kết". Tại Hội nghị Trung ương 11 khoá IX (1-2005), đồng chí Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh nhận xét: "Với cách nhìn nhận khách quan, trung thực, đánh giá đúng cả hai mặt thành tựu và hạn chế, khuyết điểm, tổng kết 20 năm đổi mới không chỉ đem lại cho chúng ta niềm tin vững chắc vào con đường đi lên mà còn là cơ sở lý luận thực tiễn cho Đảng ta hoạch định chiến lược phát triển...".

Tổng kết lần này là, qua việc phân tích, tổng hợp quá trình hình thành đường lối đổi mới, phát triển tư duy lý luận của Đảng, cũng như thực tiễn đổi mới toàn diện của đất nước, *đã làm rõ hơn một số vấn đề lý luận cơ bản về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.* Hội nghị Trung ương 11 khoá IX khẳng định, sau 20 năm đổi mới, với sự nỗ lực phấn đấu của toàn Đảng, toàn dân, *công cuộc đổi mới của chúng ta đã đạt được những thành tựu to lớn toàn diện và có ý nghĩa lịch sử, cả về hoạt động thực tiễn và nhận thức lý luận.*

Cho đến nay, mặc dù còn không ít khó khăn, hạn chế, *đất nước ta đã có sự thay đổi cơ bản và toàn diện*. Kinh tế đã ra khỏi khủng hoảng và có sự tăng trưởng khá nhanh; bước đầu xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và tạo ra những cơ sở quan trọng để đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá; tích lũy nội bộ của nền kinh tế từ chỗ không có gì nay đã đạt khoảng 30% GDP. Từ tình trạng khan hiếm hàng tiêu dùng và lương thực, hàng năm thiếu đói phải nhập lương thực nay đã trở thành nước xuất khẩu gạo đứng thứ hai, thứ ba trên thế giới. Từ chỗ lạm phát có lúc lên tới ba con số đến nay cơ bản không còn lạm phát. Từ thế bị bao vây, cấm vận nay đã có quan hệ đối ngoại rộng mở với đại đa số các quốc gia, vùng lãnh thổ. với nhiều tổ chức và diễn đàn quốc tế. Trước sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và các nước Đông Âu, trước những cuộc khủng hoảng kinh tế tài chính ở khu vực và thế giới nước ta chẳng những không bị cuốn theo mà đã từng bước vượt qua khó khăn để đi lên. Đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được cải thiện đáng kể. Khối đại đoàn kết toàn dân ngày càng được tăng cường và củng cố. Hệ thống chính trị từng bước được đổi mới. Nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân với lực lượng vũ trang nhân dân làm nòng cốt ngày càng vững mạnh. Chính trị xã hội ổn định. Vị thế nước ta trên trường quốc tế không ngừng được nâng cao. Sức mạnh tổng hợp có bước phát triển rất quan trọng, tạo ra thế và lực mới cho đất nước tiếp tục đi lên với triển vọng tốt đẹp. Đảng và Nhà nước ta ngày càng tích lũy thêm được nhiều kinh nghiệm lãnh đạo và quản lý. Những thành tựu to lớn đó *chứng tỏ đường lối đổi mới của Đảng ta là đúng đắn và sáng tạo; con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của nước ta là phù hợp với thực tiễn Việt Nam*. Riêng về mặt lý luận, qua 20 năm đổi mới, nhận thức của Đảng ta về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ngày càng sáng tỏ hơn. Sau nhiều năm tìm tòi thử nghiệm, đấu tranh tư tưởng, tổng kết thực tiễn gắn với vận dụng lý luận, đến nay *Đảng ta đã bước đầu hình thành được trên những nét cơ bản một hệ thống quan điểm lý luận về công cuộc đổi mới và con*

đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, làm cơ sở khoa học cho đường lối của Đảng góp phần bổ sung và phát triển quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội.

Tập trung ở một số vấn đề cơ bản sau đây:

1. Về mục tiêu, bản chất của chủ nghĩa xã hội

Ngay khi mới ra đời và trong suốt quá trình đấu tranh cách mạng. Đảng ta luôn luôn khẳng định, *chủ nghĩa xã hội* là mục tiêu lý tưởng của Đảng và nhân dân ta; đi lên chủ nghĩa xã hội là yêu cầu khách quan, là con đường tất yếu của cách mạng Việt Nam. Gần đây, mặc dù chủ nghĩa xã hội thế giới đang trong giai đoạn khủng hoảng, thoái trào, gặp rất nhiều khó khăn, nhưng Đảng ta vẫn khẳng định: "*Đảng và nhân dân ta quyết tâm xây dựng đất nước Việt Nam theo con đường xã hội chủ nghĩa trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh*"¹. Điều đó hoàn toàn phù hợp với xu thế vận động, phát triển của lịch sử. Nhiều Đảng Cộng sản, đảng cánh tả mác xít trên thế giới đều khẳng định loài người tất yếu sẽ đi lên chủ nghĩa xã hội. Gần đây, Hội nghị Trung ương 4 khoá XVI (9-2004) của Đảng Cộng sản Trung Quốc nhấn mạnh: "*Cần phải kiên trì thúc đẩy chủ nghĩa xã hội, ... chỉ có chủ nghĩa xã hội mới có thể cứu được Trung Quốc*"². Trong Cương lĩnh của Đảng Cộng sản Nhật Bản thông qua tại Đại hội XXIII (1-2004) ghi rõ: "*Trong thế kỷ XXI, trào lưu hướng tới một xã hội mới vượt lên trên chủ nghĩa tư bản nhất định sẽ lớn mạnh và phát triển... Việc xây dựng chủ nghĩa xã hội là tất yếu khách quan, dù quanh co, khúc khuỷu, song cuối cùng chủ nghĩa xã hội nhất định thắng lợi*" .

Tuy nhiên, đi lên chủ nghĩa xã hội bằng cách nào? Làm thế nào để xây dựng được chủ nghĩa xã hội? Mỗi quốc gia, dân tộc đều phải suy nghĩ, tìm tòi, lựa chọn để làm sao vừa theo đúng quy luật chung vừa phù hợp với điều kiện, đặc điểm của nước mình. Đây là một sự nghiệp lâu dài, vô cùng khó khăn, gian khổ. Riêng đối

với Việt Nam, từ một nước nông nghiệp nghèo nàn, lạc hậu, lại bị chiến tranh tàn phá nặng nề, đi lên chủ nghĩa xã hội lại càng khó khăn, phải trải qua nhiều thời kỳ, nhiều chặng đường. Hiện nay, nước ta còn đang ở thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội, có rất nhiều vấn đề cần được nhận thức vận dụng đúng đắn, phù hợp với thực tế và quy luật khách quan; không thể nôn nóng, giáo điều, máy móc.

Trong những năm đổi mới, từ tổng kết thực tiễn và nghiên cứu lý luận, *chúng ta đã nhận thức ngày càng đúng đắn hơn, sâu sắc hơn về chủ nghĩa xã hội, về thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội*, từng bước khắc phục được một số quan niệm đơn giản, ấu trĩ, sai lầm trước đây như: nhấn mạnh một chiều vai trò của quan hệ sản xuất, của chế độ công hữu, chế độ phân phối bình quân, không thấy đầy đủ yêu cầu phát triển lực lượng sản xuất trong thời kỳ quá độ; đồng nhất kinh tế thị trường với chủ nghĩa tư bản, coi nhẹ những giá trị, những thành tựu mà nhân loại đạt được trong chủ nghĩa tư bản; muốn nhanh chóng xoá bỏ sản xuất hàng hoá, xoá bỏ sở hữu tư nhân và kinh tế tư nhân trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, v.v..

Cương lĩnh (năm 1991) đã đưa ra những quan niệm mới về chủ nghĩa xã hội và phương hướng xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Đó là một bước tiến lớn trong tư duy lý luận của Đảng ta, vừa quán triệt tinh thần cơ bản của học thuyết Mác - Lênin về chủ nghĩa xã hội, vừa thể hiện sự vận dụng sáng tạo vào điều kiện cụ thể của Việt Nam trong thời đại mới. Cho đến nay, tuy thực tiễn đã phát triển, chúng ta phải nghiên cứu, tổng kết để tiếp tục bổ sung, nhưng tư tưởng cơ bản của *Cương lĩnh* vẫn đúng; *Cương lĩnh* vẫn là ngọn cờ dẫn dắt nhân dân ta tiến lên trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội. nhằm mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

2. Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

Để thực hiện được mục tiêu của chủ nghĩa xã hội, trong thời kỳ quá độ, vấn đề quan trọng hàng đầu là phải xây dựng được cơ sở vật chất- kỹ thuật của chủ nghĩa

xã hội; mà muốn xây dựng được cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội thì nhất thiết phải phát triển được lực lượng sản xuất, giải phóng triệt để sức sản xuất; đồng thời xây dựng quan hệ sản xuất phù hợp với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất. Đối với nước ta trong giai đoạn hiện nay, giải phóng và phát triển sức sản xuất, bảo đảm cho kinh tế tăng trưởng nhanh, phát triển bền vững phải là nhiệm vụ chính trị trọng đại số một, nhiệm vụ trọng tâm. Bởi vì không như thế thì sẽ không thể có "dân giàu, nước mạnh tức là không thể có chủ nghĩa xã hội".

Muốn phát triển được lực lượng sản xuất, kinh nghiệm thực tế cho thấy, không thể áp dụng mô hình kinh tế kế hoạch hoá tập trung quan liêu, bao cấp, mà phải phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Đưa ra quan niệm phát triển *kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa* là một đột phá lý luận rất cơ bản và sáng tạo của Đảng ta, xuất phát từ thực tiễn Việt Nam và tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm của thế giới. Sau một thời gian tìm tòi, thử nghiệm, tổng kết thực tiễn, từ Đại hội VI, Đảng ta đã dứt khoát từ bỏ mô hình kinh tế phi hàng hoá, phi thị trường, mô hình kinh tế tập trung bao cấp, chủ trương phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần. *Cương lĩnh* (năm 1991) khẳng định: "Phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước". Đại hội VIII đưa ra quan niệm mới, rất quan trọng về kinh tế hàng hoá và chủ nghĩa xã hội; "Sản xuất hàng hoá không đối lập với chủ nghĩa xã hội, mà là thành tựu phát triển của nền văn minh nhân loại, tồn tại khách quan, cần thiết cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và cả khi chủ nghĩa xã hội đã được xây dựng". Nhưng vào thời điểm Đại hội VIII chúng ta vẫn chưa gọi là *kinh tế thị trường*. Phải đến Đại hội IX khái niệm "*kinh tế thị trường*" mới chính thức được nêu trong văn kiện của Đảng. Tuy nhiên, nền kinh tế thị trường của ta không phải là nền kinh tế thị trường tư bản

chủ nghĩa (vì mục đích của chúng ta là xây dựng chủ nghĩa xã hội), và cũng chưa phải là kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa (vì chúng ta còn đang trong thời kỳ quá độ). Đại hội IX đưa ra khái niệm "*kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa*", xem đó là *mô hình kinh tế tổng quát* trong suốt thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là một nền kinh tế dựa trên cơ sở kết hợp ưu thế của chế độ kinh tế năng động với ưu thế của chế độ chính trị tiên tiến; kết hợp mặt tích cực của cơ chế thị trường với sự điều tiết vĩ mô của Nhà nước nhằm hạn chế, khắc phục các mặt tiêu cực (như tính tự phát, mù quáng) của cơ chế thị trường; kết hợp hài hoà giữa tăng trưởng kinh tế với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội. Trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, các thành phần kinh tế cùng phát triển, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo; kinh tế nhà nước cùng kinh tế tập thể dần dần trở thành nền tảng; kinh tế tư nhân, kể cả kinh tế tư bản tư nhân, là bộ phận quan trọng hợp thành của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Như vậy, *định hướng xã hội chủ nghĩa thể hiện ngay trong sự vận động của các thành tố kinh tế thị trường, phản ánh xu thế phát triển tất yếu của kinh tế trong thời đại ngày nay, chứ không phải là sự gán ghép từ bên ngoài vào*. Vì lợi ích của đất nước và chủ nghĩa xã hội, Đảng và Nhà nước ta chủ trương khuyến khích và có những chính sách, biện pháp tạo điều kiện để các thành phần kinh tế cùng phát triển, phát huy mặt tích cực, hạn chế mặt tiêu cực, vừa không làm mất động lực phát triển, vừa chủ động không chế phân hoá hai đầu, giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa.

Chúng ta cũng đã nhận thức sâu hơn rằng muốn thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, vấn đề cơ bản nhất trong thời kỳ hiện nay là phải đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, cố gắng để khoảng vài ba

thập kỷ nước ta trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Từ thực hiện công nghiệp hoá kiểu khép kín, hướng nội, không gắn với hiện đại hoá, thiên về phát triển công nghiệp nặng, chủ yếu dựa vào lợi thế về lao động, tài nguyên... chúng ta đã chuyển sang thực hiện công nghiệp hoá mở; chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng phát triển mạnh công nghiệp và dịch vụ; gắn công nghiệp hoá với hiện đại hoá và từng bước phát triển kinh tế tri thức.

Thực tế những năm qua cho thấy, nhờ có chủ trương đúng về công nghiệp hoá, hiện đại hoá, áp dụng mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, nền kinh tế nước ta đã có bước phát triển khá nhanh, mang lại hiệu quả rõ rệt. Mặc dù mới là bước đầu, còn không ít hạn chế, nhưng có thể khẳng định phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là một chủ trương đúng, là phương thức, là con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta trong thời kỳ quá độ, được nhiều bạn bè quốc tế đã ghi nhận. Trong Cương lĩnh của Đảng Cộng sản Nhật Bản thông qua tại Đại hội XXIII (1-2004) đã nhận định: *"Quá trình tìm tòi mới tiến lên chủ nghĩa xã hội thông qua kinh tế thị trường ở Việt Nam và Trung Quốc đang trở thành một hướng đi quan trọng của thế giới trong thế kỷ XXI"*.

3. Phát triển kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội

Một trong những thành tựu quan trọng đổi mới tư duy lý luận của Đảng ta là đã nhận rõ sự thống nhất biện chứng giữa chính sách kinh tế với chính sách xã hội. Tại Đại hội VI lần đầu tiên trong quan niệm về chủ nghĩa xã hội, Đảng ta đã đặt đúng tâm vấn đề xã hội trong mối quan hệ với kinh tế. Và càng về sau, Đảng ta càng khẳng định phải gắn kinh tế với xã hội, thống nhất chính sách kinh tế với chính sách xã hội, phát triển kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, coi đây là *một đặc trưng cơ bản, một thuộc tính quan trọng mang tính quy luật của định hướng xã hội chủ nghĩa trong kinh tế, thị trường, thể hiện tính ưu việt của chế độ xã hội ta*. Phát triển xã hội trên nguyên tắc tiến bộ và công bằng đòi hỏi

phải có một nền kinh tế tăng trưởng nhanh, hiệu quả cao và bền vững. Chỉ có một nền kinh tế như thế thì mới có khả năng huy động các nguồn lực vật chất cho việc thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội. Ngược lại, cũng không thể có một nền kinh tế tăng trưởng nhanh, hiệu quả cao và bền vững nếu trong xã hội không có sự công bằng nhất định, đa số dân chúng sống nghèo khổ, thấp kém về trí tuệ ốm yếu về thể chất, và một bộ phận đáng kể lao động lâm vào cảnh thất nghiệp, nghèo đói, bị đẩy ra ngoài lề xã hội. Phát triển xã hội trên nguyên tắc tiến bộ và công bằng phải được tiến hành ngay trong từng bước và trong suốt quá trình phát triển kinh tế. Không chờ đến khi kinh tế đạt tới trình độ phát triển cao rồi mới thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, càng không "hy sinh" tiến bộ và công bằng xã hội để chạy theo tăng trưởng kinh tế đơn thuần. Muốn vậy, mỗi chính sách kinh tế đều phải hướng tới mục tiêu phát triển xã hội; mỗi chính sách xã hội phải nhằm tạo ra động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, dù trực tiếp hay gián tiếp, trước mắt hay lâu dài. Điều này vừa thể hiện đúng quy luật của sự phát triển lành mạnh, bền vững trong thời đại ngày nay, vừa nói lên mục đích, bản chất của xã hội ta. Nếu không giải quyết được vấn đề xã hội thì không thể nói đến định hướng xã hội chủ nghĩa, tức là không hơn gì kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa, càng không thể nói đến tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội.

Phát triển xã hội trên nguyên tắc công bằng không có nghĩa là cào bằng, là thực hiện chủ nghĩa bình quân, chia đều các nguồn lực và của cải làm ra, bất chấp chất lượng, hiệu quả của sản xuất kinh doanh và sự đóng góp của mỗi người cho sự phát triển chung của cộng đồng. Hơn nữa, nếu dồn mọi nguồn lực cho phát triển xã hội vượt quá khả năng mà nền kinh tế cho phép thì sẽ làm giảm những điều kiện cần thiết để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế khiến cho nền kinh tế trì trệ hoặc khủng hoảng, và kết cuộc cũng không thực hiện được các kế hoạch phát triển xã hội. Do đó, trong mỗi bước đi, mỗi thời kỳ cụ thể phải tìm ra đúng cái "độ" tương thích

giữa thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và phát triển xã hội, sao cho hai mặt này không cản trở nhau, không triệt tiêu nhau, mà hỗ trợ cho nhau cùng tiến lên.

Trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, việc thực hiện công bằng xã hội không thể chỉ dựa vào chính sách điều tiết và phân phối lại thu nhập của các tầng lớp dân cư. Kế thừa và phát huy thành quả cách mạng hơn nửa thế kỷ qua, ngày nay chúng ta có những tiền đề và điều kiện cần thiết để bảo đảm cho mọi người dân, kể cả những người có hoàn cảnh khó khăn, đều có cơ hội công bằng trong việc tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản về giáo dục, y tế, việc làm, tín dụng, thông tin, mạng lưới an sinh xã hội... để họ có thể lo liệu và cải thiện đời sống của bản thân, gia đình, đồng thời góp phần xây dựng đất nước. Để quản lý sự phát triển xã hội đạt hiệu quả cao, cần kết hợp sử dụng và phát huy sức mạnh của cả Nhà nước, cộng đồng và bản thân mỗi người dân. Nhà nước tiến hành thể chế hoá đường lối, chủ trương của Đảng thành luật pháp, chiến lược, chính sách, kế hoạch phát triển xã hội và đề ra các biện pháp tổ chức và quản lý phù hợp. Nhà nước vừa phải quan tâm đầu tư thoả đáng vừa coi trọng huy động các nguồn lực trong nhân dân theo lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh: "Đem tài dân, sức dân, của dân làm lợi cho dân".

4. Phát triển nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, làm cho văn hoá thực sự là nền tảng tinh thần của xã hội

Phát triển văn hoá đồng bộ và tương xứng với tăng trưởng kinh tế, phát triển xã hội, tiến bộ chính trị, là một định hướng căn bản của quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta, thể hiện sự nhận thức mới, sự phát triển tư duy lý luận của Đảng ta. Trong nhiều nghị quyết của Đảng đã xác định phát triển văn hoá, xây dựng con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực của công cuộc đổi mới; phát triển giáo dục - đào tạo là quốc sách hàng đầu, khoa học - công nghệ là động lực phát triển kinh tế - xã hội, là điều kiện để xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

Nền văn hoá mà chúng ta xây dựng là một *nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, một nền văn hoá thống nhất trong đa dạng*. Để nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc thực sự là nền tảng tinh thần của xã hội, cần làm cho chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh giữ vai trò chỉ đạo trong đời sống tinh thần xã hội; kế thừa và phát huy truyền thống văn hoá tốt đẹp của tất cả các dân tộc trong nước; tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại; xây dựng một xã hội vụ lợi ích chân chính và phẩm giá con người, với trình độ tri thức, đạo đức, thể lực và thẩm mỹ ngày càng cao. Chống tư tưởng, văn hoá phản tiến bộ, trái với những truyền thống tốt đẹp của dân tộc và những giá trị cao quý của loài người trái với phương hướng đi lên chủ nghĩa xã hội; bảo vệ nền văn hoá dân tộc trước sự xâm lăng văn hoá.

Hiện nay, bên cạnh mặt tích cực và tiến bộ có nhiều biểu hiện rất đáng lo ngại về sự xuống cấp của các giá trị văn hoá, đạo đức sự băng hoại về nền nếp gia phong, về quan hệ tốt đẹp giữa con người với con người, ngay trong mỗi gia đình, mỗi cộng đồng,... Nhiệm vụ bao quát hàng đầu của sự nghiệp văn hoá ở nước ta là bằng mọi cách xây dựng con người Việt Nam thấm nhuần những giá trị và những chuẩn mực văn hoá mới phù hợp với đặc điểm dân tộc và yêu cầu phát triển của đất nước trong giai đoạn cách mạng mới.

5. Giữ vững môi trường hoà bình, hữu nghị vì sự phát triển của đất nước

Qua những năm đổi mới, càng ngày chúng ta càng nhận thức rõ hơn các vấn đề về nội dung, tính chất thời đại, về đường lối đối ngoại của Đảng ta, Nhà nước ta. Trong khi tiếp tục khẳng định mặc dù chủ nghĩa xã hội tạm thời lâm vào thoái trào nhưng điều đó không làm thay đổi tính chất của thời đại (loài người vẫn đang trong thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội), chúng ta đồng thời làm rõ thêm một số nội dung chủ yếu của giai đoạn hiện nay, như vai trò của cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại; toàn cầu hoá kinh tế, kinh tế tri thức; đặc

điểm mới của chủ nghĩa tư bản hiện đại; tính chất phức tạp và gay gắt của cuộc đấu tranh dân tộc, đấu tranh giai cấp trong điều kiện mới; xu thế hoà bình hợp tác và nguy cơ chiến tranh; cục diện mới của thế giới và khu vực,... Trên cơ sở đó nhấn mạnh: một trong những nhiệm vụ cơ bản của Đảng và nhân dân ta lúc này là củng cố và giữ vững hoà bình để tập trung xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Chúng ta đã đổi mới nhận thức về tình hình thế giới và khu vực; chuyển từ cách nhìn thế giới chỉ dưới góc độ một vũ đài đấu tranh sang cách nhìn toàn diện hơn; coi thế giới như môi trường tồn tại và phát triển của Việt Nam; đổi mới tư duy đối ngoại theo tinh thần "thêm bạn bớt thù", "Việt Nam sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, vì hoà bình, độc lập và phát triển"; chủ động hội nhập và lấy việc bảo đảm lợi ích quốc gia là nguyên tắc tối cao của hội nhập. Từ đó đã kiên trì đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, vì hoà bình, hợp tác và phát triển; thực hiện chính sách đối ngoại rộng mở, đa phương hoá, đa dạng hoá quan hệ quốc tế. Môi trường đối ngoại và các mối quan hệ đối ngoại luôn ở trạng thái động, biến đổi từng ngày, rất nhanh, muôn hình muôn vẻ, tác động đến đời sống mọi mặt của các quốc gia, trong đó có nước ta. Vì vậy, cần kiên định những vấn đề chiến lược, những vấn đề có tính nguyên tắc; đồng thời mềm dẻo, linh hoạt về sách lược; nhanh nhạy, nắm bắt thời cơ và có cách xử lý thích hợp. Thực hiện tư tưởng và phong cách ngoại giao Hồ Chí Minh: "dĩ bất biến ứng vạn biến", biết mình, biết người; khiêm tốn, tự trọng; không cực đoan, cứng nhắc máy móc; giữ vững lợi ích quốc gia đồng thời tôn trọng lợi ích chính đáng và bản sắc của nước khác, dân tộc khác; góp phần xác lập một nền ngoại giao Việt Nam, nâng cao giá trị Việt Nam trong con mắt bạn bè thế giới. Tranh thủ lợi thế về ổn định chính trị - xã hội của ta và tình cảm tốt đẹp của nhiều quốc gia, dân tộc đối với nhân dân ta, phát huy các quan hệ quốc tế trên các lĩnh vực Đảng, Nhà nước và nhân dân, phát huy các nguồn lực bên ngoài.

Kết hợp tổng kết lý luận - thực tiễn về công tác đối ngoại trong thời kỳ đổi mới với việc đi sâu nghiên cứu, học tập kinh nghiệm lịch sử của ông cha ta trong lĩnh vực đối ngoại.

6. Xây dựng chủ nghĩa xã hội đi đôi với bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa

Cùng với quá trình đổi mới, chúng ta đã từng bước nhận thức sâu sắc hơn, cụ thể hơn về mối quan hệ giữa xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa; giữa kinh tế và quốc phòng - an ninh - đối ngoại; nhận thức toàn diện hơn về khái niệm "*an ninh quốc gia*" và "*bảo vệ Tổ quốc*". An ninh quốc gia không chỉ là an ninh chính trị mà còn là an ninh kinh tế, an ninh văn hoá, an ninh tư tưởng, an ninh xã hội,... Bảo vệ Tổ quốc không chỉ là bảo vệ lãnh thổ, biên giới, hải đảo, vùng trời, vùng biển mà còn là bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân; bảo vệ kinh tế, văn hoá dân tộc, sự nghiệp đổi mới... Đã xác định rõ hơn các nguy cơ đối với an ninh quốc gia, các nhân tố có khả năng gây mất ổn định chính trị - xã hội, phá hoại an ninh quốc gia. Chúng ta cũng đã bước đầu xây dựng hệ quan điểm mới về chiến tranh nhân dân, về hậu phương trong điều kiện chiến tranh công nghệ cao; làm sáng tỏ nội dung mới của chiến lược bảo vệ Tổ quốc, chiến lược quốc phòng toàn dân.

Trên cơ sở những nhận thức đó, trong quá trình xây dựng kinh tế, phát triển đất nước, chúng ta đã thường xuyên quan tâm nhiệm vụ chống âm mưu "diễn biến hoà bình" và bạo loạn lật đổ; kết hợp chặt chẽ xây dựng tiềm lực với củng cố thể trận quốc phòng vững chắc, có trọng điểm; xây dựng thể trận phòng thủ quốc gia trên cơ sở đẩy mạnh xây dựng các khu vực phòng thủ địa phương; xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân thực sự là nòng cốt trong sức mạnh quốc phòng và an ninh; tập trung xây dựng quân đội nhân dân, công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại. Kết hợp hậu phương trên cả nước với hậu phương trên từng địa bàn, từng vùng chiến lược; phát huy truyền thống xây dựng hậu phương

tại chỗ, hậu phương trong lòng dân. Chủ động xây dựng và sớm triển khai các phương án phòng ngừa, xử lý các tình huống phức tạp, bảo vệ vững chắc an ninh quốc gia.

7. Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm thực hiện quyền làm chủ của nhân dân

Dân chủ xã hội chủ nghĩa là bản chất của chế độ chính trị ở nước ta. Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền lực thực sự thuộc về nhân dân là một nhiệm vụ trọng yếu, lâu dài của cách mạng nước ta, là mục tiêu và động lực của chủ nghĩa xã hội.

Để thực hiện được điều đó, cùng với việc nâng cao nhận thức, thống nhất tư tưởng, phải có cơ cấu tổ chức và cơ chế vận hành một cách khoa học, hữu hiệu. Cơ cấu tổ chức và cơ chế vận hành đó ở nước ta chính là *hệ thống chính trị*. Khái niệm "*hệ thống chính trị*" được Đảng ta chính thức sử dụng từ Hội nghị Trung ương 6 khóa VI (3-1989) thay cho khái niệm "*hệ thống chuyên chính vô sản*" được dùng một thời gian khá dài trước đây. Hệ thống chính trị ở nước ta bao gồm Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội; trong đó Đảng giữ vai trò lãnh đạo, Nhà nước đóng vai trò quản lý, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội có vai trò quan trọng trong việc phát huy quyền làm chủ của nhân dân, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân. *Cương lĩnh* (năm 1991) khẳng định: "Toàn bộ tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị ở nước ta trong giai đoạn mới là nhằm xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền lực thuộc về nhân dân". Báo cáo chính trị tại Đại hội VII của Đảng cũng chỉ rõ: *Thực chất của công cuộc đổi mới và kiện toàn hệ thống chính trị ở nước ta là xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa; dân chủ vừa là mục tiêu vừa là động lực của công cuộc đổi mới.*

Với tư cách là thiết chế bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân, *Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam* phải thực sự là nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; bao nhiêu lợi ích đều vì dân, bao nhiêu quyền hạn đều ở nơi dân, mọi quyền lực mà Nhà nước có được đều do nhân dân uỷ quyền. Nhà nước pháp quyền không phải là cái riêng có của chủ nghĩa tư bản; chủ nghĩa xã hội cũng phải thực hiện nhà nước pháp quyền. Nhưng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa khác về bản chất với nhà nước pháp quyền tư sản ở chỗ: pháp quyền dưới chủ nghĩa tư bản về thực chất, là công cụ của giai cấp tư sản, bảo vệ lợi ích của chủ nghĩa tư bản; còn pháp quyền dưới chủ nghĩa xã hội là công cụ thể hiện và thực hiện quyền làm chủ của nhân dân; thông qua thực thi pháp luật, Nhà nước thể hiện quyền làm chủ của nhân dân, bảo vệ lợi ích của nhân dân, chuyên chính với mọi hành động xâm phạm lợi ích của Tổ quốc và của nhân dân.

Mô hình tổ chức và hoạt động của Nhà nước phải bảo đảm nguyên tắc quyền lực nhà nước là thống nhất, nhưng có sự phân công rành mạch và phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan quyền lực nhà nước trong việc thực hiện ba quyền: lập pháp, hành pháp, tư pháp; nâng cao hiệu lực, hiệu quả, thông suốt, thống nhất cả ở trung ương và địa phương. Có cơ chế phân công và phối hợp giữa các cơ quan quyền lực nhà nước, tạo ra thiết chế giám sát quyền lực nhà nước. Đổi mới bộ máy nhà nước, làm cho bộ máy nhà nước thực sự là thiết chế phục vụ nhân dân; hoạt động theo phương châm: việc gì có lợi cho dân phải hết sức làm; việc gì có hại cho dân, phải hết sức tránh.

Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội là các tổ chức đại diện cho quyền làm chủ của nhân dân, vừa tiêu biểu cho khối đại đoàn kết toàn dân, vừa là cơ quan thực hiện chức năng giám sát và phản biện xã hội. Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng là nguồn sức mạnh, động lực

chủ yếu và là nhân tố có ý nghĩa quyết định, bảo đảm thắng lợi bền vững của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc vì mục tiêu chung là độc lập, thống nhất, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

8. Nâng cao vai trò lãnh đạo và năng lực cầm quyền của Đảng

Thực tiễn 20 năm qua một lần nữa khẳng định: sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố quyết định mọi thắng lợi của công cuộc đổi mới cũng như toàn bộ sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta. Trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường, mở cửa hội nhập, một cách khách quan, *càng phải kiên định sự lãnh đạo của Đảng, coi đây là vấn đề nguyên tắc, vấn đề sống còn, bảo đảm sự phát triển của đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Không có sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản thì không thể nói gì đến xây dựng chủ nghĩa xã hội.* Không phải ngẫu nhiên mà các thế lực thù địch muốn xoá bỏ chế độ xã hội chủ nghĩa trước tiên phải tập trung đánh vào Đảng Cộng sản, xoá bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản.

Đương nhiên, để có đủ khả năng và điều kiện lãnh đạo đúng đắn và có hiệu quả, với tư cách là một đảng cầm quyền, Đảng càng phải *thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn, coi đây là quy luật tồn tại và phát triển của Đảng.* Trong tình hình phức tạp của thế giới và trong nước hiện nay, phải đặc biệt coi trọng việc phát huy truyền thống cách mạng và khoa học, giữ vững bản chất giai cấp công nhân và tính tiên phong của Đảng, xây dựng Đảng thực sự vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức; có đạo đức cách mạng trong sáng, có tầm trí tuệ cao, có phương thức lãnh đạo khoa học, gắn bó mật thiết với nhân dân, đủ sức đoàn kết lãnh đạo toàn dân vượt mọi khó khăn thử thách, thực hiện thắng lợi đường lối đổi mới của Đảng. Nói tóm lại, phải làm cho Đảng thật sự là Đảng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, luôn luôn là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc.

Muốn thế, Đảng phải tiếp tục đổi mới tư duy lý luận, làm tốt công tác tư tưởng chính trị, nâng cao trình độ trí tuệ và năng lực lãnh đạo chính trị, năng lực cầm quyền, đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng; phát huy dân chủ, giữ vững kỷ luật, tăng cường đoàn kết thống nhất; làm trong sạch và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên; khắc phục có hiệu quả các hiện tượng tiêu cực, đặc biệt là tệ quan liêu tham nhũng, khôi phục và nâng cao lòng tin của nhân dân đối với Đảng; chấn chỉnh tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ, làm cho Đảng có đủ bản lĩnh chính trị, có kiến thức, năng lực và sức chiến đấu cao trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường, mở cửa hội nhập, môi trường quốc tế rất phức tạp, có nhiều nguy cơ và thách thức mới.

Qua tổng kết thực tiễn, Đảng ta nêu rõ nguy cơ lớn nhất của Đảng cầm quyền là sự sai lầm về đường lối, tệ quan liêu, xa dân, thoái hoá, biến chất, đi đến mất phương hướng chính trị. Trong điều kiện kinh tế thị trường và toàn cầu hoá, càng cần cảnh giác và có giải pháp khắc phục nguy cơ nói trên. Đảng kiên định nền tảng tư tưởng của Đảng là chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh; kiên định nguyên tắc tổ chức của Đảng là nguyên tắc tập trung dân chủ, kết hợp chặt chẽ việc phát huy dân chủ trong Đảng với giữ vững kỷ luật kỷ cương của Đảng; kiên trì chỉ có *một Đảng lãnh đạo* là Đảng Cộng sản, không chấp nhận "đa nguyên, đa đảng". Tiếp tục cụ thể hoá, quy chế hoá để thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ trong Đảng, kiện toàn hệ thống tổ chức của Đảng, trong đó chú trọng nâng cao sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng; làm cho tổ chức cơ sở đảng thực sự là hạt nhân chính trị ở cơ sở, có khả năng lãnh đạo quy tụ sức mạnh của đơn vị hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; làm tốt công tác giáo dục, rèn luyện, quản lý đội ngũ cán bộ, đảng viên cả về năng lực, phẩm chất, đạo đức và tác phong công tác; gần gũi nhân dân, nêu cao tinh thần tận tụy phục vụ nhân dân. Đảng lãnh đạo Nhà nước và xã hội bằng cương lĩnh, đường lối, chủ trương, nguyên tắc giải quyết các vấn đề trọng

đại về quốc kế dân sinh; xử lý những vấn đề cụ thể có ý nghĩa chính trị quan trọng, quan hệ tới nhiều tầng lớp, những vấn đề phức tạp trong quan hệ quốc tế. Lãnh đạo tốt khâu hoạch định đường lối; quyết định nhân sự; lãnh đạo Nhà nước thể chế hoá, cụ thể hoá đường lối, quan điểm, chủ trương của Đảng. Tổ chức việc phối hợp và phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, tạo điều kiện cho Nhà nước hoàn thành thắng lợi mọi nhiệm vụ, bảo đảm cho nghị quyết của Đảng đi vào cuộc sống, biến thành hiện thực.

Bên cạnh kết quả đã đạt được, cho đến nay, vẫn còn không ít vấn đề nhận thức lý luận chưa đủ rõ, hoặc chưa thống nhất; nhiều vấn đề mới đặt ra chưa được nghiên cứu, giải đáp có sức thuyết phục. Chẳng hạn như các vấn đề về: giải pháp phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; vai trò và mối quan hệ giữa kế hoạch và thị trường; quan niệm về chế độ sở hữu, các thành phần kinh tế về lao động và bóc lột; vai trò của kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân; quan hệ giữa tốc độ tăng trưởng và chất lượng phát triển, giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hoá, bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội; giữa đổi mới kinh tế và đổi mới hệ thống chính trị; giữa độc lập tự chủ và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế; làm sao để giữ vững bản chất giai cấp công nhân của Đảng trong điều kiện kinh tế thị trường, mở cửa hội nhập; mô hình tổ chức bộ máy hệ thống chính trị thế nào là hợp lý; làm thế nào phòng chống có hiệu quả tệ quan liêu, tham nhũng; v.v... Những vấn đề nêu trên đòi hỏi phải được tiếp tục đi sâu nghiên cứu, tổng kết, làm sáng tỏ, nhằm làm cho hệ quan điểm của Đảng về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta ngày càng hoàn thiện, sâu sắc, soi đường cho hoạt động thực tiễn kịp thời, có hiệu quả. Đương nhiên, đây là nhiệm vụ không đơn giản, bởi vì đổi mới vì chủ nghĩa xã hội là một sự nghiệp vô cùng khó khăn, mới mẻ, chưa có tiền lệ, thực tiễn còn đang vận động, ý kiến thường rất khác nhau. Chỉ có tiếp tục đổi mới tư duy, thực sự cầu thị, phát huy tự do tư tưởng, vừa kiên

định vừa vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đi sâu vào tổng kết thực tiễn, chúng ta mới có thể từng bước giải đáp được những vấn đề đặt ra, nâng công tác lý luận lên một tầm cao mới.

* Bài đăng trên Tạp chí *Cộng sản*, số 3 (2-2005).

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001. tr.86.

2. Xem: *Quyết định của Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc về việc tăng cường xây dựng năng lực cầm quyền của Đảng*. Tài liệu do Viện Khoa học xã hội Việt Nam dịch, Hà Nội, 2004.

KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA*

I- VÌ SAO VIỆT NAM LỰA CHỌN MÔ HÌNH KINH TẾ

THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA?

1. Như mọi người đã biết, kinh tế thị trường là một kiểu tổ chức kinh tế phản ánh trình độ phát triển nhất định của văn minh nhân loại. Từ trước đến nay nó tồn tại và phát triển chủ yếu dưới chủ nghĩa tư bản, là nhân tố quyết định sự tồn tại và phát

triển của chủ nghĩa tư bản. Chủ nghĩa tư bản đã biết lợi dụng tối đa ưu thế của kinh tế thị trường để phục vụ cho mục tiêu phát triển tiềm năng kinh doanh, tìm kiếm lợi nhuận, và một cách khách quan nó thúc đẩy lực lượng sản xuất của xã hội phát triển mạnh mẽ. Ngày nay, kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa đã đạt tới giai đoạn phát triển khá cao và phồn thịnh trong các nước tư bản phát triển.

Tuy nhiên, kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa không phải là vạn năng. Bên cạnh mặt tích cực nó còn có mặt trái, có khuyết tật từ trong bản chất của nó do chế độ sở hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa chi phối. Cùng với sự phát triển của lực lượng sản xuất, càng ngày mâu thuẫn của chủ nghĩa tư bản càng bộc lộ sâu sắc, không giải quyết được các vấn đề xã hội làm tăng thêm tính bất công và bất ổn của xã hội, đào sâu thêm hố ngăn cách giữa người giàu và người nghèo. Hơn thế nữa, trong điều kiện toàn cầu hoá hiện nay, nó còn ràng buộc các nước kém phát triển trong quỹ đạo bị lệ thuộc và bị bóc lột theo quan hệ "trung tâm - ngoại vi". Có thể nói, nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa toàn cầu ngày nay là sự thống trị của một số ít nước lớn hay một số tập đoàn xuyên quốc gia đối với đa số các nước nghèo, làm tăng thêm mâu thuẫn giữa các nước giàu và các nước nghèo.

Chính vì thế mà, như C. Mác đã phân tích và dự báo, chủ nghĩa tư bản tất yếu phải nhường chỗ cho một phương thức sản xuất và chế độ mới văn minh hơn, nhân đạo hơn. Chủ nghĩa tư bản mặc dù đã và đang tìm mọi cách để tự điều chỉnh, tự thích nghi bằng cách phát triển "nền kinh tế thị trường hiện đại", "nền kinh tế thị trường xã hội", tạo ra "chủ nghĩa tư bản xã hội", "chủ nghĩa tư bản nhân dân", "nhà nước phúc lợi chung"..., tức là phải có sự can thiệp trực tiếp của nhà nước và cũng phải chăm lo vấn đề xã hội nhiều hơn, nhưng do mâu thuẫn từ trong bản chất của nó, chủ nghĩa tư bản không thể tự giải quyết được, có chăng nó chỉ tạm thời xoa dịu được chừng nào mâu thuẫn mà thôi. Nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa hiện đại đang ngày càng thể hiện xu hướng tự phủ định và tự tiến hoá để chuẩn bị

chuyển sang giai đoạn hậu công nghiệp, theo xu hướng xã hội hoá. Đây là tất yếu khách quan, là quy luật phát triển của xã hội. Nhân loại muốn tiến lên, xã hội muốn phát triển thì dứt khoát không thể dừng lại ở kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa.

2. Mô hình chủ nghĩa xã hội kiểu Xôviết là một kiểu tổ chức xã hội, tổ chức kinh tế muốn sớm khắc phục những khuyết tật của chủ nghĩa tư bản, muốn nhanh chóng xây dựng một chế độ xã hội tốt đẹp hơn, một phương thức sản xuất văn minh, hiện đại hơn chủ nghĩa tư bản. Đó là một ý tưởng tốt đẹp, và trên thực tế suốt hơn 70 năm tồn tại, chủ nghĩa xã hội hiện thực ở Liên Xô đã đạt được nhiều thành tựu vĩ đại làm thay đổi hẳn bộ mặt của đất nước và đời sống của nhân dân Liên Xô. Nhưng do nôn nóng, làm trái quy luật (muốn xoá bỏ ngay kinh tế hàng hoá, áp dụng ngay cơ chế kinh tế phi thị trường), không năng động, kịp thời điều chỉnh khi cần thiết cho nên rút cuộc đã không thành công.

Thực ra, khi mới vận dụng học thuyết Mác vào xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước Nga sau Cách mạng Tháng Mười, V.I. Lênin cũng đã từng chủ trương không áp dụng mô hình kinh tế thị trường mà thực hiện "Chính sách cộng sản thời chiến". Nhưng cho sau một thời gian ngắn, Người đã phát hiện ra sai lầm, khắc phục sự nóng vội bằng cách đưa ra thực hiện "Chính sách kinh tế mới" (NEP) mà nội dung cơ bản của nó là khuyến khích phát triển kinh tế hàng hoá, chấp nhận ở mức độ nhất định cơ chế thị trường. Theo V.I. Lênin, để xây dựng chủ nghĩa xã hội ở một nước còn tương đối lạc hậu về kinh tế như nước Nga, cần phải sử dụng quan hệ hàng hoá - tiền tệ và phát triển kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, đặc biệt là sử dụng chủ nghĩa tư bản nhà nước để phát triển lực lượng sản xuất. Tuy chỉ mới thực hiện trong thời gian ngắn nhưng NEP đã đem lại những kết quả tích cực cho nước Nga: hồi phục và phát triển nền kinh tế bị chiến tranh tàn phá, nhiều ngành kinh tế bắt đầu hoạt động năng động, nhộn nhịp hơn. Tiếc rằng, tư tưởng của V.I. Lênin về xây dựng chủ nghĩa xã hội với NEP đã không được tiếp tục thực hiện sau khi

Người qua đời. Sự thành công và sự phát triển mạnh mẽ suốt một thời gian khá dài của Liên Xô trong công cuộc công nghiệp hoá đất nước bằng mô hình kinh tế dựa trên chế độ công hữu về tư liệu sản xuất, kế hoạch hoá tập trung cao độ; phân phối thu nhập mang tính bình quân; kinh tế hàng hoá, kinh tế thị trường bị loại bỏ đã có sức hấp dẫn lớn đối với nhân loại và làm cho giới lý luận kinh tế các nước xã hội chủ nghĩa và các nước đang phát triển tuyệt đối hoá, biến thành công thức để áp dụng cho tất cả các nước đi theo con đường xã hội chủ nghĩa.

Cũng cần nói thêm rằng, trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, giới lý luận ở một số nước cũng cảm thấy có cái gì "chưa ổn", cũng đã đưa ra những kiến nghị, những đề xuất, đại loại như quan điểm "chủ nghĩa xã hội thị trường",... nhưng không được chấp nhận.

Vào cuối những năm 70 của thế kỷ XX, những hạn chế, khuyết tật của mô hình kinh tế Xôviết bộc lộ ra rất rõ cộng với sự yếu kém trong công tác lãnh đạo, quản lý lúc bấy giờ đã làm cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và các nước Đông Âu rơi vào tình trạng trì trệ, khủng hoảng. Một số người lãnh đạo chủ chốt của Đảng và Nhà nước Liên Xô lúc đó muốn thay đổi tình hình bằng công cuộc cải cách, cải tổ nhưng với một "tư duy chính trị mới", họ đã phạm sai lầm nghiêm trọng cực đoan, phiến diện (ở đây chưa nói tới sự phản bội lý tưởng xã hội chủ nghĩa của họ và sự phá hoại thâm hiểm của các thế lực thù địch), dẫn tới sự tan rã của Liên Xô và sự sụp đổ của hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới. Sự sụp đổ của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác ở Đông Âu vào cuối những năm 80, đầu những năm 90 của thế kỷ XX đã làm lộ rõ những khuyết tật của mô hình kinh tế cứng nhắc phi thị trường, mặc dù những khuyết tật đó không phải là nguyên nhân tất yếu dẫn đến sự sụp đổ.

3. Việt Nam là một nước nghèo, kinh tế - kỹ thuật lạc hậu, trình độ xã hội còn thấp, lại bị chiến tranh tàn phá nặng nề. Đi lên chủ nghĩa xã hội là mục tiêu lý tưởng của

những người cộng sản và nhân dân Việt Nam, là khát vọng ngàn đời thiêng liêng của cả dân tộc Việt Nam. Nhưng đi lên chủ nghĩa xã hội bằng cách nào? Đó là câu hỏi lớn và cực kỳ hệ trọng, muốn trả lời thật không đơn giản. Suốt một thời gian dài, Việt Nam cũng như nhiều nước khác, đã áp dụng mô hình chủ nghĩa xã hội kiểu Xôviết, mô hình kinh tế kế hoạch tập trung mang tính bao cấp. Mô hình này đã thu được những kết quả quan trọng, nhất là đáp ứng được yêu cầu của thời kỳ đất nước có chiến tranh. Nhưng về sau mô hình này bộc lộ những khuyết điểm; và trong công tác chỉ đạo cũng phạm phải một số sai lầm mà nguyên nhân sâu xa của những sai lầm đó là bệnh giáo điều, chủ quan, duy ý chí, lối suy nghĩ và hành động đơn giản, nóng vội, không tôn trọng quy luật khách quan, nhận thức về chủ nghĩa xã hội không đúng với thực tế Việt Nam.

Trên cơ sở nhận thức đúng đắn hơn, đầy đủ hơn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, Đại hội VI của Đảng Cộng sản Việt Nam (12-1986) đã đề ra đường lối đổi mới toàn diện đất nước nhằm thực hiện có hiệu quả hơn công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đại hội đưa ra những quan niệm mới về con đường, phương pháp xây dựng chủ nghĩa xã hội, đặc biệt là quan niệm về công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa trong thời kỳ quá độ, về cơ cấu kinh tế, thừa nhận sự tồn tại khách quan của sản xuất hàng hoá và thị trường, phê phán triệt để cơ chế tập trung quan liêu bao cấp và khẳng định chuyển hẳn sang hạch toán kinh doanh. Đại hội chủ trương phát triển nền kinh tế nhiều thành phần với những hình thức kinh doanh phù hợp; coi trọng việc kết hợp lợi ích cá nhân, tập thể và xã hội; chăm lo toàn diện và phát huy nhân tố con người, có nhận thức mới về chính sách xã hội. Đại hội VI là một cột mốc đánh dấu bước chuyển quan trọng trong nhận thức của Đảng Cộng sản Việt Nam về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Đó là kết quả của cả một quá trình tìm tòi, thử nghiệm, suy tư, đấu

tranh tu tưởng rất gian khổ, kết tinh trí tuệ và công sức của toàn Đảng, toàn dân trong nhiều năm.

Hội nghị Trung ương 6 khoá VI (3-1989), phát triển thêm một bước, đưa ra quan điểm phát triển nền kinh tế hàng hoá có kế hoạch gồm nhiều thành phần đi lên chủ nghĩa xã hội, coi "chính sách kinh tế nhiều thành phần có ý nghĩa chiến lược lâu dài, có tính quy luật từ sản xuất nhỏ đi lên chủ nghĩa xã hội".

Đến Đại hội VII (6-1991), Đảng Cộng sản Việt Nam tiếp tục nêu rõ hơn chủ trương này và khẳng định đây là chủ trương chiến lược, là con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của Việt Nam. *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* của Đảng khẳng định: "Phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước". Đại hội VIII của Đảng (6-1996) đưa ra một kết luận mới rất quan trọng: "Sản xuất hàng hoá không đối lập với chủ nghĩa xã hội mà là thành tựu phát triển của nền văn minh nhân loại, tồn tại khách quan cần thiết cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và cả khi chủ nghĩa xã hội đã được xây dựng". Nhưng lúc đó cũng mới nói nền kinh tế hàng hoá, cơ chế thị trường, chưa dùng khái niệm "kinh tế thị trường". Phải đến Đại hội IX của Đảng (4-2001) mới chính thức đưa ra khái niệm "kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa". Đại hội khẳng định: phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là đường lối chiến lược nhất quán, là mô hình kinh tế tổng quát trong suốt thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Đây là kết quả sau nhiều năm nghiên cứu, tìm tòi, tổng kết thực tiễn và là bước phát triển mới về tư duy lý luận của Đảng Cộng sản Việt Nam.

II- BẢN CHẤT, ĐẶC TRƯNG CỦA KINH TẾ THỊ TRƯỜNG

ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở VIỆT NAM

Lựa chọn mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa không phải là sự gán ghép chủ quan giữa kinh tế thị trường và chủ nghĩa xã hội, mà là sự nắm bắt và vận dụng xu thế vận động khách quan của kinh tế thị trường trong thời đại ngày nay. Trên cơ sở nhận thức tính quy luật phát triển của thời đại và sự khái quát, đúc rút từ kinh nghiệm phát triển kinh tế thị trường thế giới, đặc biệt là từ thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam và Trung Quốc, Đảng Cộng sản Việt Nam đưa ra chủ trương phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, nhằm sử dụng kinh tế thị trường để thực hiện mục tiêu từng bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là mô hình kinh tế trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội. Đây là một kiểu kinh tế thị trường mới trong lịch sử phát triển của kinh tế thị trường. Cũng có thể nói, kinh tế thị trường là "cái phổ biến", còn kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là "cái đặc thù" của Việt Nam, phù hợp với điều kiện và đặc điểm cụ thể của Việt Nam.

Nói kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa có nghĩa, đây không phải là kinh tế thị trường tự do theo kiểu tư bản chủ nghĩa, cũng không phải là kinh tế bao cấp, quản lý theo kiểu tập trung quan liêu; và cũng chưa hoàn toàn là kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa, bởi vì như trên đã nói, Việt Nam đang ở trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, vừa có vừa chưa có đầy đủ các yếu tố của chủ nghĩa xã hội.

Chủ trương phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là sự tiếp thu có chọn lọc thành tựu của văn minh nhân loại, phát huy vai trò tích cực của kinh tế thị trường trong việc thúc đẩy phát triển sức sản xuất, xã hội hoá lao động, cải tiến kỹ thuật - công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm, tạo ra nhiều của cải, góp phần làm giàu cho xã hội và cải thiện đời sống nhân dân; đồng thời phải có những biện

pháp hữu hiệu nhằm hạn chế mặt tiêu cực của kinh tế thị trường, như chạy theo lợi nhuận đơn thuần, cạnh tranh khốc liệt, bóc lột và phân hoá giàu nghèo quá đáng, ít quan tâm giải quyết các vấn đề xã hội. Đây cũng là sự lựa chọn tự giác con đường và mô hình phát triển trên cơ sở quán triệt lý luận Mác - Lênin, nắm bắt đúng quy luật khách quan và vận dụng sáng tạo vào điều kiện cụ thể của Việt Nam.

Đại hội IX của Đảng Cộng sản Việt Nam chỉ rõ: Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam là một kiểu tổ chức kinh tế vừa tuân theo những quy luật của kinh tế thị trường vừa dựa trên cơ sở và được dẫn dắt, chi phối bởi các nguyên tắc và bản chất của chủ nghĩa xã hội, thể hiện trên cả ba mặt: sở hữu, tổ chức quản lý và phân phối. Nói cách khác, kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa chính là nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước nhằm mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Mục đích của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là phát triển lực lượng sản xuất, phát triển kinh tế để xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, nâng cao đời sống nhân dân. Phát triển lực lượng sản xuất hiện đại gắn liền với xây dựng quan hệ sản xuất mới, tiên tiến.

Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa có nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo; kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc. Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa có sự quản lý của Nhà nước. Nhà nước xã hội chủ nghĩa quản lý nền kinh tế bằng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách, pháp luật, và bằng các sức mạnh vật chất của lực lượng kinh tế nhà nước; đồng thời sử dụng cơ chế thị trường, áp dụng các hình thức kinh tế và phương pháp quản lý của kinh tế thị trường để kích thích sản xuất, giải phóng sức sản xuất, phát huy mặt tích

cực, hạn chế và khắc phục mặt tiêu cực của cơ chế thị trường, bảo vệ lợi ích của nhân dân lao động, của toàn thể nhân dân.

Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa thực hiện phân phối chủ yếu theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế, đồng thời phân phối theo mức đóng góp vốn và các nguồn lực khác vào sản xuất, kinh doanh và thông qua phúc lợi xã hội. Tăng trưởng kinh tế gắn liền với bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước phát triển. Tăng trưởng kinh tế đi đôi với phát triển văn hoá và giáo dục, xây dựng nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, nâng cao dân trí, giáo dục và đào tạo con người, xây dựng và phát triển nguồn nhân lực của đất nước.

Cũng có thể nói, kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là một kiểu tổ chức kinh tế của một xã hội đang trong quá trình chuyển từ nền kinh tế còn ở trình độ thấp sang nền kinh tế ở trình độ cao hơn hướng tới chế độ xã hội mới - xã hội xã hội chủ nghĩa. Đây là nền kinh tế thị trường có tổ chức, có sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản và sự quản lý của Nhà nước xã hội chủ nghĩa, được định hướng cao về mặt xã hội, hạn chế tối đa những khuyết tật của tính tự phát thị trường, nhằm phục vụ tốt nhất lợi ích của đại đa số nhân dân và sự phát triển bền vững của đất nước.

Chủ trương xây dựng và phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa thể hiện tư duy, quan niệm của Đảng Cộng sản Việt Nam về sự phù hợp giữa quan hệ sản xuất với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Có ý kiến cho rằng, không thể có kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; rằng chủ nghĩa xã hội và kinh tế thị trường không thể dung hợp với nhau, nếu đem "ghép" định hướng xã hội chủ nghĩa vào kinh tế thị trường thì chẳng khác nào trộn dầu vào nước, tạo ra một cơ thể "đầu Ngô mình Sở". Theo chúng tôi, ý kiến này

không đúng. Không đúng là vì, hoặc ý kiến này muốn trì kéo Việt Nam trong quỹ đạo phát triển của chủ nghĩa tư bản, phủ nhận định hướng xã hội chủ nghĩa, không muốn Việt Nam đi lên chủ nghĩa xã hội. Đó là điều trái với quy luật khách quan, không thể chấp nhận. Hoặc ý kiến này không thoát ra được khỏi tư duy cũ, đồng nhất kinh tế thị trường với chủ nghĩa tư bản, cho kinh tế thị trường là cái riêng có của chủ nghĩa tư bản, từ đó "dị ứng" với kinh tế thị trường, không thấy hết những yếu tố mới, xu hướng mới của kinh tế thị trường trong điều kiện mới của thời đại, lặp lại sai lầm của một thời trước đây.

Cũng có ý kiến nhấn mạnh một chiều những đặc trưng chung, những cái phổ biến của kinh tế thị trường, chưa thấy hết hoặc còn phân vân, nghi ngờ về những đặc điểm riêng, những cái đặc thù của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Từ đó chưa tin là kinh tế thị trường có thể phát triển trên cơ sở chế độ công hữu là nền tảng, kinh tế quốc doanh là chủ đạo; rằng trong kinh tế thị trường không thể có kế hoạch, không thể thực hiện được công bằng xã hội, không thể khắc phục được những tiêu cực, mặt trái của cơ chế thị trường, v.v.. Lại có ý kiến bản khoản cho rằng, việc lựa chọn kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa thực chất là trở về với chủ nghĩa tư bản, có thêm định ngữ "định hướng xã hội chủ nghĩa" thì cũng chỉ là để cho yên lòng, cho có vẻ "giữ vững lập trường" mà thôi, trước sau gì thì cũng trượt sang con đường tư bản chủ nghĩa.

Chúng tôi cho rằng, những bản khoản này là dễ hiểu, bởi vì đây là những điều còn rất mới mẻ, chưa có tiền lệ, nếu không xác định rõ nội dung định hướng xã hội chủ nghĩa và kiên trì vai trò quản lý của Nhà nước xã hội chủ nghĩa đối với nền kinh tế thị trường thì những điều đó rất dễ xảy ra. Chúng ta còn phải vừa làm vừa tổng kết, rút kinh nghiệm. Nhưng có điều cần khẳng định là: trong điều kiện mới của thời đại ngày nay, nhất định không thể duy trì mãi mô hình kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa, không thể đồng nhất kinh tế thị trường với chủ nghĩa tư bản. Chính

C.Mác đã phê phán sự lầm lẫn giữa kinh tế hàng hoá với kinh tế tư bản chủ nghĩa của phái kinh tế học tầm thường. C.Mác khẳng định rằng: "... sản xuất hàng hoá và lưu thông hàng hoá là những hiện tượng thuộc về nhiều phương thức sản xuất hết sức khác nhau, tuy rằng quy mô và tầm quan trọng của chúng không giống nhau... Chúng ta hoàn toàn chưa biết một tí gì về những đặc điểm riêng của những phương thức sản xuất ấy và chúng ta chưa thể nói gì về những phương thức ấy, nếu như chúng ta chỉ biết có những phạm trù trừu tượng của lưu thông hàng hoá, những phạm trù chung cho tất cả các phương thức ấy"¹. Phải chăng nhận thức cho đúng và nói cho được những đặc điểm riêng của những phương thức sản xuất đặc thù ấy là trách nhiệm mà C.Mác giao cho và gửi gắm các thế hệ ngày nay?

Lựa chọn mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa không phải đơn giản là sự trở về với phương thức chuyển nền kinh tế nông nghiệp sang nền kinh tế công nghiệp, mà điều quan trọng có ý nghĩa quyết định là phải chuyển sang nền kinh tế hiện đại, văn minh nhằm mục tiêu từng bước đi lên chủ nghĩa xã hội. Đây là sự lựa chọn phù hợp với các quy luật phát triển và các điều kiện lịch sử cụ thể của thời đại và của những nước đi sau, cho phép các nước này giảm thiểu được những đau khổ và rút ngắn được con đường đi của mình với chủ nghĩa xã hội trên cơ sở sử dụng được ưu thế cũng như hạn chế được những khuyết điểm của hai cơ chế, kế hoạch và thị trường. Nói cách khác, kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là kiểu tổ chức kinh tế đặc biệt, vừa tuân theo những nguyên tắc và quy luật của hệ thống kinh tế thị trường, vừa bảo đảm tính định hướng xã hội chủ nghĩa. Chính tính chất, đặc trưng cơ bản này chi phối và quyết định phương tiện, công cụ, động lực của nền kinh tế và con đường đạt tới mục tiêu, là sử dụng kinh tế thị trường, nâng cao hiệu lực và hiệu quả điều tiết của Nhà nước xã hội chủ nghĩa, phát triển khoa học và công nghệ, phát triển nguồn nhân lực, mở cửa và hội nhập nhằm thúc đẩy quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá và phát triển rút ngắn để

trong khoảng thời gian không dài có thể khắc phục tình trạng lạc hậu, đưa Việt Nam trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

III- LÀM THẾ NÀO ĐỂ PHÁT TRIỂN ĐƯỢC KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở VIỆT NAM?

Đây là một câu hỏi lớn mà muốn trả lời được đầy đủ và chính xác phải qua từng bước thử nghiệm, tổ chức thực hiện trong thực tế rồi đúc rút, bổ sung, hoàn chỉnh dần.

Kể từ khi Việt Nam bước vào thực hiện mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, nền kinh tế Việt Nam đã đạt được nhiều kết quả và thành tựu đáng mừng, làm thay đổi khá rõ tình hình đất nước. Kinh tế ra khỏi tình trạng khủng hoảng, hoạt động ngày càng năng động và có hiệu quả. Cửa cải xã hội ngày càng nhiều, hàng hoá ngày càng phong phú. Đời sống nhân dân từng bước được cải thiện. Đất nước chẳng những giữ vững được ổn định chính trị trước những chấn động lớn trên thế giới mà còn có bước phát triển đi lên. Tổng sản phẩm trong nước (GDP) tăng bình quân 7%/năm. Nông nghiệp phát triển liên tục, đặc biệt là về sản xuất lương thực, nuôi trồng và khai thác thủy sản. Giá trị sản xuất công nghiệp tăng 13,5%/năm. Hệ thống kết cấu hạ tầng được tăng cường. Các ngành dịch vụ, xuất khẩu và nhập khẩu phát triển. Quan hệ đối ngoại và hội nhập kinh tế quốc tế không ngừng được mở rộng. Tuy nhiên, cũng có nhiều vấn đề mới đặt ra cần được tiếp tục nghiên cứu và giải quyết.

Từ thực tiễn phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trong thời gian qua và căn cứ vào yêu cầu phát triển trong thời gian tới, có thể xác định

những phương hướng, nhiệm vụ cơ bản phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam như sau:

1. *Tiếp tục thực hiện một cách nhất quán chính sách phát triển kinh tế nhiều thành phần.* Cần coi các thành phần kinh tế kinh doanh theo pháp luật đều là bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, cùng phát triển lâu dài, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh. Không nên có thái độ định kiến và kỳ thị đối với bất cứ thành phần kinh tế nào.

Kinh tế nhà nước phải phát huy được vai trò chủ đạo trong nền kinh tế quốc dân, là nhân tố mở đường cho sự phát triển kinh tế, là lực lượng vật chất quan trọng và là công cụ để Nhà nước định hướng và điều tiết vĩ mô nền kinh tế. Doanh nghiệp nhà nước giữ những vị trí then chốt, đi đầu ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ; nêu gương về năng suất chất lượng, hiệu quả kinh tế - xã hội và chấp hành pháp luật.

Đẩy mạnh việc củng cố, sắp xếp, điều chỉnh cơ cấu của các doanh nghiệp nhà nước; đồng thời tiếp tục đổi mới cơ chế, chính sách để tạo động lực phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp nhà nước theo hướng xoá bỏ cấp; doanh nghiệp thực sự cạnh tranh bình đẳng trên thị trường, tự chịu trách nhiệm về sản xuất, kinh doanh; nộp đủ thuế và có lãi; thực hiện tốt quy chế dân chủ trong doanh nghiệp.

Kinh tế tập thể gồm các hình thức hợp tác đa dạng, trong đó hợp tác xã là nòng cốt. Các hợp tác xã dựa trên sở hữu của các thành viên và sở hữu tập thể, liên kết rộng rãi những người lao động, các hộ sản xuất, kinh doanh, các doanh nghiệp nhỏ và vừa, không giới hạn quy mô, lĩnh vực và địa bàn; liên kết công nghiệp và nông nghiệp, doanh nghiệp nhà nước và kinh tế hộ nông thôn. Nhà nước giúp hợp tác xã đào tạo cán bộ, ứng dụng khoa học và công nghệ, thông tin, mở rộng thị trường, xây dựng các quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác.

Kinh tế cá thể, tiểu chủ cả ở nông thôn và thành thị có vị trí quan trọng lâu dài. Nhà nước tạo điều kiện và giúp đỡ phát triển, bao gồm cả các hình thức tổ chức hợp tác tự nguyện, làm vệ tinh cho các doanh nghiệp hoặc phát triển lớn hơn.

Kinh tế tư bản tư nhân được khuyến khích phát triển rộng rãi trong những ngành nghề sản xuất, kinh doanh mà pháp luật không cấm. Tạo môi trường kinh doanh thuận lợi về chính sách, pháp lý để kinh tế tư bản tư nhân phát triển trên những định hướng ưu tiên của Nhà nước, kể cả đầu tư ra nước ngoài; chuyển thành doanh nghiệp cổ phần, bán cổ phần cho người lao động; liên doanh, liên kết với nhau, với kinh tế tập thể và kinh tế nhà nước. Xây dựng quan hệ tốt giữa chủ doanh nghiệp và người lao động.

Tạo điều kiện để kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài phát triển thuận lợi, hướng vào các sản phẩm xuất khẩu, xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội gắn với thu hút công nghệ hiện đại, tạo thêm nhiều việc làm. Cải thiện môi trường kinh tế và pháp lý để thu hút mạnh vốn đầu tư nước ngoài.

Phát triển đa dạng kinh tế tư bản nhà nước dưới dạng các hình thức liên doanh, liên kết giữa kinh tế nhà nước với kinh tế tư bản tư nhân trong nước và ngoài nước, mang lại lợi ích thiết thực cho các bên đầu tư kinh tế. Chú trọng các hình thức tổ chức kinh doanh đan xen, hỗn hợp nhiều hình thức sở hữu, giữa các thành phần kinh tế với nhau, giữa trong nước và ngoài nước. Phát triển mạnh hình thức tổ chức kinh tế cổ phần nhằm huy động và sử dụng rộng rãi vốn đầu tư xã hội.

2. Tiếp tục tạo lập đồng bộ các yếu tố thị trường, đổi mới và nâng cao hiệu lực quản lý kinh tế của Nhà nước. Nhìn chung, kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam mới được bắt đầu, trình độ còn thấp, chất lượng, hiệu quả khả năng cạnh tranh chưa cao. Nhiều thị trường còn sơ khai, chưa đồng bộ. Vì vậy, phải đổi mới mạnh mẽ tư duy hơn nữa, đẩy mạnh việc hình thành các loại thị trường. Đặc biệt quan tâm các thị trường quan trọng nhưng hiện chưa có hoặc còn

sơ khai như: thị trường lao động, thị trường chứng khoán, thị trường bất động sản, thị trường khoa học và công nghệ, đáp ứng nhu cầu đa dạng và nâng cao sức mua của thị trường trong nước, cả ở thành thị và nông thôn, chú ý thị trường các vùng có nhiều khó khăn. Chủ động hội nhập thị trường quốc tế. Hạn chế và kiểm soát độc quyền kinh tế.

Mặt khác, phải đổi mới sâu rộng cơ chế quản lý kinh tế, phát huy những yếu tố tích cực của cơ chế thị trường, triệt để xoá bỏ bao cấp trong kinh doanh, tăng cường vai trò quản lý và điều tiết vĩ mô của Nhà nước, đấu tranh có hiệu quả chống các hành vi tham nhũng, lãng phí, gây phiền hà. Nhà nước tạo môi trường pháp lý thuận lợi, bình đẳng cho các doanh nghiệp cạnh tranh và hợp tác để phát triển; bằng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và chính sách, kết hợp với sử dụng lực lượng vật chất của Nhà nước để định hướng phát triển kinh tế - xã hội, khai thác hợp lý các nguồn lực của đất nước, bảo đảm cân đối vĩ mô kinh tế, điều tiết thu nhập; kiểm tra, thanh tra mọi hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật, chống buôn lậu, làm hàng giả, gian lận thương mại.

Tiếp tục đổi mới các công cụ quản lý vĩ mô của Nhà nước đối với nền kinh tế, trong đó đặc biệt coi trọng việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống các cơ chế chính sách, luật pháp, đổi mới công tác kế hoạch hoá, nâng cao chất lượng công tác xây dựng các chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế xã hội; tăng cường công tác thông tin kinh tế - xã hội trong nước và quốc tế, công tác kế toán, thống kê; ứng dụng rộng rãi các thành tựu khoa học và công nghệ trong công tác dự báo, kiểm tra tình hình thực hiện ở cả cấp vĩ mô và doanh nghiệp.

3. Giải quyết tốt các vấn đề xã hội, hướng vào phát triển và lành mạnh hoá xã hội, thực hiện công bằng xã hội. Đây là một nội dung rất quan trọng của định hướng xã hội chủ nghĩa, bảo đảm tính ưu việt của chế độ xã hội mới. Điều đó chẳng những tạo động lực mạnh mẽ nhằm phát triển sản xuất tăng năng suất lao động mà còn

thực hiện bình đẳng trong các quan hệ xã hội, khuyến khích nhân dân làm giàu chính đáng và hợp pháp, điều tiết các quan hệ xã hội. Trong tình hình cụ thể hiện nay ở Việt Nam, phải bằng nhiều giải pháp tạo ra nhiều việc làm mới. Chăm lo cải thiện điều kiện làm việc, bảo đảm an toàn vệ sinh lao động, phòng chống tai nạn và bệnh nghề nghiệp cho người lao động. Từng bước mở rộng hệ thống bảo hiểm xã hội và an sinh xã hội. Sớm xây dựng và thực hiện chính sách bảo hiểm cho người lao động thất nghiệp. Cải cách cơ bản chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, khuyến khích người có tài, người làm việc giỏi khắc phục tình trạng lương và trợ cấp bất hợp lý; tôn trọng thu nhập hợp pháp của người kinh doanh.

Tiếp tục thực hiện chương trình xoá đói, giảm nghèo, chăm sóc những người có công với nước, thương binh, bệnh binh, cha mẹ, vợ con liệt sĩ, gia đình chính sách - một yêu cầu rất lớn đối với một đất nước phải chịu nhiều hậu quả sau 30 năm chiến tranh. Đồng thời đẩy mạnh cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm, giữ gìn trật tự và kỷ cương xã hội, ngăn chặn và bài trừ các tệ nạn xã hội, nhất là tệ nạn ma tuý, mại dâm, lối sống không lành mạnh, những hành vi trái pháp luật và đạo lý. Kiên quyết đấu tranh với tệ tham nhũng, hối lộ, làm giàu bất chính, kinh doanh không hợp pháp, gian lận thương mại... cùng với những tiêu cực khác do mặt trái của cơ chế thị trường gây ra. Kết quả cụ thể của cuộc đấu tranh này là thước đo bản lĩnh, trình độ và năng lực quản lý của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân.

4. Giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản.

Đây là vấn đề có tính nguyên tắc và là nhân tố quyết định nhất bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa của kinh tế thị trường, cũng như toàn bộ sự nghiệp phát triển của đất nước. Đây cũng là một trong những bài học lớn nhất được rút ra trong những năm đổi mới.

Càng đi vào kinh tế thị trường, thực hiện dân chủ hoá xã hội, mở rộng hợp tác quốc tế càng phải tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản. Thực tế ở một số nước cho thấy, chỉ cần một chút mơ hồ, buông lỏng sự lãnh đạo của Đảng là lập tức tạo điều kiện cho các thế lực thù địch dần tới phá vỡ sự lãnh đạo của Đảng, cướp chính quyền, đưa đất nước đi con đường khác.

Hiện nay, có ý kiến cho rằng, đã chuyển sang kinh tế thị trường - tức là nền kinh tế vận động theo quy luật giá trị, quy luật cung cầu, quy luật cạnh tranh... thì không cần phải có sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản. Sự lãnh đạo của Đảng nhiều khi cản trở, làm "vướng chân" sự vận hành của kinh tế (?) Ý kiến này không đúng và thậm chí rất sai lầm. Bởi vì như trên đã nói, Việt Nam chủ trương phát triển kinh tế thị trường nhưng không phải để cho nó vận động một cách tự phát, mù quáng mà phải có lãnh đạo, hướng dẫn, điều tiết, phát huy mặt tích cực, hạn chế mặt tiêu cực, vì lợi ích của đại đa số nhân dân, vì một xã hội công bằng và văn minh. Người có khả năng và điều kiện làm được việc đó không thể ai khác ngoài Đảng Cộng sản - là đảng phấn đấu cho mục tiêu lý tưởng xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa, thật sự đại diện và bảo vệ lợi ích của giai cấp công nhân và nhân dân lao động.

Đảng lãnh đạo có nghĩa là Đảng đề ra đường lối, chiến lược phát triển của đất nước nói chung, của lĩnh vực kinh tế nói riêng, bảo đảm tính chính trị, tính định hướng đúng đắn trong sự phát triển kinh tế, làm cho kinh tế chẳng những có tốc độ tăng trưởng và năng suất lao động cao, có lực lượng sản xuất không ngừng lớn mạnh mà còn đi đúng định hướng xã hội chủ nghĩa, tức là hạn chế được bất công, bóc lột, chăm lo và bảo vệ lợi ích của đại đa số nhân dân lao động. Trên cơ sở đường lối, chiến lược đó, Đảng lãnh đạo toàn bộ hệ thống chính trị và guồng máy xã hội, trước hết là Nhà nước, tổ chức thực hiện bằng được phương hướng và nhiệm vụ đã đề ra.

Đương nhiên, để có đủ trình độ, năng lực lãnh đạo Đảng phải thực sự trong sạch vững mạnh cả về chính trị tư tưởng và tổ chức, gắn bó chặt chẽ với nhân dân, được nhân dân tin cậy và ủng hộ. Đặc biệt trong tình hình hiện nay, đội ngũ cán bộ, đảng viên của Đảng phải có bản lĩnh chính trị vững vàng kiên định mục tiêu lý tưởng, có trí tuệ, có kiến thức, giữ gìn đạo đức cách mạng và lối sống lành mạnh, đấu tranh khắc phục có hiệu quả tệ tham nhũng và các hiện tượng thoái hoá, hư hỏng trong Đảng và trong bộ máy của Nhà nước.

Tóm lại sự hình thành tư duy kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa không chỉ đơn thuần là sự tìm tòi và phát kiến về mặt lý luận của chủ nghĩa xã hội, mà còn là sự lựa chọn và khẳng định con đường và mô hình phát triển trong thực tiễn mang tính cách mạng và sáng tạo của Việt Nam. Phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là một quá trình tất yếu phù hợp với quy luật phát triển của thời đại và đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước.

Tuy nhiên, đây là sự nghiệp vô cùng khó khăn, phức tạp, lâu dài, bởi lẽ nó rất mới mẻ, chưa có tiền lệ, phải vừa làm vừa rút kinh nghiệm. Riêng về mặt lý luận cũng còn không ít vấn đề phải tiếp tục đi sâu nghiên cứu, tổng kết, làm sáng tỏ. Chẳng hạn như: các vấn đề về chế độ sở hữu và các thành phần kinh tế; về lao động và bóc lột; về quản lý doanh nghiệp nhà nước ra sao để nó đóng được vai trò chủ đạo; làm thế nào để thực hiện được công bằng xã hội trong điều kiện kinh tế còn thấp kém; vấn đề bản chất giai cấp công nhân của Đảng trong điều kiện phát triển kinh tế nhiều thành phần; các giải pháp tăng cường sức mạnh và hiệu lực của Nhà nước xã hội chủ nghĩa, chống quan liêu, tham nhũng, v.v...

Với phương châm "*Hãy bắt tay vào hành động, thực tiễn sẽ cho câu trả lời*", hy vọng rằng từng bước, từng bước, thực tiễn sẽ làm sáng tỏ được các vấn đề nêu trên, góp phần làm phong phú thêm lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội phù hợp với điều kiện Việt Nam trong thời đại ngày nay.

*. Bài đăng trên Tạp chí *Cộng sản*, số 31 (11-2003).

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, t.23, tr.175.

MỘT ĐẢNG LÃNH ĐẠO VÀ VẤN ĐỀ DÂN CHỦ Ở VIỆT NAM*

Đảng ta đã nhiều lần khẳng định, ở Việt Nam không có điều kiện khách quan cho sự tồn tại chế độ "đa nguyên đa đảng", sự lãnh đạo duy nhất của Đảng Cộng sản là nhân tố bảo đảm cho sự ổn định và phát triển của xã hội nước ta. Sự khẳng định đó đã được thực tiễn chứng minh là rất đúng đắn, cần thiết, kịp thời, nhất là vào những năm cuối thập kỷ 80 đầu thập kỷ 90 của thế kỷ XX, khi mà trên thế giới có những chấn động chính trị dữ dội, ở nhiều nước tiến hành cải tổ rõ lên khuynh hướng muốn "đa nguyên đa đảng", các thế lực thù địch dẫn tới đã kích quyết liệt vào sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản; ở nước ta cũng xuất hiện một số luận điệu hoài nghi, muốn phủ nhận sự lãnh đạo của Đảng, đòi "đa nguyên đa đảng". Sự khẳng định đó đã được tuyệt đại đa số cán bộ, đảng viên và nhân dân ta đồng tình, thực hiện với đầy đủ tinh thần trách nhiệm của mình; và chính đây là một nhân tố quan trọng góp phần giữ vững sự ổn định chính trị ở nước ta trong những năm qua.

Về phương diện nghiên cứu khoa học, vấn đề này cũng đã được nhiều cơ quan và cá nhân nghiên cứu, thảo luận, làm sáng tỏ một bước, đồng thời phê phán, bác bỏ các quan điểm và luận điệu sai trái.

Tuy nhiên, cho đến nay, vẫn có một số ý kiến băn khoăn xung quanh vấn đề này. Dù nói ra hay không nói ra, kể cả những người thật sự tâm huyết với Đảng, người ta vẫn trở đi trở lại với câu hỏi: Vì sao ở Việt Nam chỉ có một Đảng lãnh đạo? Một Đảng lãnh đạo có bảo đảm dân chủ không? Làm thế nào để thực hiện tốt dân chủ trong điều kiện một Đảng lãnh đạo? Đó là chưa kể có những ý kiến cực đoan hoặc với dụng ý xấu của những phần tử cơ hội chính trị và bọn thù địch ở bên ngoài cố ý vu cáo, xuyên tạc, muốn hạ thấp hoặc phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng, cho rằng chế độ một Đảng lãnh đạo là nguyên nhân gây ra mọi xấu xa, mất dân chủ trong Đảng và trong xã hội, rằng chế độ ta là chế độ "đảng trị", "độc tài", "không có dân chủ" (!).

Vì vậy, chúng ta cần tiếp tục đi sâu nghiên cứu đề tài *Một Đảng lãnh đạo và vấn đề dân chủ ở Việt Nam* nhằm làm sáng tỏ hơn cơ sở lý luận và thực tiễn quan điểm của Đảng ta, tạo ra sự thống nhất cao hơn nữa về nhận thức và hành động trong Đảng cũng như trong xã hội. Tuy nhiên, đây là vấn đề rất lớn và phức tạp, không thể một lúc lý giải được mọi mặt của vấn đề. Dưới đây chỉ nêu một số vấn đề chính.

I- TRƯỚC HẾT CẦN TRỞ LẠI VẤN ĐỀ CƠ BẢN:

ĐẢNG LÀ GÌ? VÌ SAO CÓ CHẾ ĐỘ MỘT ĐẢNG

VÀ CHẾ ĐỘ ĐA ĐẢNG?

1. Như mọi người đều biết, đảng là tổ chức chính trị của một giai cấp hoặc một tầng lớp, bao gồm những phần tử tích cực nhất và đại diện cho lợi ích của giai cấp hoặc tầng lớp đó. Chức năng quan trọng nhất của đảng là tìm ra những phương hướng và phương tiện thực hiện lợi ích cơ bản của giai cấp hoặc tầng lớp mà nó đại

diện. Như vậy, khi xã hội có giai cấp và có đấu tranh giai cấp thì có sự tồn tại của các đảng. Nói cách khác, sự xuất hiện và tồn tại các chính đảng là phản ánh cuộc đấu tranh giữa các giai cấp. Lênin viết: "Cuộc đấu tranh của các chính đảng là biểu hiện hoàn chỉnh, đầy đủ và rõ rệt nhất cuộc đấu tranh chính trị của các giai cấp"¹.

Lịch sử thực sự của các đảng bắt đầu từ thời kỳ cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỷ XVIII và phát triển mạnh vào thế kỷ XIX, thế kỷ XX. Có đảng của giai cấp đại tư sản và quý tộc (như Đảng Bảo thủ ở Anh thành lập vào giữa thế kỷ XIX Đảng Cộng hòa ở Bắc nước Mỹ thành lập năm 1854, Đảng Dân chủ ở Nam nước Mỹ thành lập năm 1828, Đảng Quốc đại Ấn Độ thành lập năm 1885, Đảng Dân chủ tự do ở Nhật Bản thành lập năm 1955...).

Có đảng của tầng lớp tiểu tư sản (như Đảng Xã hội - Cách mạng ở Nga ra đời vào đầu thế kỷ XX). Có Đảng Thiên Chúa giáo đảng của giai cấp tư sản liên hệ chặt chẽ với Vatican (như Đảng Dân chủ - Cơ đốc ở Italia, Đảng Cộng hòa bình dân ở Pháp, Liên minh dân chủ - Cơ đốc ở Cộng hòa Liên bang Đức...).

Có đảng phản ánh lợi ích của một liên minh các giai cấp (như Đảng Xã hội cấp tiến ở Pháp thành lập năm 1901, Đảng Xã hội dân chủ Italia thành lập năm 1951, Đảng Xã hội Nhật Bản thành lập năm 1945...).

Trong một giai cấp cũng có thể có những đảng khác nhau. Ví dụ: giai cấp tư sản ở Mỹ có hai đảng: Đảng Cộng hòa và Đảng Dân chủ; giai cấp công nhân ở Pháp có hai đảng: Đảng Cộng sản và Đảng Xã hội. Mỗi đảng dựa vào một bộ phận nhất định của giai cấp mình, cố chứng tỏ rằng mình là người đại diện chân chính cho lợi ích của giai cấp.

Khác với nhà nước là cơ quan quyền lực có phương tiện cưỡng bức, đảng chính trị thường chỉ hành động bằng cách truyền bá các quan điểm của mình, vận động, thuyết phục và tổ chức những người cùng chí hướng. Sức mạnh vật chất của đảng

là ở tính tổ chức chặt chẽ; các thành viên của đảng hoạt động tự giác và bộ chi phối bởi kỷ luật của đảng.

2. Đảng Cộng sản ra đời là một tất yếu khách quan, là đòi hỏi của cuộc đấu tranh giai cấp của giai cấp công nhân chống lại giai cấp tư sản, là sản phẩm của phong trào công nhân. Hình thức và tên gọi có thể khác nhau tùy theo đặc điểm hoàn cảnh mỗi nước nhưng thực chất chỉ là một: Đảng Cộng sản là đội tiên phong và lãnh tụ chính trị của giai cấp công nhân và nhân dân lao động. Đảng được vũ trang bằng tư tưởng của chủ nghĩa Mác - Lênin và gắn bó chặt chẽ với nhân dân lao động.

Ngay khi bắt đầu hoạt động cách mạng, Mác và Ăngghen đã chủ trương phải thành lập tổ chức chính trị của giai cấp công nhân. Hai ông lập ra Đồng minh những người cộng sản ở Đức, Anh, Pháp, Italia... và dựa vào tổ chức đó để hoạt động. Hai ông nhiều lần khẳng định, nếu không có một đảng cách mạng thì giai cấp công nhân không thể tiến hành cách mạng thành công được. Tổng kết kinh nghiệm Công xã Pari, Mác và Ăngghen cho rằng, một trong những nguyên nhân căn bản của sự thất bại của Công xã Pari là do thiếu một đảng đoàn kết nhất trí của giai cấp vô sản. Năm 1886, Ăngghen viết: "Tổ chức công nhân thành chính đảng độc lập bao giờ cũng là bước đầu tiên quan trọng nhất của bất cứ một nước nào bước vào phong trào,... miễn sao nó là một đảng công nhân thật sự"².

Kế thừa và phát triển tư tưởng của Mác và Ăngghen về đảng của giai cấp công nhân, Lênin đã nêu ra học thuyết về xây dựng đảng kiểu mới (để đối lập với đảng của bọn cải lương, cơ hội, xét lại chủ nghĩa Mác). Nội dung cơ bản trong học thuyết của Lênin về đảng là: Đảng trung thành tuyệt đối với lợi ích của giai cấp công nhân, với lý tưởng cộng sản, không dung thứ chủ nghĩa cơ hội, chủ nghĩa cải lương; đảng tổ chức theo nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, đảng là một khối đoàn kết thống nhất chặt chẽ, không dung nạp bè phái; đảng luôn luôn

liên hệ mật thiết với quần chúng, đảng lấy phê bình và tự phê bình làm quy luật phát triển.

Sau khi giành được chính quyền, Đảng Cộng sản trở thành người lãnh đạo toàn xã hội, tính chất tiên phong của Đảng càng thể hiện rõ và có những đòi hỏi một cao hơn. Sự lãnh đạo của Đảng tập trung vào việc soạn thảo cương lĩnh, đường lối, chiến lược, sách lược của cách mạng; chăm lo công tác giáo dục chính trị tư tưởng, công tác cán bộ, công tác vận động quần chúng; thực hiện sự kiểm tra, bảo đảm phát huy sức mạnh và hiệu lực của nhà nước, làm cho nhà nước thật sự là cơ quan quyền lực của nhân dân. Đảng gắn bó với nhân dân chủ yếu thông qua nhà nước và các đoàn thể nhân dân, bằng các chính sách của nhà nước mang lại lợi ích thiết thân cho nhân dân.

Không phải ngẫu nhiên mà bọn đế quốc và phản động tập trung sức tấn công vào Đảng Cộng sản, tìm mọi cách để hạ thấp hoặc thủ tiêu vai trò lãnh đạo của Đảng. Bằng hết chiến dịch này đến chiến dịch khác, chúng ra sức vu cáo, xuyên tạc, bôi nhọ uy tín của đảng, mưu toan hạ thấp hoặc vô hiệu hóa sự lãnh đạo của đảng, kích động chia rẽ đảng với nhà nước và các đoàn thể quần chúng, đối lập đảng với nhân dân. Thời gian gần đây, lợi dụng những khó khăn của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, sự tan rã của một số Đảng Cộng sản, chúng càng dần tới phản công điên cuồng và thâm hiểm vào vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản. Thực tế cho thấy, mọi sự làm yếu vai trò lãnh đạo của Đảng đều đe dọa đến vận mệnh của chủ nghĩa xã hội. Lênin đã nhiều lần khẳng định rằng, nếu không có sự lãnh đạo đúng đắn của một đảng cách mạng và khoa học, đoàn kết và thống nhất chặt chẽ, có đầy đủ bản lĩnh và trí tuệ thì không thể tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa thắng lợi. Người viết: "... chúng ta phải luôn luôn khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng và không được quên điều đó..."³. "Chỉ có Đảng Cộng sản,... mới có thể lãnh đạo được

giai cấp vô sản trong cuộc đấu tranh kiên quyết nhất và thẳng tay nhất chống lại tất cả một lực lượng của chủ nghĩa tư bản"⁴.

3. Hiện nay có người nêu luận điểm nói rằng mức độ, trình độ dân chủ của một nước thể hiện ở chỗ có tồn tại nhiều đảng lãnh đạo hoặc nhiều đảng đối lập hay không. Họ dẫn ra ví dụ về cơ chế nhiều đảng lãnh đạo ở một số nước tư bản chủ nghĩa để chứng minh cho tính dân chủ của xã hội tư bản. Điều đó đúng hay không đúng?

Chúng ta biết rằng, trong xã hội có giai cấp đối kháng, với những lợi ích khác nhau, thậm chí trái ngược nhau, việc tồn tại nhiều đảng phản ánh những lợi ích khác nhau để đấu tranh với nhau là điều dễ hiểu. Sở dĩ trong xã hội tư bản có nhiều đảng tư sản là vì trong nội bộ giai cấp tư sản có nhiều nhóm và tầng lớp có lợi ích khác nhau, tranh giành nhau chính quyền. Đồng thời giai cấp tư sản cũng lợi dụng chế độ nhiều đảng để lừa bịp nhân dân lao động, nhằm mục đích làm cho họ không chú trọng tới nhiệm vụ đấu tranh giai cấp. Nước Mỹ có hai đảng tư sản (Đảng Cộng hòa và Đảng Dân Chủ) thay nhau cầm quyền, nhưng cả hai đảng đều không chăm lo cho lợi ích của quảng đại nhân dân lao động, mà chỉ tìm mọi cách để bóc lột, cai trị nhân dân lao động, bảo vệ lợi ích của giai cấp tư sản một cách có hiệu quả hơn. Trong chế độ đa đảng, đôi khi các đảng có sự thỏa hiệp nhất định với nhau về lợi ích, nhất là các đảng cùng phái (tả, trung tả, hữu, trung hữu hoặc phái giữa). Nhưng nói chung là tùy thuộc vào tương quan lực lượng, vào vị thế của mỗi đảng: đảng duy nhất cầm quyền hay là đảng trong liên minh cầm quyền; là đảng lớn độc lập ở vị trí đối lập hay là một trong các đảng đối lập.

Tùy theo vị thế của mỗi đảng mà nội dung, mức độ tham gia của đảng đó có khác nhau ở từng cấp và trên từng lĩnh vực của quyền lực nhà nước. Các đảng đối lập thì tìm mọi cách để có được nhiều đại diện nhất của mình trong các cơ quan nhà nước (lập pháp, hành pháp, tư pháp) và đấu tranh chống lại các dự luật, các chính sách

bất lợi cho nhóm xã hội mà mình đại diện. Trái lại, đảng cầm quyền thì sử dụng triệt để ưu thế của mình để định hướng cho việc xây dựng nhà nước sao cho có lợi nhất cho mình và trực tiếp tham gia vào việc thực thi quyền lực nhà nước từ trung ương đến cơ sở. Trong việc bầu cử Quốc hội và hội đồng hành tỉnh, các đảng tìm mọi cách để đưa được nhiều người của mình vào các cương vị lãnh đạo, càng giữ nhiều cương vị chủ chốt càng tốt. Người ta ra sức vận động tranh cử, lôi kéo quần chúng, kể cả các biện pháp mua chuộc về kinh tế, mị dân, đe dọa...

Về đại thể, chế độ đa đảng có ba hình thức và mức độ khác nhau:

+ Đa đảng chỉ là hình thức: tức là trong xã hội về hình thức thì có nhiều đảng, nhưng thực chất chỉ có một hoặc hai đảng thay nhau cầm quyền, nắm giữ các cương vị chủ chốt trong các cơ quan quyền lực nhà nước và đời sống chính trị của đất nước.

+ Đa đảng trên cơ sở thỏa hiệp, tạo thành liên minh bền vững, lâu dài. Các đảng này thực chất là đại diện cho các nhóm, các tập đoàn trong cùng một giai cấp.

+ Đa đảng trên cơ sở đa nguyên chính trị, đa định hướng. Mỗi đảng này đều hoạt động độc lập, không đi tới sự thống nhất. Tương quan giữa các đảng và vị thế mỗi đảng luôn thay đổi tùy thuộc vào kết quả tham gia các công việc thực thi quyền lực nhà nước của mỗi đảng.

Sự thỏa thuận giữa các đảng trong "trò chơi chính trị" luôn đi kèm với mong muốn thay đổi các thỏa thuận và vị thế của mỗi đảng khi có điều kiện. Các đảng không chỉ phối hợp quyền lực nhà nước và các đảng đối lập vừa phải chấp nhận một số nguyên tắc của đảng cầm quyền, vừa tìm mọi cách khoét sâu các sơ hở, yếu kém của đảng cầm quyền để tranh thủ quần chúng. Về phần mình, các đảng cầm quyền tìm mọi cách bảo vệ địa vị thống trị, chi phối của mình, kể cả việc khai thác sơ hở của hệ thống luật pháp.

Tại nhiều nước phương Tây hiện nay, mặc dù có chế độ đa đảng, nhưng thực chất chỉ có một đảng chi phối hoặc vài ba đảng thay nhau cầm quyền. Ngay ở các nước thực hiện chế độ cộng hòa tổng thống, có khi tổng thống là người của đảng này, còn đa số trong Quốc hội thuộc đảng khác, nhưng vẫn chỉ là giữa vài đảng lớn đều là của giai cấp tư sản. Các đảng còn lại không thể nào "chen chân" được vào nắm các vị trí trọng yếu có thể chi phối quyền lực nhà nước. Chẳng hạn thắng lợi lớn nhất của Đảng Cộng sản Pháp cũng chỉ được bốn ghế bộ trưởng không quan trọng.

Rõ ràng, sự tồn tại nhiều đảng kiểu như thế không phải là tiêu chí để nói lên một xã hội dân chủ hay không dân chủ, ít dân chủ hay nhiều dân chủ. Nó chỉ phản ánh tương quan lực lượng giữa các phe phái tranh giành quyền lực của nhau. Có chăng, ở mức độ nào đó có thể hiểu đây là một hình thức kiểm chế, chế ước lẫn nhau giữa một số đảng có cùng mục đích, bản chất. Và cũng có thể hiểu trên ý nghĩa nào đó, đây là một cơ chế thực hiện "quyền dân chủ" giữa các đảng trong cùng một giai cấp tư sản. Chứ còn đã là đảng đối lập thực sự giữa các giai cấp khác nhau có lợi ích đối lập nhau thì tình hình hoàn toàn không phải như vậy. Thử hỏi ở các nước tư bản, các đảng cộng sản có được tự do hoạt động đấu tranh lật đổ chế độ tư bản không? Nếu có đảng nào đấu tranh lật đổ chính quyền của giai cấp tư sản liệu chính quyền đó có dễ yên không? Tại sao ở nước này nước khác người ta ra sức tán dương dân chủ, đa nguyên, đa đảng, nhưng khi cướp được chính quyền họ lại đặt Đảng Cộng sản ra ngoài vòng pháp luật, ra sức săn lùng những người cộng sản, đòi quốc hữu hóa tài sản của các cơ quan đảng, tìm mọi cách tẩy chay tiêu diệt những người cộng sản?

Xã hội xã hội chủ nghĩa không có các giai cấp đối kháng, lợi ích cơ bản của các giai cấp và nhóm xã hội nói chung là thống nhất với nhau. Vì vậy, ngoài Đảng Cộng sản không cần có nhiều đảng đối lập cùng tồn tại hoặc chia nhau lãnh đạo. Tuy nhiên, trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, trong thời kỳ quá độ do còn

có những lợi ích riêng của các bộ phận và nhóm xã hội khác nhau, cho nên ở nơi này nơi khác có thể còn tồn tại một số đảng. Nhưng đó hoàn toàn không phải và không thể là những đảng đối lập đấu tranh giành giật quyền lãnh đạo với Đảng Cộng sản.

Nói chế độ đa đảng dân chủ hơn chế độ một đảng là cách nói đơn giản, mơ hồ, dễ rơi vào âm mưu muốn phủ nhận hoặc hạ thấp vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản.

II. VÌ SAO Ở VIỆT NAM CHỈ CÓ MỘT ĐẢNG LÃNH ĐẠO?

Nhìn lại lịch sử, chúng ta thấy, đến những năm đầu thế kỷ XX, nhiệm vụ thiêng liêng trọng đại đặt ra trước dân tộc Việt Nam là phải có một đường lối cách mạng đúng đắn để giải phóng dân tộc khỏi ách nô dịch của thực dân Pháp và ách áp bức bóc lột của phong kiến. Nhiều cuộc khởi nghĩa của nông dân, bãi công của công nhân... đều bị đàn áp, đều bị dập tắt. Các phong trào Cần Vương, Duy Tân, Đông Du, Đông Kinh nghĩa thực... đã lần lượt thất bại. Các lãnh tụ, các chí sĩ yêu nước nổi tiếng như Hoàng Hoa Thám, Phan Đình Phùng, Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh, Nguyễn Thái Học... cam chịu thất bại, chỉ vì con đường mà các nhà yêu nước đó đi tìm vẫn không phải là con đường thật sự đúng đắn, khoa học, có thể mang lại kết quả như mong muốn.

Với lòng yêu nước cháy bỏng và một linh khiếu chính trị đặc biệt, Nguyễn Ái Quốc đã ra đi tìm đường cứu nước, đã tiếp thu chủ nghĩa Mác - Lênin và kinh nghiệm của các cuộc cách mạng vô sản trên thế giới, nhất là Cách mạng Tháng Mười do Đảng Bôn-sê-vích Nga và Lênin lãnh đạo, đi tới khẳng định chỉ có con đường cách mạng vô sản mới giải phóng được dân tộc và giai cấp.

Năm 1925, Người lập ra *Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên*. Ngày 3-2-1930, với tư cách là đại diện của Quốc tế Cộng sản, Người đã triệu tập Hội nghị thống nhất ba tổ chức cộng sản ở nước ta (lúc đó là Đông Dương Cộng sản Đảng, An Nam Cộng sản Đảng và Đông Dương Cộng sản Liên đoàn) lập ra Đảng Cộng sản Việt Nam.

Với *Chính cương vắn tắt và sách lược vắn tắt*, ngay từ ngày thành lập, Đảng Cộng sản Việt Nam đã nắm ngọn cờ lãnh đạo cách mạng, vạch ra con đường duy nhất đúng để giải phóng dân tộc và giải phóng các giai cấp bị áp bức, bóc lột. Nhờ vậy, Đảng đã được toàn dân ủng hộ, tin theo. Đường lối đúng đắn của Đảng đã có sức lôi cuốn, tập hợp và nhân lên sức mạnh yêu nước của toàn dân tộc. Tất cả các giai cấp, tầng lớp lao động và những người yêu nước trong các tầng lớp xã hội khác đã đi theo ngọn cờ của Đảng, đứng lên đấu tranh, vượt qua mọi thử thách, khó khăn, giành hết thắng lợi này đến thắng lợi khác. Dù có thời kỳ Đảng tuyên bố "tự giải tán", thực chất là tạm thời rút vào hoạt động bí mật (từ ngày 11-11-1945 đến tháng 2-1951), tên Đảng qua nhiều lần thay đổi (từ tháng 2-1930 mang tên là Đảng Cộng sản Việt Nam, từ tháng 10-1930 mang tên Đảng Cộng sản Đông Dương, từ tháng 2-1951 mang tên Đảng Lao động Việt Nam, từ tháng 12-1976 mang tên Đảng Cộng sản Việt Nam), nhưng Đảng ta vẫn luôn luôn được toàn thể nhân dân, cả dân tộc, coi là lãnh tụ chính trị của mình, là người chỉ lối, soi đường cho cách mạng Việt Nam từng bước tiến lên.

Thực ra, từ trước khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, ở nước ta đã từng có nhiều đảng phái chính trị. Cùng thời với *Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên*, đã có hàng loạt tổ chức yêu nước ra đời và hoạt động như:

- *Hội Phục Việt* (thành lập năm 1925) sau đổi thành *Hội Hưng Nam, Việt Nam Cách mạng Đảng*; năm 1928 đổi thành *Tân Việt Cách mạng Đảng*.

- *Thanh niên cao vọng Đảng* (1926) - đảng thanh niên của Nguyễn An Ninh ở Nam Kỳ, có khuynh hướng dân chủ tư sản.

- *Việt Nam Quốc dân Đảng* (1927) - đảng cách mạng của tiểu tư sản theo khuynh hướng tư sản, chủ yếu ở Bắc Kỳ, tồn tại đến đầu tháng 2-1930 sau thất bại của cuộc khởi nghĩa Yên Bái.

- *Đảng lập hiến* (1926) - đảng hợp pháp đại biểu cho tầng lớp đại tư sản, đại địa chủ.

- V.v...

Các tổ chức này đều có lập trường yêu nước, đưa cương lĩnh của mình ra để lôi kéo quần chúng, nhưng do chỉ phản ánh quan điểm và lợi ích của giai cấp tư sản hoặc tiểu tư sản, nội bộ lại mất đoàn kết, cho nên không được đại đa số nhân dân ủng hộ.

Tháng 6-1944, *Đảng Dân chủ Việt Nam* được thành lập với sự giúp đỡ của Đảng Cộng sản Việt Nam nhằm tập hợp đông đảo những người trí thức và tư sản dân tộc.

Tháng 7-1946, *Đảng Xã hội Việt Nam* được thành lập, tập hợp các trí thức yêu nước chống lại âm mưu của thực dân Pháp lôi kéo trí thức, tách trí thức ra khỏi khối đoàn kết toàn dân.

Cả hai Đảng này từ ngày thành lập đến khi tuyên bố tự giải thể, hoàn thành sứ mệnh của mình, đều tán thành đường lối của Đảng Cộng sản, tự nguyện phục tùng sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, là các thành viên tích cực của Mặt trận dân tộc thống nhất do Đảng Cộng sản lãnh đạo.

Trong những năm 1945 - 1946, ở miền Bắc còn xuất hiện nhiều đảng phái chính trị phản động. Quân Tưởng vào mang theo bọn phản động người Việt sống lưu vong ở Trung Quốc về lập ra *Việt Nam Quốc dân Đảng* (gọi tắt là Việt quốc) của Vũ Hồng Khanh; *Việt Nam Cách mạng đồng chí Hội* (Đảng Đại Việt) của Trương Tử

Anh... tập hợp tất cả các phần tử phản động, từ bọn tởrớtkít đến bọn phản động trong giai cấp địa chủ, tư sản, trong các tôn giáo vào cái gọi là "Mặt trận quốc gia". Ở miền Nam, bọn Đại Việt tởrớtkít, bọn phản động trong các giáo phái... ra mặt làm tay sai cho Pháp. Tất cả các đảng phái này chỉ là những nhóm phản động làm tay sai cho địch, chống lại nhân dân và dân tộc, cho nên không được nhân dân ủng hộ. Mặc dù với chính sách đại đoàn kết dân chủ sáng ngời của Đảng ta và làm theo đề nghị của Chủ tịch Hồ Chí Minh, ngày 2-3-1946 Quốc hội khóa I của nước ta đã quyết định dành 70 ghế trong Quốc hội và một số ghế trong Chính phủ cho các Đảng đối lập "Việt quốc", "Việt cách", nhưng do bản chất phản động, các Đảng này tiếp tục chống phá sự nghiệp của nhân dân. Đến đầu tháng 6-1946, khi quân Tưởng rút khỏi miền Bắc, tất cả các phần tử phản động cùng các đảng của họ tìm đường chạy trốn. Riêng tổ chức *Đại Việt* của Trương Tử Anh câu kết với thực dân Pháp âm mưu làm đảo chính lật đổ Chính phủ của nhân dân ta vào ngày 14-7-1946, nhưng không thành, cuối cùng cũng tan rã nát.

Như vậy là, Đảng Cộng sản Việt Nam không hề áp đặt vai trò độc quyền lãnh đạo của mình. Sự xuất hiện của Đảng và việc xác lập vai trò lãnh đạo của Đảng là một tất yếu khách quan, một đòi hỏi của lịch sử, và cũng là một thành quả đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân và toàn thể dân tộc Việt Nam. Để được nhân dân thừa nhận là người lãnh đạo duy nhất và tuyệt đối, Đảng ta đã trải qua một quá trình đấu tranh cách mạng lâu dài, gian khổ, đầy thử thách hy sinh. Hàng chục vạn người con ưu tú của Đảng và dân tộc đã ngã xuống; rất nhiều cán bộ lãnh đạo xuất sắc của Đảng đã phải lên máy chém, ra trường bắn, chấp nhận sự hy sinh. Tuy có những lúc Đảng phạm khuyết điểm sai lầm nhưng do biết kịp thời công khai thừa nhận và quyết tâm sửa chữa, cho nên Đảng vẫn được nhân dân tin cậy. Thực tế đến nay chưa ai bác bỏ được vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, và cũng chưa có lực lượng chính trị nào khác, ngoài Đảng Cộng sản Việt Nam, có đủ khả

năng và điều kiện lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Chỉ có bọn đế quốc và phản động đang tìm mọi cách vu cáo, xuyên tạc, bôi nhọ Đảng, hòng hạ thấp uy tín và xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng. Và chỉ có những ai đại dốt hoặc điên rồ mới tự mình phủ nhận những thành quả đã đạt được, đi tìm một lực lượng lãnh đạo nào khác hoặc cố tạo ra những đảng đối lập, chia rẽ Đảng, phân ly Đảng ra làm năm bè bảy mối để rồi ngộ nhận đó là sự tự do dân chủ. Nếu trong Đảng còn thiếu dân chủ thì tìm mọi biện pháp phát huy dân chủ; nếu có hiện tượng gia trưởng, độc đoán thì tích cực đấu tranh khắc phục tệ lậu đó, làm cho Đảng tốt hơn lên, mạnh hơn lên, hoàn thiện hơn nữa, chứ quyết không vì thế mà đi đến đòi đa nguyên chính trị, đa đảng lãnh đạo hoặc lập ra nhiều tổ chức đối lập.

Là sản phẩm của sự kết hợp chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước ở Việt Nam, Đảng Cộng sản Việt Nam tồn tại và phát triển như là hiện thân của tư tưởng tiên tiến nhất và của những phẩm chất tinh hoa tốt đẹp nhất của dân tộc, tiêu biểu cho lương tâm, danh dự và trí tuệ của dân tộc. Suốt hơn 75 năm lãnh đạo nhân dân đấu tranh oanh liệt, lần lượt đánh bại các kẻ thù xâm lược, giành lại độc lập tự do cho Tổ quốc và cuộc sống làm chủ của nhân dân, ngày nay lãnh đạo toàn dân thực hiện sự nghiệp đổi mới, xây dựng cuộc sống ấm no hạnh phúc của nhân dân theo con đường xã hội chủ nghĩa, Đảng được đông đảo nhân dân thừa nhận là người lãnh đạo chân chính của mình. Đảng không chỉ là Đảng của giai cấp công nhân mà còn là Đảng của toàn thể nhân dân lao động, là người đại biểu cho lợi ích và sự nghiệp của cả dân tộc. Đông đảo nhân dân lao động vẫn cảm thấy vận mệnh của đất nước, lợi ích của nhân dân và dân tộc gắn liền với sự tồn tại và phát triển của Đảng.

Không thể nói như có người nào đó nói rằng hai triệu đảng viên không đại diện được cho bảy chục triệu dân (!), rằng Đảng Cộng sản Việt Nam áp đặt quyền lãnh đạo của mình lên toàn xã hội (!). Thử hỏi hơn 75 năm qua, ai là người dẫn dắt nhân

dân xông qua nơi lửa đạn, vượt qua mọi thác ghềnh, trải bao nỗi gian truân, nằm gai nếm mật, hy sinh tất cả vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì cuộc sống thanh bình và hạnh phúc của nhân dân? Và ngày nay, ai là người đang ngày đêm suy nghĩ, lo lắng, trăn trở, tìm một cách để chèo lái con thuyền cách mạng, đưa đất nước vượt qua mọi khó khăn, thử thách, giữ vững độc lập chủ quyền của dân tộc, xây dựng đất nước ngày càng giàu mạnh, xã hội ngày càng dân chủ, công bằng, văn minh? Rõ ràng không ai khác, ngoài Đảng Cộng sản Việt Nam - Đảng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, theo chủ nghĩa Mác - Lênin, luôn luôn phấn đấu hy sinh vì nước, vì dân.

2. Vừa qua cũng có ý kiến cho rằng, trong điều kiện hiện nay, khi đất nước đã áp dụng chính sách kinh tế nhiều thành phần, ứng với mỗi thành phần kinh tế sẽ có một giai cấp, hoặc tầng lớp; mỗi giai cấp hoặc tầng lớp lại có một đảng hoặc tổ chức chính trị tương ứng. Vì sao ở Việt Nam lại chủ trương chỉ có một đảng lãnh đạo? Kinh tế nhiều thành phần mà chỉ có một đảng duy nhất lãnh đạo là "mâu thuẫn", là "nghịch lý" (!). Ý kiến này đề nghị phải thực hiện đa nguyên chính trị, xóa bỏ sự lãnh đạo của một đảng, có như vậy mới là dân chủ!

Trước hết cần lưu ý rằng, chúng ta không chỉ nói đơn giản, thô thiển "chống đa nguyên, đa đảng". Bởi vì, nếu đa nguyên hiểu nghĩa đa dạng, phong phú nhiều nguồn, một cách đúng nghĩa, trong sáng, lành mạnh thì có gì mà phải chống, phải kiêng kỵ? Chúng ta chẳng đang thực hiện đa dạng hóa các hình thức sở hữu, đa dạng hóa các hình thức phân phối, đa dạng hóa và đa phương hóa các quan hệ đối ngoại đó sao? Chúng ta chẳng đang chủ trương phát triển kinh tế đa thành phần, thực hiện thông im đa dạng, nhiều chiều... là gì? Còn đa đảng, thì như trên đã nói, ở nước ta cũng đã từng tồn tại, và nếu các đảng cùng chung một mục đích, một lợi ích cơ bản (như Đảng Cộng sản, Đảng Dân chủ, Đảng Xã hội đã từng một thời gian dài tồn tại ở nước ta) thì có gì mà phải bác bỏ. Chúng ta không chấp nhận là không chấp nhận "đa nguyên chính trị" và "đa đảng đối lập" tức là không chấp

nhận các tổ chức chống đối, các khuynh hướng bè phái, lợi dụng dân chủ để phá hoại sự thống nhất của Đảng, sự ổn định chính trị của xã hội phá hoại sự nghiệp cách mạng của nhân dân.

Chúng ta cũng không nói "chống" một cách chung chung. Bởi vì ở mỗi nước hoàn cảnh mỗi lúc có khác nhau, trình độ dân chủ và điều kiện cụ thể khác nhau; có thể có nước cần "đa nguyên", "đa đảng", đó là công việc nội bộ của một nước.

Chúng ta nói rằng: ở Việt Nam không có điều kiện khách quan để chấp nhận đa nguyên chính trị và đa đảng đối lập. Do là vì tình hình chính trị, trình độ kinh tế - xã hội, dân ta, pháp luật... ở nước ta không cho phép. Đất nước sau 30 năm chiến tranh, bây giờ lại đang đứng trước những đòi hỏi và thử thách mới rất gay gắt, đang rất cần sự ổn định chính trị, rất cần có sự đoàn kết thống nhất để phát triển kinh tế, văn hóa, xây dựng đất nước ngày càng giàu mạnh. Các thế lực thù địch vẫn đang dòm ngó, thực hiện chính sách chia rẽ, phá hoại sự nghiệp chính nghĩa của nhân dân ta. Ở trong nước vẫn có những phần tử phản động chống đối Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ ta. Nếu chấp nhận đa nguyên chính trị và đa đảng đối lập có nghĩa là tạo điều kiện cho các lực lượng phản động này ngóc đầu dậy một cách hợp pháp để hoạt động chống Tổ quốc, chống nhân dân, chống chế độ. Đó là điều mà nhân dân ta dứt khoát không thể chấp nhận.

Thực tế cho rằng, ở những nước thực hiện đa nguyên chính trị và đa đảng đối lập thường dẫn đến tình hình không ổn định, hay xảy ra đảo chính lật đổ nhau, hoặc xã hội luôn luôn rối ren, các đảng phái chỉ lo đối phó nhau, tranh giành quyền lực, không còn tập trung vào lo làm ăn kinh tế, xây dựng đất nước, nước ngoài muốn đầu tư vào họ cũng rất ngại. Một số nhà nghiên cứu thể chế chính trị quốc tế đã đưa các con số cho thấy: trong 23 nước theo chế độ một đảng thì có 19 nước ổn định, 4 nước tương đối ổn định, không có nước nào lộn xộn, mất ổn định. Còn trong số 26 nước theo chế độ đa đảng thì hơn một nửa luôn luôn ở trong tình trạng

mất ổn định. Ở một số nước Đông Âu và Liên Xô cũ, từ khi áp dụng chế độ "đa nguyên, đa đảng", đất nước rơi vào tình trạng hỗn loạn rối ren, chiến tranh đẫm máu, kinh tế khủng hoảng nghiêm trọng, không sao phát triển được, đời sống nhân dân ngày càng sa sút. Ngay một số nước ở xung quanh ta cũng nhiều lúc ở trong tình trạng tương tự.

Thực chất của luận điểm đòi "đa nguyên, đa đảng" của các thế lực thù địch nhằm vào ta là muốn tạo ra nhiều trung tâm quyền lực, chia rẽ sự lãnh đạo thống nhất của Đảng Cộng sản, chia rẽ nội bộ nhân dân, để từng bước đi đến phá rã, thủ tiêu sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, gây ra xáo động, rối loạn trong nước, lật đổ chính quyền. Ngoài ra không có mục đích nào khác. Các phần tử chống phá cách mạng không thể có lòng tốt đối với nhân dân ta. Rêu rao và ra sức hoạt động, đòi "dân chủ", "nhân quyền", "đa nguyên", "đa đảng" chẳng qua chỉ là cái cớ, cái chiêu bài để can thiệp vào công việc nội bộ của nước ta, thực hiện mưu đồ gây rối, phá hoại từ bên trong rất thâm độc và xảo quyệt của chúng. Trên thực tế, bằng ngón đòn này chúng đã phá nát không ít Đảng Cộng sản.

III- MỘT ĐẢNG LÃNH ĐẠO CÓ BẢO ĐẢM DÂN CHỦ KHÔNG?

Như trên đã nói, tiêu chí để nói lên một xã hội dân chủ hay không dân chủ, ít dân chủ hay nhiều dân chủ không phải ở chỗ có nhiều đảng hay ít đảng. *Tính chất và trình độ dân chủ của một nước, một xã hội được quyết định bằng việc thực hiện đến mức nào lợi ích và ý chí của đại đa số nhân dân (tức là nhân dân lao động) trong xã hội đó.* Dân chủ là sự thể hiện và thực hiện quyền làm chủ của nhân dân, chính quyền thực sự nằm trong nhân dân, bảo vệ và phục vụ lợi ích của nhân dân,

phát huy mạnh mẽ trí tuệ, nghị lực, sự sáng tạo của nhân dân, chứ không phải ở chỗ có nhiều đảng hay ít đảng.

Nói cụ thể hơn muốn xem một xã hội có thật sự dân chủ hay không phải căn cứ vào các tiêu chí cơ bản sau đây:

- Về chính trị: chính quyền nhà nước có thật sự là của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân không? Nhân dân có được tham gia vào việc xây dựng đường lối phát triển đất nước, xây dựng các chính sách và luật pháp, bầu và giám sát hoạt động của các cơ quan nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội, kinh tế hay không? Tức là xã hội có bảo đảm các quyền chính trị cho người dân hay không?

Xã hội nào cũng phải có nhà nước, hệ thống pháp luật và các tổ chức xã hội. Nhà nước nào cũng phải thực hiện các chức năng công quyền tối thiểu, thể hiện ở ba lĩnh vực lập pháp, hành pháp và tư pháp. Khi ra đời, nhà nước được nhân dân giao cho quyền lực để quản lý xã hội. Tuy nhiên, quyền lực đó không phải do bản thân bộ máy nhà nước tự sinh ra, toàn quyền sử dụng mà không phải chịu trách nhiệm gì về việc thực thi quyền lực. Nguồn gốc của quyền lực ấy là nhân dân; chỉ có nhân dân mới là người chủ quyền lực, do vậy chỉ có nhân dân mới có quyền quyết định giao cho từng bộ máy nhà nước quyền gì, lập ra bộ máy và cử ra các viên chức nhà nước, giám sát hoạt động của bộ máy và công chức nhà nước trong việc thực thi các quyền và phận sự được giao, có quyền chất vấn và bãi miễn các tổ chức, cá nhân trong bộ máy nhà nước.

- Về kinh tế: các chủ thể kinh tế và mọi cá nhân có được tự do sản xuất kinh doanh theo đúng luật pháp và nguyện vọng, khả năng của mình hay không?

Lao động xã hội là hoạt động sống cơ bản của con người và xã hội. Do đó, quyền được lao động bằng tất cả trí tuệ, sức lực và vốn liếng của mình mà không vi phạm pháp luật, không làm tổn hại lợi ích chính đáng của người khác là quyền dân chủ

cơ bản nhất của con người, của các giai cấp, tầng lớp, các giới, cư dân các dân tộc, các tôn giáo. Đương nhiên, dân chủ phải đi đôi với kỷ cương, pháp luật. Sự an toàn và tiến bộ của xã hội đòi hỏi mọi quốc gia không cho phép công dân tự do sản xuất kinh doanh một số loại hàng nguy hiểm (vũ khí và vật liệu nổ, thuốc độc hại, hàng giả...), sản xuất gây ô nhiễm môi trường, hủy hoại sinh thái, v.v...

- Về xã hội: chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước có tạo ra sự bình đẳng và công bằng xã hội giữa các chủ thể thuộc các thành phần kinh tế, các giai cấp, tầng lớp, các vùng, các miền, giữa nông thôn và thành thị, giữa đồng bằng và miền núi; có quan tâm đúng mức đến các đối tượng thuộc diện chính sách xã hội hay không?

Bình đẳng và công bằng là các nội dung quan trọng của dân chủ chân chính - một nền dân chủ của đa số, cho đa số. Không thể coi một xã hội có dân chủ mà ở đó tồn tại sự bất bình đẳng, không công bằng giữa các bộ phận xã hội trên những vấn đề cơ bản. Mặt khác, bình đẳng và công bằng không chỉ dừng lại ở lòng mong muốn, ở khẩu hiệu và bằng những lời kêu gọi, mà phải được bảo đảm bằng các chính sách và pháp luật. Đương nhiên, không thể có bình đẳng và công bằng tuyệt đối; không phải bình đẳng, công bằng là bình quân, cào bằng, nhất loạt như nhau. Việc thực hiện bình đẳng, công bằng phải từng bước, qua cả quá trình lâu dài, tùy thuộc vào điều kiện khách quan cho phép đến đâu.

- Về quyền dân sự: nhà nước có tôn trọng và bảo đảm các quyền dân sự cơ bản của công dân hay không?

Quyền dân sự liên quan chặt chẽ với quyền chính trị và quyền kinh tế, nhưng bản thân các quyền này có phạm vi riêng. Một nước có thể bảo đảm được về cơ bản cho công dân các quyền chính trị và quyền kinh tế, nhưng vẫn chưa bảo đảm được các quyền dân sự. Có thể nói, chừng nào nhà nước và xã hội thực sự thừa nhận và bảo đảm được các quyền dân sự, quyền công dân thì chừng đó mới được xem là

một xã hội dân chủ triệt để. Bởi vì, xã hội bao gồm rất nhiều giai cấp, tầng lớp, nghề nghiệp, lứa tuổi, dân tộc, sắc tộc, tôn giáo, tín ngưỡng, ngôn ngữ, nguồn gốc xuất thân, nơi cư trú, tình trạng sức khỏe, tài sản, tình trạng gia đình, trình độ học vấn... khác nhau; các quyền dân sự, quyền con người rất cụ thể, chi tiết, thiết thân, liên quan đến quyền, địa vị, tư cách pháp nhân, danh dự, uy tín... của từng cộng đồng, nhóm và cá nhân. Đương nhiên, các quyền này phải gắn liền với nghĩa vụ của mỗi công dân và việc thực hiện nó tùy thuộc vào điều kiện kinh tế - xã hội, truyền thống văn hóa, đạo đức của mỗi quốc gia.

Tuyên ngôn về nhân quyền của Liên hợp quốc năm 1948 đã khẳng định các quyền cơ bản trong lĩnh vực dân sự (từ điều 3 đến điều 28) như là "mục tiêu chung cho tất cả các dân tộc và các quốc gia phấn đấu đạt tới", xuất phát từ chỗ "việc thừa nhận phẩm giá vốn có và các quyền bình đẳng và bất di bất dịch của mọi thành viên trong gia đình nhân loại là nền tảng tự do, công bằng và hòa bình trên thế giới", tức là một biểu hiện của dân chủ.

Có thể còn có những tiêu chí khác nữa, nhưng rõ ràng những tiêu chí nói trên là cơ bản nhất, quyết định nhất để nổi lên một xã hội có dân chủ hay không có dân chủ, ít dân chủ hay nhiều dân chủ. Xã hội nào thực hiện tốt những vấn đề nói trên thì xã hội đó có dân chủ ở trình độ cao; ngược lại, xã hội nào không thực hiện tốt những vấn đề nói trên thì xã hội đó có nhiều hạn chế về dân chủ. Ở đây tuyệt nhiên không liên quan gì đến việc trong xã hội có mấy đảng cầm quyền. Một nước có một đảng cầm quyền mà tổ chức thực hiện tốt những vấn đề nói trên thì nước đó vẫn có dân chủ hoặc dân chủ ở trình độ cao.

Ở nước ta, tuy có một đảng duy nhất cầm quyền, nhưng nhân dân ngày càng tham gia rộng rãi vào việc xây dựng, hoàn thiện đường lối của Đảng, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, Hiến pháp, pháp luật và các chính sách của Nhà nước, các chủ trương, kế hoạch phát triển của địa phương và cơ sở. Các cơ quan

quyền lực nhà nước đều do nhân dân trực tiếp bầu ra và định kỳ phải báo cáo trước nhân dân về kết quả hoạt động của mình. Thông qua các tổ chức đảng và đội ngũ đảng viên, Đảng nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của các tầng lớp nhân dân để có sự điều chỉnh chủ trương, chính sách cho phù hợp. Quốc hội hoạt động ngày càng có thực chất, thực quyền hơn. Không ít vấn đề Trung ương Đảng, Bộ Chính trị chỉ khẳng định các nguyên tắc, tư tưởng chỉ đạo, còn để Quốc hội thảo luận, quyết định. Trên thực tế, đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia rất tích cực và đóng góp vào việc xây dựng và giám sát Nhà nước. Bởi vì, nhân dân thấy Đảng và Nhà nước ta không có mục đích nào khác ngoài lợi ích của nhân dân; Đảng công khai nói rõ khó khăn, khuyết điểm của mình và thật sự chân thành lắng nghe những ý kiến đóng góp, những kế sách sáng tạo của nhân dân, v.v..

Về kinh tế, tuy có thời kỳ Đảng và Nhà nước ta nóng vội, chủ quan trong việc cải tạo các thành phần kinh tế, kỳ thị với kinh tế ngoài quốc doanh, không thừa nhận địa vị tự chủ của hộ nông dân,.. nhưng Đảng và Nhà nước đã nhận ra sai lầm và đã sửa chữa. Vả lại, những sai lầm ấy không phải do ý thức của Đảng là muốn ngăn chặn dân chủ, mà có phần do hoàn cảnh chiến tranh lúc bấy giờ câu thúc có phần do nhận thức còn giản đơn, ấu trĩ. Ngày nay, Đảng và Nhà nước ta khuyến khích mọi thành phần kinh tế, mọi tập thể và cá nhân hoạt động sản xuất, kinh doanh, thuê mướn đến một vạn lao động; có chủ trang trại kinh doanh hơn 1.000 ha đất; tư nhân đăng ký kinh doanh và dịch vụ rất nhiều ngành hàng, liên doanh với nước ngoài, kể cả các lĩnh vực ngân hàng, chế tác vàng và đá quý...

Đường lối phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, thừa nhận sự tồn tại của nhiều loại hình sở hữu, nhiều hình thức tổ chức sản xuất, kinh doanh, nhiều cách thức phân phối; các chính sách động viên mọi nguồn lực trong nước, mọi sự năng động của các chủ thể kinh tế, của mọi cá nhân... theo phương châm phát huy nội lực, tự

chủ tự cường dân tộc, vì dân giàu, nước mạnh, đó là đường lối dân chủ rộng rãi nhất trong lĩnh vực kinh tế.

Các chủ trương của Đảng, Hiến pháp, pháp luật và chính sách của Nhà nước ta không có sự phân biệt đối xử, thiên lệch nào, trái lại, luôn cố gắng vươn tới sự bình đẳng và công bằng cho mọi người dân. Áp dụng cơ chế thị trường, khắc phục cơ chế bình quân, bao cấp; thực hiện cơ chế khoán rộng rãi trong công nghiệp, nông nghiệp, lâm nghiệp và thương nghiệp, v.v. tự nó tạo ra một sự bình đẳng, công bằng trên thực tế, từ sản xuất đến phân phối. Hệ thống luật pháp ngày càng đầy đủ và hoàn thiện, tạo hành lang pháp lý, "luật chơi" cho mọi pháp nhân và thể nhân; ai vi phạm đều bị xử lý đúng với mức độ vi phạm. Nhà nước không chỉ thừa nhận, mà còn bảo hộ và khuyến khích mọi tổ chức, cá nhân làm ăn hợp pháp, chính đáng, bất kể thuộc thành phần kinh tế nào, ở thành thị hay nông thôn, ở đồng bằng hay miền núi, kể cả Việt kiều Nhà nước cũng làm tất cả những gì có thể làm được để hạn chế sự phân hóa giàu nghèo; khắc phục sự chênh lệch về trình độ phát triển kinh tế - xã hội giữa nông thôn với thành thị, giữa miền núi với đồng bằng; giúp đỡ vùng sâu, vùng xa, những người thuộc diện chính sách xã hội; v.v...

Về vấn đề tôn trọng và bảo đảm các quyền dân sự cơ bản của công dân, ngay từ khi thành lập Đảng, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã nêu ra những tư tưởng sâu sắc về dân quyền, thống nhất các mục tiêu: dân sinh - dân chủ - dân trí. Không phải ngẫu nhiên, trong *Tuyên ngôn độc lập* năm 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh mở đầu bằng việc dẫn *Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền* của cách mạng Pháp năm 1791. Trong điều kiện chiến tranh khác nghiệt, trong đường lối, chính sách của Đảng ta, trong các Hiến pháp, luật pháp của Nhà nước ta đều ghi nhận và có kế hoạch, biện pháp cụ thể để bảo đảm các quyền dân sự của công dân, coi đó là một bộ phận không thể tách rời của chế độ dân chủ mới, dân chủ xã hội chủ nghĩa.

Chúng ta không nói về quyền dân sự chỉ như là sự ghi nhận và những lời hứa, mà quan trọng là bảo đảm bằng luật pháp, chính sách, bộ máy tổ chức, các nguồn lực vật chất... thực hiện các quyền đó trên thực tế, làm cho từng người dân, từng cộng đồng dân cư đều được bảo vệ và hưởng lợi từ các quyền đó. Toàn bộ hoạt động của bộ máy nhà nước ta - dưới sự lãnh đạo của Đảng - không có mục đích nào khác hơn là phục vụ nhân dân, thực hiện đầy đủ các quyền chính đáng của người dân.

Trong khi đó ở một số nước áp dụng chế độ đa đảng, các đảng chính trị (và các tổ chức xã hội chịu ảnh hưởng của mỗi đảng) rất chú trọng khai thác lĩnh vực các quyền dân sự, quyền con người nhằm mục đích riêng của mình. Các đảng tranh chấp nhau số phiếu của cử tri bằng cách đưa ra các chính sách (đúng hơn là lời hứa) về bảo đảm quyền dân chủ trên lĩnh vực dân sự và phê phán đảng cầm quyền về những yếu kém trong lĩnh vực này. Đây là mảnh đất cho sự lừa phỉnh, mị dân, giả nhân giả nghĩa giữa các thế lực chính trị. Trong nhiều trường hợp, nhân dân và các quyền cá nhân người dân chỉ là cái cớ để các thế lực chính trị lợi dụng sát phạt nhau. Trên thực tế, ở các nước này vẫn diễn ra đầy rẫy những sự vi phạm quyền dân sự của công dân, như kỳ thị chủng tộc; phân biệt đối xử với ngoại kiều; bắt công trong xử án; xâm phạm đến thân thể, tài sản bí mật cá nhân; bất bình đẳng về các điều kiện ở, làm việc, nghỉ ngơi, bảo vệ sức khỏe, giáo dục, v.v.. Nhưng các phương tiện tuyên truyền của họ luôn cao giọng rêu rao về nhân quyền, tự do và dân chủ, vu cáo các quốc gia khác vi phạm nhân quyền.

Tất cả những điều vừa nói không hề có ý cho rằng ở nước ta đã có dân chủ đầy đủ, dân chủ triệt để, và cũng không hề có ý để biện minh cho những gì còn hạn chế, còn yếu kém trong việc thực thi dân chủ ở nước ta. Không! Chúng ta vẫn công khai thừa nhận nền dân chủ ở nước ta còn nhiều khiếm khuyết hạn chế, vì trình độ kinh tế, dân trí, pháp luật của ta còn thấp. Điều đó ai cũng biết.

Nói những điều trên chỉ muốn chứng minh rằng không phải ở nước ta không có dân chủ, càng không phải sự hạn chế về dân chủ ở nước ta là do chỉ có một đảng lãnh đạo. Và nói rộng ra, không phải cứ một đảng lãnh đạo thì không có (hoặc ít có) dân chủ.

IV. LÀM THẾ NÀO ĐỂ PHÁT HUY DÂN CHỦ TRONG ĐIỀU KIỆN MỘT ĐẢNG LÃNH ĐẠO?

Có ý kiến cho rằng, nếu áp dụng cơ chế nhiều đảng thì mỗi khi đảng cầm quyền có sai lầm còn có đảng đối lập làm đối trọng, làm "phanh hãm", hạn chế được những tổn thất cho xã hội, chứ nếu áp dụng cơ chế một đảng thì đảng dễ rơi vào độc đoán, lộng hành, mỗi khi đảng phạm sai lầm ai là người kiềm chế, điều chỉnh.

Ý kiến đó có mặt đúng. Phải thừa nhận rằng chế độ một đảng lãnh đạo cũng có những hạn chế của nó, chí ít cũng là vấn đề như ý kiến nêu trên. Nhưng không phải những hạn chế đó không có cách khắc phục không phải chỉ có mỗi một cách là bỏ cơ chế một đảng để áp dụng cơ chế đa đảng, tức là chấp nhận một cơ chế có nhiều hạn chế hơn, thậm chí nguy hiểm hơn, dẫn xã hội đến chỗ rối loạn, mất ổn định. Điều cơ bản là chúng ta phải suy nghĩ, tìm cách khắc phục mặt nhược điểm, hạn chế này. Càng trong điều kiện có một đảng duy nhất lãnh đạo càng phải tìm mọi cách phát huy mạnh mẽ dân chủ, cả trong Đảng và trong xã hội, cố gắng tìm ra một cơ chế, biện pháp để hạn chế đến mức tối đa những sai lầm mà Đảng có thể mắc phải.

Có lẽ do ý thức được điều đó mà Lenin từ rất sớm đã cảnh báo rằng, Đảng cầm quyền phải hết sức đề phòng nguy cơ thoái hóa, sai lầm về đường lối và sự quan liêu, xa rời quần chúng nhân dân. Hồ Chí Minh cũng đã có nhiều ý kiến chỉ dẫn

sâu sắc vấn đề này. Người nhiều lần nhắc nhở: Đảng ta là đảng cầm quyền, Đảng phải thực hành dân chủ rộng rãi; mọi cán bộ, đảng viên đều phải hiểu rằng mình vào đảng là để làm đầy tớ nhân dân - làm đầy tớ nhân dân chứ không phải làm quan nhân dân. Đảng ta ngay trong những năm kháng chiến ác liệt nhất của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đã trăm trở tìm tòi cơ chế để phát huy quyền làm chủ của nhân dân, xây dựng chế độ làm chủ tập thể của nhân dân. Chúng ta thường nói nhiều đến cơ chế "Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ". Đó là những ý tưởng rất tốt đẹp. Tiếc rằng chúng ta chưa có điều kiện đi sâu nghiên cứu, tổng kết để tiếp tục phát triển cụ thể hóa tư tưởng đó.

Hiện nay, dân chủ hóa xã hội đang là một xu thế của thời đại, một yêu cầu khách quan của đất nước. Đảng ta chủ trương phải phát huy những kết quả bước đầu đã đạt được, tiếp tục mở rộng dân chủ trong Đảng và trong xã hội, tích cực xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa. Vấn đề quan trọng là phải *hiểu đúng và nắm vững nội dung cơ bản của dân chủ: bảo đảm phát huy trí tuệ, nghị lực của nhân dân, thực hiện quyền làm chủ thật sự của nhân dân, bảo đảm lợi ích chính đáng của nhân dân*. Cái gì trái với ý chí và lợi ích của nhân dân và dân tộc, phương hại đến sự nghiệp cách mạng, chúng ta kiên quyết đấu tranh, bác bỏ. Mặt khác, *phải từng bước xây dựng và hoàn thiện các cơ chế, chính sách, quy định, pháp luật bảo đảm thực hiện bằng được những nội dung cơ bản và quan trọng về dân chủ, cả dân chủ đại diện và dân chủ trực tiếp*. Tập trung nhất là phải *củng cố, đổi mới, xây dựng thật tốt hệ thống chính trị ở nước ta*, bởi vì hệ thống chính trị chính là cơ cấu tổ chức và cơ chế vận hành của dân chủ, là cái vỏ vật chất chứa đựng nội dung dân chủ, là cái bảo đảm cho dân chủ được thực hiện.

- *Đảng* là một thành viên của hệ thống chính trị, đồng thời là người lãnh đạo hệ thống chính trị, lãnh đạo toàn xã hội, cho nên hơn ai hết, Đảng phải tự giác xây dựng mình thật sự trong sạch, vững mạnh, có nhận thức sâu sắc về dân chủ, có chủ

trương, biện pháp khả thi lãnh đạo, thực hiện dân chủ, và bản thân Đảng, từng cán bộ, đảng viên của Đảng phải tự giác gương mẫu thực hiện dân chủ, dân chủ cả trong Đảng và trong xã hội. Đây là vấn đề cực kỳ quan trọng, có ý nghĩa quyết định. Thực tế vừa qua cho thấy, ở đâu và lúc nào tổ chức đảng gương mẫu, tự giác thực hiện dân chủ thì ở đó, lúc đó cả hệ thống chính trị và trong nhân dân có dân chủ. Đảng là người đề xướng dân chủ, phát động dân chủ và gương mẫu thực thi dân chủ. Đảng không có mục đích nào khác là phấn đấu cho lợi ích của nhân dân; nhân dân luôn luôn coi Đảng là của mình, cán bộ, đảng viên là con em của mình, cho nên Đảng phải gương mẫu thực hiện dân chủ; thực hiện tốt dân chủ chỉ có làm cho Đảng mạnh thêm, tốt hơn. Đảng phải tôn trọng và lắng nghe nhân dân, tôn trọng và lắng nghe các tổ chức khác trong hệ thống chính trị, đổi mới phương thức lãnh đạo công tác, bảo đảm dân chủ trong các quá trình chuẩn bị quyết định, ra quyết định và thực hiện quyết định.

Vừa qua Đảng ta đã có bước tiến đáng kể về việc này. Đảng đã có nhiều quy chế, quy định về việc thực thi dân chủ trong Đảng và trong xã hội, xác định việc nào phải hỏi ý kiến tập thể, ý kiến nhân dân. Đến nay đã gần như thành nếp việc hỏi ý kiến cán bộ đảng viên và nhân dân từ cơ sở mỗi khi Đảng chuẩn bị các nghị quyết, chỉ thị, các chủ trương, chính sách lớn, các dự án quan trọng. Chính đây là một cơ chế bảo đảm cho đường lối của Đảng không bị sai lầm, các quyết định của Đảng gắn với thực tiễn cuộc sống. với tâm tư, nguyện vọng của nhân dân, và mỗi khi có dấu hiệu sai lầm thì dễ phát hiện ra để kịp thời sửa đổi. Phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Quốc hội, Chính phủ, các cơ quan tư pháp, các đoàn thể nhân dân, các tổ chức kinh tế, văn hóa, văn học nghệ thuật... có nhiều đổi mới. Đảng lãnh đạo bằng các nghị quyết định hướng, nguyên tắc lớn, thông qua tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên. Đảng tôn trọng và thật sự lắng nghe, bàn bạc với các tổ chức này; không mệnh lệnh, áp đặt.

Đối với những công việc nội bộ, Đảng cũng từng bước có những quy chế quy định cụ thể việc thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ trong Đảng. Từ việc bảo đảm cho mọi đảng viên được nói hết ý kiến của mình trong tổ chức đến quyền được bầu cử, ứng cử, quyền khiếu nại, tố cáo; từ việc tham gia thảo luận biểu quyết các vấn đề quan trọng của Đảng đến việc đánh giá, bố trí, đề bạt, thay đổi cán bộ, khen thưởng, kỷ luật cán bộ; từ việc học tập đến việc sinh hoạt ở nơi cư trú; từ việc tự phê bình và phê bình đến việc kiểm tra, giám sát, bảo đảm chấp hành đúng quy định những điều đảng viên không được làm... Tất cả đều đang đi dần vào nền nếp. Không khí dân chủ, cởi mở, thẳng thắn trong các cuộc sinh hoạt đảng rõ ràng ngày càng tiến bộ hơn trước.

- *Nhà nước* là tổ chức đại diện tập trung và cao nhất cho quyền làm chủ của nhân dân, là hình thức thể hiện dân chủ. Nhà nước có trách nhiệm thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, đồng thời cũng là yêu cầu, nguyện vọng của nhân dân. Trong điều kiện một Đảng lãnh đạo, Nhà nước càng có vai trò đặc biệt quan trọng. Một mặt, Nhà nước chủ động thể chế hóa các chủ trương, đường lối của Đảng, tổ chức chỉ đạo thực hiện, đưa tư tưởng, đường lối của Đảng vào cuộc sống, biến nó thành hiện thực. Mặt khác, thông qua các cơ quan dân cử, các đại diện do dân cử, Nhà nước lắng nghe, tập hợp những ý kiến, nguyện vọng của nhân dân để phản ánh với Đảng, góp phần điều chỉnh, bổ sung đường lối của Đảng. Đây là một "kênh" quan trọng bảo đảm cho đường lối của Đảng đúng đắn, tránh được những sai lầm.

Vừa qua, Nhà nước ta đã hoạt động theo phương hướng đó. Có nhiều việc Nhà nước chủ động đề xuất, góp ý kiến với Đảng, đồng thời làm tốt việc xây dựng luật pháp, thể chế hóa các chủ trương, đường lối của Đảng để đưa vào cuộc sống và tổ chức nhân dân thực hiện. Có thể nói chưa bao giờ nước ta có được một hệ thống luật pháp ngày càng đồng bộ như hiện nay. Chỉ tính từ năm 1986 đến nay, Nhà nước đã ban hành bốn bộ luật, hàng trăm luật và pháp lệnh. Đó là một cố gắng lớn

của Nhà nước ta. Chính nhờ có những luật pháp này mà xã hội càng có điều kiện thực hiện dân chủ một cách tốt hơn. Xã hội và nhân dân quen dần với nếp sống và làm việc theo Hiến pháp, pháp luật. Chúng ta ngày càng có nhiều hình thức bảo đảm phát huy dân chủ, cả dân chủ đại diện và dân chủ trực tiếp. Ngoài những bộ luật, luật, pháp lệnh của Nhà nước, ở các ngành, các địa phương và cơ sở còn có những điều lệ hương ước, quy ước, quy chế... của các hội, đoàn, làng, xã, góp phần nâng cao ý thức thực thi dân chủ của nhân dân. Gần đây, việc xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, với các loại hình làng xã, cơ quan, trường học, bệnh viện... được nhân dân rất đồng tình, hoan nghênh, coi đây là sự cố gắng lớn của Đảng và Nhà nước trong việc tìm tòi, xây dựng cơ chế bảo đảm để "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra" một cách thiết thực, có hiệu quả.

Riêng đối với nội bộ các cơ quan nhà nước, cũng có các luật và pháp lệnh bảo đảm thực thi dân chủ, như Luật bầu cử Luật tổ chức Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp, Luật tổ chức Chính phủ, Luật tổ chức tòa án, Luật tổ chức Viện Kiểm sát, Pháp lệnh công chức, Luật khiếu nại tố cáo,... Pháp luật phải dựa trên nguyên tắc, chống lạm quyền, độc đoán.

- *Mặt trận và các đoàn thể nhân dân* là các tổ chức đại diện cho quyền làm chủ tập thể của các tầng lớp nhân dân, đã từ lâu có mặt trong đời sống chính trị-xã hội của nước ta, có vai trò rất quan trọng trong sự nghiệp cách mạng, trong việc đoàn kết, tổ chức, phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Mặt trận Tổ quốc là một liên minh chính trị, liên hiệp tự nguyện của các đoàn thể chính trị - xã hội và các cá nhân tiêu biểu trong các giai cấp và tầng lớp xã hội, các dân tộc, các tôn giáo. Đảng là người lãnh đạo Mặt trận, đồng thời cũng là một thành viên của Mặt trận. Mặt trận và các tổ chức thành viên là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân, là nơi phối hợp thống nhất hành động của các tầng lớp nhân dân thực hiện đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Trong điều kiện một đảng lãnh đạo, cần phát huy mạnh mẽ vai trò của Mặt trận và các đoàn thể nhân dân, coi đây là một "kênh" rất quan trọng thực hiện dân chủ, một "cơ chế" để hạn chế, phòng ngừa những thiếu sót, sai lầm của Đảng. Ở nhiều nước trên thế giới không có loại hình tổ chức "mặt trận" như ở nước ta; có thể vì thế mà họ không hiểu ta, đòi ta phải thực hiện chế độ đa đảng. Còn ở ta, có Mặt trận, ta cần phát huy mạnh mẽ vai trò của tổ chức liên minh chính trị này. Xây dựng quy chế để thực hiện có nền nếp việc Đảng và Nhà nước cùng bàn bạc, tham khảo ý kiến của Mặt trận về những quyết định, chủ trương lớn. Có quy chế về việc Mặt trận và các đoàn thể tham gia với Đảng và Nhà nước thực hiện dân chủ và giám sát việc thực hiện dân chủ, chăm lo bảo vệ lợi ích chính đáng của các tầng lớp nhân dân; thường xuyên phê bình, góp ý kiến với cấp ủy đảng, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên, công chức nhà nước; tham gia ý kiến hoặc giới thiệu người xứng đáng để bầu vào các cơ quan lãnh đạo của Đảng và Nhà nước; hiệp thương giới thiệu người ứng cử vào Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp. Có cơ chế để Mặt trận và đoàn thể thực hiện kiểm kê, kiểm soát, phát hiện và đấu tranh chống các hiện tượng tham nhũng, hối lộ, tiêu cực trong bộ máy đảng và cơ quan nhà nước.

Các tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh... vươn lên làm tốt chức năng đại diện cho tầng lớp mình tham gia công việc của Nhà nước, chăm lo thiết thực cho lợi ích của đoàn viên, hội viên.

Ngoài ra, ở nước ta hiện nay có 175 hiệp hội, hội quần chúng ở cấp trung ương; hàng trăm tổ chức hội cấp địa phương; hàng nghìn tổ chức không mang tính chất chính thống hoạt động ở cơ sở. Nếu lãnh đạo và tổ chức tốt thì đây cũng là những tổ chức quần chúng tham gia tích cực các công việc của Đảng và Nhà nước; động viên nhân dân làm chủ trực tiếp bằng các hình thức nhân dân tự quản thực hiện các quy ước, hương ước ở cơ sở.

Như vậy là, hệ thống chính trị ở nước ta có đủ khả năng và điều kiện để thực hiện dân chủ, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, nếu chúng ta có cơ chế thích hợp, mà không cần áp dụng chế độ đa đảng. Đảng ta đã nhiều lần khẳng định rằng thực chất và nội dung của đổi mới hệ thống chính trị là xây dựng cơ chế thực hiện tốt hơn dân chủ xã hội chủ nghĩa. Dân chủ xã hội chủ nghĩa là bản chất của chế độ ta, là cốt lõi của hệ thống chính trị nước ta. Chúng ta đang từng bước đổi mới, kiện toàn cơ cấu tổ chức và phương thức hoạt động của hệ thống chính trị cũng như của từng tổ chức thành viên trong hệ thống chính trị, coi đây là một biện pháp, phương thức có hiệu lực và hiệu quả để thực hiện dân chủ.

Cùng với hệ thống chính trị, chúng ta còn có một công cụ khác rất quan trọng và sắc bén để thực hiện dân chủ - đó là *hệ thống báo chí, xuất bản, thông tin đại chúng*. Sau một thời gian đổi mới đến nay, báo chí nước ta đã có bước phát triển nhanh và mạnh cả về quy mô, số lượng và chất lượng; cả về nội dung, hình thức và phương tiện kỹ thuật. Đến nay cả nước có gần 500 cơ quan báo chí và gần 650 ấn phẩm báo chí bao gồm cả báo viết, báo nói, báo hình, báo ảnh, báo điện tử... Chính báo chí đã góp phần tích cực vào phát huy dân chủ, tạo ra không khí dân chủ và thể hiện tinh thần dân chủ ở nước ta. Chưa bao giờ báo chí nước ta có điều kiện phát triển nhanh đến như vậy, hoạt động phong phú, nhộn nhịp, sôi động như vậy. Với cách thông tin đa dạng, nhiều chiều, báo chí đã đưa lại cho nhân dân những thông tin bổ ích, đồng thời phản ánh những tâm tư, nguyện vọng của nhân dân, cung cấp cho các cơ quan lãnh đạo Đảng và Nhà nước những thông tin cần thiết. Báo chí thật sự đã góp phần vào đổi mới tư duy trong xã hội, tuyên truyền cho đường lối của Đảng, đồng thời tham gia vào việc hoạch định đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, cổ vũ, tổ chức nhân dân thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước; tích cực đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực. Đây

rõ ràng là một "kênh" quan trọng để Đảng và Nhà nước liên hệ với nhân dân, thực hiện dân chủ xã hội chủ nghĩa.

Tóm lại, từ tất cả sự phân tích ở trên có thể đi đến kết luận rằng: việc áp dụng chế độ đa đảng hay một đảng là tùy thuộc hoàn cảnh lịch sử cụ thể của mỗi nước; không phải chế độ đa đảng thì dân chủ hơn chế độ một đảng; áp dụng chế độ một đảng hoàn toàn có khả năng bảo đảm phát huy dân chủ nếu đảng tự giác và có cơ chế vận hành tốt; không phải ở Việt Nam do áp dụng chế độ một đảng mà xã hội không có dân chủ; mọi thứ rêu rao "dân chủ", "nhân quyền", "đa nguyên, đa đảng" chỉ là âm mưu của các thế lực thù địch muốn quấy rối, muốn phá vỡ khối đoàn kết thống nhất của Đảng ta, dân tộc ta mà thôi. Xin đừng mất cảnh giác!

-
1. Bài tham gia Hội thảo khoa học của Hội đồng Lý luận Trung ương, 8-1999.
 2. V. I. Lênin: *Toàn tập*, Nxb. Tiến bộ, Mátxcova, 1979, t. 12, tr. 164.
 3. C.Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, tiếng Nga, Nxb. Chính trị Mátxcova, 1964, t. 36, tr. 489.
 - 4, 5. V.I.Lênin: *Toàn tập*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1969, t. 31, tr. 451, 224-228.

PHÁT TRIỂN VĂN HOÁ, CON NGƯỜI VÀ NGUỒN NHÂN LỰC*

Nghiên cứu văn hoá, con người và nguồn nhân lực trong bối cảnh nhân loại đã bước vào những năm đầu thế kỷ XXI là một chủ đề rất hay và hết sức có ý nghĩa. Đây cũng là chủ đề mà toàn thế giới lý luận và các nhà hoạt động chính trị - xã hội ở Việt Nam đang rất quan tâm. Bởi lẽ, chỉ với ba năm đầu của thế kỷ XXI mà loài người đã phải đối mặt với những tình huống chính trị - xã hội phức tạp. Một mặt, những thành tựu mà loài người đạt được trong kinh tế, trong khoa học, công nghệ... là rất to lớn, song mặt khác, những vấn đề đặt ra về phương diện xã hội như tình trạng bất bình đẳng và đói nghèo, tình trạng gia tăng bạo lực và khủng bố quốc tế, tình trạng suy thoái đạo đức và tàn phá môi sinh, v.v... cũng hết sức bức xúc, đòi hỏi khoa học nói chung, khoa học về con người nói riêng, phải có những lý giải sâu sắc, mang lại những hiểu biết mới để giúp loài người tìm ra những giải pháp thông minh nhằm không ngừng phát triển xã hội, hoàn thiện con người. Trước những thách thức phức tạp và to lớn đó, việc nghiên cứu về văn hoá, con người và nguồn nhân lực cần đi vào những nội dung cơ bản sau:

Mặc dù nhận thức sâu sắc rằng, không phải ngẫu nhiên mà bước vào thế kỷ mới, vấn đề văn hoá, vấn đề con người đột nhiên lại được toàn thể nhân loại đặc biệt quan tâm và văn hoá cùng với con người được coi là mục tiêu, là động lực của sự phát triển, song sự thực là, không phải đến bây giờ Đảng Cộng sản Việt Nam mới chú ý đến vấn đề văn hoá và vấn đề con người, mới thấy được vai trò đặc biệt của văn hoá và con người đối với sự phát triển đất nước. Ngay từ khi mới ra đời, Đảng Cộng sản Việt Nam đã coi văn hoá là một bộ phận quan trọng của cách mạng Việt Nam. Năm 1943, tức là trước khi Cách mạng Tháng Tám giành thắng lợi, Đảng đã công bố *Đề cương văn hoá Việt Nam* với ba nguyên tắc cơ bản là *dân tộc hoá khoa học hoá và đại chúng hoá*. Đây là những nguyên tắc thể hiện tính nhân văn (tính người) của văn hoá, thể hiện mối quan hệ đặc biệt giữa *con người và văn hoá* - văn hoá là văn hoá của con người, do con người và vì con người.

Chủ tịch Hồ Chí Minh, Anh hùng giải phóng dân tộc Việt Nam, Danh nhân văn hoá thế giới đã nêu một định nghĩa có thể coi là ở tầm kinh điển về văn hoá: "Vì lẽ sinh tồn cũng như vì mục đích của cuộc sống, loài người mới sáng tạo và phát minh ra ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, pháp luật, khoa học, tôn giáo, văn học, nghệ thuật. Những công cụ cho sinh hoạt hằng ngày về mặc, ăn, ở và các phương thức sử dụng. Toàn bộ những sáng tạo và phát minh đó tức là văn hoá. Văn hoá là sự tổng hợp của mọi phương thức sinh hoạt cùng với biểu hiện của nó mà loài người đã sản sinh ra nhằm thích ứng những nhu cầu đời sống và đòi hỏi của sự sinh tồn"¹.

Bước vào thời kỳ đổi mới, tiếp thu những cách tiếp cận hợp lý của nhân loại về con người và văn hoá. Đảng Cộng sản Việt Nam đã khẳng định: "Văn hoá là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội"². Về vai trò của văn hoá trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, Đảng Cộng sản Việt Nam nêu rõ: "Xây dựng và phát triển kinh tế phải nhằm mục tiêu văn hoá, vì xã hội công bằng, văn minh. Con người phát triển toàn diện. Văn hoá là kết quả của kinh tế đồng thời là động lực của sự phát triển kinh tế. Các nhân tố văn hoá phải gắn kết chặt chẽ với đời sống và hoạt động xã hội trên mọi phương diện chính trị, kinh tế, xã hội, luật pháp, kỷ cương... biến thành nguồn lực nội sinh quan trọng nhất của phát triển"³.

Không chỉ dừng lại ở những khái quát vĩ mô, Đảng Cộng sản Việt Nam còn chỉ rõ mối quan hệ giữa con người Việt Nam và văn hoá Việt Nam: "Văn hoá Việt Nam là thành quả hàng nghìn năm lao động sáng tạo, đấu tranh kiên cường dựng nước và giữ nước của cộng đồng các dân tộc Việt Nam. Là kết quả giao lưu và tiếp thụ tinh hoa của nhiều nền văn minh thế giới để không ngừng hoàn thiện mình. Văn hoá Việt Nam đã hun đúc nên tâm hồn, khí phách, bản lĩnh Việt Nam, làm rạng rỡ lịch sử vẻ vang của dân tộc"⁴.

Tư tưởng coi con người là *mục tiêu và động lực* phát triển kinh tế - xã hội, nguồn nhân lực là *yếu tố cơ bản, quyết định nội lực phát triển đất nước*⁵ đã được khẳng định không chỉ một lần. Trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001 - 2010 (Văn kiện Đại hội IX), Đảng đã nêu ra ba khâu đột phá, trong đó giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng sử dụng nguồn nhân lực (bao gồm cả nhân tài) được coi là một đột phá quan trọng. Đó là những tư tưởng có *ý nghĩa triết lý sâu sắc* khẳng định *các giá trị con người Việt Nam và các giá trị văn hoá Việt Nam*.

Với mấy ý vừa nêu, tôi muốn đặt vấn đề về mối quan hệ giữa con người và văn hoá nhằm xây dựng và phát triển nguồn nhân lực cho một nước Việt Nam phát triển bền vững trong thế kỷ XXI. Nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc mà chúng ta xây dựng không phải vì mục đích tự thân mà "*nhằm mục tiêu tất cả vì con người, vì hạnh phúc và sự phát triển phong phú, tự do, toàn diện của con người*"⁶. Điều này được ghi rõ trong Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VIII (năm 1998). Trong kho tàng lý luận và tư tưởng của Đảng, chúng ta đã tìm thấy những quan điểm chỉ đạo cơ bản quý giá để đi tiếp vào những vấn đề của xã hội hiện đại. Thế kỷ XXI có những thách thức của nó, việc giải quyết những thách thức đó chắc chắn phải được nhìn nhận bằng những quan điểm lý luận và tư tưởng mà Đảng đã trang bị cho chúng ta.

Thời gian qua, cùng với nhiều chương trình, đề tài nghiên cứu khoa học ở những phạm vi khác nhau, Nhà nước có Chương trình KX.07 (giai đoạn 1991 - 1995) nghiên cứu về con người; Chương trình KHXX.04 (giai đoạn 1996 - 2000) nghiên cứu về con người và văn hoá; và Chương trình KX.05 (giai đoạn 2000 - 2005) nghiên cứu về văn hoá, con người và nguồn nhân lực. Các chương trình này đã thu được một số kết quả đồng thời cũng gợi mở những vấn đề mới cần được tiếp tục triển khai nghiên cứu, đặc biệt là phải gắn nghiên cứu con người với nghiên cứu văn hoá nhằm vào đích thực tiễn là xây dựng và phát triển nguồn nhân lực, bồi

dưỡng và phát hiện nhân tài, đáp ứng đòi hỏi của sự phát triển đất nước trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Bước vào thế kỷ XXI, việc xây dựng cho được nguồn nhân lực có chất lượng cao để đáp ứng yêu cầu của kinh tế tri thức đòi hỏi các nhà hoạch định chính sách và giới nghiên cứu phải chú ý tới mối quan hệ *con người - văn hoá - nguồn nhân lực* với tính cách là một tổng thể có mối liên hệ thống nhất, hữu cơ: *nói đến văn hoá tức là nói đến con người; nói đến phát triển con người tức là phải nhằm tới mục tiêu xây dựng nguồn nhân lực có chất lượng cho xã hội.*

Trong khuôn khổ của Hội thảo này, chúng ta cần cố gắng đi sâu làm rõ thêm một số điểm sau:

1. Dựa vào thực tiễn đời sống xã hội đầu thế kỷ XXI, nghiên cứu mối quan hệ biện chứng giữa văn hoá, trong đó có văn hoá Việt Nam, với con người, trong đó có con người Việt Nam và nguồn nhân lực Việt Nam. Chỉ ra sự *thống nhất*, tính *độc lập* tương đối, sự *tác động* qua lại *phức tạp và biện chứng...* giữa các nhân tố của quan hệ này trong sự phát triển. Đặc biệt chú trọng sự vận động của quan hệ này trong điều kiện kinh tế thị trường, toàn cầu hoá và những biến động chính trị đầu thế kỷ XXI.

2. Xác định những thách thức của thời đại đối với việc phát triển văn hoá - con người - nguồn nhân lực. Muốn đưa ra được các *giải pháp khả thi* để phát triển con người, phát triển văn hoá, phát triển nguồn nhân lực thì phải hiểu được đặc thù của giai đoạn hiện nay. Chắc chắn rằng, điều kiện của những năm đầu thế kỷ XXI đối với phát triển văn hoá - con người - nguồn nhân lực không còn giống như những năm 90 của thế kỷ XX về nhiều phương diện. Vậy cái khác đó là những gì?

3. Làm thế nào để tiếp thu một cách sáng tạo những thành tựu mới của văn hoá - văn minh nhân loại về phát triển con người. Phát triển văn hoá, phát triển nguồn

nhân lực? Chúng ta cần giải quyết mối quan hệ giữa truyền thống và hiện đại như thế nào để trong khi đề cao bản sắc Việt Nam mà vẫn tiếp thu được tinh hoa văn hoá thế giới, không bỏ lỡ cơ hội hội nhập với văn hoá - văn minh thế giới, góp phần làm giàu văn minh nhân loại?

Các bạn đồng nghiệp đã dành nhiều công sức chuẩn bị cho Hội thảo này; hy vọng cuộc Hội thảo của chúng ta sẽ thành công tốt đẹp, mang lại những đóng góp mới cho khoa học Việt Nam và bè bạn.

* Phát biểu tại cuộc Hội thảo khoa học quốc tế về chủ đề *Nghiên cứu văn hóa con người và nguồn nhân lực đầu thế kỷ XXI* tổ chức tại Hà Nội, ngày 27 - 11 - 2003.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 3, tr. 431.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr. 110.

3, 4. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, tr. 55, 40.

5. Xem: Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII, Sđd*, tr. 85.

6. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII, Sđd*, tr. 56.

CUỘC ĐẤU TRANH TƯ TƯỞNG TRONG TÌNH HÌNH HIỆN NAY

Đấu tranh tư tưởng là một bộ phận của cuộc đấu tranh dân tộc, đấu tranh giai cấp và phản ánh cuộc đấu tranh dân tộc, đấu tranh giai cấp. Đấu tranh tư tưởng bao gồm đấu tranh về quan điểm lý luận, tư tưởng chính trị, cương lĩnh, đường lối..., diễn ra trên tất cả các lĩnh vực (kinh tế, chính trị, văn hoá, giáo dục, quân sự, ngoại giao,...); thể hiện dưới nhiều hình thức (công khai, hợp pháp, bán công khai, bí mật...) và được thực hiện bằng nhiều phương tiện (báo chí, xuất bản, văn hoá văn nghệ, hội thảo, tiếp xúc trực tiếp, tuyên truyền miệng; ...)

Đấu tranh tư tưởng là công việc thường xuyên, lúc rõ lên, lúc lắng xuống, tùy tình hình chính trị và tương quan lực lượng. Đây là mặt trận không có tiếng súng nhưng cực kỳ gay go, phức tạp, quyết liệt, đòi hỏi phải có trình độ lý luận, trình độ trí tuệ nhất định và phải huy động được sức mạnh của toàn dân, của cả hệ thống chính trị. Nó đóng vai trò quan trọng, không chỉ trong việc củng cố vững chắc trận địa tư tưởng hàng ngày, hàng giờ mà còn có tầm chiến lược, góp phần quyết định trong việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, của Nhà nước, của chế độ; xây dựng và bảo vệ cơ sở lý luận, đường lối cách mạng, xác định hướng đi và dẫn dắt quần chúng nhân dân; làm thất bại mọi âm mưu của các thế lực thù địch.

Trong tình hình hiện nay, khi mà bối cảnh trong nước và quốc tế có những diễn biến phức tạp, đất nước ta tiến hành đổi mới toàn diện, phát triển kinh tế thị trường, thực hiện mở cửa, hội nhập, vừa hợp tác, vừa đấu tranh trong cùng tồn tại hoà bình, các thế lực thù địch đang ra sức chống phá cách mạng nước ta, thì cuộc đấu tranh trên lĩnh vực tư tưởng, bảo vệ an ninh tư tưởng càng có ý nghĩa đặc biệt quan trọng.

* *

Âm mưu cơ bản, lâu dài của các thế lực thù địch là xoá bỏ chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta, xoá bỏ sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, xoá bỏ chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Một số người cầm đầu nước Mỹ đã nhiều lần công khai tuyên bố rằng, đối với Việt Nam, Mỹ đã thua trong chiến tranh, bây giờ phải tìm mọi cách thắng trong hoà bình; đã thua trên chiến trường bây giờ phải thắng trên thị trường; Mỹ đã tiêu mất hơn 1.000 tỷ đôla trong chiến tranh Việt Nam, bây giờ không thể để cho Đảng Cộng sản Việt Nam yên vị trên đất nước Việt Nam này được; chừng nào chưa xoá bỏ được chủ nghĩa xã hội thì Mỹ vẫn cho đó là chưa hoàn thành nhiệm vụ trong cuộc đấu tranh ý thức hệ.

Để thực hiện được âm mưu cơ bản đó, các thế lực thù địch đã áp dụng lần lượt hết chiến lược này đến chiến lược khác, hết chiến dịch này đến chiến dịch khác, rất kiên trì, kiên quyết bền bỉ. "Diễn biến hoà bình" là một chiến lược nằm trong hệ thống chiến lược phản cách mạng của chủ nghĩa đế quốc được thực hiện từ năm 1940. Đây chính là "thủ đoạn hoà bình để giành thắng lợi". Nhiều chuyên gia và chính khách phương Tây còn gọi đây là phương pháp "chuyển hoá hoà bình", "biến đổi hoà bình", "thi đua hoà bình", "cạnh tranh hoà bình", "cách mạng hoà bình" và gần đây là "cách mạng nhung", "cách mạng đường phố"... Trong chiến lược này, hoạt động tư tưởng - văn hoá được họ coi là "mũi đột phá", là "cây cầu dẫn vào trận địa", là lĩnh vực hàng đầu làm tan rã niềm tin, gây hỗn loạn về lý luận và tư tưởng, tạo ra khoảng trống để dần dần đưa hệ tư tưởng tư sản vào, rồi cuối cùng xoá bỏ hệ tư tưởng xã hội chủ nghĩa. Có người đã nói rằng, chiến lược của chủ nghĩa đế quốc được tiến hành chủ yếu trên hai phương diện: *một là*, xâm lược nước khác bằng quân sự và kinh tế, *hai là* làm tan rã các nước khác bằng tư tưởng và văn hoá. Nếu phương diện thứ nhất dựa vào sức mạnh của kẻ cướp thì phương diện thứ hai dựa vào thủ đoạn làm tan rã nội bộ, hết sức xảo quyệt. Chính các nhà tư tưởng

của chủ nghĩa đế quốc đã tổng kết: "Có những việc 100 máy bay chiến đấu không thực hiện nổi, nhưng chỉ cần 10 sứ giả lại có thể hoàn thành"; "một đài phát thanh cũng có thể bình định xong một đất nước". Ngày nay "làn sóng điện đang thay thế thanh gươm; cây bút là phương tiện đi vào trái tim khối óc con người"; "một đôla chi cho tuyên truyền có tác dụng ngang với 5 đôla chi cho quốc phòng"; "kích động vấn đề dân chủ, nhân quyền, dân tộc, tôn giáo là bốn đòn đột phá khẩu, bốn mũi xung kích để chọc thủng mặt trận tư tưởng chính trị". Chính ông Níchxon (nguyên Tổng thống Mỹ) đã nhiều lần nhấn mạnh rằng: "Mặt trận tư tưởng là mặt trận quyết định nhất"; "toàn bộ vũ khí của chúng ta, các hoạt động mậu dịch, viện trợ, quan hệ kinh tế sẽ không đi đến đâu nếu chúng ta thất bại trên mặt trận tư tưởng".

Không phải ngẫu nhiên mà khi chủ nghĩa xã hội lâm vào khó khăn, khủng hoảng, cách mạng thế giới ở thế thoái trào, các thế lực thù địch càng dần tới, tiến công dồn dập và quyết liệt vào chủ nghĩa xã hội, vào lý luận Mác - Lê in. Các nhà tư tưởng chống cộng liên tiếp cho ra đời những cuốn sách chống cộng như: *Năm 1999 - chiến thắng không cần chiến tranh* của Níchxon, xuất bản 1990; *Chớp thời cơ, thế giới một siêu cường*, Níchxon, 1992; *Vượt qua hoà bình*, Níchxon, 1993; *Thất bại lớn, sự ra đi của chủ nghĩa cộng sản* của Brêdinxki, 1989; *Ngoài vòng kiểm soát*, Brêdinxki, 1993; *Sự tận cùng của lịch sử* của Phucuyama, 1989 ...

Thời gian gần đây, các làn sóng chống đối ta về mặt tư tưởng chính trị lại rộ lên, có lúc dồn dập. Có thể là do tình hình thế giới và khu vực có những diễn biến mới; tình hình kinh tế - xã hội nước ta bên cạnh thành tựu lớn cũng xuất hiện những khó khăn và thách thức mới, các tệ nạn xã hội như tham nhũng, hối lộ, ma túy, mại dâm... tiếp tục gia tăng, sự phân hoá giàu nghèo phát triển. Tình trạng quan liêu, mất dân chủ làm dân bất bình dẫn đến khiếu kiện đông người ở một số nơi phức tạp. Các thế lực thù địch và các phần tử cơ hội chắc chắn đây là cơ hội để họ dần

tới tác động, làm chuyển hoá tình hình, thay đổi đường lối ở nước ta, cho nên họ hoạt động rất điên cuồng với nhiều thủ đoạn và sách lược mới:

+ Tiến công ta mạnh mẽ về tư tưởng và văn hoá, coi đây là mũi nhọn đột phá, thọc sâu; vừa dùng các lực lượng, phương tiện từ bên ngoài, vừa tận dụng phát triển các lực lượng và phương tiện ở trong nước ta. Tạo ra sự chống đối từ nội bộ Đảng, nội bộ xã hội ta, từng bước làm cho nhân tố bên trong phát triển để phá ta từ bên trong phá ra. Chiến lược "triệt tiêu kẻ thù" được nghiên cứu từ năm 1992 và bắt đầu áp dụng năm 1996 để thay cho chiến lược "Vượt trên ngăn chặn" và "Bao vây cấm vận". Tư tưởng chủ đạo của chiến lược này là áp dụng các biện pháp "can dự", "tiếp cận kẻ thù", lôi kéo "kẻ thù" từ đối đầu sang đối thoại, tăng cường hợp tác hoặc hoà nhập với họ theo sự chỉ huy hoặc sự khống chế của Mỹ. Tức là không đứng ngoài hò hét, mà xâm nhập vào ta để đánh ta từ trong đánh ra, làm cho "cộng sản tự diệt cộng sản", "cộng sản con diệt cộng sản bố".

+ Thực hiện chính sách lôi kéo, thông qua các nước đồng minh, các tổ chức phi chính phủ qua các hình thức giao lưu, hợp tác về văn hoá, giáo dục, khoa học... để thâm nhập, thu thập tin tức tình báo, làm chuyển hoá tư tưởng, chuyển hoá chính trị, mua chuộc cán bộ, cài cắm nội gián; móc nối với những người bất mãn, cơ hội chính trị, những người nắm được bí mật quốc gia, những người đi công tác, học tập ở nước ngoài. Tìm cách can thiệp cho một số người có quan điểm "cấp tiến" ra nước ngoài dự hội thảo, học tập; đưa giáo viên và lưu học sinh nước họ vào Việt Nam học tập, nghiên cứu, tiếp xúc giao lưu... với những mục đích không trong sáng.

+ Lợi dụng các hoạt động tôn giáo, dân tộc để can thiệp vào nội bộ ta; tuyên truyền tôn giáo trái phép. Lợi dụng các diễn đàn công khai (hội nghị, hội thảo) để tuyên truyền "tự do", "dân chủ", "nhân quyền", tuyên truyền quan điểm cá nhân ích kỷ cục đoan, lối sống thực dụng, suy đồi; vu cáo ta vi phạm dân chủ, nhân quyền.

Tung ra luận điểm "nhân quyền cao hơn chủ quyền" để tạo có can thiệp vào các nước.

Các trung tâm phá hoại tư tưởng tăng cường hoạt động tuyên truyền thù địch chống phá Việt Nam. Rất coi trọng các phương tiện truyền thông đại chúng và tuyên truyền rỉ tai, kích động. Sử dụng hàng chục đài phát thanh và truyền hình, hàng trăm tờ báo và tạp chí tiếng Việt (trong đó có những tờ rất phản động) để tuyên truyền chống Việt Nam. Tổ chức gặp gỡ phỏng vấn, ve vãn những đối tượng có quan điểm giống họ. Đưa một số lớn tài liệu, sách báo, truyền đơn, băng hình, băng nhạc có nội dung phản động, đòi truy vào Việt Nam. Sử dụng Internet và sẵn sàng mở khoá cho các đối tượng để truy nhập những thông tin sai lệch do chúng đưa lên mạng. Dùng điện thoại trực tiếp phỏng vấn, kích động, tâng bốc, lôi kéo một người có quan điểm sai trái.

Các tổ chức phản động người Việt lưu vong ở nước ngoài tiếp tục sử dụng chiêu bài chống tham nhũng, đòi dân chủ, nhân quyền để tuyên truyền, kích động, chia rẽ nội bộ ta.

Một số tổ chức thay đổi thủ đoạn hoạt động: tìm mọi cách câu kết, móc nối với số người bất mãn trong nước, "chuyển vào trong nước", "chuyển vào nội bộ", kêu gọi người Việt ở hải ngoại phải cố kết, ủng hộ, tiếp sức cho lực lượng quốc nội nổi dậy. Đồng thời đẩy mạnh các hoạt động giao lưu văn hoá, giáo dục, nghiên cứu, hội thảo, thăm thân, hồi hương để thực hiện ý đồ của mình. Họ đang cố dựng lên những "ngọn cờ" chống ta.

Một số phân tử phản động đội lốt tôn giáo ra sức tuyên truyền, vận động, lôi kéo quần chúng theo đạo, gây thanh thế, tranh giành ảnh hưởng, đòi thoát ly sự quản lý của Nhà nước. Một số chức sắc truyền đạo trái phép, kích động tín đồ chống lại chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước như: không cho con em đi bộ đội, không trồng cây công nghiệp dài ngày, không nộp thuế nông nghiệp, không thực

hiện sinh để có kế hoạch... Họ tích cực phát triển đạo vào các vùng sâu, vùng xa, vùng căn cứ cách mạng trước đây, khu vực biên giới, lôi kéo tín đồ, kể cả cán bộ, đảng viên, đi lễ bái và tham gia các hoạt động mê tín.

Một số người cơ hội chính trị, bất mãn ở trong nước lợi dụng các diễn đàn, các mối quan hệ để truyền bá những quan điểm sai trái của mình, liên tiếp viết đơn thư, tài liệu vu cáo, đả kích chế độ ta, kích động nhân dân, nhất là thanh niên, sinh viên, văn nghệ sĩ, trí thức. .. đứng lên lật đổ chế độ ta. Toàn bộ những hoạt động nêu trên tuy mỗi loại có biểu hiện khác nhau, với những tính chất, phạm vi, mức độ khác nhau, nhưng tựu chung đều là nhằm tiến công vào sự lãnh đạo của Đảng ta, đòi xoá bỏ sự lãnh đạo của Đảng, xoá bỏ chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Nội dung các quan điểm của họ không có gì mới, vẫn là những luận điểm lâu nay các nhà tư tưởng chống cộng đã từng nói và đã từng nhiều lần bị chúng ta phê phán, bác bỏ. Đại thể vẫn là:

- Phủ nhận thành tựu của cách mạng, thành tựu của đổi mới. Thổi phồng khuyết điểm, tồn tại của chúng ta, bôi đen hiện thực, gieo rắc hoài nghi, phá vỡ niềm tin của nhân dân và cán bộ. Quy kết là do đường lối sai, sự lãnh đạo và quản lý yếu kém của Đảng và Nhà nước.

- Phủ nhận chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Họ làm rất có bài bản, đi từ thấp đến cao, từ ngoại vi vào tung thâm, từ những vấn đề hiện tượng đi vào tận gốc rễ, cốt lõi. Lúc đầu là phê phán, thổi phồng những khuyết điểm, tiêu cực của xã hội đi đến quy kết đường lối chính trị sai lầm. Rồi đường lối chính trị sai lầm là do lý luận, do nguồn gốc từ chủ nghĩa Mác - Lênin và sự lãnh đạo của Đảng. Riêng đối với chủ nghĩa Mác - Lênin, lúc đầu họ bác bỏ chuyên chính vô sản, đấu tranh giai cấp, dần dần phủ nhận sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, tiến tới phủ nhận lý luận hình thái kinh tế xã hội (chủ nghĩa duy vật lịch sử), tiến tới phủ nhận học thuyết giá trị thặng dư (hòn đá tảng trong học thuyết kinh tế của

Mác). Từ chỗ phủ nhận một số luận điểm (còn thừa nhận phép biện chứng, phương pháp luận) đi đến phủ nhận cả phương pháp luận, phép biện chứng (chủ nghĩa duy vật biện chứng) là linh hồn của chủ nghĩa Mác.

- Phủ nhận con đường xã hội chủ nghĩa, định hướng xã hội chủ nghĩa. Chứng minh cho sự vĩnh hằng của chủ nghĩa tư bản. Rằng kinh tế thị trường không tương dung với chủ nghĩa xã hội; muốn đất nước giàu lên thì phải tư nhân hoá, phải mở toang cửa hội nhập vào chủ nghĩa tư bản.

- Phủ nhận hoặc hạ thấp vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản. Phê phán, đổ lỗi cho Đảng. Rằng Đảng là nhân tố cản trở sự đi lên của đất nước, cần phải "đa đảng".

- Phủ nhận nguyên tắc tập trung dân chủ, đòi dân chủ vô giới hạn, cực đoan, thoát ly cơ sở kinh tế, trình độ dân ta và dân chủ ở nước ta. Cho rằng thực hiện tập trung dân chủ là độc đoán, đảng trị, mất dân chủ. Đòi ra báo tư nhân và lập nhà xuất bản tư nhân.

- Kích động, chia rẽ nội bộ. Tung ra luận điểm trong Đảng, trong Trung ương, Bộ Chính trị có phe này, phái kia. Bịa đặt, xuyên tạc lịch sử, vu cáo, bôi nhọ một số đồng chí lãnh đạo cao cấp của Đảng, kể cả Bác Hồ, hạ bệ thần tượng Hồ Chí Minh...

Những luận điểm của các thế lực thù địch và các phần tử cơ hội, bất mãn nói trên, tuy không có gì mới, nhưng nó được tung ra, truyền bá vào lúc này là hết sức độc hại, nguy hiểm. Không phải không có những cơ sở xã hội nhất định để làm nảy sinh hoặc tiếp nhận những quan điểm, tư tưởng sai trái đó. Điều đáng chú ý là, dường như có sự bàn bạc, phối hợp trong ngoài, tung hứng lẫn nhau khá nhịp nhàng, bài bản, giọng điệu khác nhau, khía cạnh khác nhau nhưng đều chung mục đích: tiến công thẳng vào hệ tư tưởng, đường lối, Cương lĩnh, Điều lệ của Đảng,

Hiến pháp của Nhà nước, tiến công vào tổ chức và cả nhân sự của Đảng. Rất nhất quán, quyết liệt và xảo quyệt.

*

* *

Nhận thức rõ vị trí quan trọng của công tác tư tưởng, trong thời qua, Đảng và Nhà nước ta đã chỉ đạo thường xuyên và chặt chẽ cuộc đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, bảo vệ đường lối, Cương lĩnh của Đảng, làm thất bại những âm mưu và thủ đoạn của các thế lực thù địch trên lĩnh vực này. Nhiều nghị quyết Trung ương đã phân tích, chỉ ra những nguy cơ của thời kỳ mới, trong đó có nguy cơ "diễn biến hoà bình", đề cao công tác xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng và kiên quyết đấu tranh chống những khuynh hướng, những biểu hiện mơ hồ lệch lạc về tư tưởng; kịch liệt phê phán, bác bỏ những quan điểm sai trái, thi hành kỷ luật kịp thời những cán bộ dao động về chính trị, truyền bá những quan điểm này, kể cả ở cấp cao.

Hội đồng Lý luận Trung ương và một số cơ quan khoa học tổ chức nghiên cứu, thảo luận các vấn đề lý luận và thực tiễn, làm căn cứ để nâng cao trình độ nhận thức của cán bộ, đảng viên, đồng thời đấu tranh phê phán những quan điểm lệch lạc. Tổ chức biên soạn các giáo trình và sách giáo khoa chính trị, xuất bản nhiều sách chuyên đề khẳng định tính khoa học và cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh; chấn chỉnh việc giảng dạy, học tập lý luận chính trị trong Đảng, trong các trường đại học, cao đẳng. Hội đồng Lý luận Trung ương có riêng một số đề tài nghiên cứu khoa học phản bác các quan điểm sai trái.

Báo chí và các phương tiện thông tin đại chúng, xuất bản đã có những bài trực tiếp phê phán những nhận thức mơ hồ, lệch lạc, đấu tranh bác bỏ các quan điểm thù địch. Hệ thống báo cáo viên tăng cường công tác tuyên truyền miệng, phổ biến sâu

rộng trong cán bộ, đảng viên và nhân dân những quan điểm đúng đắn, giáo dục tinh thần cảnh giác trước những âm mưu và thủ đoạn "diễn biến hoà bình" của các thế lực thù địch.

Mở rộng các hoạt động thông tin đối ngoại, phủ sóng rộng hơn đài phát thanh, đài truyền hình; tăng cường các hoạt động báo chí đối ngoại. Các cấp uỷ đảng đã quan tâm chỉ đạo công tác tư tưởng, yêu cầu mọi đảng viên thực hiện đúng nguyên tắc tổ chức của Đảng, không lưu truyền, tán phát các tài liệu bất hợp pháp, cảnh giác và kiên quyết đấu tranh chống các quan điểm sai trái, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, bảo vệ Cương lĩnh, đường lối, Điều lệ Đảng. Đối với một số người có quan điểm sai trái tán phát tài liệu vi phạm nguyên tắc tổ chức của Đảng, một mặt, chúng ta kiên trì thuyết phục, nhắc nhở, giáo dục, mặt khác, có những hình thức đấu tranh thích hợp; những trường hợp vẫn cố tình vi phạm thì kiên quyết xử lý.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, công tác đấu tranh tư tưởng của ta còn không ít khuyết điểm. Nhiều cán bộ và nhân dân chưa nhận thức đầy đủ bản chất của chủ nghĩa thực dân kiểu mới, có những biểu hiện mơ hồ, mất cảnh giác trước những âm mưu, thủ đoạn "diễn biến hoà bình". Không ít trường hợp chỉ nặng về chuyên môn đơn thuần, không chú ý đầy đủ vấn đề chính trị. Một bộ phận cán bộ, đảng viên thiếu vững vàng về chính trị, phai nhạt lý tưởng, dao động mềm tin. Sức chiến đấu của không ít tổ chức cơ sở đảng bị giảm sút.

Trong hoạt động kinh tế, đối ngoại, khoa học, văn hoá, báo chí - xuất bản,... còn có những sơ hở để địch lợi dụng khai thác bí mật quốc gia. Công tác quản lý xuất, nhập văn hoá phẩm (nhất là phim ảnh, băng nhạc, băng hình, sách báo...), các hoạt động giao lưu trao đổi văn hoá, giáo dục, khoa học kỹ thuật với nước ngoài còn lỏng lẻo, gây nên những hậu quả không tốt; để lan truyền nhiều ấn phẩm xấu, độc hại. Trong khi đó, công tác tư tưởng, tuyên truyền giáo dục của ta chưa thường xuyên, chưa kịp thời, tính chiến đấu chưa cao. Báo chí còn thiếu những bài đấu

tranh trực diện sắc sảo, có sức thuyết phục. Sự phối hợp và chủ động tiến công trên mặt trận tư tưởng - văn hoá giữa các ngành, các cấp còn hạn chế, có mặt, có lúc hiệu quả chưa cao. Các cơ quan tham mưu và hoạch định chính sách chưa thật sắc bén, thiếu cụ thể.

Một số địa phương, cơ sở quan niệm đấu tranh chống "diễn biến hoà bình" là việc của Trung ương, của cấp trên; nhiều người không thấy hết những hoạt động của địch đã và đang tác động đến tận người dân ở cơ sở, len lỏi đến cả vùng sâu vùng xa trên nhiều lĩnh vực. Tình trạng mất dân chủ ở cơ sở dẫn đến khiếu kiện kéo dài, vượt cấp; tệ quan liêu, tham nhũng chưa được đẩy lùi và các tệ nạn xã hội khác đang tiếp diễn phức tạp là nhân tố làm suy yếu khả năng ngăn chặn âm mưu "diễn biến hoà bình" của các thế lực thù địch, thậm chí đây còn là miếng đất màu mỡ để chúng tạo dựng lực lượng từ bên trong chống phá ta.

Thực tế đã chứng minh, trong bất kỳ tình hình nào, âm mưu và mục tiêu của các thế lực thù địch là không thay đổi. Họ hoạt động để đạt mục đích cuối cùng là xoá bỏ Đảng Cộng sản, chuyển hoá chế độ xã hội chủ nghĩa; chỉ có thủ đoạn của họ là thay đổi. Trong tình hình mới, phương pháp hoạt động của họ vẫn là tiếp tục đẩy mạnh "diễn biến hoà bình" kết hợp với bạo loạn lật đổ và đe dọa tấn công quân sự âm mưu của các thế lực thù địch rất thâm độc, tham vọng rất lớn, nhưng họ có thực hiện được hay không còn tùy thuộc vào phía chúng ta. Không phải họ muốn làm gì cũng được. Điều cơ bản là chúng ta tuyệt nhiên không được chủ quan, mất cảnh giác. Hiện nay, đất nước ta đang tiến hành công cuộc đổi mới, phát triển kinh tế thị trường, mở cửa hội nhập quốc tế, thực hiện đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, từng bước đi lên chủ nghĩa xã hội. Bên cạnh mặt thuận lợi và thời cơ, chúng ta cũng đang đứng trước không ít khó khăn, thách thức. Môi trường xã hội, bối cảnh trong nước và quốc tế đan xen nhau những yếu tố thuận lợi và khó khăn rất phức tạp.

Chúng ta phải xử lý nhiều mối quan hệ tưởng chừng như mâu thuẫn, nghịch lý. Cuộc đấu tranh tư tưởng sẽ còn quyết liệt, lâu dài.

Các thế lực thù địch sẽ rút kinh nghiệm những việc làm vừa qua để hoàn thiện chiến lược, sách lược chống chúng ta. Họ đã từng xác định: đối với Việt Nam thì "đánh" từ ngoài vào không thể thành công mà để cho "cộng sản tự tan rã" mới là thượng sách; và chắc chắn họ sẽ có nhiều âm mưu xảo quyệt hơn, tinh vi hơn. Họ sẽ tìm một cách làm chuyển hoá nội bộ, mà trước hết là chuyển hoá về tư tưởng chính trị và phương hướng phát triển, thúc đẩy quá trình "tự diễn biến", làm "xanh hoá cái đầu đỏ", như cách nói của họ. Họ sẽ tiếp tục sử dụng ngón đòn "dân chủ", "nhân quyền", để tấn công và ép buộc ta; lợi dụng đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng và những thiếu sót, sai lầm của chúng ta để bôi nhọ Đảng, Nhà nước ta; kích động các phần tử cực đoan chống đối chia rẽ Đảng, Nhà nước với nhân dân. Họ sẽ quan tâm nhiều hơn đến thanh niên, học sinh, sinh viên, văn nghệ sĩ, nhà báo và cán bộ, công nhân, viên chức để tập hợp, lôi kéo và tuyên truyền những quan điểm chống phá ta; sẽ lợi dụng những yếu kém về quản lý kinh tế - xã hội, nhất là sự bất bình của nhân dân ở một số "điểm nóng".

Vì vậy, chúng ta cần nhận rõ âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch, làm tốt hơn nữa công tác đấu tranh tư tưởng trong tình hình hiện nay với mục tiêu chung là: kiên định chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; kế thừa, phát huy truyền thống và bản sắc văn hoá dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hoá của thế giới; bảo vệ lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; bảo vệ sự lãnh đạo của Đảng, bảo vệ Nhà nước, bảo vệ chế độ, bảo vệ mọi thành quả của cách mạng; kiên quyết đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu phá hoại của các thế lực thù địch trong lĩnh vực tư tưởng - văn hoá, bài trừ các tư tưởng phản động và các nọc độc văn hoá đồi trụy.

Muốn thế, cần:

+ Hiểu rõ mối quan hệ giữa nhân tố chủ quan với tác động khách quan, nhân tố bên trong và tác động bên ngoài. Phép biện chứng của sự phát triển đã khẳng định: điều kiện chủ quan, nhân tố bên trong là quyết định nhất. Sự vững mạnh của yếu tố bên trong của Đảng, Nhà nước, nhân dân, của toàn bộ hệ thống chính trị là nhân tố quyết định; nội bộ chúng ta vững mạnh thì sẽ làm thất bại mọi âm mưu và hành động phá hoại từ bên ngoài. Tiếp tục mở rộng quan hệ đối ngoại; không phải vì đấu tranh chống "diễn biến hoà bình" mà đóng cửa, tự cô lập mình. Nhưng trong quan hệ đối ngoại phải thực hiện tốt phương châm vừa hợp tác vừa đấu tranh.

+ Nhận thức sâu sắc đấu tranh chống "diễn biến hoà bình" trên lĩnh vực tư tưởng - văn hoá là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta; của các ngành, các cấp dưới sự lãnh đạo của Đảng. Phải có tính đồng bộ của các giải pháp, có sự phối hợp chặt chẽ giữa các ngành, các cấp, các địa phương để đề ra các biện pháp cho phù hợp và triển khai có hiệu quả. Hoạt động của đối phương thường nhằm vào các mặt yếu của cán bộ và nhân dân như: đời sống, dân trí chưa đồng đều, chủ nghĩa cá nhân, cục bộ địa phương, kỷ cương lỏng lẻo, phân tán. Vì vậy, giải pháp về tư tưởng - văn hoá phải đi đôi với giải pháp về kinh tế, xã hội như phải kiên quyết đẩy lùi được tham nhũng, các tệ nạn xã hội để các thế lực thù địch không thề lợi dụng khoét sâu vào nội bộ.

+ Tinh táo phân tích khách quan, khoa học, đi vào bản chất các sự việc, không dừng lại ở những suy tư đơn giản, phiến diện. Có sự phân biệt các đối tượng và các tình huống cụ thể, không nên giản đơn quy chụp hoặc "vơ đũa cả nắm". Phân biệt những kẻ chủ mưu, đầu sỏ với những người mơ hồ, a dua; phân biệt những người tâm huyết muốn thảo luận một cách xây dựng với những người có tình chống đối. Phân biệt giữa giao lưu chính trị hữu nghị với những hoạt động phá hoại, bạo loạn lật đổ. Phân biệt giao lưu văn hoá bình thường với hoạt động xâm nhập văn hoá phẩm phản động, đòi trụ. Phân biệt giao lưu kinh tế hữu nghị, các hoạt động đầu

tư kinh doanh bình thường với các hoạt động kinh tế có ý đồ chính trị, kèm theo điều kiện chính trị.

+ Tất cả các cấp uỷ và tổ chức đảng, các cơ quan nhà nước, đoàn thể cần nhận thức đúng tình hình, thấy rõ nguy cơ cũng như âm mưu, thủ đoạn của các lực lượng thù địch, giáo dục cho cán bộ, đảng viên và nhân dân nâng cao cảnh giác, sẵn sàng đập tan mọi âm mưu, thủ đoạn của kẻ địch. Tuyên truyền, giáo dục theo chiều sâu, làm rõ âm mưu, thủ đoạn, mục đích của các thế lực thù địch, giúp cho cán bộ, đảng viên và nhân dân hiểu rõ bản chất không hề thay đổi của chủ nghĩa đế quốc, nâng cao nhận thức tư tưởng và giác ngộ lòng yêu nước xã hội chủ nghĩa, nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng, làm thất bại mọi âm mưu và hoạt động chống phá chúng ta từ mọi phía. Ở đây, công tác tuyên truyền miệng, thông báo nội bộ có ý nghĩa cực kỳ quan trọng. Các cấp uỷ và tổ chức đảng cần hết sức quan tâm công tác này, không vì có phương tiện thông tin đại chúng công khai mà coi nhẹ công tác báo cáo viên, tuyên truyền miệng.

+ Đẩy mạnh công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn để làm cho toàn Đảng hiểu rõ, kiên trì, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác -Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, làm rõ hơn nữa con đường phát triển xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, đủ sức giải đáp những vấn đề mới đặt ra cho cuộc sống. Cần nâng cao tính chiến đấu, tính thuyết phục trong hoạt động lý luận, đấu tranh kịp thời với các luận điểm phản tuyên truyền của các thế lực thù địch. Các cơ quan nghiên cứu lý luận, các trường đảng, trường chính trị, các trung tâm công tác tư tưởng phải thường xuyên chú ý nhiệm vụ này, đưa nội dung đấu tranh tư tưởng vào chương trình, nội dung các bài giảng.

+ Làm tốt hơn nữa cuộc vận động xây dựng và chỉnh đốn Đảng theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), làm cho Đảng ngày càng trong sạch, vững mạnh, tăng cường sự thống nhất trong Đảng, nâng cao tính chiến đấu của Đảng, đẩy lùi

bốn nguy cơ, trong đó có nguy cơ "diễn biến hoà bình". Đồng thời tiếp tục thực hiện có kết quả các nghị quyết của Trung ương về xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Đặc biệt chú trọng đấu tranh bài trừ các nọc độc văn hoá phản động, những biểu hiện lai căng, lối sống đồi bại, buông thả, nhất là trong lớp trẻ.

+ Tổ chức tốt công tác tuyên truyền, giáo dục, định hướng tư tưởng cho cán bộ, đảng viên và nhân dân theo đường lối, quan điểm của Đảng. Các cơ quan thông tin đại chúng có chương trình đấu tranh, vạch trần các luận điệu tuyên truyền phản động của các lực lượng thù địch. Đẩy mạnh các hoạt động thông tin đối ngoại, tìm cách đưa được nhiều ấn phẩm, băng hình, tiếng nói và hình ảnh tốt của ta ra nước ngoài, tranh thủ tiếp xúc giới thiệu đất nước, chính sách của Đảng và Nhà nước ta với người nước ngoài để họ hiểu rõ, hiểu đúng bản chất của xã hội ta. Tổ chức thông tin, giao lưu ít hơn với hơn hai triệu đồng bào ta định cư ở nước ngoài.

+ Thực hiện tốt chính sách đại đoàn kết, chính sách tôn giáo và chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước nhằm tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc, đồng thời đánh bại mọi âm mưu lợi dụng tôn giáo, dân tộc để phá hoại công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc ta. Làm tốt công tác vận động các tầng lớp nhân dân, đặc biệt là đối với các tôn giáo, các dân tộc. Trong cuộc đấu tranh chống âm mưu "diễn biến hoà bình", vai trò của nhân dân là nhân tố quyết định. Phải phát huy vai trò và đổi mới phương thức hoạt động các tổ chức quần chúng, xây dựng lực lượng nòng cốt, động viên và tổ chức nhân dân tham gia tích cực cuộc đấu tranh này. Đối với những người có quan điểm cơ hội, sai trái, các cấp uỷ, các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể nhân dân cần làm tốt công tác giáo dục, quản lý, giám sát, vận động, lôi kéo, thuyết phục.

+ Chân chỉnh trật tự kỷ cương, xây dựng và hoàn thiện các cơ chế tổ chức phối hợp trên lĩnh vực tư tưởng, văn hoá văn nghệ, giáo dục, khoa học, thể dục thể thao,

thông tin tuyên truyền; tăng cường quản lý nhà nước trong các lĩnh vực này, nhất là trên các lĩnh vực báo chí, xuất bản, phát thanh, truyền hình; ngăn chặn mọi ý đồ muốn đưa quan điểm, tư tưởng, lối sống tư sản vào ta để hòng từng bước làm chuyển hoá ta về chính trị. Tìm cách nhập những sản phẩm văn hoá có giá trị cao, đồng thời ngăn chặn không để báo chí, phim ảnh và các sản phẩm văn hoá phản động, bạo lực, đồi trụy tràn vào nước ta.

Chỉ đạo, hướng dẫn và quản lý chặt chẽ hoạt động của các câu lạc bộ, các hội thảo theo đúng quy định của Nhà nước. Đề phòng khuynh hướng lợi dụng các cuộc hội thảo, biến nó thành diễn đàn để truyền bá các quan điểm sai trái. Khuyến khích tranh luận tự do, nhưng không để các thế lực thù địch lợi dụng làm cho xã hội phân tâm. Thực hiện nghiêm quy chế giữ bí mật của Đảng và Nhà nước, đặc biệt ở những cơ quan tham mưu, cơ quan nghiên cứu, tư vấn, soạn thảo chính sách vĩ mô của Đảng, Nhà nước.

Đảng ta đã có nhiều kinh nghiệm, từng trải trong đấu tranh cách mạng. Nhân dân ta rất kiên cường, đã trải qua nhiều thử thách. Chúng ta có đủ quyết tâm và lực lượng để đánh bại mọi âm mưu và hành động trong cuộc chiến tranh không có tiếng súng này.

**ĐẨY MẠNH VIỆC NGHIÊN CỨU, HỌC TẬP
VÀ LÀM THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH***

Toàn Đảng, toàn dân ta đang triển khai thực hiện Chỉ thị số 23-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khoá IX) về đẩy mạnh việc nghiên cứu, tuyên truyền, giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh. Đây là việc làm hết sức có ý nghĩa không chỉ nhân dịp kỷ niệm 113 năm ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh mà mãi mãi về sau.

Cứ mỗi lần nhắc đến Chủ tịch Hồ Chí Minh, chúng ta lại không khỏi bồi hồi xúc động thương nhớ Bác, càng thấm thía và biết ơn công lao trời biển của Bác - Người anh hùng giải phóng dân tộc; Danh nhân văn hóa thế giới; Người chiến sĩ cộng sản quốc tế kiên cường; Người sáng lập, lãnh đạo và rèn luyện Đảng ta, Nhà nước ta; Người tượng trưng cho tinh hoa trí tuệ và khí phách Việt Nam; Người làm rạng danh non sông nước Việt.

Sinh ra trong một gia đình nhà nho yêu nước, thanh bạch, từng chịu nhiều vất vả, gian truân; sống gần gũi giữa nhân dân lao động ở một vùng đất giàu truyền thống văn hóa và anh hùng; vốn là một người thông minh, lại được gia đình chăm sóc chu đáo, Bác Hồ đã sớm tiếp thu và rèn đức cho mình tính cần cù, chịu khó, đức hy sinh và lòng nhân ái, căm ghét mọi sự áp bức bóc lột, có ý thức tìm tòi, học hỏi cái mới và có chí lớn cứu dân, cứu nước.

Lớn lên trong thời kỳ nóng bỏng tiếng súng chống ngoại xâm cũng như các phong trào yêu nước sôi nổi từ Bắc chí Nam với những ngọn cờ tiêu biểu như Phan Đình Phùng, Hoàng Hoa Thám, Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh, Trương Công Định...; đặc biệt được tắm mình trong không khí sôi động của các cuộc vận động Đông Du, Duy Tân, của phong trào chống thuế ở Trung Kỳ những năm 1905 - 1908, Bác Hồ đã sớm nhận ra sức mạnh của nhân dân, cũng như sự bế tắc về đường lối của các cuộc vận động yêu nước.

Vào một ngày hè tháng 6-1911, người thanh niên Nguyễn Tất Thành quyết chí ra đi tìm đường cứu nước. Hành trang của Người là những tri thức của tinh hoa văn hóa Việt Nam cùng trái tim yêu nước cháy bỏng, thương dân sâu sắc. Trên con

đường bôn ba khắp năm châu bốn biển, vừa lao động, vừa học tập, quan sát, nghiên cứu lý luận và kinh nghiệm các cuộc cách mạng trên thế giới, tham gia hoạt động trong Đảng Xã hội Pháp, sau đó gia nhập Đảng Cộng sản Pháp. Người đã từng bước rút ra nhiều bài học quý báu và bổ ích cho sự lựa chọn con đường cách mạng của dân tộc, cũng là con đường đi của bản thân mình. Tháng 12-1920, Người trở thành một trong những người sáng lập Đảng Cộng sản Pháp, người cộng sản đầu tiên của Việt Nam.

Cuộc hành trình vạn dặm ấy cũng đã giúp Người tìm ra cội nguồn những khổ đau của nhân loại là ở sự áp bức bóc lột của các nước tư bản, đế quốc, và đã hình thành ý thức giai cấp rõ rệt. Người đến với chủ nghĩa Mác - Lênin một cách tự nhiên, như một tất yếu lịch sử, nên khi đọc *Luận cương của Lênin về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa*. Nguyễn Ái Quốc đã tìm thấy những vấn đề cơ bản của đường lối giải phóng dân tộc gắn liền với giải phóng giai cấp; độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; giai cấp vô sản phải nắm lấy ngọn cờ dân tộc, gắn cách mạng dân tộc từng nước với phong trào cách mạng vô sản thế giới... để tiến lên.

Tháng 12-1924, thực hiện chỉ thị của Quốc tế Cộng sản, Nguyễn Ái Quốc về Quảng Châu (Trung Quốc) trực tiếp chỉ đạo việc chuẩn bị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Tại đây, Người đã truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin về nước, tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cốt cán, tiếp tục chuẩn bị về mặt tư tưởng và tổ chức cho việc thành lập Đảng. Tài liệu tuyên truyền của Nguyễn Ái Quốc được giai cấp công nhân và nhân dân Việt Nam đón nhận như *người đi đường đang khát mà có nước uống, đang đói mà có cơm ăn* có sức lôi cuốn những người yêu nước Việt Nam đi theo con đường cách mạng vô sản, làm dấy lên cao trào đấu tranh mạnh mẽ, sôi nổi khắp cả nước. Phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân và nhiều tầng lớp nhân dân phát triển mạnh mẽ. Mùa xuân năm 1930, dưới sự chủ trì của Nguyễn Ái Quốc, các tổ chức cộng sản ở Việt Nam khi đó (Đông Dương Cộng

sản Đảng, An Nam Cộng sản Đảng và Đông Dương Cộng sản Liên đoàn) đã hợp nhất thành một Đảng thống nhất lấy tên là Đảng Cộng sản Việt Nam. Hội nghị đã thảo luận và thông qua *Chánh cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, Chương trình tóm tắt và Điều lệ vắn tắt* của Đảng do chính Nguyễn Ái Quốc khởi thảo. Các văn kiện này có ý nghĩa như Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng, là sự vận dụng sáng tạo lý luận Mác - Lênin và kinh nghiệm quốc tế vào điều kiện Việt Nam, là sự gắn kết độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội, sự hoà quyện chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế chân chính, sự phát triển của cách mạng Việt Nam với trào lưu cách mạng thế giới. Đến đây, đường lối cách mạng Việt Nam cơ bản đã được hình thành, con đường cứu nước của Việt Nam cơ bản đã được xác định. Sự đúng đắn ngay từ đầu của tư tưởng Hồ Chí Minh đã được thực tiễn cách mạng khảo nghiệm, khẳng định; và chính trong quá trình vận động của cách mạng, tư tưởng Hồ Chí Minh ngày càng được bổ sung, phát triển và hoàn thiện dần, để cùng với chủ nghĩa Mác - Lênin trở thành ngọn đuốc soi đường cho cách mạng Việt Nam.

Chủ tịch Hồ Chí Minh là nhà hoạt động cách mạng thực tiễn vĩ đại, nhà tổ chức kiệt xuất, đồng thời là nhà lý luận, nhà chiến lược thiên tài của cách mạng Việt Nam. Nét đặc sắc ở Hồ Chí Minh là lý luận nhưng không giáo điều, sách vở, trái lại gắn bó chặt chẽ, nhuần nhuyễn với thực tiễn; lý luận mà không cao xa, cầu kỳ, trái lại rất mộc mạc, dễ hiểu, dễ nhớ, dễ làm, thiết thực. Nói cách khác, Chủ tịch Hồ Chí Minh là một nhà lý luận cách mạng giàu thực tiễn và kinh nghiệm đấu tranh, đồng thời là một nhà thực tiễn giàu lý luận khoa học. Ở Người có sự thực tiễn hoá lý luận và lý luận hoá thực tiễn. Từ Đại hội II của Đảng (năm 1951), Đảng ta đã khẳng định vai trò, ý nghĩa, tác dụng to lớn của tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Đến Đại hội VII của Đảng (năm 1991), Đảng ta đã khẳng định chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng của Đảng, kim chỉ nam cho hành động cách mạng.

Đại hội IX của Đảng (năm 2001) đã trình bày cô đọng và toàn diện những cơ sở hình thành, những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh và khẳng định: *Tư tưởng Hồ Chí Minh soi đường cho cuộc đấu tranh của nhân dân ta giành thắng lợi, là tài sản tinh thần to lớn của Đảng và dân tộc ta.* Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam. Đó là tư tưởng về giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người; về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; về sức mạnh của nhân dân, của khối đại đoàn kết dân tộc; về quyền làm chủ của nhân dân, xây dựng Nhà nước thật sự của dân, do dân, vì dân; về quốc phòng toàn dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; về phát triển kinh tế và văn hóa, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân; về đạo đức cách mạng *cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư*; về chăm lo bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau; về xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, cán bộ, đảng viên vừa là người lãnh đạo, vừa là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân...

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nắm bắt sâu sắc bản chất cách mạng và khoa học, tinh thần biện chứng và nhân đạo của học thuyết Mác - Lênin, vận dụng một cách sáng tạo học thuyết ấy phù hợp với thực tế Việt Nam; đồng thời Người đã kế thừa và phát huy chủ nghĩa yêu nước truyền thống dân tộc và tinh hoa văn hóa nhân loại. Trong khi giải quyết các vấn đề của cách mạng Việt Nam, Người đã góp phần phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin trên nhiều vấn đề quan trọng, đặc biệt là lý luận về cách mạng giải phóng dân tộc và tiến lên chủ nghĩa xã hội ở một nước thuộc địa và phụ thuộc. Tư tưởng của Người đã và đang soi đường cho cuộc đấu tranh của nhân dân ta giành thắng lợi, trở thành giá trị bền vững của dân tộc Việt Nam và lan tỏa ra thế giới.

Chủ tịch Hồ Chí Minh là vĩ nhân đã in đậm dấu ấn vào lịch sử dân tộc và lịch sử nhân loại trong thế kỷ XX. Đạo đức và tư tưởng Hồ Chí Minh sống mãi trong lòng chúng ta, soi đường dẫn dắt cách mạng Việt Nam đi đến mọi thắng lợi. Tư tưởng đó không những có giá trị lớn lao trong thế kỷ XX mà còn toả sáng trong thế kỷ XXI và mãi mãi sau này.

*

* *

Dưới ngọn cờ của tư tưởng Hồ Chí Minh và sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, nhân dân ta đã hoàn thành nhiệm vụ cách mạng dân tộc dân chủ, cả nước bước vào thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội. Công cuộc đổi mới gần 20 năm qua đã đạt được những thành tựu to lớn và rất quan trọng. Thế hệ con cháu của Bác Hồ đã và đang tích cực thực hiện *Di chúc* thiêng liêng của Người là: "*Phấn đấu xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng của thế giới*".

Với thắng lợi của công cuộc đổi mới, đất nước ta đã chuyển sang thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, thế và lực của ta đã khác trước rất nhiều. Tuy nhiên, hiện nay nước ta vẫn là một trong những nước nghèo, trong khi cuộc cách mạng khoa học và công nghệ trên thế giới phát triển với tốc độ thần kỳ; một số nước phát triển đã từ thời đại kinh tế công nghiệp chuyển sang thời đại kinh tế tri thức và xã hội thông tin toàn cầu. Cục diện thế giới đang có những biến đổi nhanh chóng, sâu sắc và phức tạp. Chủ nghĩa xã hội thế giới và phong trào công nhân quốc tế gặp nhiều khó khăn; cuộc đấu tranh giai cấp, đấu tranh dân tộc trên phạm vi thế giới đang tiếp tục diễn ra gay gắt; các thế lực thù địch đang tìm mọi cách tiến công, phá hoại sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta. Bối cảnh đó đang đặt đất nước ta trước những thời cơ vận hội và nguy cơ thách thức mới, đòi hỏi Đảng ta hơn bao giờ hết,

phải thật sự vững vàng về chính trị tư tưởng, thống nhất về ý chí và hành động, trong sạch về đạo đức lối sống, chặt chẽ về tổ chức và cán bộ.

Vì vậy, nhiệm vụ quan trọng hiện nay là chúng ta phải tiếp tục thực hiện có hiệu quả các Nghị quyết về xây dựng Đảng, đặc biệt là Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khoá VIII và Kết luận của Hội nghị Trung ương 4 (khoá IX), đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, tập trung làm tốt công tác giáo dục, rèn luyện đạo đức cách mạng, kiên quyết đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, tệ tham nhũng, quan liêu lãng phí; phát huy dân chủ, giữ vững kỷ luật, kỷ cương; đổi mới phương thức lãnh đạo; chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ thật sự vững vàng, bảo đảm kế tục trung thành và xuất sắc sự nghiệp vẻ vang của Đảng. Trên cơ sở kiên định, vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, chúng ta cần đẩy mạnh việc nghiên cứu, học tập, quán triệt và phổ biến rộng rãi tư tưởng Hồ Chí Minh, vận dụng sáng tạo vào sự nghiệp đổi mới, xây dựng đất nước.

Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, chúng ta quyết tâm phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, triển khai có hiệu quả các Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế. Nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng, chủ động đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch, bảo vệ vững chắc độc lập dân tộc và chế độ xã hội chủ nghĩa. Kết hợp chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế trong sáng, tăng cường tình đoàn kết quốc tế vì hoà bình, ổn định và phát triển. Khẳng định những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và sự vận dụng sáng tạo của Đảng ta. Đấu tranh có hiệu quả chống các luận điệu thù địch, bác bỏ những quan điểm sai trái xuyên tạc chủ nghĩa Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, bảo vệ lý tưởng, mục tiêu cách mạng và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Từ sau Đại hội VII của Đảng đến nay, công tác nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh đã đạt được nhiều kết quả quan trọng; hoạt động tuyên truyền, giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh có những cố gắng, nhờ đó đã góp phần động viên các tầng lớp nhân dân sống, chiến đấu, lao động và học tập theo gương Bác Hồ vĩ đại. Tuy vậy, việc tuyên truyền, giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh còn chưa có chiều sâu và kết quả còn hạn chế. Nội dung giáo dục chưa thống nhất. Hình thức và phương pháp tuyên truyền thiếu sinh động; chưa gắn việc học tập tư tưởng Hồ Chí Minh với giải quyết những vấn đề cụ thể của cuộc sống; chưa tạo được phong trào học tập và làm theo tư tưởng Hồ Chí Minh sâu rộng. Việc đấu tranh bảo vệ tư tưởng Hồ Chí Minh chưa thật chủ động, kịp thời và sắc bén...

Theo tinh thần Chỉ thị của Ban Bí thư, việc tổ chức nghiên cứu, học tập tư tưởng Hồ Chí Minh là một nhiệm vụ rất quan trọng của công tác tư tưởng hiện nay, cần được thực hiện một cách nghiêm túc, có chất lượng, hiệu quả. Học tập tư tưởng Hồ Chí Minh là học tập những nội dung cơ bản, tinh thần cốt lõi trong tư tưởng Hồ Chí Minh, cả trên vấn đề chung chiến lược và trên những lĩnh vực cụ thể; cả về nội dung quan điểm và phương pháp tư tưởng, phương pháp tư duy. Đặc biệt là phải nắm vững, thấu triệt những quan điểm về mục tiêu, lý tưởng cách mạng, những nhiệm vụ, con đường đi lên của nước ta. Kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, ý chí sắt đá "không có gì quý hơn độc lập, tự do", chỉ có chủ nghĩa xã hội mới giải phóng được các dân tộc khỏi mọi ách áp bức, bóc lột. Dù khó khăn gian khổ đến đâu chúng ta cũng phải xây dựng cho bằng được một nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội trước hết phải có những con người xã hội chủ nghĩa. Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trên cơ sở liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Phải thường xuyên xây dựng, đổi mới, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị,

giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, vững mạnh, gắn bó mật thiết với nhân dân. Nêu cao tinh thần độc lập tự chủ, ý chí tự lực tự cường, đồng thời mở rộng sự đoàn kết, hợp tác quốc tế. Học tập tư tưởng Hồ Chí Minh còn bao gồm một nội dung rất quan trọng là học tập, rèn luyện đạo đức cách mạng, lối sống và phong cách Hồ Chí Minh.

Việc nghiên cứu, học tập tư tưởng Hồ Chí Minh phải tạo được sự chuyển biến mạnh mẽ, tự giác từ mỗi người, mỗi cấp, mỗi ngành, khơi dậy phong trào hành động cách mạng thực hiện các nhiệm vụ chính trị, đồng thời không ngừng rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng theo gương Bác Hồ vĩ đại đẩy lùi những biểu hiện thoái hoá về đạo đức, lối sống. Mỗi cán bộ, đảng viên phải thực sự vì Đảng, vì dân, xứng đáng với niềm tin cậy và sự yêu mến của nhân dân. Việc nghiên cứu, học tập tư tưởng Hồ Chí Minh phải là một đợt sinh hoạt chính trị rộng lớn trong toàn Đảng, toàn dân, đồng thời là công việc tự giác, thường xuyên hằng ngày, gắn với phong trào thi đua thực hiện *Di chúc* của Bác; thực hiện đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, tạo sự chuyển biến rõ rệt trong việc giải quyết các công việc cụ thể, thiết thực, thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển, đấu tranh chống các tệ quan liêu, tham nhũng, các tệ nạn xã hội. Hằng năm tiến hành sơ kết vào dịp kỷ niệm ngày sinh của Bác. Kịp thời khen thưởng, biểu dương những đơn vị, cá nhân làm tốt, phê bình những nơi làm kém.

Nghiên cứu, học tập và làm theo tư tưởng Hồ Chí Minh là công việc rất quan trọng và cần thiết. Vào thời điểm hiện nay lại càng quan trọng và cần thiết. Nếu mỗi cấp uỷ và tổ chức đảng, mỗi cán bộ, đảng viên thấm nhuần và quán triệt sâu sắc những tư tưởng, quan điểm của Hồ Chí Minh. Thật sự tự giác rèn luyện, tu dưỡng theo những lời dạy của Người, thì nhất định Đảng ta sẽ ngày càng trong sạch, vững mạnh, khắc phục được những nguy cơ của một Đảng cầm quyền, giữ gìn được bản chất và truyền thống tốt đẹp của Đảng, tiếp tục được nhân dân tin yêu, ủng hộ.

Đảng ta sẽ mãi mãi là Đảng Cộng sản, Đảng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Người lãnh đạo sáng suốt và tin cậy của cả dân tộc Việt Nam.

* Bài đăng trên Tạp chí *Cộng sản*, số 19 (7-2003).

CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG Ở ĐẢNG BỘ KHỐI CÁC CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG VỀ CÔNG TÁC TƯ TƯỞNG

Chúng ta đã biết, mô hình tổ chức đảng ở các cơ quan Trung ương, sau nhiều lần thay đổi, ngày 8-11-1982 Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa V) đã ra Quyết định số 12- QĐ/TW thành lập đảng bộ cấp trên của các đảng bộ cơ quan Trung ương theo khối công tác, gọi tắt là Đảng bộ khối trực thuộc Trung ương. Đảng bộ khối cơ quan Trung ương về công tác tư tưởng cũng được thành lập theo quyết định này.

Trải qua 20 năm hoạt động, trong bối cảnh tình hình thế giới và trong nước có nhiều biến động, Đảng bộ khối cơ quan Trung ương về công tác tư tưởng đã khắc phục mọi khó khăn; thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ được giao, theo quy định tại Quyết định số 54-QĐ/TW (ngày 19-11-1992) và Thông tư số 07 (ngày 20-7-1994) của Ban Bí thư Trung ương; và ngày càng trưởng thành về nhiều mặt.

Với gần 5.500 đảng viên thuộc 22 đảng bộ, chi bộ hoạt động trên các lĩnh vực nghiên cứu lý luận thông tin đại chúng, văn hóa văn nghệ và chỉ đạo công tác tư tưởng - văn hóa. Đảng bộ khối các cơ quan Trung ương về công tác tư tưởng đã có

những đóng góp quan trọng trong việc tham mưu cho Đảng và Nhà nước hoạch định các chủ trương, chính sách về lĩnh vực tư tưởng, văn hoá trong công tác xây dựng Đảng, bảo đảm thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị và góp phần tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng trong sự nghiệp cách mạng, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Cán bộ, đảng viên trong các đảng bộ thuộc *khối nghiên cứu lý luận* đã khẳng định được vị trí của mình trong sự nghiệp nghiên cứu, giảng dạy, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ trong hệ thống chính trị, đặc biệt là đội ngũ cán bộ chủ chốt. Tham gia xây dựng các văn kiện Đại hội Đảng, tham mưu cho Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư ban hành các nghị quyết, chỉ thị liên quan đến công tác tư tưởng, lý luận, văn hóa, văn nghệ, thông tin đại chúng. Những kết quả trong công tác nghiên cứu lý luận gắn với tổng kết thực tiễn đã cung cấp nhiều luận cứ khoa học cho việc xây dựng, bổ sung và phát triển đường lối đổi mới của Đảng, lý giải một số vấn đề cấp bách do đời sống thực tiễn đặt ra.

Khối thông tin đại chúng đã đổi mới mạnh mẽ công tác thông tin, tuyên truyền, cả về nội dung và hình thức, cả về quy mô, số lượng và chất lượng, thông tin đa dạng, nhiều chiều và có định hướng, ngày càng đóng vai trò quan trọng trong đời sống xã hội, thể hiện tinh thần dân chủ của chế độ ta. Các cán bộ, đảng viên trong các đảng bộ thuộc *khối thông tin đại chúng* đã bám sát nhiệm vụ chính trị, kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng, kịp thời tuyên truyền, giải thích, đưa đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước vào cuộc sống. Đồng thời phát hiện, biểu dương kịp thời những nhân tố mới, điển hình tiên tiến trong lao động xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; phê phán, đấu tranh với các hiện tượng quan liêu, tham nhũng, tiêu cực; tham gia tổng kết thực tiễn; phản ánh tâm tư, nhu cầu, nguyện vọng của nhân dân, thực sự trở thành diễn đàn của nhân dân. Các đảng bộ, chi bộ cơ quan thuộc *khối văn hóa - văn nghệ* luôn giữ vững định hướng đúng đắn trong hoạt động văn hóa nghệ thuật, góp phần sáng tạo được nhiều tác phẩm có giá trị thuộc

các loại hình nghệ thuật, đổi mới hoạt động của các Hội chuyên ngành. Nhiều loại hình văn hóa nghệ thuật từng bước đi vào hoạt động ổn định và có hướng phát triển. Các văn nghệ sĩ đã tranh thủ mọi điều kiện để sáng tác phấn đấu tự đổi mới, nắm bắt và lý giải những vấn đề nảy sinh từ cuộc sống để tạo ra những tác phẩm có giá trị, phản ánh cuộc sống một cách sinh động.

Cùng với việc lãnh đạo phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ chính trị, các đảng bộ, chi bộ trong khối cũng đã có nhiều cố gắng và đạt được những kết quả tích cực trong công tác xây dựng Đảng, xây dựng tổ chức và rèn luyện, quản lý cán bộ, đảng viên. Một số đơn vị đã được Đảng và Nhà nước tuyên dương là đơn vị anh hùng trong thời kỳ đổi mới và đón nhận Huân chương Sao Vàng. Nhiều đơn vị trong khối được nhận các phần thưởng cao quý khác của Đảng và Nhà nước. Những kinh nghiệm lãnh đạo và hoạt động được đúc kết từ 20 năm phát triển và trưởng thành của Đảng bộ chắc chắn sẽ đóng góp thiết thực vào kinh nghiệm chung của Đảng. Nhiệm vụ công tác tư tưởng văn hóa của Đảng ta, nhân dân ta trong thời gian tới còn rất nặng nề. Tình hình thế giới sẽ có những diễn biến nhanh và phức tạp.

Nhiệm vụ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, bên cạnh mặt thuận lợi cũng có không ít khó khăn và đang đặt ra nhiều vấn đề mới. Một mặt chúng ta phải lãnh đạo thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị, làm tốt công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, tuyên truyền, giáo dục tư tưởng chính trị, tạo ra sự đồng thuận trong nhân dân. trong xã hội; mặt khác phải làm tốt công tác xây dựng Đảng, xây dựng đội ngũ những người làm công tác tư tưởng văn hóa trong điều kiện mới.

Về thực hiện nhiệm vụ chính trị, chúng ta phải triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội IX, các nghị quyết của Ban chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, các chủ trương chính sách, pháp luật của Nhà nước. Về công tác tư tưởng - văn hóa, chúng ta có Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; Nghị quyết Trung ương 5

(khóa IX) về nhiệm vụ chủ yếu của công tác tư tưởng, lý luận và một số kết luận của Trung ương và Bộ Chính trị. Các cấp ủy đảng cần có kế hoạch chỉ đạo học tập lý luận Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đẩy mạnh công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, tiếp tục góp phần làm sáng tỏ hơn lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Công tác tư tưởng, lý luận phải góp phần giải quyết những vấn đề kinh tế - xã hội bức xúc, chống chủ nghĩa cá nhân, tư tưởng cơ hội, thực dụng, chần ã suy thoái về đạo đức, lối sống. Chủ động tiến công, triển khai có hiệu quả cuộc đấu tranh trên mặt trận tư tưởng, lý luận, làm thất bại chiến lược "diễn biến hòa bình", âm mưu bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch.

Không ngừng đổi mới nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác tuyên truyền, cổ động. báo chí xuất bản, văn hóa, văn nghệ, thông tin đối ngoại, giáo dục lý luận chính trị. tạo sự thống nhất cao trong Đảng và sự đồng thuận trong nhân dân.

Riêng về công tác xây dựng Đảng, cần tiếp tục phát huy thành tích đạt được trong 20 năm qua, thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

Một là, xây dựng Đảng vững mạnh về chính trị tư tưởng. Đây là một nhiệm vụ đặc biệt quan trọng trong công tác xây dựng Đảng trong khối các cơ quan làm công tác tư tưởng. Các cấp ủy đảng cần thường xuyên giáo dục cho cán bộ, đảng viên về mục tiêu lý tưởng của Đảng, kiên định con đường xã hội chủ nghĩa, độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Nhận thức đầy đủ những thuận lợi, khó khăn đan xen, những ưu điểm, khuyết điểm, ra sức phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ chính trị được giao. Những người làm công tác tư tưởng trước hết và hơn ai hết, phải rất vững vàng về chính trị có bản lĩnh chính trị, sắc sảo, nhạy bén về chính trị; những người làm công tác văn hóa cần thấm nhuần sâu sắc những giá trị nhân văn và có lối sống có văn hóa.

Hai là, xây dựng Đảng về tổ chức cán bộ, chúng ta đang triển khai thực hiện các Kết luận của Hội nghị Trung ương 4 (khóa IX); tiếp tục đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, giáo dục, rèn luyện, quản lý cán bộ, đảng viên, giữ gìn phẩm chất cách mạng, đạo đức lối sống. Chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu, cơ hội, thực dụng. Thực hiện Quy định của Bộ Chính trị về những điều đảng viên không được làm. Cải tiến sinh hoạt chi bộ, đổi mới phương thức lãnh đạo, phong cách công tác; giữ gìn đoàn kết nội bộ; làm tốt công tác phát triển Đảng, công tác kiểm tra, công tác bảo vệ chính trị nội bộ,...

Đảng bộ khối cơ quan Trung ương về công tác tư tưởng cần góp phần tích cực vào việc triển khai thực hiện có hiệu quả đồng thời đóng góp cho Trung ương những kinh nghiệm về công tác xây dựng Đảng, công tác tổ chức cán bộ trong thời kỳ mới.

Công tác tư tưởng - văn hóa trong thời gian qua đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng. Các cấp ủy và tổ chức đảng, các chi bộ và đảng viên hoạt động trên lĩnh vực tư tưởng văn hóa với ý chí và quyết tâm, với tinh thần trách nhiệm trước Đảng, trước nhân dân, đã thu được nhiều kết quả Đảng bộ khối cơ quan Trung ương về công tác tư tưởng đã thể hiện được vai trò lãnh đạo của mình. Chắc chắn rằng, trong thời gian tới Đảng bộ sẽ phát huy những kết quả và kinh nghiệm đã có, vượt qua mọi khó khăn, thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội IX của Đảng, hoàn thành xuất sắc một nhiệm vụ mà Đảng và nhân dân giao phó.

* Bài đăng trên Báo *Nhân dân*, số ra ngày 6-11-2002.

ĐỔI MỚI, NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG LÝ LUẬN TRUNG ƯƠNG*

Tổng kết kinh nghiệm 15 năm đổi mới đất nước, Đại hội IX của Đảng ta đã khẳng định: "Đường lối đúng đắn của Đảng là nhân tố quyết định thành công của sự nghiệp đổi mới. Đảng khởi xướng và lãnh đạo công cuộc đổi mới, tổng kết thực tiễn và nghiên cứu lý luận, hoàn thiện đường lối đổi mới"¹. "Đứng trước những khó khăn, thách thức, những biến động phức tạp của tình hình thế giới và khu vực, Đảng ta luôn kiên định xây dựng và thực hiện các chủ trương, chính sách đổi mới đúng đắn, phát huy những truyền thống quý báu của dân tộc và những thành tựu cách mạng đã đạt được, giữ vững độc lập dân tộc, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội"².

Công tác lý luận của chúng ta đã có vinh dự tham gia đóng góp vào xây dựng cơ sở khoa học cho việc hoạch định các chủ trương, đường lối, chính sách đó.

Tuy nhiên, Đại hội IX của Đảng cũng nhận định: "*Công tác tư tưởng, công tác lý luận... có nhiều yếu kém bất cập... Công tác lý luận chưa theo kịp sự phát triển của thực tiễn và yêu cầu của cách mạng, chưa làm sáng tỏ nhiều vấn đề quan trọng trong công cuộc đổi mới để phục vụ việc hoạch định chiến lược, chủ trương, chính sách của Đảng tăng cường sự nhất trí về chính trị tư tưởng trong xã hội*"³.

Từ đó Đại hội xác định phương hướng hoạt động của công tác lý luận, của khoa học xã hội và nhân văn trong thời gian tới là phải "*hướng vào việc giải đáp các vấn đề lý luận và thực tiễn, dự báo các xu thế phát triển, cung cấp luận cứ khoa học cho việc hoạch định đường lối, chủ trương, chính sách...*"⁴; "*Đẩy mạnh tổng kết*

thực tiễn và nghiên cứu lý luận, thảo luận dân chủ, sớm làm rõ và kết luận những vấn đề mới, bức xúc nảy sinh từ thực tiễn: từng bước cụ thể hoá, bổ sung, phát triển đường lối chính sách của Đảng; đấu tranh với những khuynh hướng tư tưởng sai trái"⁵.

Đó là những nhiệm vụ hết sức quan trọng, cao cả, nhưng cũng cực kỳ phức tạp, khó khăn, được Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương khoá IX đặc biệt coi trọng. Bộ Chính trị đã một vài lần trao đổi cho ý kiến chỉ đạo; và đã chuẩn bị đề án trình Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương ra Nghị quyết về nhiệm vụ của công tác tư tưởng, lý luận.

Ngày 10-11-2001, Bộ Chính trị đã có Quyết định số 13-QĐ/TW về việc thành lập Hội đồng Lý luận Trung ương gắn với nhiệm kỳ của Ban Chấp hành Trung ương khoá IX, chỉ định bộ phận Thường trực Hội đồng Lý luận Trung ương; và ngày 22-1-2002 Ban Bí thư đã có Quyết định số 24-QĐ/TW về thành viên Hội đồng Lý luận Trung ương, đồng thời ban hành Quy chế làm việc của Hội đồng.

Ngay sau khi Bộ Chính trị ra quyết định về việc thành lập Hội đồng Lý luận Trung ương, được sự giúp đỡ nhiệt tình của Ban Tổ chức Trung ương, Văn phòng Trung ương Đảng, Ban Tài chính - Quản trị Trung ương và một số cơ quan khác, Thường trực Hội đồng đã khẩn trương triển khai một số công việc: chuẩn bị dự thảo các quy chế làm việc của Hội đồng, của Ban Thư ký và của Văn phòng Hội đồng; chuẩn bị tổ chức bộ máy, trụ sở làm việc; xây dựng chương trình công tác 5 năm 2001- 2005, Chương trình công tác năm 2012. Thường trực Hội đồng cũng đã xây dựng dự thảo Báo cáo: "Đẩy mạnh công tác lý luận, một nhiệm vụ quan trọng, bức thiết hiện nay" trình Hội đồng thảo luận, nhằm phục vụ Hội nghị Trung ương 5 (khoá IX).

Theo Quyết định của Bộ Chính trị và Quy chế làm việc do Ban Bí thư ban hành, Hội đồng Lý luận Trung ương nhiệm kỳ này *có chức năng nhiệm vụ:*

- Là cơ quan tư vấn cho Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về những vấn đề lý luận chính trị làm cơ sở cho việc hoạch định đường lối, chính sách của Đảng, về những chương trình, đề tài cấp Nhà nước về lý luận chính trị cơ bản, phục vụ trực tiếp công tác lãnh đạo của Đảng.
- Thẩm định những vấn đề mà các ngành, các cấp trình Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng Lý luận Trung ương.
- Nghiên cứu, đề xuất những luận cứ về lý luận đấu tranh bác bỏ những quan điểm sai trái với đường lối, quan điểm của Đảng.
- Phối hợp với các cơ quan chức năng tổ chức triển khai và nghiệm thu các chương trình và đề tài nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước về lý luận chính trị.
- Giữ mối quan hệ với các cơ quan nghiên cứu lý luận của các Đảng Cộng sản và đảng cầm quyền trên thế giới.

Tổ chức của Hội đồng Lý luận Trung ương bao gồm: Thường trực Hội đồng do Bộ Chính trị quyết định theo nhiệm kỳ Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng và các thành viên của Hội đồng do Ban Bí thư quyết định. Trong thành phần của Hội đồng có các đồng chí cũ, có các đồng chí mới, bảo đảm tính liên tục, kế thừa và phát triển; có đồng chí hoạt động nghiên cứu ở các viện, các trường, có đồng chí hoạt động thực tiễn ở các ban, bộ, ngành và một số địa phương, bảo đảm có sự nghiên cứu, tham mưu tương đối toàn diện, đồng thời gắn được lý luận với thực tiễn.

Hội đồng có năm tiểu ban: Tiểu ban Chính trị, Tiểu ban Kinh tế, Tiểu ban Văn hoá - Xã hội, Tiểu ban Xây dựng Đảng và Hệ thống chính trị, Tiểu ban Quốc phòng - An ninh - Đối ngoại. Mỗi Tiểu ban có một Trưởng Tiểu ban do Thường trực Hội đồng quyết định. Mỗi thành viên Hội đồng tham gia một Tiểu ban.

Hội đồng có một số cộng tác viên khoa học và có một Ban Thư ký giúp việc, trong đó có một số thư ký chuyên trách Hội đồng có địa điểm làm việc, có con dấu và kinh phí hoạt động; có văn phòng giúp việc gọn nhẹ.

Hội đồng Lý luận Trung ương được quan hệ và nhận những thông tin cần thiết có liên quan của các ban của Trung ương Đảng, các cấp, các ngành của Đảng và Nhà nước; được huy động lực lượng nghiên cứu khoa học của các chương trình, đề tài nghiên cứu khoa học xã hội cấp Nhà nước; được tranh thủ sự cộng tác của các nhà khoa học để chuẩn bị những nội dung tư vấn cho Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

Được quan hệ với các cơ quan nghiên cứu lý luận của các Đảng Cộng sản và đảng cầm quyền trên thế giới, thu thập thông tin và tham khảo kinh nghiệm.

Về nguyên tắc, chế độ làm việc của Hội đồng, bản Quy chế xác định:

- Hội đồng Lý luận Trung ương làm việc dưới sự chỉ đạo trực tiếp và thường xuyên của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Bộ Chính trị, Ban Bí thư mỗi năm làm việc trực tiếp với Hội đồng Lý luận Trung ương một lần.

- Đối với những vấn đề lý luận chính trị có ý kiến khác nhau, Hội đồng có trách nhiệm báo cáo với Bộ Chính trị, Ban Bí thư, đồng thời nêu rõ ý kiến của Hội đồng. Đối với những đề xuất kiến nghị của các chương trình, đề tài nghiên cứu khoa học xã hội cấp Nhà nước, của các nhà khoa học, các cá nhân gửi đến Hội đồng thì Hội đồng nghiên cứu, đánh giá và báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

- Hội đồng Lý luận Trung ương làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ. Trong nghiên cứu lý luận, hội thảo khoa học, thực hiện tự do tư tưởng, phát huy dân chủ, khuyến khích tranh luận, tìm tòi các giải pháp mới và phát hiện những vấn đề mới có tính quy luật của con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Đối với những đề xuất mới, dù của một người, cần được nghiên cứu chu đáo. Những đề xuất, kiến

ngợi khác với đường lối, quan điểm, chủ trương, chính sách hiện hành của Đảng và Nhà nước được thảo luận, tranh luận trong sinh hoạt nội bộ của Hội đồng và báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư, không truyền bá công khai bên ngoài Hội đồng.

- Thực hiện nghiêm chỉnh những chế độ và quy định của Đảng và Nhà nước về bảo mật và quan hệ với người nước ngoài.

- Hằng năm, Hội đồng phải có báo cáo gửi Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư: về các vấn đề Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư yêu cầu; ý kiến của Hội đồng về những vấn đề do thực tiễn đổi mới của nước ta và những biến động của thế giới đặt ra; báo cáo về các cuộc hội thảo khoa học; báo cáo về các đề xuất, kiến nghị của các chương trình, đề tài; báo cáo về các cuộc khảo sát trong và ngoài nước; báo cáo về những vấn đề lý luận, quan điểm của các đảng, v.v..

Cũng theo Quy chế làm việc thì Hội đồng Lý luận Trung ương được các ban và các cơ quan của Trung ương gửi cho những báo cáo, thông tin, tư liệu có liên quan đến việc nghiên cứu lý luận phục vụ công tác lãnh đạo của Đảng; tạo điều kiện để Hội đồng được cử đại diện dự các hội nghị giao ban phổ biến tình hình cần cho việc nghiên cứu của Hội đồng.

Hội đồng phối hợp với các ban và các cơ quan của Trung ương thảo luận, trao đổi ý kiến về những vấn đề cần thiết để chuẩn bị cho những đề xuất, kiến nghị trình Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư. Khi cần, Hội đồng cung cấp thông tin và mời đại diện các ban, các cơ quan của Trung ương Đảng tham dự các hội nghị, hội thảo khoa học có liên quan.

Hội đồng được quan hệ với các cấp uỷ, các ban lãnh đạo của các tổ chức trong hệ thống chính trị từ Trung ương đến địa phương để trao đổi, thảo luận về các vấn đề

có liên quan đến đường lối, quan điểm của Đảng, đến các chủ trương, chính sách của Nhà nước và được giúp đỡ để tiến hành các khảo sát thực tế cần thiết.

Hội đồng nhận được từ các cơ quan nghiên cứu và quản lý của Nhà nước những tài liệu tham khảo, những kết quả khảo sát thực tế, những số liệu thống kê cần cho việc nghiên cứu của Hội đồng.

Như vậy, so với trước đây, cách tổ chức và hoạt động của Hội đồng Lý luận Trung ương nhiệm kỳ này ta có sự kế thừa, vừa có bước phát triển, đổi mới Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên, chặt chẽ hơn, tạo điều kiện hoạt động rộng rãi, đồng thời đòi hỏi ở Hội đồng nhiều hơn, cao hơn.

Công việc của Hội đồng cần được cải tiến; từng thành viên của Hội đồng nêu cao trách nhiệm, chủ động, năng động, nhất là sắp xếp, dành nhiều thời gian tham gia các hoạt động của Hội đồng. Từng Tiểu ban của Hội đồng chuẩn bị và thảo luận kỹ những vấn đề nước khi đưa ra thảo luận ở Hội đồng. Ban Thư ký của Hội đồng làm việc thường xuyên, có chương trình, kế hoạch và theo một quy chế chặt chẽ. Hội đồng sẽ có những hình thức, phương thức huy động rộng rãi các nhà khoa học, các nhà hoạt động thực tiễn, các cộng tác viên của Hội đồng; cố gắng lắng nghe, phát huy đến mức cao nhất trí tuệ của tập thể, thực hiện dân chủ trong nghiên cứu sáng tạo khoa học.

Hoạt động của các Ban chủ nhiệm chương trình và đề tài nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước cũng cần được đổi mới mạnh mẽ, bám sát phương hướng, yêu cầu nghiên cứu mà Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đề ra là: *Hướng vào giải đáp các vấn đề lý luận và thực tiễn, dự báo các xu thế phát triển, cung cấp luận cứ khoa học cho việc hoạch định đường lối, chủ trương, chính sách. Chú trọng nhiều hơn việc tổng kết thực tiễn, sớm làm rõ là trả lời những vấn đề bức xúc nảy sinh từ thực tiễn; tiếp tục bổ sung, phát triển đường lối chính sách của Đảng; bảo vệ quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; đấu tranh*

với những khuynh hướng tư tưởng và quan điểm sai trái, mỗi chương trình, đề tài cần cố gắng đưa ra những thông tin mới, tư liệu mới, đề xuất mới, bảo đảm chất lượng, tránh trùng lặp, nhắc lại quá nhiều những điều đã biết; đồng thời bảo đảm đúng tiến độ thời gian, kiên quyết khắc phục tình trạng dây dưa, kéo dài.

Nhiệm vụ mà Đảng giao cho Hội đồng Lý luận là hết sức khó khăn, nặng nề. Chúng ta hiểu rằng, công tác lý luận không phải là công việc riêng của Hội đồng Lý luận Trung ương mà là công tác của toàn Đảng, của tất cả các cấp các ngành, các cơ quan nghiên cứu khoa học dưới sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Trung ương mà trực tiếp là Bộ Chính trị, Ban Bí thư. Công việc của Hội đồng Lý luận Trung ương muốn đạt kết quả tốt, nhất định phải có sự giúp đỡ, hợp tác, cộng tác của các cấp ủy đảng và chính quyền, các ban, ngành ở Trung ương, các học viện, trung tâm, viện nghiên cứu, trường đại học và của tất cả các nhà khoa học trên mọi miền đất nước ta. Hy vọng rằng, Hội đồng Lý luận Trung ương sẽ cố gắng khắc phục mọi khó khăn, nỗ lực làm việc với phong cách và tinh thần mới, hoàn thành được những nhiệm vụ mà Trung ương giao, đáp ứng sự mong mỏi của cán bộ, đảng viên và nhân dân.

* Phát biểu tại cuộc họp Hội đồng Lý luận Trung ương, ngày 29-1-2002.

1, 2, 3, 4, 5. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Sđd*, tr. 82, 81, 78, 112, 141

MÁY KINH NGHIỆM VỀ CÔNG TÁC TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG BỘ HÀ NỘI*

Tiếp sau chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ (7-5-1954), sự kiện giải phóng Thủ đô (10-10-1954) là một cột mốc rất quan trọng đánh dấu sự thắng lợi oanh liệt của nhân dân Việt Nam trong cuộc trường kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, sự sụp đổ hoàn toàn của chủ nghĩa thực dân cũ, mở ra thời kỳ phát triển mới của Thủ đô và đất nước.

Năm mươi năm qua, dưới sự lãnh đạo của Trung ương Đảng và Bác Hồ, Đảng bộ và nhân dân Hà Nội đã đoàn kết một lòng, phát huy truyền thống văn hiến và anh hùng, vượt qua mọi khó khăn, thử thách, giành được nhiều thành tựu to lớn và vẻ vang.

Ngay sau ngày giải phóng, trong bộn bề khó khăn, Hà Nội đã chủ động có kế hoạch đấu tranh bảo vệ và tiếp quản Thủ đô một cách trọn vẹn; sau đó hăng hái bắt tay vào hàn gắn vết thương chiến tranh, khôi phục, cải tạo và phát triển kinh tế, văn hoá, làm cho tình hình mọi mặt của Thủ đô sớm đi vào ổn định.

Trong 20 năm (1955 - 1975), Hà Nội tiến hành cải tạo và xây dựng những cơ sở vật chất - kỹ thuật ban đầu của chủ nghĩa xã hội ở Thủ đô, đồng thời góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc, thực hiện thống nhất đất nước. Với những thành tích xuất sắc trong chiến đấu, sản xuất và chi viện tiền tuyến, quân dân Thủ đô đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh bốn lần gửi thư khen và tặng cờ thưởng; được Ủy ban Thường vụ Quốc hội tuyên dương công trạng "*Hà Nội lập công to xứng đáng là Thủ đô anh hùng của cả nước*"; được Nhà nước tặng thưởng một Huân chương Sao vàng, một Huân chương Độc lập hạng Nhất, danh

hiệu "*Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân*"; bạn bè quốc tế đặt cho cái tên thân yêu "*Thủ đô của lương tri và phẩm giá con người*".

Cuộc kháng chiến chống Mỹ kết thúc thắng lợi non sông thu về một mối cùng tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội. Tuy nhiên, vừa ra khỏi chiến tranh, Hà Nội lại phải đương đầu với khó khăn, thử thách mới rất gay gắt, nhất là vào cuối những năm 70 và những năm 80 của thế kỷ XX. Đất nước lâm vào tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội, trong khi đó các thế lực thù địch ra sức tìm cách chống phá sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta, kể cả việc dùng thủ đoạn bao vây cấm vận, "diễn biến hoà bình". Được sự quan tâm của Đảng, Nhà nước, sự giúp đỡ của các tỉnh, thành phố bạn, Đảng bộ Hà Nội đã lãnh đạo quân dân một mặt khẩn trương khôi phục những cơ sở kinh tế, văn hoá bị chiến tranh tàn phá, bảo vệ vững chắc Tổ quốc; mặt khác cùng cả nước xắn tay tìm tòi từng bước tháo gỡ khó khăn để đi lên.

Từ năm 1986, quán triệt và vận dụng sáng tạo đường lối đổi mới của Đảng, Thành uỷ Hà Nội đã đề ra chủ trương phát triển kinh tế - xã hội phù hợp với thực tế của địa phương, quyết tâm đổi mới cơ chế quản lý, phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Kinh tế dần dần đã vượt qua tình trạng khủng hoảng, đạt nhịp độ phát triển nhanh, liên tục. Cho đến nay, trên tất cả các lĩnh vực, thành phố đều có nhiều đổi mới. Nếu so với năm 1954, từ một thành phố tiêu thụ, điển hình cho sự phụ thuộc vào nước ngoài, lại bị chiến tranh tàn phá nặng nề, ngày nay Hà Nội đã trở thành một trung tâm lớn về kinh tế chính trị, văn hoá, khoa học, giáo dục,... có vị trí rất quan trọng trong khu vực và cả nước. Kinh tế phát triển đồng đều ở tất cả các ngành, các lĩnh vực. Tỷ trọng công nghiệp trong GDP là 40,4%, dịch vụ là 57,2% và nông nghiệp là 2,4%. Giá trị sản xuất công nghiệp bình quân mỗi năm tăng 15 - 16%; giá trị sản xuất nông nghiệp trên một héc ta canh tác đạt gần 50 triệu đồng. Nhịp độ tăng trưởng GDP bình quân mỗi năm tăng 10 - 11%

GDP bình quân đầu người đạt 16 triệu đồng một năm. Đến hết năm 2008, mặc dù chỉ chiếm 3,6% dân số và 0,3% diện tích lãnh thổ, Hà Nội đã đóng góp 8% GDP và 15% thu ngân sách của cả nước. Năm 1999, Hà Nội đã hoàn thành phổ cập trung học cơ sở. Quy mô và chất lượng giáo dục không ngừng được nâng cao ở tất cả các ngành học, cấp học. Mạng lưới y tế được kiện toàn, bảo đảm 100% các trạm y tế xã, phường đều có bác sĩ. Hộ nghèo chỉ còn 1%. Toàn bộ người nghèo đã được cấp thẻ bảo hiểm y tế. Hoạt động thể dục thể thao phát triển mạnh.

Quy mô thành phố đã mở rộng gấp nhiều lần so với trước giải phóng; diện tích tăng gấp sáu lần, dân số tăng tám lần. Nhiều tuyến đường, trục đường lớn, nút giao thông quan trọng được mở rộng; hàng triệu mét vuông nhà ở và nhiều khu đô thị mới theo quy hoạch chung của thành phố được xây dựng. 100% các xã ngoại thành đều có điện thoại; số máy điện thoại bình quân đạt 30 máy/100 dân. Những vấn đề bức xúc về nước sạch, điện chiếu sáng, xử lý úng ngập, rác thải,... từng bước được giải quyết. Diện mạo Thủ đô ngày càng khang trang, sạch đẹp.

Hà Nội đã có quan hệ với các thủ đô, thành phố lớn của hơn 60 nước trên thế giới. Vị thế và uy tín quốc tế của Thủ đô ngày càng được nâng cao, góp phần khẳng định vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế. Năm 1999, Hà Nội được Tổ chức văn hoá giáo dục của Liên hợp quốc (UNESCO) đánh giá là thành phố "*có một quá trình phát triển đầy ấn tượng*" và bình chọn là thành phố duy nhất ở khu vực châu Á -Thái Bình Dương được nhận danh hiệu "*Thành phố vì hoà bình*". Kỷ niệm 990 năm Thăng Long, Thủ đô Hà Nội có vinh dự được Đảng, Nhà nước trao tặng danh hiệu cao quý "*Thủ đô Anh hùng*".

Nhìn lại 50 năm chiến đấu và xây dựng, ai cũng vui mừng nhận thấy Thủ đô Hà Nội đã có bước phát triển vượt bậc cả về quy mô, tầm vóc, diện mạo cũng như về trình độ, chất lượng, cả về kinh tế và văn hoá; về tăng trưởng kinh tế và cải thiện đời sống nhân dân. Tuy nhiên, so với tiềm năng và yêu cầu, Hà Nội còn không ít

hạn chế, khuyết điểm; trước mắt còn rất nhiều việc phải làm, còn nhiều khó khăn thách thức mới. Điều quan trọng là cần tổng kết thực tiễn, rút ra những bài học kinh nghiệm để chỉ đạo cho sự phát triển trong tương lai.

Một trong những bài học sâu sắc mà Đảng bộ Hà Nội rút ra được trong thời gian qua là: Phải luôn luôn chủ động, năng động, vận dụng sáng tạo các nghị quyết của Trung ương, đề ra những chủ trương sát đúng của thành phố, trên cơ sở đó tập trung chỉ đạo thực hiện một cách đồng bộ, quyết liệt hiệu quả. Trong việc tổ chức chỉ đạo thực hiện thì khâu đột phá là đổi mới phong cách lãnh đạo, điều hành theo phương châm *"Nói đi đôi với làm, đã nói là phải làm và làm có hiệu quả"*. Bám sát nghị quyết, các chương trình công tác, các nhiệm vụ trọng tâm, công trình trọng điểm, kết hợp tuyên truyền, hướng dẫn với kiểm tra đôn đốc thực hiện một cách tập trung, ráo riết; giải quyết công việc trước mắt gắn với mục tiêu lâu dài; hướng mạnh về cơ sở, sớm phát hiện những vướng mắc nảy sinh tập trung giải quyết tại chỗ; coi trọng sơ kết, tổng kết, kịp thời điều chỉnh hoàn thiện các chủ trương, giải pháp lãnh đạo, điều hành. Biết khai thác, phát huy sức mạnh tổng hợp trên địa bàn gắn kết sức mạnh của địa phương với sức mạnh của Trung ương, sức mạnh hợp tác với các địa phương trong nước và hợp tác quốc tế. Chú trọng làm tốt công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị đặc biệt là công tác tư tưởng, công tác tổ chức cán bộ, công tác kiểm tra; phát huy dân chủ đi tiến với thực hiện kỷ luật, kỷ cương: nêu cao sự gương mẫu của cán bộ, đảng viên, giữ gìn sự trong sạch của tổ chức; củng cố đoàn kết thống nhất trong đảng và sự đồng thuận trong nhân dân.

*

* *

Toàn bộ những thành tựu mà Hà Nội đạt được trong 50 năm qua không tách rời sự cố gắng và những đóng góp xứng đáng của công tác tư tưởng.

Sau ngày Thủ đô giải phóng, một trong những nhiệm vụ quan trọng của Đảng bộ Hà Nội là lãnh đạo ổn định tình hình thành phố về mọi mặt trong đó công tác tư tưởng được đặt lên hàng đầu. Thành ủy đã kịp thời quán triệt tình hình nhiệm vụ mới cùng những chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân. Vì vậy, mặc dù tình hình Hà Nội thời gian đầu sau tiếp quản còn gặp không ít khó khăn do hậu quả của chế độ thực dân để lại, nhưng nhân dân rất phấn khởi, tin tưởng vào tương lai tươi sáng của cách mạng, hăng hái chấp hành mọi chủ trương chính sách của Đảng và Chính phủ, thi đua giữ ổn định mọi mặt hoạt động của thành phố, từng bước phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội.

Nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tư tưởng, năm 1956 Thành ủy đã quyết định tái thành lập Ban Tuyên huấn Thành ủy trên cơ sở bộ máy của Ban Huấn học và bộ phận Tuyên truyền của Sở Tuyên truyền. Tiếp theo đó, năm 1957, báo *Thủ đô Hà Nội*, cơ quan ngôn luận của Đảng bộ đã ra đời.

Trong những năm đẩy mạnh cải tạo và phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội. Thành ủy đã chỉ đạo tổ chức truyền đạt, nghiên cứu các nghị quyết của Trung ương nhằm nâng cao nhận thức về cách mạng xã hội chủ nghĩa, về đấu tranh thống nhất nước nhà nâng cao lập trường giai cấp, chống mọi biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân; liên tục mở các đợt học tập lý luận, thời sự, chính sách, học tập về lịch sử Đảng. Đồng thời chỉ đạo công tác tuyên truyền, cổ vũ, động viên các phong trào thi đua sôi nổi trong thành phố như: phong trào "*nhanh, nhiều, tốt, rẻ*" trong công nhân; các phong trào "*ba nên, ba chống*", "*nếp sống mới*", "*giành cờ đỏ bỏ cờ xanh*", "*phát cờ tháng Tám*", "*kiện tướng làm phân*" trong thanh niên; phong trào "*phụ nữ lao động tích cực*"... Nhiều điển hình tiên tiến được tuyên truyền sâu rộng, phát động các cơ sở học tập, thi đua làm theo điển hình đua kịp và vượt điển hình.

Vào giữa những năm 60 của thế kỷ XX, do thất bại nặng nề ở miền Nam, đế quốc Mỹ mở rộng chiến tranh phá hoại ra miền Bắc. Hưởng ứng lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, quân dân Thủ đô hăng hái thi đua *"mỗi người làm việc bằng hai vì miền Nam ruột thịt"*. Đầu tháng 8-1964, đế quốc Mỹ gây ra "Sự kiện Vịnh Bắc Bộ". Chỉ sau bốn ngày giặc Mỹ đánh phá miền Bắc, ngày 9-8-1964, Thành đoàn Thanh niên Hà Nội đã phát động phong trào *"Ba sẵn sàng"* với 26 vạn thanh niên tham gia. Sau đó *"Ba sẵn sàng"* nhanh chóng lan rộng thành phong trào chung của thanh niên toàn miền Bắc.

Ngày 29-6-1966, đế quốc Mỹ sử dụng hàng chục lần chiếc máy bay đánh vào kho xăng Đức Giang, bắt đầu giai đoạn đánh phá ác liệt trực tiếp của không quân Mỹ vào Hà Nội. Trong tình hình cả nước có chiến tranh, nhiệm vụ công tác tư tưởng được Đảng bộ thành phố xác định: phải đưa tinh thần quyết tâm của đảng viên và quần chúng lên cao độ, phát huy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, nhiệt tình cách mạng và ý thức giác ngộ xã hội chủ nghĩa, sẵn sàng vượt qua mọi khó khăn dũng cảm và kiên quyết hoàn thành nhiệm vụ trong bất kỳ tình huống nào. Với tinh thần *"Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược"*, Thành uỷ đã triển khai công tác chính trị tư tưởng trên quy mô sâu rộng làm cho toàn thể cán bộ và nhân dân nhận rõ nhiệm vụ chống Mỹ, cứu nước là nhiệm vụ hàng đầu, xây dựng tinh thần tự lực cánh sinh, vượt mọi khó khăn gian khổ, quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược. Theo sự chỉ đạo của Thành uỷ, Ban Tuyên giáo đã thành lập bộ phận tuyên truyền chiến đấu. Tiếp theo phong trào *"Ba sẵn sàng"*, các phong trào *"Ba đảm đang"*, *"Tay bừa tay súng"*, *"Tay cày tay súng"* dấy lên mạnh mẽ, đem lại hiệu quả thiết thực ở nhiều cơ sở. Nhiều nhân tố mới, điển hình tiên tiến xuất hiện ở các cấp, các ngành, các lĩnh vực.

Trong hoàn cảnh cả nước có chiến tranh, miền Bắc vào sản xuất vừa chiến đấu, mọi mặt công tác của thành phố rất khẩn trương, nhưng công tác giáo dục, bồi

dưỡng lý luận cho cán bộ, đảng viên vẫn được Trung ương và Thành ủy coi trọng. Tháng 5-1966, Thành ủy đã mở lớp huấn luyện cho đảng viên mới. Ngày 14-5-1966, lớp học vinh dự được Chủ tịch Hồ Chí Minh đến thăm và trực tiếp giảng bài. Tham gia giảng bài còn có các đồng chí Trường Chinh, Hoàng Quốc Việt, ... Các học viên đều rất phấn khởi; với những kiến thức mới thu nhận được càng ra sức lao động, chiến đấu, phát huy tác dụng đầu tàu ở cơ sở. Đặc biệt, trong 12 ngày đêm cuối tháng 12-1972, quân dân Hà Nội đã lập công chói ngời, làm nên trận "Điện Biên Phủ trên không" đánh sập uy thế của không lực Hoa Kỳ. Trong sản xuất, Hà Nội vẫn phát huy vị trí là một trung tâm công nghiệp lớn của miền Bắc và vươn lên vượt qua "cửa ải" 5 tấn, đứng thứ hai sau Thái Bình về năng suất lúa trong nông nghiệp.

Trong những năm 1976 - 1985, tình hình kinh tế - xã hội ở Thủ đô cũng như cả nước gặp muôn vàn khó khăn. Các thế lực thù địch tăng cường chiến tranh phá hoại nhiều mặt. Công tác tư tưởng của Đảng bộ đã tập trung vào tuyên truyền, giáo dục, vận động đảng viên, quần chúng phát huy tinh thần yêu nước, cảnh giác cách mạng, hưởng ứng phong trào "Xây dựng quốc phòng, bảo vệ an ninh", vừa xây dựng Thủ đô, vừa sẵn sàng chiến đấu. Đồng thời hướng vào lĩnh vực kinh tế đề xuất với lãnh đạo giải quyết, tháo gỡ các vướng mắc, khó khăn; động viên, khích lệ các lực lượng lao động trong nhân dân, nhất là thanh niên, tham gia lao động xây dựng các công trình công ích, đi xây dựng vùng kinh tế mới tại Lâm Đồng và các tỉnh phía Bắc, góp phần giải quyết việc làm, ổn định đời sống.

Bước vào thời kỳ đổi mới (từ cuối năm 1986 đến nay), Thành ủy chỉ đạo công tác tư tưởng hướng vào việc đổi mới tư duy, nâng cao nhận thức, tăng cường giáo dục chính trị, bảo đảm thực hiện đúng đường lối, chính sách của Đảng, không dao động, mơ hồ trước diễn biến phức tạp của tình hình thế giới vững vàng trước sự tác động của mặt trái kinh tế thị trường và mở cửa hội nhập. Các tổ chức đảng lãnh

đạo bảo đảm ổn định chính trị, giữ vững ý chí cách mạng kiên trì con đường xã hội chủ nghĩa, chống tư tưởng cơ hội hữu khuynh, ngăn chặn kịp thời những tiêu cực phát sinh, đồng thời chống tư tưởng bảo thủ, trì trệ. Công tác tư tưởng đã tập trung phục vụ các nhiệm vụ trọng tâm của thành phố, đi sâu tuyên truyền hướng dẫn quán triệt quan điểm, đường lối, nghị quyết chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, góp phần nâng cao nhận thức về công cuộc đổi mới, đẩy mạnh các hoạt động sản xuất, xây dựng Thủ đô.

Khi chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và các nước Đông Âu sụp đổ trong một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân có sự xao động nhất định về lòng tin đối với chủ nghĩa xã hội, lo lắng đối với tương lai của đất nước. Thành uỷ đã chủ động giáo dục định hướng tư tưởng, phổ biến các kết luận và ý kiến chỉ đạo của Trung ương. Kết quả quan trọng của công tác tư tưởng trong những năm đó là góp phần củng cố, nâng cao lòng tin của nhân dân đối với sự lãnh đạo của Đảng, kiên trì chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, luôn định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; đấu tranh chống các luận điệu phản tuyên truyền, xuyên tạc, đòi "đa nguyên, đa đảng", phê phán, đấu tranh với những tiêu cực xã hội.

Một nét nổi bật của công tác tư tưởng trong thời kỳ này là đã góp phần tạo nên những phong trào cách mạng sôi nổi trong xây dựng kinh tế và thực hiện các chính sách xã hội như các phong trào "Phụ nữ giúp nhau làm kinh tế", "Xoá đói giảm nghèo"; phong trào "Thực hiện khoán 10", "Phát triển kinh tế nông thôn và xây dựng nông thôn mới"; phong trào "Thanh niên vì ngày mai lập nghiệp" và bảo vệ Tổ quốc; phong trào "Đền ơn đáp nghĩa", "Uống nước nhớ nguồn", phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống mới ở khu dân cư": phong trào "Ông bà mẫu mực, con cháu thảo hiền"; phong trào thực hiện xanh, sạch, đẹp thành phố...

Thực tiễn nhiều năm qua cho thấy, sở dĩ công tác tư tưởng ở Hà Nội đạt được những kết quả tích cực là do đã thực hiện tốt một số vấn đề sau:

Một là, công tác tư tưởng đã luôn luôn đứng vững trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh: kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Bám sát những định hướng lớn, những quan điểm cơ bản của đường lối cách mạng, đường lối đổi mới, giữ vững niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, vận dụng sáng tạo vào điều kiện cụ thể đặc thù của Thủ đô.

Hai là, đổi mới nhận thức về công tác tư tưởng, coi công tác tư tưởng cũng là một yếu tố cấu thành các sản phẩm phát triển kinh tế - xã hội, phục vụ đắc lực cho việc đề ra và thực hiện các nhiệm vụ chính trị, kinh tế - văn hóa - xã hội, gắn với việc tổ chức các phong trào thi đua của quần chúng.

Ba là, công tác tư tưởng luôn luôn quán triệt và thể hiện sinh động phương châm "tất cả vì con người, do con người"; xây dựng, phát triển con người là trách nhiệm nặng nề của công tác tư tưởng. Thông qua các hoạt động phong phú, sinh động, thiết thực, công tác tư tưởng góp phần quan trọng giáo dục con người Hà Nội văn minh, thanh lịch, nêu cao tinh thần yêu nước gắn với chủ nghĩa xã hội; bồi dưỡng, xây dựng phong cách lao động sáng tạo; đấu tranh bảo vệ môi trường, ngăn chặn, đẩy lùi những độc tố xâm hại đời sống, quyền lợi của nhân dân.

Bốn là, luôn luôn đổi mới nội dung, phương thức công tác tư tưởng, nâng cao tầm trí tuệ, chất lượng, hiệu quả; tránh giản đơn, xơ cứng, cũ mòn, nhằm mục tiêu nâng cao nhận thức, bồi đắp niềm tin, định hướng thông tin suy nghĩ để thống nhất ý chí, thống nhất hành động.

Năm là, nắm vững và thực hiện có hiệu quả phương châm toàn dân làm công tác tư tưởng dưới sự lãnh đạo của Đảng; kết hợp định hướng tư tưởng của Đảng với tinh thần tự giác của nhân dân. Quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác tư tưởng đủ trình độ và phẩm chất, đi đôi với thực hiện chế độ đãi ngộ hợp lý và tạo mọi điều kiện về cơ sở vật chất, phương tiện làm việc phù hợp với điều kiện chung.

Hiện nay, Hà Nội đang hướng tới kỷ niệm 1000 năm tuổi vào năm 2010. Với vị thế là *trái tim của cả nước, đầu não chính trị - hành chính quốc gia, trung tâm lớn về văn hóa, khoa học, giáo dục, kinh tế và giao dịch quốc tế*, Hà Nội phải phấn đấu bảo đảm ổn định vững chắc về an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; phát triển kinh tế, văn hóa toàn diện, bền vững; xây dựng Thủ đô ngày càng giàu đẹp, văn minh, thanh lịch, hiện đại, đậm đà bản sắc ngàn năm văn hiến, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân.

Muốn thế, phải tiếp tục xây dựng, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, nâng cao chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh, đẩy mạnh chủ động hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế. Phát triển công nghiệp có chọn lọc đột phá vào những ngành hàng và sản phẩm sử dụng công nghệ cao, hiện đại. Nâng cao trình độ và chất lượng các ngành dịch vụ. Phát triển kinh tế ngoại thành theo hướng nông nghiệp đô thị, sinh thái. Xây dựng kết cấu hạ tầng và quản lý đô thị theo hướng đồng bộ và từng bước hiện đại. Phát triển giáo dục, đào tạo và khoa học, công nghệ; xây dựng văn hoá và con người Hà Nội văn minh, thanh lịch giàu bản sắc của người Tràng An; ngăn chặn, đẩy lùi các tiêu cực và tệ nạn xã hội. Mở rộng quan hệ đối ngoại và giao lưu quốc tế, củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị, nhất là phẩm chất, năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức đảng, sự trong sạch và hiệu lực quản lý của bộ máy chính quyền, tăng cường mối liên hệ máu thịt giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân.

* Bài đăng trên Tạp chí *Tư tưởng Văn hoá* số 10-2004.

THỦ ĐÔ HÀ NỘI 35 NĂM THỰC HIỆN *DI CHỨC* CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH*

Cứ mỗi độ thu về, trong không khí phấn khởi kỷ niệm Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh 2-9, chúng ta lại không khỏi bồi ngùi xúc động nhớ về Bác Hồ muôn vàn kính yêu, vị Cha già của dân tộc, lãnh tụ vĩ đại của Đảng ta, nhân dân ta; Người đã làm rạng danh non sông, đất nước ta. Kể từ khi Bác trở về với thế giới người hiền, để lại bản *Di chúc* lịch sử, đến nay đã chẵn 35 năm.

Vẫn biết, *Sinh, Lão, Bệnh, Tử* là quy luật của muôn đời, nhưng ai có thể biết được rằng Bác chuẩn bị cho việc "ra đi" của mình một cách ung dung, thanh thản đến thế, đầy trách nhiệm đến thế! Bản *Di chúc* được Người chuẩn bị một cách công phu, kỹ lưỡng, trí tuệ và tâm huyết đến như thế! Suốt bốn năm trời, vào những ngày đẹp nhất, những giờ đẹp nhất, tìm từng ý, chọn từng câu, sửa từng chữ, nêu rõ những việc phải làm, những điều cần nghĩ, từ lớn đến nhỏ, từ chung đến riêng... ; để lại cho đời một tình cảm chan chứa yêu thương vì Dân, vì Đảng; một trí tuệ anh minh, mẫn tiệp; một tầm nhìn xa rộng, sâu sắc; một mẫu mực tuyệt vời về cách sống, cách nghĩ, cách làm việc,... cả lúc lâm chung! Mỗi lần đọc lại *Di chúc* của Bác, chúng ta lại thôn thức, nghẹn ngào, càng yêu thương, kính trọng Bác, càng tâm niệm phải làm gì cho xứng đáng với Bác.

Ba mươi nhăm năm qua, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta thực hiện những lời căn dặn và ước nguyện của Người trong một bối cảnh thế giới và đất nước có biết bao biến đổi thăng trầm, phát triển. Vượt biết bao gian nan: thử thách, nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng, theo tư tưởng của Bác, đã cố gắng làm hết sức mình để thực hiện lời căn dặn của Người, "đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào", giành thắng

lợi trọn vẹn trong các cuộc kháng chiến, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, từng bước "xây dựng đất nước ta đàng hoàng hơn, to đẹp hơn", bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Trong hai thập kỷ gần đây, trong tình hình thế giới đầy biến động các thế lực thù địch chưa từ bỏ âm mưu chống phá cách mạng Việt Nam, hệ thống xã hội chủ nghĩa không còn, chúng ta đã tiến hành công cuộc đổi mới thu được những thành tựu to lớn và quan trọng. Kinh tế - xã hội không ngừng phát triển, đời sống nhân dân được cải thiện. An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững. Quan hệ quốc tế ngày càng mở rộng. Với quyết tâm đi theo con đường của Bác, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, đồng bào và chiến sĩ cả nước đang ngày đêm lao động sáng tạo phấn đấu đạt mục tiêu GDP năm 2010 ít nhất tăng gấp đôi năm 2000, đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, tạo nền tảng để đến năm 2010 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

*

* *

Thủ đô Hà Nội có vinh dự lớn là nơi Chủ tịch Hồ Chí Minh sống và làm việc với thời gian lâu nhất và được Người dành cho sự quan tâm sâu sắc với một tình cảm đặc biệt mong tất cả các thời kỳ, dù bận trăm công nghìn việc, Bác luôn luôn chăm lo cho sự nghiệp xây dựng và phát triển Thủ đô, dành cho đồng bào, chiến sĩ Thủ đô những tình cảm thân thương nhất. Người đã đi thăm, làm việc ở nhiều nhà máy, công trường, xí nghiệp, trường học, bệnh viện, phường xã, đơn vị công an, bộ đội; đến dự, nói chuyện, phát biểu tại nhiều hội nghị đảng, chính quyền, các đoàn thể ở Thủ đô; viết nhiều bài báo nói về phong trào cách mạng Hà Nội, gửi thư thăm

hỏi, động viên, biểu dương nhiều người tốt, việc tốt. Mỗi nơi Người đến, mỗi chỗ Người qua, từng nhánh cây, ngọn cỏ, nhất là trong sâu thẳm tâm hồn mỗi người Hà Nội luôn luôn in đậm bóng hình của bác. Tình thương bao la và sự quan tâm đặc biệt của Bác đã trở thành sức mạnh cổ vũ, động viên to lớn, giúp Đảng bộ và nhân dân Thủ đô vượt qua mọi khó khăn thử thách, giành thắng lợi trong đấu tranh giải phóng, xây dựng và bảo vệ Thủ đô.

Ba mươi năm thực hiện *Di chúc* của Bác, quân và dân Thủ đô đã lập nhiều chiến công và đạt nhiều thành tựu to lớn. Trong những năm kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Hà Nội đã lần lượt cử những người con thân yêu của mình vượt Trường Sơn vào tiếp sức cho đồng bào, đồng chí ở tiền tuyến lớn; đã tiễn hàng vạn con em và cán bộ, chiến sĩ Thủ đô lên đường vào Nam chiến đấu; đồng thời trực tiếp chiến đấu chống lại cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân của đế quốc Mỹ trên miền Bắc và ngay tại bầu trời Hà Nội. Chính trên mảnh đất ngàn năm văn hiến này đã sản sinh các phong trào "*Ba sẵn sàng*", "*Ba đảm đang*", "*Ba quyết tâm*", "*Mỗi người làm việc bằng hai vì miền Nam ruột thịt*, vì Huế - Sài Gòn kết nghĩa" ...

Khi đế quốc Mỹ mở rộng chiến tranh ra miền Bắc, chúng đã chọn Hà Nội là một mục tiêu chiến lược. Mỹ đã huy động hàng nghìn lượt máy bay các loại với hàng trăm lần đánh phá, ném hàng vạn tấn bom, bắn hàng nghìn quả tên lửa vào các mục tiêu lớn, nhỏ trong nội thành và ngoại thành, làm chết và bị thương hàng nghìn người, phá hủy nhiều kho tàng nhà cửa, đường sá, cầu cống... gây cho Hà Nội nhiều tổn thất và hậu quả nghiêm trọng. Song, Hà Nội đã chấp nhận cuộc đối đầu lịch sử. Đặc biệt, trong đợt oanh kích suốt 12 ngày đêm (từ ngày 18-12-1972 đến ngày 30-12-1972), đế quốc Mỹ với toàn bộ "pháo đài bay" B52 và phương tiện chiến tranh hiện đại nhất lúc đó (trừ bom nguyên tử) được huy động đánh phá Hà Nội, chúng đã không chịu nổi sự đánh trả gan góc, kiên cường của quân dân Thủ

đô. Với cách đánh trí tuệ, sáng tạo - *cách đánh Hà Nội, cách đánh Việt Nam* - đánh địch ở nhiều tuyến, nhiều tầng; làm chủ thế trận, làm chủ tình huống, làm chủ các phương tiện và vũ khí có trong tay,... Hà Nội cùng các tỉnh bạn đã làm cho bọn giặc hoảng loạn. Hàng chục "pháo đài bay" B52 và máy bay cường kích, kể cả loại "cánh cụp cánh xoè" F111 bị bắn cháy trên bầu trời Hà Nội, nhiều giặc lái bị bắt sống. Đây là chiến công hiển hách nhất của nhân dân ta trong cuộc chống chiến tranh phá hoại bằng không quân của Mỹ - trở thành trận thắng "Điện Biên Phủ trên không" gây chấn động địa cầu, buộc đế quốc Mỹ phải ký Hiệp định Pari về lập lại hoà bình ở Việt Nam, rút hết nửa triệu quân Mỹ ra khỏi Việt Nam, tạo bước chuyển vô cùng quan trọng tiến tới Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước. Với chiến công này, Hà Nội càng làm phong phú thêm truyền thống ngàn năm văn hiến, quật cường của dân tộc, xứng đáng với niềm tin và lòng tự hào của nhân dân cả nước, được bạn bè trên thế giới mến yêu, khâm phục, ca ngợi là "Thủ đô của lương tri và phẩm giá con người". Cuối năm 1972, Hà Nội được Ủy ban Thường vụ Quốc hội ra Nghị quyết tuyên dương "*Hà Nội lập công to xứng đáng là Thủ đô anh hùng của cả nước*". Năm 1978, lực lượng vũ trang Thủ đô được Nhà nước tặng thưởng danh hiệu anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân".

Như vậy Đảng bộ và nhân dân Hà Nội đã thực hiện xuất sắc lời di huấn của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong việc quyết chiến quyết thắng giặc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam bảo vệ miền Bắc, thống nhất đất nước, góp phần xứng đáng cùng đồng bào cả nước thực hiện ước nguyện "*Không có gì quý hơn độc lập, tự do*" cháy bỏng của Người.

Về nhiệm vụ phát triển kinh tế và văn hoá, xây dựng Thủ đô và đất nước, ngay sau chiến tranh, Đảng bộ Hà Nội đã lãnh đạo nhân dân khẩn trương khôi phục những cơ sở bị chiến tranh tàn phá, cố gắng sớm ổn định tình hình, từng bước vượt qua

những khó khăn, tổ chức lại sản xuất, bảo đảm đời sống nhân dân, xây dựng những cơ sở vật chất ban đầu của chủ nghĩa xã hội.

Từ năm 1986 đến nay, Hà Nội cùng cả nước bước vào thời kỳ đổi mới. Vận dụng sáng tạo những quan điểm chung của Đảng vào thực tiễn công cuộc xây dựng và phát triển Thủ đô, Hà Nội đã có nhiều biện pháp cụ thể thực hiện đổi mới cơ chế quản lý kinh tế; tập trung mọi nguồn lực cho việc đổi mới công nghệ, thiết bị; phát huy hiệu quả hợp tác với các địa phương bạn và hợp tác quốc tế, đẩy mạnh sự hình thành và phát triển các thành phần kinh tế trên địa bàn. Có thể nói, tất cả các ngành kinh tế Thủ đô đã khởi sắc, liên tục phát triển và đạt tốc độ tăng trưởng cao. Trong 5 năm đầu công cuộc đổi mới (1986 - 1990), GDP tăng bình quân 7,1%/năm; 5 năm tiếp theo (1991 - 1996) tăng 12,52%/năm; trong những năm 1996 - 2000 tăng 10,6%; trong ba năm 2001 - 2003 tăng 10,7%. Cơ cấu kinh tế Thủ đô đã có sự chuyển dịch lớn theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Đến nay, thành phố đã có 14 khu công nghiệp lớn và đang xây dựng 16 khu, cụm công nghiệp vừa và nhỏ. Đã có những địa chỉ tin cậy, thu hút nhiều công ty trong và ngoài nước bỏ vốn đầu tư sản xuất kinh doanh như Thăng Long, Sài Đồng, Đài Tư, Nội Bài, Nguyên Khê, v. v... Đã có thêm hàng chục vạn lao động có việc làm ổn định. Giá trị sản xuất công nghiệp trên địa bàn thành phố ngày càng tăng. Trong những năm 1986 – 1990 tăng 4,8%; những năm 1996 - 2000 tăng 15,16%; năm 2003 tăng tới 24,3%.

Hoạt động thương mại du lịch và dịch vụ ngày càng sôi động và có hiệu quả. Đến năm 2003, Hà Nội đã có khoảng 2.000 doanh nghiệp có quan hệ thương mại với hơn 100 nước và vùng lãnh thổ trên thế giới; kim ngạch xuất nhập khẩu những năm 2000 - 2003 tăng bình quân 10,6%. Các ngành du lịch, ngân hàng, tài chính bảo hiểm... đang phát triển và ngày càng có vai trò quan trọng trong cơ cấu kinh tế của Thủ đô.

Sản xuất nông nghiệp và xây dựng nông thôn ngoại thành đang có bước chuyển biến lớn theo hướng phát triển sản xuất hàng hoá, chuyển dịch cơ cấu kinh tế bước đầu hình thành các vùng sản xuất chuyên canh, như hoa Tây Tựu, rau sạch Vân Nội, làng nghề Bát Tràng, Vân Hà,... Giá trị sản xuất nông nghiệp bình quân năm 2003 đạt gần 50 triệu đồng/ha. Kết cấu kinh tế - xã hội và hạ tầng nông thôn ngoại thành không ngừng được cải thiện. Nhiều vùng nông thôn đang đô thị hoá rất nhanh; khoảng cách giữa nông thôn và thành thị thu hẹp dần.

Về xây dựng và quản lý đô thị, 35 năm qua, nhân dân Thủ đô đã vượt qua nhiều khó khăn, thiếu thốn để khôi phục những công trình kinh tế- xã hội bị chiến tranh tàn phá; cải tạo và nâng cấp cơ sở hạ tầng đô thị, đầu tư xây dựng nhiều công trình mới làm cho diện mạo Thủ đô ngày càng khang trang, hiện đại. Đã hoàn thành và đưa vào sử dụng cầu Thăng Long, cầu Chương Dương, cầu Phù Đổng, đang xây dựng cầu Thanh Trì (cây cầu lớn và hiện đại bậc nhất nước ta) và chuẩn bị khởi công xây dựng một số cầu mới khác qua sông Hồng, sông Đuống,... Các cửa ngõ vào thành phố đang được mở rộng. Nhiều tuyến đường lớn được hình thành như Láng - Hoà Lạc, Pháp Vân - Cầu Giẽ, Bắc Thăng Long - Nội Bài,... Những tuyến phố mới như Liễu Giai, Nguyễn Chí Thanh, Trần Duy Hưng, Láng Hạ, Hoàng Quốc Việt, Trần Khát Chân, Đại Cồ Việt,... đã mang dáng dấp của tuyến phố hiện đại. Trong ba năm 2001 – 2003, Hà Nội đã xây dựng mới gần ba triệu mét vuông nhà ở. Nhiều khu đô thị mới tương đối hiện đại. Đã và đang được xây dựng như Linh Đàm, Định Công, Trung Yên, Đại Kim, Trung Hoà - Nhân Chính, Mỹ Đình,... Những vấn đề cấp thiết như nước sạch, điện chiếu sáng, xử lý úng ngập vệ sinh môi trường ... được tập trung giải quyết. Mạng lưới thông tin liên lạc được mở rộng. Đến nay, thành phố đã đạt hơn 30 máy điện thoại/100 dân. Đời sống văn hoá - tinh thần ngày càng được cải thiện. Nếu năm 1975 toàn thành phố mới có 344 trường học các cấp phổ thông và 24 trường đại học, cao đẳng thì đến nay có hơn

1.000 trường phổ thông và gần 50 trường đại học, cao đẳng. Năm 1999 đã hoàn thành phổ cập trung học cơ sở toàn thành phố. 100% số xã, phường đều đã có trạm y tế và có bác sĩ, y sĩ. Cơ bản xoá xong tình trạng hộ nghèo đói 100% các bà mẹ Việt Nam anh hùng các gia đình chính sách được chăm sóc, phụng dưỡng. Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư", "Xây dựng người Hà Nội văn minh, thanh lịch", "Người tốt việc tốt"... được duy trì và phát triển. Các hoạt động văn hoá văn nghệ, thể dục thể thao quần chúng và chuyên nghiệp ngày càng sôi nổi và đạt hiệu quả. Nhiều công trình văn hoá thể thao được nâng cấp và xây dựng như Cung văn hoá Hữu nghị, Cung văn hoá Thanh niên, Cung văn hoá Lao động, Cung thể thao Quần Ngựa, Khu liên hợp thể thao Mỹ Đình, các trung tâm văn hoá và nhà thi đấu thể thao tại các quận, huyện... Hệ thống công viên, cây xanh, hồ nước được chỉnh trang, cải tạo và nâng cấp; thành phố đang ngày càng xanh, sạch, đẹp hơn.

Về công tác xây dựng Đảng - một lĩnh vực Bác Hồ đặc biệt quan tâm, 35 năm qua Đảng bộ Thành phố đã thường xuyên chỉ đạo thực hiện với những biện pháp cụ thể, và coi đó là nhiệm vụ then chốt, nhiệm vụ sống còn. Qua các thời kỳ thay đổi địa giới hành chính và số lượng tổ chức đảng đến nay. Hà Nội có hơn 17 vạn đảng viên sinh hoạt ở hơn 1.600 tổ chức cơ sở đảng thuộc 70 tổ chức đảng trực thuộc thành phố. Thông qua các chương trình công tác lớn của Thành uỷ, thành phố đã tập trung vào công tác giáo dục tư tưởng chính trị rèn luyện phẩm chất, đạo đức, lối sống của cán bộ đảng viên, kiên quyết đấu tranh chống các biểu hiện suy thoái trong Đảng, nhất là tệ quan liêu, tham nhũng, xa dân, lối sống cá nhân vị kỷ. Đồng thời tìm các biện pháp đổi mới, cải tiến sinh hoạt đảng, nâng cao tính chiến đấu của các tổ chức cơ sở đảng, đổi mới phong cách lãnh đạo, lề lối làm việc; chăm lo công tác quy hoạch, đào tạo, quản lý đội ngũ cán bộ, tập trung vào những ngành, những vùng trọng yếu và có nhiều khó khăn. Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, các tổ chức

khác trong hệ thống chính trị từ thành phố đến cơ sở cũng từng bước được củng cố, kiện toàn. Hiệu lực quản lý, hiệu quả hoạt động của chính quyền, của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng ngày càng thể hiện rõ vai trò đối với các lĩnh vực đời sống xã hội.

Ba mươi lăm năm thực hiện *Di chúc* của Bác là khoảng thời gian không dài trong lịch sử Thăng Long - Hà Nội gần 1000 năm tuổi, nhưng Đảng bộ, quân dân Thủ đô đã tập nhiều kỳ tích, đã có những bước phát triển vượt bậc trong xây dựng Thủ đô. Tuy chỉ chiếm 3,6% về dân số và 0,3% diện tích lãnh thổ quốc gia, tới nay, hằng năm Hà Nội đã đóng góp khoảng 45% GDP của vùng đồng bằng sông Hồng, 8% vào GDP cả nước (trong đó 9,4% vào giá trị sản xuất công nghiệp, 10% giá trị kim ngạch xuất khẩu, 9,6% tổng mức bán lẻ hàng hoá và lưu thông hàng hoá xã hội). Đến năm 2003, GDP bình quân theo đầu người của Thủ đô tăng gấp hơn 2 lần năm 1990, và đạt gần 1.000 USD/người; các lĩnh vực đời sống văn hoá tinh thần ngày một cải thiện và nâng cao.

Bên cạnh những kết quả và thành tựu đã đạt được, so với yêu cầu và những điều mong mỏi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Hà Nội còn không ít việc chưa làm được, không ít khuyết điểm, yếu kém. Về kinh tế - xã hội, Hà Nội tuy phát triển khá nhanh và mạnh, nhưng vẫn chưa tương xứng với tiềm năng và vị thế của Thủ đô. Đến nay, Hà Nội vẫn là một Thủ đô nghèo so với nhiều Thủ đô của các nước trong khu vực và lên thế giới. Vai trò trung tâm kinh tế của cả nước chưa thật nổi bật, hiệu quả sản xuất kinh doanh và sức cạnh tranh còn thấp. Xây dựng và quản lý đô thị còn nhiều mặt bất cập; cơ sở hạ tầng kỹ thuật và xã hội còn kém, chất lượng chưa cao. Vấn đề cấp nước sạch, thoát nước bẩn, giữ gìn vệ sinh môi trường, bảo đảm trật tự an toàn giao thông, phòng chống các tệ nạn xã hội,... vẫn rất bức xúc. Công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị, nhất là ở cơ sở, chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; việc cải cách hành chính, kiện toàn tổ chức bộ máy, quy hoạch, bố

trí cán bộ, đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực,... còn không ít hạn chế, dư luận chưa yên lòng.

Năm nay, Hà Nội kỷ niệm 35 năm thực hiện *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh, trong không khí kỷ niệm 50 năm ngày Thủ đô giải phóng (10-10-1954 – 10-10-2004), Đảng bộ, chính quyền và nhân dân Thủ đô đang ra sức phấn đấu với quyết tâm cao và sự nỗ lực lớn. Với vị trí "Trái tim của cả nước, đầu não chính trị - hành chính quốc gia, trung tâm lớn về văn hoá, khoa học, giáo dục, kinh tế và giao dịch quốc tế của cả nước", Hà Nội có vinh dự lớn và trách nhiệm rất nặng nề, như Nghị quyết 15 của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương (khóa VIII) đã chỉ rõ. Hướng tới kỷ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội vào năm 2010, thành phố phải phấn đấu bảo đảm ổn định vững chắc về chính trị, trật tự an toàn xã hội, phát triển kinh tế, khoa học - công nghệ, văn hoá - xã hội toàn diện, bền vững, xây dựng về cơ bản cơ sở vật chất - kỹ thuật và xã hội của Thủ đô, nâng cao đời sống mọi mặt của nhân dân, từng bước trở thành một trung tâm ngày càng có uy tín ở khu vực.

Ba mươi lăm năm Bác đã đi xa, nhưng những lời căn dặn của Bác, tình thương yêu và sự quan tâm đặc biệt của Bác vẫn là tài sản tinh thần vô giá, là sự cổ vũ, động viên và nguồn sức mạnh to lớn đối với các thế hệ cán bộ, đảng viên, đồng bào, chiến sĩ Thủ đô. Đảng bộ và nhân dân Hà Nội vô cùng biết ơn Bác và lúc nào cũng hướng về Bác, nguyện mãi mãi đi theo con đường mà Bác đã chỉ ra, phấn đấu xây dựng Thủ đô xã hội chủ nghĩa ngày càng giàu đẹp, văn minh, hiện đại, xứng danh là Thủ đô ngàn năm văn hiến và anh hùng.

* Bài đăng trên Báo *Hà Nội mới*, số ra ngày 1-9-2004

Phần thứ ba:

XÂY DỰNG ĐẢNG VỀ TỔ CHỨC, CÁN BỘ

VỀ NGUYÊN TẮC TẬP TRUNG DÂN CHỦ*

Tập trung dân chủ là nguyên tắc tổ chức cơ bản của một đảng Mác - Lênin chân chính, xuất phát từ tính chất, chức năng, vai trò, trách nhiệm của Đảng, phản ánh đặc điểm và bản chất của giai cấp công nhân hiện đại. Nguyên tắc ấy do Lênin đề ra từ đầu thế kỷ XX. Thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ là điều kiện bảo đảm phát huy sáng kiến và tính tích cực sáng tạo của mọi tổ chức đảng, mọi đảng viên; đồng thời bảo đảm sự thống nhất ý chí, thống nhất hành động của toàn Đảng.

Suốt mấy chục năm qua, bọn đế quốc và phản động các loại liên tục tấn công vào sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, tìm mọi cách đánh vào nguyên tắc tập trung dân chủ nhằm phá vỡ sự đoàn kết thống nhất của Đảng, làm tan rã hoặc phân liệt Đảng về mặt tổ chức. Những năm gần đây, chúng càng dần tới phản kích điên cuồng và quyết liệt vào nguyên tắc tập trung dân chủ, vu cáo các Đảng Cộng sản là chuyên quyền, phát xít. Chúng tán dương, cổ xúy các đảng thực hiện đa nguyên chính trị, dân chủ cực đoan, khuyến khích trong Đảng có nhiều quan điểm khác nhau, có nhiều phe nhóm đối lập.

Trong công cuộc cải tổ, cải cách và đổi mới hiện nay, nhân việc xem xét lại các quan điểm nhận thức, các nguyên lý lý luận, có một số người cũng muốn đặt lại vấn đề, phê phán, lên án nguyên tắc tập trung dân chủ, thậm chí có người đòi xóa bỏ nguyên tắc tổ chức rất thiết yếu này. Bởi vì, theo họ, nguyên tắc tập trung dân chủ đến nay đã lỗi thời, nó chỉ thích hợp với hoạt động của các đảng chưa giành được chính quyền, còn hoạt động bí mật, hoặc lãnh đạo chiến tranh. Họ sợ thực

hiện tập trung dân chủ sẽ dẫn đến độc đoán, độc quyền, trong Đảng và trong xã hội sẽ không có dân chủ, không có nhân đạo.

Điều đó đúng hay không đúng? Chúng ta có cần giữ vững và thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ không? Làm thế nào để thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ trong điều kiện đổi mới hiện nay?

I- MỘT MŨI TẤN CÔNG NGUY HIỂM, MỘT SỰ NHẬN THỨC MƠ HỒ

1. Các thế lực đế quốc và phản động hần học, tức tối bao nhiêu khi thấy các Đảng Cộng sản vững mạnh, phong trào cách mạng thế giới đang phát triển, chủ nghĩa xã hội không ngừng lớn lên, thì họ cũng vui mừng, hý hửng bấy nhiêu khi thấy một số Đảng Cộng sản gặp khó khăn, chủ nghĩa xã hội đứng trước những diễn biến và thử thách phức tạp. Ngay khi chủ nghĩa cộng sản mới chỉ là "bóng ma ám ảnh châu Âu", các nhà tư tưởng tư sản cùng các thế lực đế quốc đã cay cú, lo sợ, tìm mọi cách để xua đuổi, xoá bỏ. Khi chủ nghĩa xã hội thành hiện thực ở nước Nga, họ căm tức, lòng lộn xúm nhau lại bao vây, phá hoại, nhằm nhe bóp chết nước xã hội chủ nghĩa non trẻ đầu tiên trên thế giới.

Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, với một loạt nước xã hội chủ nghĩa ra đời, phong trào cách mạng thế giới phát triển mạnh mẽ ở khắp các khu vực, cả từ "trong lòng" các nước tư bản chủ nghĩa đến "sân sau" của chủ nghĩa đế quốc, bọn đế quốc và phản động càng điên cuồng, thâm thù chủ nghĩa xã hội, tìm mọi cách chống phá, ngăn chặn sự phát triển của chủ nghĩa xã hội và phong trào cách mạng thế giới. Bằng hết chiến lược này đến chiến lược khác, hết học thuyết này đến học thuyết khác, hết chiến dịch này đến chiến dịch khác, chúng những mong làm suy yếu chủ

nghĩa xã hội, hạ uy thế, tiến tới xoá bỏ chủ nghĩa xã hội: Hết chiến lược "trả đũa ở ạt" đến chiến lược "phản ứng linh hoạt"; hết ngăn chặn, răn đe đến xâm lược, trừng phạt; hết bao vây kinh tế lại cô lập và phá hoại về chính trị; hết "chiến tranh lạnh" lại đến những cuộc "thập tự chinh" thâm nhập, phản kích chủ nghĩa xã hội.

Cho đến những ngày này, lợi dụng và khai thác triệt để những khuyết điểm, sai lầm của chủ nghĩa xã hội, những khó khăn phức tạp của công cuộc cải tổ, cải cách, đổi mới ở một số nước xã hội chủ nghĩa, với chiến lược "vượt trên ngăn chặn" và thủ đoạn "diễn biến hoà bình", các thế lực chống cộng đang dần tới phản công điên cuồng và thâm hiểm vào chủ nghĩa xã hội hòng làm biến chất chủ nghĩa xã hội, làm tan rã hệ thống xã hội chủ nghĩa, hoặc thúc đẩy "sự quá độ từ chủ nghĩa xã hội sang chủ nghĩa tư bản" ở nước này nước khác. Các chuyên gia chống cộng khét tiếng như Brêdinxki, Kítxinhgiơ... cùng những người đứng đầu Nhà Trắng như Níchxon, Rigân... đua nhau viết sách, đi lại thăm viếng, bàn bạc với nước này nước khác, hoạt động nhộn nhịp hẳn lên. Tổng thống đương nhiệm của nước Mỹ, ông Bútơ, vừa lên nhận chức đã liên tục và dồn dập đọc hết diễn văn này đến diễn văn khác, giọng điệu rất vênh vang, đắc thắng, ca ngợi sự thành đạt của "thế giới tự do" và hý hứng với sự "ra đi của chủ nghĩa xã hội"...

Rõ ràng, chống chủ nghĩa xã hội, chống phong trào cộng sản và công nhân quốc tế là âm mưu cơ bản, thường xuyên, có hệ thống của chủ nghĩa đế quốc, là nhiệm vụ chiến lược, là quốc sách của thế giới tư bản từ mấy chục năm, thậm chí hàng trăm năm nay. Nó thâm sâu vào tận tim óc, vào máu thịt thành bản chất không bao giờ thay đổi của chủ nghĩa đế quốc.

Một trong những mũi nhọn chủ yếu mà bọn đế quốc và phản động tập trung sức tấn công - đó là sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản. Thủ đoạn quen thuộc của chúng là ra sức vu cáo, xuyên tạc, bôi nhọ uy tín của Đảng, mưu toan hạ thấp hoặc vô hiệu hoá vai trò lãnh đạo của Đảng. Chúng dùng những chiêu bài và ngón đòn ác độc về

"tự do", "dân chủ", "đa nguyên chính trị", "đa đảng" để đánh vào nội bộ Đảng, phá vỡ sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng, kích động, chia rẽ Đảng với Nhà nước và các đoàn thể quần chúng, đối lập Đảng với nhân dân. Khi cần thì chúng sẵn sàng khủng bố, bắt bớ, giam cầm, sát hại đảng viên và lãnh tụ của Đảng, thẳng tay tiêu diệt các tổ chức đảng, bóp chết phong trào cách mạng từ trong trứng. Chúng ta hẳn còn nhớ những chiến dịch "khủng bố trắng" của thực dân Pháp ở Đông Dương những năm 1930 - 1931, chiến dịch "tố cộng, diệt cộng" của đế quốc Mỹ và bọn tay sai của chúng ở miền Nam Việt Nam những năm 1958 - 1959, những cuộc săn lùng cộng sản, đặt cộng sản ra ngoài vòng pháp luật ở nước này, nước nọ.

Thời gian gần đây, lợi dụng việc mở rộng dân chủ và công khai, một số phần tử phản động ngang nhiên đã kích vào sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, vu cáo, xuyên tạc, bôi nhọ Đảng một cách rất trắng trợn. Có tờ báo từ nước ngoài gửi về công khai kêu gọi giải tán Đảng, rêu rao không cần có sự lãnh đạo của Đảng, phải thay đổi hệ thống chính trị mà thực chất là đòi đánh đổ ban lãnh đạo hiện thời của Đảng. Chúng lập ra nhóm này, đảng khác, nhen nhóm lên phong trào nọ, chiến dịch kia, đi lại, giao dịch, thư từ, móc nối, rối rít như con thoi. Chúng trắng trợn tuyên bố "chuyển lửa về quê hương", đưa cả người cả tiền, cả súng đạn về nước để len lỏi hoạt động phá hoại.

Vì sao bọn thù địch chủ nghĩa xã hội lại căm ghét và ra sức chống phá các đảng cộng sản và công nhân một cách cuồng nhiệt đến như vậy?

Đó là vì bọn chúng thừa biết các đảng cộng sản và công nhân giữ vị trí quan trọng như thế nào đối với cách mạng vô sản và trong hệ thống chính trị của xã hội xã hội chủ nghĩa. Đảng Cộng sản là đội tiên phong chính trị, là người lãnh đạo vạch đường chỉ lối và là tổ chức chiến đấu cao nhất của giai cấp công nhân. Mang trong mình bản chất cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác – Lênin, bao gồm những đại biểu ưu tú nhất của giai cấp công nhân, lại là tổ chức được tôi luyện và dày dặn

trong đấu tranh cách mạng, Đảng Cộng sản là lực lượng độc nhất và duy nhất có điều kiện và khả năng phân tích khoa học tình hình thực tế khách quan, vạch ra phương hướng, chiến lược, sách lược đúng đắn cho cách mạng vô sản và tổ chức quần chúng đấu tranh thực hiện có kết quả những phương hướng, chiến lược đó. Và thực tế Đảng đã trở thành lãnh tụ kiệt xuất và bộ tham mưu chiến đấu tài giỏi của cách mạng vô sản.

Lênin đã nhiều lần khẳng định dứt khoát rằng: "Chỉ có Đảng Cộng sản... mới có thể lãnh đạo được giai cấp vô sản trong cuộc đấu tranh kiên quyết nhất và thắng tay nhất chống tất cả mọi lực lượng của chủ nghĩa tư bản"², "chỉ có đội tiên phong của giai cấp công nhân mới lãnh đạo được nước mình"³. Đó là "nguyên tắc", "đó là điều không còn nghi ngờ gì nữa". Phủ nhận hoặc hạ thấp vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản "là một sự xa rời cơ bản về lý luận đối với chủ nghĩa cộng sản và là một thiên hướng công đoàn chủ nghĩa và vô chính phủ chủ nghĩa"⁴.

Phải thừa nhận rằng chiến lược của bọn đế quốc và phản động chống Đảng Cộng sản là chiến lược có tính toán, rất bài bản, thâm độc và nhất quán từ mấy chục năm nay. Đó là chiến lược chống phá một cách toàn diện, đồng thời có trọng tâm, trọng điểm, cả về nền tảng tư tưởng, đường lối chính trị, nguyên tắc tổ chức, mối quan hệ giữa Đảng với Nhà nước và các đoàn thể nhân dân, quan hệ quốc tế giữa các đảng. Có thể thấy rõ ba mũi nhọn chủ yếu mà chúng tập trung chống phá là:

Nền tảng tư tưởng của Đảng: tức chủ nghĩa Mác - Lênin. Chúng cho rằng chủ nghĩa Mác - Lênin đã lỗi thời, chủ nghĩa xã hội khoa học không còn sức sống. Chúng xuyên tạc, bác bỏ những luận điểm căn bản nhất của chủ nghĩa Mác - Lênin như sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, chế độ công hữu về tư liệu sản xuất, chuyên chính vô sản, chủ nghĩa quốc tế vô sản... Trong cuốn sách *Thất bại lớn - sự ra đời và cái chết của chủ nghĩa cộng sản ở thế kỷ XX* (xuất bản năm 1988), Brêdinxki - một chuyên gia chống cộng khét tiếng, trợ lý đặc lực của Tổng thống

Mỹ và là Chủ tịch Hội đồng an ninh quốc gia dưới thời Tổng thống Gimmi Cator - sau khi tưởng tượng ra sự thất bại và tan rã của chủ nghĩa cộng sản vào đầu thế kỷ XXI, đã truy nguồn gốc thất bại của chủ nghĩa cộng sản là ở chủ nghĩa Mác - Lênin. Theo Brêdinxki, chủ nghĩa cộng sản thất bại là do "những chính sách Mác - Lênin bắt nguồn từ một nhận thức sai về lịch sử và về bản chất con người"(!), và rằng "chủ nghĩa Mác - Lênin đã không thấy trước và không hiểu những lực lượng cơ bản trong các vấn đề quốc tế ở thế kỷ XX, đã đánh giá thấp vai trò các dân tộc và chủ nghĩa dân tộc"...(!)

Đánh vào chủ nghĩa Mác - Lênin là đánh vào gốc rễ của chủ nghĩa xã hội, đánh vào thế giới quan, cơ sở khoa học của đường lối, chính trị của Đảng Cộng sản.

- *Nguyên tắc tổ chức cơ bản của Đảng*: đó là nguyên tắc tập trung dân chủ. Chúng cho rằng do thực hiện tập trung dân chủ cho nên trong Đảng không có dân chủ, Đảng rơi vào quân phiệt, độc đoán, độc tài. Họ ra sức tán dương và khuyến khích thực hiện dân chủ cực đoan, trong Đảng có nhiều phe nhóm đối lập để đấu tranh, bàn cãi, tranh luận. Chúng cổ vũ sự bất đồng ý kiến và quan điểm trong Đảng, rồi lợi dụng sự bất đồng đó để chia rẽ Đảng thành những phe phái đối lập. Những kẻ phản bội lý tưởng xã hội chủ nghĩa, cơ hội hữu khuynh, xét lại thì được họ ve vãn, tăng bốc, lôi kéo, tặng cho đủ thứ danh hiệu mỹ miều. Còn những người mácxít - léninnít chân chính thì bị họ nhạo báng, chế giễu là bảo thủ, là giáo điều. Chúng dẫn ra những ví dụ (chưa nói là có phần thổi phồng) về sai lầm quan liêu, độc đoán, mất dân chủ của một số người lãnh đạo để phê phán và kết tội nguyên tắc tập trung dân chủ của Đảng Cộng sản.

Đánh vào nguyên tắc tập trung dân chủ trong Đảng là họ muốn đánh vào tổ chức của Đảng, phá vỡ sự thống nhất của Đảng, làm tan rã hoặc phân liệt Đảng về tổ chức.

- *Mối quan hệ giữa Đảng với nhân dân*: Thừa biết sức mạnh vô địch của Đảng là ở mối liên hệ máu thịt với nhân dân, bọn chống cộng tìm mọi cách để chia rẽ Đảng với nhân dân, lôi kéo, kích động, tách nhân dân ra khỏi ảnh hưởng của đảng. Bằng việc vu cáo Đảng Cộng sản chiếm quyền của nhân dân, vi phạm dân chủ, "độc đoán", "đảng trị", "thực hiện sự Chuyên chính của một đảng", "sự thống trị quan liêu của một giới thượng lưu", vi phạm nhân quyền, chúng đối lập Đảng với Nhà nước và các đoàn thể quần chúng, phủ nhận hoặc vô hiệu hoá vai trò lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị.

Như vậy, trong toàn bộ chiến lược chống chủ nghĩa xã hội, chống Đảng Cộng sản, bọn đế quốc và phản động coi việc *phê phán, bác bỏ nguyên tắc tập trung dân chủ là một trọng điểm, là một mũi nhọn rất lợi hại* nhằm phá vỡ sự thống nhất về tổ chức của Đảng, của Nhà nước, của xã hội.

2. Trong công cuộc cải tổ, cải cách và đổi mới hiện nay, việc xem xét lại các quan điểm nhận thức, các nguyên lý lý luận là rất cần thiết. Xem xét để cái gì đúng thì phát huy, cái gì khiếm khuyết thì bổ sung, cái gì lạc hậu thì sửa đổi, cái gì sai thì bỏ đi. Đó là lẽ thường tình. Chúng ta không câu nệ vào những gì đã có, mọi nguyên lý không phải là giáo điều. Vấn đề quan trọng quyết định là thái độ và phương pháp xem xét, xử lý thế nào cho khoa học.

Về nguyên tắc tập trung dân chủ, gần đây ở một số nước cũng có người đặt lại vấn đề. Có ý kiến đòi xoá bỏ nguyên tắc tập trung dân chủ vì theo họ, nguyên tắc tập trung dân chủ đã lỗi thời, chỉ thích hợp với hoạt động của Đảng trong thời kỳ đấu tranh bí mật, đấu tranh giành chính quyền, hoặc lãnh đạo chiến tranh; rằng thực hiện tập trung dân chủ là nguyên nhân gây ra độc đoán, độc tài, trong Đảng sẽ không có dân chủ, không có nhân đạo.

Có người cho rằng nguyên tắc tập trung, dân chủ chỉ đúng trên lý thuyết, chỉ ghi trên giấy tờ, chứ không thực tế, không thực hiện được. Thực tế chỉ có độc tài, độc

đoán. Vì vậy, họ chủ trương trong Đảng chỉ nên thực hiện dân chủ. Dân chủ trong Đảng là phải để cho đảng viên muốn nói gì thì nói, muốn làm gì thì làm; đảng viên có thể không chấp hành nghị quyết của Đảng, có thể tuyên truyền công khai quan điểm riêng của mình ở mọi nơi, kể cả trên các phương tiện thông tin đại chúng. Theo học đảng viên được tự do liên kết lập ra nhóm này, nhóm khác trong Đảng, hoạt động trái với quan điểm, đường lối chung của Đảng. Thậm chí có người còn muốn Đảng chỉ nên là một tổ chức giống như câu lạc bộ chỉ có thảo luận và bàn cãi, trong Đảng có những phe nhóm đối lập để kiểm chế nhau. Và họ coi đây là một tiêu chí quan trọng để đánh giá trình độ dân chủ của một Đảng, cũng giống như trong một nước phải có nhiều đảng lãnh đạo hoặc nhiều tổ chức đối lập mới là có dân chủ.

Ở nước ta cũng có những người do kém hiểu biết, thiếu thông tin hoặc muốn làm ra vẻ ta đây là người đổi mới, cho nên họ bắt chước nói theo người này người nọ ở nước ngoài một cách không suy nghĩ.

Độc được hoặc nghe được người này người nọ ở nước ngoài đòi xoá bỏ nguyên tắc tập trung dân chủ trong Đảng, thế là họ cũng nói toáng lên hết theo một giọng điệu như thế, không cần biết những người nước ngoài nói với động cơ, dụng ý gì, hoàn cảnh và trình độ của người ta ra sao.

Có những phần tử bất mãn, những kẻ cơ hội, cực đoan đòi xoá bỏ nguyên tắc tập trung dân chủ với dụng ý phá vỡ sự thống nhất của Đảng, hạ thấp hoặc thủ tiêu vai trò lãnh đạo của Đảng. Họ hần học, tức tối quy cho Đảng đủ mọi thứ tội, nào là độc đoán độc tài, phong kiến quân phiệt, nào là tàn ác, sa đọa. Nếu nghe theo họ tức là phải đánh đổ ban lãnh đạo hiện thời, xoá bỏ sự lãnh đạo của Đảng, trong Đảng phải có nhiều phe phái, thực hiện tự do dân chủ công khai vô hạn độ. Họ đòi Đảng và Nhà nước phải từ bỏ nguyên tắc tập trung dân chủ, vì theo họ "nguyên tắc tập trung dân chủ thực chất là bằng mọi biện pháp thu tóm toàn bộ quyền lực vào trong tay

một nhóm người và từ một nhóm người ấy rút lên một vài cá nhân" (!), "Còn giữ nguyên tắc tập trung dân chủ tức là còn chà đạp lên tinh thần dân chủ của nhân dân, và còn tạo điều kiện thực hiện chế độ phong kiến cực quyền"(!). Còn duy trì chế độ tập trung dân chủ "thì không bao giờ có thể thực hành dân chủ được" (!)

Lại có khuynh hướng hiểu dân chủ trong Đảng một cách cứng nhắc, cũ kỹ. Dân chủ dường như phải theo một khuôn khổ nhất định, dân chủ như là phương tiện để đạt đến sự tập trung, chỉ là "tính từ" trong cụm từ tập trung dân chủ. Vì thế, ai nói khác ý kiến lãnh đạo liền bị thành kiến hoặc bị quy chụp là chống lãnh đạo, chống Đảng.

Không nên "vơ đũa cả nắm" nhập cục vào loại chống Đảng, chống nhân dân, cả những người có tâm huyết, muốn suy nghĩ, muốn tìm tòi sáng tạo, thành tâm tìm cách đổi mới hoạt động của Đảng, của đất nước. Trong công cuộc đổi mới toàn diện, sâu sắc hiện nay, có rất nhiều vấn đề mới mẻ, phức tạp, cần phải suy nghĩ, phải trăn trở, không nên vội vàng quy chụp; trái lại, cần khuyến khích sự suy nghĩ sáng tạo, tìm tòi những cái mới có lợi cho cách mạng, cho sự phát triển của đất nước. Đồng thời phê phán, uốn nắn những nhận thức lệch lạc, những suy nghĩ mơ hồ; cảnh giác và kiên quyết đấu tranh chống mưu toan lợi dụng dân chủ và đổi mới để chống Đảng, thống nhân dân, chống chủ nghĩa xã hội.

II. NGUYÊN TẮC TẬP TRUNG DÂN CHỦ

PHẢI CHĂNG ĐÃ LỖI THỜI?

Phải thừa nhận rằng, tất cả những người phê phán, đòi xoá bỏ nguyên tắc tập trung dân chủ dù đó là các nhà tư tưởng từ sản chống cộng, những phần tử bất mãn, cực đoan, hay những người kém hiểu biết, mơ hồ, họ đều có một phần căn cứ thực tế.

Đó là tình trạng mất dân chủ ở không ít Đảng Cộng sản và không ít nước xã hội chủ nghĩa. Thậm chí có nơi có lúc mất dân chủ rất nghiêm trọng. Một số người lãnh đạo trên thực tế đã quan liêu, xa dân, độc đoán, gia trưởng; có người rơi vào vũng bùn của chủ nghĩa phong kiến, quân phiệt, gần như trở thành một ông vua đầy quyền lực và tham vọng. Những hiện tượng cán bộ lãnh đạo trù dập, ức hiếp quần chúng và cấp dưới là có thật. Những hiện tượng nội bộ đấu đá nhau, tranh giành quyền lực, mưu hãm hại nhau, đối xử tàn tệ với nhau là có thật. Ở nhiều nơi, cán bộ lãnh đạo của Đảng gần như trở thành "ông tướng", "bà tướng", còn đảng viên thường và quần chúng nhân dân phải chịu những bất công, oan ức, đau khổ. Quyền dân chủ của nhân dân không được tôn trọng và phát huy đầy đủ. Hoạt động của Nhà nước nhiều khi rất hình thức. Nhà nước không thực quyền, Nhà nước được tổ chức và hoạt động nặng về tập trung quan liêu, thiếu pháp luật, không theo pháp luật. Quản lý kinh tế thì theo kiểu mệnh lệnh hành chính, phi kinh tế, làm cho kinh tế gò bó, kém phát triển, kém năng động... Tất cả những cái đó là có thật. Nhưng có phải đó là hậu quả của việc thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ không? Có phải đó là tội của bản thân nguyên tắc tập trung dân chủ không?

Sai lầm cơ bản của những người phê phán, đòi xoá bỏ nguyên tắc tập trung dân chủ chính là ở chỗ họ phiến diện cực đoan, chỉ dựa vào những hiện tượng mất dân chủ để kết tội nguyên tắc tập trung dân chủ.

1. Nội dung, bản chất của nguyên tắc tập trung dân chủ

Trong điều lệ của các Đảng Cộng sản ghi rõ những nội dung cơ bản của nguyên tắc tập trung dân chủ như sau:

- Các cơ quan lãnh đạo các cấp của Đảng đều do bầu cử dân chủ mà lập ra theo nguyên tắc bỏ phiếu kín. Cơ quan lãnh đạo các cấp phải báo cáo và chịu trách nhiệm trước đại hội cấp mình, trước cơ quan lãnh đạo cấp trên và trước đảng bộ cấp dưới.

Cơ quan lãnh đạo các cấp phải thực hiện lãnh đạo tập thể đi đôi với phát huy trách nhiệm cá nhân, thường xuyên tự phê bình và phê bình.

- Các công việc của Đảng đều phải tùy theo tính chất quan trọng của từng vấn đề mà do những cơ quan có đủ thẩm quyền của Đảng giải quyết. Ví dụ: những vấn đề về đường lối chính sách cơ bản của Đảng, những vấn đề có tầm quan trọng chung trên phạm vi cả nước đều phải do cơ quan lãnh đạo toàn quốc của Đảng (tức là Đại hội đại biểu toàn quốc, Ban Chấp hành Trung ương) quyết định. Những vấn đề thuộc trách nhiệm và quyền hạn của địa phương thì các tổ chức đảng ở địa phương giải quyết không trái với đường lối, chính sách chung và các quyết định của cấp trên.

- Nghị quyết của các hội nghị của Đảng đều phải được biểu quyết theo đa số. Trước khi biểu quyết, các đảng viên được thảo luận, trình bày hết ý kiến của mình. Sau khi có nghị quyết, mọi đảng viên đều phải chấp hành; nếu có điểm nào không đồng ý thì đảng viên được quyền bảo lưu ý kiến hoặc đề đạt ý kiến của mình lên các cơ quan cấp trên cho đến đại hội đại biểu toàn quốc, nhưng vẫn phải chấp hành nghị quyết của Đảng.

- Mọi đảng viên được thảo luận một cách dân chủ thẳng thắn các công việc của Đảng, bầu cử, ứng cử hoặc được đề cử vào các cơ quan lãnh đạo các cấp của Đảng; có quyền phê bình, chất vấn các công việc của Đảng; được trình bày hết ý kiến khi tổ chức đảng quyết định kỷ luật đối với mình. Cá nhân đảng viên phải phục tùng tổ chức và kỷ luật của Đảng, thiểu số phục tùng đa số, tổ chức cấp dưới phục tùng tổ chức có thẩm quyền cấp trên, toàn Đảng phục tùng Trung ương.

Như vậy, *nguyên tắc tập trung dân chủ là sự kết hợp chặt chẽ hài hoà giữa hai mặt tập trung và dân chủ trong một mối quan hệ hữu cơ biện chứng*, chứ không phải chỉ là tập trung hoặc chỉ là dân chủ. Hai mặt đó tuy mâu thuẫn nhau nhưng lại bổ sung cho nhau, thống nhất với nhau, *làm thành một nguyên tắc hoàn chỉnh*. Dân

chủ là điều kiện, là tiền đề của tập trung; cũng như tập trung là cơ sở, là cái bảo đảm cho dân chủ được thực hiện. Không nên hiểu dân chủ là "tính từ" của tập trung hoặc tập trung là "tính từ" của dân chủ. Tuyệt đối hoá một mặt nào đều có thể dẫn đến những sai lầm nguy hiểm, có hại cho sự lãnh đạo và sức mạnh của Đảng. Ngay từ những ngày đầu đấu tranh để thành lập Đảng Công nhân dân chủ - xã hội Nga, V.I. Lênin đã nêu ra yêu cầu phải kết hợp chặt chẽ tính tập trung, kỷ luật thống nhất của Đảng với tính dân chủ rộng rãi, tức là phải thực hiện *nguyên tắc tập trung dân chủ*. Lênin một mặt khẳng định rằng: "toàn bộ tổ chức của Đảng hiện nay được xây dựng theo nguyên tắc dân chủ... có nghĩa là *toàn thể* đảng viên bầu ra những người lãnh đạo, những uỷ viên các ban chấp hành, v.v., rằng toàn thể đảng viên thảo luận và *quyết định* vấn đề vận mệnh chính trị của giai cấp vô sản, rằng *toàn thể* đảng viên *xác định* phương châm sách lược của các tổ chức đảng"⁶. Mặt khác, Người đòi hỏi trong Đảng phải thực hiện kỷ luật tập trung, thiểu số phải phục tùng đa số, cấp dưới phải phục tùng cấp trên, toàn Đảng phải phục tùng Trung ương. Người cho rằng: "Từ chối không chịu phục tùng sự lãnh đạo của các cơ quan trung ương tức là từ chối không muốn làm đảng viên; tức là phá hoại Đảng"⁷. Người nói rõ hơn: "Chúng ta đi đến một nguyên tắc rất quan trọng trong toàn bộ tổ chức Đảng và hoạt động của Đảng: nếu trong việc lãnh đạo phong trào và cuộc đấu tranh cách mạng của giai cấp vô sản về tư tưởng và thực tiễn cần có chế độ tập trung càng mạnh càng tốt, thì về phương diện làm cho Trung ương Đảng (và như vậy là toàn Đảng nói chung) *nhắm lấy* tình hình phong trào, về phương diện *trách nhiệm* trước Đảng, cần có *chế độ phân tán càng rộng rãi càng tốt*"⁸. Thống nhất hành động phải luôn luôn đi liền với tự do thảo luận và phê bình, tính tổ chức phải gắn chặt với tính tư tưởng. Người nhắc nhở: "Không được quên rằng bên vực tập trung có nghĩa là chỉ bên vực chế độ tập trung dân chủ mà thôi"⁹. Sau này khi vạch ra nhiệm vụ cấp bách của chính quyền Xôviết, nhiệm vụ tổ chức và quản lý nước Nga sau Cách mạng Tháng Mười, Lênin lại nêu công thức

phải kết hợp chặt chẽ tinh thần dân chủ tràn trề như nước lũ mùa xuân với kỷ luật tập trung thống nhất.

Những người đòi xoá bỏ nguyên tắc tập trung dân chủ chứng tỏ họ không hiểu đúng nội dung và bản chất của nguyên tắc này. Họ tưởng đâu như nguyên tắc tập trung dân chủ chỉ là kỷ luật, là tập trung, đồng nhất tập trung dân chủ với tập trung mà quên mất những nội dung rất căn bản và quan trọng của dân chủ. Họ dẫn ra những ví dụ về sai lầm quan liêu, độc đoán, mất dân chủ của một số người lãnh đạo nào đó để phê phán và kết tội nguyên tắc tập trung dân chủ, mà không biết rằng đây chính là những biểu hiện tiêu cực của việc hiểu không đúng và thực hiện không tốt nguyên tắc tập trung dân chủ, là hậu quả của việc vi phạm nguyên tắc này.

Có người cho rằng, nguyên tắc tập trung dân chủ chỉ đúng trên lý thuyết, chỉ ghi trên giấy tờ, chứ trong thực tế không được thực hiện. Đúng là cuộc sống đã chứng kiến không ít những hiện tượng vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ, thậm chí có những trường hợp vi phạm nghiêm trọng dẫn đến những hậu quả rất lớn. Ngay những quy định cụ thể bảo đảm thực hiện nguyên tắc này cũng còn rất chưa đầy đủ. Nhưng chẳng lẽ vì trong thực tế chưa được thực hiện hoặc thực hiện chưa tốt mà xoá bỏ đi cả một nguyên lý, một nguyên tắc mặc dù đó là nguyên lý, nguyên tắc đúng đắn ở đâu và lúc nào không thực hiện đúng tập trung dân chủ, để xảy ra những hiện tượng gia trưởng, độc đoán, quan cách hoặc vô tổ chức, vô kỷ luật, thì phải kiên quyết đấu tranh khắc phục những thói xấu đó, thực hiện cho bằng được nguyên tắc tập trung dân chủ.

Cần khẳng định dứt khoát rằng, thực hiện tập trung dân chủ là vấn đề có tính nguyên tắc. Bởi vì tập trung dân chủ là nguyên tắc tổ chức cơ bản của một đảng mác xít chân chính, xuất thân từ bản chất của giai cấp công nhân. Thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ là điều kiện bảo đảm cho Đảng phát huy tính tích cực

sáng tạo của một tổ chức đảng và đảng viên trong việc tham gia xây dựng và thực hiện đường lối, chính sách của Đảng; đồng thời bảo đảm sự thống nhất ý chí và hành động của toàn Đảng. Không thể hình dung được một tổ chức mà lại không có sự ràng buộc cố kết về tổ chức.

Cho đến nay, có lẽ chưa ai bác bỏ được rằng giai cấp công nhân là giai cấp tiên tiến nhất, đại diện cho phương thức sản xuất hiện đại nhất. Do tính chất và đặc điểm của phương thức sản xuất hiện đại, giai cấp công nhân là giai cấp có ý thức tổ chức và kỷ luật cao nhất; không như thế công nhân không thể tồn tại trong dây chuyền sản xuất công nghiệp có trình độ chuyên môn hoá ngày càng sâu và trình độ hợp tác hoá ngày càng cao. Tính tổ chức, tính kỷ luật là vũ khí chiến thắng của giai cấp công nhân.

Là tổ chức chiến đấu và đội tiên phong cách mạng của giai cấp công nhân, Đảng Cộng sản hơn bất cứ một tổ chức chính trị tiến bộ nào khác, nó nhất thiết phải là một khối thống nhất ý chí và hành động, không có bè phái, không phải là câu lạc bộ bàn cãi suông.

Trong một tổ chức mà các thành viên "ông chẳng bà chuộc" luôn luôn cãi vã nhau, chống đối nhau, năm bè bảy mối thì làm sao có sức mạnh? Cũng như trong một bản hoà tấu mà "trống đánh xuôi, kèn thổi ngược" thì làm sao thành hoà tấu? Một con thuyền mà có ba người cùng muốn lái về ba hướng khác nhau thì con thuyền sẽ đi về đâu? Ông cha ta đã từng đúc kết từ thực tế rằng: "Một nhà hai chủ không hoà, hai vua một nước ắt là không yên". Rõ ràng, thống nhất ý chí, thống nhất hành động là một yêu cầu cực kỳ quan trọng, nó có ý nghĩa quyết định sức mạnh của Đảng, của giai cấp công nhân. Lênin đã nhiều lần nhấn mạnh: "Giai cấp vô sản có một chế độ tập trung tuyệt đối và có kỷ luật hết sức nghiêm minh, đó là một trong những điều kiện căn bản để có thể chiến thắng giai cấp tư sản"¹⁰... "Kẻ nào làm yếu - dù chỉ là chút ít - kỷ luật sắt trong Đảng của giai cấp vô sản (nhất là trong thời

kỳ chuyên chính của nó) là thực tế đã giúp cho giai cấp tư sản chống lại giai cấp vô sản"¹⁰.

Không phải ngẫu nhiên mà trong suốt cuộc đời hoạt động của mình, Bác Hồ luôn luôn giáo dục cán bộ, đảng viên và nhân dân giữ gìn sự đoàn kết thống nhất, và tự mình chăm lo xây dựng khối đoàn kết thống nhất trong Đảng, khối đoàn kết thống nhất toàn dân. Người nhắc đi nhắc lại rằng cách mạng muốn thành công, phải có sự đồng tâm nhất trí của toàn Đảng, toàn dân.

Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết,

Thành công, thành công, đại thành công.

Trước khi qua đời, Người còn căn dặn: "Đoàn kết là một truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng và của dân ta. Các đồng chí từ Trung ương đến các chi bộ cần phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình" ¹¹.

Đương nhiên, khác với kiểu tập trung thống nhất dựa trên cơ sở quyền lực quan liêu, độc tài của chế độ vua quan phong kiến hà khắc, kỷ luật tập trung thống nhất của Đảng Cộng sản dựa trên cơ sở phát huy rộng rãi dân chủ trong Đảng, phát huy sáng kiến, sáng tạo của mọi thành viên, tôn trọng và bảo đảm sự bình đẳng giữa các thành viên. Nếu tập trung không dựa trên cơ sở dân chủ thì sẽ dẫn đến tập trung quan liêu, độc đoán, độc tài. Cũng như nếu chỉ nói đến dân chủ mà không giữ gìn kỷ luật tập trung thì sức mạnh của Đảng bị phân tán, bị chia rẽ, thậm chí Đảng không còn sức mạnh. Thực tiễn ở nhiều nơi trên thế giới đã và đang chứng minh rất rõ điều đó.

Suốt một thời gian dài ở nhiều nước xã hội chủ nghĩa, kể cả ở Việt Nam, nguyên tắc tập trung dân chủ được hiểu và thực hiện có phần thiên lệch về phía tập trung quan liêu thống nhất cứng nhắc, dẫn đến vi phạm dân chủ trong Đảng, xuất hiện hàng loạt những sai lầm gia trưởng, độc đoán, sùng bái cá nhân, lãnh tụ là thống

soái, cá nhân trù lên tập thể. Trong kinh tế thì nhấn mạnh một chiều tập trung thống nhất, coi nhẹ dân chủ; nhấn mạnh một chiều tính kế hoạch, coi nhẹ cơ chế thị trường; nhấn mạnh một chiều quan hệ dọc, coi nhẹ quan hệ ngang, do đó không phát huy được tính đa dạng, tính phong phú, tính sáng tạo của các thành phần kinh tế các quan hệ kinh tế, các cơ sở kinh tế.

Phát hiện ra những sai lầm "áo trĩ tả khuynh" và kiên quyết khắc phục những sai lầm đó, là điều rất đúng, rất cần. Công cuộc cải tổ, cải cách, đổi mới ở các nước xã hội chủ nghĩa được đặt ra chính cũng là nhằm sửa chữa những sai lầm đó. Nhưng từ chỗ chống tập trung quan liêu, độc đoán, người ta lại rơi vào thái cực phủ nhận hoặc hạ thấp tính tập trung thống nhất, đề cao một chiều tự do dân chủ, dẫn đến sự hỗn loạn, vô chính phủ không kiểm soát được. Đây lại là sai lầm hữu khuynh tệ hại, mà người ta cứ ngộ nhận cho đó là "đổi mới".

Vì sao bọn chống cộng vào lúc này lại nhiệt tình cổ xúy, khuyến khích các Đảng Cộng sản thực hiện dân chủ tuyệt đối ở trong Đảng, khuyến khích các nước xã hội chủ nghĩa thực hiện đa nguyên chính trị, đa đảng, áp dụng cơ chế kinh tế thị trường đến thế? Phải chăng họ có lòng tốt với chúng ta? Họ là người bạn chân thành của chủ nghĩa xã hội và các Đảng Cộng sản? Vừa qua, ở một số nước có hàng loạt tổ chức đối lập chính thức và không chính thức lần lượt ra đời, các tổ chức đảng dưới đủ màu sắc "mọc lên như nấm". Đảng Cộng sản bị chia rẽ, phân liệt, thậm chí bị tan rã từng mảng lớn, không còn sức chiến đấu dẫn đến mất cả chính quyền, không còn vai trò lãnh đạo xã hội. Điều đó có lợi cho ai và có hại cho ai? Tại sao ở nước này nước khác, người ta ra sức tán dương dân chủ đa nguyên, đa đảng, nhưng sau khi cướp được chính quyền, họ lại đặt Đảng Cộng sản ra ngoài vòng pháp luật, ra sức săn lùng những người cộng sản, đòi quốc hữu hoá tài sản của Đảng, đốt phá cả trụ sở của Trung ương Đảng, tìm mọi cách tấy chay, tiêu diệt những người cộng sản?

Rõ ràng, người ta phê phán, phủ nhận tính tập trung thống nhất, nhấn mạnh và thổi phồng mặt dân chủ trong nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng là có ý đồ, ý đồ rất sâu xa và cực kỳ hiểm độc: *chia rẽ nội bộ đảng, phá vỡ sự thống nhất của Đảng, làm tan rã tổ chức đảng.*

Nói rộng ra, người ta phê phán, phủ nhận tính tập trung thống nhất, nhấn mạnh và thổi phồng mặt dân chủ trong nguyên tắc tập trung dân chủ còn nhằm phá vỡ tính thống nhất, kỷ luật, kỷ cương của nhà nước xã hội chủ nghĩa, phá vỡ tính thống nhất của nền kinh tế xã hội chủ nghĩa, làm cho xã hội luôn luôn rối loạn không ổn định về chính trị. Chúng ta không thể đồng tình và chấp nhận quan điểm sai lầm nói trên.

2. Những luận điểm chống phá nguyên tắc tập trung dân chủ mà các nhà tư tưởng của chủ nghĩa đế quốc và các phần tử cơ hội nêu ra có gì là mới?

Đó chỉ là sự nhai lại (nhắc lại) những điều quá cũ rích cách đây ngót trăm năm rồi. Vào những năm 1903 - 1904, thời kỳ diễn ra Đại hội II của Đảng Công nhân dân chủ - xã hội Nga và sau Đại hội đó, Đảng mác xít Nga lâm vào tình trạng khủng hoảng trầm trọng, đứng trước những thử thách to lớn, phải đấu tranh chống bọn cơ hội trên những vấn đề về nguyên tắc tổ chức đảng. Những người cơ hội chủ nghĩa như Máctốp, Ácxenrôt coi thường và hạ thấp ý nghĩa vấn đề tổ chức của Đảng, vấn đề tập trung thống nhất của phong trào công nhân, chủ trương đảng viên của Đảng không cần tham gia sinh hoạt trong một tổ chức đảng, không cần chấp hành nghị quyết và phục tùng kỷ luật của Đảng. Đảng không cần thành tổ chức, không cần có hình thù rõ rệt, chỉ lờ mờ và ô hợp cũng được.

Lênin đã kiên quyết đấu tranh vạch trần những sai lầm của phái Máctốp, và đã đánh bại chủ nghĩa cơ hội trên vấn đề tổ chức của Đảng. Người cho rằng đội tiên phong của giai cấp công nhân lãnh đạo toàn xã hội không phải chỉ bằng cương lĩnh, bằng tư tưởng, đường lối mà còn bằng tổ chức. Tổ chức đảng có được xây

dựng và củng cố vững mạnh thì mới bảo đảm cho cương lĩnh, đường lối của Đảng được thực hiện. Nói cách khác, sức mạnh về chính trị, tư tưởng của Đảng được thực hiện bằng tổ chức và thông qua tổ chức. Tổ chức bảo đảm cho Đảng tồn tại một cách hiện thực và có sức mạnh. Lênin nhiều lần nhấn mạnh: "Sức mạnh của giai cấp công nhân là ở tổ chức. Không có tổ chức của quần chúng, giai cấp vô sản sẽ không là cái gì hết. Được tổ chức, giai cấp vô sản sẽ là tất cả"¹³. Sở dĩ giai cấp vô sản và đảng của nó có sức mạnh vô địch và trở thành vô địch "là vì một lý do duy nhất này: sự thống nhất tư tưởng của giai cấp công nhân dựa trên cơ sở những nguyên lý của chủ nghĩa Mác, được củng cố bằng sự thống nhất vật chất của tổ chức, tập hợp hàng triệu người lao động tạo thành một đội quân của giai cấp công nhân"¹².

Chính nguyên tắc tập trung dân chủ bảo đảm cho Đảng được cố kết về mặt tổ chức, làm cho tổ chức đảng thành hiện thực và có sức mạnh. Lênin kiên quyết đấu tranh bảo vệ quan điểm đã là đảng viên thì phải sinh hoạt ở một tổ chức đảng cụ thể, phải thực hiện nguyên tắc tập trung và phục tùng kỷ luật của đảng. Người khẳng định "một cách tuyệt đối rõ ràng và chính xác rằng, tôi muốn và tôi đòi Đảng, đã là một đội tiên phong của giai cấp, thì phải hết sức *có tổ chức*, rằng đảng chỉ nên thu nhận những phần tử *ít nhất cũng phải có một tính tổ chức tối thiểu*"¹³. Lênin gọi những người mensêvích là "cơ hội chủ nghĩa", "cá nhân tự do vô chính phủ kiểu quý tộc". Những người này vì lợi ích bề phái, nhóm tổ của mình mà đi đến chỗ xuyên tạc Điều lệ Đảng, vi phạm Điều lệ Đảng, không phục tùng nghị quyết của Đại hội. Lênin nêu ra những nguyên tắc cơ bản về tổ chức của một đảng mác xít, nhấn mạnh ý nghĩa quan trọng của vấn đề tập trung, sự thống nhất về ý chí, hành động và kỷ luật của Đảng; rằng Đảng chỉ có thể hoàn thành được vai trò đội tiên phong nếu nó được tổ chức thành một đội ngũ chặt chẽ, được cố kết bởi ý chí thống nhất, hành động thống nhất, kỷ luật thống nhất theo nguyên tắc tập trung dân

chủ và tiến hành "công tác tự phê bình của mình, bóc trần một cách không khoan nhượng những thiếu sót của bản thân mình".

Các nhà tư tưởng chống cộng từ mấy chục năm nay vì muốn Đảng Cộng sản không thành một tổ chức hoặc chỉ là một tổ chức rất lỏng lẻo, rời rạc cho nên đã tiến công vào nguyên tắc tập trung dân chủ, vu cáo, xuyên tạc, rêu rao nguyên tắc tập trung dân chủ gắn chặt với "chế độ chuyên quyền" của một "giới thượng lưu" đại biểu cho quyền lực thật sự.

Giờ đây những người phê phán hoặc phủ nhận nguyên tắc tập trung dân chủ chẳng qua cũng chỉ là lặp lại một cách giáo điều những luận điểm đã có từ lâu trong lịch sử. Lý lẽ của họ chẳng có gì mới, sự vu cáo và xuyên tạc của họ chẳng có gì khác. Có chăng chỉ là ở chỗ, ngày nay người ta nguy hiểm, giả trá một cách thâm hiểm và táo bạo hơn, người ta lợi dụng "đổi mới", núp dưới chiêu bài "đổi mới" để đề cao quá mức vấn đề dân chủ, nhân quyền.

Điều cực kỳ may mắn đối với họ là, âm mưu chống phá chủ nghĩa xã hội của họ lần này được thực hiện trùng hợp với chủ trương cải tổ, đổi mới của chủ nghĩa xã hội, đúng vào lúc Đảng Cộng sản ở các nước xã hội chủ nghĩa phát hiện ra những sai lầm của mình, tự công khai phê phán những sai lầm ấu trĩ, tự thấy phải tiến hành cải tổ và đổi mới. Không cải tổ và đổi mới thì chủ nghĩa xã hội không thể phát triển và tiến lên được. Các Đảng Cộng sản thấy mình phải chấn chỉnh, sửa chữa bệnh quan liêu, cứng nhắc, máy móc. Dân chủ là xu thế của thời đại, là khát vọng của nhân dân. Thực hiện dân chủ là nhu cầu nội tại trong sự phát triển của Đảng, phản ánh quy luật tồn tại và hoạt động của Đảng, đồng thời là nguyện vọng chính đáng của đông đảo cán bộ đảng viên. Mục tiêu và yêu cầu đổi mới của chúng ta là để củng cố và tăng cường chủ nghĩa xã hội, củng cố và tăng cường sức mạnh của Đảng Cộng sản.

Lợi dụng và khai thác triệt để thời cơ hiếm có này, các thế lực đế quốc và phản động, đẩy tới chiến dịch chống phá chủ nghĩa xã hội, chống phá phong trào công sản và công nhân quốc tế; và họ đã giành được một số thắng lợi quan trọng ở nơi này nơi khác. Trong khi đó, công tác lý luận, công tác tư tưởng của chúng ta lại mắc không ít khuyết điểm, sai lầm, thiếu chủ động tiến công một cách sắc bén, có lúc chập chờn, nửa vơi, để mặc cho tâm trạng của quần chúng trôi nổi. Cũng may là gần đây chúng ta đã kịp thời nhận ra những khuyết điểm của mình, kịp thời chấn chỉnh, và lại có thực tiễn sinh động ở nhiều nước kiểm nghiệm, uốn nắn nhận thức của chúng ta.

3. Phải chăng giờ đây nguyên tắc tập trung dân chủ đã lỗi thời?

Những nhà lý luận chống cộng, những người mơ hồ trong đội ngũ chúng ta vẫn thường rêu rao rằng nguyên tắc tập trung dân chủ chỉ đúng và thích hợp với hoạt động của Đảng trong điều kiện bí mật hoặc trong thời kỳ chiến tranh. Trong hoàn cảnh đó phải có kỷ luật chặt chẽ, phải có tập trung thống nhất cao độ, còn trong hoàn cảnh hoà bình xây dựng, kẻ thù không còn, nhân dân đã làm chủ, cần gì phải thực hiện chế độ tập trung, kỷ luật và chuyên chính. Lúc này mà còn thực hiện tập trung dân chủ là không thức thời, là vi phạm dân chủ, là độc đoán chuyên quyền (!).

Luận điểm nói trên hoàn toàn sai lầm. Bởi vì:

Thứ nhất: Như trên đã nói, nguyên tắc tập trung dân chủ không phải chỉ nhằm tạo ra kỷ luật thống nhất, mà còn nhằm phát huy mọi sáng kiến, sáng tạo, khai thác trí tuệ của đảng viên, của cơ sở. Trong thời kỳ hoạt động bí mật, hoặc trong điều kiện lãnh đạo chiến tranh, một mặt tổ chức đảng phải rất chặt chẽ, đảng viên, cán bộ phải có kỷ luật nghiêm minh, nhưng mặt khác cũng rất cần phát huy dân chủ; dân chủ trong thảo luận, bàn bạc, ra quyết định, dân chủ trong hoạt động thực tiễn. Điều kiện hoạt động bí mật, điều kiện chiến tranh đòi hỏi các cán bộ, đảng viên

trên mỗi cương vị công tác, trong từng nhiệm vụ cụ thể của mình phải rất chủ động, sáng tạo, linh hoạt chứ không thể chỉ thụ động, ngồi chờ lệnh cấp trên. Thực tế cuộc đấu tranh lâu dài gian khổ của Đảng ta, nhân dân ta, cuộc chiến tranh nhân dân thần thánh của Việt Nam đã có biết bao ví dụ cụ thể sinh động về sự sáng tạo, tinh thần chủ động linh hoạt, khôn khéo của cán bộ, đảng viên và nhân dân ta. Và chính đây là một trong những nguyên nhân quan trọng làm nên sức mạnh to lớn của Đảng ta và chiến thắng kỳ diệu của dân tộc ta. Vì vậy, nếu nói nguyên tắc tập trung dân chủ chỉ phù hợp trong hoàn cảnh hoạt động bí mật hoặc lãnh đạo chiến tranh là không đúng, là đối lập dân chủ với tập trung, tách rời tập trung với dân chủ.

Thứ hai: Trong điều kiện hoà bình xây dựng, chúng ta chẳng những phải phát huy mạnh mẽ dân chủ, mở rộng dân chủ, mà đồng thời còn phải giữ gìn kỷ luật thống nhất, tính tập trung. Có lẽ nào một tổ chức mà trong hoàn cảnh này thì phải chặt chẽ, trong hoàn cảnh khác có thể lỏng lẻo? Không thể quan niệm một tổ chức chiến đấu, lãnh đạo như Đảng Cộng sản của giai cấp công nhân lại chỉ cần chặt chẽ về mặt tổ chức trong chiến tranh, trong hoạt động bí mật, còn trong hoà bình, trong lãnh đạo xây dựng kinh tế, văn hoá, quốc phòng, đối ngoại, thì lỏng lẻo cũng được. Thực tế vừa qua có những đảng tuy đã có lịch sử mấy chục năm tồn tại, đấu tranh và phát triển, nhưng do một phút buông lỏng kỷ luật, tính tập trung, nhấn mạnh một chiều và quá đáng vấn đề dân chủ, để cho các phân tử cơ hội, cực đoan tự do hoạt động vô tổ chức, vô chính phủ, đã dẫn đến nội bộ bị chia rẽ, tổ chức rối loạn thậm chí tan rã.

Và chẳng, trong điều kiện hoà bình quá độ lên chủ nghĩa xã hội, chưa phải đã hết những yếu tố tự phát, những khuynh hướng tự do vô chính phủ, những âm mưu và thủ đoạn chia rẽ, phá hoại ở cả trong nước và từ nước ngoài. Có biết bao nhiêu yếu tố phức tạp khiến chúng ta không thể buông lỏng kỷ luật, kỷ cương. Thực tế ở nước

ta và nhiều nước thời gian gần đây đã cho thấy rất rõ điều đó. Nếu chủ trương phát triển kinh tế hàng hoá nhiều thành phần với sự đa dạng hoá về sở hữu, chuyển sang cơ chế kinh doanh, sử dụng cả các thành phần cá thể và tư nhân tư bản, mà không làm tốt công tác quản lý vĩ mô, vừa sử dụng vừa cải tạo, vừa hợp tác vừa đấu tranh; cũng như nếu chủ trương chuyển nền kinh tế sang cơ chế thị trường, mà buông lỏng kế hoạch, pháp luật, không kiểm tra, không điều tiết thì nhất định không thể tránh khỏi những hiện tượng phân tán, cục bộ, vô tổ chức, thậm chí hỗn loạn. Chúng ta giải thích thế nào những hiện tượng tiêu cực xảy ra gần đây như tình trạng đổ bể trong ngành tín dụng, tranh chấp đất đai, hàng nhập lậu vô tội vạ, giá cả thất thường,... nhiều khi Nhà nước không kiểm soát được? Chẳng lẽ đó không phải là hậu quả của việc dân chủ cực đoan, dân chủ không đi liền với kỷ luật, buông lỏng kiểm tra quản lý vĩ mô? Rõ ràng, trong tình hình hiện nay, chúng ta vừa phải mở rộng dân chủ lại vừa phải giữ gìn kỷ luật, kỷ cương, kết hợp chặt chẽ hai mặt tập trung và dân chủ, thực hiện thật tốt nguyên tắc tập trung dân chủ.

Thứ ba: Những luận điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về tập trung dân chủ không phải là một giáo điều chết cứng, nó là phương pháp luận và kim chỉ nam cho hành động. Vì vậy, phải luôn luôn vận dụng sáng tạo nó vào hoàn cảnh cụ thể từng lúc, từng nơi. Ở đâu, lúc nào vi phạm dân chủ, quan liêu, độc đoán chuyên quyền thì phải kịp thời phê phán, đấu tranh khắc phục những hiện tượng đó. Ngược lại, ở đâu, lúc nào dân chủ cực đoan, cục bộ địa phương, mất đoàn kết, vô tổ chức, vô kỷ luật thì phải chấn chỉnh một cách kiên quyết. Không thể vì nhân mạnh một mặt nào, uốn nắn một nhận thức hoặc khuynh hướng sai lệch nào mà đi đến bác bỏ, phủ nhận cả một chỉnh thể.

4. Nếu bác bỏ nguyên tắc tập trung dân chủ trong Đảng thì tình hình sẽ ra sao?

Ở đây có thể có mấy khả năng:

- Bác bỏ nguyên tắc tập trung dân chủ nhưng thay thế bằng nguyên tắc nào? Không thấy người ta nói rõ. Nếu không có nguyên tắc nào thay thế thì Đảng sẽ tổ chức ra sao? Đảng có còn là một tổ chức nữa hay không? Cái gì ràng buộc, cố kết các thành viên của Đảng? Cái gì tạo nên sức mạnh thống nhất của Đảng?

- Bác bỏ nguyên tắc tập trung dân chủ theo nghĩa phi tập trung hoá, đòi mở rộng dân chủ vô hạn độ. Như vậy thì Đảng sẽ rơi vào tình trạng như đã nói trên: trong Đảng tha hồ tự do tranh cãi, không ai chịu ai, tổ chức sẽ chia rẽ, phân liệt thành năm bè bảy mối, rớt cuộc rồi cũng bị tan rã hoặc bị tiêu diệt.

- Bác bỏ nguyên tắc tập trung dân chủ theo nghĩa phi dân chủ hoá, nhấn mạnh kỷ luật tập trung, dẫn đến quan liêu, độc đoán, độc tài, Đảng không còn là tổ chức của những người tự giác tự nguyện, trí tuệ Đảng không được phát huy, rớt cuộc Đảng cũng héo hon, khô kiệt dần và không còn sức sống để tồn tại.

Cả ba trường hợp nói trên đều làm cho Đảng không còn là Đảng.

III - THỰC HIỆN NGUYÊN TẮC TẬP TRUNG DÂN CHỦ

THÔNG ĐIỀU KIỆN ĐỔI MỚI

Tất cả những điều đã nói trên đây cho phép rút ra kết luận rằng, chúng ta không thể và không nên từ bỏ nguyên tắc tập trung dân chủ, một nguyên tắc tổ chức rất cơ bản và quan trọng của Đảng Cộng sản, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của nhà nước xã hội chủ nghĩa và của công tác quản lý kinh tế, quản lý xã hội trong thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội. Nguyên tắc tập trung dân chủ do Lenin đề ra đến nay vẫn còn nguyên giá trị; nó chưa lỗi thời, chưa phải là cái cản trở con đường tiến lên của chúng ta.

Tuy nhiên, trong hoàn cảnh mới ngày nay, chúng ta không thể và không nên thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ theo kiểu cũ, máy móc, cứng nhắc, lệch lạc, giáo điều. Nguyên tắc tập trung dân chủ cần phải được hiểu đúng và thực hiện đúng trong điều kiện mới, theo tinh thần mới của thời đại. Không thể giải quyết vấn đề hôm nay bằng những biện pháp của ngày hôm qua.

Hiện nay, dân chủ hoá xã hội đang là một xu thế của thời đại, một yêu cầu khách quan của đất nước. Đảng ta chủ trương phải phát huy những kết quả bước đầu đã đạt được, tiếp tục mở rộng dân chủ trong Đảng và trong xã hội, tích cực xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa. Nhưng vấn đề quan trọng là phải hiểu đúng và nắm vững nội dung cơ bản của dân chủ xã hội chủ nghĩa: bảo đảm phát huy trí tuệ, nghị lực của nhân dân, thực hiện quyền làm chủ thật sự của nhân dân, bảo đảm lợi ích chính đáng của nhân dân. Cái gì trái với ý chí và lợi ích của nhân dân và dân tộc, phương hại đến sự nghiệp cách mạng, chúng ta kiên quyết đấu tranh bác bỏ. Dân chủ không phải ở chỗ tạo ra nhiều trung tâm quyền lực, chia sẻ sự lãnh đạo tập trung thống nhất, lập ra nhiều tổ chức đối lập, thực hiện chế độ "đa nguyên, đa đảng".

Chính tính chất, chức năng, vai trò lãnh đạo của Đảng quy định phương thức hoạt động và các nguyên tắc tổ chức sinh hoạt đảng đòi hỏi Đảng phải thật sự mở rộng dân chủ nội bộ, đồng thời có kỷ luật tập trung, đoàn kết thống nhất.

Từ Đại hội VI của Đảng đến nay, Đảng ta đã có bước tiến mới về thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ trong sinh hoạt đảng, trong việc chuẩn bị các quyết định của Đảng, trong việc bầu cử cấp uỷ và đánh giá, đề bạt cán bộ, trong quan hệ và lề lối làm việc giữa cấp trên và cấp dưới. Trong hoạt động của các cơ quan chính quyền và các đoàn thể nhân dân cũng dân chủ hoá, bớt được những hiện tượng quan liêu, cửa quyền, vô trách nhiệm với dân. Nhưng phải thừa nhận rằng những tiến bộ đó còn rất hạn chế, trình độ dân chủ ở ta còn xa mới đạt yêu cầu. Những hiện tượng

mất dân chủ, dân chủ hình thức, cùng những tư tưởng ngô thi, gia trưởng trong Đảng, độc đoán, thành kiến,.. còn khá nặng nề. Không ít cán bộ lãnh đạo ở các cấp, các ngành sống rất quan cách, lộng quyền, xa dân. Không ít những người dân và đảng viên phải chịu oan ức, đau khổ. Đồng thời cũng xuất hiện những hiện tượng dân chủ quá trớn, dân chủ cực đoan, dẫn đến tự do vô tổ chức, cực bộ, bản vị, mất đoàn kết, vi phạm kỷ luật thống nhất của Đảng.

Thực tế ở nước ta và nhiều nước trên thế giới thời gian gần đây một lần nữa lại chứng minh rằng, sức mạnh và sự đoàn kết thống nhất của Đảng được bảo đảm bằng việc thực hiện dân chủ rộng rãi trong Đảng, đồng thời giữ vững kỷ luật tập trung, lãnh đạo tập thể đi đôi với cá nhân phụ trách, thực hiện chế độ tự phê bình và phê bình, dân chủ chỉ có ý nghĩa tích cực khi đi liền với kỷ luật tập trung, kết hợp chặt chẽ với kỷ luật tập trung. Dân chủ không đi liền với kỷ luật tập trung thì dân chủ cũng không thực hiện được, nhiều khi còn dẫn đến vô tổ chức, phá vỡ sự thống nhất của Đảng.

Vậy làm thế nào để thực hiện được nguyên tắc tập trung dân chủ trong Đảng? Thực tế đã cho thấy, không phải cứ hô khẩu hiệu thực hiện tập trung dân chủ, ca nhiều bài ca về dân chủ là tự nhiên có dân chủ, có thống nhất. Nhất là lâu nay do những nhận thức và hành động không đúng của một số người lãnh đạo ở đảng này đảng khác, do sự tuyên truyền kích động của các nhà tư tưởng tư sản, người ta vẫn thường có mặc cảm, nhiều khi đến mức sợ sệt, ghét bỏ nguyên tắc tập trung dân chủ trong Đảng.

Trong tình hình hiện nay, để thực hiện được nguyên tắc tập trung dân chủ một cách đúng đắn, ngoài việc phải hiểu đúng bản chất, nội dung nguyên tắc tập trung dân chủ, mối quan hệ biện chứng giữa hai mặt tập trung và dân chủ, ý nghĩa cực kỳ quan trọng của nguyên tắc tập trung dân chủ trên cơ sở mở rộng dân chủ nội bộ, *điều quyết định, cái bảo đảm thực hiện trong thực tế là phải có cơ chế đúng, có*

những quy định cụ thể và phải có tinh thần đấu tranh kiên quyết để thực hiện các quy chế, quy định đó.

Nói phải có cơ chế, có quy định cụ thể tức là nội dung nguyên tắc tập trung dân chủ phải được "thể chế hoá", "pháp luật hoá" thành những điều lệ, quy chế để thực hiện.

Điều lệ Đảng ta đã quy định nhiều điều cụ thể để thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, phát huy dân chủ trong Đảng. Nhiều chỉ thị, nghị quyết quy chế công tác cũng đã nói rõ những điểm cần thiết. Nhưng đến nay, trước bước phát triển mới, trước yêu cầu của sự nghiệp đổi mới, rõ ràng còn phải bổ sung, phát triển và cụ thể hoá rất nhiều.

Ví dụ: Trong điều kiện cách mạng khoa học và công nghệ phát triển mạnh mẽ như hiện nay, thế giới biến chuyển rất nhanh, lượng thông tin rất phong phú và đa dạng, để phát huy sáng kiến và sự suy nghĩ độc lập của cán bộ, đảng viên, cần có quy chế về cung cấp thông tin thường xuyên cho cấp uỷ viên và đảng viên.

Các cấp uỷ đảng, trước hết là Ban Chấp hành Trung ương Đảng cần tăng cường hơn nữa vai trò và trách nhiệm trong việc chuẩn bị các đề án công tác của Đảng. Trên mỗi lĩnh vực, khi cần, có thể thành lập tiểu ban chuyên đề gồm một số cấp uỷ viên để trực tiếp nghiên cứu chuẩn bị đề án. Các dự thảo đề án tùy theo tính chất và phạm vi đều phải được tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên tham gia ý kiến. Đối với những vấn đề mới và khó hoặc còn nhiều ý kiến khác nhau, phải chuẩn bị vài ba phương án để cân nhắc hoặc thực hiện chế độ làm thử trước khi kết luận và đi đến nghị quyết.

Quy định thành chế độ định kỳ, ban thường vụ báo cáo công việc trước cấp uỷ, cấp uỷ báo cáo trước tổ chức đảng hoặc cơ quan bầu ra mình. Quy định thời gian tiến hành tự phê bình và phê bình, tổ chức đề quần chúng phê bình và bỏ phiếu tín

nhiệm cán bộ, đảng viên, từ cơ quan cao nhất đến tổ chức cơ sở. Chẳng hạn, mỗi năm một lần, Ban Chấp hành các cấp phải tự phê bình, lấy ý kiến phê bình của quần chúng và cấp dưới; uỷ viên Ban Chấp hành tự phê bình ở chi bộ nơi công tác; tập thể và từng uỷ viên Bộ Chính trị và Ban Thường vụ cấp uỷ các cấp tự phê bình trước Ban Chấp hành. Xử lý nghiêm khắc những người có thái độ trấn áp, trù dập người phê bình hoặc lợi dụng phê bình để đả kích, vu cáo người khác, gây chia rẽ mất đoàn kết.

Quy định thời hạn xem xét ý kiến bảo lưu của đảng viên. Hết thời hạn, cấp uỷ phải có kết luận rõ về những ý kiến bảo lưu đó. Trường hợp cần thiết có thể tổ chức nghiên cứu tham luận hoặc cho thử nghiệm. Những ý kiến được thực tế chứng minh là đúng thì phải tiếp thu để bổ sung và hoàn chỉnh nghị quyết của Đảng.

Đảng viên có trách nhiệm tích cực tham gia thảo luận các vấn đề thuộc về đường lối, chủ trương của Đảng, có quyền chất vấn, tranh luận một cách thẳng thắn, đồng thời chú ý lắng nghe và tôn trọng ý kiến của người khác. Khi đã thành quyết định của tập thể thì phải nghiêm túc chấp hành; đảng viên không được tự ý làm trái hoặc trì hoãn không thi hành nghị quyết của tập thể hoặc của cấp trên; không được phát ngôn bừa bãi hoặc truyền đạt những ý kiến, quan điểm riêng của mình ngoài các hội nghị đảng.

Xung quanh vấn đề này, lâu nay vẫn tồn tại một ý kiến cho rằng, nếu trong trường hợp nghị quyết của tập thể hoặc của cấp trên sai thì xử trí ra sao? Trường hợp nghị quyết sai có thể có, và thực tế đã có, nhưng không phải là phổ biến và thường xuyên. Ai cũng biết, mỗi một quyết định, một nghị quyết của Đảng thường được nghiên cứu, chuẩn bị khá công phu. Đó là kết quả của trí tuệ tập thể, là kết tinh những nhận thức đúng đắn của tập thể, ít nhất cũng đến một thời điểm nào đó, và trong đó có sự đóng góp của đông đảo đảng viên. Trường hợp một đảng viên thấy nghị quyết là sai hoặc có điểm sai thì thái độ đúng đắn nhất là kịp thời và thẳng

thần trình bày ý kiến của mình với tổ chức có thẩm quyền. Nếu ý kiến vẫn chưa được chấp nhận thì đảng viên đó có quyền được bảo lưu, nhưng phải phục tùng tổ chức, phải thi hành nghị quyết của tổ chức. Qua thực tế thực hiện nghị quyết, cuộc sống sẽ kiểm nghiệm và khẳng định chân lý thuộc về ai lúc đó sẽ có sự điều chỉnh cần thiết. Không như vậy thì đảng (hay bất cứ tổ chức chính trị nào khác) không còn là một tổ chức thống nhất; đó sẽ chỉ là câu lạc bộ bàn cãi suông, không có sức lãnh đạo và chiến đấu.

Để tăng cường vai trò kiểm tra, giám sát của tổ chức đảng đối với hoạt động của cấp uỷ, kịp thời bổ sung điều chỉnh chủ trương, chính sách, kịp thời thay thế những cán bộ không đảm đương được nhiệm vụ, kiện toàn cấp uỷ, cần quy định dứt khoát: giữa hai kỳ đại hội, được tổ chức hội nghị đại biểu đảng ở các cấp. Khi cần thiết hoặc có 2/3 số tổ chức đảng trực thuộc yêu cầu thì triệu tập đại hội bất thường. Nghị quyết của hội nghị đại biểu không cần phải do cấp uỷ triệu tập thông qua.

Trong công tác cán bộ, cần quy định cụ thể tiêu chuẩn cho từng chức danh cán bộ, cơ cấu ba độ tuổi ở mỗi cấp uỷ. Bí thư cấp uỷ từ cấp trên trực tiếp cơ sở đến Tổng Bí thư không làm liên tục quá hai nhiệm kỳ (10 năm) Việc giới thiệu người để bầu vào cấp uỷ phải tiến hành từ cơ sở, cấp uỷ triệu tập đại hội không được bác bỏ tư cách đại biểu do cấp dưới bầu lên. Việc bổ nhiệm cán bộ phải hỏi ý kiến của cơ quan và phải lấy phiếu tín nhiệm từ cơ sở; ai không được đa số phiếu tín nhiệm thì không đề bạt. Thực hiện rộng rãi chế độ sát hạch, thi tuyển cán bộ quản lý, cán bộ chuyên môn, nghiệp vụ, nhân viên, công chức nhà nước. Giữa nhiệm kỳ công tác cần đánh giá lại cán bộ, ai không đủ tiêu chuẩn thì kiên quyết thay, không chờ hết nhiệm kỳ. Việc đánh giá cán bộ nhất thiết phải hỏi ý kiến cấp quản lý cán bộ, hỏi ý kiến quần chúng và cấp dưới, cùng những người có quan hệ, có hiểu biết về cán bộ đó trực tiếp đối thoại với cán bộ đó. Có chế độ, khen thưởng thích đáng những

người phát hiện, tiến cử những cán bộ thật sự có đức, có tài; xử lý nghiêm minh những người có thái độ gia trưởng độc đoán, bè phái, cố tình vi phạm nguyên tắc dân chủ tập thể trong công tác cán bộ.

Để nâng cao vai trò và tăng cường trách nhiệm quyền hạn của uỷ ban kiểm tra đảng ở các cấp, có lẽ nên quy định để đại hội (chứ không phải cấp uỷ) bầu uỷ ban kiểm tra. Uỷ ban kiểm tra có chức năng kiểm tra việc thực hiện các nguyên tắc tổ chức sinh hoạt đảng, quy chế làm việc của Ban Chấp hành, kiểm tra tư cách đảng viên và cấp uỷ viên, xem xét và có quyền xử lý kỷ luật đảng viên và các tổ chức đảng cấp dưới. Nếu là cấp uỷ (chứ không phải đại hội) bầu thì cũng cần giao thêm quyền hạn và trách nhiệm cho uỷ ban kiểm tra.

Thi hành kỷ luật nghiêm minh những cán bộ, đảng viên vi phạm kỷ luật của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Xử lý thích đáng những người độc đoán, chuyên quyền, trù dập, ức hiếp quần chúng. Các quyết định của cấp trên thi hành kỷ luật cán bộ và cấp uỷ viên thuộc diện cấp trên quản lý phải thông báo đến chi bộ nơi đảng viên đó sinh hoạt. Trường hợp bị khai trừ ra khỏi Đảng nếu đương sự không đồng ý thì có thể khiếu nại lên các cơ quan có thẩm quyền ở cấp trên cho đến tận Ban Chấp hành Trung ương.

Quy định thành chế độ cán bộ lãnh đạo các cấp đi làm việc trực tiếp ở cơ sở, tiếp xúc với dân, đối thoại với quần chúng và cấp dưới, giải quyết kịp thời và dứt khoát những công việc cấp bách.

Đương nhiên, cũng không phải cứ có quy chế, quy định là mọi việc được thực hiện. Thực tế đã có không ít những điều khoản ghi trong Điều lệ Đảng mà không được đảng viên và tổ chức đảng thực hiện nghiêm túc thậm chí còn vi phạm nghiêm trọng. Muốn thực hiện được quy chế, trước hết cán bộ cấp trên, cán bộ lãnh đạo phải gương mẫu, các cơ quan kiểm tra, giám sát phải tích cực hoạt động. Điều đó là hiển nhiên. Nhưng vấn đề cực kỳ quan trọng là phải có sự giám sát thường

xuyên của quần chúng, có sự đấu tranh mạnh mẽ của công luận. Trong điều kiện Đảng cầm quyền, đấu tranh với những hiện tượng tiêu cực của những đảng viên có chức có quyền mà không sử dụng vũ khí công luận, không phát động được quần chúng thì không thể có hiệu quả.

Nói đến công luận là nói đến tính công khai. Tính công khai là biện pháp rất có hiệu quả bảo đảm thực hiện dân chủ trong Đảng. Tùy từng vấn đề và ở những mức độ, phạm vi thích hợp, phải thực hiện công khai các hoạt động của Đảng, của cấp uỷ Đảng, của những người lãnh đạo các cấp. Đặc biệt chú trọng công khai tài chính, công khai chế độ đãi ngộ, công khai các ý kiến khác nhau, công khai xử lý kỷ luật..., chấm dứt tình trạng "giữ bí mật" những vấn đề không cần bí mật, "xử lý nội bộ" những trường hợp đã rõ là phạm pháp.

Trong vấn đề này, báo chí và các phương tiện truyền thông đại chúng khác giữ vai trò đặc biệt quan trọng. Không nên thành kiến với một số việc làm sai lệch của bài báo nào đó hay tờ báo nào đó, dẫn đến nghi ngờ hoặc phủ nhận cả sức mạnh đầy hiệu lực của công luận. Kinh nghiệm đã chỉ rõ, chỉ có mở rộng tính công khai, sử dụng đúng công luận mới phát huy được dân chủ, phát hiện, ngăn chặn và đấu tranh có hiệu quả chống các hiện tượng tiêu cực trong Đảng và trong xã hội. Lênin đã từng nói, tính công khai trong đấu tranh phê bình là thanh bảo kiếm để chữa lành các vết thương.

Trong lĩnh vực tổ chức và hoạt động của Nhà nước xã hội chủ nghĩa; trong quản lý nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần đi lên chủ nghĩa xã hội, nguyên tắc tập trung dân chủ cũng phải được quán triệt và thực hiện một cách nghiêm túc, đúng đắn, phù hợp và đáp ứng yêu cầu đổi mới hiện nay.

Phải khẳng định dứt khoát rằng, Nhà nước ta là cơ quan quyền lực thể hiện tập trung quyền làm chủ của nhân dân, là công cụ quan trọng của nhân dân để thực hiện dân chủ xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản. Nhà nước phải

có thực quyền, thật sự là Nhà nước của dân, do dân, vì dân, có đủ năng lực quản lý và điều hành mọi công việc của đất nước một cách năng động, có hiệu quả.

Nhà nước được tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ, thống nhất quyền lực. Chúng ta không chia tách các quyền lực trong bộ máy nhà nước, nhưng phải phân công phân nhiệm rõ ràng giữa công tác lập pháp, hành pháp và tư pháp; phân cấp đầy đủ và cụ thể cho chính quyền các cấp làm cho các cơ quan, các bộ phận hoạt động nhịp nhàng, có sự phối hợp, kiểm tra và phục vụ lẫn nhau. Đó là điều kiện để hạn chế và dần dần khắc phục tệ quan liêu, lộng quyền, thái độ vô trách nhiệm trước nhân dân, cũng như tình trạng phân tán, cục bộ, địa phương, phường hội.

Trong quản lý kinh tế, nguyên tắc tập trung dân chủ thể hiện ở chỗ kết hợp khéo léo kế hoạch với thị trường, phát huy tính tự chủ, năng động, sáng tạo của các đơn vị kinh tế, dưới sự điều tiết hướng dẫn của chính sách, pháp luật. Tập trung quan liêu là nguy hiểm và có hại vì nó gò bó, bóp nghẹt sản xuất kinh doanh. Nhưng dân chủ cực đoan, chạy theo cơ chế thị trường một cách đơn thuần, không định hướng, không kiểm soát, cũng là có hại và nguy hiểm, vì nó làm rối loạn, mất ổn định, không giữ được tính thống nhất.

Đảng ta đã khẳng định rằng, phát triển kinh tế hàng hoá là vấn đề có tính quy luật của nền kinh tế xã hội chủ nghĩa, là con đường tất yếu đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Kinh tế hàng hoá có cơ cấu nhiều thành phần, bao gồm nhiều hình thức kinh doanh, có nhiều ngành nghề, nhiều quy mô, nhiều trình độ công nghệ, dựa trên nhiều quan hệ sở hữu về tư liệu sản xuất, trong đó sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể có vai trò chi phối. Kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể không ngừng được củng cố và phát triển ở những vị trí then chốt của nền kinh tế, liên kết và chi phối các thành phần kinh tế khác thông qua hợp tác và cạnh tranh bằng phương thức kinh doanh có hiệu quả. Mọi công dân đều có quyền tự do kinh doanh

theo luật pháp, tự lựa chọn hình thức kinh tế. Mọi đơn vị kinh doanh không phân biệt quan hệ sở hữu đều bình đẳng trước pháp luật. Chính sách phân phối thu nhập lấy nguyên tắc phân phối theo lao động làm nền tảng, đồng thời kết hợp sử dụng các hình thức phân phối thích hợp.

Như vậy, nền kinh tế hàng hoá là nền kinh tế phát triển theo một hệ thống mở trong một thị trường thống nhất, sinh động, thông suốt trong cả nước và gắn với thị trường thế giới. Nền kinh tế ấy đòi hỏi không thể quản lý theo kiểu cũ, tức là kiểu quản lý tập trung máy móc, hành chính, quan liêu, cứng nhắc, mà phải chuyển sang cơ chế thị trường năng động theo quy luật của sản xuất hàng hoá, quy luật giá trị; đồng thời phải có hướng dẫn, có kiểm tra, kiểm soát, có điều tiết, bảo đảm tính thống nhất của hệ thống kinh tế. Nói cách khác, đó là sự kết hợp chặt chẽ kế hoạch với thị trường, tập trung với dân chủ, theo nguyên tắc tập trung dân chủ đúng đắn. Chỉ có như vậy mới có thể phát triển một cách có kế hoạch nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, giải phóng mọi tiềm năng, phát triển lực lượng sản xuất, dân chủ hoá đời sống kinh tế, làm cho nền kinh tế phát triển năng động, cân đối, có hiệu quả.

* Trong sách: *Nguyên tắc tập trung dân chủ phải chăng đã lỗi thời*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1990.

1. V.I.Lênin: *Toàn tập*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1969, t.31, tr.227.
2. V.I.Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.30, tr.224.
3. V.I.Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.32, tr.314.
4. V.I.Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.10, tr.591.

5. V.I.Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.7, tr.418.
6. V.I.Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.16, tr.258.
7. V.I.Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.20, tr.45.
- 8, 9. V.I.Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.31, tr.45-46, 19.
10. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.12, tr.497.
11. V.I.Lênin: *Toàn tập*, tiếng Việt, Nxb. Tiến Bộ, Mátxcova, 1980, t.14, tr.163.
- 12,13. V.I.Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.7, tr.481-482, 287.

**NHỮNG NỘI DUNG QUAN TRỌNG CỦA
NGHỊ QUYẾT TRUNG ƯƠNG 7 KHÓA VIII
VỀ TỔ CHỨC BỘ MÁY CỦA HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ***

Xét về hình thức, Hội nghị Trung ương 7 vẫn theo thứ tự (là thứ 7) và đúng định kỳ. Nhưng xét về nội dung Hội nghị Trung ương 7 có ý nghĩa như một Hội nghị bất thường, vì nội dung bàn không nằm trong chương trình dự kiến toàn khóa của Ban Chấp hành Trung ương. Đây là do yêu cầu mới của thực tiễn và theo quyết định của Trung ương tại Hội nghị lần thứ 6. Khi bàn vấn đề xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, tổ chức, tại Hội nghị Trung ương 6 (lần 2) có nhiều đồng chí Trung ương cho rằng, đáng lý kỳ họp này (Trung ương 6 (lần 2)) phải quyết định một số vấn đề về tổ chức bộ máy, nhưng do chưa chuẩn bị kịp cho nên Trung ương quyết định giao cho Bộ Chính trị chuẩn bị để Hội nghị Trung ương 7 bàn chuyên

đề về vấn đề tổ chức bộ máy. Vấn đề xây dựng giai cấp công nhân, nông dân và trí thức theo dự kiến chương trình toàn khóa, vẫn tiếp tục được nghiên cứu để có thể ra Nghị quyết của Bộ Chính trị, hoặc đưa vào nội dung của Đại hội IX.

Tình hình đó cũng tương tự như trường hợp Hội nghị Trung ương 6 (khóa VIII). Theo chương trình nghị sự của Trung ương thì Hội nghị Trung ương 6 bàn về công tác xây dựng Đảng, nhưng vào thời điểm đó, đứng trước tình hình kinh tế - xã hội có những tác động tiêu cực do khủng hoảng tài chính - tiền tệ ở khu vực, ảnh hưởng của thiên tai, lũ lụt ở trong nước, kinh tế nước ta gặp nhiều khó khăn, Trung ương cần có một Hội nghị bàn về kinh tế và không đặt thêm thứ tự một Hội nghị nữa. Vì vậy mới có Hội nghị Trung ương 6 (lần 1) bàn về kinh tế - xã hội và Hội nghị Trung ương 6 (lần 2) bàn về xây dựng Đảng.

Nói cách khác, Hội nghị Trung ương 7 bàn việc sắp xếp tổ chức bộ máy là theo quyết định của Hội nghị Trung ương 6 (lần 2). Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) đã chỉ rõ: *"Phải sắp xếp lại tổ chức, bộ máy Đảng và các tổ chức trong hệ thống chính trị gắn liền với cải cách hành chính theo hướng tinh gọn hoạt động có hiệu lực, hiệu quả"*. Hội nghị Trung ương 6 (lần 2) còn khẳng định: *"Từ nay đến Đại hội IX, kiên quyết sắp xếp một bước bộ máy các tổ chức trong hệ thống chính trị, giảm biên chế ở các cơ quan hành chính nhà nước, cơ quan đảng, đoàn thể..."*.

Ai cũng biết tổ chức bộ máy là vấn đề rất quan trọng, nhưng hết sức khó khăn, phức tạp. Nó không chỉ liên quan đến tâm tư, nguyện vọng, lợi ích của đông đảo cán bộ, đảng viên và nhân dân, mà còn liên quan đến khoa học tổ chức - mà khoa học tổ chức là hết sức phức tạp. Trong chiến tranh, chúng ta đã đạt đến trình độ tổ chức rất cao, phối hợp rất tài tình, cùng một lúc có thể chỉ đạo tổng công kích, tổng khởi nghĩa trên toàn miền Nam nhưng vẫn giữ được tuyệt đối bí mật. Nhưng khi chuyển sang thời kỳ hòa bình xây dựng, công tác tổ chức của chúng ta có nhiều lúng túng.

Hơn nữa, bàn vấn đề tổ chức bộ máy thường đụng chạm ngay đến những nội dung lý luận rất cơ bản về hệ thống chính trị, về đảng cầm quyền, về nhà nước pháp quyền. Thực tiễn có nhiều điểm chưa được tổng kết, chưa được làm sáng rõ. Ví dụ:

- *Thế nào là hệ thống chính trị?* Trước đây chúng ta thường dùng khái niệm "hệ thống chuyên chính vô sản". Chỉ bắt đầu từ Hội nghị Trung ương 6 (khóa VI) tháng 3 năm 1989, lần đầu tiên khái niệm "*hệ thống chính trị*" được đưa vào văn kiện Đảng ta; sau đó Đại hội VII mới chính thức đưa vào Cương lĩnh, Điều lệ. Từ đó đến nay, khái niệm "*hệ thống chính trị*" được dùng rất phổ biến; nhưng hiểu thế nào là hệ thống chính trị và xung quanh việc giải thích về hệ thống chính trị thì không phải các ý kiến đã hoàn toàn giống nhau. Ở đây để hiểu hệ thống chính trị, trước hết phải hiểu nội dung bản chất của nó. Hệ thống chính trị chính là sự phản ánh bản chất chế độ dân chủ của nước ta, của xã hội ta. Nội dung của hệ thống chính trị là làm sao thực hiện được dân chủ xã hội chủ nghĩa, phát huy được quyền làm chủ của nhân dân, chống được quan liêu, tham nhũng, xa dân. Đây là biểu hiện tính ưu việt của chế độ mới, là linh hồn của chế độ xã hội mới, là bản chất của chủ nghĩa xã hội. Còn vỏ vật chất để bảo đảm cho sự vận hành của nội dung đó chính là cơ cấu bộ máy: gồm Đảng, Nhà nước, các đoàn thể chính trị xã hội - gọi là hệ thống chính trị. Tuy nhiên, hiện nay những tổ chức nào nằm trong hệ thống chính trị cũng còn có ý kiến khác nhau. Ngoài Công đoàn, Hội Nông dân, Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, còn có đoàn thể nào nằm trong hệ thống chính trị nữa không? Tổ chức nào mang tính chính trị; tổ chức nào mang tính chính trị - xã hội; tổ chức nào mang tính xã hội - nghề nghiệp?... Rõ ràng, nhận thức lý luận về hệ thống chính trị còn đang là vấn đề cần phải tiếp tục đi sâu nghiên cứu, tổng kết.

- *Thế nào là đảng cầm quyền*, đặc biệt là một đảng cầm quyền trong điều kiện nhà nước pháp quyền, kinh tế nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của nhà nước?

Hiện nay đang có ý kiến tranh luận: Là đảng cầm quyền thì đảng phải có hệ thống tổ chức đủ mạnh để thực hiện quyền của mình, vì vậy phải lập ra đầy đủ các ban tham mưu, các tổ chức giúp cho đảng hoạt động tốt. Nhưng ý kiến khác cho rằng, là đảng cầm quyền thì đảng sử dụng ngay các tổ chức đảng và cá nhân đảng viên trong các cơ quan nhà nước để tham mưu, giúp việc, không cần có hệ thống riêng... Như vậy, thiết kế tổ chức bộ máy của đảng như thế nào là đúng? Có ngành dọc hay không? Quan hệ với địa phương, với các cơ quan nhà nước như thế nào? Nếu có ban tham mưu thì bao nhiêu ban là vừa?... Nếu không cẩn thận hoặc là đảng bao biện, thành ra hệ thống song trùng; hoặc là, như Liên Xô trước đây, Tổng Bí thư kiêm Tổng thống, khi Tổng thống tuyên bố giải tán đảng là đảng mất luôn chính quyền, mất vai trò lãnh đạo xã hội; thậm chí tổ chức đảng cũng tan rã... Đây là vấn đề hết sức hệ trọng, là vấn đề rất khó, phức tạp, đụng chạm đến cả lý luận lẫn thực tiễn.

Trung Quốc tính từ năm 1949 đến nay đã sáu lần cải cách tổ chức, bộ máy; riêng từ năm 1978 (khi Trung Quốc tiến hành cải cách, mở cửa) cho đến nay đã có bốn lần cải cách tổ chức bộ máy. Nhưng các đồng chí Trung Quốc cho biết, cứ sau mỗi lần cải cách, biên chế lại phình ra; lần sau phình to hơn lần trước. Gần đây, Thủ tướng Trung Quốc giương cao "hai ngọn đuốc": cải cách xí nghiệp quốc doanh và cải cách cơ cấu hành chính, giảm biên chế. Trung Quốc làm rất mạnh, nhưng vấn đề cũng không đơn giản. Có tin nói hơn hai triệu cán bộ ở các địa phương sẽ phải ra khỏi biên chế, cộng với hàng chục triệu công nhân thất nghiệp chưa biết xử lý như thế nào. Trung Quốc hình như phải "tạm dừng" cải cách hành chính.

Ở nước ta, vừa qua mới chỉ bước đầu dự kiến một số phương án đưa ra lấy ý kiến ở các nơi, có nhiều đồng chí đồng tình, hoan nghênh, thậm chí muốn làm mạnh và triệt để hơn, nhưng cũng không ít đồng chí phân vân, cho rằng phải cân nhắc, cẩn thận, thậm chí có một số đồng chí phản ứng gay gắt, hoặc có tâm tư, thắc mắc.

Nói như thế để thấy rằng tổ chức, bộ máy là vấn đề quan trọng bức thiết, nhưng hoàn toàn không đơn giản. Trái lại, đây là vấn đề rất phức tạp, nhạy cảm giải quyết nó phải tính tới nhiều yếu tố.

Và chẳng, đây là lần đầu tiên Trung ương có một hội nghị bàn về tổ chức, bộ máy không chỉ dừng ở quan điểm, phương hướng, mà còn có cả những phương án cụ thể. Ta đã có Hội nghị Trung ương 8 (khóa VII) về "tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam", trọng tâm là cải cách một bước nền hành chính Nhà nước; Hội nghị Trung ương 3 (khóa VIII) về "phát huy quyền làm chủ của nhân dân, tiếp tục xây dựng Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong sạch, vững mạnh". Các hội nghị đó đã thảo luận và kết luận nhiều vấn đề về quan điểm, nguyên tắc phương hướng cơ bản để xây dựng và từng bước hoàn thiện hệ thống chính trị. Lần này, Hội nghị Trung ương 7, ngoài những vấn đề quan điểm, phương hướng, còn bàn cả những phương án cụ thể, sát sườn như vấn đề số lượng, cơ cấu các bộ, các ban, chỉ tiêu giảm biên chế, v.v..

Trong quá trình chuẩn bị cũng như qua thảo luận ở Hội nghị Trung ương, có một số ý kiến đáng chú ý như:

Có ý kiến cho rằng bàn tổ chức, bộ máy, Trung ương cần tập trung vào việc sắp xếp lại đầu mối như tách, nhập, giải thể, hoặc lập mới đơn vị này, đơn vị khác, và muốn phải thực hiện ngay. Như thế mới thiết thực, hiệu quả.

Ý kiến khác cho rằng, tầm của Trung ương chỉ nên bàn về quan điểm, nguyên tắc, phương hướng chung làm căn cứ để cho các cơ quan chức năng thực hiện, không

nên đi vào những vấn đề quá cụ thể tỉ mỉ. Trung ương không nên biểu quyết từng phương án cụ thể. Và lại, phương án cụ thể phải tính toán kỹ, phải có tổng kết và cân nhắc thận trọng, tránh tình trạng làm xong thấy sai, phải sửa (như việc trước đây chia bộ, nhập tỉnh; sau đó lại chia tỉnh, nhập bộ. Gần đây nhất Đại hội VIII quyết định nên lập Thường vụ Bộ Chính trị, không nên có Ban Bí thư, nhưng trong thực tế thấy không có Ban Bí thư để giải quyết công việc hằng ngày thì gặp không ít khó khăn không khéo sắp tới phải tính lại).

Nhiều đồng chí cho rằng, tuy tầm Trung ương chỉ bàn về những quan điểm, phương hướng, nhưng về vấn đề tổ chức là vấn đề rất phức tạp cho nên cũng cần bàn cả những chủ trương cụ thể; nên có phụ lục nêu các phương án để Trung ương cho ý kiến. Trung ương không biểu quyết nhưng có thể tỏ thái độ bằng phiếu giúp Bộ Chính trị có căn cứ, có chỗ dựa để làm sau này, vừa bảo đảm sức mạnh tập thể, vừa tập trung được trí tuệ cao của Trung ương, cũng như của các ngành và các địa phương.

Đối với hai phương án mà Tiểu ban chuẩn bị đề án nêu ra, nhiều đồng chí cho rằng, phương án 1 thì không giải quyết được vấn đề gì (vì bộ máy hầu như vẫn giữ nguyên); còn phương án 2 thì chưa đủ căn cứ, chưa đủ cơ sở (vì chưa giải trình vì sao nhập ban này, lập bộ kia, vì sao để ban này, giải thể ban khác...).

Cũng không ít ý kiến cho rằng, hiện nay chúng ta đang tập trung thực hiện cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng; có nhiều việc lớn phải làm, nay thêm vấn đề tổ chức và bộ máy, lại động chạm đến con người, cán bộ, biên chế, lương bổng... nếu bộ phận được thì phần khởi, bộ phận không được thì thế nào? Có khi lại phân tán lực lượng, không tập trung làm tốt cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Phải làm sao để không gây mất ổn định, mà việc nào cũng phải có hiệu quả...

Sau khi thảo luận, Trung ương đã đi đến thống nhất trên hầu hết các vấn đề quan trọng và đã biểu quyết thông qua Nghị quyết với số phiếu rất tập trung. Trung

ương khẳng định và nhấn mạnh: Hội nghị Trung ương 7 (khóa VIII) là tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 8 (khóa VII), Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VIII) và gần đây là Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), để giải quyết một cách đồng bộ việc kiện toàn hệ thống chính trị, xây dựng Đảng cả về chính trị tư tưởng, đạo đức và tổ chức. Hội nghị Trung ương 7 cùng với Hội nghị Trung ương 6 (lần 2) tạo thành một chỉnh thể quan trọng về công tác xây dựng Đảng; và đây là một nội dung của cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng về mặt tổ chức. Hội nghị Trung ương 6 (lần 2) nói về tổ chức gồm bốn khía cạnh: một là, về nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình; hai là, về tổ chức bộ máy; ba là, về tổ chức cơ sở Đảng; bốn là về phương thức lãnh đạo của Đảng.

Trong quá trình chỉ đạo xây dựng đề án, Bộ Chính trị đã bám sát tư tưởng chỉ đạo của Hội nghị Trung ương 6 (lần 2); Tiểu ban đã chuẩn bị rất nghiêm túc, xác định cả phương án tổng thể, thiết kế mô hình cụ thể về tổ chức và đã đưa ra các phương án để lấy ý kiến ở các cấp, các ban, ngành.

Với tinh thần đổi mới và kiện toàn tích cực, tiếp thu những ý kiến đóng góp của các cấp, các ngành và xuất phát từ thực tiễn về những vấn đề cơ bản và những phương án cụ thể, Trung ương thấy rằng, muốn giải quyết những vấn đề quan trọng đó cần phải nghiên cứu khảo sát, tổng kết một cách hết sức cụ thể, thấu đáo và đưa ra được giải pháp khả thi, thiết thực. Có những vấn đề liên quan đến điều lệ Đảng, Hiến pháp thì còn phải nghiên cứu sửa đổi Điều lệ, Hiến pháp mới thực hiện được. Ví dụ như: Vấn đề chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng nhân dân các cấp? Hội đồng nhân dân nên có mấy cấp? Hệ thống tổ chức của Đảng nên sắp xếp thế nào? Rồi vấn đề Đảng làm kinh tế..., phải chờ nghiên cứu sửa đổi Hiến pháp và Điều lệ.

Vả chăng, từ nay đến Đại hội IX, thời gian không còn nhiều (Trung ương đã quyết định triệu tập Đại hội IX vào cuối quý I năm 2001, như thế có nghĩa là vào quý IV năm 2000 các cấp đã phải tiến hành Đại hội), nếu chỉ loay hoay lo việc sắp xếp tổ

chức, bộ máy thì có được không? Chúng ta lại tập trung chỉ đạo thực hiện cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, thực hiện phê bình và tự phê bình, giải quyết những vấn đề cấp bách về kinh tế - xã hội (gần đây đang có chiều hướng khó khăn); cuối năm bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp; năm 2000 còn có nhiều ngày kỷ niệm lịch sử quan trọng: 70 năm thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam 110 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, 25 năm ngày thắng lợi hoàn toàn của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, 55 năm ngày Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh 2-9, Giỗ tổ Hùng Vương, Lễ hội giao thừa thế kỷ,... cuối năm lại tiến hành Đại hội thi đua toàn quốc. Như vậy khối lượng công việc của năm 2000 là rất lớn cần phải có chủ trương cho phù hợp.

Nội dung cơ bản của việc kiện toàn tổ chức, bộ máy hệ thống chính trị không chỉ đơn giản là tinh giảm đầu mỗi tổ chức, thêm hay bớt các ban của Đảng, tăng hay giảm các bộ, ngành của Nhà nước, mà là *giải quyết đồng bộ các vấn đề chức năng, nhiệm vụ, phương thức hoạt động, cơ cấu tổ chức, cơ chế vận hành, lề lối làm việc, tinh giảm biên chế, tăng cường kỷ luật, kỷ cương, nâng cao chất lượng các bộ công chức trong cả bộ máy.*

Nâng cao chất lượng cán bộ và tổ chức là vấn đề rất quan trọng cần đặc biệt chú ý, nhất là nâng cao *chất lượng về chính trị*, cùng với chất lượng chính trị là chất lượng khoa học, chất lượng chuyên môn; tránh tình trạng chông chéo, thủ tục phiền hà, tham nhũng... Bài khai mạc và bế mạc của đồng chí Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu nêu rất rõ vấn đề này: Nâng cao chất lượng toàn diện trước hết là chất lượng chính trị của toàn tổ chức, của cả hệ thống chính trị; đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, phương thức quản lý của Nhà nước, phương thức hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể chính trị xã hội; phát huy quyền làm chủ của nhân dân và chính quyền phải thật sự sâu sát nhân dân, kiên quyết chống quan liêu, tham nhũng.

Như vậy, sắp xếp đầu mối tổ chức, bộ máy là một trong những nội dung của việc chấn chỉnh kiện toàn tổ chức, bộ máy. Phải làm thế nào để nâng cao được chất lượng của tổ chức và cả hệ thống chính trị, chống quan liêu, tham nhũng, phiền hà, trở ngại, ách tắc giảm được biên chế trong từng cơ quan, đơn vị; xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, trên cơ sở tổng kết của từng bộ phận, từng đơn vị.

* *

*

Nghị quyết Trung ương 7 cũng ngắn gọn như Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2). Nhưng để có được bản nghị quyết như vậy, Trung ương đã phải chuẩn bị công phu và trải qua một quá trình thảo luận kỹ lưỡng. Và đằng sau những câu chữ ngắn gọn ấy là cả một nội dung phong phú, nhiều mặt. Những nội dung chính của Nghị quyết bao gồm những vấn đề sau đây:

1. Về đánh giá tình hình và nguyên nhân

Từ trước đến nay, chúng ta đã nhiều lần sắp xếp tổ chức bộ máy. Chỉ tính từ Đại hội VI (1986) đến nay, đã tiến hành hai cuộc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy của Đảng, Nhà nước, đoàn thể ở trung ương và địa phương; đó là chưa kể việc điều chỉnh địa giới hành chính các tỉnh, thành phố, chia tách, lập mới tổ chức bộ máy các cơ quan cấp tỉnh, cấp huyện.

Lần 1: Tiến hành sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy theo Nghị quyết Đại hội VI và Nghị quyết 34 của Bộ Chính trị (khóa V). Lần 1 chúng ta thực hiện chưa được bao nhiêu.

Lần 2: Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy theo Nghị quyết Đại hội VII, Nghị quyết Trung ương 2 (khóa VII), theo Hiến pháp và các luật về tổ chức ban hành năm 1992, tập trung vào các cơ quan Đảng, Nhà nước và các đoàn thể ở trung ương và các cấp nhưng hướng tập trung là vào bộ máy các cơ quan nhà nước. Việc thực

hiện lần 2 đã đem lại một số kết quả thực tế, nhưng bộ máy biên chế một số ngành và địa phương lại tăng lên do thực hiện chia, tách tỉnh.

Cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tăng từ 44 lên 61 tỉnh, thành phố. Cấp quận, huyện, thị xã trực thuộc tỉnh từ 535 lên 604. Ở các tỉnh phải lập thêm hơn 300 sở, ban và hơn 2.000 bộ phận công tác mới ở cấp huyện phải lập thêm 1.000 phòng, ban. Ở cấp xã, phường, thị trấn phải tăng từ 10.026 lên 10.398 đơn vị.

Những mặt được và chưa được qua hai lần sắp xếp bộ máy là:

a) *Những việc đã làm được*

- Các cấp ủy Đảng đã có một bước đổi mới về nội dung và phương thức lãnh đạo.

Các ban Đảng vừa tăng cường công tác xây dựng Đảng, vừa làm tốt hơn chức năng nghiên cứu, tham mưu.

Ban hành và triển khai một hệ thống các quy định, quy chế hoạt động của các cấp ủy và tổ chức Đảng.

Đã làm thí điểm và đi đến kết luận mô hình Bí thư hoặc Phó Bí thư cấp ủy Đảng thêm chức Chủ tịch Hội đồng nhân dân là đúng. Ở cơ sở, Bí thư chi bộ kiêm trưởng thôn, trưởng bản.

Đầu mỗi tổ chức các ban và cơ quan Đảng đã được tinh giảm đáng kể so với thời kỳ trước đổi mới. Ở Trung ương từ 24 đầu mỗi xuống còn 16 đầu mỗi (trong đó có cả các đơn vị sự nghiệp như Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Báo Nhân dân, Tạp chí Cộng sản, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia...). Ở cấp tỉnh từ 12 đến 15 đầu mỗi giảm xuống còn trên dưới 10 đầu mỗi. Ở cấp huyện còn từ 5 đến 6 đầu mỗi.

- Quốc hội đã có nhiều đổi mới về nội dung và phương thức hoạt động. Tăng cường được mối quan hệ giữa Quốc hội và ủy ban Thường vụ Quốc hội với Chủ

tịch nước, Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao. Hình thành cơ chế giải quyết kiến nghị của nhân dân thông qua việc tiếp xúc giữa đại biểu Quốc hội với cử tri. Dân chủ trong sinh hoạt Quốc hội ngày càng tăng lên. Phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Quốc hội có đổi mới. Quốc hội và ủy ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành nhiều luật, bộ luật pháp lệnh để thể chế hóa đường lối, chính sách của Đảng. Tính từ năm 1986 đến năm 1999, đã ban hành được 4 bộ luật, 80 luật, 99 pháp lệnh (trong đó 63 luật và 72 pháp lệnh đã có hiệu lực thi hành). Hoạt động giám sát của Quốc hội cũng được cải tiến hơn; hoạt động chất vấn và trả lời chất vấn của các thành viên Chính phủ trước Quốc hội ngày càng có chất lượng.

- Chính phủ và các cơ quan hành chính nhà nước cũng có sự đổi mới về chức năng, cơ cấu tổ chức bộ máy gắn với quá trình chuyển đổi cơ chế quản lý kinh tế. Đã phân biệt rõ hơn giữa quản lý hành chính với quản lý sản xuất kinh doanh. Chính phủ cũng đã tập trung tiến hành cải cách thể chế, cải cách thủ tục hành chính.

Về đầu mối trực thuộc Chính phủ, năm 1986 Chính phủ có 76 đầu mối, đến năm 1999 chỉ còn 48 đầu mối (trong đó chỉ có 23 bộ và cơ quan ngang bộ), còn 25 cơ quan trực thuộc Chính phủ ở chính quyền cấp tỉnh từ 35 đến 40 đầu mối, nay chỉ còn trên dưới 20 đầu mối. Ở chính quyền cấp huyện từ 20-25 đầu mối, đến nay chỉ còn 10-15 đầu mối.

- Các cơ quan tư pháp đã được kiện toàn và đổi mới về tổ chức hoạt động, về phối hợp đấu tranh phòng chống tội phạm giải quyết các tranh chấp dân sự, góp phần giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội. Hệ thống tòa án, viện kiểm sát, cơ quan điều tra, cơ quan thi hành án đã được điều chỉnh, bổ sung về nhiệm vụ quyền hạn, tổ chức cán bộ, cơ sở vật chất và kỹ thuật. Mạng lưới tổ chức các cơ quan hỗ trợ tư pháp như luật sư, công chứng đã phát triển nhiều. Giám định và tổ chức tư vấn pháp lý cho người nghèo bước đầu được hình thành và phát triển.

- Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội cũng có bước đổi mới về nội dung và phương thức hoạt động, coi trọng các mặt giáo dục, vận động và tập hợp nhân dân tham gia các phong trào thi đua (đặc biệt là phong trào xóa đói giảm nghèo, phong trào giúp nhau làm kinh tế, đền ơn đáp nghĩa, uống nước nhớ nguồn... những phong trào được Đảng, Nhà nước đề ra rất hợp lòng dân). Việc làm từ thiện, nhân đạo, xây dựng đời sống văn hóa tinh thần, hòa giải, giữ gìn trật tự an ninh... có nhiều đổi mới.

b) *Những mặt chưa làm được*

- Chức năng nhiệm vụ của bộ máy trong các tổ chức đảng, chính quyền và đoàn thể còn nhiều khâu chùng chéo, trùng lặp; vẫn chưa thật rành mạch các mối quan hệ giữa các tổ chức. Thẩm quyền, trách nhiệm của nhiều cơ quan và người đứng đầu các cấp, các ngành chưa được chế định đồng bộ, chặt chẽ, nhất là trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm tập thể. Quan hệ giữa Trung ương và địa phương vừa có biểu hiện tập trung, quan liêu; vừa có biểu hiện phân tán, cục bộ; chưa khắc phục được triệt để cơ chế "xin - cho" (Nghị quyết Trung ương 6 nói rất nhiều đến cơ chế "xin - cho" sinh ra tiêu cực, cửa quyền, hối lộ, không minh bạch, khó kiểm soát). Bộ máy vận hành hiệu lực và hiệu quả thấp; kỷ cương, kỷ luật không nghiêm; thưởng phạt không rõ.

- Cơ cấu bộ máy của các tổ chức trong hệ thống chính trị nhìn chung vẫn còn kênh, nhiều tầng nấc trung gian, công việc còn chùng chéo, có khi cản trở lẫn nhau, không thông suốt gây phiền hà chậm trễ cho công việc (nhiều tổ chức lập ra không có đủ căn cứ, nhất là không xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, mối quan hệ, cơ chế làm việc).

- Mặc dù đã nhiều lần thực hiện giảm biên chế, nhưng biên chế không ngừng tăng lên. Từ năm 1986 đến năm 1999, bình quân mỗi năm biên chế khối đảng và đoàn thể tăng 2,8%, khối quản lý nhà nước tăng 6,1%, khối sự nghiệp tăng 4,6% khối sự

nghiệp tăng chủ yếu là giáo dục và y tế, riêng biên chế ngành giáo dục gần 1 triệu mà vẫn thiếu giáo viên). Biên chế hành chính trong các đơn vị sự nghiệp và các doanh nghiệp nhà nước cũng khá lớn, tạo áp lực trong việc bảo đảm ngân sách cho tiền lương hằng năm.

Nhìn một cách tổng quát, cho đến nay, mặc dù đã có nhiều cố gắng, nhưng tổ chức, bộ máy của hệ thống chính trị, nhất là bộ máy hành chính nhà nước, chất lượng và hiệu quả hoạt động còn thấp.

Nguyên nhân của những mặt chưa làm được: Có những nguyên nhân khách quan và nguyên nhân chủ quan:

- Nguyên nhân khách quan: như trên đã nói, là do nhiều vấn đề lý luận và thực tiễn chưa đủ sáng tỏ. Khoa học tổ chức là khoa học phức tạp, hiện nay chúng ta đang yếu kém, lúng túng. Hơn nữa vấn đề tổ chức lại liên quan đến con người, liên quan đến lợi ích, địa vị, danh dự, tâm lý con người, rất tế nhị và nhạy cảm, nếu không xác định tốt sẽ dễ có phản ứng.

- Về nguyên nhân chủ quan:

+ Chúng ta chưa tích cực nghiên cứu, tổng kết, làm sáng tỏ nhiều vấn đề lý luận về tổ chức, bộ máy. Vấn đề Đảng lãnh đạo Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ nhiều năm nay không được làm rõ, cụ thể hóa. Ngay việc tách, giải thể tổ chức, trong nhiều trường hợp chưa được tổng kết, chưa có căn cứ xác đáng.

+ Việc sắp xếp tổ chức thiếu một cách nhìn tổng thể, thiếu một chiến lược tổng thể, dựa trên một nguyên tắc nhất quán. Trong nhiều trường hợp chưa xuất phát từ yêu cầu nhiệm vụ và tính hiệu quả, chưa gắn với việc bố trí cán bộ một cách phù hợp.

+ Khâu tổ chức chỉ đạo thực hiện về tổ chức, bộ máy thiếu kiên quyết, không đồng bộ, dễ làm, khó bỏ, ngại động chạm và cũng có những biểu hiện của tư tưởng cục bộ, bản vị, vì lợi ích của bộ phận, cá nhân.

2. Quan điểm chỉ đạo và phương hướng chung

Những quan điểm, nguyên tắc lớn lâu nay chúng ta đã có nhiều dịp bàn, nhất là Nghị quyết Trung ương 8 (khóa VII), gần đây là Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VIII). Lần này cũng nói quan điểm, nguyên tắc nhưng nhấn mạnh sát vào việc tổ chức thực hiện. Qua ý kiến thảo luận của Trung ương, toát lên mấy ý cơ bản:

- Quan điểm, nguyên tắc lớn đầu tiên, ai cũng nhấn mạnh, đó là muốn sắp xếp tổ chức, bộ máy gì thì sắp xếp, nhưng dứt khoát không được làm yếu vai trò lãnh đạo của Đảng; trái lại, phải giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, bảo đảm cho Đảng lãnh đạo một cách có chất lượng và hiệu quả. Muốn bớt ban nào, muốn thêm ban nào, hệ thống tổ chức thiết kế thế nào cũng không được làm yếu sự lãnh đạo của Đảng.

- Nhà nước ta là Nhà nước của dân, gần dân, không được quan liêu, tham nhũng; không phải hành dân, cai trị dân, mà là phát huy dân chủ và quyền làm chủ của dân. Nhà nước phải thể hiện khối đại đoàn kết toàn dân trên nền tảng liên minh của giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức do Đảng lãnh đạo.

- Phát huy cho được vai trò, hiệu quả hoạt động của các đoàn thể nhân dân.

Tóm lại, việc kiện toàn tổ chức, bộ máy của hệ thống chính trị phải nhằm mục tiêu *giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, giữ vững bản chất xã hội chủ nghĩa của Nhà nước, giữ vững ổn định chính trị, tạo động lực mạnh hơn cho việc phát huy vai trò làm chủ của nhân dân, phát triển được kinh tế - xã hội.*

Để bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, Đảng phải mạnh từ trung ương đến cơ sở, bao gồm cả cấp ủy và tổ chức đảng, tức là cấp ủy đảng đoàn, ban cán sự Đảng,

v.v.. Các ban tham mưu của Đảng phải mạnh. Đảng phải có cơ quan tham mưu đủ mạnh, chất lượng cao, làm đúng chức năng tham mưu cho Đảng. Tham mưu theo mấy nghĩa:

+ Nghiên cứu, đề xuất, thẩm định được các đề án công tác hoặc do nghiên cứu hoặc do các cơ quan nhà nước đề xuất. Các ban Đảng phải làm được điều này. Ở Trung ương là tham mưu chiến lược, đề ra những chủ trương, chính sách lớn.

+ Giúp cho cấp ủy hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Đảng. Một số ban còn được cấp ủy giao cho thực hiện một số nhiệm vụ: Ví dụ như Ban Tổ chức, Ủy ban Kiểm tra đâu chỉ là tham mưu mà còn phải trực tiếp giải quyết những công việc nhân sự, thi hành kỷ luật theo thẩm quyền do Điều lệ Đảng quy định. Ngay Ban Tư tưởng - Văn hóa đâu phải chỉ tham mưu; nhiều việc phải tác chiến hằng ngày, phải chỉ đạo báo chí, hệ thống báo cáo viên.

Như vậy, không thể không có hệ thống các ban tham mưu. Nhưng mặt khác, giữ vững, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng cũng không đồng nghĩa với việc phải lập nhiều ban tham mưu; không phải cứ có nhiều cơ quan giúp việc mới là mạnh. Cái chính là sắp xếp thế nào, tổ chức thế nào cho hợp lý để tạo ra sức mạnh; chất lượng cán bộ thế nào để đáp ứng được chức năng nhiệm vụ, không chồng chéo, trùng lặp nhiệm vụ và cản trở lẫn nhau. Nếu tuyệt đối hóa, chỉ nhấn rằng phải có hệ thống ban tham mưu, thậm chí bên Nhà nước có bộ nào thì bên Đảng cũng phải có ban ấy, hiểu một cách đơn giản, thô thiển như thế thì bộ máy sẽ phình ra và chồng chéo. Nhưng ngược lại, cũng không nên nói là Đảng không cần có cơ quan tham mưu riêng, chỉ sử dụng các bộ máy bên Nhà nước; bởi vì tính chất tham mưu của cơ quan đảng khác với tham mưu của cơ quan nhà nước. Cả hai thái cực ấy đều không đúng.

Chúng ta nói, một mặt phải tăng cường bộ máy tham mưu cho mạnh, nhưng mặt khác phải sử dụng, phát huy đầy đủ vai trò trách nhiệm của các tổ chức đảng, các

cán bộ, đảng viên công tác trong các cơ quan nhà nước. Khắc phục cả hai khuynh hướng: hoặc là xem nhẹ việc xây dựng cơ quan tham mưu của cấp ủy đảng; hoặc là xem nhẹ việc sử dụng, phát huy các tổ chức đảng, và đảng viên hoạt động trong các cơ quan nhà nước và đoàn thể.

Không nên hiểu sắp xếp tổ chức bộ máy chỉ đơn giản là giảm hay tăng đầu mối mà phải hiểu đó là một thể thống nhất, đồng bộ, bao gồm nhiều việc, nhiều công đoạn, trong đó có việc sắp xếp tổ chức cơ cấu bộ máy. Tinh thần của Nghị quyết Trung ương lần này là phải kiên quyết làm; việc gì đã rõ, đã kết luận được thì phải kiên quyết làm và phải làm cho bằng được, như tinh giảm đầu mối, sáp nhập hoặc giải thể các cơ quan và bộ phận trực thuộc chồng lán về chức năng và nhiệm vụ, cắt bỏ các khâu trung gian gây phiền hà và chậm trễ, trong tất cả các tổ chức, trước hết là trong bộ phận hành chính, các cơ quan chính quyền. Thực hiện giảm biên chế khoảng 15%. Đương nhiên không phải bình quân tất cả. Giảm biên chế là giảm trước hết ở các cơ quan hành chính, ở bộ phận hành chính trong các cơ quan sự nghiệp và sản xuất kinh doanh.

3. Một số giải pháp cụ thể

Ban Chấp hành Trung ương đã bàn và quyết định nhiều giải pháp quan trọng. Ở đây chỉ xin nhấn mạnh một số điểm:

a) Về sắp xếp tổ chức, bộ máy

Việc sắp xếp lại tổ chức bộ máy đảng ở các địa phương được Trung ương nhất trí nhanh và cao theo hướng cấp tỉnh, thành phố thì có ban tuyên giáo, ban tổ chức, ủy ban kiểm tra, ban dân vận và văn phòng. Đương nhiên còn có trường chính trị và báo Đảng. Các ban khác do cấp ủy địa phương xem xét quyết định, nhưng phải có ý kiến chỉ đạo của Bộ Chính trị.

Đối với các ban ở Trung ương, Trung ương giao cho Bộ Chính trị làm việc với từng ban, tổng kết, xem xét chức năng, nhiệm vụ, đánh giá hiệu quả công tác... Bộ Chính trị sẽ quyết định với tinh thần tích cực nhất.

Đối với các cơ quan trực thuộc Chính phủ và trực thuộc Thủ tướng Chính phủ thì phải tiến hành việc điều chỉnh và giảm tối đa một cách hợp lý. Việc này, Trung ương giao cho Chính phủ và trong thẩm quyền của Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ.

Trong từng ban Đảng, từng cơ quan của Quốc hội, Chính phủ, từng bộ, từng ngành, Mặt trận, các đoàn thể thì phải tự sắp xếp trong nội bộ của mình; không phải chờ. Từng cơ quan rà soát lại một cách khẩn trương, nghiêm túc về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của cơ quan, đơn vị, từ đó đề xuất kế hoạch tinh giảm đầu mối và biên chế, bố trí, điều chỉnh đào tạo bồi dưỡng cán bộ.

Những vấn đề có liên quan đến Hiến pháp và Điều lệ, lần này Trung ương đã quyết định cho lập Tiểu ban nghiên cứu sửa đổi Hiến pháp và lập Tiểu ban soạn thảo văn kiện, trong đó có việc nghiên cứu bổ sung cho một số điểm của Điều lệ.

Những vấn đề chưa rõ thì tiếp tục tổng kết và nghiên cứu, việc nào cần thì làm thử, cho thí điểm một thời gian rồi kết luận, tổng kết, không nên vội. Ví dụ như Bí thư, Phó Bí thư kiêm Chủ tịch Hội đồng nhân dân, mấy năm nay làm bây giờ kết luận là đúng. Hay là cơ chế dân trực tiếp bầu trưởng thôn, ấp, bản, xóm là được rồi. Bí thư chi bộ kiêm trưởng thôn cũng là rõ rồi. Chưa rõ thì làm thí điểm, không vội vàng.

Bộ Chính trị cho rằng cách làm như vậy là vừa phát huy được dân chủ, vừa đề cao tập trung; vừa tích cực vừa thận trọng. Tinh thần là kiên quyết làm, nhưng làm như thế nào cho có hiệu quả, không gây xáo trộn, mất ổn định. Đây là một nội dung của cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Yêu cầu các cơ quan khi kiểm điểm phải kiểm điểm cả vấn đề tổ chức, bộ máy của cơ quan, đơn vị mình.

b) Về biên chế

Phương hướng chung là giảm 15%. Tốt nhất mỗi cơ quan, đơn vị, ngành mình, lĩnh vực của mình thực hiện tinh giảm biên chế đến mức tối đa, chính là vì lợi ích của đất nước. Trong khi chưa có phương án sắp xếp tổng thể, chưa giải trình được, thì chưa được lấy thêm người vào. Đương nhiên, vấn đề này cũng không nên giản đơn dẫn đến cứng nhắc. Bởi vì như có đồng chí nói, nếu không cẩn thận thì lại sẽ là bịt "đầu vào" của cơ quan, đơn vị; bây giờ cảm thấy chưa có vấn đề gì, nhưng 5 - 10 năm nữa sẽ thấy hụt hẫng, lại không có cán bộ kế cận, kế thừa. Cho nên phải tính toán bước đi cho hợp lý. Nói chung là từ nay đến Đại hội IX phải kiên quyết giảm biên chế.

4. Về tổ chức chỉ đạo thực hiện

Bất cứ nghị quyết nào cũng phải hết sức quan tâm việc tổ chức chỉ đạo thực hiện, phải thể chế hóa, cụ thể hóa, phân công trách nhiệm, có bước đi cụ thể trên từng lĩnh vực.

Ngay từ bây giờ, nếu không tạo sự thống nhất cao, mỗi người hiểu một cách, về làm khác nhau là khó. Vì vậy, chúng ta phải giải thích, nêu đúng tinh thần Nghị quyết. Trung ương quyết định lập Ban chỉ đạo gồm các cơ quan có liên quan do một đồng chí ủy viên Thường vụ Bộ Chính trị làm Trưởng ban để chỉ đạo thực hiện.

Việc chỉ đạo thực hiện Nghị quyết phải chú ý kết hợp chặt chẽ ba mặt:

Thứ nhất, phải tạo ra sự thống nhất nhận thức, thống nhất tư tưởng, phải làm cho cán bộ, đảng viên, công chức và nhân dân nhận thức rõ yêu cầu và mục tiêu của đổi mới, kiện toàn tổ chức, bộ máy; đồng thời hiểu rõ bước đi và cách làm thế nào cho có hiệu quả. Phải đặt lợi ích chung lên trên hết; chống tư tưởng bảo thủ trì trệ,

đồng thời cũng chống tư tưởng nóng vội, cực đoan, không xem xét một cách có căn cứ.

Thứ hai, có chế độ chính sách giải quyết thỏa đáng trong việc sắp xếp lại đầu mối, biên chế dôi ra... Tính toán rất cụ thể, bảo đảm ổn định xã hội và tạo thuận lợi cho việc sắp xếp tổ chức, bố trí lực lượng cán bộ và tinh giảm biên chế.

Thứ ba, đề cao kỷ luật chấp hành nghị quyết và quyết định của cấp trên, đồng thời phát huy mọi sáng kiến, dân chủ, trao đổi, tạo thống nhất nhận thức để tự giác làm là chính, không gò ép, áp đặt.

Khi làm phải gắn với các nhiệm vụ khác, nhất là phát triển kinh tế - xã hội và cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, tự phê bình. Không để vì sắp xếp tổ chức, bộ máy mà kinh tế đi xuống, xã hội không ổn định, trong Đảng lại mất đoàn kết.

Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VIII) biểu thị quyết tâm và trách nhiệm cao trước toàn Đảng, toàn dân, kiên quyết lãnh đạo tổ chức thực hiện tốt Nghị quyết của Hội nghị, làm cho tổ chức, bộ máy của hệ thống chính trị thật sự có chất lượng cao, trong sạch, vững mạnh, đủ sức lãnh đạo và phục vụ nhân dân trong thời kỳ mới.

* Bài đăng trên Tạp chí Thông tin công tác tư tưởng, số 9 - 1999

**QUAN ĐIỂM VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM
XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ TRONG THỜI KỲ ĐỔI MỚI***

Cán bộ, theo nghĩa cơ bản nhất, đó là những người lãnh đạo dẫn dắt quần chúng, tổ chức, điều hành công việc, là hạt nhân của một tổ chức, là nòng cốt của một phong trào. Vì vậy, trong bất cứ thời kỳ cách mạng nào, ở bất kỳ lĩnh vực, địa phương nào, cán bộ cũng đóng vai trò quyết định. Cán bộ không chỉ là khâu then chốt trong công tác xây dựng Đảng mà còn là mắt xích trọng yếu trong toàn bộ hoạt động của Đảng ta, nhân tố quyết định sự thành công của cách mạng nước ta. Không phải ngẫu nhiên mà Bác Hồ bắt đầu chuẩn bị thành lập Đảng và phát động phong trào quần chúng bằng việc đào tạo và huấn luyện cán bộ. Từ giữa những năm 20 của thế kỷ XX, Bác đã trực tiếp mở những lớp huấn luyện cán bộ cách mạng đầu tiên ở Quảng Châu (Trung Quốc) và lựa chọn gửi một số sang đào tạo ở Liên Xô. Bác chuẩn bị và gieo những hạt giống cách mạng ở nước ta. Bác khẳng định: "Cán bộ là cái gốc của mọi công việc. Công việc thành công hay thất bại đều do cán bộ tốt hay kém".

Trong cách mạng dân tộc dân chủ, trải qua các hoạt động bí mật và công khai, hợp pháp và không hợp pháp, các cuộc đấu tranh chính trị và vũ trang, các cuộc vận động cách mạng rộng lớn và sâu sắc, lúc thực hiện "đi vô sản hoá", khi áp dụng khẩu hiệu "công nông hoá trí thức, trí thức hoá công nông" kết hợp việc giáo dục, học tập ở trường lớp với hoạt động "ba cùng" trong phong trào quần chúng..., Đảng ta đã rèn luyện, đào tạo nên lớp lớp cán bộ gánh vác những công việc trọng đại của đất nước. Đội ngũ đó lúc đầu chỉ là những cán bộ chính trị hoạt động ở nhà máy, nông thôn, dần dần phát triển thành một lực lượng to lớn, bao gồm cả cán bộ lãnh đạo Đảng, cán bộ quản lý nhà nước, cán bộ quân sự, cán bộ ngoại giao, cán bộ quản lý sản xuất kinh doanh, các nhà khoa học... hoạt động trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Chính đây cũng là một thành tựu lớn của cách mạng, một tài sản vô cùng quý báu của quốc gia. Dù còn có những hạn chế, khuyết điểm, chúng

ta vẫn có quyền tự hào về đội ngũ cán bộ đó và về thành tựu xây dựng đội ngũ cán bộ của Đảng ta trong những năm tháng đấu tranh cách mạng gian khổ và hào hùng của dân tộc.

Từ khi đất nước được hoàn toàn giải phóng (4-1975) đến nay, trong hoàn cảnh mới và trước những thử thách mới, đội ngũ cán bộ của ta tiếp tục có bước trưởng thành, công tác cán bộ ngày càng có thêm thành tựu và kinh nghiệm. Chuyên đề này cố gắng trình bày một cách khái quát quá trình xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ từ năm 1975 đến nay, qua đó làm sáng rõ thêm một số vấn đề cơ bản về cán bộ và công tác cán bộ, rút ra một số bài học kinh nghiệm góp phần vào việc chỉ đạo công tác cán bộ trong giai đoạn hiện nay.

I- NHÌN LẠI ĐỘI NGŨ CÁN BỘ VÀ CÔNG TÁC CÁN BỘ TỪ NĂM 1975 ĐẾN NAY

Có thể nói trong 30 năm qua, đất nước ta trải qua hai thời kỳ phát triển: thời kỳ từ năm 1975 đến năm 1986 và thời kỳ từ năm 1986 đến nay. Mỗi thời kỳ tùy theo yêu cầu nhiệm vụ chính trị mà công tác tổ chức, công tác cán bộ có những đặc điểm riêng và đội ngũ cán bộ có sự phát triển, trưởng thành tương ứng.

1. Thời kỳ từ năm 1975 đến năm 1988

Đây là thời kỳ cả nước đi vào xây dựng chủ nghĩa xã hội nhưng vẫn theo mô hình tập trung quan liêu bao cấp; đất nước vừa phải khắc phục hậu quả của 30 năm chiến tranh vừa phải đối phó với hai cuộc chiến tranh ở biên giới Tây Nam và biên giới phía Bắc. Tình hình kinh tế - xã hội có rất nhiều khó khăn, đầu những năm 80 và đỉnh cao là năm 1985 đất nước lâm vào tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội

gay gắt. Đội ngũ cán bộ và công tác cán bộ của thời kỳ này trải qua nhiều thử thách và có những biến chuyển, đặc điểm rất đáng chú ý.

Những năm đầu sau giải phóng: ở miền Nam cán bộ thiếu rất nghiêm trọng (do bị chiến tranh của Mỹ - nguy tiêu hao nặng nề, rất nhiều cơ sở đảng tổn thất, hàng chục vạn cán bộ, đảng viên bị hy sinh, tù đày). Nhiều vùng, nhất là các thành phố, thị xã, thị trấn, vùng tôn giáo, dân tộc... không có cán bộ, đảng viên; cơ sở hầu như "trắng". Trung ương đã kịp thời điều động gần 10 vạn cán bộ, trước hết là cán bộ lãnh đạo chủ chốt cho một số tỉnh, thành phố, một số huyện biên giới ở miền Nam. Trung ương Cục và các khu uỷ cũng tăng cường hàng loạt cán bộ cho cơ sở. Theo thống kê của Ban Tổ chức Trung ương, 33 bộ và tổng cục đã điều 33.163 cán bộ, bao gồm: 3.997 cán bộ lãnh đạo và quản lý, trong đó có một số thứ trưởng, hơn 100 cán bộ cấp vụ, cục, hơn 300 trưởng phó ty 8.677 cán bộ đại học, 9.529 cán bộ trung cấp, hơn 5.000 cán bộ chuyên môn, sự nghiệp... Nhờ thế mà chỉ một thời gian ngắn ở miền Nam đã có được một đội ngũ cán bộ tương đối đông và tình hình các mặt nhanh chóng được ổn định. Nếu như trong những năm chiến tranh, Đảng ta không sớm lo đào tạo (kể cả việc đưa cán bộ và con em cán bộ miền Nam tập kết ra Bắc, cử học sinh và cán bộ đi học tập ở nước ngoài) thì làm sao có được cán bộ đáp ứng yêu cầu nhanh như thế.

Những năm 1976 - 1982: Đại hội IV của Đảng chủ trương đưa cả nước tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội; phấn đấu trong vòng 15 - 20 năm xây dựng xong cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội... Nhiệm vụ chính trị đó đòi hỏi phải thay đổi tổ chức (tách bộ nhập tỉnh, nhập huyện, mở rộng quy mô xã và hợp tác xã...) và phải xây dựng cho được một đội ngũ cán bộ tương ứng. Đảng ta đã có rất nhiều cố gắng trên lĩnh vực này. Nhiều nghị quyết của Đảng và Nhà nước đã chỉ rõ phải chăm lo "bồi dưỡng và nâng cao nhanh chóng trình độ và năng lực công tác của các loại cán bộ, trước hết là cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản

lý". Nhưng trong thực tế, chúng ta có thiếu sót là không tích cực và kịp thời đưa cán bộ ưu tú đã trải qua kháng chiến đi đào tạo bồi dưỡng một cách có kế hoạch, bài bản. Trong lựa chọn và bố trí cán bộ thì có thiên hướng nặng về tiêu chuẩn nhiệt tình, ý chí, quá trình công tác, mà xem nhẹ trình độ học vấn, kiến thức khoa học, chất lượng và hiệu quả công tác cụ thể. Có quan niệm cho rằng ta đã đánh thắng Mỹ thì việc gì làm cũng được; cán bộ cứ có nhiệt tình, có quyết tâm, có lý lịch trong sạch là có thể làm bất cứ việc gì Đảng giao; ai đã trúng vào cấp uỷ thì bố trí làm việc gì cũng tốt. Cấu tạo của Ban Chấp hành Trung ương và của các tỉnh uỷ, thành uỷ lúc đó dường như chưa thể hiện được tính kế thừa và yêu cầu của giai đoạn mới. Gần 100% Uỷ viên Trung ương là những đồng chí vào Đảng từ trước và trong kháng chiến chống Pháp; trên 90% tỉnh uỷ viên, thành uỷ viên vào Đảng từ trước chống Mỹ, cứu nước và trên 62% từ trước năm 1954. Tổ chức có quy mô quá lớn, nhiệm vụ mới rất nặng nề, nhưng cán bộ chưa được chuẩn bị, trình độ hiểu biết và năng lực quản lý có nhiều hạn chế.

Những năm 1982 - 1986: thực tế hậu quả của những sai lầm chủ quan duy ý chí trong lãnh đạo kinh tế và trong bố trí cán bộ lộ ra rất rõ, chúng ta càng ngày càng thấm thía: làm kinh tế không thể chỉ có nhiệt tình và ý chí; từ đó đã có những điều chỉnh về chỉ đạo chiến lược. Trong công tác cán bộ, bắt đầu chú ý lựa chọn và sử dụng những người có trình độ học vấn hiểu biết khoa học - kỹ thuật, chuyên môn nghiệp vụ (thay đổi hàng loạt cán bộ theo hướng trí thức hoá; đề bạt nhiều thứ trưởng, bộ trưởng là giáo sư, tiến sĩ, nhấn mạnh vấn đề cán bộ phải học tập...). Nhưng sai lầm ở đây là: nhấn mạnh đơn thuần học vị, bằng cấp, mà không chú ý đầy đủ đến thực chất trình độ cũng như năng lực lãnh đạo, quản lý và quá trình rèn luyện, thử thách trong thực tế công tác; không chú ý đúng mức vấn đề đường lối giai cấp trong công tác cán bộ; đề cao một chiều chế độ trách nhiệm cá nhân (bỏ đảng đoàn, ban cán sự đảng...) và không có quy chế cụ thể. Có thể nói, đây là

những năm tháng Đảng ta trần trở, tìm tòi những chủ trương và giải pháp cải thiện tình hình kinh tế - xã hội; và đây cũng là những năm cán bộ có sự thay đổi, xáo trộn nhiều nhất.

Nói chung, trong thời kỳ 1975 - 1986, đội ngũ cán bộ ta (trước hết là cán bộ lãnh đạo và quản lý chủ chốt) số đông là những đồng chí đã được rèn luyện, thử thách và trưởng thành qua hai cuộc kháng chiến, có phẩm chất chính trị và đạo đức cách mạng, bước đầu thể hiện năng lực lãnh đạo và quản lý kinh tế. Một số cán bộ trẻ được bổ sung đã làm tăng thêm trình độ học vấn, năng lực trí tuệ, sức năng động, nhạy bén của đội ngũ lãnh đạo các cấp. Nhưng trong cơ chế tập trung, quan liêu bao cấp, cán bộ không tránh khỏi tình trạng xơ cứng, kém năng động sáng tạo nhiều khi ỷ lại và thụ động làm theo lệnh cấp trên.

2. Thời kỳ từ năm 1986 đến nay

Đại hội VI của Đảng (12-1986) là một bước đột phá, mở ra thời kỳ mới cho sự phát triển của đất nước - thời kỳ đổi mới toàn diện, chuyển sang nền kinh tế thị trường, mở rộng giao lưu quốc tế thực hiện dân chủ hoá xã hội. Trong bối cảnh đất nước và thế giới có nhiều đổi thay, diễn biến nhanh chóng và phức tạp, đội ngũ cán bộ của ta phải vượt biết bao khó khăn và thử thách để lãnh đạo cách mạng vững bước đi lên. Công cuộc đổi mới vì chủ nghĩa xã hội đã được triển khai ngày càng toàn diện, sâu rộng, đồng bộ và đã thu được những thành tựu to lớn có ý nghĩa rất quan trọng, tạo ra thế và lực mới cho sự phát triển của đất nước.

Bên cạnh mặt thuận lợi và thành tựu, chúng ta phải vật lộn với nhiều khó khăn, tưởng chừng không sao vượt nổi. Đáng chú ý là, nền kinh tế - xã hội của đất nước ở trong tình trạng khủng hoảng trầm trọng; hậu quả của chiến tranh chưa khắc phục được hết; hậu quả của những sai lầm khuyết điểm trong thời kỳ bao cấp bộc lộ sâu sắc: kinh tế suy thoái, ba năm liên lạm phát ba con số (lúc cao nhất lên đến hơn 770%). Đầu năm 1988 có nạn đói lớn ở nhiều vùng và lạm phát còn ở mức

393,8%. Đời sống của những người hưởng lương và trợ cấp xã hội giảm sút mạnh. Nhiều xí nghiệp quốc doanh và hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp đình đốn, thua lỗ, sản xuất cầm chừng, thậm chí phải đóng cửa. Hàng chục vạn công nhân phải rời dây chuyền sản xuất. Hàng vạn giáo viên phải bỏ nghề. Nhiều vụ đổ vỡ tín dụng xảy ra liên tiếp. Rất nhiều "điểm nóng" phải giải quyết.

Đất nước còn bị bao vây cấm vận; chi phí về quốc phòng còn lớn, tranh chấp về biên giới, hải đảo vẫn xảy ra. Sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và các nước Đông Âu tác động rất sâu sắc đến nước ta. Quan hệ kinh tế giữa nước ta với các thị trường truyền thống bị đảo lộn. Trong nhân dân có tâm trạng lo lắng thật sự; một số người dao động hoài nghi về tiền đồ của chủ nghĩa xã hội. Các thế lực thù địch dần tới, tiếp tục chống phá cách mạng nước ta bằng nhiều hình thức và thủ đoạn mới rất thâm độc và quyết liệt. Một số phần tử phản động trong nước lăm le thừa cơ góc đầu dậy.

Trong bối cảnh có nhiều phức tạp và thử thách ấy, đội ngũ cán bộ của ta tiếp tục có bước phát triển và trưởng thành tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, khoa học, giáo dục, văn hoá, xã hội, an ninh quốc phòng, đối ngoại... Đến nay, tổng số cán bộ đương chức trong hệ thống chính trị là 1.312.570 người. Trong đó:

- Cán bộ làm công tác đảng và đoàn thể: 69.763 - 5,3%.
- Cán bộ quản lý nhà nước: 194.316 - 14,8%.
- Cán bộ sự nghiệp (bao gồm các lĩnh vực giáo dục đào tạo, y tế, khoa học, văn học nghệ thuật, báo chí, thể dục thể thao...): 1.048.491 - 19,9%.

Cả nước có khoảng 4 triệu lao động kỹ thuật, trong đó có hơn 1 triệu 200 nghìn người có trình độ trung cấp; hơn 900 nghìn người có trình độ đại học và cao đẳng; hơn 10 nghìn người có trình độ tiến sĩ, phó tiến sĩ và thạc sĩ; 800 giáo sư, 3.200 phó giáo sư.

Nhìn chung, đội ngũ cán bộ của ta mà nòng cốt là cán bộ chủ chốt các cấp do được rèn luyện, thử thách trong quá trình đấu tranh cách mạng lâu dài, gian khổ, đại bộ phận có bản lĩnh chính trị vững vàng, có ý thức độc lập tự chủ, kiên định mục tiêu, lý tưởng xã hội chủ nghĩa, lãnh đạo và gương mẫu thực hiện công cuộc đổi mới đạt kết quả.

Trong điều kiện đất nước còn nghèo, đời sống còn nhiều khó khăn, trước những tác động tiêu cực của hoàn cảnh mới, số đông cán bộ vẫn giữ được lối sống lành mạnh, luôn chăm lo đến sự nghiệp chung.

Kiến thức, trình độ và năng lực quản lý kinh tế, quản lý xã hội, nhất là trong đổi mới kinh tế, mở rộng quan hệ đối ngoại có bước tiến bộ. Thích ứng dần với việc quản lý kinh tế hàng hoá nhiều thành phần vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước. Trình độ học vấn (kể cả về ngoại ngữ, tin học) ngày càng được nâng cao. Trong số các Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VIII có 84,7% có trình độ đại học và trên đại học (khoá VI chỉ có 43,3%, khoá VII 65%). Trong số đại biểu Quốc hội khoá X có 91,33% có trình độ đại học và trên đại học. Trong số 143 cán bộ cao cấp (bộ trưởng, thứ trưởng và tương đương) có 41,9% là trình độ trên đại học, 53,8% là trình độ đại học. Ở cấp tỉnh và thành phố, số có trình độ đại học và trên đại học là 55,9%. Ở cấp huyện, số cán bộ có trình độ trung học và đại học chiếm 46,7%. Còn ở xã, phường là 12,9%.

Những thành tựu của công cuộc đổi mới chứng tỏ chúng ta có một đội ngũ cán bộ vững vàng, thông minh; và chính qua quá trình đổi mới mà đội ngũ cán bộ ta ngày càng trưởng thành cả về số lượng và chất lượng.

Bên cạnh những ưu điểm và sự trưởng thành nêu trên, chuyển sang thời kỳ mới, trước những yêu cầu nhiệm vụ mới, trong bối cảnh có nhiều thử thách mới, đội ngũ cán bộ cũng bộc lộ không ít nhược điểm, khuyết điểm. Đáng chú ý là một bộ phận không nhỏ có biểu hiện thiếu vững vàng về chính trị, dao động giảm sút niềm tin,

nhận thức mơ hồ về chủ nghĩa Mác - Lênin và chủ nghĩa xã hội, xa rời lý tưởng, hoài nghi đường lối của Đảng; thậm chí có người do bất mãn cá nhân đi đến phản bội lý tưởng của Đảng và lợi ích của nhân dân, gây tác hại rất nghiêm trọng.

Một bộ phận thoái hoá về đạo đức, lối sống, lợi dụng chức quyền và những sơ hở trong cơ chế chính sách để tham nhũng, buôn lậu, làm giàu bất chính, tiêu xài lãng phí của công. Không ít cán bộ quan liêu, vô trách nhiệm, sống xa cách dân, trù dập, ức hiếp dân, công thần địa vị, gia trưởng độc đoán, kém ý thức tổ chức kỷ luật, phát ngôn và làm việc tùy tiện, bất chấp nguyên tắc tổ chức sinh hoạt đảng. Một số tham vọng cá nhân, kèn cựa địa vị, xu nịnh, cơ hội, không trung thực, gây mất đoàn kết nghiêm trọng. Suy cho cùng, chủ nghĩa cá nhân trong điều kiện mới đang trỗi dậy, đồng tiền và danh vọng cá nhân đang chi phối các suy nghĩ và hành động của họ.

Một biểu hiện phổ biến là cán bộ lãnh đạo ít tự phê bình và không thích người khác phê bình mình, tính chiến đấu kém. Trong Đảng có tình trạng nể nang, né tránh, không nói thẳng, nói thật với nhau. Quan hệ đồng chí nhiều khi bị chức vụ cấp bậc, lợi lộc, tiền bạc chi phối. Vì vậy mà nhiều hiện tượng tiêu cực không đẩy lùi được, công việc trì trệ. Một số nơi mất đoàn kết nghiêm trọng kéo dài.

Đội ngũ cán bộ tuy đông nhưng không đồng bộ, vẫn còn tình trạng "vừa thừa vừa thiếu". Trình độ kiến thức, năng lực lãnh đạo và quản lý chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ mới, nhất là về quản lý kinh tế thị trường, quản lý xã hội, luật pháp... Nhiều cán bộ lười học, lười nghiên cứu; một số học lướt, đối phó để cốt lấy được bằng cấp.

Ngoài những điểm chúng nói trên, mỗi loại cán bộ tùy điều kiện và mức độ có những biểu hiện cụ thể.

Cán bộ lãnh đạo Đảng Nhà nước và đoàn thể: nhìn chung có bản lĩnh và kinh nghiệm lãnh đạo chính trị vận động quần chúng, kiên định, vững vàng trong đổi mới, trình độ các mặt ngày càng được nâng lên. Nhưng nhiều kiến thức mới về kinh tế, văn hoá, khoa học, công nghệ chậm được bổ sung. Năng lực quản lý còn hạn chế so với yêu cầu của cơ chế mới và yêu cầu khoa học hiện đại. Một số đồng chí lãnh đạo chủ chốt các cấp có biểu hiện chủ quan, thiếu dân chủ. Tình trạng quan liêu, tham nhũng, tiêu xài lãng phí trong một bộ phận cán bộ rất nặng.

Cán bộ lãnh đạo lực lượng vũ trang: có lập trường và ý thức chính trị tốt, kiên quyết bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa. Nhiều đồng chí tích cực học tập và rèn luyện, kiến thức và trình độ ngày càng được nâng cao. Trong hoàn cảnh cơ chế thị trường mở cửa có ý thức cảnh giác. Tuy nhiên, có một số chưa đi sâu nghiên cứu, học tập, rèn luyện, cho nên trình độ, năng lực có mặt bất cập, không hoàn thành nhiệm vụ. Một bộ phận, nhất là trong lực lượng làm kinh tế, giữ gìn an ninh trật tự xã hội, bảo vệ pháp luật lợi dụng chức vụ, quyền hạn, nghề nghiệp để tham nhũng, buôn lậu, sách nhiễu, gây hậu quả nghiêm trọng.

Cán bộ khoa học: ngày càng tăng về số lượng, nhiều người có tâm huyết, có năng lực sáng tạo, tiếp thu khoa học công nghệ mới. Nhưng tỉ lệ trên số dân còn thấp so với các nước trong khu vực, chất lượng chưa cao, năng lực thực hành còn yếu; thiếu nhiều chuyên gia giỏi. Một số thiếu say mê công tác, chưa đem hết tài trí phục vụ đất nước, ít gắn bó với sản xuất và với cơ sở, thiếu tinh thần hợp tác.

Cán bộ quản lý kinh doanh: kiến thức, trình độ và năng lực quản lý có nhiều tiến bộ. Nhiều người năng động, thích ứng nhanh với cơ chế mới. Tuy vậy, kiến thức về kinh tế thị trường, về pháp luật, ngoại ngữ... còn hạn chế, kinh doanh kém hiệu quả, thiếu kinh nghiệm và sự vững vàng cần thiết trong quan hệ với nước ngoài, chưa có ý thức chăm lo cho lợi ích cơ bản, lâu dài của quốc gia, dân tộc. Không ít người nặng về kinh doanh đơn thuần, không chú ý đầy đủ vấn đề chính trị, đạo đức

xã hội, tiêu xài xa hoa lãng phí, tham nhũng, ăn cắp của công, làm giàu bất chính vì lợi ích cá nhân làm hại lợi ích chung.

Đánh giá một cách tổng quát về đội ngũ cán bộ ở nước ta trong những năm đổi mới vừa qua, đồng chí Đỗ Mười - Tổng Bí thư của Đảng lúc đó, đã nói tại Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương khoá VIII: "Chính nhờ sự đóng góp của một đội ngũ cán bộ có phẩm chất và năng lực mà chúng ta đã đạt được thành tựu to lớn trong sự nghiệp đổi mới hơn mười năm qua... Đội ngũ cán bộ, trước hết là cán bộ lãnh đạo và quản lý đã thể hiện bản lĩnh chính trị vững vàng, có ý thức tự chủ, tự lực tự cường, năng động và sáng tạo; có kiến thức, trình độ và năng lực hoạt động thực tiễn, trưởng thành trong quản lý kinh tế, quản lý xã hội, thích nghi dần với cơ chế mới... Mặt khác, cũng cần nhìn thẳng vào sự thật là trong đội ngũ cán bộ hiện đang có nhiều vấn đề đáng lo ngại cả về phẩm chất và năng lực. Kiến thức, trình độ hiểu biết về lý luận và thực tế của nhiều cán bộ chưa theo kịp yêu cầu của tình hình hiện nay. Một bộ phận không nhỏ cán bộ đã thoái hoá về chính trị và phẩm chất đạo đức, lợi dụng chức quyền để tham ô, lãng phí, quan liêu, bè phái, mất đoàn kết, cơ hội và thực dụng. Không ít cán bộ bị giảm sút uy tín, không còn là công bộc của dân, thậm chí trù dập, ức hiếp dân. Cần sớm khắc phục tình hình này, nếu để kéo dài và phát triển thì sẽ dẫn tới nguy cơ không lường hết được".

Về công tác cán bộ: từ năm 1986 đến nay, phục vụ cho nhiệm vụ chính trị theo đường lối đổi mới, công tác cán bộ cũng có những đổi mới đáng kể.

Cùng với việc sắp xếp lại tổ chức gọn nhẹ, tinh giản bớt đầu mối trung gian, chúng ta đã thay đổi, bố trí lại hàng loạt cán bộ để đáp ứng yêu cầu của cơ chế quản lý mới. Bên cạnh những cán bộ lâu năm, vững vàng về chính trị, đã chú ý đào tạo và sử dụng những cán bộ có tư duy đổi mới, năng động, dám nghĩ dám làm, dám chịu trách nhiệm, có kiến thức khoa học, kinh tế, luật pháp, có đầu óc kinh doanh. Việc đánh giá, sử dụng cán bộ dân chủ, tập thể hơn trước. Từng bước tiêu chuẩn hoá cán

bộ, kết hợp các tiêu chuẩn, lấy tiêu chuẩn và hiệu quả công việc làm căn cứ chủ yếu.

Đã đào tạo và bồi dưỡng hàng chục vạn cán bộ cả về lý luận chính trị, quan điểm, đường lối của Đảng, về quản lý hành chính, quản lý kinh tế, chuyên môn nghiệp vụ. Có nhiều hình thức đào tạo, bồi dưỡng, cung cấp thông tin cho cán bộ. Nhiều cấp uỷ và tổ chức đảng đã chú ý công tác tạo nguồn, đưa cán bộ dự bị vào các vị trí kế cận để đào tạo. Số cán bộ được cử đi học ở các trường lớp tăng hơn nhiều so với các năm trước; có nơi tăng 5 - 6 lần. Riêng Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và Học viện Hành chính quốc gia trong bốn năm gần đây đã có 27.000 cán bộ đến học các lớp ngắn hạn và dài hạn.

Trong việc bố trí cán bộ, đã chú ý kết hợp các độ tuổi, các loại các lớp cán bộ, không đổi mới nhất loạt và không trẻ hoá một cách hình thức.

Đã ban hành và thực hiện một số chính sách phù hợp với tình hình mới (trong đó có chính sách chăm lo những người có công). Nghiên cứu ban hành một số quy chế về quản lý cán bộ, quy định tiến hành lựa chọn, đề bạt, bầu cử, khen thưởng, kỷ luật cán bộ theo hướng dân chủ hơn, kết hợp dân chủ với tập trung trong công tác cán bộ.

Tuy nhiên, công tác cán bộ cũng còn không ít hạn chế và khuyết điểm tồn tại. Tồn tại lớn nhất là chúng ta chưa có một chiến lược cán bộ cơ bản và lâu dài, xây dựng đội ngũ cán bộ phục vụ cho nhiệm vụ cách mạng của thời kỳ mới. Việc đánh giá, bố trí, sử dụng cán bộ là khâu yếu nhất; nhiều khi chủ quan chưa thật công tâm, chưa vì việc đặt người. Còn thiếu dân chủ hoặc dân chủ hình thức. Bố trí cán bộ trong nhiều trường hợp vẫn nặng về cơ cấu. Chưa có cơ chế để hiểu đúng và nắm chức cán bộ. Lúng túng, bị động trong bố trí cán bộ chủ chốt ở một số ngành và địa phương. Thiếu tin tưởng, thậm chí còn hẹp hòi định kiến, cho nên không mạnh dạn cất nhắc, đề bạt cán bộ trẻ. Mặt khác khi chuyển sang cơ chế mới, chậm có định

hướng rõ về chính trị tư tưởng để chủ động phòng ngừa những hiện tượng tiêu cực trong đội ngũ cán bộ.

Chính sách cán bộ, nhất là chính sách tiền lương, điều kiện làm việc, nhà ở... còn nhiều bất hợp lý, kéo dài, không thống nhất và đồng bộ, chưa tạo được động lực và phát huy tài năng, động viên và thúc đẩy cán bộ phấn đấu vươn lên làm việc có hiệu quả; chưa khuyến khích những người công tác ở cơ sở, ở những vùng khó khăn, vùng sâu, vùng xa; chưa chú ý đầy đủ những người về hưu.

Công tác đào tạo bồi dưỡng chưa gắn với yêu cầu, tiêu chuẩn và quy hoạch sử dụng cán bộ. Chất lượng và hiệu quả đào tạo còn thấp. Nội dung chương trình và phương pháp đào tạo cán bộ chậm đổi mới, chưa gắn với tổng kết thực tiễn của đất nước trong những năm đổi mới, buông lỏng giáo dục, rèn luyện lập trường giai cấp và đạo đức cách mạng. Hệ thống trường đào tạo chưa thật hợp lý; việc chiêu sinh, thi tuyển, công nhận tốt nghiệp, phong cấp và quản lý văn bằng, chứng chỉ, học hàm, học vị thiếu chặt chẽ.

Nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo và trực tiếp quản lý cán bộ và nguyên tắc tập trung dân chủ chưa được cụ thể hoá thành các quy chế, quy trình; cho nên khi thực hiện còn lúng túng, chưa nhất quán, thậm chí có nơi còn vi phạm. Công tác kiểm tra, quản lý cán bộ, bảo vệ chính trị nội bộ ở nhiều nơi bị buông lỏng. Không kiên quyết xử lý những cán bộ sai phạm, nhất là cán bộ cao cấp. Phần lớn khi có đơn tố giác mới thanh tra, kiểm tra. Còn thiếu các quy chế về quản lý cán bộ, về luân chuyển cán bộ, về quần chúng giám sát, phê bình cán bộ... Hệ thống tổ chức làm công tác cán bộ vừa phân tán, vừa chồng chéo, chưa rõ chức năng và trách nhiệm. Những yếu kém và khuyết điểm nêu trên có liên quan đến trách nhiệm của các cấp uỷ đảng, các tổ chức đảng và những cơ quan trực tiếp làm công tác cán bộ.

Bước vào thời kỳ mới, các cấp uỷ đảng chưa dự báo được những tình huống mới, chưa hiểu đầy đủ nội dung, yêu cầu mới đối với cán bộ để kịp thời có chủ trương

và giải pháp thiết thực chỉ đạo công tác cán bộ và chuẩn bị đội ngũ cán bộ. Bộ Chính trị, Ban Bí thư tuy dành nhiều thời gian cho vấn đề cán bộ nhưng chủ yếu là xử lý những việc cụ thể, cấp bách. Ban Chấp hành Trung ương đến trước Hội nghị Trung ương 3 (khoá VIII) tháng 6-1997 chưa có nghị quyết chuyên đề về cán bộ, chưa xây dựng được chiến lược cán bộ. Nhiều cấp uỷ và tổ chức đảng chưa chủ động xây dựng quy hoạch cán bộ, chưa đi sâu nghiên cứu để chỉ đạo thực hiện có hiệu quả. Một số cán bộ chủ trì không tích cực chuẩn bị người kế nhiệm.

Cơ quan làm công tác tổ chức cán bộ chậm được đổi mới.

Nhiều việc vẫn làm theo tư duy và phương pháp cũ. Chưa chú trọng vấn đề nghiên cứu khoa học về công tác cán bộ; trình độ tổng kết thực tiễn, tham mưu đề xuất những vấn đề chiến lược về cán bộ còn hạn chế. Một số cán bộ làm công tác tổ chức còn chưa tiêu biểu về phẩm chất, yếu về năng lực, không theo kịp yêu cầu; có trường hợp thiếu khách quan và trung thực.

Bản thân một số cán bộ (kể cả cán bộ cấp cao), không gương mẫu, không nghiêm khắc tự đòi hỏi mình, không chịu tu dưỡng, rèn luyện, để cho chủ nghĩa cá nhân dẫn dắt, chi phối; không thực hiện nghiêm túc chế độ tự phê bình và phê bình.

Từ tất cả những việc làm được và chưa làm được trong mấy chục năm qua, chúng ta càng thấy rõ ý nghĩa quan trọng và tính chất phức tạp của công tác cán bộ. Để làm tốt công tác cán bộ, cần thường xuyên chú trọng tổng kết thực tiễn, rút ra những bài học kinh nghiệm, kịp thời bổ sung những quan điểm và giải pháp thực hiện.

II. MỘT SỐ VẤN ĐỀ MANG TÍNH QUAN ĐIỂM VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM

Từ thực tiễn xây dựng đội ngũ cán bộ từ năm 1975 đến nay có thể rút ra một số vấn đề mang tính quan điểm và bài học kinh nghiệm sau đây:

1. Công tác cán bộ chịu sự quy định của đường lối chính trị, phục vụ nhiệm vụ chính trị; cho nên đồng thời với chuẩn bị đường lối chính trị phải chuẩn bị đường lối tổ chức và chiến lược cán bộ.

Những điều đã nói ở phần trên một lần nữa chứng minh rằng, đường lối chính trị thế nào thì đòi hỏi cán bộ phải có đủ trình độ, phẩm chất và năng lực đáp ứng yêu cầu thực hiện đường lối ấy, phục vụ đường lối ấy. Đường lối chính trị đúng sẽ làm cơ sở cho đường lối tổ chức và đường lối cán bộ đúng. Trái lại, đường lối chính trị phạm sai lầm thì đường lối tổ chức và đường lối cán bộ sẽ phạm sai lầm theo. Nhưng muốn có đường lối chính trị đúng lại phải thường xuyên chăm lo xây dựng, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, nâng cao bản lĩnh, trình độ và trí tuệ của đội ngũ cán bộ, trước hết là cán bộ chủ chốt ở cấp chiến lược vĩ mô. Nói cách khác, mối quan hệ giữa đường lối chính trị và cán bộ là mối quan hệ biện chứng, nhân quả. Cái này là tiền đề cho cái kia, và ngược lại.

Vì vậy đồng thời với chuẩn bị đường lối chính trị và chiến lược kinh tế - xã hội, phải chuẩn bị đường lối tổ chức và chiến lược cán bộ. Đường lối cán bộ trên những nguyên tắc cơ bản phải luôn luôn nhất quán, tránh phiến diện, từ cực này nhảy sang cực kia; đồng thời phải có sự vận dụng cụ thể cho phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ chính trị mỗi lúc. Không thể giữ nguyên cán bộ của thời kỳ cũ để làm nhiệm vụ mới, mà phải thực hiện đúng phương châm kế thừa và phát triển; tích cực bồi dưỡng, sử dụng số cán bộ đã có, đồng thời đào tạo mới và đào tạo lại. Thậm chí nhiều khi công tác cán bộ phải đi trước một bước, phải dự báo chiều hướng phát triển của tình hình, đón trước thời cơ và thách thức để chuẩn bị cán bộ sao cho không bị động, lúng túng.

Cán bộ có quan hệ hữu cơ với tổ chức bộ máy và phương thức, cơ chế vận hành của bộ máy. Do đó, cùng với việc sắp xếp bộ máy, đào tạo, bố trí cán bộ, phải quan tâm xây dựng cơ chế, chính sách, lề lối và phương thức làm việc. Đó là những công việc phức tạp đòi hỏi phải có sự nghiên cứu tổng kết một cách thận trọng. Phải làm rất tích cực, khẩn trương, nhưng cũng không nên nôn nóng, đưa ra những quyết định về tổ chức cán bộ thiếu cân nhắc.

Đặc biệt phải chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ cấp chiến lược vững vàng, có đủ bản lĩnh để giải quyết những công việc ở tầm chiến lược, xử lý thông minh, có hiệu quả những tình huống phức tạp có quan hệ đến sự phát triển của đất nước và sự sống còn của chế độ. Thực tế cho thấy trong bất cứ hoàn cảnh nào, nhất là vào những thời điểm quyết định hoặc có tính chất bước ngoặt, vận nước đặt tất cả vào cán bộ cấp chiến lược. Chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ, Đảng Cộng sản ở Liên Xô và các nước Đông Âu tan rã là do nhiều nguyên nhân, nhưng trong đó có nguyên nhân rất quan trọng là bố trí sai một số cán bộ lãnh đạo cấp chiến lược. Chúng ta không thể xem nhẹ vấn đề này. Một trong những nội dung quan trọng của chiến lược cán bộ là phải tạo được nguồn cán bộ, tức là phải xây dựng quy hoạch cán bộ và chăm lo đào tạo bồi dưỡng cán bộ. Quan trọng nhất là quy hoạch xây dựng đội ngũ cán bộ cốt cán trong hệ thống chính trị.

Đảng ta đã có chủ trương xây dựng quy hoạch cán bộ rất sớm. Ngay từ cuối những năm 60, rất nhiều địa phương ở miền Bắc đã triển khai thực hiện chủ trương này. Một số nơi làm tốt đã mang lại kết quả cụ thể và tạo nền cơ bản cho công tác cán bộ. Đáng tiếc là ở nhiều nơi làm chưa thường xuyên, nhận thức khác nhau và còn mang tính hình thức. Không ít cấp uỷ cũng chưa nhận thức hết ý nghĩa quan trọng của vấn đề quy hoạch cán bộ và không tích cực tạo nguồn cán bộ. Đây là nguyên nhân chính dẫn đến tình trạng hẫng hụt hoặc không đồng bộ trong đội ngũ cán bộ ở nhiều cấp, nhiều ngành.

Cần khẳng định dứt khoát phải có quy hoạch cán bộ. Quy hoạch là thể hiện chức năng *lãnh đạo - chủ động - định hướng* của Đảng, gắn với nhiệm vụ chính trị, với chiến lược kinh tế - xã hội. Càng đi vào kinh tế thị trường Đảng càng phải nắm chắc cán bộ, có kế hoạch bồi dưỡng, tạo nguồn cán bộ. Đương nhiên phải hiểu đúng nội dung và có phương pháp tiến hành quy hoạch sao cho thiết thực và có hiệu quả.

- Nội dung quy hoạch là: phát hiện, lựa chọn, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, sử dụng cán bộ, chuẩn bị đội ngũ kế cận, tạo nguồn dự bị. Quy hoạch cán bộ không phải chỉ là đưa cán bộ đi học.

- Phương pháp tiến hành quy hoạch cán bộ bao gồm nhiều khâu. Đặc biệt là:

+ Nắm vững và căn cứ vào nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ kinh tế - xã hội, dự báo chiều hướng phát triển của đất nước trong những năm trước mắt và lâu dài.

+ Khảo sát, phân tích đánh giá đội ngũ cán bộ hiện có; dự báo sự biến động của đội ngũ cán bộ trong thời gian sắp tới; phát hiện, thăm dò, tuyển chọn các cán bộ dự bị, kế cận.

+ Xác định nội dung, yêu cầu, kế hoạch đào tạo cho mỗi loại cán bộ.

+ Các cấp, các ngành, từng đơn vị cơ sở đều làm quy hoạch nhưng có sự chỉ đạo, hướng dẫn thống nhất theo một chiến lược chung.

Trên cơ sở quy hoạch, tiến hành đào tạo và đào tạo lại cán bộ một cách thiết thực.

- Nội dung đào tạo cần theo quy hoạch. Ai cần gì, thiếu gì thì bồi dưỡng nấy. Chú ý gắn lý luận với thực tiễn, với chuyên môn, với yêu cầu sử dụng. Nội dung các kiến thức, các quan điểm cần thống nhất giữa các trường lớp, giữa các ngành và địa phương theo giáo trình chuẩn quốc gia; không nên để tình trạng mỗi trường mỗi nơi dạy một khác, thậm chí quan điểm đối chọi nhau.

- Phương thức đào tạo: cần chú ý kết hợp nhiều mặt:

+ Học ở trường đi đôi với rèn luyện thử thách trong thực tế công tác. coi trọng đào tạo qua thực tiễn công tác và phong trào quần chúng.

+ Tự học, tự rèn luyện, tự bồi dưỡng là chính; học ở trường là quan trọng. coi tự học, tự bồi dưỡng là yêu cầu bắt buộc, là phẩm chất không thể thiếu đối với người cán bộ lãnh đạo quản lý hiện nay

+ Cán bộ lãnh đạo chủ chốt cần biết rộng, có kiến thức cơ bản tương đối toàn diện, và cần được luân chuyển qua nhiều công việc ở nhiều lĩnh vực và địa phương khác nhau. Cán bộ chuyên môn, nghiệp vụ cần chuyên sâu, ổn định. Nhưng cả luân chuyển và ổn định đều phải theo quy hoạch. Luân chuyển cán bộ là rất quan trọng nhưng cũng phải theo quy hoạch nằm trong quy hoạch, kế hoạch.

+ Đào tạo, bồi dưỡng phải kết hợp với yêu cầu dự kiến bố trí công tác, sao cho khi nhận nhiệm vụ mới, người cán bộ có thể phát huy tác dụng được ngay. Tránh tình trạng đề bạt rồi mới đưa đi đào tạo.

- Điều kiện và chính sách đào tạo.

+ Đảng và Nhà nước cần đầu tư thoả đáng, coi đầu tư cho công tác đào tạo cán bộ là đầu tư cho chiến lược con người, cho chiến lược của mọi chiến lược. Nhà nước thống nhất quản lý và cấp ngân sách. Các cấp các ngành cần có quỹ đào tạo.

+ Có chính sách trợ cấp thích đáng và thống nhất đối với những cán bộ đi học, nhất là cán bộ dân tộc thiểu số, cán bộ nữ, cán bộ cơ sở, cán bộ ở những vùng đời sống có nhiều khó khăn.

+ Sắp xếp hợp lý và quản lý thống nhất các trường đảng, trường hành chính, trường đoàn thể ở các cấp; tránh trùng lặp, chồng chéo, ít hiệu quả.

Hiện nay, đất nước ta đang triển khai thực hiện nhiệm vụ công nghiệp hoá, hiện đại hoá vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, từng bước tiến lên chủ nghĩa xã hội. Đây là sự nghiệp vĩ đại nhưng rất khó khăn, nặng nề. Nó diễn ra trong bối cảnh quốc tế và trong nước phức tạp, có cả thuận lợi và khó khăn, thời cơ và nguy cơ đan xen nhau và chứa đựng những yếu tố bất trắc khó lường hết được. Nhiệm vụ chính trị của thời kỳ mới đang đặt ra rất nhiều vấn đề mới cho công tác cán bộ, đòi hỏi phải xây dựng được chiến lược cán bộ tương xứng nhằm xây dựng được một đội ngũ cán bộ ngang tầm, vững mạnh. Chỉ có chủ động xây dựng, kiện toàn đội ngũ cán bộ như vậy, Đảng ta mới có điều kiện lãnh đạo và tổ chức toàn dân tiến hành thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, đồng thời chuẩn bị tốt thế hệ cán bộ cách mạng cho đời sau.

2. Trên cơ sở quán triệt sâu sắc quan điểm giai cấp trong công tác cán bộ, phải có chính sách đoàn kết, tập hợp rộng rãi các loại cán bộ, trọng dụng mọi nhân tài của đất nước.

Quán triệt quan điểm giai cấp trong công tác cán bộ là một vấn đề có tính nguyên tắc. Bất cứ giai cấp nào, chế độ xã hội nào cũng có đường lối cán bộ riêng của mình, lựa chọn đào tạo, sử dụng cán bộ theo quan điểm của giai cấp mình và phục vụ lợi ích của giai cấp mình.

Đảng Cộng sản và Nhà nước xã hội chủ nghĩa đứng trên lập trường giai cấp công nhân, vì lợi ích của giai cấp công nhân và nhân dân lao động mà nhìn nhận và tiến hành công tác cán bộ. Có nghĩa là phải đào tạo, lựa chọn và sử dụng những người thật trung thành với lý tưởng của giai cấp công nhân, với lợi ích của dân tộc, với chủ nghĩa xã hội. Không để những phần tử cơ hội, phản động lọt vào hàng ngũ lãnh đạo để phá hoại sự nghiệp của cách mạng. Những người được bố trí vào cương vị lãnh đạo Đảng và Nhà nước trước hết phải là những người đã được đào tạo và thử thách trong giai cấp công nhân, nông dân và tầng lớp trí thức cách mạng,

những người hết lòng phấn đấu vì lợi ích của giai cấp công nhân và nhân dân lao động. Điều đó hoàn toàn phù hợp với bản chất chế độ ta, với yêu cầu tăng cường vai trò lãnh đạo và tính chất giai cấp công nhân của Đảng.

Đương nhiên, chúng ta không hiểu quan điểm giai cấp một cách đơn giản, thô thiển, cứng nhắc, dẫn đến biệt phái, hẹp hòi thành phần chủ nghĩa. Quan điểm giai cấp sâu sắc được vận dụng nhuần nhuyễn chính là phải làm sao đoàn kết, tập hợp rộng rãi các loại cán bộ, trọng dụng mọi nhân tài của đất nước, không kể người đó ở trong Đảng hay ngoài Đảng, thuộc dân tộc, tôn giáo nào, ở trong nước hay Việt kiều ở nước ngoài. Cũng không nên mặc cảm, định kiến với những người quá khứ có sai lầm nay đã hối cải và sửa chữa. Ai có sáng kiến, có tài năng đều được trọng dụng miễn sao họ toàn tâm toàn ý phụng sự đất nước, phụng sự nhân dân. Hồ Chủ tịch là một mẫu mực tuyệt vời về thực hiện chính sách này. Người dày công bồi dưỡng, vun trồng những cán bộ có tâm, có tài, có triển vọng ở mọi tầng lớp xã hội, mọi tôn giáo, dân tộc; tin tưởng và mạnh dạn giao việc cho những người thật sự có tài có đức; thu hút, cảm hoá, tập hợp được những trí thức giỏi nhất của đất nước trên tất cả các lĩnh vực.

Trong điều kiện thực hiện chính sách kinh tế nhiều thành phần, quan điểm giai cấp trong công tác cán bộ còn thể hiện ở chỗ biết phát huy, sử dụng đúng cán bộ có đủ tiêu chuẩn hoạt động trong các thành phần kinh tế, không phân biệt đối xử.

Quan điểm đúng đắn nói trên của Đảng ta không phải lúc nào cũng được quán triệt đầy đủ và sâu sắc. Chẳng hạn, có lúc quá nhấn mạnh vấn đề thành phần xuất thân, cho rằng cứ nghèo khổ, cứ xuất thân từ thành phần công nhân, bản cố nông là đều có thể tin tưởng được; còn xuất thân từ các thành phần khác thì đều không tốt, không thể sử dụng được. Hoặc có tình trạng không tin cán bộ ngoài Đảng, ngại sử dụng họ. Từ đó bỏ qua không ít những người tốt, có tài ở các thành phần xã hội khác.

Ngược lại, có lúc dường như để sửa chữa những thiếu sót nêu trên, lại có khuynh hướng xem nhẹ vấn đề đào tạo, sử dụng những người xuất thân từ các thành phần cơ bản, chỉ nhấn mạnh những người có trình độ học vấn cao, có học hàm học vị, bất kể họ xuất thân từ thành phần xã hội nào, quá khứ của họ ra sao, dẫn đến mất cảnh giác trong công tác cán bộ.

Quán triệt quan điểm giai cấp trong công tác cán bộ đòi hỏi phải nắm vững tiêu chuẩn cán bộ và giải quyết tốt mối quan hệ giữa tiêu chuẩn và cơ cấu cán bộ.

Thời đại nào, chế độ xã hội nào cũng phải xây dựng được mẫu hình người cán bộ tương ứng để phục vụ cho sự nghiệp của mình. Mỗi giai đoạn cách mạng, ứng với mỗi nhiệm vụ chính trị, đòi hỏi người cán bộ phải có những phẩm cách, trình độ, tư chất thích hợp. Trong giai đoạn xây dựng và bảo vệ đất nước hiện nay, tiêu chuẩn chung đối với người cán bộ lãnh đạo và quản lý ở nước ta là: có bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định mục tiêu và con đường xã hội chủ nghĩa, quyết tâm thực hiện thắng lợi mọi chủ trương, đường lối của Đảng; có kiến thức và năng lực tham gia các quyết định của tập thể và khả năng tổ chức thực tiễn, làm việc có hiệu quả; có đạo đức cách mạng trong sáng, thẳng thắn, trung thực, đấu tranh bảo vệ các quan điểm, đường lối của Đảng, có ý thức tổ chức kỷ luật, cần kiệm liêm chính, chí công vô tư, giữ gìn sự đoàn kết trong Đảng, gắn bó với quần chúng, được quần chúng tín nhiệm.

Như vậy, tiêu chuẩn chung của một cán bộ bao gồm ba mặt cơ bản:

- + Phẩm chất chính trị: ý chí và lòng trung thành với sự nghiệp.
- + Đạo đức cách mạng, lối sống lành mạnh.
- + Trình độ, năng lực, trí tuệ, khả năng hoàn thành nhiệm vụ.

Ba mặt đó quan hệ chặt chẽ với nhau không thể xem nhẹ mặt nào. Lâu nay ta thường nói đó là phẩm chất và năng lực hoặc đức và tài, trong đó như Bác Hồ nói

"đức là cái gốc của người cách mạng". Thiếu sót của chúng ta là lúc nhấn mạnh mặt đức, lúc lại nhấn mạnh tài; lúc nhấn mạnh sự trong sạch, lòng tốt, lúc lại nhấn mạnh mặt năng nổ tháo vát, làm ăn có hiệu quả,... dẫn đến tình trạng cùng một người cán bộ, nhưng tuyên dương khen thưởng cũng được mà kỷ luật, bỏ tù cũng được.

Trên cơ sở tiêu chuẩn chung, lại phải cụ thể hoá, định rõ tiêu chuẩn cho từng loại cán bộ: cán bộ đảng, chính quyền, đoàn thể cán bộ kinh tế, khoa học giáo dục, y tế, cán bộ làm công tác đối ngoại, văn hoá văn nghệ...

Thiếu sót trong nhiều năm qua là mới dừng lại ở những tiêu chuẩn chung, chưa cụ thể hoá cho từng loại cán bộ. Vì thế thiếu căn cứ và chuẩn mực cụ thể để xem xét, đánh giá cán bộ một cách chính xác; việc sử dụng bố trí cán bộ cũng chỉ dựa vào cảm tính chủ quan hoặc áng chừng đại khái, không phát huy được đầy đủ tiềm năng của cán bộ. Mối quan hệ giữa tiêu chuẩn và cơ cấu cán bộ: thực tế cho thấy, trong việc bố trí và sử dụng cán bộ không thể không tính đến cơ cấu. Cơ cấu hợp lý, khoa học là điều kiện cần thiết giúp cho sự lãnh đạo của Đảng được toàn diện, bao quát được mọi vùng, mọi lĩnh vực; đồng thời sẽ phát huy được sức mạnh của toàn đội ngũ. Cơ cấu ở đây bao gồm: cơ cấu ngành, vùng, trung ương, địa phương; cơ cấu giới tính (nam, nữ); cơ cấu độ tuổi (trẻ, già); cơ cấu giai cấp, tầng lớp xã hội (công nhân, trí thức, dân tộc, tôn giáo, trong Đảng, ngoài Đảng, Việt kiều...).

Ở mỗi cấp lãnh đạo mỗi loại tổ chức lại có yêu cầu về cơ cấu khác nhau (Ban Chấp hành Trung ương khác cấp uỷ cơ sở; tổ chức đảng khác Quốc hội đoàn thể, mặt trận...) Nhưng dù cơ cấu thế nào cũng phải xuất phát từ quan điểm, lập trường giai cấp công nhân và phải căn cứ vào tiêu chuẩn cán bộ, dứt khoát phải bảo đảm theo đúng yêu cầu về tiêu chuẩn; không vì cơ cấu mà chêm chước, hạ thấp tiêu chuẩn. Nhấn mạnh một chiều vấn đề cơ cấu sẽ dẫn đến hạ thấp chất lượng đội ngũ cán bộ. Chúng ta chủ trương phải trẻ hoá đội ngũ cán bộ, mạnh dạn sử dụng cán bộ trẻ

nhưng đó phải là những người đủ tiêu chuẩn; cũng như trọng dụng cán bộ nhiều tuổi nhưng đó phải là những người còn sức khỏe và có tư duy mới. Có như vậy mới góp phần phát huy sức mạnh tổng hợp của đội ngũ cán bộ, đồng thời cũng bảo đảm tính kế thừa trong công tác cán bộ.

3. Công tác cán bộ phải được tiến hành theo nguyên tắc tập trung dân chủ

Cán bộ là vấn đề con người; đánh giá, bố trí, sử dụng, đối xử đãi ngộ cán bộ là vấn đề có quan hệ đến tâm lý, lợi ích, danh dự, tình cảm của con người, rất phức tạp và tế nhị. Vì vậy, hơn ở đâu hết, trong lĩnh vực này phải thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ, phải hết sức thận trọng và thật sự dân chủ.

Phải bảo đảm tính tập thể, dân chủ, đồng thời phát huy đầy đủ trách nhiệm cá nhân trong công tác cán bộ. Những quyết định quan trọng về chủ trương, chính sách và nhân sự cán bộ nhất thiết phải do tập thể có thẩm quyền quyết định. Cá nhân có trách nhiệm chuẩn bị để đưa tập thể xem xét quyết định và có trách nhiệm thực hiện tốt quyết định của tập thể.

Trong tình hình hiện nay, dân chủ là một khâu then chốt của việc đổi mới đội ngũ cán bộ, đổi mới cơ chế quản lý cán bộ và là điều kiện cần thiết để bảo đảm cho công tác cán bộ đạt hiệu quả tốt. Tình trạng thiếu dân chủ, không kết hợp đúng đắn giữa tập trung và dân chủ, hoặc dân chủ hình thức, làm cho việc đánh giá, bố trí, sử dụng cán bộ thiếu chính xác, thiếu công bằng, và là một nguyên nhân làm cho cán bộ phát sinh tâm tư, thắc mắc, thậm chí gây mất đoàn kết nội bộ. Đã đến lúc vấn đề dân chủ trong công tác cán bộ cần được đặt ra một cách mạnh mẽ và nghiêm túc hơn. Nghĩa là tính dân chủ cần được quán triệt đầy đủ hơn trên các mặt của công tác cán bộ, nhất là ở một số khâu trọng yếu để tạo tiền đề cho việc mở rộng dân chủ trong toàn bộ công tác cán bộ.

+ Trước hết, cần mở rộng dân chủ trong đánh giá cán bộ. Lâu nay, việc đánh giá cán bộ thường được coi là công tác bí mật, là việc riêng của thủ trưởng và bộ phận tổ chức cán bộ. Một cán bộ nào đó được đánh giá là tốt hay xấu, có năng lực hay không có năng lực, phẩm chất của người đó như thế nào, hằng năm anh ta có hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị của mình hay không, khả năng phát triển ra sao, ít người được biết. Thậm chí, bản thân người cán bộ đó cũng không được biết những nhận xét, đánh giá của cấp trên về mình.

Cách làm trên đây thực tế đã làm cho việc đánh giá cán bộ thiếu khách quan, thiếu chính xác, không phát huy được ý thức trách nhiệm và tính tích cực chính trị xã hội của bản thân người cán bộ; quần chúng không kiểm tra, giám sát được cán bộ. Và đương nhiên việc bố trí, sắp xếp, đề bạt cán bộ cũng không tránh khỏi những sai lầm.

Để khắc phục tình trạng nêu trên, việc đánh giá cán bộ cần dựa vào những chuẩn mực nhất định. Điều đó phải được coi như một nguyên tắc. Đánh giá cán bộ căn cứ vào chuẩn mực sẽ khắc phục được tình trạng dựa theo cảm tính, dựa vào việc "thích" hay "không thích" của người thủ trưởng hoặc cấp có thẩm quyền. Đánh giá cán bộ căn cứ vào chuẩn mực cũng sẽ hạn chế được những dụng ý xấu, hạn chế được tình trạng truy trù, ghét bỏ.

Để bảo đảm dân chủ, việc đánh giá cán bộ cũng cần phải tuân theo nguyên tắc tập thể. Nghĩa là phải có sự kết hợp thật chặt chẽ giữa đánh giá của người thủ trưởng, của bộ phận tổ chức cán bộ với tự đánh giá của bản thân người cán bộ và việc hỏi ý kiến của các loại đối tượng có liên quan như: cán bộ cùng cấp, cùng làm việc, quần chúng và cán bộ cấp dưới có quan hệ công tác; cán bộ cấp trên; cấp uỷ và đoàn thể quần chúng; cán bộ và nhân dân ở nơi cư trú, v.v...

+ Bên cạnh việc đánh giá cán bộ, việc bố trí và sử dụng cán bộ cũng cần bảo đảm tính dân chủ, tránh cách làm tùy tiện, áp đặt. Trước khi quyết định, cấp có thẩm

quyền cần trực tiếp trao đổi ý kiến với đương sự và tôn trọng quyền được đề đạt ý kiến, nguyện vọng của đương sự.

Dân chủ trong bố trí và sử dụng cán bộ còn thể hiện ở chỗ cấp uỷ đảng tôn trọng luật pháp và điều lệ của các cơ quan nhà nước và đoàn thể chính trị, tôn trọng quyền bầu cử dân chủ theo luật và điều lệ của mỗi tổ chức. Tổ chức đảng lựa chọn, giới thiệu, chứ không áp đặt.

Muốn thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ, lại phải cụ thể hoá, thể chế hoá thành các quy chế, quy định cụ thể. Vừa qua chính vì chỉ dừng lại ở nguyên tắc chung cho nên có nhiều chủ trương quan trọng không được thực hiện một cách nghiêm túc, làm cho nhiều mặt về công tác cán bộ bị trì trệ. Gần đây tuy cố gắng, đã ban hành một số văn bản cụ thể hoá, xây dựng được một số quy chế, quy trình, nhưng chưa thực hiện được bao nhiêu và còn thiếu đồng bộ. Cần phải xây dựng một loạt quy chế và trong mỗi quy chế phải quy định rất cụ thể các khâu, các việc phải làm.

Trước mắt cần khẩn trương xây dựng các quy chế về đánh giá cán bộ; quản lý cán bộ; quy chế bầu cử (trong đảng, trong các cơ quan dân cử, đoàn thể...); quy chế bổ nhiệm cán bộ; quy chế tuyển chọn cán bộ; quy chế miễn nhiệm cán bộ; quy chế đào tạo cán bộ; quy chế khen thưởng, kỷ luật cán bộ... các quy chế này cần được công bố công khai và thực hiện một cách nghiêm túc.

Ví dụ: Trong quy chế đánh giá cán bộ phải quy định rõ, khi đánh giá cán bộ phải:

- Căn cứ vào tiêu chuẩn cán bộ (tiêu chuẩn chung và tiêu chuẩn cụ thể từng chức danh).
- Căn cứ vào kết quả công tác và sự đóng góp cụ thể, thực tế của người cán bộ đó (khối lượng, chất lượng công việc, hiệu quả kinh tế, chính trị, xã hội...).
- Căn cứ vào sự tín nhiệm của quần chúng.

- Đặt cán bộ trong môi trường điều kiện cụ thể, trong mối quan hệ biện chứng với đường lối, chính sách, tổ chức và cơ chế hoạt động, và xem xét cả quá trình phát triển của cán bộ. Không tách kết quả công việc ra khỏi điều kiện khách quan và quá trình tự vận động của cán bộ.

- Kết hợp sự đánh giá của người phụ trách, của bộ phận tổ chức với việc tự đánh giá của bản thân người cán bộ và việc hỏi ý kiến của các đối tượng có liên quan: cán bộ cùng cấp, cùng làm việc; quần chúng và cán bộ cấp dưới có quan hệ công tác; cán bộ cấp trên, cấp uỷ và đoàn thể quần chúng liên quan, cán bộ và nhân dân nơi cư trú. Kết hợp việc đánh giá thường xuyên với đánh giá định kỳ; kết hợp và chất lọc nhiều nguồn thông tin. Tránh vội vàng kết luận khi chưa có đủ thông tin cần thiết. Tốt nhất là tiếp xúc trực tiếp với cán bộ, trao đổi đối thoại, hoặc làm việc trực tiếp với cán bộ một thời gian nhất định. Không nên chỉ nghe dư luận hoặc chỉ nghe ý kiến nhận xét gián tiếp.

Trong quy chế tuyển chọn, đề bạt cán bộ phải vạch ra quy trình cụ thể.

- Phải xác định rõ yêu cầu, tiêu chuẩn, số lượng, chất lượng, đối tượng tuyển chọn. Phổ biến công khai để quần chúng trong đơn vị biết.

- Các tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể, cá nhân phát hiện, giới thiệu, đề xuất hoặc tự đề xuất. Tốt nhất là bằng phiếu kín hoặc phát biểu trực tiếp với người có thẩm quyền.

- Thăm dò tín nhiệm, lấy phiếu tín nhiệm.

- Đối với một số chức danh cán bộ quản lý và cán bộ chuyên môn nghiệp vụ cần tổ chức thi tuyển.

Sau khi thu thập đủ các thông tin cần thiết, cần tiến hành kiểm tra, xác minh các mặt; trực tiếp gặp gỡ trao đổi ý kiến với đương sự; lập danh sách những người đủ

tiêu chuẩn cơ bản và có số phiếu tín nhiệm cao để đưa vào bầu cử hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền đề bạt, bổ nhiệm, hoặc đưa vào quy hoạch đào tạo, sử dụng.

4. Có chính sách đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, sử dụng và đãi ngộ cán bộ một cách nhất quán, công bằng

Thực tiễn cho thấy, chính sách cán bộ là một công cụ cực kỳ quan trọng để tạo động lực xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ.

- Trong việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, cần chú trọng những đảng viên và cán bộ ưu tú, những con em gia đình cách mạng, có công với nước, con em các dân tộc thiểu số. Có chính sách học bổng, miễn giảm học phí, tạo điều kiện thuận lợi cho họ học tập.

Đào tạo, bồi dưỡng phải kết hợp với yêu cầu dự kiến bố trí công tác sao cho khi nhận nhiệm vụ mới, người cán bộ có thể phát huy tác dụng được ngay. Tránh tình trạng đề bạt rồi mới đưa đi đào tạo.

Muốn xây dựng được đội ngũ cán bộ và tuyển chọn được nhiều nhân tài cho đất nước, phải chú ý đầy đủ vấn đề nâng cao trình độ dân trí, chăm lo tạo nguồn cán bộ ngay từ trong các trường đại học và cao đẳng.

- Trong việc bố trí và sử dụng cán bộ, ngoài việc bảo đảm đúng tiêu chuẩn, cần đặc biệt chú ý:

+ Bố trí đúng người, đúng việc, đúng sở trường.

+ Bảo đảm tính liên tục tính kế thừa, kết hợp trẻ - già, cũ - mới, ba độ tuổi, đoàn kết hợp tác tốt giữa các loại, các lớp cán bộ.

+ Đề bạt, bổ nhiệm cán bộ cần đúng lúc, giao việc đúng tầm, khuyến khích cán bộ vươn lên đảm nhận công việc cao hơn. Giao việc thấp thì không phát huy được tiềm năng và sự phát triển của cán bộ. Ngược lại, giao việc quá nặng hoặc không

hợp sở trường sẽ dẫn đến hỏng việc, hỏng người. Tốt nhất nên giao việc vào lúc cán bộ đang có xu hướng đi lên; đừng để đến lúc cán bộ đã chững lại, đi ngang hoặc đi xuống mới đề bạt.

+ Thực hiện quy chế bầu cử có nhiệm kỳ, bổ nhiệm có thời hạn. Đối với cán bộ tham gia cơ chế bầu cử thì hết nhiệm kỳ coi như hết trách nhiệm, ai muốn tiếp tục tái cử vào nhiệm kỳ mới thì phải thực hiện theo đúng quy chế ứng cử và đề cử, còn đối với cán bộ giữ chức vụ do bổ nhiệm thì sau 5 năm nhất thiết phải đánh giá lại, kết hợp với việc lấy phiếu tín nhiệm và tự phê bình của cán bộ để kịp thời điều chỉnh, bố trí lại khi cần thiết. Không nên để giữ chức vụ lãnh đạo chủ trì quá lâu ở một ngành, một địa phương (hai nhiệm kỳ). Những người làm công tác khoa học, nghiệp vụ, cần được chuyên sâu, không xáo trộn, còn cán bộ lãnh đạo nên có sự luân chuyển. Kiên quyết khắc phục tình trạng "đã lên không xuống, đã vào không ra". Đối với những đồng chí có sai lầm khuyết điểm, cấp uỷ đã kiểm điểm giúp đỡ, nhưng sửa chữa chậm hoặc không sửa chữa cần được xử lý, miễn nhiệm, hoặc thay đổi công tác. Không đưa những người bị kỷ luật, không đảm đương được nhiệm vụ ở nơi này sang nhận nhiệm vụ tương đương hoặc cao hơn ở nơi khác. Không bố trí cán bộ vào những công việc mà bản thân cán bộ đó chưa được chuẩn bị, chưa được học, chưa từng làm hoặc chưa am hiểu. Có chế độ cho phép cán bộ được tự xin từ chức hoặc rút chức để đảm nhận công việc phù hợp.

Đặc biệt chú ý bố trí đúng người đứng đầu. Bởi vì người đứng đầu dù là một đơn vị nhỏ hay một huyện, một tỉnh, một ngành có vai trò rất quan trọng. Người đứng đầu nhất thiết phải có đủ uy tín mới quy tụ được trí tuệ của tập thể. Uy tín đó chỉ có một khi người đứng đầu có đủ phẩm chất và năng lực cần thiết, đặc biệt là phải trung thực, gương mẫu, dân chủ và phải công tâm. Nếu người đứng đầu không gương mẫu, không trung thực, không dân chủ và công tâm thì không tập hợp được cán bộ và những người dưới quyền, không được quần chúng tin cậy, ủng hộ, và

như vậy không thể điều hành, lãnh đạo được, nhiều khi còn làm cho nội bộ lung củng, mất đoàn kết.

Thực tế ở nhiều nơi cho thấy, tình trạng mất đoàn kết trong không ít trường hợp là do bố trí sai người đứng đầu; tức là chọn người đứng đầu không đủ tiêu chuẩn hoặc bố trí không đúng khả năng, sở trường. Họ thường phạm vào các khuyết điểm như: gia trưởng, độc đoán, thích dùng quyền lực để ép người dưới quyền phải chấp hành; thiếu công tâm trong công tác cán bộ, "yêu nên tốt, ghét nên xấu", thích kẻ nịnh trừ dập người trung thực; không gương mẫu trong lối sống, chỉ chăm lo thu vén cho cá nhân mình, lèm nhèm trong sinh hoạt; năng lực quá kém; phong cách giao dịch, ứng xử thiếu văn hoá...

Về chính sách, chế độ đãi ngộ cán bộ: bước vào giai đoạn cách mạng mới, trong hoàn cảnh đất nước còn nhiều khó khăn, Đảng và Nhà nước ta đã cố gắng trong việc thực hiện các chính sách, chế độ đãi ngộ cán bộ. Song, những việc đó vẫn nằm trong hệ thống chính sách, chế độ đãi ngộ mang nặng tính bao cấp và bình quân. Có lúc ta tưởng đó là ưu việt, là động lực thúc đẩy sự phát triển. Gần đây, trong những năm đổi mới, những vấn đề nên đã được nhận thức lại. Nhiều chính sách chế độ mới đã được ban hành như chính sách đãi ngộ đối với cán bộ hoạt động trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945, chế độ phụ cấp đối với cán bộ chuyên trách công tác đảng ở các cơ quan, trường học... Tính bao cấp trong hệ thống chính sách đã dần dần được khắc phục. Tuy vậy chuyển sang cơ chế mới, có nhiều vấn đề mới nảy sinh, không ít chế độ chính sách không còn phù hợp, hoặc bộc lộ những mặt bất hợp lý, làm cho nhiều cán bộ không phấn khởi, thậm chí có người nảy sinh "tâm tư", buồn chán.

Trong việc xây dựng chế độ, chính sách đãi ngộ cán bộ, phải quán triệt quan điểm gắn nghĩa vụ với quyền lợi, lý tưởng với lợi ích, kết hợp việc giáo dục rèn luyện phẩm chất, đòi hỏi sự gương mẫu hy sinh với việc thực hiện chính sách đãi ngộ

thoả đáng, công bằng, coi đây là động lực, là quy luật công tác cán bộ trong điều kiện hiện nay. Nhấn mạnh hoặc tuyệt đối hoá mặt nào đều là không đúng.

Bảo đảm mối quan hệ tương quan giữa cán bộ Đảng, cán bộ Nhà nước, cán bộ đoàn thể, cán bộ giữa các vùng, các lĩnh vực. Khuyến khích những người làm việc tốt, có hiệu quả, trọng dụng và ưu đãi những người có tài. Khắc phục tình trạng phân phối bình quân, đồng thời cũng khắc phục tình trạng có sự chênh lệch quá lớn về thu nhập giữa các loại cán bộ. Cán bộ có công phải được khen thưởng kịp thời về tinh thần và vật chất tương xứng; cán bộ có khuyết điểm phải bị xử phạt nghiêm minh. Có chế độ đãi ngộ thoả đáng đối với cán bộ cơ sở, cán bộ người dân tộc thiểu số, cán bộ miền xuôi lên công tác ở miền núi, cán bộ cách mạng lão thành và cán bộ đã kinh qua hai cuộc kháng chiến.

Xây dựng chính sách động viên sức mạnh về tinh thần một cách đúng mức và kịp thời. Tiếp tục tôn vinh những người có công với cách mạng, với Tổ quốc, các Bà mẹ Việt Nam anh hùng. Tôn vinh những người có tài, có công đóng góp cho sự nghiệp đổi mới. Khuyến khích cán bộ nâng cao nhiệt tình cách mạng, lòng yêu nước, yêu nghề, say mê công tác, tự giác rèn luyện, nâng cao trình độ các mặt, giữ gìn phẩm chất đạo đức. Tuyên dương, khen thưởng những người có thành tích xuất sắc trong lao động sản xuất, quản lý và công tác, hoạt động khoa học, văn hoá nghệ thuật... Tạo điều kiện cho cán bộ lớn tuổi, cán bộ hưu tiếp tục đóng góp cho sự nghiệp cách mạng theo khả năng và sở trường của mỗi người.

5. Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và trực tiếp quản lý đội ngũ cán bộ

Bất cứ đảng cầm quyền nào cũng phải làm như vậy. Một trong những nội dung lãnh đạo của đảng cầm quyền là phải trực tiếp nắm vấn đề cán bộ, bao gồm cả việc định ra đường lối chính sách cán bộ và quyết định bố trí cán bộ, quản lý đội ngũ cán bộ trong Đảng và trong cả hệ thống chính trị. Đây là vấn đề có tính nguyên tắc.

Đương nhiên, trong quá trình thực hiện, phải có sự phân công, phân cấp quản lý, có sự phối hợp, kết hợp chặt chẽ giữa các cơ quan đảng với các tổ chức thành viên trong hệ thống chính trị, phát huy vai trò và trách nhiệm của các cơ quan nhà nước và các đoàn thể nhân dân.

Đảng thông qua các đảng viên và các tổ chức đảng (Ban cán sự đảng, đảng đoàn) trong các cơ quan nhà nước và trong các tổ chức đoàn thể quần chúng để thực hiện đường lối, chính sách cán bộ và kiểm tra việc thực hiện đường lối chính sách đó.

Đảng quyết định sự phân công, phân cấp quản lý cán bộ cho các cấp uỷ, các ban cán sự đảng, đảng đoàn trong ngành và địa phương. Cấp uỷ tập trung quản lý tốt số cán bộ giữ chức vụ lãnh đạo chủ chốt.

Ở các cấp, các ngành, sự lãnh đạo của cấp uỷ là nhân tố quyết định sự thành công của công tác cán bộ. Từ quan điểm đánh giá cán bộ đến phương pháp tiến hành, thực hiện quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, sử dụng cán bộ đều phụ thuộc vào vai trò của cấp uỷ. Ở đâu và lúc nào cấp uỷ, trước hết là người lãnh đạo chủ trì, có quan điểm đổi mới đúng đắn, thật sự dân chủ, khách quan thì ở đó, lúc đó công tác quy hoạch, lựa chọn, đào tạo, xây dựng đội ngũ cán bộ thu được kết quả tốt. Khắc phục tình trạng cấp uỷ không trực tiếp lo công tác cán bộ, công tác xây dựng đảng, chỉ khoán trắng cho cơ quan tổ chức, cơ quan tham mưu. Đồng thời phải tăng cường chất lượng các cơ quan tham mưu, giải quyết phối hợp tốt mối quan hệ công tác giữa các cơ quan tham mưu làm công tác cán bộ, công tác xây dựng Đảng.

Xác định rõ trách nhiệm, quyền hạn của các cấp quản lý cán bộ. Quyền hạn đi liền với trách nhiệm. Cấp bố trí, sử dụng cán bộ đồng thời là cấp đánh giá và thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ. Việc bổ nhiệm, đề bạt, điều động, khen thưởng, kỷ luật cán bộ của cơ quan nhà nước thuộc diện cấp uỷ quản lý nhất thiết phải do tập thể cấp uỷ xem xét, quyết định. Cấp uỷ, cấp uỷ viên và thủ trưởng quản lý cán

bộ phải chịu trách nhiệm trước cấp uỷ và thủ trưởng cấp trên về cán bộ thuộc quyền quản lý của mình.

Chi bộ, đảng bộ có trách nhiệm quản lý cán bộ, đảng viên (kể cả đảng viên là cán bộ cấp cao) sinh hoạt ở chi bộ, đảng bộ, nhất là về ý thức tổ chức kỷ luật, chấp hành chính sách và pháp luật, phẩm chất đạo đức và quan hệ với quần chúng.

Để giúp cấp uỷ và tổ chức đảng làm tốt công tác cán bộ, phải chăm lo xây dựng tốt các cơ quan tham mưu và đội ngũ cán bộ làm công tác cán bộ. Xác định rõ chức năng, nhiệm vụ và mối quan hệ công tác của các cơ quan này (kể cả bên đảng và bên chính quyền, cả cơ quan tổ chức, kiểm tra và bảo vệ chính trị nội bộ...), tránh tình trạng chòng chẹo, phân tán, không rõ trách nhiệm, không nắm vững nhiệm vụ chuyên môn. Đặc biệt chú trọng nâng cao phẩm chất, trình độ và năng lực của đội ngũ làm công tác cán bộ; nâng cao chất lượng nghiên cứu, tổng kết, từng bước xây dựng khoa học về công tác cán bộ.

Công tác quản lý cán bộ còn bao hàm nội dung bảo vệ cán bộ. Trong điều kiện hoà bình xây dựng, làm ăn kinh tế, mở cửa hợp tác với bên ngoài, môi trường xã hội rất phức tạp, nhiều cán bộ, đảng viên có chức, có quyền rất dễ bị lợi ích vật chất, tiền tài, gái đẹp quyến rũ. Các thế lực thù địch thì tìm mọi cách thực hiện âm mưu "diễn biến hoà bình"; mua chuộc, lôi kéo cán bộ, cài cắm nội gián, nhằm làm hư hỏng đội ngũ cán bộ, phá ta từ bên trong. Chúng hy vọng rất nhiều vào việc đất nước chuyển sang kinh tế thị trường mở cửa, hy vọng vào những lúc giao thời, chuyển thể hệ cán bộ lãnh đạo. Vì vậy phải có biện pháp thường xuyên bảo vệ cán bộ.

Xây dựng, quản lý, bảo vệ tốt đội ngũ cán bộ là biện pháp tốt nhất để bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ, bảo vệ sự nghiệp cách mạng.

Nội dung bảo vệ cán bộ gồm:

+ Bảo vệ phẩm chất chính trị, quan điểm, đạo đức, lối sống, giữ cho cán bộ trung thực, trung thành, không sa ngã, thoái hoá, không tiếp tay hoặc móc nối với địch.

+ Quản lý, bảo vệ và xác minh hồ sơ lý lịch, xác minh nghi vấn chính trị, các vấn đề có liên quan đến các hoạt động chính trị.

+ Cảnh giác với các âm mưu chia rẽ, gây hoài nghi lẫn nhau trong nội bộ như tung tin giả, hồ sơ giả, tài liệu giả, kích động gây mâu thuẫn nội bộ.

- Phương châm: phòng ngừa là chính. Khi đã xảy ra cần điều tra, xác minh sớm, kết luận dứt khoát, rõ ràng, không để dây dưa kéo dài, nghi ngờ nhau, không ổn định.

- Biện pháp:

+ Xây dựng và thực hiện nội quy, quy chế, trong làm ăn kinh tế chịu sự kiểm tra của tổ chức đảng; trong giao dịch với người nước ngoài, đi nước ngoài, nhận quà biếu, thư từ, tiếp xúc; thực hiện tự phê bình và phê bình; giám định cán bộ hằng năm.

+ Phối hợp, kết hợp với các cơ quan an ninh, nội vụ, chống tham nhũng, buôn lậu, sớm phát hiện những phần tử do địch cài cắm, nội gián (nếu có).

*

* *

Trên đây là một số vấn đề được rút ra từ thực tiễn công tác cán bộ trong thời kỳ từ năm 1975 đến nay - thời kỳ cả nước thống nhất đi vào xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, thời kỳ có biết bao nhiêu biến động thăng trầm, toàn Đảng, toàn dân phải vượt qua biết bao nhiêu khó khăn, thử thách để đi lên. Cùng với những bài học chung của cách mạng, chúng ta có thêm những bài học về xây dựng Đảng, xây dựng đội ngũ cán bộ. Có thể những bài học nêu ra ở đây chưa đầy đủ,

chưa sâu sắc, nhưng chí ít nó cũng gợi lên những suy nghĩ cơ bản bước đầu, phác hoạ ra những nét chung nhất về phương hướng, biện pháp của công tác cán bộ trong thời gian tới, để cùng nhau nghiên cứu, suy nghĩ, tổng kết, hoàn thiện.

Vấn đề quan trọng lúc này là chúng ta cần thống nhất một số nhận thức, quan niệm về cán bộ và công tác cán bộ, trước hết là trên những vấn đề cơ bản như: quan hệ giữa đường lối chính trị và đường lối cán bộ; quan điểm giai cấp và chính sách đoàn kết rộng rãi cán bộ, trọng dụng nhân tài của đất nước, quan hệ giữa tiêu chuẩn và cơ cấu, giữa đức và tài, giữa sự quản lý thống nhất của cấp uỷ đảng với việc phát huy trách nhiệm của cơ quan nhà nước, đoàn thể quần chúng, tổ chức kinh tế, giữa thẩm quyền cá nhân và trách nhiệm tập thể; vấn đề quy hoạch tạo nguồn cán bộ; vấn đề động lực trong công tác cán bộ, quan hệ giữa lý tưởng và lợi ích, giữa nghĩa vụ và quyền lợi trong chính sách cán bộ... thực hiện đổi mới tư duy và quan niệm về công tác cán bộ. Đề phòng cả hai khuynh hướng xa rời nguyên tắc, lối lỏnglãnh đạo, hạ thấp tiêu chuẩn cán bộ... và khuynh hướng bảo thủ, cầu toàn, hẹp hòi trong công tác cán bộ...

Có thống nhất nhận thức và quan niệm về cán bộ và công tác cán bộ thì mới có điều kiện để chỉ đạo và thực hiện thống nhất, nhất quán các vấn đề về cán bộ.

* Chuyên đề nghiên cứu thuộc Đề tài cấp nhà nước KHXH 05- 03: *Luận cứ khoa học cho việc nâng cho chất lượng đội ngũ cán bộ trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước*, (1996 - 2000).

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1997, tr 25-26.

ĐỔI MỚI PHƯƠNG THỨC LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG ĐỐI VỚI NHÀ NƯỚC*

I - MỘT VÀI VẤN ĐỀ CHUNG VỀ PHƯƠNG THỨC LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG

1. Khái niệm "*phương thức lãnh đạo của Đảng*" được dùng chính thức ở Việt Nam lần đầu tiên tại Hội nghị Trung ương 6 khoá VI (3-1989) cùng với khái niệm "*hệ thống chính trị*". Sau đó nói trong Thông báo số 172 của Bộ Chính trị khoá VI (11-1989) và *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (6-1991). Trong Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 khoá VI ghi rõ: "Đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của hệ thống chính trị", "đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của Đảng, Nhà nước và các đoàn thể quần chúng", "Đảng phải tự đổi mới nội dung và phương thức lãnh đạo của mình".

Từ sau Đại hội VII trở đi, trong các văn kiện của Đảng và Nhà nước ta, khái niệm "*phương thức lãnh đạo của Đảng*" được dùng rất phổ biến và trở thành quen thuộc. Trong báo cáo tổng kết công tác xây dựng Đảng giai đoạn 1975 - 1995 khẳng định phương thức lãnh đạo là một nội dung quan trọng của công tác xây dựng Đảng. Một số đề tài nghiên cứu khoa học xã hội cấp nhà nước giai đoạn 1996 - 2000 cho rằng, phương thức lãnh đạo không chỉ là vấn đề nghiệp vụ mà trở thành vấn đề có tính quan điểm.

"*Phương thức lãnh đạo*" không hoàn toàn đồng nhất với "*phương thức hoạt động*"; nó là một nội dung chủ yếu trong *phương thức hoạt động* của Đảng trong điều kiện Đảng cầm quyền. Khi nói *phương thức lãnh đạo* thì không tách rời nội dung lãnh đạo, và được đặt trong mối quan hệ biện chứng với *tổ chức bộ máy cán bộ, cơ chế vận hành, phong cách công tác và lề lối làm việc* của hệ thống tổ chức và mỗi con người cán bộ, đảng viên, công chức.

Phương thức lãnh đạo của Đảng có nhiều phạm vi và cấp độ khác nhau:

- *Đảng lãnh đạo xã hội*: bao gồm các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại,...
- *Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị*: bao gồm lãnh đạo Nhà nước, lãnh đạo Mặt trận và các đoàn thể quần chúng, lãnh đạo chính bản thân hệ thống tổ chức của mình.
- *Đảng lãnh đạo Nhà nước*: bao gồm lãnh đạo Quốc hội, lãnh đạo Chính phủ, lãnh đạo các cơ quan tư pháp.
- *Đảng lãnh đạo ở cấp Trung ương, ở cấp địa phương và cơ sở*.

Ở mỗi phạm vi và cấp độ đó, phương thức lãnh đạo của Đảng không hoàn toàn giống nhau.

Đối với nước ta, cũng như các nước áp dụng chế độ *một đảng lãnh đạo*, chắc chắn rằng phương thức lãnh đạo không giống các nước áp dụng chế độ *đa đảng*.

2. Sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước là một nội dung rất quan trọng trong sự lãnh đạo nói chung của Đảng, nhất là trong điều kiện một đảng cầm quyền. Đối với chúng ta, đây là công việc khó khăn chưa có nhiều kinh nghiệm. Lâu nay, việc nghiên cứu phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước thường được đặt trong việc nghiên cứu chung về phương thức lãnh đạo.

Năm 1947, trong *Sửa đổi lối làm việc* - một tác phẩm nổi tiếng của Chủ tịch Hồ Chí Minh - đã đề cập rất nhiều nội dung cơ bản về tư cách, đạo đức người cách mạng, về phương thức, phong cách lãnh đạo của Đảng. Trong Nghị quyết 23 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá III (12-1974) phân tích rất sâu sắc mối quan hệ giữa Đảng và Nhà nước và chỉ ra những nhiệm vụ cải tiến, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước; khắc phục tình trạng lẫn lộn chức năng của Đảng và chức năng của Nhà nước dẫn đến tổ chức đảng bao biện và có khi lại buông lỏng lãnh đạo các hoạt động của cơ quan nhà nước. Trong nhiều bài nói và bài viết của đồng chí Lê Duẩn những năm 70, 80 của thế kỷ trước đã đề cập mối quan hệ biện chứng giữa Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ, Nhà nước quản lý, và đã chỉ ra những nguyên tắc phương hướng chung về sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước. Tiếc rằng, việc nghiên cứu cụ thể hoá và thể chế hoá các nguyên tắc đó chưa làm được bao nhiêu. Trong thực tế, có nhiều vấn đề cụ thể về phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước vẫn còn vương mắc.

Những năm gần đây, việc nghiên cứu vấn đề Đảng lãnh đạo Nhà nước được đặt ra như là một đề tài có ý nghĩa lý luận và thực tiễn vừa cơ bản vừa cấp bách. Hội đồng Lý luận Trung ương đã tổ chức Hội thảo *Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước* như một đề tài riêng, chuyên biệt là nằm trong tinh thần đó. Có đồng chí nhấn mạnh rằng đây là chủ đề mới, được nghiên cứu tập trung hơn, sâu hơn. Hội thảo lần này đã đề cập nhiều vấn đề quan trọng, cả về lý luận chung và các vấn đề cụ thể; cả phân tích đánh giá tình hình và đề ra những hướng cải tiến đổi mới, kiến nghị, đề xuất một số vấn đề từ thực tiễn đặt ra.

3. Ý kiến chung của nhiều đồng chí cho rằng, phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước là một hệ thống các phương pháp, cách thức, chế độ hình thức mà cấp uỷ và tổ chức đảng áp dụng để tác động vào hoạt động của bộ máy nhà nước

nhằm làm cho Nhà nước hoạt động có hiệu lực, hiệu quả theo tư tưởng, đường lối của Đảng, phục vụ yêu cầu và lợi ích của nhân dân.

Phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước ở mỗi thời kỳ khác nhau, ở từng địa bàn, lĩnh vực khác nhau, ở mỗi cấp khác nhau, tuy có những yêu cầu cơ bản giống nhau nhưng cũng có những điểm khác nhau cần vận dụng sáng tạo. Trong giai đoạn hiện nay, khi đất nước ta đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hoá hiện đại hoá, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, thực hiện dân chủ hoá xã hội, mở cửa hội nhập quốc tế, thì việc đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với toàn xã hội nói chung và đối với Nhà nước nói riêng, có ý nghĩa rất quan trọng, nhằm bảo đảm nâng cao chất lượng lãnh đạo của Đảng, tăng cường hiệu lực quản lý của Nhà nước, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, tạo ra sức mạnh tổng hợp đồng thuận của cả hệ thống chính trị để thực hiện nhiệm vụ cách mạng. Vì vậy cuộc Hội thảo lần này được các đồng chí trong Hội đồng và ngoài Hội đồng nhiệt liệt hưởng ứng. Có đồng chí viết đi viết lại hai, ba lần bài tham luận của mình; nhiều đồng chí phát biểu rất tâm huyết. Ý kiến chung cho rằng lúc này đặt vấn đề nghiên cứu tổng kết thực tiễn vấn đề phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước qua 20 năm đổi mới là rất cần thiết, góp phần chuẩn bị Đại hội X của Đảng. Tuy nhiên, đây là công việc khó, phức tạp, nhiều vấn đề chưa thật rõ, chúng ta còn đang vừa làm vừa rút kinh nghiệm. Đây cũng là vấn đề rất nhạy cảm, nếu không có phương pháp tư tưởng đúng thì dễ quy chụp nhau hoặc là "bảo thủ", hoặc là "cơ hội"...

II- ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH ĐỔI MỚI PHƯƠNG THỨC

LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG ĐỐI VỚI NHÀ NƯỚC

TRONG 20 NĂM QUA

Thực tiễn cho thấy, trong 20 năm qua, phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước đã có nhiều đổi mới theo hướng ngày càng dân chủ hơn và đạt hiệu quả cao hơn. Chúng ta ngày càng nhận thức sâu hơn và xác định rõ hơn vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ, nội dung phương thức hoạt động của từng tổ chức thành viên trong hệ thống chính trị và mối quan hệ biện chứng giữa các tổ chức thành viên đó, thấy rõ sự cần thiết khách quan phải thường xuyên cải tiến, đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng. Đảng ta nhiều lần khẳng định ở Việt Nam không có sự cần thiết khách quan cho sự tồn tại chế độ đa đảng; Đảng Cộng sản Việt Nam là đảng duy nhất cầm quyền, đó là thành quả của hơn 70 năm đấu tranh cách mạng của nhân dân ta. Nhà nước ta là nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân; là công cụ quan trọng nhất thể hiện và thực hiện quyền làm chủ của nhân dân. Tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước là nhân tố quyết định bảo đảm hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước vì lợi ích của nhân dân. Mặt khác, Nhà nước vững mạnh, hoạt động có hiệu lực là điều kiện quyết định bảo đảm thực hiện mỗi nhiệm vụ chính trị do Đảng đề ra, cũng tức là tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng đối với toàn xã hội. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và phát huy hiệu lực quản lý của Nhà nước là hai mặt thống nhất, không cản trở nhau; trái lại, bổ sung cho nhau, hỗ trợ nhau trên cơ sở xác định rõ và làm đúng chức năng của mỗi tổ chức; đề phòng và khắc phục tình trạng "lộn sắn", "bao biện làm thay" hoặc "buông lỏng" sự lãnh đạo của Đảng.

Sự đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước trong thời gian qua thể hiện ở những việc sau: Đảng đã đổi mới việc ra nghị quyết, tổ chức học tập nghị quyết và tổ chức thực hiện nghị quyết theo hướng ngày càng đề cao vai trò của Nhà nước, của pháp luật; coi trọng việc xây dựng luật pháp lệnh, thể chế hoá đường lối, chủ trương của Đảng; đỡ bao biện, làm thay, áp đặt. Việc bầu cử các đại

biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp có số dư; công dân có quyền tự ứng cử, tự lựa chọn người mà mình cho là xứng đáng; tổ chức đảng giới thiệu đảng viên ứng cử, không gò ép định sẵn; Quốc hội có nhiều đại biểu hoạt động chuyên nghiệp, chuyên trách hơn, họp thường xuyên hơn, tập trung xây dựng luật, trực tiếp quyết định việc phân bổ ngân sách hằng năm, giám sát hoạt động của Chính phủ; chất vấn và trả lời chất vấn công khai tại các kỳ họp; khi có ý kiến khác nhau trên những vấn đề quan trọng hoặc khi cấp uỷ chuẩn bị xây dựng nghị quyết Đảng, cấp uỷ và tổ chức đảng đều hỏi ý kiến và lắng nghe ý kiến của nhân dân, của Quốc hội, của Hội đồng nhân dân, các cơ quan dân cử, của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể,... trước khi quyết định. Đó là cách làm mới trong những năm gần đây.

Đối với Chính phủ và các cơ quan hành chính các cấp, cấp uỷ và tổ chức đảng lãnh đạo bằng nghị quyết, nêu những ý tưởng, quan điểm, phương châm tiến hành; khi có vấn đề hệ trọng thì Ban cán sự đảng Chính phủ, chính quyền các cấp chủ động báo cáo với Bộ Chính trị, Ban Bí thư, hoặc Ban Thường vụ cấp uỷ cùng cấp. Việc điều hành, xử lý công việc hành pháp là thuộc thẩm quyền của Chính phủ, chính quyền các cấp.

Đối với các cơ quan tư pháp (toà án, viện kiểm sát,...), theo Luật tố tụng hình sự, Luật tố tụng dân sự và nhiều luật, pháp lệnh có liên quan khác, việc xét xử cũng có nhiều đổi mới theo tinh thần nghị quyết của Bộ Chính trị về cải cách công tác tư pháp, giữ quyền độc lập trong điều tra, công tố, xét xử tăng cường tranh tụng tại phiên toà. Những vụ án chính trị lớn hoặc hệ trọng có ảnh hưởng rộng, cấp uỷ cho ý kiến về đường lối xét xử, không can thiệp cụ thể vào việc xác định tội danh và mức án.

Nếu nhìn rộng ra các lĩnh vực khác của xã hội, chúng ta thấy không khí dân chủ càng ngày càng tốt hơn. Với đường lối phát triển kinh tế nhiều thành phần, áp dụng cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước được thể chế hoá thành các luật và

pháp lệnh của Nhà nước, ngày nay mọi người dân đều được tự do sản xuất kinh doanh, họ có quyền làm những gì mà pháp luật không cấm; không phải ngẫu nhiên mà kinh tế tư nhân phát triển rất nhanh. Với việc cụ thể hoá chỉ thị của Bộ Chính trị về chủ trương xây dựng Quy chế dân chủ ở cơ sở người dân được trực tiếp bàn, quyết định và kiểm tra những việc liên quan đến lợi ích và quyền của người dân ở cơ sở. Sau khi có luật báo chí và xuất bản, báo chí có bước phát triển vượt bậc cả về số lượng và chất lượng, thực hiện thông tin đa dạng, nhiều chiều, công khai nhiều vụ việc tiêu cực lớn, nhỏ,...

Có đồng chí nhận xét khái quát rằng, sau gần 20 năm đổi mới, phương thức lãnh đạo của Đảng đối với xã hội đã có sự thay đổi, từ lãnh đạo *trực tiếp* bằng nghị quyết, chỉ thị sang *gián tiếp* bằng việc thể chế hoá, xây dựng hệ thống pháp luật của Nhà nước, thông qua Nhà nước; từ cơ chế Đảng lãnh đạo "quản lý" điều hành (nhất là ở các địa phương) sang cơ chế Đảng lãnh đạo định hướng, Nhà nước quản lý, điều hành, nhân dân giám sát, kiểm tra, quyết định (qua cơ quan đại diện hoặc trực tiếp ở cơ sở); chương trình, quy chế, chế độ làm việc ngày càng rõ hơn, phối hợp nhịp nhàng hơn. Việc quy chế hoá mối quan hệ làm việc giữa các cơ quan đảng và các cơ quan nhà nước được coi trọng và bước đầu tương đối có nền nếp.

Tuy nhiên, mặt hạn chế là: chúng ta vẫn chưa lý giải sâu sắc và có sức thuyết phục vấn đề Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ, Nhà nước quản lý. Nhiều lĩnh vực vẫn còn lúng túng, chưa phân định được thế nào là lãnh đạo, thế nào là quản lý. Không ít trường hợp mới dừng lại ở nguyên tắc đạo lý chung, chưa xây dựng được thành những quy chế, quy định cụ thể, nhất là trong việc lãnh đạo kinh tế, tài chính, văn hoá văn nghệ, báo chí xuất bản, công tác cán bộ,... Vẫn còn tình trạng cấp uỷ đảng bao biện, làm thay; chính quyền ỷ lại, dựa dẫm cấp uỷ đảng; cấp trên can thiệp quá sâu vào công việc cấp dưới; cấp dưới dựa dẫm, đùn đẩy công việc lên cấp trên... Chưa có cơ chế phát huy vai trò kiểm tra, giám sát của nhân dân, vai trò phản biện

của Mặt trận. Cảm giác chung trong xã hội hình như vẫn là tổ chức đảng áp đặt, ôm đồm quá nhiều công việc, chưa phân cấp, phân quyền hợp lý, dân chủ vẫn chưa thật sự được phát huy.

Nguyên nhân khách quan của tình hình trên là do đây là vấn đề mới, khó, chúng ta đang trong quá trình chuyển đổi cơ chế quản lý, chưa có nhiều kinh nghiệm. Nhưng nguyên nhân chủ quan là một bộ phận cán bộ, đảng viên vẫn chưa mạnh dạn đổi mới tư duy, đổi mới cách tiếp cận vấn đề mối quan hệ giữa Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ, Nhà nước quản lý.

III- TIẾP TỤC ĐỔI MỚI PHƯƠNG THỨC LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG ĐỐI VỚI NHÀ NƯỚC

Ý kiến chung trong Hội thảo cho rằng, sắp tới phải phát huy những kết quả và kinh nghiệm đã có, khắc phục những hạn chế khuyết điểm, từng bước đổi mới mạnh mẽ hơn nữa phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước. Muốn thế:

- Phải nhận thức và nắm vững mục đích, yêu cầu của việc đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước là nhằm làm cho sự lãnh đạo của Đảng có hiệu quả hơn, sự quản lý của Nhà nước có hiệu lực hơn, quyền làm chủ của nhân dân được phát huy đầy đủ và có thực chất hơn, cả hệ thống chính trị hoạt động ăn khớp, đồng bộ và có sức mạnh. Không nên đối lập sự lãnh đạo của Đảng với vai trò quản lý của Nhà nước. Đảng lãnh đạo Nhà nước một cách toàn diện bằng những phương thức và cơ chế thích hợp; đồng thời Đảng bắt buộc mọi tổ chức đảng và đảng viên tôn trọng quyền hạn, trách nhiệm, nguyên tắc, chế độ làm việc của cơ quan nhà nước, hoạt động trong khuôn khổ hiến pháp và pháp luật, gương mẫu chấp hành chính sách, luật pháp và các quyết định của Nhà nước, coi đó cũng

là kỷ luật của Đảng. Trong công tác cụ thể ở các ngành, các cấp, phải khắc phục tình trạng lẫn lộn chức năng, tổ chức đảng bao biện, làm thay công việc của bộ máy nhà nước; đồng thời chống khuynh hướng hạ thấp vai trò lãnh đạo của Đảng; không đồng nhất nhưng cũng không nên tách bạch một cách máy móc hoạt động của tổ chức đảng với hoạt động của cơ quan nhà nước. Đổi mới sự lãnh đạo của Đảng phải được tiến hành một cách tích cực, khẩn trương nhưng không vội vàng, nôn nóng, từ cực này nhảy sang cực kia. Tiêu chí căn bản đánh giá tính đúng đắn trong đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng là ở chỗ: Đảng mạnh lên, Nhà nước mạnh lên, quyền làm chủ của nhân dân được thể hiện và thực hiện tốt hơn.

- Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng phải đồng bộ với đổi mới hoạt động của các cơ quan nhà nước, trước hết là của Quốc hội, Chính phủ, các cơ quan tư pháp; đổi mới việc sắp xếp tổ chức bộ máy, bố trí cán bộ, nâng cao phẩm chất, trình độ, năng lực đội ngũ cán bộ; tăng cường các phương tiện làm việc hiện đại phù hợp với yêu cầu mới.

- Phải nắm vững các nguyên tắc và nội dung lãnh đạo của Đảng. Đó là: Đảng lãnh đạo bằng chủ trương, đường lối, quan điểm thể hiện trong các nghị quyết, cương lĩnh, Điều lệ Đảng; Đảng bố trí và quản lý đội ngũ cán bộ, kiểm tra việc thực hiện đường lối, quan điểm của Đảng; lãnh đạo bằng sự giáo dục, thuyết phục, sự gương mẫu của đảng viên; lãnh đạo thông qua các cá nhân đảng viên và tổ chức của Đảng.

- Trọng tâm đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước trong giai đoạn hiện nay chủ yếu tập trung vào:

+ Đổi mới việc ra nghị quyết sao cho không chồng chéo, trùng lặp. Khi cần ra nghị quyết thì phải chuẩn bị kỹ; nghị quyết cần ngắn gọn, rõ việc, dễ hiểu, dễ nhớ, dễ thực hiện, dễ kiểm tra, tránh lý luận chung chung, dài dòng. Tư tưởng quan điểm của Đảng được thể hiện ở những giải pháp, chính sách cụ thể.

+ Đổi mới việc học tập nghị quyết sao cho thiết thực. Xác định rõ đối tượng nào học để vận dụng cụ thể hoá, để làm; đối tượng nào học để biết, phối hợp. Quá trình nghiên cứu học tập nghị quyết cũng là quá trình thảo luận, xây dựng đề án, kế hoạch, đề xuất biện pháp tổ chức thực hiện.

+ Đổi mới việc chỉ đạo thực hiện nghị quyết. Đây là khâu rất quyết định và là khâu yếu nhất trong nhiều năm qua, dẫn đến tình trạng nghị quyết thì đúng, thì hay nhưng chậm vào hoặc không vào cuộc sống, không biến thành hiện thực. Ở đây đòi hỏi các cơ quan nhà nước phải nhanh chóng thể chế hoá thành các chế tài, cụ thể hoá thành các kế hoạch, chính sách cụ thể để thực hiện một cách tích cực. Cấp uỷ mỗi cấp phải chọn khâu mấu chốt, xác định nhiệm vụ trọng tâm từng lúc, chỉ đạo chính quyền xây dựng kế hoạch, lộ trình theo từng chuyên đề, phân công người phụ trách, xác định thời gian hoàn thành, tạo một điều kiện về tinh thần, vật chất, cơ chế, tài chính, tập trung làm dứt điểm từng việc. Qua đó đánh giá trình độ và phẩm chất cán bộ, có thưởng phạt nghiêm minh, chính sách đãi ngộ, sử dụng rõ ràng, công bằng.

+ Đổi mới phong cách công tác, lề lối làm việc cũng là một nội dung rất quan trọng trong phương thức lãnh đạo. Đó là phong cách sâu sát, cụ thể, dân chủ kỷ luật, nói đi đôi với làm, chỉ đạo việc gì phải theo đến cùng, ráo riết quyết liệt thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, không chung chung, hời hợt.

+ Xây dựng các chế độ công tác, quy chế, quy trình làm việc trên cơ sở xác định đúng chức năng, nhiệm vụ từng tổ chức, bố trí đúng cán bộ, phân công, phân cấp, phân quyền hợp lý, rõ ràng. Ví dụ: Xác định loại việc gì cần báo cáo xin ý kiến Bộ Chính trị, Ban Bí thư (ở địa phương là báo cáo xin ý kiến Ban Thường vụ); loại việc gì thì bên chính quyền tự quyết định. Xây dựng một công trình quy mô, tính chất đến mức nào thì phải báo cáo với cấp nào. Phân định sự chỉ đạo định hướng của Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương với sự quản lý nhà nước của Bộ Văn

hoá - Thông tin trên lĩnh vực văn hoá, báo chí, xuất bản, v.v.. Thực tiễn nhiều năm qua cho thấy đã đến lúc chúng ta có thể tổng kết, xác định được. Nếu có nhiều loại quy chế, quy định cụ thể như vậy sẽ rất tốt. Đây là điều mà các ý kiến phát biểu tại Hội thảo nhất trí.

* Phát biểu tổng kết cuộc Hội thảo *Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước* do Hội đồng lý luận Trung ương tổ chức tại Hà Nội, ngày 28-6-2004.

HÀ NỘI VỚI VIỆC ĐỔI MỚI PHƯƠNG THỨC LÃNH ĐẠO VÀ PHONG CÁCH CÔNG TÁC *

Phương thức lãnh đạo, lề lối làm việc, phong cách công tác là một vấn đề hết sức quan trọng. Nó liên quan đến hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo và ảnh hưởng trực tiếp (nếu không nói là quyết định) đến hiệu quả công tác. Không phải ngẫu nhiên mà ngay từ năm 1945, giữa bộn bề công việc, Bác Hồ vẫn viết tác phẩm nổi tiếng *sửa đổi lối làm việc* để huấn luyện, giáo dục cán bộ. Trong tác phẩm đó, Bác căn dặn rất tỉ mỉ và sâu sắc về phong cách lãnh đạo, lề lối làm việc, mà đến bây giờ chúng ta thấy vẫn rất đúng đắn, chính xác.

Những năm gần đây, Thành ủy Hà Nội đặc biệt coi trọng việc đổi mới phương thức lãnh đạo và phong cách công tác, coi đây gần như một khâu đột phá để tạo chuyên

biến trên các mặt công tác. Nhìn lại tình hình Hà Nội trong hai năm đầu thế kỷ XXI, cũng là hai năm thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng, Nghị quyết 15 của Bộ Chính trị, Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng bộ thành phố, chúng ta thấy đó là hai năm hoạt động đầy sôi động và thử thách. Tuy còn không ít yếu kém, khuyết điểm, hạn chế, nhưng rõ ràng Hà Nội đang có sự vươn lên, có sự khởi sắc, thực hiện được khá nhiều nhiệm vụ nêu trong các nghị quyết của Đảng: tình hình chính trị xã hội ổn định; kinh tế liên tục tăng trưởng cao với nhịp độ tăng GDP hơn 10% một năm; xây dựng cơ sở hạ tầng và quản lý đô thị có bước phát triển với một loạt công trình mới ra đời, xây dựng nhà ở đạt mức 80 - 90 vạn mét vuông một năm; văn hóa xã hội tiếp tục đạt thành tựu với nhiều chỉ tiêu dẫn đầu cả nước; đời sống nhân dân ngày càng được cải thiện; công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị thu được những kết quả mới; quan hệ đối ngoại từng bước được mở rộng vị thế Thủ đô được nâng cao.

Có được những kết quả nói trên là do nhiều nguyên nhân, trong đó có nguyên nhân quan trọng là Hà Nội đã tiếp tục có sự đổi mới khá rõ về phương thức lãnh đạo và phong cách công tác. Điều đó được thể hiện trên các mặt sau:

1. Đổi mới cách ra nghị quyết và học tập, nghiên cứu nghị quyết

Chúng ta đều đã biết, nói đến lãnh đạo trước hết là nói đến việc đề ra đường lối, chủ trương. Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị và xã hội bằng đường lối, chủ trương. Nghị quyết của Đảng là văn bản thể hiện đường lối, chủ trương ấy. Để cụ thể hoá các nghị quyết của Trung ương và thành phố, từ nhiều năm nay, Thành ủy Hà Nội đã tập trung xây dựng các chương trình công tác và lãnh đạo, chỉ đạo bằng các chương trình công tác. Thành ủy khoá XIII tiếp tục thực hiện và phát huy kinh nghiệm này; đồng thời chú ý khắc phục tình trạng ra quá nhiều chỉ thị, nghị quyết, có khi trùng lặp, chồng chéo; có nghị quyết tổ chức thực hiện không tập trung, ít hiệu quả. Thành ủy chỉ ra nghị quyết mới có tính chuyên đề khi thật cần thiết, chọn

vấn đề cho thật đích đáng và thiết thực. Những nghị quyết còn hiệu lực, những vấn đề chưa thực hiện được thì phải tập trung chỉ đạo thực hiện. Từ sau Đại hội XIII của thành phố đến nay, thực tế Thành ủy ban hành rất ít nghị quyết, chỉ tập trung vào những vấn đề bức xúc như giải phóng mặt bằng, quản lý trật tự xây dựng đô thị, xây dựng nhà ở, giải quyết khiếu nại, tố cáo của dân... Nghị quyết Đại hội được cụ thể hoá thành 10 chương trình công tác lớn và chín cụm công trình trọng điểm. Trên cơ sở đó, Ủy ban nhân dân thành phố xây dựng các đề án, kế hoạch để thực hiện. Trong các đề án, kế hoạch phải chỉ ra những nội dung công việc cụ thể, lộ trình, thời gian hoàn thành, kinh phí đầu tư người phụ trách. Cố gắng trong từng thời kỳ tập trung cho những nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm, những việc mới, khó, phức tạp; không ham đề ra quá nhiều, không đủ sức thực hiện. Chú trọng xây dựng những cơ chế, chính sách, các quy chế, quy định cụ thể. Các nghị quyết, đề án, kế hoạch công tác phải ngắn gọn, dễ hiểu, dễ nhớ, dễ thực hiện, dễ kiểm tra, tránh trùng lặp với những nghị quyết đã có hoặc nặng về lý luận học thuật.

Đối với các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương, Thành ủy nghiên cứu, vận dụng, cụ thể hoá thành các chương trình hành động hoặc đề án công tác để triển khai thực hiện phù hợp với điều kiện cụ thể của thành phố.

Trong việc nghiên cứu, học tập nghị quyết của Trung ương cũng như của Thành ủy, cố gắng theo hướng chủ động, thiết thực. Đối với đại trà thì có hình thức thông báo nhanh, giới thiệu những nội dung cơ bản. Đối với những đối tượng có trách nhiệm trực tiếp phải thực hiện thì được nghiên cứu sâu hơn, kỹ hơn, tập trung theo lĩnh vực hoặc chuyên đề. Khi nghiên cứu, học tập, không chỉ nghe giới thiệu mà kết hợp nghe giới thiệu với tự nghiên cứu, suy nghĩ, dành nhiều thời gian cho thảo luận, liên hệ thực tiễn địa phương kiến nghị đề xuất những giải pháp thực hiện. Trong thảo luận bắt đầu có hình thức đối thoại, nhất là đối thoại giữa người học với

người có trách nhiệm chuẩn bị các chương trình, đề án công tác, để vừa đi sâu, gợi mở, vừa sinh động, thiết thực.

2. Đổi mới cách chỉ đạo tổ chức thực hiện nghị quyết

Tổ chức thực hiện nghị quyết thường là khâu khó và yếu. Thành phố đang chú trọng cải tiến nhiều ở khâu này theo hướng *tập trung, kiên quyết, dứt điểm, hiệu quả*. Các nghị quyết, đề án, chương trình, kế hoạch công tác đều phải có người cụ thể lo triển khai thực hiện với yêu cầu nói đi đôi với làm, đã quyết là phải làm. Trong quá trình thực hiện có gì khó khăn thì cũng tập trung tháo gỡ. Nếu bộ phận nào làm chậm, làm không hiệu quả thì phải chịu trách nhiệm.

Từng thời gian Thường trực Thành ủy, Ủy ban nghe báo cáo kiểm tra, chỉ đạo thực hiện, nhất là đối với những vấn đề thuộc 10 chương trình công tác lớn, 9 cụm công trình trọng điểm, những vấn đề khó khăn, bức xúc. Đối với nhiệm vụ trọng tâm nổi lên từng thời gian (như chuẩn bị bầu cử Quốc hội giữ gìn an ninh trật tự, phòng chống bão lụt,...) thì có hình thức giao ban giữa lãnh đạo thành phố với bí thư, chủ tịch các quận, huyện; hoặc trực tiếp xuống các đơn vị, công ty cơ sở bàn cách giải quyết.

Các chương trình, đề án, kế hoạch công tác phải thường xuyên được kiểm tra, đôn đốc thực hiện. Ba tháng một lần phải có sơ kết báo cáo Thường vụ hoặc Thường trực Thành ủy. Thành ủy yêu cầu các đồng chí có trách nhiệm phải thường xuyên xem lại, nắm chắc các nhiệm vụ đã nêu trong nghị quyết, chương trình, đề án công tác để tích cực chỉ đạo, không buông lơ. Những nhiệm vụ đã quyết ở kỳ họp trước thì kỳ họp sau phải có kiểm điểm, xem việc gì đã làm, việc gì chưa làm được lý do vì sao, trách nhiệm thuộc về ai. Kết hợp với phong trào thi đua, khi sơ kết, tổng kết, đơn vị, cá nhân nào làm tốt thì được khen thưởng; đơn vị, cá nhân nào làm chưa tốt thì mất điểm thi đua, bị phê bình nhắc nhở, nếu nặng thì phải xem xét, thay đổi cán bộ.

Chính nhờ cách làm này mà vừa qua thành phố đã tạo được chuyển biến trong công tác chỉ đạo thực hiện, thúc đẩy được các mặt công tác, giải quyết dứt điểm được nhiều việc tồn đọng, khó khăn. Rõ nhất là việc giải toả "xóm liều" Thanh Nhàn, giải phóng mặt bằng khu ao Thước Thợ, nút giao thông Voi Phục - Cầu Giấy, thu hồi hàng vạn mét vuông đất để hoang hoá hoặc sử dụng trái phép, đẩy mạnh thực hiện các công trình trọng điểm, các nhiệm vụ trọng tâm, chương trình xây dựng nhà ở, tăng cường giao thông công cộng, v.v .

3. Chú trọng phát huy tính chủ động, năng động, mạnh dạn, sáng tạo của các đơn vị, cá nhân gắn với sự phối hợp giữa các cơ quan, các ngành, các cấp; giữa Trung ương với thành phố, giữa thành phố với các địa phương bạn

Lâu nay Hà Nội thường bị dư luận chê là kém năng động, chủ động, chưa biết khai thác, tận dụng thế mạnh của mình là gần Trung ương, có nhiều tiềm năng về các mặt do vị thế là Thủ đô mang lại. Nhận rõ thiếu sót này, Hà Nội đã và đang tích cực khắc phục. Bằng việc tổng kết Nghị quyết 8 của Bộ Chính trị (khoá V), nghiên cứu, đề xuất để Bộ Chính trị (khoá VIII) ra Nghị quyết 15 và Ủy ban Thường vụ Quốc hội (khóa XI) ra Pháp lệnh về Thủ đô, Hà Nội thực sự đã chọn đúng khâu đột phá để phát huy tính chủ động, năng động của chính mình, đồng thời kéo các cơ quan trung ương và các địa phương (trước hết là các tỉnh, thành lân cận và trong khu vực kinh tế trọng điểm phía Bắc) cùng vào cuộc. Nhân dịp kỷ niệm 990 năm Thăng Long - Hà Nội và đón nhận danh hiệu "Thủ đô anh hùng" (năm 2000), Hà Nội đã tranh thủ được sự giúp đỡ của các bộ, ban, ngành, đoàn thể ở Trung ương, cũng như của các tỉnh, thành trong cả nước; thu hút nhiều cán bộ, trí thức, các văn nghệ sĩ. Năm 2001 và năm 2002, Hà Nội chủ động đề xuất làm việc với các bộ, ngành, ban ở Trung ương để xây dựng các cơ chế chính sách; chủ động đến làm việc với các tỉnh, thành bạn để trao đổi kinh nghiệm, bàn chủ trương phối hợp công

tác, ký kết chương trình hợp tác về kinh tế, văn hóa, xã hội,... và thực tế đã thu được những kết quả bước đầu khả quan.

Đối với giới trí thức, các nhà khoa học, thành phố bày tỏ sự trân trọng, tôn vinh và bước đầu có chính sách thu hút, tạo mọi điều kiện để anh chị em đóng góp nhiều hơn, có hiệu quả hơn cho sự nghiệp xây dựng, phát triển Thủ đô.

Đối với báo chí và dư luận xã hội, thành phố coi đây là một kênh thông tin rất quan trọng, đóng góp vào công tác lãnh đạo, chỉ đạo của mình. Vì vậy đã xây dựng được một cơ chế chủ động cung cấp thông tin cho báo chí (hàng tuần, hàng tháng, hàng quý,... tùy theo tính chất, nội dung) và lắng nghe, trao đổi lại hoặc tiếp thu, kịp thời điều chỉnh chủ trương, sửa chữa những thiếu sót, khuyết điểm mà báo chí và dư luận xã hội nêu ra.

Kinh nghiệm cho thấy, chỉ có chủ động, năng động, luôn luôn động não suy nghĩ, đề xuất, đồng thời thực sự cầu thị, biết lắng nghe thì thành phố mới phát huy được sức mạnh tổng hợp trên địa bàn. Các bộ, ban, ngành, các địa phương bạn, các nhà khoa học, các giới đồng bào đều bày tỏ rất sẵn lòng cùng phối hợp, hợp tác với Thủ đô.

Trong phạm vi thành phố cũng đang có sự gắn kết, phối hợp tốt hơn giữa các cơ quan đảng, chính quyền, mặt trận, các đoàn thể; giữa thành phố với các quận, huyện; giữa các ngành với các ngành. Sự phối hợp công tác đó là trên cơ sở thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ của mỗi tổ chức, mỗi đơn vị, không giảm đạp, làm thay chức năng của nhau, cho nên ít có chuyện "công anh công tôi" hoặc đổ lỗi cho nhau. Tuy nhiên, phải thừa nhận rằng trong việc phối hợp công tác cũng còn có những trường hợp chưa thật ăn khớp, cần tiếp tục rút kinh nghiệm.

4. Cải tiến cách sinh hoạt, hội họp

Trên cơ sở quy chế công tác đã ban hành, Thường vụ Thành ủy chỉ đạo xây dựng các chương trình công tác hằng năm và định lịch làm việc hằng quý, hằng tháng, hằng tuần đồng thời phân công chỉ đạo chuẩn bị các nội dung, xây dựng các đề án công tác. Đã gần như thành nếp: Thành ủy họp mỗi quý một lần vào tuần đầu của tháng đầu quý; Thường vụ họp hai tuần một lần vào thứ tư; Thường trực Thành ủy giao ban hằng tuần vào thứ hai; Ủy ban nhân dân giao ban hằng tuần vào thứ năm; Thường trực Thành ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân giao ban với lãnh đạo các quận, huyện ba tháng một lần vào tuần cuối của mỗi quý,... Tài liệu được gửi trước theo quy định; đến cuộc họp nói chung không đọc lại mà chỉ tóm tắt nội dung và nêu những vấn đề lớn, khó, hoặc còn ý kiến khác nhau để thảo luận. Trong thảo luận, hầu hết mọi người đều phát biểu bày tỏ chính kiến của mình với tinh thần dân chủ, thẳng thắn, cuối cùng người chủ trì kết luận. Trường hợp cần thiết, kết luận của hội nghị được thông báo bằng văn bản để triển khai thực hiện, cách họp như vậy vừa chủ động được thời gian, đã kéo dài, vừa bàn được nhiều nội dung, có chất lượng, rõ việc để làm, dễ theo dõi kiểm điểm. Nói chung, trong vài ba năm gần đây, các nội dung chương trình dự kiến đều được thực hiện đúng tiến độ, rất ít trường hợp bị hoãn hoặc huỷ bỏ.

5. Tăng cường đi cơ sở, tiếp xúc với dân, cùng nhau trao đổi ý kiến, tháo gỡ khó khăn, giải quyết công việc tại chỗ

Đây cũng là một nét đổi mới đáng ghi nhận. Với tinh thần bớt họp hành, giấy tờ, bớt quan liêu, cách bức, Thành ủy đã yêu cầu cán bộ lãnh đạo các cấp, trước hết là cán bộ lãnh đạo cấp thành phố, dành thời gian thích đáng cho việc đi cơ sở. Trước kia quy định thứ sáu hằng tuần nay thì tranh thủ cả ngày nghỉ (thứ bảy, chủ nhật, ngày lễ) để đi cơ sở. Đi nghe, đi khảo sát, tìm hiểu thực tế để vừa nắm tình hình, kiểm tra công việc, phát hiện vấn đề, đề xuất chủ trương, vừa giúp cơ sở tháo gỡ vướng mắc, thúc đẩy công việc, đồng thời hiểu biết thêm cán bộ cơ sở, tăng cường

mối quan hệ gần gũi, thân mật với bà con. Nói chung, các cuộc đi cơ sở phải có chủ định, tùy tính chất, nội dung, không phải cuộc nào cũng giống cuộc nào. Điều quan trọng là phải thật thiết thực, tránh hình thức, đi phải giải quyết được vấn đề gì thu nhận được gì, phát hiện được gì, tổng kết, đề xuất được gì cho Trung ương, cho thành phố và cho cơ sở. Đối với những cuộc đi làm việc để tháo gỡ khó khăn cho cơ sở thì càng phải có sự nghiên cứu, chuẩn bị trước, sao cho thật thiết thực.

Lâu nay, trong dư luận xã hội có ý kiến cho rằng, trong phong cách lãnh đạo của Hà Nội có cái gì đó vừa trí tuệ vừa nhân văn; nhẹ nhàng mà quyết đoán, hiệu quả; hào hoa mà chắc chắn, cẩn trọng, chắc chắn đôi khi đến chậm chạp, kém năng động... Hiện Hà Nội đang có những cố gắng trong việc đổi mới phương thức lãnh đạo và phong cách công tác. Trong quá trình đổi mới ấy, có việc làm được, có việc mới bắt đầu, có việc còn chưa làm được. Nhưng chính từ những việc làm được và chưa làm được ấy mà Thành ủy cần tổng kết, rút ra những bài học kinh nghiệm để phục vụ cho công tác lãnh đạo chỉ đạo, góp phần đưa sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Thủ đô tiếp tục đi lên.

* Bài đăng trên Tạp chí *Cộng sản*, số 1-2003

Phần thứ tư:

RÈN LUYỆN ĐẠO ĐỨC, LỐI SỐNG

NOI GƯƠNG ĐỒNG CHÍ TRẦN PHÚ –

TỔNG BÍ THƯ ĐẦU TIÊN CỦA ĐẢNG,

NGƯỜI KHỞI THẢO *LUẬN CƯƠNG CHÍNH TRỊ* NĂM 1930*

Nhắc đến đồng chí Trần Phú - Tổng Bí thư đầu tiên của Đảng, một học trò xuất sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, chúng ta không chỉ nhắc đến tên tuổi của một đảng viên cộng sản hết mực kiên cường, trung thành, tận tụy, chiến đấu vì lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, vì hạnh phúc nhân dân, mà còn nhắc đến một nhà lãnh đạo mà tên tuổi đã gắn liền với một văn kiện nổi tiếng của Đảng ta - *Luận cương chính trị* năm 1930. Đảng bộ và nhân dân Hà Nội đã có vinh dự lớn được chứng kiến những hoạt động của đồng chí Trần Phú và của Đảng ta trong những ngày soạn thảo bản *Luận cương chính trị* lịch sử này.

Mọi người đều đã biết, đồng chí Trần Phú xuất thân trong một gia đình nho học, quê gốc xã Tùng Ảnh, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh, sinh tại huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi. Đồng chí tham gia hoạt động yêu nước rất sớm, ngay từ khi còn đi học ở Huế. Giữa năm 1925, đồng chí tham gia thành lập *Hội Phục Việt* sau đổi thành *Tân Việt cách mạng Đảng*. Tháng 6-1925, tại Quảng Châu (Trung Quốc), lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc thành lập *Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên*, một tổ chức yêu nước, cách mạng để phát triển thành Đảng Cộng sản. Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên đã phát triển nhanh chóng về tổ chức ở khắp Bắc - Trung - Nam. Cuối năm 1926, Trần Phú được cử sang Quảng Châu dự lớp huấn luyện chính trị

do đồng chí Nguyễn Ái Quốc giảng dạy; sau đó được cử về nước hoạt động nhưng bị lộ nên phải trở lại Quảng Châu.

Đầu năm 1927, Trần Phú được cử sang Liên Xô học ở trường Đại học Phương Đông. Sau ba năm học tập, đồng chí được Quốc tế Cộng sản cử về nước hoạt động và bổ sung vào Ban Chấp hành Trung ương lâm thời của Đảng, mặc dù trước đó, ngày 11-10-1929 đồng chí bị bọn phong kiến Nam triều theo lệnh của thực dân Pháp đã kết án tử hình vắng mặt. Trước khi về nước, Trần Phú đã gặp đồng chí Nguyễn Ái Quốc ở Hương Cảng và được Nguyễn Ái Quốc giao nhiệm vụ chuẩn bị bản dự thảo *Luận cương chính trị* của Đảng.

Tháng 4-1930, Trần Phú về đến cảng Hải Phòng trên con tàu Jean Dupuis. Từ Hải Phòng qua nhiều cơ sở bí mật, đồng chí lên Hà Nội gặp đồng chí Trịnh Đình Cửu (Lê Đình), Thường vụ Trung ương lâm thời. Trịnh Đình Cửu đưa Trần Phú đến ở nhà số 47 phố Récident Miribel (nay là phố Trần Nhân Tông), một trong những trụ sở liên lạc của Đảng, rồi lại đến ở nhà số 4 Hàng Rươi. Được ít lâu, đồng chí lại phải chuyển đến ở phố Phúc Kiến (nay là Lãn Ông). Sau đó, theo quyết định của Thường vụ Trung ương lâm thời, tổ chức đảng của Hà Nội đã bí mật móc nối, thu xếp cho đồng chí đến ở nhà của một viên công chức cao cấp, thanh tra tài chính người Pháp tên là Duot thuộc phủ toàn quyền Đông Dương. Đó là nhà số 90 phố Jean Soler (nay là phố Hàng Bông - Thợ Nhuộm).

Ngôi nhà số 90 có kiến trúc kiểu biệt thự bốn tầng, ở ngã tư Hàng Bông - Thợ Nhuộm - Quang Trung (xưa là đại lộ Jauréguiberry). Người được phân công chuẩn bị chỗ ở và nơi làm việc cho một số đồng chí Trung ương và đồng chí Trần Phú tại đây là anh bếp Tạ Văn Bân và anh bồi Hai Dung, hai người làm công cho Duot.

Đồng chí Trần Phú được bố trí ở căn buồng xép của tầng hầm, diện tích 6m², chỉ vừa đủ kê bộ phản mà trước đó anh Bân nằm. Gia đình chủ nhà có hai vợ chồng và

một con gái nhỏ ở các tầng trên, còn tầng hầm dành cho người làm thuê, hãn hữu lắm chủ nhà mới xuống, thông thường chỉ bấm chuông gọi người phục vụ.

Trong thời gian ở ngôi nhà này được sự che chở, đùm bọc của những người phục vụ và các đồng chí trong tổ chức Đảng của Hà Nội, đồng chí Trần Phú rất an toàn; mật thám địch và chủ nhà không hề hay biết. Nhiều đồng chí hoạt động tại Hà Nội đã đến gặp và bàn bạc công việc với đồng chí Trần Phú. Đồng chí Nguyễn Phong Sắc, người làng Bạch Mai (nay là phố Bạch Mai), chính gốc Hà Nội, lúc ấy đang công tác tại Vinh với cương vị Bí thư Xứ uỷ Trung Kỳ, mỗi lần về Hà Nội đều bí mật đến đây gặp Trần Phú. Qua Nguyễn Phong Sắc, Trần Phú biết nhiều hơn về tình hình Trung Kỳ. Có thể nói, trong những ngày Trần Phú ở đây, tầng hầm nhà số 90, phố Thọ Nhuộm được xem như một trong những địa điểm họp của Trung ương lâm thời.

Những khi làm việc và viết dự thảo *Luận cương chính trị*, Trần Phú thường ngồi trên nền nhà lấy phán làm bàn viết. Hồi đó, các buồng ở tầng hầm không có điện. Đêm đêm, đồng chí Bàn phải lấy điện từ bên ngoài vào và phân công người gác.

Để có cơ sở viết dự thảo *Luận cương chính trị*, đồng chí Trần Phú đã nghiên cứu, vận dụng nguyên lý chủ nghĩa Mác - Lênin về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân và cách mạng giải phóng dân tộc; kinh nghiệm phong trào cộng sản quốc tế; đề cương cách mạng thuộc địa của Quốc tế Cộng sản; nghiên cứu nhiều loại sách và tư liệu như: Thư của Quốc tế Cộng sản gửi nhóm Cộng sản Đông Dương ngày 27-9-1929; Nghị quyết Đại hội lần thứ VI Quốc tế Cộng sản; cuốn *Đường cách mệnh* của Nguyễn Ái Quốc; bản *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản Đông Dương* tháng 10-1929, bản *Chính cương vắn tắt* và *Sách lược vắn tắt* của Đảng Cộng sản Việt Nam do Nguyễn Ái Quốc khởi thảo và được thông qua tại Hội nghị thành lập Đảng 3-2-1930... Ngoài ra, Trần Phú còn đến gặp đồng chí Nguyễn Thế Rục¹ tại căn gác xép nhà số 16 phố Cầu Gỗ để trao đổi và thường xuyên thảo

luận với các đồng chí khác trong Trung ương. Đồng chí Trần Phú còn đi khảo sát tình hình ở một gò địa phương có phong trào đấu tranh sôi nổi như: Nam Định, Thái Bình, Hải Phòng, Hòn Gai... Sau các chuyến đi này, đồng chí lại trở về căn phòng nhỏ ở tầng hầm miệt mài làm việc.

Mọi việc đang diễn ra bình thường thì đột nhiên đồng chí Bân mất tích. Hai ngày rồi ba ngày không thấy về. Vì vậy Trần Phú phải tạm lánh về phố Hàng Rươi để nghe ngóng tình hình. Năm ngày sau, có tin chính thức là đồng chí Bân bị bắt lúc đi chợ do có kẻ phản bội nhận mặt. Mặc dù bị địch tra tấn dã man, đồng chí Bân vẫn cương quyết không khai báo gì về ngôi nhà 90 phố Hàng Bông - Thọ Nhuộm và các đồng chí ở đó. Trước tình hình này, Trần Phú quyết định xuống Hải Phòng hoạt động và cũng là để có thêm thực tế bổ sung vào bản dự thảo *Luận cương chính trị* đang viết dở.

Tháng 10-1930, tại Hội nghị lần thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp ở Hương Cảng (Trung Quốc) đồng chí Trần Phú đã trình bày bản Dự thảo *Luận cương chính trị* và đã được Hội nghị nhất trí thông qua. Thực hiện Nghị quyết của Hội nghị thành lập Đảng ngày 3-2-1930, Hội nghị lần này cũng đã bầu ra Ban Chấp hành Trung ương chính thức. Đồng chí Trần Phú được cử làm Tổng Bí thư của Đảng. Năm ấy đồng chí 26 tuổi.

Bản *Luận cương chính trị* đã trở thành văn kiện quan trọng của Đảng Cộng sản Đông Dương và có ý nghĩa lịch sử rất lớn đối với cách mạng nước ta.

Sau khi phân tích sâu sắc những đặc điểm tình hình thế giới và Đông Dương, bản *Luận cương chính trị* đã đề ra những phương hướng, nhiệm vụ của cách mạng Đông Dương. *Luận cương* chỉ rõ: "Trong lúc đầu, cuộc cách mạng Đông Dương là một cuộc cách mạng tư sản dân quyền"². *Luận cương* giải thích rằng, sở dĩ gọi là cách mạng tư sản dân quyền, vì cách mạng chưa có thể trực tiếp giải quyết được những vấn đề tổ chức xã hội chủ nghĩa; kinh tế trong nước còn rất yếu, các di tích

phong kiến còn nhiều, sức mạnh chưa nghiêng hẳn về phía giai cấp công nhân, lại còn bị đế quốc, tư sản áp bức. Cách mạng tư sản dân quyền là "cách mạng chỉ có tính chất thổ địa và phản đế"³, là thời kỳ dự bị để làm cách mạng xã hội chủ nghĩa, bỏ qua thời kỳ tư bản "mà tranh đấu thẳng lên con đường xã hội chủ nghĩa"⁴. Nhiệm vụ trước mắt của cách mạng là chống đế quốc và chống phong kiến. Hai mặt "chống" này có mối liên hệ khăng khít với nhau; có đánh đổ chủ nghĩa đế quốc thì mới phá được chế độ phong kiến và làm cách mạng ruộng đất (thổ địa) thắng lợi. Mặt khác, có phá được chế độ phong kiến thì mới đánh đổ được chủ nghĩa đế quốc. Muốn thực hiện được hai nhiệm vụ chủ yếu ấy, Đảng phải lập ra chính phủ công nông, quân đội công nông. Chính phủ công nông phải tịch ký hết thảy ruộng đất của địa chủ ngoại quốc, địa chủ bản xứ và các thế lực bóc lột đem ruộng đất ấy giao cho nông dân; quyền sở hữu ruộng đất thuộc về Chính phủ công nông.

Luận cương nêu ra điều kiện cốt yếu cho sự thắng lợi của cuộc cách mạng ở Đông Dương là phải có một Đảng Cộng sản có đường lối chính trị đúng, có kỷ luật tập trung, mật thiết liên lạc với quần chúng và từng trải tranh đấu mà trưởng thành. "Đảng là đội trên phong của vô sản giai cấp, lấy chủ nghĩa Các Mác và Lênin làm gốc mà đại biểu quyền lợi chánh và lâu dài, chung cho cả giai cấp vô sản ở Đông Dương, và lãnh đạo vô sản giai cấp Đông Dương ra tranh đấu để đạt được mục đích cuối cùng của vô sản là chủ nghĩa cộng sản"⁵. Phải phân định giới hạn giữa Đảng Cộng sản với các đảng phái tiểu tư sản, không thể đánh đồng tính chất chính trị giữa Đảng Cộng sản với các đảng phái tiểu tư sản. Muốn làm tròn nhiệm vụ của Đảng trong cuộc cách mạng. Đảng phải tổ chức ra những đoàn thể độc lập như công hội, nông hội... Đảng phải thu phục đại đa số giai cấp mình xây dựng lực lượng trong công nhân, nông dân, lực lượng đóng vai trò nòng cốt trong cuộc đấu tranh cách mạng. Đảng có thể tạm thời hợp tác với các đảng phái không cộng sản nhưng các đảng phái ấy phải thật thà đứng ra tranh đấu chống chủ nghĩa đế quốc

và không có sự ngăn trở Đảng Cộng sản tuyên truyền chủ nghĩa xã hội trong quần chúng.

Có đường lối đúng, Đảng lại phải có phương pháp cách mạng đúng, có "cách đấu tranh" phù hợp. *Luận cương* phân tích: Trong khi định đường lối chiến lược, Đảng phải xét kỹ tình hình trong nước và thế giới, lực lượng của địch, lực lượng của tay thái độ của các giai cấp, tầng lớp đối với cách mạng. Phải chú ý đến nhu yếu và sự tranh đấu hằng ngày của quần chúng, đồng thời phải chú ý đến những mục đích lớn của Đảng. Đây là hai mặt của một vấn đề, không thể xem nhẹ mặt nào. Khi phong trào cách mạng lên cao, giai cấp thống trị đã dao động, các giai cấp trung gian đã muốn ngả về phía cách mạng, quần chúng công - nông sôi nổi cách mạng, quyết hy sinh phấn đấu thì lúc đó Đảng phải lập tức lãnh đạo quần chúng đánh đổ chính phủ thực dân, giành chính quyền về tay nhân dân. Khi tiến hành đấu tranh võ trang, phải dựa theo hình thức trực tiếp cách mạng và khuôn phép nhà binh. Trong khi chưa có hình thức trực tiếp cách mạng, cũng có thể vẫn tiến hành đấu tranh, nhưng đấu tranh không phải nhằm võ trang bạo động quá sớm, mà cốt để huy động quần chúng thị uy, biểu tình, bãi công nhằm tập dượt chuẩn bị tiến hành đấu tranh võ trang sau này.

Luận cương còn chỉ rõ: Trong cuộc đấu tranh chống đế quốc cách mạng, Đông Dương cần phải liên lạc với cách mạng ở các thuộc địa và bán thuộc địa, hợp sức lại tạo thành phong trào cách mạng thế giới.

Đánh giá về *Luận cương chính trị* (10-1930), Chủ tịch Hồ Chí Minh viết: "Thấm nhuần chủ nghĩa Mác - Lênin, Đảng đã đề ra đường lối cách mạng đúng đắn. Trong bản Cương lĩnh cách mạng tư bản dân quyền năm 1930, Đảng đã nêu rõ nhiệm vụ *chống đế quốc và chống phong kiến*, thực hiện dân tộc độc lập người cày có ruộng. Cương lĩnh ấy rất phù hợp với nguyện vọng thiết tha của đại đa số nhân dân ta là nông dân. Vì vậy Đảng đã đoàn kết được những lực lượng cách mạng to

lớn chung quanh giai cấp mình. Còn các đảng phái của các giai cấp khác thì hoặc bị phá sản, hoặc bị cô lập. Do đó quyền lãnh đạo của Đảng ta - Đảng của giai cấp công nhân - không ngừng củng cố và tăng cường"⁶.

Sau Hội nghị lần thứ nhất, Ban Thường vụ Trung ương đóng trụ sở tại Sài Gòn - một thành phố lớn có vị trí thuận lợi liên lạc với Hương Cảng (Trung Quốc) và Mácxây (Pháp). Tại Sài Gòn, đồng chí Trần Phú được một đảng viên làm bồi bếp cho viên đốc học người Pháp trường "áo tím" bố trí cho ở ngay nhà tên này để che mắt địch.

Ngày 19-4-1931, do có kẻ phản bội nên đồng chí Trần Phú đã bị địch bắt tại nhà số 66 đường Champagne Sài Gòn. Chúng dùng mọi cực hình tra tấn, song đều phải lùi bước trước tinh thần gang thép của người cộng sản. Tiếp theo, chúng đưa đồng chí ra toà án Sài Gòn để xét xử. Đồng chí Trần Phú đã biến toà án thành nơi lên án tội ác của thực dân Pháp và nêu cao uy tín của Đảng Cộng sản Đông Dương. Sau cùng, chúng đưa đồng chí về giam tại khám lớn Sài Gòn. Vì bị tra tấn dã man, bệnh cũ tái phát, lại thêm chứng ho lao nên sức khoẻ đồng chí giảm sút nhanh chóng. Ngày 6-9-1931, đồng chí trút hơi thở cuối cùng tại nhà thương Chợ Quán. Trước lúc hy sinh, Trần Phú còn nhắn gửi các đồng chí ở lại: "*Hãy giữ vững chí khí chiến đấu*". Câu nói ấy đã trở thành sự khích lệ, động viên và vũ khí cho mỗi người cộng sản Việt Nam vượt qua những khó khăn nguy hiểm trên con đường cách mạng.

*

* *

Là đảng viên ngay từ những ngày đầu Đảng bộ Hà Nội mới thành lập (6-1930), đồng chí Trần Phú rất gắn bó với Hà Nội, đã đi khắp các phố phường để nghiên cứu, nắm bắt và chỉ đạo cách mạng. Đặc biệt từ khi ở cương vị Tổng Bí thư của

Đảng (10-1930), đồng chí trực tiếp chỉ đạo Thành uỷ Hà Nội đẩy mạnh phong trào đấu tranh, vạch trần tội ác của địch. Ngày 11-10-1930, Thành uỷ Hà Nội đã tổ chức cuộc mít tinh mở đầu đợt tuyên truyền xung phong. Nhằm vào lúc công nhân đi làm về và các trường tan học, đợt tuyên truyền xung phong đã mang cờ biểu ngữ đến phố Sinh Từ (nay là Nguyễn Khuyến) gần nhà in Minh Sang diễn thuyết, hô hào đồng bào ủng hộ Xôviết Nghệ - Tĩnh bằng những cuộc bãi công, đòi tăng lương, giảm giờ làm, giảm thuế, v.v.. Người nói, người phát truyền đơn "không được đặng đến công nông Nghệ - Tĩnh". Sau đó cuộc mít tinh biến thành tuần hành. Ngày 30-10-1930 lại tổ chức diễn thuyết ở cổng Trường Kỹ nghệ thực hành phố Carreau (nay là phố Lý Thường Kiệt), kỷ niệm lần thứ 13 Cách mạng Tháng Mười (7-11-1918) cờ đỏ búa liềm treo ở kết nước phố Hàng Đậu; kỷ niệm Công xã Quảng Châu (12-12-1930) truyền đơn lại xuất hiện trên đường phố. Tất cả nói lên rằng cuộc đấu tranh vẫn liên tục tiếp diễn ngay trong vòng khùng bố gắt gao của quân thù.

Đồng chí Trần Phú hoạt động ở Hà Nội tuy ngắn ngủi, chỉ hơn hai tháng, nhưng đã để lại những dấu ấn không thể phai mờ. Đối với Đảng bộ và nhân dân Thủ đô, hình ảnh đồng chí Trần Phú luôn thân thương, gần gũi, là nguồn động lực cổ vũ to lớn đối với cán bộ, nhân dân thành phố trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Để tỏ lòng biết ơn công lao của đồng chí, ngay từ năm 1957, chính quyền Hà Nội đã đổi tên đại lộ Hàm Nghi đặt là phố *Trần Phú*; ở vùng phía nam thuộc huyện Thanh Trì, có xứ mang tên *Trần Phú* (nay là phường *Trần Phú* quận Hoàng Mai); giữa trung tâm quận Hoàn Kiếm có trường phổ thông trung học mang tên *Trần Phú*; ở quận Thanh Xuân có Công ty cơ điện *Trần Phú*,.... Đặc biệt năm 1960, ngôi nhà số 90 phố Thợ Nhuộm được giữ lại làm nhà lưu niệm và một phòng trưng bày để giới thiệu những tư liệu, hình ảnh, hiện vật có liên quan đến các sự kiện cách

mạng diễn ra ở đây. Ngày 13-1-1964, di tích 90 phố Thọ Nhuộm được Bộ Văn hoá - Thông tin ra Quyết định xếp hạng.

Nhân dịp kỷ niệm 55 năm ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (1930 – 1985), đồng chí Tổng Bí thư Lê Duẩn đã tới cắt băng khánh thành bức tượng bán thân đồng chí Trần Phú bằng đồng được đặt tại khuôn viên nhà lưu niệm. Học tập tấm gương cao đẹp của đồng chí Tổng Bí thư Trần Phú và các đồng chí tiền bối khác, toàn Đảng, toàn dân ta suốt hơn 70 năm qua luôn luôn đoàn kết, phấn đấu vượt qua mọi khó khăn gian khổ, hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ cách mạng; và ngày nay đang tiếp tục phát huy truyền thống vẻ vang, xây dựng đất nước ta ngày càng giàu đẹp, văn minh, hiện đại, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội.

* Bài đăng trong sách *Trần Phú - Tổng Bí thư đầu tiên của Đảng, một tấm gương bất diệt*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004.

1. Đồng chí Nguyễn Thế Rục, sinh năm 1902, quê làng Hành Thiện, phủ Xuân Trường. tỉnh Nam Định Năm 1923, đồng chí đi Pháp học, được giác ngộ cách mạng, vào Đảng Cộng sản Pháp, được Đảng Cộng sản Pháp giới thiệu sang Liên Xô học trường Đại học Phương Đông từ năm 1925. Sau gần ba năm học, đồng chí được chọn vào học Trường giáo sư đỏ Xvéc-lốp. Đồng chí đang học thì bị lao phổi. Quốc tế Cộng sản quyết định cho đồng chí về nước để tùy theo sức khoẻ công hiến cho cách mạng. Năm 1938, đồng chí mất tại Hà Nội. Đồng chí Đặng Xuân Khu (Trường Chinh) đọc điều văn.

2, 3, 4. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.2, tr. 93, 94.

5. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd*, t.2, tr.100.

6. Hồ Chí Minh, *Toàn tập, Sđd*, t.10, tr.9.

**ĐỒNG CHÍ LÊ HỒNG PHONG –
NGƯỜI CỘNG SẢN KIÊN CƯỜNG,
NHÀ LÃNH ĐẠO XUẤT SẮC CỦA ĐẢNG TA***

Đồng chí Lê Hồng Phong, tên thật là Lê Huy Doãn, sinh năm 1902 tại xã Thông Lạng (nay là xã Hưng Thông), huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, trong một gia đình nông dân lao động. Sinh ra và lớn lên ở một vùng quê giàu truyền thống yêu nước và cách mạng, tận mắt chứng kiến cảnh đất nước làm than, nhân dân lao động bị áp bức, bóc lột, đồng chí Lê Hồng Phong đã sớm có tinh thần yêu nước, thương dân.

Sau khi học xong sơ học yếu lược, đồng chí Lê Hồng Phong đã rời làng ra thành phố, đầu tiên ở Vinh, sau là Bến Thủy, sống cảnh làm thuê, làm mướn. Không chịu đựng nổi cảnh bóc lột và áp bức của giới chủ, Lê Hồng Phong và những người cùng tâm huyết đã vận động anh chị em công nhân nổi dậy đấu tranh. Vì lẽ đó mà Lê Hồng Phong đã bị đuổi việc.

Cuối năm 1923, Lê Hồng Phong cùng một số thanh niên yêu nước vượt Trường Sơn, qua Lào sang Xiêm gặp các nhà yêu nước Việt Nam.

Năm 1924, Lê Hồng Phong sang Quảng Châu (Trung Quốc) gia nhập nhóm Tâm Tâm xã và vào học tại Trường Quân sự Hoàng Phố. Cuối năm 1924, Lê Hồng Phong may mắn được gặp lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, được Người giác ngộ cách

mạng theo chủ nghĩa Mác - Lênin. Kể từ đây, Lê Hồng Phong quyết tâm đi theo con đường cứu nước của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc.

Năm 1925, Lê Hồng Phong gia nhập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc thành lập, trở thành một trong những người thuộc lớp cán bộ lãnh đạo đầu tiên của cách mạng nước ta. Từ đó, đồng chí đã được rèn luyện toàn diện về quân sự và chính trị tại Trường Quân sự Hoàng Phố, Trường Không quân ở Quảng Châu (Trung Quốc), Trường Lý luận quân sự của lực lượng không quân Xô-viết ở Leningrát, Trường Đào tạo phi công quân sự ở Bôritgólécơ. Sau khi tốt nghiệp, đồng chí đã hoạt động trong lực lượng Hồng quân Xô viết và nhận trọng trách liên lạc giữa Đảng Cộng sản Đông Dương với Quốc tế Cộng sản. Trong thời gian này, đồng chí đã được học tập lý luận cách mạng một cách hệ thống tại Trường Đại học Phương Đông của Quốc tế Cộng sản tại Mátxcova. Đồng chí tốt nghiệp khóa ba năm (1928 - 1931), sau đó vào học tiếp năm thứ nhất lớp nghiên cứu sinh.

Sau cao trào Xôviết Nghệ - Tĩnh (1930 - 1931), do sự khủng bố dã man và tàn bạo của thực dân Pháp, cách mạng Việt Nam gặp muôn vàn khó khăn và tổn thất nặng nề. Hầu hết các ủy viên Trung ương, các Xứ ủy viên đều bị bắt hoặc bị sát hại, hàng trăm cán bộ, hàng ngàn đảng viên bị bắt bớ, tù đày. Các tổ chức đảng từ trung ương đến cơ sở phần nhiều bị tan rã hoặc tê liệt. Trước tình hình đó, tháng 11-1931, theo chỉ thị của Quốc tế Cộng sản, đồng chí Lê Hồng Phong về nước để lãnh đạo việc khôi phục, phát triển tổ chức đảng, đưa cách mạng Đông Dương vượt qua giai đoạn khó khăn, hiểm nghèo.

Đầu năm 1932, khi đến thành phố Nam Ninh, Quảng Tây (Trung Quốc), đồng chí Lê Hồng Phong đã chấp nối liên lạc với các đồng chí trung kiên, cùng vạch ra Chương trình hành động của Đảng, được Quốc tế Cộng sản thông qua. Chương trình hành động của Đảng là một văn kiện chính trị quan trọng, khẳng định sự đúng

đấn và nhất quán với đường lối cách mạng được Đảng ta vạch ra từ năm 1930, đánh giá cao thắng lợi của quần chúng cách mạng trong cao trào 1930- 1931; đồng thời nghiêm khắc chỉ ra những sai lầm trong Đảng và đề ra yêu cầu kiên quyết khắc phục sai lầm, đưa cách mạng tiến lên.

Tháng 3-1934, đồng chí Lê Hồng Phong cùng một số đồng chí tiến hành Hội nghị thành lập Ban Chỉ huy ở ngoài của Đảng. Ban Chỉ huy ở ngoài có chức năng như một Ban Chấp hành Trung ương lâm thời ở nước ngoài do đồng chí Lê Hồng Phong làm Bí thư. Ban Chỉ huy ở ngoài đã chuẩn bị và quyết định triệu tập Đại hội lần thứ I của Đảng họp tại Ma Cao (Trung Quốc) từ ngày 27 đến ngày 31-3-1935. Đại hội đã thông qua Nghị quyết chính trị, Điều lệ Đảng, một số văn kiện quan trọng khác và bầu Ban Chấp hành Trung ương gồm 13 ủy viên do đồng chí Lê Hồng Phong đứng đầu. Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII (1996 - 2001) đã chính thức xác nhận đồng chí Lê Hồng Phong là Tổng Bí thư của Đảng thời kỳ 1935 – 1936.

Cuối năm 1934, đồng chí Lê Hồng Phong dẫn đầu Đoàn đại biểu của Đảng ta đi dự Đại hội VII Quốc tế Cộng sản họp tại Mátxcova (Liên Xô) từ ngày 25-7 đến ngày 25-8-1935. Đại hội đã thông qua quyết nghị công nhận Đảng Cộng sản Đông Dương là phân bộ độc lập của Quốc tế Cộng sản và bầu đồng chí Lê Hồng Phong làm ủy viên Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản.

Tháng 7-1936, tại Thượng Hải, đồng chí triệu tập và chủ trì Hội nghị Trung ương bổ sung Nghị quyết Đại hội lần thứ I chỉ đạo chuyển hướng tổ chức và sách lược của Đảng, chủ trương thành lập Mặt trận Thống nhất nhân dân phản đế rộng rãi, bao gồm các hình thức đấu tranh, hình thức hoạt động phong phú từ bí mật, bất hợp pháp đến công khai, bán công khai, hợp pháp, nửa hợp pháp, nhằm mục đích "dự bị điều kiện cho cuộc vận động dân tộc giải phóng được phát triển", chuẩn bị về mọi mặt để đưa phong trào cách mạng chuyển sang cao trào 1936 - 1939.

Tháng 11-1937, đồng chí Lê Hồng Phong về Sài Gòn, cùng Trung ương tích cực chỉ đạo việc thực hiện chủ trương chiến lược mới của Đảng.

Ngày 22-6-1939, đồng chí Lê Hồng Phong bị thực dân Pháp bắt lần thứ nhất tại Chợ Lớn và kết án sáu tháng tù giam. Ngày 23-12-1939, chúng đưa đồng chí về quản thúc tại quê nhà. Ngày 20-1-1940, đồng chí bị thực dân Pháp bắt lần thứ hai, giam tại Khám lớn Sài Gòn, cuối năm 1940, chúng đày đồng chí ra Côn Đảo. Tại đây, biết đồng chí là nhân vật quan trọng của Đảng, thực dân Pháp tìm mọi cách tra tấn, hành hạ rất dã man. Đồng chí vẫn nêu cao chí khí cách mạng, không khai báo một lời, đồng thời tích cực vận động và chỉ đạo anh em tù đấu tranh chống địch đánh đập, chống lại những luật lệ hà khắc của nhà tù. Sức khỏe suy kiệt dần vì đòn thù và bệnh tật, đồng chí Lê Hồng Phong đã trút hơi thở cuối cùng vào trưa ngày 6-9-1942 sau khi đã nhắn lại “Nhờ các đồng chí báo cáo với Đảng rằng, tới giờ phút cuối cùng, Lê Hồng Phong vẫn tin tưởng vào thắng lợi vẻ vang của cách mạng”.

Bốn mươi tuổi đời, hai mươi năm hoạt động cách mạng liên tục và sôi nổi, đồng chí Lê Hồng Phong đã hiến dâng trọn đời mình cho sự nghiệp cách mạng vẻ vang của Đảng và dân tộc ta. Đồng chí đã để lại tấm gương sáng về đạo đức cách mạng, tình yêu gia đình, quê hương, đất nước, suốt đời hy sinh cho độc lập, tự do của Tổ quốc, hạnh phúc của nhân dân, tận trung với Đảng, tận hiếu với dân, son sắt thủy chung với đồng chí, bạn bè, luôn lạc quan tin tưởng vào thắng lợi vẻ vang của cách mạng.

Cuộc đời hoạt động cách mạng và sự cống hiến của đồng chí Lê Hồng Phong đã để lại cho chúng ta những bài học hết sức quý giá:

Là người chủ trì công việc của Đảng trong thời kỳ cách mạng thoái trào đầu những năm 30 của thế kỷ XX, khi cả đất nước chìm ngập trong làn sóng khủng bố trắng của địch, tưởng chừng không vượt qua nổi, đồng chí Lê Hồng Phong đã cùng với Trung ương tiến hành một loạt công tác tỉ mỉ, kiên trì, sáng tạo nhằm khôi phục

Đảng, khôi phục phong trào cách mạng, giữ vững ý chí chiến đấu của nhân dân, nuôi niềm tin vào sự tất thắng của cách mạng. Trong đó, việc đề ra Chương trình hành động của Đảng và lập Ban Chỉ huy ở ngoài của Đảng là hai sự kiện có tầm quan trọng hàng đầu. Đồng chí đã kết hợp nhuần nhuyễn được hai phẩm chất cao quý trong công tác là vừa chỉ đạo ở tầm chiến lược, tổng quan vừa chỉ đạo ở tầm cụ thể, thiết thực, có hiệu quả.

Sau khi khôi phục được phong trào cách mạng, đồng chí Lê Hồng Phong đã góp phần cùng Trung ương Đảng chuẩn bị những tiền đề tư tưởng, chính trị và tổ chức cho việc hình thành Mặt trận Dân chủ Đông Dương. Đồng chí đã có công lớn trong việc chuyển hướng chiến lược và sách lược đấu tranh nhằm tập hợp rộng rãi quần chúng xung quanh Đảng.

Có được sự trưởng thành như vậy phần quan trọng là do đồng chí Lê Hồng Phong đã được lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc trực tiếp giáo dục, đào tạo, rèn luyện và thường xuyên chỉ đạo. Từ một thanh niên yêu nước đi tìm đường cách mạng, Lê Hồng Phong đã sớm gặp được lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc và đến với Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên. Đồng chí đã trở thành học trò ưu tú của Người.

Ở Lê Hồng Phong, một trong những phẩm chất nổi bật là tấm gương học tập và rèn luyện. Không được học tập đầy đủ khi tuổi còn niên thiếu, lớn lên đi hoạt động cách mạng, đồng chí càng khao khát trau dồi kiến thức, tranh thủ mọi điều kiện, ở mọi lúc, mọi nơi để học tập. Trong thời gian ở Trung Quốc và Liên Xô, đồng chí đã trải qua nhiều trường, nhiều lớp; có khi lớp học cũ chưa xong, hoàn cảnh buộc chuyển sang lớp học mới; học quân sự, học chính trị, học lý luận... Có thể nói, trong số những người hoạt động cách mạng lúc bấy giờ, đồng chí Lê Hồng Phong là người được trang bị nhiều kiến thức nhất ở nhà trường. Điều đó giúp đồng chí rất nhiều trong công tác, nhất là phải chủ trì công việc Đảng.

Đồng chí gắn việc học tập với hoạt động cách mạng, rèn luyện trong tổ chức và chỉ đạo thực tiễn. Việc chấp nối, liên lạc để khôi phục các tổ chức cơ sở đảng ở trong nước và chủ trương đưa địa bàn hoạt động về trong nước thay vì chỉ đạo từ xa đã nói lên điều đó. Lê Hồng Phong là một tấm gương mẫu mực trong việc kết hợp học và hành, lý luận và thực tiễn.

Đồng chí Lê Hồng Phong còn là một nhà hoạt động quốc tế nhiệt thành. Ở đồng chí, lòng yêu nước kết hợp với tinh thần quốc tế của giai cấp công nhân, cách mạng Việt Nam kết hợp với cách mạng các nước trên thế giới. Đồng chí tìm thấy ở các nước bè bạn một địa bàn hoạt động khi điều kiện trong nước còn khó khăn, một môi trường học tập rèn luyện thuận lợi một nơi cùng phối hợp, liên kết, ủng hộ lẫn nhau trong hoạt động cách mạng. Chính nhờ mối liên hệ quốc tế mà nhãn quan và tầm hiểu biết của đồng chí rộng rãi và sâu sắc hơn, giúp giải quyết có hiệu quả hơn những nhiệm vụ cách mạng của nước ta đặt ra thời kỳ đó. Trong những năm học tập tại Trung Quốc và Liên Xô, đồng chí đã được kết nạp vào Đảng Cộng sản Trung Quốc và Đảng Cộng sản Liên Xô. Sau này, trên cương vị là ủy viên Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản, đồng chí càng có điều kiện để cùng lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc và Đảng ta gắn kết phong trào cách mạng Việt Nam với phong trào cách mạng thế giới, giúp phong trào cộng sản quốc tế hiểu rõ hơn về cách mạng Việt Nam, về Đảng Cộng sản Việt Nam.

Đồng chí Lê Hồng Phong là một tấm gương trọn đời hiến dâng cho sự nghiệp cách mạng của Đảng, của nhân dân. Từ lúc lớn lên cho đến lúc hy sinh, đồng chí luôn luôn đặt lợi ích của cách mạng lên trên lợi ích của cuộc sống riêng và hạnh phúc gia đình. Bào nhiệt huyết và trái tim cộng sản của đồng chí luôn luôn dành cho Đảng và nhân dân. Vì Đảng, vì dân, đồng chí chấp nhận mọi gian khổ hy sinh, từ biệt gia đình bôn ba đi tìm đường cứu nước. Và cũng vì Đảng, vì dân, đồng chí nhiều lần trở về nước để hoạt động, gây dựng phong trào cách mạng, dù biết rằng

kẻ thù luôn luôn rình rập, đe dọa tính mạng; và đã hy sinh cả tình riêng, cả bản thân mình. Người đồng chí, người bạn đời yêu dấu của đồng chí - chị Nguyễn Thị Minh Khai nổi tiếng - cũng bị địch bắt và kết án tử hình năm 1941. Hai nhà lãnh đạo yêu quý của chúng ta đã hy sinh vì nghĩa lớn, để lại đứa con thơ vừa mới biết bò. Cuộc đời đồng chí Lê Hồng Phong trong như giọt sương mai, đẹp như ánh dương buổi sáng.

Tấm gương chiến đấu kiên cường và sự hy sinh liêm liệt của đồng chí Lê Hồng Phong vì độc lập dân tộc và lý tưởng cộng sản sống mãi trong trái tim, khối óc các thế hệ người Việt Nam chúng ta.

Nhân kỷ niệm 100 năm sinh và 60 năm ngày mất của đồng chí Lê Hồng Phong, chúng ta bồi hồi và xúc động ôn lại quá trình hoạt động cách mạng vẻ vang của đồng chí để học tập, phấn đấu theo gương của đồng chí. Cuộc đời và sự nghiệp vẻ vang của đồng chí luôn nhắc nhở mỗi cán bộ, đảng viên hôm nay nêu cao ý chí cách mạng, tự giác phấn đấu, tu dưỡng, rèn luyện đạo đức của người cộng sản, kiên trì học tập nâng cao nhận thức, trình độ mọi mặt, tích cực hoạt động thực tiễn, đặt lợi ích của Đảng, của cách mạng và nhân dân lên trên lợi ích cá nhân, sẵn sàng chiến đấu, hy sinh vì sự nghiệp vẻ vang của Đảng, của dân tộc.

Học tập và noi gương đồng chí Lê Hồng Phong, chúng ta tiếp tục thực hiện tốt việc xây dựng, chỉnh đốn Đảng, tích cực đấu tranh chống mọi biểu hiện suy thoái chính trị - tư tưởng, đạo đức lối sống, đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, quan liêu, tham nhũng, bè phái cục bộ và mọi biểu hiện mất đoàn kết, vi phạm kỷ luật của Đảng; phấn đấu thực hiện thắng lợi Cương lĩnh chính trị, trước mắt là đưa Nghị quyết Đại hội IX của Đảng vào cuộc sống, xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; thực hiện thành công sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, phấn đấu vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã

hội công bằng, dân chủ, văn minh, đưa sự nghiệp vĩ đại của Đảng ta, của nhân dân ta đến thắng lợi hoàn toàn.

* Diễn văn tại Lễ kỷ niệm 100 năm ngày sinh Cố Tổng Bí thư Lê Hồng Phong, ngày 6-9-2002.

**ĐỒNG CHÍ LÊ DUẨN –
NHÀ LÃNH ĐẠO LỖI LẠC CỦA ĐẢNG,
NGƯỜI HỌC TRÒ XUẤT SẮC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH***

Xuất thân từ một gia đình lao động, có truyền thống yêu nước, từ rất sớm đồng chí Lê Duẩn đã tham gia các hoạt động yêu nước và cách mạng như: Phong trào đấu tranh đòi thực dân Pháp ân xá nhà yêu nước Phan Bội Châu (1925), tham gia Hội Ái hữu ở Đà Nẵng (1926), *Tân Việt cách mạng Đảng* và sau đó đồng chí gia nhập *Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên* tại Hà Nội (1928). Vừa hoạt động, vừa học tập, đồng chí rất say mê đọc *Đường cách mệnh* của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, đọc báo *Thanh niên*, đọc các tác phẩm của Mác, Ăngghen, Lênin.v.v. từng bước bồi đắp cho mình những tri thức mới, nâng cao thêm tinh thần yêu nước và cách mạng.

Sau khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, tháng 6-1930, Thành uỷ Hà Nội chính thức được thành lập. Được đồng chí Nguyễn Ngọc Vũ - Bí thư Thành uỷ đầu tiên

trực tiếp giới thiệu, đồng chí Lê Duẩn trở thành đảng viên cộng sản, sinh hoạt tại Đảng bộ thành phố. Từ một thanh niên giàu lòng yêu nước, say mê với lý tưởng cách mạng, đồng chí Lê Duẩn đã trở thành một chiến sĩ cộng sản. Cùng với một số đồng chí tiền bối khác, đồng chí là một trong những người thuộc lớp đảng viên cộng sản đầu tiên của Hà Nội ngay từ những ngày Đảng bộ Hà Nội mới được thành lập.

Năm 1931, đồng chí Lê Duẩn được cử làm Ủy viên Ban Tuyên huấn Xứ ủy Bắc Kỳ. Sau đó đồng chí bị địch bắt ở Hải Phòng và bị kết án 20 năm tù cấm cố, lần lượt bị giam tại các nhà tù của chế độ thực dân Pháp như Hoả Lò (Hà Nội), Sơn La, Côn Đảo trong những năm từ 1931 đến 1936. Sự tàn bạo của kẻ thù đã không làm đồng chí khuất phục; trái lại, càng tôi luyện thêm ý chí, rèn đúc thêm trí tuệ và phẩm chất của người chiến sĩ cách mạng, làm cho đồng chí trở thành người lãnh đạo kiên cường, được nhân dân tin yêu, bạn bè đồng chí cảm phục.

Tháng 10-1936, trước phong trào đấu tranh của nhân dân ta và thắng lợi của Mặt trận bình dân Pháp, thực dân Pháp buộc phải trả tự do cho đồng chí Lê Duẩn và nhiều chiến sĩ cách mạng khác. Vừa ra khỏi nhà tù, đồng chí lại hăng say hoạt động. Trong thời kỳ Mặt trận dân chủ, nhiều địa phương ở miền Trung, từ Quảng Trị, Thừa Thiên - Huế, đến Nam Trung Bộ, những nơi có phong trào cách mạng sôi nổi đều gắn với tên tuổi và hoạt động của đồng chí trên cương vị là Ủy viên Thường vụ Trung ương, Bí thư Xứ ủy Trung Kỳ.

Giữa năm 1939, đồng chí được điều động vào Nam Bộ cùng với Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ chuẩn bị các văn kiện cho Hội nghị Trung ương Đảng tháng 11-1939 - một hội nghị mở ra thời kỳ mới cho cách mạng Việt Nam: Từ đấu tranh đòi các quyền dân chủ, dân sinh chuyển sang đấu tranh nhằm mục tiêu trực tiếp đánh đổ chính quyền đế quốc, thực dân phong kiến, tay sai. Sự nhạy bén và sáng tạo của Nghị quyết Hội nghị này thể hiện ở chỗ đã chỉ ra nhiệm vụ tập trung mũi nhọn đấu

tranh vào thực dân Pháp và phong kiến tay sai, chuẩn bị những điều kiện cần thiết tiến tới giành chính quyền về tay nhân dân. Nghị quyết của Hội nghị đã khẳng định những tư tưởng chiến lược của cách mạng Việt Nam mà Chủ tịch Hồ Chí Minh xác định từ Hội nghị thành lập Đảng (10-1930). Đây là bước mở đầu của một cao trào cách mạng mới, tiến tới thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám. Hội nghị Trung ương tháng 11-1939 và những địa danh lịch sử như Mười tám thôn Vườn Trầu, Hóc Môn - Bà Điểm, Sài Gòn - Chợ Lớn mãi mãi gắn liền với tên tuổi của đồng chí Lê Duẩn và những người con ưu tú của Đảng như Nguyễn Văn Cừ, Phan Đăng Lưu, Võ Văn Tần, v.v. .

Bị thực dân Pháp bắt và đày ra Côn Đảo lần thứ hai (1940-1945), cùng với các chiến sĩ cộng sản khác, đồng chí Lê Duẩn một lần nữa lại tỏ rõ bản lĩnh và phẩm chất cách mạng của mình, vượt qua thử thách, một lòng kiên trung với Đảng, với dân tộc.

Cách mạng Tháng Tám thành công, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời, đồng chí Lê Duẩn và nhiều cán bộ ưu tú khác của Đảng được Chủ tịch Hồ Chí Minh, Trung ương Đảng và nhân dân đón về đất liền. Vừa ra khỏi nhà tù đế quốc đồng chí lại hăm hở bước vào cuộc chiến đấu mới. Cuộc đời hoạt động cách mạng của đồng chí Lê Duẩn luôn gắn bó với Nam Bộ thành đồng. Trên cương vị là Phó Bí thư, rồi Bí thư Xứ uỷ Nam Bộ và từ sau Đại hội II của Đảng (1951) là Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Cục miền Nam, đồng chí đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ mà Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh giao phó: trực tiếp chỉ đạo cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp ở Nam Bộ.

Gắn bó với đồng chí và đồng bào miền Nam trong những tháng năm khói lửa, bằng tư duy chính trị sắc sảo, sáng tạo, đồng chí Lê Duẩn đã cùng với Trung ương Cục miền Nam lãnh đạo quân và dân Nam Bộ lập nên những kỳ tích trong cuộc kháng

chiến chống thực dân Pháp, giữ vững danh hiệu *Nam Bộ - Thành đồng Tổ quốc* mà Chủ tịch Hồ Chí Minh phong tặng.

Sau khi cuộc kháng chiến của nhân dân ta chống thực dân Pháp kết thúc thắng lợi, miền Bắc được giải phóng, đế quốc Mỹ mưu toan thực hiện ý đồ chiến lược toàn cầu phản cách mạng và miền Nam Việt Nam được chúng chọn làm địa bàn thực hiện cuộc phản kích chiến lược. Tại đây, chính quyền tay sai của Mỹ được thiết lập. Những người kháng chiến cũ và đồng bào yêu nước bị đàn áp hết sức dã man. Khắp nơi đầu rơi máu chảy. Khả năng thực hiện hoà bình thống nhất đất nước theo Hiệp định Giơnevơ năm 1954 về Việt Nam bị kẻ thù phá hoại. Dân tộc ta lại phải đứng lên tiến hành cuộc kháng chiến vô cùng gian khổ, ác liệt, chống chủ nghĩa thực dân mới, chống cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ.

Trong những năm 1954 - 1956, theo sự phân công của Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, đồng chí Lê Duẩn ở lại Nam Bộ tiếp tục lãnh đạo nhân dân đấu tranh đòi đối phương thực hiện Hiệp định Giơnevơ năm 1954 về Việt Nam và Đông Dương. Trong điều kiện địch vây lùng và khủng bố vô cùng tàn khốc, phải hoạt động bí mật, đồng chí đã đi khắp các địa bàn Nam Bộ, khi thì ở bưng biển Đồng Tháp, khi thì luồn sâu giữa lòng Sài Gòn - Chợ Lớn để nắm tình hình thực tiễn, xây dựng và tổ chức lại các tổ chức Đảng và phong trào cách mạng của quần chúng. Chính trong những tháng năm gian khổ hy sinh, đầy thử thách ác liệt này, trí tuệ và sự sáng tạo tuyệt vời của đồng chí Lê Duẩn đã thể hiện rõ. Trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh và cách mạng, năm 1956, đồng chí Lê Duẩn đã soạn thảo văn kiện nổi tiếng: *Đề cương cách mạng miền Nam*. Bản đề cương chỉ rõ: Chính quyền miền Nam Việt Nam là chính quyền thực dân kiểu mới, tay sai của đế quốc Mỹ. Chính quyền đó đã chà đạp thô bạo thành quả mà nhân dân ta đã giành được trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, phá hoại Hiệp định Giơnevơ. Trên cơ sở nhận định sâu sắc về bản

chất của kẻ thù mới từ thực tiễn tình hình miền Nam, đề cương khẳng định nhân dân miền Nam chỉ có một con đường là bằng bạo lực cách mạng vùng lên chống đế quốc Mỹ và tay sai để cứu nước, tự cứu mình giành lại độc lập tự do và thống nhất Tổ quốc. Ngoài con đường đó ra không có con đường nào khác. Những tư tưởng đúng đắn và sáng tạo mà *Đề cương cách mạng miền Nam* nêu lên đã góp phần quan trọng cho sự ra đời của Nghị quyết Trung ương 15 (khoá II) và nhiều nghị quyết của Bộ Chính trị, của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, góp phần vào việc hoạch định chiến lược cách mạng hai miền Nam - Bắc trong suốt thời kỳ chống Mỹ, cứu nước.

Giữa năm 1957, đồng chí Lê Duẩn được điều ra Hà Nội công tác. Cùng với các đồng chí Tôn Đức Thắng, Trường Chinh, Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp, v.v. đồng chí là một trong những cộng sự gần gũi của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Nhiệm vụ kiện toàn tổ chức Đảng, bộ máy Nhà nước, chuẩn bị Đại hội toàn quốc lần thứ III của Đảng và các Hội nghị Trung ương được đồng chí trên cương vị là quyền Tổng Bí thư thực hiện rất khẩn trương, khoa học.

Năm 1960, tại Đại hội toàn quốc lần thứ III của Đảng, đồng chí được bầu làm Bí thư thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Từ năm 1969, sau khi Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời, đồng chí Lê Duẩn đã cùng với tập thể Bộ Chính trị và Ban Chấp hành Trung ương hoạch định những vấn đề chiến lược, giải quyết những vấn đề lý luận và thực tiễn của cách mạng Việt Nam. Tác phẩm "*Dưới lá cờ vẻ vang của Đảng, vì độc lập tự do, vì chủ nghĩa xã hội, tiến lên giành những thắng lợi mới*" được đồng chí viết năm 1970, là một văn kiện lý luận quan trọng tổng kết những kinh nghiệm của giai đoạn cách mạng đã qua, chỉ ra phương hướng, nhiệm vụ của giai đoạn mới, vừa tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa trên miền Bắc xây dựng hậu phương vững mạnh của cả nước; vừa tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, tiến tới thống nhất Tổ quốc, làm tròn nghĩa vụ quốc tế.

Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của dân tộc ta là một cuộc chiến tranh nhân dân cực kỳ hào hùng và sáng tạo. Chúng ta đã huy động được toàn bộ lực lượng của dân tộc, kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại, liên tục nổi dậy, liên tục tiến công, liên tục sáng tạo, quyết tâm chiến đấu và đã giành được chiến thắng vẻ vang. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, cả dân tộc triệu người như một đã anh dũng chiến đấu và đánh bại nhiều chiến lược chiến tranh của đế quốc Mỹ và tay sai, từ "chiến tranh đơn phương" đến "chiến tranh đặc biệt" rồi "chiến tranh cục bộ", "chiến tranh Việt Nam hoá" và đã giành được toàn thắng trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975, giải phóng miền Nam thống nhất đất nước.

Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước là chiến công cực kỳ vĩ đại và rất đáng tự hào của dân tộc Việt Nam. Nó gắn liền với sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng Cộng sản Việt Nam quang vinh và Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại; gắn liền với tên tuổi và những đóng góp to lớn của Tổng Bí thư Lê Duẩn kính mến, người đã nhiều năm giữ trọng trách trong Bộ chỉ huy tối cao của Đảng ta và dân tộc ta. Từ năm 1976, tiếp tục cương vị Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng, cùng với Bộ Chính trị và Ban Chấp hành Trung ương, đồng chí Lê Duẩn đã tập trung nhiều công sức vào việc hoạch định đường lối xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ước mơ cháy bỏng của đồng chí là xây dựng thành công.

Chủ nghĩa xã hội trên đất nước Việt Nam, nhân dân Việt Nam có cuộc sống ấm no, hạnh phúc. Tại Đại hội IV (1976) và Đại hội V (1982) của Đảng cũng như tại các hội nghị của Ban Chấp hành Trung ương, của Bộ Chính trị, đồng chí Lê Duẩn có những đóng góp vô cùng quan trọng đối với việc hoạch định đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Trong những điều kiện khác nhau, cả thời điểm thuận lợi cũng như lúc gặp khó khăn, cả khi những vấn đề lý luận và thực tiễn đã sáng tỏ cũng như khi những tư tưởng, quan điểm đang trong quá trình tìm tòi, đồng chí luôn luôn đào sâu suy nghĩ, kiên trì nghiên cứu và thể nghiệm, một lòng trung

thành với lý tưởng cộng sản chủ nghĩa, với chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, trung thành với sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc. Điều mà đồng chí luôn luôn tâm niệm và kiên trì phấn đấu là: *"Tất cả vì Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, vì hạnh phúc của nhân dân"*.

Là một đảng viên thuộc Đảng bộ Hà Nội từ những ngày đầu mới thành lập, đặc biệt từ năm 1957 trở về sau này trên các cương vị lãnh đạo cao nhất của Đảng, đồng chí Lê Duẩn rất gắn bó với Thủ đô Hà Nội, luôn luôn dành cho Đảng bộ và nhân dân Hà Nội những tình cảm và sự quan tâm sâu sắc. Liên tiếp ba đại hội Đảng bộ thành phố. Lần thứ VII (1977), lần thứ VIII (1980), và lần thứ IX (1983), đồng chí đã đến thăm và phát biểu ý kiến chỉ đạo sâu sát, cụ thể về tất cả các mặt. Nhiều nhà máy, xí nghiệp, công trường, trường học, bệnh viện, hợp tác xã, các quận, huyện nội ngoại thành, nhiều đơn vị bộ đội Thủ đô đã vinh dự được đồng chí đến thăm. Một trường cán bộ Đội thiếu niên tiên phong được mang tên "Lê Duẩn". Đó là nguồn tình cảm và động lực rất to lớn đối với các ngành, các giới, với cán bộ, chiến sĩ và nhân dân Thủ đô trong công cuộc lao động xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Điều mà đồng chí Lê Duẩn hằng mong muốn là Thủ đô Hà Nội phải có tầm vóc xứng đáng với lòng tin và niềm tự hào của đồng bào, chiến sĩ cả nước.

Đồng chí Lê Duẩn đã cống hiến trọn đời mình cho Đảng, cho dân tộc, vì lý tưởng cao đẹp: *Tổ quốc Việt Nam độc lập thống nhất là đi lên chủ nghĩa xã hội, nhân dân Việt Nam có cuộc sống tự do, ấm no, hạnh phúc*. Gần 60 năm hoạt động cách mạng liên tục, phong phú, sôi nổi, trong đó có gần 30 năm giữ các cương vị quyền Tổng Bí thư, Bí thư thứ nhất và Tổng Bí thư của Đảng, đồng chí Lê Duẩn đã có những cống hiến vô cùng to lớn trong sự nghiệp cách mạng của Đảng ta, nhân dân ta.

Là một chiến sĩ cộng sản kiên cường, hoạt động không mệt mỏi, đồng chí Lê Duẩn đã in dấu chân trên khắp mọi miền đất nước và luôn luôn một lòng kiên trung với dân với Đảng, nêu cao tinh thần cách mạng tiến công. Ngay trong những tháng

năm bị tù đày, xiềng xích, trong những lúc cách mạng gặp muôn vàn khó khăn, đồng chí vẫn giữ vững chí khí cách mạng, kiên quyết đấu tranh, tìm mọi cách để đưa phong trào cách mạng tiến lên.

Là nhà lãnh đạo lỗi lạc, đồng chí Lê Duẩn đồng thời là một nhà lý luận mác xít - leninnít năng động, sáng tạo. Trưởng thành từ trong hoạt động cách mạng thực tiễn, dày dặn kinh nghiệm đấu tranh, đồng chí rất coi trọng nghiên cứu lý luận, học tập lý luận, rèn luyện tư duy lý luận, trăn trở suy nghĩ nhằm tìm ra và giải quyết các vấn đề lý luận của cách mạng Việt Nam. Cùng với Chủ tịch Hồ Chí Minh, đồng chí Trường Chinh và nhiều đồng chí lãnh đạo xuất sắc khác của Đảng ta, đồng chí Lê Duẩn là hiện thân của trí tuệ cách mạng Việt Nam.

Với đồng chí, bạn bè, đồng chí Lê Duẩn luôn son sắt thủy chung và luôn giành được sự tin yêu, kính trọng.

Với các tầng lớp nhân dân, đồng chí luôn gần bó, thân mật, trung thực, giản dị; thường xuyên lắng nghe và tìm hiểu ý kiến, nguyện vọng của nhân dân.

Là một chiến sĩ quốc tế chân chính, trong sáng, đồng chí luôn chăm lo việc tăng cường và củng cố tình đoàn kết quốc tế đồng thời đấu tranh để bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa Mác – Lênin.

Với các lực lượng cách mạng và tiến bộ trên thế giới, đồng chí luôn cố vũ tinh thần đấu tranh vì độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Kỷ niệm Ngày sinh của đồng chí cố Tổng Bí thư Lê Duẩn là một dịp để chúng ta ôn lại cuộc đời, sự nghiệp, công lao và những cống hiến to lớn của một trong những nhà lãnh đạo lỗi lạc của Đảng Cộng sản và nhân dân Việt Nam, một trong những học trò trung thành và xuất sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh; là dịp để chúng ta học tập tấm gương cao đẹp mà đồng chí Lê Duẩn và các bậc cách mạng tiền bối đã để lại. Đây cũng là dịp để chúng ta một lần nữa khẳng định quyết tâm vững

bước trên con đường đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa do Đảng ta lãnh đạo, xây dựng một nước Việt Nam dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

* Bài đăng trong sách *Lê Duẩn - Một nhà lãnh đạo lỗi lạc, một tư duy sáng tạo lớn của Cách mạng Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002.

ĐỒNG CHÍ NGUYỄN VĂN LINH – NGƯỜI CÀM LÁI NHỮNG NĂM ĐẦU CỦA CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI*

Cho đến hôm nay, tuy không còn lưu giữ được đầy đủ dấu tích, nhưng cán bộ, đảng viên và nhân dân Hà Nội không mấy người không biết. Hà Nội là nơi cậu bé Nguyễn Văn Cúc - tên thật của cố Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh kính mến - đã cất tiếng khóc chào đời ngày 1-7-1915.

Xuất thân trong một gia đình nhà giáo, quê gốc Hưng Yên, sinh ra tại Hà Nội, lớn lên tại Hải Phòng, đồng chí Nguyễn Văn Linh đã tham gia hoạt động yêu nước và cách mạng khi mới 14 tuổi.

Trong những năm 1929 - 1930, Nguyễn Văn Linh đã đón nhận ánh sáng thời đại qua sách báo của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc. Đồng chí hăng hái gia nhập học sinh Đoàn do các cán bộ Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên Thành phố Hải Phòng tổ chức; tham gia rải truyền đơn vận động đấu tranh đòi các quyền dân sinh, kêu

gọi ủng hộ Liên bang Xôviết, chống khủng bố. Đồng chí đã bị kẻ thù bắt trong phong trào đấu tranh nhân kỷ niệm 1-5-1930. Tuy ở tuổi vị thành niên, nhưng Nguyễn Văn Linh đã nêu cao tinh thần cách mạng, bình tĩnh, hiên ngang. Ngày 28-11-1931, đồng chí bị toà án thực dân tại thị xã Kiến An tuyên án phát lưu chung thân và đày ra Côn Đảo. Khí phách của các chiến sĩ cộng sản trẻ tuổi của các chính trị phạm vi thành niên, trong đó có Nguyễn Văn Linh, tại phiên toà này đã có tiếng vang lớn cả trong và ngoài nước.

Năm 1936, đồng chí Nguyễn Văn Linh cùng một số chiến sĩ cách mạng được trả tự do. Vừa từ địa ngục Côn Đảo trở về, đồng chí lại tiếp tục hoạt động, len lỏi khắp các đường phố, xóm chợ, làng quê để xây dựng lại các tổ chức đảng và phong trào cách mạng trong công nhân, nông dân ở nội, ngoại thành Hà Nội. Rồi đồng chí được Xứ uỷ Bắc Kỳ phái về hoạt động để tái lập Thành uỷ Hải Phòng. Đầu năm 1939, đồng chí lại được Trung ương Đảng cử vào Sài Gòn - Chợ Lớn, tham gia Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố do nữ đồng chí Nguyễn Thị Minh Khai làm Bí thư. Từ cuối năm 1939, đồng chí được Trung ương Đảng cử về hoạt động ở Trung Kỳ nhằm tổ chức và lập lại Xứ uỷ. Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ, kẻ thù tiến hành một chiến dịch khủng bố quy mô lớn, đặc biệt là từ sau Nam Kỳ khởi nghĩa (11-1940), nhiều cán bộ, đảng viên sa vào tay giặc.

Đầu năm 1941, tại Vinh (Nghệ An), đồng chí Nguyễn Văn Linh bị bắt, bị toà án thực dân kết án 5 năm tù và đày ra Côn Đảo lần thứ hai.

Cách mạng Tháng Tám thành công, đồng chí được Đảng và Nhà nước đón về, được phân công công tác ở miền Nam và từng giữ nhiều cương vị, trọng trách trong suốt 30 năm chiến tranh cách mạng, đặc biệt là ở Thành phố mang tên Bác: Bí thư Thành uỷ Sài Gòn - Chợ Lớn; Bí thư Đặc khu uỷ Sài Gòn - Gia Định; quyền Bí thư Xứ uỷ Nam Bộ; Bí thư Trung ương Cục; Phó Bí thư Trung ương Cục miền Nam- cộng sự của các nhà lãnh đạo xuất sắc như: Nguyễn Chí Thanh, Phạm Hùng.

Mỗi cương vị đồng chí đảm trách đều gắn với một thời kỳ cam go của cách mạng, từ đấu tranh bảo vệ lực lượng đến đồng khởi; từ từng bước đánh bại các chiến lược chiến tranh của đế quốc Mỹ và tay sai đến tổng tiến công nổi dậy Tết Mậu Thân (1968), đánh bại chiến lược chiến tranh cục bộ, rồi đánh bại Việt Nam hoá chiến tranh giành toàn thắng trong Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử. Mỗi bước tiến lên và thắng lợi của cách mạng miền Nam đều không tách rời vai trò của những người lãnh đạo chủ chốt, trong đó có đồng chí Nguyễn Văn Linh. Đảng ta đã đánh giá: “trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc, với trách nhiệm là Bí thư Trung ương Cục, đồng chí đã chủ trì và cùng với các đồng chí khác lãnh đạo phong trào cách mạng miền Nam vào thời điểm gay go nhất và cũng oanh liệt nhất, ghi lại những dấu ấn không phai mờ về cuộc đồng khởi và cuộc kháng chiến chống xâm lược... Thắng lợi vĩ đại của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc thuộc về toàn Đảng, toàn dân ta, trong đó có công lao to lớn của đồng chí Nguyễn Văn Linh”¹.

Sau ngày đất nước thống nhất, trong gần 10 năm làm Bí thư Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh, đồng chí Nguyễn Văn Linh thường băn khoăn tự hỏi: Tại sao một thành phố có cơ sở vật chất, có truyền thống cách mạng, bất khuất, kiên cường như Thành phố Hồ Chí Minh mà trong nhiều năm xây dựng sau chiến tranh vẫn không tự nuôi nổi mình? Tại sao đã qua nhiều năm xây dựng chủ nghĩa xã hội mà nông dân miền Bắc lại gắn bó nhiều hơn với mảnh đất 5%, ít thiết tha với đất ruộng do các hợp tác xã nông nghiệp quản lý? Đồng chí trầm trở, suy nghĩ về con đường xây dựng và phát triển kinh tế, sao cho công cuộc cải tạo và xây dựng thành phố vẫn bảo đảm giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa, đồng thời từng bước thích nghi với quy luật phổ biến của kinh tế thị trường.

Nhìn thẳng vào sự thật để tìm lối thoát, tìm phương hướng tiến lên, là phương châm hành động của đồng chí Nguyễn Văn Linh. "Trả về cho sản xuất sự vận hành

đúng quy luật của nó" được đồng chí xem là một trong những biện pháp hữu hiệu nhằm từng bước tạo sự chuyển biến cho nền kinh tế. Cuộc đấu tranh giữa đổi mới tư tưởng, đổi mới cách làm với tính bảo thủ, sự trì trệ trong nhiều trường hợp diễn ra khá gay gắt và không phải sáng kiến nào cũng được đồng tình, cổ vũ ngay. Nhiều đồng chí được làm việc bên cạnh đồng chí Nguyễn Văn Linh đã có nhận xét: Đồng chí là người có thái độ chân tình, cởi mở, trân trọng những ý kiến của các đồng chí khác, cho dù ý kiến đó trái với ý kiến của mình.

Tranh luận và biết chờ đợi; lấy hiệu quả thực tiễn làm thước đo, làm sự kiểm chứng; cuối cùng cái đúng được khẳng định, cái sai từng bước được sàng lọc, loại bỏ. Chúng ta nhớ một câu nói của đồng chí Nguyễn Văn Linh: "Làm việc gì có lợi cho đất nước có lợi cho công nhân, nông dân, các đồng chí cứ yên tâm mà làm"².

Hiệu quả thực tế từ phong trào cách mạng của quần chúng, của các cơ sở ở Thành phố Hồ Chí Minh và nhiều địa phương khác đã giúp Ban Chấp hành Trung ương Đảng, đứng đầu là Tổng Bí thư Trường Chinh, củng cố quyết tâm xoá bỏ cơ chế quan liêu bao cấp, dứt khoát thực hiện cơ chế mới. Đại hội VI của Đảng đã ra Nghị quyết coi đổi mới là quốc sách, là điều có ý nghĩa sống còn, đã mở ra một bước ngoặt mới cho cách mạng Việt Nam. Trong quyết định ấy có sự đóng góp to lớn của đồng chí Nguyễn Văn Linh.

Đồng chí Nguyễn Văn Linh được Đại hội VI giao trọng trách Tổng Bí thư của Đảng - người cầm lái công cuộc đổi mới trong bối cảnh hết sức khó khăn: đất nước đang trong tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội, lạm phát phi mã; đời sống cán bộ, nhân dân cực kỳ khó khăn. Trên thế giới, công cuộc cải tổ ở Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu lâm vào bế tắc do những sai lầm trong quan điểm đường lối; chế độ xã hội chủ nghĩa ở những nước này đứng trước nguy cơ bị thủ tiêu. Trong hoàn cảnh ấy, sự quyết đoán dũng cảm, khôn khéo của người cầm lái là cực kỳ quan trọng. Ban Chấp hành Trung ương Đảng, đứng đầu là Tổng Bí thư

Nguyễn Văn Linh, một mặt khẳng định kiên trì định hướng xã hội chủ nghĩa, đề ra những nguyên tắc chỉ đạo công cuộc đổi mới; mặt khác đã chủ động phát huy trí tuệ của toàn Đảng, toàn dân, tìm tòi những cơ chế, chính sách, biện pháp tích cực giải quyết những đòi hỏi cấp bách của đời sống xã hội, nhằm giữ vững sự ổn định chính trị, trật tự xã hội. Đảng ta nhiều lần khẳng định chủ trương đổi mới toàn diện, với những hình thức, bước đi và biện pháp thích hợp, trước hết là đổi mới kinh tế, đồng thời từng bước đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của hệ thống chính trị; không chấp nhận đa nguyên, đa đảng; phát huy dân chủ, đồng thời giữ vững kỷ luật kỷ cương.

Cống hiến lớn lao của đồng chí Nguyễn Văn Linh đã được Đảng và nhân dân ta long trọng ghi công: "Suốt nhiệm kỳ Đại hội VI, với cương vị là Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương, đồng chí Nguyễn Văn Linh đã cùng tập thể lãnh đạo nhạy bén, chủ động, sáng tạo, khôn khéo chèo lái con thuyền cách mạng vượt qua những bước hiểm nghèo của thời kỳ xảy ra những biến động to lớn trên thế giới, đẩy mạnh công cuộc đổi mới và thu được những thành tựu rất quan trọng, thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh, cải thiện đời sống nhân dân, mở rộng quan hệ đối ngoại và nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế"³.

*

* *

Nhìn lại những chặng đường vẻ vang của Đảng ta trong hơn 70 năm qua, Đảng bộ và nhân dân Hà Nội rất đỗi tự hào về thành phố thân yêu, về Thủ đô - trái tim của cả nước. Hà Nội là nơi đã diễn ra nhiều sự kiện lịch sử trọng đại, được chứng kiến nhiều hoạt động của các vị lãnh đạo Đảng và Nhà nước, trong đó có cố Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh. Trong dịp lễ tang Chủ tịch Hồ Chí Minh (9-1969), sự có mặt của đồng chí Nguyễn Văn Linh - Trưởng đoàn đại biểu Đảng nhân dân cách

mạng miền Nam tham dự lễ tang Bác đã gây xúc động đối với cán bộ, đảng viên và nhân dân Hà Nội, làm tăng thêm sự gắn bó, gần gũi, thân thương giữa đồng bào hai miền Nam - Bắc, ngay trong những ngày này và trong suốt những năm tháng khói lửa của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Công tác tại Hà Nội, với cương vị Ủy viên Bộ Chính trị - Thường trực Ban Bí thư (từ tháng 6-1986). Tổng Bí thư từ tháng 12-1986 đến tháng 6-1991 và cả trong những năm sau đó, đồng chí Nguyễn Văn Linh đã dành cho Đảng bộ và nhân dân Thủ đô những tình cảm gần gũi, thân thiết, sự quan tâm. Ngày 17-10-1986, cùng với các đồng chí: Tổng Bí thư, Chủ tịch Hội đồng Nhà nước Trường Chinh; Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Phạm Văn Đồng; Bí thư Trung ương Đảng Lê Quang Đạo; Chủ tịch danh dự Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Hoàng Quốc Việt; đồng chí Nguyễn Văn Linh đã tới dự và tham gia Đoàn Chủ tịch Đại hội đại biểu Đảng bộ Thành phố Hà Nội lần thứ X. Sự hiện diện của các đồng chí lãnh đạo cao nhất của Đảng và Nhà nước đã mang tới Đại hội niềm phấn khởi rất to lớn. Trong nhiệm kỳ Thành ủy khoá X, đồng chí Nguyễn Văn Linh cũng đã có một số buổi gặp gỡ làm việc với các đồng chí trong Thường vụ Thành ủy; cho nhiều ý kiến chỉ đạo về xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội của Thủ đô. Tại buổi làm việc ngày 31-10-1988, bàn về kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khoá VI) về *Một số vấn đề cấp bách trong xây dựng Đảng*, đồng chí Nguyễn Văn Linh đã căn dặn: "Mấy năm qua, nhìn chung chúng ta còn coi nhẹ và chưa thực hiện tốt việc quy hoạch cán bộ. Đảng ta đào tạo được nhiều cán bộ có kiến thức lý luận (cả khoa học xã hội và khoa học kỹ thuật) nhưng lại thiếu kiến thức thực tiễn, thoát ly thực tế, không gắn bó với cơ sở, do đó chất xám để lãng phí rất lớn và không phát huy được tác dụng vào sản xuất. Ngược lại, nhiều cán bộ gắn bó với phong trào quần chúng, sâu sát thực tiễn lại không được đào tạo bồi dưỡng cả về lý luận chính trị và kiến thức quản lý kinh tế.

Tiêu chuẩn quan trọng nhất của cán bộ, đảng viên hiện nay là tích cực ủng hộ sự nghiệp đổi mới, có kiến thức, phẩm chất và năng lực thực hiện sự đổi mới hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Điều đó đòi hỏi quy hoạch cán bộ càng tiến hành sớm, càng có điều kiện chủ động và như vậy mới có được đội ngũ cán bộ để thay thế"⁴.

Quan tâm tới việc giải quyết những khó khăn trong đời sống của cán bộ và nhân dân Hà Nội, ngày 21-10-1987, Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh đã gửi thư cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố, trực tiếp gợi ý những việc rất cụ thể. Đồng chí viết:

1. “Năm nay ngoài Bắc có thể được mùa khoai lang, khoai tây và ngô. Anh nên lựa cán bộ nghiên cứu chế biến để đưa các thứ đó vào bữa ăn thay bột gạo”.

2. Tôi có hỏi đồng chí mới được bầu làm Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy Kiên Giang hiện ra học ngoài này. Anh này nói hiện Kiên Giang có 4-5 triệu lít nước mắm ngon. Nếu Hà Nội đưa tàu vào mua, anh em bán rẻ.

Nếu các anh thấy thế là tốt, khi nào đi cho tôi biết, tôi viết cho Tỉnh ủy giới thiệu. Tàu vào nên chở hàng vào bán đổi nước mắm.

Ngoài nước mắm, có thể mua cá khô vừa rẻ vừa ngon.. ”⁵.

Sự quan tâm cụ thể của đồng chí Tổng Bí thư có ý nghĩa rất lớn trong việc động viên tinh thần cán bộ, đảng viên và nhân dân Thủ đô.

Nhiều xí nghiệp, nhà máy, hợp tác xã, nhiều phường, xã ở nội ngoại thành đã được đồng chí Nguyễn Văn Linh đến thăm động viên. Ngay trong mùa xuân đầu tiên của công cuộc đổi mới, tháng 1-1987, đồng chí Tổng Bí thư đã đi thăm, chúc Tết nhân dân Thủ đô; tới tham dự lễ phát động *Tết trồng cây đời đời nhớ ơn Bác* tại xã Đa Tốn, huyện Gia Lâm. Tháng 6-1987, đồng chí đến thăm Hợp tác xã Minh Phương, quận Hoàn Kiếm - một cơ sở chuyên sản xuất máy bơm, thuốc trừ sâu phục vụ sản

xuất nông nghiệp. Đồng chí rất băn khoăn khi thấy trong kho còn hàng trăm máy bơm nhưng cơ sở sản xuất không được bán trực tiếp, trong khi nông dân nhiều nơi đang không có máy dùng. Đồng chí đã chỉ thị cho đồng chí Bí thư Thành ủy và các đồng chí lãnh đạo thành phố cần suy nghĩ để chấm dứt tình trạng này. Ngày 10-9-1987, đồng chí về thăm làng gốm Bát Tràng (Gia Lâm). Đồng chí rất phấn khởi khi được biết tại làng nghề đã có những nghệ nhân làm được nhiều đồ gốm mỹ nghệ xuất khẩu. Đồng chí yêu cầu lãnh đạo thành phố cần có những hình thức, biện pháp khuyến khích, hỗ trợ để sản xuất phát triển.

Còn biết bao kỷ niệm, sự kiện về tình cảm, sự quan tâm sâu sắc của Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh đối với Đảng bộ và nhân dân Hà Nội mà bài viết này không thể kể hết được. Nhưng có một sự kiện mà cùng với cả nước, cán bộ, đảng viên Hà Nội còn nhớ mãi là loạt bài viết của đồng chí đăng trong chuyên mục *Những việc cần làm ngay* của Báo *Nhân dân*, dưới bút danh N.V. L. Qua những bài báo đó, đồng chí muốn khẳng định: Toàn Đảng toàn dân phải đưa cuộc đấu tranh chống các biểu hiện tiêu cực ra công khai. Có như vậy mới phát huy hết và tận dụng tốt sức mạnh to lớn của báo chí và dư luận xã hội, theo dụng tinh thần và ý nghĩa của bài học lớn "dân là gốc". Tuy nhiên, lúc đó không phải không có những ý kiến băn khoăn. Trong những dịp gặp gỡ với các cán bộ hưu trí Thủ đô, tại Câu lạc bộ Thăng Long (tháng 5-1988 và tháng 2-1990), có ý kiến của một số đồng chí tâm sự chân tình với Tổng Bí thư: Hãy hết sức cẩn trọng, "không để tay nọ đánh vào tay kia". Đồng chí Nguyễn Văn Linh đã nói rõ: "Chúng ta không nên thận trọng tới mức rụt rè. Có gì sai khi chúng ta nói rõ sự thật dù là sự thật đau lòng để cùng nhau khắc phục, cùng nhau sửa chữa; sửa chữa để tiến lên; phải tiếp tục đẩy mạnh phê bình và tự phê bình; phải kiên quyết chống bọn tham nhũng, ăn cắp, ức hiếp nhân dân và phải xử lý thật nghiêm"⁶.

Ngày 29-4-1991, trong không khí chuẩn bị Đại hội VII của Đảng, Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh đã tới dự Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố Hà Nội lần thứ XI (vòng 1). Đại hội đã báo cáo với Tổng Bí thư và Ban Chấp hành Trung ương, mặc dù còn nhiều khó khăn, nhưng trong 5 năm (1986 - 1991) tình hình kinh tế - xã hội Thủ đô đã có những chuyển biến đáng khích lệ. Trên địa bàn thành phố tốc độ tăng trưởng bình quân của tổng sản phẩm xã hội đạt 2,5%; nộp ngân sách của các đơn vị quốc doanh năm 1990 tăng 7 lần so với năm 1987 (công nghiệp tăng bình quân 4,8%, riêng công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng tăng 5,9%). Sản xuất lương thực có bước tiến quan trọng, trong hai năm 1989 - 1990 lương thực đạt hơn 50 vạn tấn/năm, vượt chỉ tiêu do Đại hội X Đảng bộ thành phố đề ra, đời sống nông dân và bộ mặt nông thôn ngoại thành có nhiều thay đổi tích cực. Tổng thu nhập quốc nội (GDP) bình quân đầu người năm 1990 đạt 824.000 đồng⁷.

Phát biểu tại Đại hội, sau khi biểu dương những thành tích mà Đảng bộ và nhân dân Hà Nội đã đạt được, Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh căn dặn: "Bao giờ cũng vậy, đổi mới là một cuộc cách mạng, cho nên bên cạnh mặt tốt, phát triển thì xuất hiện ra những mặt không tốt. Lập tức công tác lãnh đạo phải rất bén nhạy, nắm ngay lấy và uốn nắn ngay, kể cả những mặt tốt thì cũng mới tốt một phần thôi, phải phát huy để hoàn chỉnh nó thêm. Những mặt tốt, những mô hình tốt trong nhiều lĩnh vực công tác xuất hiện nơi này, nơi kia chưa phổ biến thì ta phải đi ngay vào để sơ kết tổng kết và dùng những phương tiện báo chí, sách vở, tài liệu, đài phát thanh, truyền hình để phổ biến, làm cho cái tốt xuất hiện còn loáng thoáng, nơi này, nơi kia thành phổ biến, nhân rộng ra"⁸. Thực hiện lời chỉ dẫn của đồng chí Nguyễn Văn Linh, Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố khoá XI đã tiếp tục lãnh đạo nhân dân Thủ đô thành nhiều thắng lợi trong công cuộc đổi mới những năm tiếp theo.

Nhân dịp ra Hà Nội công tác trong các ngày từ ngày 6 đến ngày 8-3-1995, với cương vị Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng, đồng chí đã dành thời gian làm việc với các đồng chí lãnh đạo thành phố, đi thăm một số cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp ở Thủ đô. Đồng chí rất phấn khởi trước bước chuyển biến và những đóng góp to lớn của Đảng bộ và nhân dân Hà Nội trong công cuộc đổi mới.

Tháng 8-1997, trong dịp vào công tác tại Thành phố Hồ Chí Minh, đoàn nhà báo của Thủ đô Hà Nội đã tới thăm đồng chí Nguyễn Văn Linh tại nhà riêng. Các đồng chí trong đoàn đã chuyển lời thăm hỏi của lãnh đạo Thành ủy và chính quyền Hà Nội tới Cố vấn Nguyễn Văn Linh. Tuy sức khoẻ lúc này có yếu đi nhiều, song đồng chí vẫn rất minh mẫn. Đồng chí hỏi thăm tình hình Thủ đô Hà Nội và dành cho đoàn nhà báo Hà Nội tình cảm quý mến và sự chăm sóc ân cần⁹.

Đồng chí Nguyễn Văn Linh đã trở về với thế giới người hiền, nhưng hình ảnh đồng chí - một chiến sĩ cộng sản kiên cường, một nhà lãnh đạo có uy tín lớn của Đảng và nhân dân Việt Nam, luôn luôn là hình ảnh thân thương, gần gũi, là nguồn cổ vũ to lớn đối với Đảng bộ và nhân dân Hà Nội trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Thủ đô và Tổ quốc. Để tỏ lòng trân trọng kính yêu và biết ơn đồng chí, Hội đồng nhân dân Thành phố Hà Nội đã quyết định chọn một trong những con đường lớn và đẹp nhất của Thủ đô Hà Nội để đặt tên *Nguyễn Văn Linh*.

Điều mà đồng chí Nguyễn Văn Linh hằng mong muốn và cũng là ý nguyện của Đảng bộ và nhân dân Hà Nội là: xây dựng Thủ đô ngày càng có tầm vóc xứng đáng là trái tim của Tổ quốc, xứng đáng với lòng tin và niềm tự hào của đồng bào và đồng chí cả nước.

⁹

* Bài đăng trong sách *Nguyễn Văn Linh – Nhà lãnh đạo kiên định và sáng tạo*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2003.

1. Điều văn của Ban Chấp hành Trung ương Đảng do Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu đọc tại Lễ tang đồng chí Nguyễn Văn Linh, ngày 29-4-1998.

2. Nguyễn Văn Linh: *Hành trình cùng lịch sử*, Nxb. Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, 1999, tr.160.

3. Điều văn của Ban Chấp hành Trung ương Đảng do Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu đọc tại Lễ tang đồng chí Nguyễn Văn Linh, ngày 29-4-1998.

4. Báo *Nhân dân*, ngày 1-11-1988 và Báo *Hà Nội mới*, ngày 29-4-1998.

5. *Lịch sử Đảng bộ thành phố Hà Nội*, Nxb. Hà Nội, 2002, t.3 (1975-2000), tr.143-144.

6. Báo *Nhân dân*, ngày 26-5-1988 và ngày 6-2-1990.

7. *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố lần thứ XI*. Tài liệu lưu hành nội bộ, tr. 26-77.

8. Báo *Nhân dân*, ngày 30-4-1991.

9. Báo *Hà Nội mới*, ngày 30-4-1998.

BẢN LĨNH CỦA NGƯỜI LÃNH ĐẠO*

Bản lĩnh và rèn luyện để có được bản lĩnh là vấn đề rất quan trọng đối với mỗi người. Nó quyết định khả năng làm việc, phong cách sống và uy tín của người đó.

Cán bộ lãnh đạo là người chịu trách nhiệm trước một tổ chức, một đơn vị cho nên lại càng cần có bản lĩnh. Người có bản lĩnh thì làm việc dễ thành công, lãnh đạo và giáo dục người khác có sức thuyết phục, được mọi người quý nể, trân trọng. Trái lại, nếu thiếu hoặc không có bản lĩnh cần thiết thì họ khó có thể hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công tác, khó có thể lãnh đạo, giáo dục người khác được. Nói cách khác, người có bản lĩnh dễ khẳng định được mình một cách mạnh mẽ và sâu sắc.

Trong đời sống thường ngày, ta thường nhận xét, bình phẩm người này có bản lĩnh, người kia không có bản lĩnh hoặc kém bản lĩnh. Vậy thế nào là người có bản lĩnh? Cái gì quy định bản lĩnh của người lãnh đạo?

Xét trên đại thể, đã là người lãnh đạo thì ai cũng phải đạt được những tiêu chuẩn cơ bản về phẩm chất đạo đức và năng lực công tác, tức là có tinh thần và khả năng hoàn thành nhiệm vụ được giao. Người lãnh đạo có bản lĩnh trước hết phải là người có phẩm chất và năng lực. Đồng thời trên những tiêu chuẩn chung về phẩm chất và năng lực, họ có một số nét đặc sắc, một số điểm sáng nổi bật, khác hoạc rõ nét hơn bản sắc, tính cách của họ, làm cho họ trở thành người "*có góc, có cạnh*".

Nét đặc sắc đầu tiên tạo nên bản lĩnh của người lãnh đạo là *ý chí và nghị lực đối với công việc*. Ý chí và nghị lực đó biểu hiện ở quyết tâm trong bất cứ tình hình nào cũng thực hiện bằng được ý định, mục tiêu đã vạch ra. Là giám đốc một xí nghiệp, thủ trưởng một đơn vị, hay phụ trách một lĩnh vực công tác, một địa phương, người có bản lĩnh luôn luôn nắm vững mục tiêu hành động, hiểu rõ chức trách, nhiệm vụ được giao, tìm mọi cách thực hiện cho kỳ được mục tiêu và kế hoạch công tác. Trên con đường đi tới mục đích, có thể có vô vàn gian khổ, khó khăn, thậm chí có khi tạm thời thất bại, nhưng gian khổ khó khăn không làm họ nhụt chí, thất bại tạm thời không làm họ nản lòng. Trái lại họ quyết đạt bằng mọi khó khăn và không cam chịu khoanh tay ngồi nhìn thất bại. Thua keo này, họ rút kinh nghiệm rồi làm lại keo khác. Và dù có phải làm đi làm lại nhiều lần để hoàn

thành nhiệm vụ họ cũng sẵn sàng làm; dù có phải chống lại cả một lề thói cũ bảo thủ, thâm căn cố đế họ cũng không quản ngại. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dạy, người lãnh đạo có bản lĩnh là người "khi thất bại không hoang mang, khi thắng lợi không kiêu ngạo, khi thi hành các nghị quyết, kiên quyết, gan góc, không sợ khó khăn"¹.

Ý chí và nghị lực của người lãnh đạo còn biểu hiện ở chỗ biết hy sinh cái nhỏ vì cái lớn, cái trước mắt vì cái lâu dài, cái cá nhân vì tập thể, cái bộ phận vì toàn cục. Họ không tham cái nhỏ bỏ cái lớn, không vì việc riêng mà làm hỏng việc chung. Với tầm hiểu biết rộng, họ luôn luôn nhận rõ đâu là nhiệm vụ cơ bản, lâu dài, từ đó biết tập trung mọi cố gắng cho phương hướng chính. Bản lĩnh của người lãnh đạo không cho phép sa vào những nhiệm vụ thứ yếu, những lợi ích trước mắt, vụn vặt, càng không chỉ quanh quẩn tính toán những lợi ích riêng tư.

Bên cạnh ý chí và nghị lực lớn, người lãnh đạo có bản lĩnh là người có *dũng khí đấu tranh, dám quyết đoán, dám làm và dám chịu trách nhiệm*. Là người phụ trách, họ không né tránh những vấn đề gai góc, những công việc phức tạp, không sợ khuyết điểm sai lầm, không sợ mất quyền, mất chức. Với đặc tính trung thực, thẳng thắn, họ ghét cay ghét đắng cái thói a dua, sàm nịnh, tâng bốc trước mặt người này, công kích, nói xấu sau lưng người khác, rất "lèm nhèm", "tiểu nhân". Họ không xu nịnh và cũng không thích người khác nịnh. Trước những vấn đề gai góc họ thường điều tra, nghiên cứu nghiêm túc, kết luận dứt khoát, rõ ràng, trên cơ sở đó có cách giải quyết tích cực. Trước những tình huống phức tạp bất ngờ, họ nhanh chóng tỏ rõ quan điểm, thái độ của mình, tìm ra giải pháp đúng đắn và quyết định một cách dứt khoát, táo bạo, không dựa dẫm, do dự. Một khi đã biết rõ chân lý thì đấu tranh đến cùng để bảo vệ chân lý. Một khi đã thấy ý kiến của mình là đúng, là phù hợp với đường lối, chính sách của Đảng thì chỉ đạo thực hiện bằng được. Bản lĩnh của người lãnh đạo không tương dung với thói khúm núm, ngập

ngừng, gió chiều nào che chiều ấy, sợ khuyết điểm, sợ liên lụy trách nhiệm, sợ không được đề bạt, cất nhắc. Trong khuôn khổ kỷ luật của tổ chức, đôi khi họ có vẻ như "bướng bỉnh", "ngang tàng" trong việc đấu tranh bảo vệ chân lý, bảo vệ đường lối đúng đắn của Đảng, họ có gan nói những ý kiến độc lập của mình, dám đấu tranh thẳng thắn, chân tình với mọi thái độ và việc làm sai, dù đó là của người chỉ huy họ. Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng chỉ có đào tạo được những cán bộ "có gan phụ trách, có gan làm việc", "cả gan nói, cả gan đề ra ý kiến" Đảng mới thành công. Trái lại, "nếu đào tạo một mớ cán bộ nhát gan, dễ bảo, "đập đi, họ đứng", không dám phụ trách, như thế là một việc thất bại cho Đảng"². Người khẳng định: "Ai sợ phụ trách và không có sáng kiến thì không phải là người lãnh đạo"³.

Bản lĩnh của người lãnh đạo không chỉ thể hiện ở ý chí, ở tinh thần mà còn thể hiện ở *đầu óc tổ chức, ở năng lực chỉ đạo thực hiện*. Người có bản lĩnh không chỉ dám nói, dám làm, mà còn biết nói, biết làm, sắc sảo, tháo vát trong lĩnh vực tổ chức. Am hiểu thực tiễn con người, thành thạo công việc, người lãnh đạo có bản lĩnh biết phát huy năng lực chủ quan, có khả năng điều hành tốt công việc. Trong quá trình tổ chức thực hiện, họ nắm vững công tác chính, biết việc nào làm trước, việc nào làm sau, dùng khâu nào hỗ trợ khâu nào, việc này giao cho ai, bao giờ hoàn thành, tiêu chuẩn kỹ thuật, chất lượng ra sao... rất cụ thể, tỉ mỉ, không đại khái, tùy tiện. Đặc biệt, người lãnh đạo có bản lĩnh là người biết trọng dụng nhân tài, biết sử dụng tổ chức và con người một cách tốt nhất. Họ chẳng những có khả năng lôi cuốn, tập hợp những người cộng tác tích cực chung quanh mình, mà còn biết dùng người này, đơn vị này để kích thích, động viên sự cố gắng của người khác, đơn vị khác; dùng mặt mạnh của người này, đơn vị này để bổ sung cho mặt yếu của người khác, đơn vị khác. Họ sắp xếp công việc, bố trí cán bộ sao cho phát huy được sở trường của từng cá nhân; dám phóng tay giao việc thích hợp cho cán bộ cấp dưới, thả cho

họ làm, rồi theo dõi, kiểm tra, uốn nắn không bao biện, làm thay. Họ luôn luôn dân chủ với quần chúng và cấp dưới, lắng nghe ý kiến của những người xung quanh, nhất là của những người cộng sự với mình.

Trong xử thế, người có bản lĩnh thường bình tĩnh, sáng suốt biết mình, biết người và luôn luôn làm chủ được mình. Họ chỉ phát biểu ý kiến hoặc vạch chủ trương công tác sau khi đã nắm đủ và nắm đúng tình hình; không phán chung chung và càng không phán liều, phán ẩu. Họ sống thanh cao, đĩnh đạc, có khí phách, không bị vật chất, tiền bạc, cám dỗ. Điềm đạm, độ lượng với người khác, nhưng lại rất nghiêm khắc với bản thân, biết đấu tranh kiềm chế những ham muốn tầm thường của bản thân. Khi cần thiết, người có bản lĩnh biết lấy "lạnh" chế "nóng", dùng "nhu" hoà "cương". Họ biết cười khi trong lòng đang nhức nhối, biết lạnh lùng khi nhiệt huyết đang sục sôi. Họ thận trọng nhưng táo bạo, mềm dẻo, linh hoạt, nhưng không xa rời nguyên tắc; gương mẫu, miệng nói tay làm, do đó họ có uy tín và sức thuyết phục lớn.

Phải chăng đó là những nét chủ yếu nhất nói lên bản lĩnh của người lãnh đạo. Trong thực tế không phải ai cũng có được bản lĩnh toàn diện và đầy đủ như thế. Bản lĩnh ở người này có thể ở mức độ này. Ở người khác mức độ khác; nhưng chí ít cũng phải đạt được một vài điểm trong những nét đặc trưng trên. Và điều cơ bản những nét đặc trưng đó phải được quy tụ và bảo đảm vững chắc ở *sự trung thực, lòng trung thành*, suốt đời hy sinh, phấn đấu cho lý tưởng của Đảng, cho hạnh phúc của nhân dân.

Bản lĩnh của người lãnh đạo không phải là cái cao siêu không thể đạt được, nhưng cũng không phải tự nhiên mà có. Nó là kết quả của sự rèn luyện một cách công phu, nghiêm túc của mỗi cá nhân kết hợp với sự giáo dục, bồi dưỡng của tổ chức, của tập thể, trong suốt quá trình hoạt động thực tiễn. Do đó nó trở thành một cái gì rất ổn định, rất nhuần nhuyễn, gần như bản tính tự nhiên của một người. Bản lĩnh

tuyệt nhiên không phải là sự lên gân giả tạo, cố làm ra vẻ ta đây có bản lĩnh, cố tạo cho những nét ngang ngang, độc đáo khác người. Nếu có ai đó nghĩ rằng bản lĩnh nghĩa là phải nói trái với ý của cấp trên (mặc dù ý kiến của cấp trên đúng đắn), hoặc làm ngược với quyết định của tổ chức (mặc dù quyết định của tổ chức là chính xác) thì người đó đã nhầm to rồi. Bản lĩnh hoàn toàn không phải là cái vẻ ngang ngang, gàn gàn như thế đâu. Vâng, hoàn toàn không phải.

* Bài đăng trên Tạp chí *Xây dựng Đảng* số 2-1986.

1. *Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng*, Nxb Sự thật Hà Nội, 1980, tr. 43.

2, 3. *Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng*, *Sđd*, tr. 50, 43.

TINH THẦN TRÁCH NHIỆM*

Trách nhiệm là phần việc mà mỗi người phải làm, là nghĩa vụ mà mỗi người phải gánh vác. Tinh thần trách nhiệm là ý thức của mỗi người đem hết nghị lực, tài năng, tìm mọi biện pháp để hoàn thành nhiệm vụ.

Phàm đã làm cán bộ, đảng viên thì ai cũng có trách nhiệm và ai cũng phải lo làm tròn trách nhiệm của mình. Trách nhiệm chung nhất, cao quý nhất của mọi cán bộ, đảng viên là suốt đời hy sinh phấn đấu cho lý tưởng của Đảng, cho hạnh phúc của nhân dân, suốt đời làm người con trung thành của Đảng, người đầy tớ tận tụy của nhân dân. Nói một cách cụ thể hơn thì mọi cán bộ, đảng viên đều có trách nhiệm

chấp hành nghiêm chỉnh đường lối, chính sách, chỉ thị, nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước và hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dạy: "Đảng không bắt buộc ai vào Đảng cả. Vào thì có nhiệm vụ, có trách nhiệm của đảng viên, nếu sợ không phục vụ được nhân dân, phục vụ được cách mạng thì đừng vào hay khoan hãy vào"¹.

Đó là điều hết sức đơn giản, hiển nhiên, và ai nấy đều biết cả.

Cho đến nay, bên cạnh số đông cán bộ, đảng viên nêu cao tinh thần phụ trách trước Đảng, trước nhân dân, không sợ khó khăn gian khổ, tận tụy hy sinh, gương mẫu, tích cực, hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao, được Đảng tin yêu, được dân mến phục, trong Đảng ta vẫn còn không ít cán bộ, đảng viên thiếu tinh thần trách nhiệm, thậm chí vô trách nhiệm. Đảng ta nhiều lần chỉ ra rằng, hiện tượng thiếu tinh thần trách nhiệm trong đội ngũ cán bộ, đảng viên ta là "tương đối phổ biến".

Nhìn chung, người thiếu tinh thần trách nhiệm là người không có ý thức đầy đủ đối với công tác của mình, luôn luôn bàng quan với công việc làm việc hời hợt cầm chừng, dễ làm khó bỏ, đến đâu hay đó, qua tháng qua ngày, lúc nào cũng lững lờ như bèo dạt mây trôi. Trong suy nghĩ thì không chịu đào sâu, khi nói năng thì vô tổ chức, nói mà không cần biết đến hậu quả những lời nói của mình. Còn trong việc làm thì thiếu chủ động, sáng tạo, đại khái, qua loa, trung bình chủ nghĩa.

Một số người do thiếu tinh thần trách nhiệm mà sinh ra sợ phải chịu trách nhiệm, luôn luôn tìm cách trốn tránh trách nhiệm, hoặc đổ trách nhiệm cho người khác. Họ không dám nghĩ, dám nói, dám làm; không dám quyết đoán trong chủ trương, không dám quyết liệt trong hành động. Việc gì họ cũng chỉ "âm ừ", ỷ lại tập thể, dựa dẫm cấp trên. Lúc nào họ cũng cứ "thận trọng", rụt rè vì lo hỏng việc. Nói cách khác là họ không có dũng khí, không có bản lĩnh của người cán bộ.

Một số người chưa có đầy đủ tinh thần phụ trách nhân dân, thậm chí có những ý nghĩ và việc làm vô trách nhiệm đối với nhân dân. Họ không lắng nghe ý kiến của dân, không chăm lo đời sống của dân, gây phiền hà, khó khăn cho dân. Có người vô trách nhiệm đến mức "chai lỳ", "vô cảm" trước những yêu cầu bức xúc, nguyện vọng chính đáng, thậm chí trước những đau khổ, uất ức của người dân. Dân góp ý xây dựng, họ bỏ ngoài tai, hay có nghe nhưng không sửa chữa. Họ lúc nào cũng kênh kiệu, quan liêu. Họ quên rằng Đảng ta có trách nhiệm to lớn đối với mọi tầng lớp nhân dân. Bác Hồ đã nhiều lần căn dặn: "Đảng vừa lo tính công việc lớn... đồng thời lại luôn luôn quan tâm đến những việc nhỏ như tương cà mắm muối cần thiết cho đời sống hằng ngày của nhân dân"². Ngày nào mà còn một người dân nghèo khổ hay đời sống khó khăn thì "Đảng vẫn đau thương, cho đó là vì mình chưa làm tròn nhiệm vụ". "Mỗi người đảng viên, mỗi người cán bộ từ trên xuống dưới đều phải hiểu rằng: *mình vào Đảng để làm đầy tớ cho nhân dân... Làm đầy tớ nhân dân chứ không phải làm "quan nhân dân"*³.

Cũng có một số người, mặc dù trình độ hiểu biết và năng lực công tác còn rất non kém nhưng vẫn bằng lòng với những kiến thức và kinh nghiệm ít ỏi của mình, không chịu khó học tập, rèn luyện để có thể phục vụ tốt hơn nữa. Đó cũng là một biểu hiện thiếu tinh thần trách nhiệm.

Điều nghiêm trọng rất đáng phê phán là những hiện tượng thiếu tinh thần trách nhiệm *trong việc chấp hành đường lối chính sách, chỉ thị, nghị quyết của Đảng*. Ai cũng biết rằng đường lối, chính sách của Đảng là biểu hiện tập trung trí tuệ và ý chí của toàn Đảng, phản ánh nguyện vọng và lợi ích của nhân dân. Sau khi đã có đường lối, chính sách đúng thì vấn đề chấp hành và tổ chức thực hiện đóng vai trò quyết định, quyết định ngay cả sự thành bại của đường lối, chính sách. Mà cái quyết định sự thành bại của việc tổ chức thực hiện đường lối, chính sách lại chính là sự nỗ lực phấn đấu phấn đấu với tinh thần trách nhiệm rất cao và ý thức tổ chức,

kỷ luật đầy đủ của đội ngũ cán bộ, đảng viên. Đường lối chính sách của Đảng dù có hay, có đúng bao nhiêu, nhưng nếu không có những cán bộ, đảng viên thì có đầy đủ tinh thần trách nhiệm trong việc chấp hành và tổ chức thực hiện thì đường lối, chính sách đâu sao vẫn chỉ là trên giấy tờ, không biến thành hiện thực được. Đảng ta luôn luôn coi việc vượt mọi khó khăn, gian khổ, phấn đấu hết sức mình, làm tốt việc chấp hành và tổ chức thực hiện đường lối, chính sách là tiêu chuẩn hàng đầu để đánh giá lòng trung thành, tinh thần cách mạng của cán bộ, đảng viên. Hiện nay, trong Đảng ta vẫn còn một số cán bộ, đảng viên chưa hiểu rõ điều đó, chưa làm tốt việc đó. Một số đồng chí chưa chịu khó học tập, nghiên cứu để nắm vững các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, có thái độ tự do tùy tiện. Các chỉ thị, nghị quyết của Đảng cái nào phù hợp với ý mình thì tích cực thực hiện, cái nào không phù hợp với ý mình thì làm chiếu lệ hoặc tự ý bỏ qua. Họ viện ra đủ thứ "lý do", đưa ra đủ thứ "đặc điểm", "đặc thù" của cơ sở của đơn vị mình để từ chối những nhiệm vụ khó khăn hay lẩn tránh những công việc mà họ không thích. Một số đồng chí trong công tác, thiếu tinh thần tích cực, sáng tạo, thiếu đức tính tận tụy hy sinh, thiếu đôn đốc, thiếu kiểm tra, thờ ơ, tắc trách. Chính vì thế mà ở một số nơi có tình trạng giấy tờ, nghị quyết thì nhiều nhưng nhiều mặt công tác sản xuất, tổ chức đời sống vẫn bê trễ.

Thiếu tinh thần trách nhiệm là một hiện tượng thuộc về ý thức tư tưởng, đạo đức, phẩm chất của cán bộ, đảng viên. Người thiếu tinh thần trách nhiệm có thể là do *nhận thức chưa đúng hoặc chưa đầy đủ về trách nhiệm của mình*, chưa thấy rõ quyền hạn và trách nhiệm cụ thể được giao. Họ hiểu về trách nhiệm còn đại khái, chung chung, không thấy với cương vị và quyền hạn được giao, họ phải có trách nhiệm gì, trách nhiệm của họ đến đâu, họ phải làm những việc gì, phải có quan hệ với những ai, phải tuân theo những quy định nào, phải học tập để hiểu biết những gì, phải làm thế nào để hoàn thành được trách nhiệm đó? v.v.. Nhưng cũng có

người thiếu tinh thần trách nhiệm là do kém *ý chí phấn đấu vươn lên giảm sút nhiệt tình cách mạng, ngại khó, ngại khổ, không toàn tâm toàn ý vì sự nghiệp cách mạng, vì lợi ích của nhân dân*. Đối với công việc họ không có đủ tinh thần tận tụy hy sinh, ngày đêm suy nghĩ, đem hết tài trợ và sức lực ra thực hiện để đạt được kết quả lớn nhất.

Ngoài ra, *về mặt tổ chức*, chúng ta cũng chưa xây dựng được một chế độ trách nhiệm cá nhân rõ ràng, và nhất là, chưa tổ chức việc thực hiện chế độ trách nhiệm đó một cách nghiêm túc và triệt để. Nhiều khi đề ra chủ trương công tác, nhưng không có sự phân định trách nhiệm cá nhân dứt khoát, rành mạch, không thực hiện chế độ giám sát, kiểm tra đến nơi đến chốn. Người làm tốt, người làm xấu, nhiều khi không được đánh giá rõ ràng; không có thái độ xử lý nghiêm khắc những người vô trách nhiệm. Do đó đã tạo điều kiện cho những hiện tượng thiếu tinh thần trách nhiệm nảy sinh và phát triển. Nghiêm khắc mà nói, chúng ta đã không thực hiện tốt nguyên tắc tập thể lãnh đạo đi liền với cá nhân phụ trách. Trong suốt cuộc đời hoạt động của mình, mặc dù rất tôn trọng chế độ làm việc tập thể, coi làm việc tập thể là một nguyên tắc của đảng vô sản, Lenin vẫn hết sức đề cao chế độ trách nhiệm cá nhân. Người yêu cầu "phải không ngừng phấn đấu làm sao cho trên thực tế bảo đảm được trách nhiệm *cá nhân của mỗi người* đối với một công tác nhất định đã được chỉ định một cách chính xác và nghiêm ngặt"⁴. Thậm chí Người đặt vấn đề một cách gay gắt rằng: "Những sự thảo luận tập thể cần phải giảm xuống đến mức tối thiểu cần thiết và không bao giờ được cản trở việc giải quyết vấn đề một cách nhanh chóng và quả quyết, không được làm lu mờ trách nhiệm của mỗi cán bộ"⁵. Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng căn dặn: "Mọi việc đều bàn bạc một cách dân chủ và tập thể. Khi đã giải quyết rồi, thì phân phối công tác phải rạch ròi, giao cho một hoặc mấy đồng chí phụ trách làm đến nơi đến chốn... Phải gương mẫu, phải có tinh thần trách nhiệm cao độ"⁶. Nếu không như thế thì không thể tạo được điều

kiện cho mọi cán bộ, đảng viên làm tròn trách nhiệm của mình, không có cái bảo đảm cho sự thực hiện thắng lợi cho mọi chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng.

* Bài đăng trên Tạp chí *Cộng sản*, Số 2-1977.

1. Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng, *Sđd*, tr. 166-167.

2, 3. Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng, *Sđd*. tr. 103-104, 167.

4,5. V.I. Lênin: *Toàn tập*, t.30, tr.165.

6. Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng, *Sđd*, tr. 123.

NÓI VÀ LÀM*

Tục ngữ ta có câu: "*Ăn rộng cuốn, nói rộng leo, làm mèo mửa*" để ám chỉ và phê phán những người ăn giỏi, nói hay, nhưng làm thì... rất dở. Giờ đây trong chúng ta có những người không gương mẫu trong hành động thực tế, lời nói không đi đôi với việc làm.

Ta đã biết, lời nói là phương tiện thông tin, là công cụ giao tế trực tiếp rất cần thiết trong đời sống hằng ngày của con người. Không có lời nói thì không có xã hội loài người. Chính trình độ phát triển của lời nói phản ánh trình độ văn minh của xã hội.

Lời nói hay, lời nói đúng soi sáng và hướng dẫn hành động của con người, góp phần nâng cao tư tưởng tình cảm, trí tuệ, đạo đức, vạch phương hướng cho con người vươn tới. Đối với người cách mạng, lời nói còn là vũ khí chiến đấu rất sắc bén, là một lực lượng vật chất rất lợi hại. Một lời nói khôn ngoan có khi đánh lui được cả hàng chục nghìn quân giặc. Một lời kêu gọi thống thiết có thể làm bùng lên khí thế ngút trời của quần chúng nhân dân.

Nhưng dù sao, lời nói chỉ có tác dụng mạnh mẽ một khi nó được quán triệt trong hành động thực tế, bằng những việc làm cụ thể; lý luận chỉ trở thành lực lượng vật chất khi nó được thâm nhập vào quần chúng. Chính vì thế mà cuộc sống nghiêm khắc đòi hỏi, bên cạnh lời nói, người ta còn phải làm việc nữa. Chỉ có làm việc, làm việc thật sự, hết sức cần mẫn, siêng năng và không ngừng sáng tạo người ta mới có thể sản xuất ra được lúa gạo, ngô, khoai, vải vóc, của cải vật chất để nuôi sống con người.

Có làm thì mới có ăn

Không dung ai để mang phần đến cho.

Chỉ có làm việc, con người mới tồn tại và thúc đẩy xã hội ngày càng tiến tới. Và cũng chính thông qua làm việc, thông qua lao động mà lời nói dần dần được bổ sung và giàu có thêm lên.

Sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta là một sự nghiệp rất vĩ đại, mới mẻ và có nhiều khó khăn. Nó đòi hỏi Đảng ta chẳng những phải đề ra được đường lối, chủ trương đúng mà còn phải có khả năng tổ chức thực tiễn rất giỏi. Chỉ có tổ chức thực tiễn giỏi mới có thể biến những chủ trương, đường lối thành hiện thực được. Tổ chức và tổ chức thật giỏi, đó là cái bảo đảm thực hiện thắng lợi chủ trương, đường lối của Đảng ta. Như Mác đã khẳng định: "Mỗi một bước của cuộc vận động thực sự còn quan trọng hơn một tá cương lĩnh"¹. Muốn tổ chức thực tiễn giỏi

thì mọi cán bộ, đảng viên chẳng những phải là người lãnh đạo quần chúng, có khả năng tuyên truyền, vận động quần chúng bằng lời nói rất giỏi mà còn phải là người lính xung kích, người chiến sĩ rất gương mẫu, tiên phong trong hành động thực tế. Nếu chỉ nói mà không làm, lời nói không đi đôi với việc làm, thì không thể nào động viên, tổ chức được quần chúng thực hiện thắng lợi mọi chủ trương, đường lối của Đảng. Lời nói ấy sẽ là lời nói "rồng leo", lời nói suông, trống rỗng.

Và chẳng, ngay trong công tác tuyên truyền, người cán bộ, đảng viên muốn tuyên truyền tốt thì chính mình phải làm gương mẫu trước quần chúng. Tuyên truyền, giáo dục không phải chỉ bằng những lý thuyết chung chung, những khẩu hiệu trừu tượng, những lời nói khô khan, không có linh hồn, mà cái chính là phải bằng hành động thực tế, bằng khả năng hoàn thành xuất sắc những nhiệm vụ thực tế, bằng sự gương mẫu đến mực thước của chính bản thân những người cán bộ, đảng viên. Chỉ có bằng những việc làm thực tế, những hành động gương mẫu của chính mình, người ta mới có thể làm cho lời nói của mình có nội dung sắc bén, có sức thuyết phục mạnh.

Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu của chúng ta là một tấm gương vô cùng trong sáng về đạo đức, tác phong cũng như toàn bộ phẩm chất của một chiến sĩ cách mạng. Người luôn luôn có tác phong, lời nói đi đôi với việc làm. Tất cả những câu nói của Người, ngoài sức thuyết phục của tính khoa học, tính cách mạng, tính lý luận, còn có sức thuyết phục vô cùng mạnh mẽ của chính bản thân những việc làm gương mẫu của Người. Chính vì thế mà Người nói lời nào cũng là chân lý, dạy điều gì cũng được hàng triệu người tuân theo, hàng triệu người kính nể. Lời nói của Người có một linh hồn, một sức sống hết sức mãnh liệt. Còn gì xúc động và đáng vâng lời hơn khi một vị Chủ tịch nước kêu gọi quốc dân đồng bào hãy ra sức tiết kiệm để cứu giúp những người tạm thời bị đói thì chính mình đã gương mẫu trước tiên, cứ 10 ngày nhịn ăn một bữa để lấy gạo cứu dân? Còn gì cao cả và đáng

khâm phục hơn đối với một vị lãnh tụ vĩ đại, đã cống hiến trọn vẹn cả cuộc đời mình cho dân, cho Đảng, đã chịu bao nhiêu cực khổ, gian lao, đến khi làm Chủ tịch nước, sống giữa Thủ đô, Người vẫn giữ một cuộc sống hoàn toàn thanh đạm, khiêm tốn, giản dị, chan hoà gần gũi với nhân dân. Người thường nói: "Người ta ai cũng muốn ăn ngon, mặc đẹp, nhưng muốn phải cho đúng thời, đúng hoàn cảnh. Trong lúc nhân dân ta còn thiếu thốn mà một người nào đó muốn riêng hưởng ăn ngon, mặc đẹp như vậy là không có đạo đức"².

Được sự giáo dục của Đảng và của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đại đa số cán bộ, đảng viên ta đã luôn luôn cố gắng rèn luyện, giữ đúng phẩm chất cao quý của người đảng viên, có được tác phong miệng nói, tay làm, gương mẫu trong công tác thực tế. Chính nhờ thế mà Đảng ta có đủ khả năng và sức mạnh lãnh đạo và tổ chức nhân dân ta vượt qua muôn vàn khó khăn, gian khổ, giành hết thắng lợi này đến thắng lợi khác. Tuy vậy, không phải không có những đồng chí do còn có tư tưởng ngại khó, ngại khổ, thích an nhàn, mà chưa có được tác phong lời nói đi đôi với việc làm, hoặc có khi nói một đường làm một nẻo, không giữ được vai trò tiên phong gương mẫu của người đảng viên.

Chẳng hạn, có người khi thảo luận công tác trong hội nghị tỏ ra rất quyết tâm, nhưng khi bắt tay vào thực hiện thì lại không như vậy. Có người khi nói đến đường lối, chính sách của Đảng thì nói đúng, nói hay, nhưng trong việc chấp hành thì lại tự do, tùy tiện, làm được đến đâu hay đến đó, có khi viện lý do này lý do nọ để thoái thác, hoặc tự ý bỏ qua. Có người nói rất hay về giữ gìn và bảo vệ của công, chống tham ô lãng phí, nhưng trong việc làm thì lại lãng phí tiền bạc, của cải của Nhà nước, thậm chí có khi còn tham ô, bớt xén của công. Có người trong nhận thức thì đã thấy được vai trò to lớn của nhân dân, với mọi người phải kính trọng nhân dân, tôn trọng quyền làm chủ của nhân dân, nhưng trong hành động thì lại có những thái độ quan liêu, cửa quyền, hống hách với dân. Cũng có người trên lời nói

thì tỏ ra rất đề cao tính tổ chức, tính kỷ luật, nhưng trong thực tế thì lại không nghiêm khắc với bản thân, không tôn trọng tập thể, không tôn trọng kỷ luật của Đảng, pháp luật của Nhà nước, và có khi còn đặt mình trên tổ chức, ngoài kỷ luật. Hoặc có người khi nói về phê bình, tự phê bình là vũ khí sắc bén của Đảng, là quy luật tồn tại và phát triển của Đảng... nhưng bản thân lại chỉ thích những lời khen, không thích người khác phê bình mình, không thích người khác nói tới những sai lầm, khuyết điểm của mình, hoặc cũng có khi nhận khuyết điểm, sai lầm nhưng không chịu sửa chữa, v.v và v.v..

Đảng ta là đảng lãnh đạo cách mạng, là đội tiên phong chiến đấu của giai cấp công nhân và nhân dân lao động. Tiên phong, gương mẫu là một vấn đề thuộc bản chất của Đảng, là lý do tồn tại của Đảng. Mọi đảng viên vào Đảng là để hy sinh chiến đấu cho lý tưởng của Đảng, mang lại ấm no hạnh phúc cho nhân dân. Vì vậy, nói và làm theo đúng đường lối, chính sách của Đảng, gương mẫu trong hành động thực tế, hoàn thành xuất sắc những công tác thực tế, đó là yêu cầu nghiêm ngặt đối với người đảng viên, là tư cách, đạo đức của người đảng viên, là thước đo lòng trung thành của người đảng viên đối với Đảng, với sự nghiệp cách mạng. Không thể quan niệm một cán bộ, đảng viên tốt lại chỉ nói mà không làm, hoặc nói một đường làm một nẻo. Loại đảng viên này có cũng như không. Đó là loại đảng viên "hữu danh vô thực". Lênin nói: "Những đảng viên hữu danh vô thực thì cho không chúng ta cũng không cần... Chúng ta cần có những đảng viên mới không phải để quảng cáo mà là để làm việc thật sự"³. Người đã phê phán rất nghiêm khắc những cán bộ, đảng viên nói nhiều mà làm ít, không gương mẫu trong việc làm thực tế, lời nói không đi đôi với việc làm. Người gọi những đảng viên không có khả năng công tác thực tế, không thành thạo nghiệp vụ của mình là "những người thợ thủ công đáng thương hại", là những đảng viên "có hại". Và Người sẵn sàng đòi hàng tá những đảng viên như thế để lấy một chuyên gia tư sản thành thạo và nghiêm túc

với công việc. Theo Lênin, một chuyên gia thành thạo công việc, dù là chuyên gia tư sản đi nữa, còn "10 lần quý hơn người đảng viên cộng sản huênh hoang", không chịu bắt tay vào những công việc thực tế. Người luôn luôn nhắc nhở: "Hãy bớt những lời hoa mỹ đi, và hãy làm thêm công việc giản dị, thường ngày đi, hãy quan tâm thêm chút nữa đến pút lúa mì và pút than!"⁴.

Chúng ta đang bắt tay vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội trên phạm vi cả nước. Đó là một cuộc cách mạng rất sâu sắc và rất vĩ đại nhằm biến nước ta từ một nước nông nghiệp lạc hậu thành một nước xã hội chủ nghĩa hùng cường, có công - nông nghiệp hiện đại, quốc phòng vững mạnh, văn hoá và khoa học tiên tiến. Một chân trời mới chứa chan bao hy vọng đang mở ra trước mắt chúng ta. Nhưng muốn có được cơ đồ vẻ vang đó, không có cách nào khác, là mọi người phải dũng cảm lao vào công tác thực tiễn, làm việc thật sự, làm việc với một nghị lực phi thường, một nhiệt tình cháy bỏng, một quyết tâm lấp biển dời non, tiến công quyết liệt vào lạc hậu và nghèo nàn, bất chấp mọi khó khăn và gian khổ. Đảng ta đã vạch ra đường lối vững bước tiến lên chủ nghĩa xã hội. Giờ đây, nhiệm vụ chủ yếu là tổ chức thực hiện thắng lợi đường lối đó, nhất là đường lối xây dựng và phát triển kinh tế, một nhiệm vụ hết sức khó khăn và phức tạp, "một cuộc tiến quân một triệu lần gay go hơn cuộc tiến quân gay go nhất". Chỉ có hăng hái và dũng cảm lao vào công tác thực tế với tinh thần "tất cả cho sản xuất, tất cả cho chủ nghĩa xã hội, tất cả vì Tổ quốc giàu mạnh, vì hạnh phúc của nhân dân" thì mới có thể thực hiện được mục đích, lý tưởng của Đảng ta.

Đương nhiên, phấn đấu để làm việc một cách có kết quả, hoàn thành cho được những nhiệm vụ cụ thể của người đảng viên, là một việc làm không đơn giản. Trái lại, nó rất khó khăn, đòi hỏi người đảng viên chẳng những phải luôn luôn cháy sáng một ngọn lửa nhiệt tình cách mạng, trung thành vô hạn với lý tưởng của Đảng, một lòng một dạ vì hạnh phúc của nhân dân, có nghị lực, có quyết tâm, có

lòng say mê, dũng cảm không sợ gian khổ, khó khăn, nhẫn nại kiên trì, luôn luôn sâu sát, cụ thể, và có phương pháp công tác đúng, mà còn phải cố gắng học tập và rèn luyện để trang bị cho mình những kiến thức cần thiết về mọi mặt; đồng thời lại phải biết dựa vào nhân dân, lắng nghe ý kiến nhân dân, học tập kinh nghiệm và phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

* Bài đăng trên Tạp chí *Cộng sản*, số 4-1977.

1. C. Mác: *Phê phán Cương lĩnh Gôta*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1984, tr. 20.
2. Hồ Chủ tịch với các các lượng vũ trang nhân dân, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1962. tr. 195.
3. V. I. Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t. 30, tr. 69-70.
4. V. I. Lênin: *Tuyển tập*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1959, q. II, ph. II, tr. 214.

CHỨC VỤ VÀ UY TÍN*

Thông thường, bất cứ người lãnh đạo nào cũng phải có một uy tín nhất định; chức vụ càng cao thì uy tín càng lớn. Bởi vì không có uy tín thì không thể lãnh đạo, thuyết phục và tập hợp người khác được. Uy tín là điều kiện bảo đảm hiệu quả công tác của người lãnh đạo. Người lãnh đạo không có uy tín thì nói chẳng ai nghe,

làm chẳng nên trò trống gì. Và chẳng, khi tập thể và cấp trên giao cho người nào đó một chức vụ nào đó tức là đã căn cứ vào phẩm chất năng lực và uy tín của anh ta rồi. Không có uy tín, làm sao anh ta có thể được cất nhắc, đề bạt?

Nhưng dĩ nhiên sự đòi không đơn giản như vậy. Không phải hễ cứ có chức vụ là đã có uy tín, càng không phải đã có uy tín đầy đủ. Uy tín theo đúng nghĩa chân chính của nó, là *sự tín nhiệm* mà người đó có được bằng chính phẩm chất và tài năng của mình. Chức vụ không đẻ ra uy tín, không quyết định uy tín. Uy tín không phải bao giờ cũng tỷ lệ thuận với chức vụ. Thực tế đã chẳng có những người ở cương vị khá cao thậm chí rất cao nhưng lại không có uy tín hoặc uy tín quá thấp đó sao? Ở nơi này nơi nọ, đã chẳng có những "thủ trưởng" nói mà quần chúng và cấp dưới không muốn nghe thậm chí còn bị quần chúng chê trách, muốn "tẩy chay" đó sao?

Rõ ràng, giữa chức vụ và uy tín có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, nương tựa vào nhau, nhưng không phải là một. Theo ý nghĩa nào đó, có thể hiểu mối quan hệ giữa chức vụ và uy tín như là mối quan hệ giữa hình thức và nội dung. Chức vụ là hình thức, còn uy tín là nội dung. Chức vụ là điều kiện khách quan để củng cố và nâng cao uy tín, trong khi uy tín là cái quyết định sự tồn tại của chức vụ. Nếu uy tín mất đi thì theo quy luật thông thường, chức vụ trước sau cũng sẽ mất theo.

Trong thực tế cũng có những trường hợp một người nào đó ở tập thể này thì có uy tín, nhưng khi chuyển sang tập thể khác thì lại không có uy tín, hoặc ngược lại. Ngay trong một đơn vị, người lãnh đạo có thể có uy tín cao với một số người này nhưng lại không có uy tín như thế với số người khác. Điều đó chứng tỏ cách xem xét, đánh giá của những người chung quanh, cũng như môi trường công tác và đặc điểm của mỗi tập thể cũng có ảnh hưởng đến việc xây dựng uy tín của một người. Ví dụ như, một người lãnh đạo vốn có phẩm chất tốt có năng lực chuyên môn giỏi, lại phụ trách tập thể tốt, đoàn kết nhất trí thì dễ phát huy tác dụng và do đó dễ có uy tín hơn là phải phụ trách một đơn vị mà nội bộ có nhiều vấn đề phức tạp. Nhưng

dù sao môi trường công tác cũng chỉ là hoàn cảnh khách quan góp phần thử thách và kiểm nghiệm uy tín của một người, chứ không phải là cái quyết định uy tín.

Vậy cái gì quyết định uy tín? Uy tín hình thành và phát triển theo con đường nào?

Thực tế đã cho biết, uy tín là sự phản ánh phẩm chất và năng lực của một người, do đó tất yếu nó phải do phẩm chất và năng lực quyết định. Nó phải là kết quả tổng hợp của nhiều yếu tố thuộc về sự nỗ lực chủ quan của một người trên cả hai mặt phẩm chất và năng lực, trong đó nổi bật nhất, quan trọng nhất là những yếu tố sau đây:

- Sự gương mẫu, gương mẫu đến mực thước về các mặt, đặc biệt là về mặt phẩm chất đạo đức, có lối sống trong sạch, tận tụy hy sinh vì tập thể, vì người khác.
- Có tầm hiểu biết rộng, bao gồm cả nhãn quan chính trị, trình độ nhận thức và vốn sống.
- Có tinh thần trách nhiệm, có năng lực tổ chức, thể hiện ở chỗ hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao.
- Có quan hệ đúng đắn, ứng xử có văn hoá với quần chúng, trước hết là với những người cùng cộng tác hoặc có quan hệ trực tiếp với mình.

Không có những yếu tố đó, người lãnh đạo không thể có uy tín được. Uy tín không phải tự nhiên mà có. Nó phải là kết quả của sự phấn đấu rèn luyện gian khổ, bền bỉ của bản thân mỗi người. Một người lãnh đạo, bằng hành động thực tế của mình, chứng tỏ được rằng mình thật sự có phẩm chất và tài năng thì “hữu xạ tự nhiên hương”, tự nhiên họ sẽ được quần chúng tin yêu kính trọng và tín nhiệm. Trái lại, một người nào đó nếu không gương mẫu, chỉ nói không làm, lời nói không đi đôi với việc làm, không nghiêm chỉnh chấp hành các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, không đảm đương nổi nhiệm vụ được giao, thậm chí còn lợi dụng chức quyền làm điều sai trái, thì dù họ có nắm giữ chức vụ gì, dù họ có tự đề cao

bao nhiêu, có được người này người khác tán tụng như thế nào, họ cũng vẫn không thể có uy tín. Lênin đã dạy: Người lãnh đạo cần phải giành lấy uy tín tuyệt đối trong quần chúng bằng chính nghị lực của mình, bằng ảnh hưởng tư tưởng và hành động thực tế của mình chứ không phải bằng danh hiệu và chức vụ. Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng căn dặn: "Trước mặt quần chúng, không phải ta cứ viết lên trán chữ "cộng sản" mà được họ yêu mến. Quần chúng chỉ quý mến những người có tư cách đạo đức. Muốn hướng dẫn nhân dân, mình phải làm mực thước cho người ta bắt chước"¹.

Như thế, xây dựng cho được một uy tín cần thiết không phải là việc dễ dàng. Phần đầu để giữ vững và không ngừng nâng cao uy tín càng khó khăn hơn. Nó đòi hỏi phải có ý chí, có nghị lực. Người ở cương vị càng cao càng phải hết sức chăm lo giữ gìn uy tín, vì uy tín của họ không phải đơn thuần chỉ là uy tín cá nhân mà còn liên quan đến uy tín chung của tập thể. Chỉ cần họ một phút thiếu cảnh giác với mình, buông thả mình là có thể phạm sai lầm lớn; làm mất uy tín của mình. Không phải ngẫu nhiên mà ông cha ta đã đúc kết: "Mua danh ba vạn, bán danh ba đồng"!

Không nhận thức đầy đủ những điều nói trên, hiện nay trong chúng ta có một số người lầm tưởng rằng dường như họ có chức vụ là đã có uy tín, mọi lời nói và việc làm của họ đều được quần chúng đồng tình. Từ đó, họ chủ quan trong công tác không chịu học tập, rèn luyện, không khiêm tốn, không dân chủ khi bàn bạc công việc, thậm chí cá nhân, độc đoán, thích "lên lớp" dạy bảo người khác, thích người khác phải trọng vọng, quy lụy mình. Họ không biết rằng do kém gương mẫu, kém năng lực, làm nhiều việc sai trái, họ không được quần chúng tín nhiệm nữa, uy tín của họ đã mất rồi.

Cũng có người muốn xây dựng cho mình một uy tín nào đó, nhưng không phải bằng nghị lực và sự gương mẫu của mình, mà lại bằng những thủ thuật riêng, đại loại như: tranh thủ, lôi kéo người này, công kích nói xấu người kia, hạ uy tín người

khác, để đề cao mình; xun xoe nịnh bợ, lấy lòng cấp trên, làm ra vẻ mình là người gần gũi, tin cậy của cấp trên; cố giữ một khoảng cách nào đó với quần chúng và cấp dưới. vuốt ve, đe nạt cấp dưới, cố tỏ ra ta đây là "nhân vật quan trọng"; chỉ nhận làm và muốn làm những việc nào "ngon ăn", để "nổi tiếng"; báo cáo láo, tô vẽ thành tích để được "nổi tiếng", v.v.. Những người như thế thường rất chú ý giữ mình, giữ mình đến tròn như hòn bi, không dám nói thẳng, nói thật. Làm việc gì cũng chỉ sợ sai, bị phê bình, sợ mất uy tín. Họ không biết rằng, với những thủ đoạn ấy, họ càng mất uy tín, chẳng bao giờ xây dựng được uy tín, mà nếu có thì uy tín của họ cũng chỉ là uy tín giả, uy tín bề ngoài, nhất thời, trước sau rồi cũng mất.

Tệ hơn nữa là có người bất chấp cả việc giữ gìn thanh danh, uy tín, lợi dụng chức quyền để ăn cắp của công, ăn hối lộ, thông đồng với bọn gian thương để làm giàu, ức hiếp quần chúng. Trên thực tế, họ đã thoái hoá biến chất, sa sút nghiêm trọng về phẩm chất đạo đức, không còn một chút uy tín nào. Điều đáng chú ý là trong bộ phận ấy có cả một số cán bộ đã từng lăn lộn nhiều năm trong thời kỳ đấu tranh chống địch, đã từng có uy tín khá lớn trong quần chúng.

Nói rộng ra một chút, ngoài phạm vi một cá nhân đôi khi ta còn gặp cả một nhóm người vì lẽ này lẽ nọ, họ tán tụng, đề cao uy tín của nhau. Khi phạm khuyết điểm, sai lầm, họ vào hùa với nhau để tìm cách lấp liếm, bênh cho giữ gìn uy tín. Có khi nhờ "phù phép" mà trước cấp trên và quần chúng, tội của họ biến thành công, làm ăn chẳng ra gì nhưng lại rùm beng là có thành tích lớn; họ được nhận đủ thứ danh hiệu và tước vị giấy khen và tiền thưởng; một vài cá nhân nào đó uy tín lên như diều!

Những hiện tượng không lành mạnh nói trên là hoàn toàn xa lạ với bản chất của những người cách mạng chân chính. Đảng và Nhà nước ta đã nhiều lần phê phán rất gay gắt những hiện tượng đó. Trong nhiều nghị quyết, Đảng đã khẳng định mạnh mẽ cần phải kiên quyết thi hành kỷ luật những cán bộ, đảng viên làm bậy,

phải thay đổi những cán bộ, đảng viên không có đủ những yêu cầu về phẩm chất và năng lực đảm đương trách nhiệm được giao, không còn uy tín trước quần chúng. Nhưng đáng tiếc là cho đến nay, tư tưởng đó của Đảng và cũng là nguyện vọng của đông đảo đảng viên và quần chúng vẫn chưa được quán triệt một cách sâu sắc và triệt để; trong thực tế vẫn còn không ít những người không xứng đáng nắm giữ chức vụ khá quan trọng trong các tổ chức đảng, các cơ quan quản lý kinh tế và các tổ chức xã hội khác.

Vì sao như vậy? Đó chẳng phải vì cái gì khác ngoài sự nể nang và sự bao che, sự thiếu phê bình và tự phê bình. Chính sự nể nang, sự bao che, sự thiếu phê bình và tự phê bình đang là một trở ngại lớn trên con đường củng cố và kiện toàn đội ngũ cán bộ của chúng ta.

* Bài đăng trên Tạp chí *Cộng sản*, số 2-1984.

1. *Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng, Sđd*, tr. 53.

THÀNH TÍCH*

Thành tích thì ai chẳng quý. Bởi vì thành tích biểu hiện kết quả của lao động dũng cảm, chiến đấu quên mình, học tập chăm chỉ, công tác cần mẫn của một người hay một tập thể. Phấn đấu để có nhiều thành tích cũng tức là phấn đấu để làm ra nhiều

của cải vật chất và văn hoá cho xã hội, làm giàu cho đất nước và nâng cao đời sống của nhân dân. Phấn đấu để có thành tích không phải đơn giản, dễ dàng, mà phải bỏ ra nhiều tâm sức, trí tuệ, vượt nhiều gian khổ, khó khăn. Phấn đấu để ngày càng có thêm thành tích ngày càng cống hiến nhiều cho cách mạng là yêu cầu của Đảng đối với mỗi chúng ta, là thước đo đạo đức tài năng của mỗi cán bộ, đảng viên. Cả nước ta đang bước vào thời kỳ đổi mới đất nước, đang ra sức phấn đấu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Mỗi người cần phát huy hơn nữa tinh thần cách mạng tiến công, khắc phục thái độ làm việc hời hợt, cảm chùng, dững cảm vượt qua một gian khổ, khó khăn, lập nhiều thành tích xuất sắc. Nếu tất cả mọi người, mọi đơn vị đều cố gắng thi đua lập thành tích thì sự nghiệp cách mạng, dù khó khăn, gian khổ đến mấy, cũng sẽ thắng lợi vẻ vang. Chính vì thế mà chúng ta hết sức quý mến, trân trọng, cảm phục và noi theo những người đã lập nên thành tích. Đảng ta, Nhà nước ta luôn luôn khuyến khích động viên mọi người gắng sức để có nhiều thành tích. Những cá nhân và tập thể lập nhiều thành tích được biểu dương, khen thưởng; những cán bộ có nhiều thành tích được cất nhắc, đề bạt. Đó là điều cần thiết và hợp lý.

Trong thực tiễn có rất nhiều cá nhân và đơn vị nhận thức đúng vấn đề thành tích, có thái độ đúng mỗi khi lập được thành tích và ra sức phấn đấu để ngày càng có thêm nhiều thành tích với động cơ trong sáng, vô tư, đóng góp ngày càng nhiều vào sự nghiệp chung của cách mạng. Tuy nhiên, cũng có những người, những đơn vị không có nhận thức và hành động đúng đắn trong vấn đề này.

Một số người đã có ít nhiều thành tích, công lao, nay quay ra kể công với cách mạng. Họ khoe khoang, tự phụ, tự cho mình là hay, là giỏi, là "công lao nhất mực" để rồi từ đó kèn cựa, so bì, đòi địa vị, đòi hưởng thụ. Không được thì bất mãn, oán trách Đảng, oán trách Nhà nước; thậm chí có khi tự đặt mình lên trên tập thể, ra ngoài kỷ luật, làm trái cả chính sách và nguyên tắc của Đảng và Nhà nước, gây mất

đoàn kết nội bộ. Họ quên rằng có được thành tích trước hết lý do cố gắng chung của tập thể, phần đóng góp của mỗi người dù có lớn đến đâu cũng rất nhỏ bé so với những hy sinh to lớn của toàn dân, toàn Đảng. Trong sự nghiệp cách mạng vĩ đại của nhân dân, của Đảng, hàng triệu đồng bào, đồng chí không tiếc mồ hôi xương máu của mình, dám xả thân cho nghĩa lớn đâu phải vì muốn cách mạng trả công? Không thể vì có chút ít thành tích mà sinh ra công thần, đòi hỏi cái này, cái khác. Một số người, một số đơn vị khi đã có ít nhiều thành tích rồi thì sinh ra kiêu ngạo, tự mãn, lúc nào cũng say sưa với thành tích, muốn nghỉ ngơi, dừng lại, thiếu ý chí phấn đấu vươn lên hơn nữa. Họ không thấy rằng, họ có quyền tự hào với thành tích, nhưng phải luôn luôn khiêm tốn, luôn luôn xác định rằng thành tích của mình đâu sao cũng chỉ là kết quả bước đầu của cả quá trình phấn đấu lâu dài. Những nhiệm vụ vừa qua đã gay go, gian khổ, song trên bước đường tiến lên, những nhiệm vụ sắp tới còn gay go, gian khổ hơn nhiều, đòi hỏi phải tiếp tục phấn đấu, hy sinh hơn nữa. Người đảng viên không bao giờ thỏa mãn với những gì mình đã đạt được. Nếu bằng lòng với thành tích đã qua, quá say sưa với những cái đã đạt được, không tiếp tục vươn lên để hoàn thành tốt hơn nữa mọi nhiệm vụ thì như vậy là trượt cầu xuống dốc, và có thể dẫn đi thoái bộ, lạc hậu.

Đáng trách hơn nữa là có một số người do mang nặng chủ nghĩa cá nhân mà đã *mắc bệnh thành tích*. Họ làm việc gì cũng chỉ vì thành tích, lúc nào cũng nghĩ đến thành tích với những tính toán nhỏ nhen, những xoay xở vụ lợi. Vì thành tích, họ sẵn sàng làm dối, làm ẩu; họ gièm pha, nói xấu người khác, không muốn hợp tác và giúp đỡ người khác, thậm chí có khi gây khó khăn cho người khác, "chơi xấu", kìm hãm không cho người khác có thành tích hơn mình. Họ rất thích những ai đề cao, ca ngợi họ; thích nghe người ta nói đến ưu điểm, thành tích không thích nghe khuyết điểm, rất sợ người khác phê bình. Nếu không che giấu được khuyết điểm, không lẩn tránh được phê bình thì họ "tìm" nguyên nhân khuyết điểm đó ở

phía khách quan, ở người khác, ngành khác. Bằng mọi cách họ cố làm cho họ nổi bật lên, cao hơn người mặc dù có khi bề ngoài làm ra vẻ nhún nhường, khiêm tốn. Cũng có khi họ đạt được một số kết quả nào đó, nhưng đằng sau thành tích đó, không phải là động cơ đúng đắn, không phải vì muốn đóng góp cho sự nghiệp chung mà chủ yếu là vì tiếng tăm, vì lợi ích riêng tư, cục bộ của cá nhân, đơn vị mình.

Ở mức độ nặng hơn, những người mắc bệnh thành tích còn nặn ra cả "thành tích" bằng cách báo cáo gian dối, xuyên tạc sự thật. Trong sản xuất không có năng suất và sản lượng cao, họ tìm cách "dựng lên" những năng suất và sản lượng cao, có khi rất cao; kế hoạch sản xuất không hoàn thành, họ bịa đặt ra là hoàn thành hoặc hoàn thành vượt mức; sản phẩm làm dở dang thì báo cáo là sản phẩm hoàn chỉnh; "mượn kế hoạch năm sau đắp vào kế hoạch năm trước", chỉ một khối lượng sản phẩm qua báo cáo của hai năm trở thành gấp đôi! Họ bày đặt ra đủ thứ, bố trí "khôn khéo" đủ điều để đánh lừa cấp trên và dư luận. Trong xây dựng, họ chạy theo "thành tích" tiến độ, cốt để kịp "khánh thành", "chào mừng", bất chấp chất lượng, các quy trình kỹ thuật, thậm chí còn ăn cắp vật tư, bớt xén nguyên vật liệu. Trong thi đua, họ sẵn sàng khai man thành tích, có ít suýt ra nhiều. Trong giáo dục, họ chấm điểm vông lên, chẳng cần biết chất lượng giảng dạy và học tập, chỉ cốt có thành tích báo cáo đạt tỷ lệ thi đỗ cao, có nhiều học sinh và giáo viên giỏi, v.v và v.v. .

Có thể nói, *bệnh thành tích* đang diễn ra khá phổ biến ở nhiều ngành, nhiều lĩnh vực, dẫn đến làm ăn gian dối, báo cáo không trung thực, và nguy hại là tạo ra một nếp nghĩ, nếp làm rất xấu. Nếu không có phương thuốc hữu hiệu chữa chạy căn bệnh này thì không biết rồi tình hình sẽ đi đến đâu.

* Bài đăng trên Tạp chí Cộng sản, số 11- 1977

CỬA CÔNG, CỬA RIÊNG

Ngay từ thuở xa xưa, những hiện tượng "cha chung không ai khóc", "của mình thì để, của rẻ thì bòn", "kéo áo người đắp bụng mình"... đã bị nhân dân ta phê phán gay gắt. Phê phán là phải thôi, bởi vì những hiện tượng đó biểu hiện tư tưởng ích kỷ, cá nhân, không phù hợp với tinh thần tương thân tương ái của những con người vốn gắn bó chặt chẽ với cộng đồng như những con ong không bao giờ rời bầy, xa tổ. Ngày nay, dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, việc tôn trọng, giữ gìn và bảo vệ của công không chỉ là yêu cầu của lương tâm, của đạo lý, mà còn là luật pháp của Nhà nước. Mọi người trong xã hội đều có trách nhiệm và nghĩa vụ quý trọng, bảo vệ của công, sử dụng của công vào việc công với tinh thần hết sức tiết kiệm, đấu tranh chống mọi hành động tham ô, lãng phí, làm thiệt hại đến của công. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dạy: nhân dân lao động là những người chủ tập thể tất cả những của cải vật chất và văn hoá. Đã là người chủ thì phải chăm lo việc nước như chăm lo việc nhà. Người công nhân phải yêu quý máy móc như yêu quý con mình. Người nông dân phải yêu quý trâu bò của hợp tác xã như bạn thân của mình. Người bộ đội phải giữ gìn súng đạn, quân trang quân dụng, kể cả chiến lợi phẩm thu được như máu mủ, xương thịt của mình. Mọi người đều có trách nhiệm giữ gìn của công, không được phung phí hoặc chiếm làm của riêng.

Vả chăng, đất nước ta còn nghèo, lại trải qua nhiều năm chiến tranh ác liệt chống quân thù xâm lược; của cải làm ra chưa được bao nhiêu. Nếu không nêu cao ý thức

giữ gìn, tiết kiệm của công, thử hỏi chúng ta làm sao xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội?

Là những chiến sĩ tiên phong đấu tranh cho sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, hơn ai hết, cán bộ, đảng viên càng phải gương mẫu giữ gìn, bảo vệ của công, thật sự cần kiệm liêm chính, không xâm phạm tài sản của Nhà nước, của nhân dân. Tôn trọng, giữ gìn, bảo vệ của công là trách nhiệm lớn lao, là phẩm chất cao quý của mỗi cán bộ, đảng viên. Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam khoá IV, trong phần nói về nhiệm vụ thứ nhất của đảng viên, đã nêu rõ: đảng viên "tích cực bảo vệ tài sản của Nhà nước, của tập thể, của nhân dân, chống lãng phí, tham ô"¹.

Đối với những người đã từng được rèn luyện, thử thách trong cuộc đấu tranh cách mạng gian khổ trước đây, đã có những cống hiến đối với cách mạng, càng phải thường xuyên trau dồi đạo đức cách mạng, giữ gìn trọn vẹn phẩm chất của mình. Nếu cậy mình có chút ít công lao đối với tập thể, đối với cách mạng, tự cho phép mình xà xẻo, sử dụng trái phép của công, là tự mình bôi nhọ thanh danh, uy tín của mình. Chủ tịch Hồ Chí Minh là một tấm gương trong sáng về đạo đức cách mạng "cần kiệm liêm chính, chí công vô tư". Người sống một cuộc đời vô cùng thanh cao, giản dị và tiết kiệm. Ngay cả khi giữ những cương vị cao nhất của Đảng và Nhà nước ta, Người cũng tuyệt nhiên không có một ham muốn cá nhân nào, không đòi hỏi một chút lợi lộc riêng tư nào. Trái lại, Người nêu cao ý thức quý trọng, tiết kiệm của công, tiết kiệm ngay trong việc ăn, ở, mặc, tiêu dùng hằng ngày; tiết kiệm từng mẩu bút chì, từng mảnh giấy viết, xót tiếc từng hạt gạo, hạt cơm rơi vãi, từng ngọn điện bị dùng phí phạm. Người thường nói: "Mỗi thứ của cải chúng ta làm ra phải tốn bao nhiêu mồ hôi và sức lao động. Chúng ta chỉ có thể xây dựng chủ nghĩa xã hội bằng cách *tăng gia sản xuất và thực hành tiết kiệm*. Sản xuất mà không tiết kiệm thì khác nào gió vào nhà trống. Cho nên phải biết giữ gìn của công... Cán bộ và đảng viên càng phải nêu cao tinh thần phụ trách, nêu gương "*cần*

kiệm liêm chính", không xâm phạm một đồng xu, hạt thóc của Nhà nước, của nhân dân"². Người phê phán nghiêm khắc những cán bộ, đảng viên phạm vào tham ô, lãng phí. Người gọi những hành động tham ô, lãng phí là "tội ác xấu xa", "là hành động trộm cắp mà ai cũng phải thù ghét, phải trừ bỏ"; tham ô, lãng phí "là thứ giặc ở trong lòng", "giặc nội tâm", "là kẻ thù nguy hiểm"³.

Đáng tiếc là đến nay, trong đội ngũ chúng ta vẫn có những cán bộ, đảng viên, kể cả một số cán bộ, đảng viên giữ những cương vị phụ trách trong các cơ quan của Đảng và Nhà nước, chưa nêu cao ý thức tôn trọng, giữ gìn và bảo vệ của công, thậm chí còn có những hành vi tham ô, chiếm dụng của công. Lợi dụng cương vị, quyền hạn của mình, họ tìm mọi "mưu ma chước quỷ" để sử dụng nhập nhằng, bừa bãi của công, xoay xở bòn vét của công, chiếm của công làm của riêng. Họ bày đặt ra lễ nghi này, thủ tục nọ để phô trương hình thức, chè chén, "liên hoan", hoặc có khi "mượn gió bẻ măng" tạo cơ hội để "chấm mút" tiền của của nhân dân, của tập thể. Quen thân nhau, họ "móc ngoặc" trao đổi cho nhau hàng hoá, vật tư của Nhà nước, của tập thể theo kiểu "ông mất chân giò, bà thò chai rượu" để "giúp" nhau thoả mãn những yêu cầu riêng, lợi ích riêng. Họ ngấm ngàm hoặc công khai bớt xén nguyên liệu, của cải của Nhà nước, tuồn hàng hoá từ trong kho của Nhà nước, của tập thể ra ngoài, tiếp tay cho bọn buôn gian, bán lậu, làm ăn phi pháp. Họ đưa nhau, "vặt lông", "làm thịt" những thứ hàng chiến lợi phẩm, chiếm làm của riêng những tài sản mà nhân dân và bộ đội ta phải đổ bao nhiêu mồ hôi, xương máu mới giành được. Có những người lợi dụng sơ hở trong công tác quản lý của Nhà nước, ăn cắp của công, xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa một cách trắng trợn. Thôi thì "sống chết mặc bay", miễn sao lợi dụng của công đắp điếm cho mình càng được nhiều càng tốt.

Đó là chưa kể một số người sống theo phương châm "của người bò tát của ta lạt buộc", thu vén các thứ cho riêng mình, nhưng thờ ơ, vô trách nhiệm trong việc giữ

gìn, bảo vệ tài sản chung, làm hư hỏng, mất mát, hoặc sử dụng một cách vô tội vạ tài sản chung, gây lãng phí rất nghiêm trọng.

Không nói chúng ta cũng biết, đó là những hành động mang nặng chủ nghĩa cá nhân, rất xấu, rất đáng chê trách. Ở những mức độ khác nhau, những hành động đó đều là xâm phạm đến thành quả lao động của nhân dân, là phung phí mồ hôi và cả xương máu của những người đã sản xuất ra và bảo vệ của cải vật chất của xã hội, làm ảnh hưởng xấu đến bước phát triển của đất nước, đến việc cải thiện đời sống của nhân dân. Những hành động đó biểu hiện sự sa sút về mặt phẩm chất cách mạng, nêu gương xấu trước quần chúng, làm cho quần chúng chê trách, oán ghét.

Trong số những người mắc sai lầm, khuyết điểm ấy, có người do nhận thức mơ hồ, do thiếu tình cảm cách mạng trong sáng và sâu sắc đối với nhân dân, với Tổ quốc, nhưng có lẽ chủ yếu là do mắc vào chủ nghĩa cá nhân ích kỷ. Sống trong điều kiện mới, có chút ít quyền hành trong tay, họ sinh ra kiêu ngạo, xa xỉ, tham ô, lãng phí. Họ bị lối sống ích kỷ lôi kéo, trói buộc, thường chỉ nghĩ đến mình, chỉ vì mình, coi lợi ích của mình nặng hơn lợi ích chung. Đảng ta, nhân dân ta rất trân trọng và ghi nhận công lao, thành tích của họ, nhưng đồng thời cũng đòi hỏi họ phải tiếp tục rèn luyện giữ vững phẩm chất cao quý của mình, nêu gương tốt trước quần chúng để bảo vệ uy tín của Đảng, củng cố mối liên hệ tốt đẹp giữa Đảng và quần chúng.

Về phía mình, nhiều cơ quan chủ quản không có kế hoạch và biện pháp quản lý chặt chẽ hàng hoá, vật tư, máy móc, thiết bị, nguyên liệu... của Nhà nước, của tập thể, không vượt khó khăn, chủ động phòng ngừa những hiện tượng tham ô, lãng phí. Không ít cán bộ được giao nhiệm vụ phụ trách quản lý, bảo vệ của công nhưng làm ăn theo lối gắp chằng hay chớ, vô trách nhiệm, vô kỷ luật. Một số cơ quan và cán bộ phụ trách cấp trên quan liêu, không đi sâu, đi sát thực tế, chỉ nặng về nghe báo cáo, không nắm chắc tình hình, thiếu kiểm tra đôn đốc, không kịp thời đề ra những chủ trương và biện pháp thích hợp để buộc mọi người phải làm theo đúng

pháp luật của Nhà nước, ngăn chặn những hành vi trộm cắp, lãng phí, lợi dụng của công. Một số cơ quan thuộc các ngành, các cấp chưa có thái độ xử lý thích đáng và kỷ luật nghiêm minh đối với những cán bộ, đảng viên mắc sai lầm kể trên. Những hiện tượng hữu khuynh, né tránh, thiếu nghiêm túc trong việc thi hành kỷ luật của Đảng và pháp luật của Nhà nước còn khá phổ biến. Tất cả những tình hình đó đã tạo điều kiện cho tư tưởng cá nhân, vụ lợi trỗi dậy ở một số người, tạo kẽ hở cho những sai lầm kể trên nảy nở và lây lan nhanh chóng. Lênin đã nhiều lần yêu cầu phải làm tất công tác kiểm kê, kiểm soát, giữ gìn, bảo vệ tài sản, hàng hoá của Nhà nước, của nhân dân. Lênin coi bọn ăn cắp của cải của Nhà nước là những con "sâu mọt" có hại, những con "chấy rận" hút máu người, cần phải "quét sạch" chúng đi. Đối với bọn chúng, không thể có một sự hữu khuynh, mềm yếu nào cả. "Bất cứ một sự mềm yếu nào, bất cứ một sự do dự nào, bất cứ một sự thương hại nào về mặt này đều là tội ác tày trời đối với chủ nghĩa xã hội"⁴.

Là những người phấn đấu theo đạo đức cách mạng, mỗi chúng ta nghĩ gì và làm gì để góp phần khắc phục những hiện tượng sai sót kể trên?

* Bài đăng trên Tạp chí *Cộng sản*, số 6-1978.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam*. tr. 30.
2. *Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng*, Sđd, tr. 117-118.
3. Hồ Chí Minh: *Đạo đức là cái gốc của người cách mạng*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1970.
4. V.I.Lênin: Toàn tập, Sđd, t.26, tr.463.

MÓC NGOẶC*

"Móc ngoặc" là một từ ghép gồm hai yếu tố "móc" và "ngoặc". Theo từ điển tiếng Việt, "móc" là hành động lấy một vật từ bên trong ra ngoài (móc túi); "ngoặc" là hành động kéo lại hay kéo xuống (ngoặc tay). "Móc" ghép với "ngoặc" thành từ "móc ngoặc" để diễn tả một cách có hình ảnh hành động của một số người thông đồng, móc nối với nhau ăn cắp hoặc sử dụng nhập nhằng tài sản của Nhà nước, của tập thể, lợi dụng lẫn nhau làm sai phép nước để mưu lợi ích cá nhân - dùng từ như vậy quả là đạt, là thâm thúy và hóm hỉnh. Đã *móc* rồi lại còn *ngoặc* nữa, mối quan hệ mới ràng buộc chặt chẽ làm sao!

Cùng với các từ "tham ô", "cửa quyền", "quan liêu", "phe phẩy", "đặc quyền đặc lợi", "thoái hoá biến chất"... từ "móc ngoặc" được nhân dân nhắc tới với thái độ chê trách, khinh bỉ. Các báo cáo, văn kiện của Đảng và Nhà nước nhắc tới với tinh thần nghiêm khắc phê phán, kiên quyết loại trừ. Mà đúng thật, móc ngoặc xấu quá, đáng ghét quá. Ai mà chẳng khó chịu, bất bình với những hành động của một số người lợi dụng quyền hạn, trách nhiệm được giao để làm sai chính sách của Đảng và Nhà nước, mưu lợi ích cá nhân.

Có thể kể ra rất nhiều hiện tượng móc ngoặc.

Một số cán bộ, nhân viên ở các ngành lương thực, thực phẩm, vật tư, thương nghiệp, giao thông, v.v... hoặc ở các đơn vị kinh doanh, sản xuất móc ngoặc với bọn làm ăn phi pháp, tuồn lương thực, thực phẩm, tuồn hàng hoá, vật tư cho bọn

này, giúp bọn này làm rối loạn thị trường, gây nên những khó khăn trong công tác quản lý, trong đời sống xã hội.

Giữa cán bộ, công nhân, viên chức với nhau thì anh cho con tôi vào cấp III, vào đại học hoặc đi học ở nước ngoài (mặc dù con tôi học dốt), tôi "mua hộ" anh ít vật tư làm nhà theo giá cung cấp (mặc dù chẳng có chính sách nào cho phép); anh "linh động" giải quyết cho tôi mua trái phép một số mặt hàng khan hiếm như vải tốt, thuốc quý,... tôi "phân phối" đặc biệt cho anh xăng dầu, lợn, gà... Tôi - anh, anh - tôi, "ăn miếng chả ta giả miếng bùi", nghĩa là "có đi có lại", câu kết với nhau làm sai phép nước.

Móc ngoặc nhiều khi không chỉ là quan hệ giữa hai bên hai người. Nó còn là sự ăn cắp của cả một nhóm người như thủ kho thông đồng với kế toán, bảo vệ, lái xe ăn cắp vật tư, hàng hoá của Nhà nước, của tập thể. Một số cán bộ phụ trách cũng đồng lõa với những phần tử xấu, bỏ qua những hành động làm ăn gian dối, xảo trá của bọn này để bớt xén nguyên liệu của Nhà nước, làm hàng xấu, kinh doanh, sản xuất sai chính sách, gây thiệt hại cho Nhà nước.

Thủ đoạn thường thấy của những người móc ngoặc là bắt đầu "lót tay", biếu xén, "thả con săn sắt" để chuẩn bị "bắt con cá rô". Họ dụng công đánh một cái móc thật sắc, thật ngọt để khi điều kiện chín muồi họ sẽ móc. Có khi họ móc rất nặng tay, bên kia gỡ mấy cũng không nổi. Và trong quan hệ với nhau theo kiểu "ông mất chân giò, bà thò chai rượu" như thế, những người móc ngoặc không mất gì của riêng cá nhân họ ngoài việc mất phẩm chất, mất danh dự. Họ chỉ ngoặc chặt với nhau để móc "chân giò" và "chai rượu" của Nhà nước, của tập thể sao cho có lợi cho riêng họ mà thôi.

Những người móc ngoặc không bao giờ thừa nhận hành vi phi pháp của mình. Họ núp dưới những danh nghĩa rất hay ho, hoa mỹ. Nào là do chỗ thân tình, quen biết, chúng tôi quý nhau thì "cho nhau", "biếu nhau"; nào là chúng tôi "kết nghĩa", "hợp

tác" với nhau thì "giúp đỡ lẫn nhau"; "đây là vì lợi ích chung", "đúng chính sách, đúng chế độ" (!). Thôi thì đủ mọi giọng lưỡi, đủ mọi hình thức, đủ mọi mưu ma, chước quỷ. Chúng từ giả mạo cũng có, lấy khoản nợ đập vào khoản kia cũng có; đi đằng hoàng công trước với nhãn hiệu hợp pháp, công khai cũng có; lén lút, thậm thụt ở cửa sau, lấp la lấp lửng cũng có.

Cũng có người biết móc ngoặc là sai, là vi phạm chế độ, nguyên tắc quản lý của Nhà nước, nhưng vì thấy có người khác làm nhất thời "có lợi", cho nên... "cũng liều nhắm mắt đưa chân"... Thế rồi, trót lọt được một lần, lần sau họ làm tiếp, và cho mình là con người "khôn ngoan" biết cách sống. Có phút giây nào đó giật mình nghĩ lại thì âu cũng chỉ là cơn gió thoảng qua giữa mênh mông trời đất!

Người xưa đã nói "vật khinh tình trọng" và nhân dân ta từ lâu đã đối xử với nhau chí nghĩa, chí tình. Với đạo lý "thương người như thể thương thân", nhân dân ta sẵn sàng giúp đỡ nhau những lúc khó khăn hay khi hoạn nạn. Hôm nay anh giúp tôi việc này, có thể mai một tôi giúp anh việc khác. Giúp nhau thành thật, vô tư; giúp nhau không cần trả ơn, không đòi điều kiện. Đó là chuyện thường tình trong cuộc sống và là đạo đức cao đẹp của nhân dân ta. Hơn ai hết, những người đảng viên, những người cán bộ càng nêu cao tinh thần thương yêu, giúp đỡ lẫn nhau, tăng cường tương trợ, hợp tác với nhau. Đó là phẩm chất sáng ngời của người cách mạng, người cộng sản. Thế mà một số người đã vin vào điều đó để bào chữa cho hành vi móc ngoặc xấu xa của mình, cho rằng việc làm của mình cũng là "nghĩa tình", là "hợp tác". Chao ơi là sự ngộ nhận, sự tự lừa dối sự lạm dụng danh từ! Phải khẳng định dứt khoát một trăm, một nghìn lần rằng việc hợp tác, giúp đỡ lẫn nhau một cách vô tư, cao cả, bằng sức lực và của cải của mỗi người khác hoàn toàn với hành động móc ngoặc để bòn vét của cải của nhân dân, của tập thể. Việc viếng thăm, tặng quà để tỏ lòng kính trọng, thương yêu một cách trong sáng, chân thành

đối với những người mà mình kính trọng, thương yêu, khác hẳn bản chất với hành vi "hòn xôi đấm miệng", dọn đường làm việc xấu.

Đảng ta, nhân dân ta đã nhiều lần lên án và phê phán thói tệ móc ngoặc. Bởi vì, thói tệ này làm mất nhiều của cải của Nhà nước, của tập thể, làm trở ngại cho công tác quản lý kinh tế, quản lý xã hội, gây thêm khó khăn cho sản xuất và đời sống của nhân dân, đồng thời làm hư hỏng cán bộ và ảnh hưởng đến lòng tin của quần chúng đối với Đảng, với Nhà nước. Chúng ta sản xuất, xây dựng tuy còn có những thiếu sót nhất định nhưng đã đạt được những thành tựu to lớn, những tiến bộ đáng kể. Nhưng vì thói tệ móc ngoặc, của cải và hàng hoá làm ra bị rơi vãi một phần vào những "lỗ hổng", "lỗ hổng", trong lúc nhân dân còn có khó khăn, thì những kẻ móc ngoặc lại quá u đầy đủ.

Điều đáng nói là, hiện tượng móc ngoặc hiện nay không phải là cá biệt hay lẻ tẻ. Nó đã xảy ra ở nhiều nơi, nhiều ngành, cả trong một số cán bộ phụ trách. Nhưng một số người lãnh đạo vẫn bàng quan, vô trách nhiệm hoặc bị một số người cấp dưới nịnh hót, mua chuộc, đã buông lỏng, làm ngơ, thậm chí bao che cho những hành vi móc ngoặc. Tình trạng "há miệng mắc quai", "rút dây sợ động rừng" đã trói buộc một số người, làm cho việc chấp hành kỷ luật của Đảng, pháp luật của Nhà nước không nghiêm, không triệt để. Đảng và Nhà nước ta đã có nhiều chỉ thị, nghị quyết về tăng cường quản lý vật tư, quản lý thị trường, chống mọi hành vi móc ngoặc, ăn cắp của công, xâm phạm tài sản của nhân dân, của Nhà nước. Chỉ cần mọi cấp, mọi ngành, mọi cán bộ, đảng viên, trước hết là những người lãnh đạo, thật sự bắt tay vào thực hiện, thực hiện nghiêm chỉnh, kiên quyết, triệt để; thực hiện không hề có chữ "nhưng" nào đi kèm, thì chúng ta sẽ chặn đứng được hiện tượng móc ngoặc, sẽ quét sạch được những con "sâu mọt" muốn đục khoét tài sản của Nhà nước, những "con sâu bỏ rầu nồi canh" làm ảnh hưởng đến danh dự, uy tín của đội ngũ chúng ta.

* Bài đăng trên Tạp chí *Cộng sản*, số 8-1978.

CẢNH GIÁC*

Người Việt Nam ta không mấy ai không biết chuyện An Dương Vương vì nhẹ dạ cả tin mà mất nước. Trước mưu kế thâm hiểm của Triệu Đà, An Dương Vương đã không tinh táo lại gả con gái là My Châu cho Trọng Thủy (con trai của Triệu Đà), cho Trọng Thủy ở rể ngay trong Loa thành. Trọng Thủy lọt được vào Loa thành, hoạt động gián điệp, chia rẽ tướng sĩ và ăn cắp "nỏ thần". Vì vậy, khi Triệu Đà cất quân sang đánh nước ta, An Dương Vương không chống đỡ nổi. Thế là nước mất, nhà tan...!

Trong thời đại ngày nay, có không ít trường hợp cách mạng ở nơi này, nơi khác trên thế giới bị tổn thất nặng nề cũng chỉ vì mất cảnh giác.

Xem thế thì thấy cảnh giác quả là vấn đề hết sức quan trọng, nhiều khi nó đóng vai trò quyết định sự thành bại của một cuộc đấu tranh, của một phong trào cách mạng. Cảnh giác là một thuộc tính quan trọng của bản lĩnh người cách mạng, là một vũ khí sắc bén trong sự nghiệp đấu tranh bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ cách mạng. Trong suốt mấy chục năm qua, chính nhờ luôn luôn tinh táo, cảnh giác, Đảng ta, nhân dân ta đã đập tan mọi âm mưu thâm độc của kẻ thù, đưa cách mạng nước ta liên tiếp

tiến lên giành những thắng lợi ngày càng to lớn. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dạy: Giữ nhà phải cảnh giác, phải có cửa, có khóa để ngăn ngừa bọn trộm cắp. Giữ nước càng phải cảnh giác để ngăn ngừa bọn đế quốc và bè lũ tay sai phá hoại thành quả cách mạng, phá hoại công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội của chúng ta... Để ngăn chặn âm mưu của kẻ địch thì cán bộ, bộ đội và nhân dân ta cần phải luôn luôn nâng cao cảnh giác. Đó là một nghĩa vụ quan trọng mà mọi công dân phải làm tròn.

Hiện nay, đất nước ta đang trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, vừa xây dựng vừa bảo vệ Tổ quốc. Các thế lực thù địch vẫn chưa từ bỏ âm mưu chống phá cách mạng nước ta. Chúng vẫn đang hần học tức tối trước sự lớn mạnh của đất nước ta, ra sức tìm cách can thiệp, ngăn cản bước tiến lên của nước ta. Những phần tử chống đối ở trong nước đang ráo riết hoạt động, lén lút chờ thời cơ ngóc đầu dậy. Tất cả bọn chúng, mỗi loại có mục đích riêng, thủ đoạn riêng, nhưng đều đang móc nối, cấu kết với nhau, phối hợp với nhau để phá hoại cách mạng nước ta. Chúng âm mưu phá ta từ bên trong ra và từ bên ngoài vào; trên cả lĩnh vực kinh tế và chính trị, quân sự và ngoại giao, văn hóa và tư tưởng; về cả chủ trương, đường lối và tổ chức, cán bộ. Chúng xuyên tạc đường lối, chính sách của Đảng ta, Nhà nước ta, phao tin đồn nhảm trong nhân dân, gây hoang mang dao động, làm giảm lòng tin của nhân dân đối với Đảng, đối với chế độ. Chúng dụ dỗ, mua chuộc nhằm hủ hóa cán bộ ta, kích động hòng chia rẽ nội bộ ta, tìm cách thu thập bí mật của Đảng và Nhà nước. Chúng âm mưu gây bạo loạn phản cách mạng, tổ chức biểu tình chống đối, phá hoại các công trình xây dựng kinh tế và quân sự ở nơi này, nơi khác... Và trên thực tế, ở một số nơi, chúng đã gây không ít khó khăn cho ta.

Trong khi đó, cuộc đấu tranh nhằm giải quyết vấn đề "ai thắng ai" giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản cũng diễn ra rất gay gắt và phức tạp. Những phần tử phản động ngoan cố đang lợi dụng những khó khăn tạm thời của đất nước, tìm cách phản kích lại cách mạng.

Trong tình hình như thế liệu chúng ta có thể lơ lửng cảnh giác được không?

Đáng tiếc là trong thời gian qua, ở nhiều nơi vẫn có những người chủ quan, mất cảnh giác, thậm chí đã mất cảnh giác nghiêm trọng.

Có người không còn nhớ gì đến kỷ luật giữ gìn bí mật quốc gia, nói năng vô tổ chức. Với những tin tức giạt gân, những câu chuyện rĩ tai hấp dẫn làm quà để tỏ ra mình là người "biết nhiều", là nhân vật "quan trọng", họ đã làm lộ bí mật của Đảng và Nhà nước. Có người không tỉnh táo trước những luận điệu tuyên truyền xuyên tạc của địch, nói theo giọng lưỡi của địch, vô tình biến mình thành cái loa tuyên truyền cho địch. Có người không giữ đúng nguyên tắc quản lý hồ sơ, tài liệu, giao cả những tài liệu cơ mật cho người không đủ tin cậy về chính trị cất giữ ở một số cơ quan có hiện tượng quản lý cán bộ, đảng viên rất lỏng lẻo; cán bộ, đảng viên đi đâu, làm gì không hề hay biết; khôi phục đảng tịch, giao công tác quan trọng cho cả người đã đầu hàng phản bội; kết nạp người vào Đảng không theo đúng nguyên tắc, thủ tục, kết nạp nhằm cả phần tử xấu vào Đảng. Một số nơi tuyển dụng cả cán bộ, nhân viên dưới chế độ cũ vào làm việc trong các cơ quan nhà nước theo lối cảm tình, nể nang, gia đình chủ nghĩa. Một số địa phương coi nhẹ công tác xây dựng và củng cố lực lượng vũ trang, lơ là nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu, v.v.. Rõ ràng đó là những biểu hiện của sự giảm sút ý chí cách mạng, mất cảnh giác, không nhận rõ tính chất phức tạp của cuộc đấu tranh trong giai đoạn mới, không phân rõ đâu là địch đâu là ta, mơ hồ về chính trị.

Đáng trách nữa là có một số người, kể cả một số cán bộ phụ trách, sống trong điều kiện mới, đã choáng ngợp trước sự phồn vinh giả tạo của xã hội thực dân mới, muốn hưởng lạc, muốn nghỉ ngơi, sớm xa rời lập trường cách mạng. Thậm chí có người tự biến mình thành tù binh của lối sống hưởng lạc, xa xỉ, thành kẻ tiếp tay tệ hại cho bọn phản động. Họ vin có, "đặc điểm", "đặc thù", mượn lý do "hòa hợp", "hòa giải", móc ngoặc với bọn gian thương, bao che để cho những phần tử xấu

chui vào một số cơ quan. Trên thực tế những người này đã ngã gục trước "viên đạn bọc đường" hoặc xây xẩm mặt mày trước "luồng gió thơm" mang hơi độc. Họ làm những việc mất cảnh giác như vậy, nhưng miệng họ vẫn nói đấu tranh giai cấp, vẫn tự hào là người có tinh thần cách mạng.

Là người chiến thắng, đã từng dày dạn kinh nghiệm đấu tranh, hiểu rõ quy luật phát triển của xã hội, chúng ta không bao giờ bỡ ngỡ và hốt hoảng trước những âm mưu của kẻ thù. Với lực lượng nhân dân yêu nước thiết tha, với lực lượng vũ trang dũng cảm, nhất định chúng ta sẽ đập nát mọi mưu toan của kẻ thù. Nhưng muốn thế phải luôn luôn tỉnh táo và cảnh giác, nhận rõ tính chất gay gắt và phức tạp của cuộc đấu tranh trong giai đoạn hiện nay, nhìn rõ âm mưu của kẻ thù. Kẻ địch đang mai phục đón chờ sự sơ hở của chúng ta. Chúng ta không cường điệu, không quá đa nghi, không đánh giá quá cao kẻ địch, nhưng thực tế dạy chúng ta rằng, trong đấu tranh, tuyệt nhiên không một phút nào được lơ là cảnh giác.

Lịch sử đã chứng tỏ, quy luật vận động, phát triển của nước ta là dựng nước luôn luôn đi đôi với giữ nước, xây dựng chủ nghĩa xã hội luôn luôn gắn liền với bảo vệ chủ nghĩa xã hội. Lịch sử đang giao cho ta trách nhiệm rất nặng nề, "Có cứng mới đứng được gió", nhân dân ta đã chiến đấu ròng rã suốt mấy chục năm và đã từng quật ngã những tên đế quốc sừng sỏ, đã xây dựng những cơ sở vật chất bước đầu cho cuộc sống xã hội chủ nghĩa. Nhưng chúng ta không chủ quan khinh địch, quyết mài sắc hơn nữa tinh thần cảnh giác, đập tan mọi mưu đồ đen tối của kẻ thù, giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, bảo vệ chế độ, bảo vệ Tổ quốc.

*. Bài đăng trên Tạp chí *Cộng sản*, số 9-1978.

"LIÊN QUAN"*

"Liên quan" có nghĩa là "có mối quan hệ nào đó, có dính dáng đến ai, đến cái gì đó", nhưng ở đây nói đến "liên quan", ta hiểu ngay đó là vấn đề quan hệ với những người trước đây thuộc giai cấp bóc lột, hoặc là tề nguỵ, tham gia tổ chức phản động, hoạt động chống phá cách mạng. Đây là một vấn đề thuộc về chính sách mà các ngành, các cấp thường phải vận dụng trong nhiều mặt công tác như tuyển quân, tuyển sinh, tuyển người vào cơ quan nhà nước, sử dụng và đề bạt cán bộ, kết nạp người vào Đảng, vào Đoàn. v.v. .

Trong lịch sử đã từng có những quan niệm và cách giải quyết vấn đề "liên quan" một cách khác nhau.

Dưới chế độ phong kiến, người ta quan niệm rằng "một người làm quan cả họ được nhờ", "đời cha ăn mặn đời con khát nước", cho nên người ta trừng phạt những người phạm trọng tội bằng hình thức "tru di tam tộc" (tuyệt diệt cả ba dòng họ). Có khi đứa trẻ còn nằm trong bụng mẹ cũng bị giết chết để tránh "hậu họa"?

Trong xã hội miền Nam thời trước, bọn Mỹ - nguỵ đã từng trả thù rất dã man và hèn hạ những gia đình có người tham gia cách mạng, tham gia kháng chiến. Chúng o ép, cô lập, kiểm soát gắt gao những gia đình có chồng con, anh em tập kết ra Bắc, hoặc tham gia cách mạng; chúng treo biển "Việt cộng" trước nhà không cho tiếp xúc, giao dịch với bất cứ một ai, làm cho mọi người sợ những gia đình đó như sợ ma tà, trẻ con không dám đến gần, người thân không dám thăm viếng.

Khác hẳn với những cách đối xử trên, Đảng và Nhà nước ta, với chính nghĩa quang minh, với tinh thần nhân đạo và khoa học, đã có chính sách đối xử với những người thuộc diện "liên quan" một cách hợp lý, hợp tình. Đảng và Nhà nước đã tạo mọi điều kiện giúp đỡ những người này vượt ra khỏi sự ràng buộc của thành phần giai cấp xuất thân hoặc nguồn gốc gia đình, vươn lên cống hiến sức mình vào sự nghiệp chung của Tổ quốc. Ở miền Nam sau ngày giải phóng, cái điều mà nhiều người nước ngoài lo lắng và kẻ thù của chúng ta đoán già đoán non và rêu rao là "cộng sản sẽ trả thù đẫm máu", "Sài Gòn sẽ tắm máu" những người của chế độ cũ - điều đó đã không xảy ra. Trái lại, miền Nam tươi rói những nụ cười của những con người được vui đoàn tụ, được "làm lại cuộc đời", "phục hồi nhân phẩm". Con em của họ được học hành trong các trường phổ thông, đại học, trung học chuyên nghiệp, hoặc tham gia các đội thanh niên xung phong, các công trường, nông trường..., sinh hoạt vui tươi, lành mạnh trong các tổ chức quần chúng.

Đó là biểu hiện tinh thần nhân đạo bắt nguồn từ truyền thống nhân nghĩa quý báu của ông cha ta, và cũng là cách giải quyết đúng đắn theo quan điểm cách mạng và khoa học của Đảng ta, nhìn sự vật, hiện tượng không bao giờ máy móc, cứng đờ, đánh giá con người không thoát ly quan điểm cụ thể, lịch sử và phát triển.

Tuy nhiên, phải thừa nhận rằng, thời gian qua, ở một số nơi có tình trạng xem xét và giải quyết vấn đề "liên quan" chưa theo đúng quan điểm và chính sách của Đảng. Bên cạnh những hiện tượng mất cảnh giác nghiêm trọng (giao tài liệu cơ mật cho người không đủ tin cậy về chính trị cất giữ; kết nạp người vào Đảng mà không thẩm tra kỹ lưỡng; tuyển dụng người vào cơ quan nhà nước quá bừa bãi,...) lại có những hiện tượng nhìn nhận và giải quyết vấn đề "liên quan" một cách thành kiến, hẹp hòi. Một số đồng chí không nắm vững chính sách của Đảng về vấn đề "liên quan", kết luận về phẩm chất chính trị của một người không căn cứ vào quá trình phấn đấu, rèn luyện của bản thân người đó là chính, mà chỉ căn cứ vào nguồn

gốc gia đình, hoàn cảnh xuất thân hoặc việc làm cũ của bố mẹ họ. Thậm chí nhiều khi tìm mối "liên quan" với cả những người họ mạc rất xa để rồi từ đó kết luận là không đủ tiêu chuẩn chính trị. Một số đồng chí nhìn ai cũng thấy vướng chuyện "liên quan". Có những gia đình vừa mới hôm qua, hôm kia, trong cuộc đấu tranh chống Mỹ - ngụy còn là cơ sở của cách mạng, nuôi nấng, che chở cho cán bộ, nhưng đến hôm nay lại bị liệt vào loại "liên quan", không đáng tin cậy! Có những nơi rất thiếu cán bộ mà trong mấy năm nay không đào tạo, bồi dưỡng được mấy người, không mạnh dạn sử dụng và tạo điều kiện phát huy tài năng của những cán bộ khoa học, kỹ thuật, những trí thức cũ. Có những cơ sở rất ít đảng viên nhưng không đẩy mạnh công tác phát triển Đảng. Có xã tỷ lệ đoàn viên so với tổng số thanh niên chỉ là 2,5% mà công tác xây dựng tổ chức Đoàn tiến hành rất chậm chạp với đủ thứ thủ tục phiền phức...¹. Những đồng chí có trách nhiệm ở các nơi đó thường lập luận rằng ở miền Nam, do tình hình chính trị và xã hội rất phức tạp, số người có liên quan với chế độ cũ quá đông, thời gian thử thách từ sau ngày giải phóng đến nay còn ngắn, cho nên phải hết sức cảnh giác và thận trọng.

Đúng là chúng ta phải hết sức cảnh giác và thận trọng. Nhất là trong tình hình hiện nay, kẻ thù đang có nhiều mưu mô xảo quyệt, một số phần tử phản động chưa chịu hồi cải, còn có ý thức chờ thời cơ ngóc đầu dậy chống phá cách mạng. Chúng ta tuyệt đối không một phút nào được lơ là, mất cảnh giác. Nhưng không phải vì thế mà nhìn nhận và giải quyết các trường hợp "liên quan" một cách máy móc, hẹp hòi, thiếu tích cực và chủ động. Chúng ta biết rằng, trên đất nước ta, nhất là ở miền Nam, do hậu quả của chính sách "dùng người Việt đánh người Việt" của bọn đế quốc, không mấy gia đình không có anh em, bà con đi lính ngụy hoặc làm việc cho ngụy quyền. Không ít gia đình vừa có người tham gia cách mạng, vừa có người là ngụy quân hoặc nhân viên ngụy quyền. Đó là sự phức tạp và đau khổ mà kẻ thù đã gây ra cho dân tộc ta, làm cho giữa những người anh em, bà con ruột thịt có sự

nghi kỵ, ngờ vực, thù oán lẫn nhau. Nếu không nêu cao tinh thần đại đoàn kết dân tộc, thương yêu đùm bọc lẫn nhau thì làm sao có thể làm vui dân nổi đau khổ đó? Làm sao có thể mở đường cho những người lạc lối làm đường quay về chính nghĩa và tạo điều kiện cho con em họ vươn lên? Đó là chưa kể bọn đế quốc và phản động đang âm mưu phá hoại cách mạng nước ta. Chúng đang tìm cách móc nối, dọa dẫm, lôi kéo những người mà chúng cho là ta có thành kiến với họ hòng chia rẽ, phá hoại khối đoàn kết thống nhất của chúng ta, không tích cực tập hợp, đoàn kết rộng rãi mọi tầng lớp nhân dân thì làm sao có thể làm thất bại âm mưu của địch?

Đương nhiên, nói như vậy không có nghĩa là chúng ta xem xét, giải quyết vấn đề "liên quan" một cách phiến diện, một chiều, vứt bỏ nguyên tắc, tạo kẽ hở cho những phần tử phản động, cơ hội chui vào hàng ngũ ta để phá hoại cách mạng. Trong khi chống tư tưởng hẹp hòi, chúng ta cần chú trọng giải quyết vấn đề "liên quan" một cách chặt chẽ, tuân theo những nguyên tắc, thủ tục đã quy định, tuyệt đối không làm bừa, làm ẩu. Ngay những người đã đứng trong hàng ngũ cách mạng mà qua kiểm tra thấy không đủ tiêu chuẩn chính trị cũng kiên quyết đưa ngay họ ra khỏi đội ngũ. Điều quan trọng là cần nắm vững chính sách của Đảng, tin tưởng ở quần chúng, có quan điểm cách mạng và khoa học trong việc đánh giá con người. Khi kết luận phẩm chất chính trị của một con người, tuy phải xem xét hoàn cảnh xuất thân, quan hệ xã hội để tìm hiểu căn cứ, sâu sắc những yếu tố góp phần hình thành bản chất của người đó, nhưng cái chính vẫn là căn cứ vào quá trình phấn đấu, hoạt động của *bản thân người đó*. Không vợ đũa cả nắm; không thành kiến với quá khứ hoặc nguồn gốc gia đình. Thực tế những năm qua đã cho thấy, phần lớn những người trước đây thuộc giai cấp bóc lột hoặc là tề nguỵ nay đã trở thành những người lao động, những công dân tốt. Con cái của họ lớn lên trong xã hội mới, được sự giáo dục của nhà trường xã hội chủ nghĩa và của chế độ mới, đã tiên bộ, trưởng thành. Nhiều người đã có những công hiến đáng kể trong công cuộc xây

dựng và bảo vệ Tổ quốc. Ngay ở miền Nam, tuy nói là có nhiều người, nhiều gia đình có liên quan với Mỹ - ngụy, nhưng không phải tất cả mọi người đều có liên quan. Cũng không phải hẳn cứ ai có liên quan là người đó xấu. Thực tế đã có những gia đình tuy có con em, chồng vợ là ngụy quân, nhân viên ngụy quyền, nhưng vẫn là cơ sở của cách mạng.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dạy: "Dùng người cũng như dùng gỗ. Người thợ khéo thì gỗ to, nhỏ, thẳng, cong, đều tùy chỗ mà dùng được"². Cho nên vấn đề là chúng ta có thành kiến hẹp hòi hay không, có nắm vững chính sách hay không, có đánh giá đúng con người và có biết "dùng" người hay không.

* Bài đăng trên Tạp chí *Cộng sản*, số 11-1978.

1. Có nơi kết nạp một thanh niên vào Đoàn phải qua sáu "tầng" xét duyệt: phân đoàn, chi đoàn, chi bộ, ban chấp hành đoàn xã, đảng ủy xã, huyện đoàn. Đó là chưa kể khi chi đoàn định xếp một người nào là "đối tượng" kết nạp Đoàn đã phải báo cáo để chi ủy xét rồi mới chuyển lên ban chấp hành đoàn xã quyết định.

2. *Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng*, *Sđd*, tr. 15.

THÀNH KIẾN*

Sự vận động của vạn vật là tuyệt đối. Sự vật luôn luôn biến hoá thì con người cũng phải có cách nhìn, cách xem xét, nhận thức sự vật cho phù hợp với thực tế khách quan đã thay đổi. Thế nhưng bên cạnh những người có con mắt tinh đời, có cách nhìn đúng đắn, vẫn còn không ít người nhìn sự vật không theo phương pháp biện chứng ấy. Nói cách khác, họ nhìn sự vật bằng đôi mắt *thành kiến*.

Trong công tác và đời sống hằng ngày, ta gặp không ít những cách nhìn thành kiến như thế, thành kiến trong việc nhận định một phong trào, kết luận một tình hình, đánh giá một đơn vị, nhận xét một địa phương; thành kiến trong việc xem xét công tác, kết luận vấn đề; đặc biệt là thành kiến trong việc xem xét, đánh giá cán bộ.

Nói chung, người thành kiến là người nhìn sự vật xuất phát từ một nhận thức chủ quan có sẵn, phiến diện một chiều, không căn cứ vào sự vận động của sự vật. Khi đã có một ấn tượng nào đó rồi thì khư khư giữ mãi ấn tượng đó, không kể là trong thực tế khách quan, sự vật đã thay đổi như thế nào. Dưới con mắt của người thành kiến, người nào đã phạm sai lầm thì cứ bị coi là sai lầm mãi mãi; quá khứ, hiện tại, tương lai của một người dường như không bao giờ khác nhau; tư tưởng, tình cảm, phẩm chất, năng lực của một người dường như không bao giờ biến đổi.

Người mắc bệnh thành kiến có thể là do trong lòng chưa thật trong sáng, vô tư, nhiều khi để cho cảm tính lấn át lý tính, mặt khác do *chưa nắm chắc phương pháp duy vật biện chứng*.

Bệnh thành kiến chi phối rất nhiều tư tưởng, tình cảm, ý thức và hành động của con người, dễ làm cho con người ta mắc sai lầm. Chẳng hạn như thành kiến làm cho người ta cố chấp, bảo thủ, lúc nào cũng khăng khăng giữ ý kiến cũ kỹ, sai lầm của mình, không chịu nhìn thẳng vào thực tại. Vướng vắn với những nhận thức chủ quan có sẵn của mình, người thành kiến không chịu quan sát những đổi thay của sự vật, tự mình bịt mắt, bưng tai, do đó không thấy rộng, nhìn xa, không nhạy bén, không đủ sáng suốt để nhận ra cái mới, tích cực ủng hộ và xây dựng cái mới.

Người thành kiến nhìn người, nhìn vật chỉ thấy quá khứ mà không thấy hiện tại, không dự đoán được chiều hướng phát triển trong tương lai. Họ thích đi theo đường mòn, vết cũ, kém mạnh dạn, kém sáng tạo. Vì vậy người thành kiến thường nhận thức không đúng bản chất của sự vật, và nếu là cán bộ lãnh đạo thì thường đánh giá sai phong trào, kết luận sai tình hình, nhận định sai cán bộ, và rút cuộc định ra chủ trương, biện pháp công tác kém chính xác, kém hiệu lực.

Người thành kiến cũng là người khe khắt, hẹp hòi, đối xử với người chung quanh kém khoan dung, nhân ái. Họ hay đem một khuôn mẫu chặt hẹp nhất định theo cách nhìn, cách nghĩ của họ lắp cho tất cả mọi người có hoàn cảnh, đặc điểm, cá tính khác nhau. Ai khác tính mình, ai trái ý mình thì không ưa, không muốn gần gũi. Trái lại, ai hợp với mình, ai đã để cho mình một ấn tượng ban đầu tốt đẹp nào đó thì luôn luôn cho người đó là tốt, là giỏi, tìm mọi cách chở che, bênh vực, không cần biết trong thực tế người đó đã thay đổi thế nào, có phạm khuyết điểm gì không. Trong công tác, người thành kiến không thích cộng sự với những người trái ý mình, không hợp "khẩu vị" của mình, và có khi chỉ nhằm vào những nhược điểm, khuyết điểm của người đó để bới lông tìm vết. Chính vì thế mà nhiều khi có cán bộ rất ít, rất thạo việc, được quần chúng tin yêu, nhưng không được cất nhắc, sử dụng.

Điều đó rất đáng tiếc vì sao người thành kiến hay bị lẻ loi, cô lập không đoàn kết được rộng rãi mọi người, không tập hợp được đông đảo quần chúng, không phát huy được đến mức cao nhất mọi khả năng, sở trường của cán bộ; do đó gây trở ngại cho việc xây dựng khối đoàn kết nhất trí trong đơn vị mà người đó công tác.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dạy: "Chúng ta phải nhớ rằng: người đời ai cũng có chỗ hay chỗ dở. Ta phải dùng chỗ hay của người và giúp người chữa chỗ dở. Dùng người cũng như dùng gỗ. Người thợ khéo thì gỗ to, nhỏ, thẳng, cong, đều tùy chỗ mà dùng được"¹. Riêng trong việc xem xét cán bộ, Chủ tịch Hồ Chí Minh ân cần nhắc nhở: "Trong thế giới, cái gì cũng biến hoá. Tư tưởng của người cũng biến

hoá. Vì vậy, cách xem xét cán bộ, quyết không nên chấp nhận, vì nó cũng phải biến hoá... Một người cán bộ khi trước có sai lầm, không phải vì thế mà sai lầm mãi. Cũng có cán bộ đến nay chưa bị sai lầm, nhưng chắc gì sau này không phạm sai lầm? Quá khứ, hiện tại và tương lai của một người không phải luôn giống nhau”². Bác phê phán rất nghiêm khắc những cán bộ, đảng viên hẹp hòi, thành kiến. Người phân tích: "Tu tưởng hẹp hòi, thì hành động cũng hẹp hòi, hành động hẹp hòi thì nhiều thù ít bạn... Người mà hẹp hòi thì ít kẻ giúp. Đoàn thể mà hẹp hòi thì không thể phát triển"³. Người yêu cầu: "Giữa đảng viên và cán bộ với nhau, phải kiên quyết bỏ hết thành kiến. Thành kiến là một thói xấu, có hại. Do thành kiến mà sinh ra dè dặt với nhau, đối phó với nhau, kèn cựa lẫn nhau. Nó làm cho trống đánh xuôi kèn thổi ngược, nó làm cho công tác bị tê liệt, hư hỏng"⁴.

Thành kiến là một thói xấu, có hại. Muốn khắc phục bệnh thành kiến, bên cạnh việc học tập, rèn luyện đạo đức cách mạng, gột rửa chủ nghĩa cá nhân, xây dựng tình thương yêu đồng chí và đồng đội, một biện pháp hết sức quan trọng là phải *ra sức học tập nâng cao trình độ hiểu biết về chủ nghĩa Mác – Lênin, nhất là phải không ngừng rèn luyện, trau dồi, nắm vững và vận dụng có kết quả phương pháp luận của chủ nghĩa Mác – Lênin ... phương pháp xem xét và giải quyết các vấn đề một cách khoa học, biện chứng.*

* Bài đăng trên Tạp chí *Cộng sản*, số 8-1977.

1, 3, 4. *Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng*, tr. 15, 130.

2. X. Y. Z: *Sửa đổi lối làm việc*, Nxb. Sự thật, 1954, tr. 61-62.

DÂN CHỦ VÀ KỶ LUẬT

Đảng ta đang hoạt động trong một bối cảnh mới, môi trường mới, khác rất nhiều so với trước đây: chủ nghĩa xã hội thế giới sụp đổ một mảng lớn, Đảng Cộng sản Liên Xô và Nhà nước Liên Xô tan rã đã làm thay đổi cục diện chính trị thế giới. Chủ nghĩa xã hội, phong trào cách mạng, phong trào cộng sản và công nhân quốc tế ở vào thế bất lợi; chủ nghĩa đế quốc hí hửng đẩy tới việc chống phá các nước xã hội chủ nghĩa còn lại và các phong trào cách mạng hòng xóa bỏ chủ nghĩa xã hội. Ở trong nước, việc chuyển sang phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, mở cửa hội nhập với bên ngoài có mặt tích cực là làm cho kinh tế phát triển năng động, nhộn nhịp và có hiệu quả hơn, nhưng cũng làm xuất hiện thêm nhiều tệ nạn xã hội và yếu tố tiêu cực mới.

Môi trường xã hội đó đã tác động vào hoạt động của Đảng ta, mở ra thời cơ mới và cả những thách thức mới hết sức gay gắt, đòi hỏi Đảng ta hơn bao giờ hết phải được củng cố vững mạnh không những về chính trị, tư tưởng, trí tuệ mà cả về tổ chức. Tổ chức đảng có chặt chẽ, đoàn kết thống nhất thì mới hoàn thành được vai trò sứ mệnh của mình trong giai đoạn hiện nay. Một trong những yếu tố làm cho tổ chức Đảng chặt chẽ, vững mạnh, là trong Đảng phải thực hành dân chủ rộng rãi và có kỷ luật rất nghiêm minh. Tính chất dân chủ của Đảng thể hiện ở chỗ:

- Mọi đảng viên đều được bàn bạc các công việc của Đảng, thảo luận thẳng thắn đề đề ra và tổ chức thực hiện các chủ trương, quyết định của Đảng; có quyền bầu cử, ứng cử hoặc được đề cử vào các cơ quan lãnh đạo của Đảng; có quyền được thông tin, được chất vấn, phê bình các công việc của Đảng; được trình bày hết ý kiến của

mình trong tổ chức đảng (kể cả khi tổ chức đảng quyết định kỷ luật đối với mình). Nghị quyết các hội nghị của Đảng được biểu quyết theo đa số. Trường hợp ý kiến cá nhân đảng viên không phù hợp với quyết định chung của tập thể, đảng viên phải chấp hành theo đa số, nhưng vẫn được bảo lưu ý kiến hoặc đề đạt lên các cơ quan có thẩm quyền ở cấp trên cho đến đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng.

- Các cơ quan lãnh đạo các cấp của Đảng đều do bầu cử dân chủ mà lập ra theo nguyên tắc bỏ phiếu kín. Cơ quan lãnh đạo phải báo cáo và chịu trách nhiệm trước đại hội cấp mình và trước cơ quan lãnh đạo cấp trên theo quy định của Điều lệ Đảng. Trong Đảng thực hiện lãnh đạo tập thể đi đôi với phát huy trách nhiệm cá nhân, thường xuyên tự phê bình và phê bình.

Các công việc của Đảng đều phải tùy theo tính chất quan trọng mà do cơ quan có đủ thẩm quyền giải quyết. Ví dụ: những vấn đề về đường lối, chính sách cơ bản của Đảng, những vấn đề chung quan hệ đến toàn Đảng đều phải do cơ quan lãnh đạo toàn quốc của Đảng quyết định. Những vấn đề thuộc trách nhiệm và quyền hạn của địa phương, ngành, một đơn vị thì các tổ chức đảng ở đó quyết định không trái với đường lối, quyết định chung của toàn Đảng.

Như vậy, thực hiện dân chủ trong Đảng là nhằm phát huy đầy đủ trí tuệ, sáng kiến, sự sáng tạo của mọi thành viên (bao gồm đảng viên và tổ chức đảng), tôn trọng và bảo đảm sự bình đẳng giữa các thành viên. Tiêu chuẩn quan trọng, thước đo trình độ dân chủ của một đảng thể hiện ở chỗ trong đảng phát huy đến mức nào trí tuệ và quyền bình đẳng của mọi thành viên, chứ tuyệt nhiên không phải ở chỗ trong đảng có nhiều hay ít phe phái đối lập, có nhiều trung tâm quyền lực hay không (như có người mơ hồ ngộ nhận).

Trong những năm gần đây, Đảng ta có bước tiến mới về thực hiện dân chủ trong Đảng, rõ nhất là trong việc chuẩn bị các nghị quyết của Đảng, trong việc bầu cử cấp ủy, đánh giá, đề bạt, bố trí cán bộ, trong quan hệ và lề lối làm việc giữa cấp

trên và cấp dưới... Nhưng phải thừa nhận rằng sự tiến bộ đó còn hạn chế. Những hiện tượng mất dân chủ, dân chủ hình thức, cùng những tư tưởng ngô thi, gia trưởng, độc đoán, thành kiến... còn khá nặng nề trong Đảng. Một số cán bộ rất hách dịch, lộng quyền, không muốn nghe ý kiến người khác, nhất là các ý kiến không hợp với mình, sẵn sàng trù dập, đàn áp những người không ăn cánh hoặc không làm theo ý mình. Họ không biết rằng, dân chủ đang là một xu thế của thời đại, một yêu cầu phát triển của đất nước; dân chủ cũng là mong ước, nguyện vọng chính đáng của cán bộ, đảng viên và nhân dân. Đảng ta chủ trương phải phát huy dân chủ trong Đảng và trong xã hội, tích cực xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, đấu tranh khắc phục tệ độc đoán, lộng quyền, vi phạm dân chủ. Dân chủ trong Đảng có tốt thì mới có điều kiện thực hiện dân chủ ngoài xã hội. Dân chủ trong Đảng hạn chế thì Đảng thiếu sức sống, mọi trí tuệ, tài năng, sáng tạo không được phát huy, thậm chí có khi còn bị thui chột.

Tuy nhiên, Đảng Cộng sản không phải là một câu lạc bộ chỉ tranh luận, bàn cãi suông, mà là một tổ chức cách mạng, là đội tiên phong chiến đấu của giai cấp công nhân. Mà giai cấp công nhân là giai cấp có ý thức tổ chức kỷ luật rất cao. Hơn bất cứ tổ chức chính trị nào khác, Đảng Cộng sản là *một tổ chức rất chặt chẽ, là một khối đoàn kết thống nhất ý chí và hành động*. Tổ chức Đảng có được xây dựng và củng cố vững mạnh thì mới bảo đảm cho cương lĩnh, đường lối của Đảng được thực hiện. Nói cách khác, sức mạnh về chính trị và tư tưởng của Đảng được thực hiện bằng tổ chức và thông qua tổ chức. Tổ chức bảo đảm cho Đảng tồn tại một cách hiện thực và có sức mạnh. Tính tổ chức, tính kỷ luật là sức mạnh của Đảng.

Trong suốt cuộc đời hoạt động của mình, Bác Hồ luôn luôn giáo dục cán bộ, đảng viên và nhân dân giữ gìn sự đoàn kết thống nhất, và tự mình chăm lo xây dựng khối đoàn kết thống nhất trong Đảng và khối đoàn kết toàn dân. Người nhắc đi nhắc lại rằng: trong Đảng phải có kỷ luật, có ý chí thống nhất "trăm người tiên

đánh chỉ như một người"; "các đồng chí từ trung ương đến cơ sở phải giữ gìn sự đoàn kết thống nhất trong Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình". Đoàn kết thì sống, chia rẽ thì chết. Cách mạng muốn thành công phải có sự đồng tâm nhất trí của toàn Đảng, toàn dân.

Chính nhờ xây dựng được khối đoàn kết thống nhất, thực hiện kỷ luật nghiêm minh mà Đảng ta trong suốt quá trình lãnh đạo và đấu tranh cách mạng luôn luôn có sức mạnh vô địch. Mặc dù với số lượng không đông, có lúc chỉ mấy nghìn người, Đảng vẫn có sức sống mãnh liệt, kẻ thù không sao tiêu diệt nổi. Đảng vẫn có khả năng tổ chức và dẫn dắt nhân dân vượt qua muôn vàn khó khăn thử thách, đấu tranh giành hết thắng lợi này đến thắng lợi khác.

Những năm gần đây, bên cạnh mặt tốt là Đảng giữ vững và phát huy được truyền thống đoàn kết thống nhất trong Đảng, cũng có những biểu hiện vô tổ chức, vô kỷ luật, bè phái, cục bộ, địa phương, có nơi khá nghiêm trọng. Nhiều chỉ thị, nghị quyết của Đảng không được chấp hành nghiêm túc, nghị quyết không đi đôi với hành động, nói không đi đôi với làm, thậm chí nói một đằng làm một nẻo. Cấp dưới không phục tùng cấp trên, cá nhân không phục tùng tổ chức. Chủ nghĩa cá nhân ích kỷ phát triển, một số người phát ngôn tùy tiện, công khai truyền bá những ý kiến trái với đường lối, quan điểm, nghị quyết của Đảng. Có trường hợp đảng viên tuyên truyền, lôi kéo một số quần chúng đấu tranh chống lại chính quyền, gây rối trật tự xã hội. Nếu không kiên quyết chặn đứng những hiện tượng này nó sẽ phá hoại kỷ cương trong Đảng, làm suy yếu khối đoàn kết thống nhất của Đảng.

Từ những điều trình bày ở trên, rõ ràng không thể chỉ phiên dịch nhân mạnh một chiều vấn đề dân chủ hoặc vấn đề kỷ luật tập trung; không nên tách rời hoặc đối lập dân chủ với kỷ luật. Trái lại, phải *kết hợp rất chặt chẽ việc mở rộng dân chủ với việc thực hiện kỷ luật tập trung theo nguyên tắc tập trung dân chủ*. Nói cách khác, nguyên tắc tập trung dân chủ là sự kết hợp chặt chẽ, hài hòa hai mặt tập trung

và dân chủ trong một mối quan hệ hữu cơ biện chứng. Tuyệt đối hóa một mặt nào đều có thể dẫn đến những sai lầm nguy hiểm, có hại cho sự lãnh đạo và sức mạnh của Đảng.

Nguyên tắc tập trung dân chủ là nguyên tắc nằm ngay trong bản chất của Đảng Cộng sản, xuất phát từ tính chất, chức năng, vai trò, trách nhiệm của Đảng, phản ánh đặc điểm và bản chất của giai cấp công nhân hiện đại. Thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ là vấn đề có tính nguyên tắc bảo đảm giữ vững bản chất giai cấp công nhân và tính tiên phong của Đảng, bảo đảm phát huy sáng kiến, tính tích cực sáng tạo của đảng viên và mọi tổ chức đảng; đồng thời bảo đảm cho tổ chức đảng có kết về tổ chức, thống nhất ý chí, thống nhất hành động.

Không phải ngẫu nhiên mà các nhà tư tưởng chống cộng, bọn đế quốc và phản động các loại luôn luôn tìm cách tấn công vào nguyên tắc tập trung dân chủ của Đảng Cộng sản, coi việc phê phán, bác bỏ nguyên tắc tập trung dân chủ là một trọng điểm, là một mũi nhọn rất lợi hại nhằm phá vỡ sự thống nhất về tổ chức của Đảng. Chúng tán dương, cổ xúy các đảng thực hiện đa nguyên chính trị, dân chủ cực đoan, kích động khuyến khích trong Đảng có nhiều quan điểm khác nhau, có nhiều phe nhóm đối lập. Cùng với việc đánh vào chủ nghĩa Mác - Lênin - hệ tư tưởng của Đảng, gốc rễ của chủ nghĩa xã hội, thế giới quan và cơ sở khoa học trong đường lối chính trị của Đảng, các thế lực đế quốc và phản động còn đánh vào nguyên tắc tập trung dân chủ - cơ sở tổ chức của Đảng - nhằm phá vỡ sự thống nhất của Đảng, làm tan rã Đảng về tổ chức.

Chúng ta hãy cảnh giác, đừng mắc mưu của kẻ địch.

“THƯƠNG EM ANH ĐỂ TRONG LÒNG...”*

Năm 1922, khi biết Thành uỷ Mátxcova đã nhiều lần bao che, giảm nhẹ kỷ luật cho người cộng sản có khuyết điểm, Lênin đã gửi thư cho đồng chí Mólôtốp để chuyển cho các uỷ viên Bộ Chính trị, phân tích tác hại to lớn của việc làm đó, và đề nghị:

- “Cảnh cáo nghiêm khắc Thành uỷ Mátxcova.
- “Khẳng định cho tất cả các tỉnh uỷ biết rằng Trung ương sẽ *khai trừ khỏi Đảng* những kẻ gây "thế lực" dù chỉ là chút ít đối với toà án nhằm "rút bớt" trách nhiệm của những người cộng sản.
- “Ra thông tri cho Bộ dân uỷ phụ trách luật pháp (...) biết rằng phải trừng trị những người cộng sản *ngghiêm khắc hơn* những người ngoài Đảng. Nếu không chấp hành việc đó thì các thẩm phán nhân dân và các uỷ viên trong ban lãnh đạo Bộ dân uỷ phụ trách luật pháp sẽ bị cách chức.
- “Ủy nhiệm Đoàn chủ tịch Ban Chấp hành Trung ương toàn Nga khiển trách Đoàn chủ tịch Xôviết Mátxcova bằng cách cảnh cáo trên báo chí”.

Lênin còn viết thêm trong phần “*tái bút*”: “Thật là nhục nhã và tệ hại quá chừng: Đảng cầm quyền mà lại biện hộ cho những tên đôn mạt "của mình"! ”¹.

Chúng ta nghĩ gì trước thái độ hết sức nghiêm khắc đó của Lênin? Phải chăng Lênin không có lòng nhân đạo, không có tình thương yêu đồng chí? Phải chăng việc làm của Lênin như vậy là quá đáng?

Không. Lênin là người nhân đạo hơn ai hết, thương yêu đồng chí mình hơn ai hết. Người chưa hề quá đáng bao giờ. Ở đây chỉ toát lên một tinh thần: Lênin là người kiên quyết giữ vững nguyên tắc, rất nghiêm khắc với sai lầm, khuyết điểm của đảng viên, nhất là trong điều kiện đảng cầm quyền; Người muốn giữ nghiêm kỷ

luật của Đảng, một vũ khí sắc bén quyết định sự thắng lợi của giai cấp vô sản. Như Lênin đã nhiều lần khẳng định, giai cấp vô sản sẽ không thể nào giữ vững được chính quyền "nếu Đảng ta không có kỷ luật nghiêm minh nhất, một thứ kỷ luật sắt thật sự"²; rằng "không thể nào chiến thắng được giai cấp tư sản nếu không có một cuộc chiến đấu lâu dài, kiên trì, quyết liệt", nếu không có một "sự kiên định, kỷ luật, quyết tâm, một ý chí thống nhất và không gì lay chuyển nổi"³. Người còn nói: "Kẻ nào làm yếu - dù chỉ là chút ít - kỷ luật sắt trong đảng của giai cấp vô sản (nhất là trong thời kỳ chuyển chính của nó) là thực tế đã giúp cho giai cấp tư sản chống lại giai cấp vô sản"⁴. Người yêu cầu: "cần phải đuổi ra khỏi Đảng những kẻ gian xảo, những đảng viên cộng sản đã quan liêu hoá, không trung thực, nhu nhược và những người mensévích"⁵.

Người Việt Nam ta có câu "Thương em anh để trong lòng, việc quan anh cứ phép công anh làm". Nếu tước đi những gì là màu sắc phong kiến, câu này có ý nghĩa sâu sắc. Anh thương em lắm đấy, thương em da diết, thiết tha như bất cứ tình thương của đôi trai gái nào yêu nhau mãnh liệt nhất, nhưng khi giải quyết "việc quan", anh không thể để tình cảm riêng tư chi phối, mà phải chiếu theo pháp luật của Nhà nước.

Những người cộng sản là những người phấn đấu hy sinh vì lợi ích chung, vì lý tưởng xã hội chủ nghĩa, luôn luôn đặt lợi ích chung lên trên lợi ích cá nhân, cho nên lại càng tôn trọng và giữ vững nguyên tắc khi giải quyết các công việc. Trong việc xử lý những người vi phạm kỷ luật của Đảng và pháp luật của Nhà nước, những người cộng sản có thái độ phải trái rất phân minh, không dung túng, bao che đối với những sai lầm, khuyết điểm. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dạy: "phải đề cao tinh thần kỷ luật, tinh thần nguyên tắc; tinh thần Đảng của mỗi đảng viên"⁶, "Đảng phải giữ kỷ luật rất nghiêm từ trên xuống dưới"⁷. Người phê phán gay gắt những hiện tượng nể nang, bao che, không nghiêm minh trong khi thi hành kỷ luật của

Đảng và pháp luật của Nhà nước. Người yêu cầu "phải thi hành kỷ luật nghiêm khắc" những đảng viên và cán bộ, kể cả cán bộ cao cấp, cán bộ lãnh đạo quan liêu, mệnh lệnh nặng, hoặc phạm những sai lầm nghiêm trọng, cũng như "phải phê bình nghiêm khắc" những chi bộ không làm đúng các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, những đảng viên không gương mẫu. Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam quy định: "Những đảng viên vi phạm pháp luật của Nhà nước, không ai được dung túng, bao che"; "kỷ luật của Đảng phải công minh, không cho phép đảng viên nào có đặc quyền đặc lợi".

Những điều sơ đẳng trên đây mọi cán bộ, đảng viên ta đều đã biết. Nhưng trong thực tế hiện nay, vẫn còn không ít trường hợp xử lý kỷ luật đảng viên chưa nghiêm, chưa theo đúng tinh thần và nguyên tắc của Đảng. Tình trạng nể nang, che giấu khuyết điểm, giảm bớt kỷ luật cho nhau nhiều lúc vẫn xảy ra. Có đồng chí đáng bị kỷ luật nhưng không kỷ luật. Có đồng chí đáng phải xử phạt nặng thì chỉ phê bình, cảnh cáo qua loa. Có cán bộ vừa bị kỷ luật ở nơi này lại được chuyển sang giữ cương vị quan trọng ở nơi khác, có khi còn được lên chức, lên lương.

Vì sao như vậy? Vì sao biết nguyên tắc, hiểu rõ tầm quan trọng của việc giữ gìn kỷ luật của Đảng, nhưng một số người vẫn cứ không nghiêm trong việc thi hành kỷ luật, bao che cho một số cán bộ, đảng viên? Ở đây có thể có ba trường hợp:

Trường hợp thứ nhất: Đó là do tư tưởng nể nang "dĩ hoà vi quý", với lý lẽ, "phải thể tất nhân tình", "phải thương yêu đồng chí", những người này thường xuê xoa, che giấu khuyết điểm, quá dễ dãi trong việc xem xét kỷ luật đối với cán bộ, đảng viên, nhất là đối với những người thân thiết hoặc "ăn cánh" với họ. Họ tưởng như thể là đoàn kết, là sống có nghĩa, có tình. Dù có thương nhau bao nhiêu cũng không thể vì tình cảm riêng tư mà vứt bỏ nguyên tắc, buông lỏng kỷ luật; việc xử lý nghiêm minh những người vi phạm kỷ luật của Đảng, pháp luật của Nhà nước đâu có trái với tình thương yêu đồng chí. Trái lại, chính vì để bảo vệ tình thương,

đoàn kết mà phải có những hình thức kỷ luật nghiêm minh để đồng chí mình khỏi mắc lại sai lầm, khuyết điểm ấy và từ đó mà ngăn ngừa những sai lầm, khuyết điểm khác. Chỉ có như vậy thì tình thương mới thật sự có ý nghĩa, mới là tình thương chân chính. Nếu bao che sai lầm, khuyết điểm của nhau, thì tức là tạo điều kiện cho nhau tiếp tục phạm sai lầm, coi thường kỷ luật của Đảng, và như thế không phải là tình thương mà là một tội lỗi.

Trường hợp thứ hai: Đó là do tư tưởng cục bộ, bản vị, thành tích chủ nghĩa. Sợ mất cán bộ, sợ không có người làm việc, sợ ảnh hưởng đến thành tích, uy tín của đơn vị, họ rất ngại phải thi hành kỷ luật cán bộ, đảng viên trong đơn vị họ, nhất là khi phải đụng chạm đến những người đã từng có "công lao" với đơn vị. Họ quên mất rằng che giấu khuyết điểm, giảm nhẹ kỷ luật cho cán bộ, đảng viên là làm hại cán bộ, đảng viên ấy chứ không phải là bảo vệ cán bộ, đảng viên; là làm tổn thương thành tích và uy tín của đơn vị chứ không phải là giữ gìn thành tích, uy tín của đơn vị. Đối với những người đã từng có công hiến. Đảng ta, nhân dân ta luôn luôn ghi nhớ công lao của họ nhưng không phải vì thế mà dung túng, bao che, không dám xử lý nghiêm khắc khi những người đó phạm pháp. Xtalin đã nói một cách dứt khoát rằng, đối với những người trước đây đã có công lao "thì phải hết sức kính trọng", còn bây giờ các đồng chí ấy đã phạm sai lầm, muốn đặt mình lên trên tổ chức, ra ngoài kỷ luật của Đảng và pháp luật của Nhà nước thì cần "phải giáng chức họ xuống và công bố việc đó lên báo chí", "trả họ về chỗ của họ". Đừng ngại ngần gì cả. "Cần phải làm như thế để củng cố kỷ luật của Đảng và Nhà nước Xôviết trong toàn bộ công tác của chúng ta".

Trường hợp thứ ba: Đó là do sự tính toán ích kỷ, sợ bị đụng chạm đến cá nhân, đến lợi ích riêng. Trong thực tế không phải họ bênh che, dung túng cho tất cả mọi người phạm sai lầm, khuyết điểm mà chỉ bênh che cho những ai có quan hệ trực tiếp đến lợi ích cá nhân của họ, hoặc những người biết "cái tổ con chuồn chuồn"

của họ mà nếu làm găng có khi họ “há miệng mắc quai”, thậm chí có thể bị “đổi phương” “quật” lại. Họ né tránh những trường hợp “hóc búa”, gượng nhẹ đối với những người có chức, có quyền, mặc dù biết rằng những người này phạm sai lầm thì gây tác hại lớn hơn nhiều so với đảng viên thường. Trong khi đó đối với những người mà họ xét thấy có thể “bắt nạt” được thì họ lại rất nghiêm; họ phê bình, đấu tranh thẳng cánh, để tỏ ra là công minh, chính trực, có khi việc bé họ còn xé ra to, không kể gì đến tình thương yêu đồng chí. Họ không biết rằng chính “tình trạng không công bằng trong việc thi hành kỷ luật, buông lỏng kỷ luật của Đảng đối với đảng viên, đặc biệt đối với những đảng viên giữ cương vị phụ trách, là một nguyên nhân quan trọng làm cho kỷ luật sắt của Đảng bị xem nhẹ và rất lỏng lẻo ở nhiều nơi”⁸.

Cả ba trường hợp nói trên, dù mang tính chất thế nào cũng đều dẫn đến tác hại làm cho kỷ luật của Đảng không nghiêm. Nó phá hoại tính chặt chẽ và sự thống nhất về tổ chức của Đảng, làm yếu sức chiến đấu của Đảng, làm rạn nứt lòng tin của quần chúng, làm giảm hiệu lực của hệ thống chuyên chính vô sản, và góp phần làm trầm trọng thêm những hiện tượng trì trệ và tiêu cực trong đời sống xã hội.

Không biết những người thường bênh che cho những đảng viên phạm sai lầm, khuyết điểm có hình dung hết những hậu quả tai hại do họ gây ta hay không và có thấm thía hay không cái điều mà Lênin nói rằng hành động bao che, giảm tội cho những người cộng sản (nhất là trong điều kiện Đảng cầm quyền) là hành động tệ hại và nhục nhã?

* Bài đăng trên Tạp chí *Cộng sản*, số 12-1978.

1. V. I. Lênin: *Về những nguyên tắc tổ chức của đảng vô sản*, Sđd. tr. 170 - 171.

2, 3, 4. V. I. Lênin, I.V.Xtalin: *Về dân chủ và kỷ luật trong Đảng*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1974, tr. 62, 63, 67.

5. V.I. Lênin: *Toàn tập*, Sđd, t. 33, tr. 48.

6, 7. *Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng*, Sđd, tr. 59, 21.

8. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Báo cáo tổng kết công tác xây dựng Đảng và sửa đổi Điều lệ Đảng*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1977, tr. 102.

CƠ CHẾ NÓI NGƯỢC*

Cơ chế nói ngược? Vâng đúng là như thế. Đây không phải là cách nói theo "môt", cái gì cũng quy cho cơ chế, đổ tại cơ chế đâu. Nó có nội dung và yêu cầu xác định.

Ta biết, đã có một thời cái câu "nhất hô bá ứng" gần như trở thành phương châm ứng xử và cơ chế hoạt động của nhiều ngành, nhiều đơn vị. Nghĩa là cấp trên nói, cấp dưới chỉ có răm rắp tuân theo; thủ trưởng hô một câu, anh em nhân viên, cán bộ dưới quyền chỉ có tán tụng, hưởng ứng, không được bàn ra, không được nói khác. Trường hợp cấp trên và thủ trưởng nói đúng (và phần nhiều là đúng) thì tuyệt quá rồi, rất cần thiết phải có sự thống nhất như thế. Nhưng nếu thủ trưởng nói sai?... Thì cũng cứ phải như vậy! Và người ta hiểu như thế là thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ (?). Tác hại thế nào ta đã thấy cả rồi.

Trong những năm đổi mới tình hình có khá hơn. Không phải trường hợp nào quân chúng và cấp dưới cũng nhất mực nói theo và làm theo cấp trên và thủ trưởng. Vì thực tế đã mách bảo người ta: không phải chủ trương nào của cấp trên cũng đúng cả, không phải ý kiến nào, việc làm nào của thủ trưởng cũng hay, cũng tốt cả.

Trong không khí dân chủ cởi mở, nhiều người đã dám nói ngược ý của thủ trưởng khi biết rõ ý kiến của thủ trưởng là không đúng. Có người thẳng thắn phê bình, đấu tranh với những việc làm sai trái của thủ trưởng. Rất nhiều thủ trưởng cũng đã chân thành lắng nghe ý kiến của quần chúng và cấp dưới, lắng nghe với thái độ thực sự cầu thị, kể cả những ý kiến ngược. Đó là những biểu hiện tốt.

Tiếc rằng những hiện tượng đó chưa phải là phổ biến, chưa phải đã được coi là bình thường. Vẫn còn cái gì e ấp, ngại ngùng từ phía cấp dưới, và có cái gì khó chịu, bực bội từ phía lãnh đạo. Đã có không ít người chỉ vì nói trái ý lãnh đạo (mặc dù với động cơ trong sáng, lành mạnh) mà đã bị thành kiến, bị đẽ ý, thậm chí bị trù dập. Lập luận của người lãnh đạo đó chỉ đơn giản là: trong một tổ chức, một đơn vị muốn gì thì gì phải có kỷ cương thống nhất, không thể có tình trạng cấp trên nói cấp dưới không nghe, quần chúng cãi lại lãnh đạo; chủ trương nào đưa ra cũng bị chống đối thì lãnh đạo nổi gì!.. Xét về một mặt thì lập luận này không sai, thậm chí còn rất đúng. Kỷ luật và sức mạnh của một tổ chức không cho phép "trống đánh xuôi kèn thổi ngược", cấp dưới chống lại cấp trên; không thể nhân danh đổi mới, lợi dụng dân chủ để gây rối nội bộ. Nhưng nếu chỉ thế thôi thì chưa đủ. Và lại, trong trường hợp đang nói ở đây, lập luận đó chỉ là nguy hiểm hoặc chưa đầy đủ vấn đề tập trung dân chủ. Có khá nhiều vị thủ trưởng miệng vẫn nói dân chủ, khuyến khích mọi người nói thẳng, nói thật ý nghĩ của mình, nhưng khi có ai đó nói trái ý mình, bốp chát lại mình thì không chịu nổi. Có người còn đỏ mặt nóng tai quy kết đủ thứ. Cái chính ở đây là thủ trưởng coi thường ý kiến quần chúng và cấp dưới, không muốn nghe hoặc chưa quen nghe những lời nói ngược. Một số người cấp dưới thấy thế thì ngán ngẩm, giữ thái độ "mũ ni che tai", "ngậm miệng ăn tiền". Có người sinh ra cơ hội, nịnh bợ, luôn luôn đón ý thủ trưởng để nói theo, thậm chí xun xoe, tán tụng cả những ý kiến sai trái.

Thiết nghĩ, đã đến lúc cần chấm dứt những hiện tượng đó. Cần bình thường hoá việc nói ngược và nghe ý kiến trái ngược. Điều đó chỉ có lợi cho công việc chung thôi (đương nhiên nếu biết xử lý đúng và người nói ngược phải với động cơ xây dựng). Người lãnh đạo giỏi là người biết nghe và dám nghe những ý kiến nói ngược, khuyến khích cấp dưới và những người cộng sự suy nghĩ độc lập, thẳng thắn đề xuất những ý kiến riêng, không nên định kiến và vội vàng quy chụp. Biết nghe và chịu nghe ý kiến người khác, dù ý kiến đó có khác ý mình, có trái tai mình, đó cũng là một phẩm chất rất cần thiết của người lãnh đạo. Đó còn là hiện tượng rất bình thường trong cuộc sống. Nếu một người lãnh đạo lắng nghe được nhiều ý kiến, biết được thông tin nhiều chiều, nhất là thông tin chiều ngược, thông tin phản hồi, thì chắc chắn khi đề ra chủ trương hoặc quyết định một việc người đó đỡ sai hơn. Nếu ý kiến anh đúng mà có người phản biện thì tính đúng đắn và sự sáng suốt trong ý kiến của anh càng được khẳng định mạnh mẽ và rõ ràng hơn. Nếu ý kiến anh sai mà có người chỉ ra cho anh thì thật là quý hoá, cần phải chân thành và nhiệt liệt hoan nghênh, cảm ơn người đó. Sự đòi "cờ ngoài bài trong", đã chắc điều gì anh nghĩ ra cũng đúng, câu nào anh nói ra cũng hay. Có ý kiến nói ngược phản biện cho anh càng góp phần nâng cao tính chính xác, sự đúng đắn trong ý kiến và quyết định của anh. Điều đáng sợ là khi có ý kiến riêng mà người ta không muốn nói ra, khi biết anh sai mà không ai muốn can gián, xung quanh chỉ còn toàn những lời khen, vuốt ve, tán tụng!

Đương nhiên, nói như vậy không có nghĩa là chúng ta đồng tình với cả những người chủ trương cứ phải luôn luôn nói ngược với cấp trên, nói trái ý kiến lãnh đạo, cho như thế mới là bản lĩnh, dũng cảm; còn những ai nói theo cấp trên, bên vực lãnh đạo thì bị quy là "nịnh", là "cơ hội". Thực tế đã có không ít trường hợp người ta chuyên nói ngang, phê phán gay gắt lãnh đạo cấp trên (mặc dù cấp trên đúng) chỉ cốt để tỏ ra ta đây là người "có bản lĩnh", nói "đúng một" hiện thời.

Chúng ta cũng không thể đồng tình với những người muốn lợi dụng không khí dân chủ cởi mở để đả kích cấp trên, nói xấu lãnh đạo.

Cơ chế bảo đảm cho người cấp dưới dám nói ngược ý kiến người cấp trên là:

- Đưa ra thảo luận tập thể hoặc đối thoại, tranh luận. Nếu sau khi đã thảo luận kỹ mà thủ trưởng vẫn giữ ý kiến và quyết định của mình thì cán bộ cấp dưới phải chấp hành quyết định đó, tuy vẫn được bảo lưu ý kiến.

- Thực tiễn là tiêu chuẩn của chân lý, là trọng tài phân xử đúng sai. Nếu quyết định của thủ trưởng bị thực tiễn kết luận là sai thì thủ trưởng phải chịu trách nhiệm về quyết định của mình; còn người nói ngược, can gián thì được khen thưởng. Nghiêm cấm thành kiến, trù dập.

- Những người cố ý nói sau vu cáo, xuyên tạc thì bị xử lý.

Nên chăng tất cả những điều đó phải thành quy chế, luật pháp?

* Bài đăng trên Tạp chí *Cộng sản*, số 3-1992.

TÌNH ĐỒNG CHÍ*

Thế giới đã được chứng kiến tình bạn vĩ đại và cảm động, có một không hai, giữa Mác và Ăngghen; đó cũng là một biểu tượng tuyệt vời về tình đồng chí giữa những người cộng sản.

Ở nước ta, trong suốt quá trình đấu tranh cách mạng, đã xuất hiện không biết bao nhiêu câu chuyện cảm động về tình đồng chí mà không sách vở nào có thể ghi hết được. Cùng hoạt động, cùng đấu tranh cho mục đích, lý tưởng của Đảng, những người cộng sản, những người cách mạng thương yêu nhau tha thiết, chân thành. Thương yêu nhau đến mức chăm sóc, lo lắng cho đồng chí hơn cả cho bản thân mình, "chết còn trút áo cho nhau"; chịu đòn tra tấn thay cho đồng chí; hút hoả lực của địch về phía mình để giải vây đồng chí; sẵn sàng hy sinh cả tính mạng mình để chở che cho đồng chí... Đúng như lời một bài hát ca ngợi.

Sông biển nào rộng bằng tình đồng chí chúng ta.

Núi non nào cao bằng tình đồng chí chúng ta...

Tình chúng ta đẹp hơn núi sông

Tình đồng chí sắt son một lòng!

Hiện nay, trước hiện tượng một số nơi nội bộ mất đoàn kết, cán bộ, đảng viên có biểu hiện "bằng mặt không bằng lòng", thậm chí đối xử với nhau không còn tình nghĩa, có người đã bi quan đi đến kết luận rằng: trong hoàn cảnh hoà bình xây dựng, giữa những người cộng sản không thể có tình đồng chí. Họ phân tích và lập luận rằng, chỉ có trong hoàn cảnh đấu tranh cách mạng như trước đây mới có tình đồng chí, bởi vì hồi đó, khi thoát ly gia đình đi hoạt động cách mạng, người cộng sản không có gì hết ngoài tinh thần sẵn sàng chịu đựng gian khổ, hy sinh. Trong hoàn cảnh hoạt động bí mật, luôn luôn bị kẻ thù rình mò, khủng bố, dẫn thân vào con đường cách mạng "là phải chịu tù đày, là gươm kề tận cổ, súng kề tai, là thân sống chỉ coi còn một nửa", những người cộng sản nhất thiết phải thương yêu, đùm bọc lẫn nhau. Không như thế không thể nào trụ lại được. Trong những năm kháng chiến trường kỳ gian khổ, nhiều lắm gia tài riêng của mỗi người cũng vụn vụn chỉ có một chiếc ba lô, mọi sự đãi ngộ đều giống nhau tất cả, cho nên sống với nhau

chan hoà, thoải mái lắm. Chứ còn ngày nay, Đảng ta đã trở thành người lãnh đạo chính quyền, nhiều cán bộ, đảng viên có chức, có quyền; có tiêu chuẩn hưởng thụ, đãi ngộ khác nhau, mỗi người lại có một gia đình riêng, cuộc sống riêng, vì thế không còn tình thương yêu đồng chí hoặc không thể có tình đồng chí.

Có phải như vậy không?

Trước hết, phải thừa nhận rằng, trong hoàn cảnh đấu tranh cách mạng gian khổ trước đây, những người cách mạng, những người cộng sản để có điều kiện biểu lộ tình thương yêu đồng chí, đồng đội một cách sâu sắc, chân thành. Và đúng là gần đây, trong Đảng ta có những hiện tượng cán bộ, đảng viên đối xử với nhau không theo tình đồng chí, xúc phạm sự thiêng liêng, cao đẹp của tình đồng chí. Một số người choáng ngợp trước lợi lộc, địa vị, bo bo giữ gìn và thu vén cá nhân, chẳng những không đoàn kết, hợp tác với đồng chí, không quan tâm đến đồng chí, mà còn kèn cựa, bon chen, tranh giành địa vị, quyền lợi với đồng chí. Có người đã từng vào tù ra tội, đã từng đấu tranh bất khuất chống quân thù, đã từng hết lòng hết sức quan tâm chăm sóc đồng chí mình, nhưng ngày nay, trong hoàn cảnh mới lại nảy sinh tư tưởng kèn cựa, địa vị. Có người thấy đồng chí mình được giao những trách nhiệm cao hơn thì ăn không ngon, ngủ không yên, tìm mọi cách đả kích, hạ uy tín của đồng chí mình. Lại có người vì muốn giữ gìn hoặc mưu tính lợi ích cá nhân, có thái độ không thẳng thắn, trung thực, không dám đấu tranh với những khuyết điểm, sai lầm của đồng chí mình, có khi còn kéo bè, kéo cánh, bênh che, dung túng cho nhau, làm cho việc thi hành kỷ luật của Đảng, pháp luật của Nhà nước không nghiêm... Trong nhiều chỉ thị, nghị quyết, Đảng chỉ rõ: Chính những thói tệ này - chứ không phải sự khác nhau nghiêm trọng gì về quan điểm, về chủ trương công tác - nhiều khi lại là nguyên nhân chủ yếu gây nên những tình trạng mất đoàn kết nơi này, nơi kia trong Đảng.

Chúng ta cần nghiêm khắc phê phán và kiên quyết đấu tranh chống những hiện tượng không lành mạnh đó, nhằm phát huy được truyền thống đoàn kết quý báu của Đảng ta. Tuy nhiên, nếu từ đó mà đi đến kết luận rằng, trong điều kiện ngày nay không thể có tình đồng chí, không xây dựng được tình thương yêu đồng chí thì lại không đúng và rất nguy hiểm. Bởi vì, tình đồng chí giữa những người cộng sản không phải là tình cảm bông bột, nhất thời của những người cùng hội cùng thuyền; cũng không phải chỉ là sự thông cảm, cứu mang giữa những người có hoàn cảnh đau khổ, hoặc nghèo túng giống nhau. Cao hơn thế rất nhiều, tình đồng chí là tình bạn chiến đấu của những chiến sĩ cách mạng giác ngộ lý tưởng cộng sản, có cùng chí hướng đấu tranh và được thử thách trong quá trình cách mạng. Nó tồn tại và phát triển qua tất cả các thời kỳ, và trở thành một trong những truyền thống quý báu của Đảng, là vật bảo đảm quan trọng cho sự đoàn kết thống nhất trong Đảng, tạo ra sức mạnh vô địch của Đảng. Kẻ thù đã từng hết sức kinh ngạc, khâm phục và run sợ trước tình thương yêu đồng chí của những người cộng sản, cam chịu bất lực trước sức mạnh đoàn kết nhất trí của những người cộng sản. Đối xử với nhau theo tình đồng chí là một biểu hiện quan trọng thuộc về phẩm chất của người cộng sản, cũng như lòng nhân ái, vị tha, chiến đấu hy sinh vì nhân dân, vì cách mạng là đạo đức lớn nhất, cao nhất, quán xuyên suốt cuộc đời của người cộng sản. Không thể có một đảng viên cộng sản chân chính mà không có tình cảm sâu sắc, chân thành đối với đồng chí, hoặc chỉ thương yêu đồng chí lúc này, còn lúc khác, hoàn cảnh khác lại dửng dưng, nhạt nhẽo.

Trong giai đoạn cách mạng hiện nay, với những cơ sở chính trị, kinh tế và xã hội mới đã được thiết lập, nó càng có điều kiện vật chất và tinh thần nảy nở và phát triển mạnh mẽ, toàn diện và sâu sắc, bền chặt hơn. Trách nhiệm thiêng liêng của những người cộng sản là phải giữ gìn và phát huy truyền thống đoàn kết quý báu

của Đảng, phải "có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau" như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã căn dặn trong *Di chúc* của Người.

Cụ thể là những đảng viên, cán bộ công tác ở cùng một lĩnh vực hoặc ở các lĩnh vực khác nhau, dù trẻ hay già, có cương vị công tác cao hay thấp, phải luôn luôn thương yêu, hợp tác chặt chẽ với nhau, giúp đỡ lẫn nhau hoàn thành tốt nhiệm vụ, phấn đấu thực hiện tốt các chủ trương, nghị quyết của Đảng. Họ thương yêu nhau trong sáng, chân thành, tôn trọng, quan tâm, thông cảm lẫn nhau, khiêm tốn, nhường nhịn nhau. Với thành quả của cách mạng, ngày nay, mỗi cán bộ, đảng viên đều có cương vị, nhiệm vụ công tác riêng, có gia đình và phải quan tâm đến gia đình, nhưng không phải vì thế mà không quan tâm đến các đồng chí của mình. Đạo đức truyền thống của nhân dân ta là "thương người như thể thương thân", "lá lành đùm lá rách", đối xử với nhau có nghĩa, có tình; ngày nay, với quan hệ xã hội mới, đạo đức đó được phát triển và nâng lên thành đạo đức "mỗi người vì mọi người, mọi người vì mỗi người". Những người cộng sản chẳng lẽ lại thoát ly đạo đức đó? Những người cộng sản yêu thương nhân dân, gắn bó với nhân dân đồng thời càng yêu thương, gắn bó với đồng chí của mình, lấy niềm vui, hạnh phúc của đồng chí làm hạnh phúc của mình.

Thương yêu đồng chí không có nghĩa là bao che, tha thứ lỗi lầm, khuyết điểm của đồng chí mình; trái lại, họ thường xuyên giúp đỡ đồng chí giữ vững phẩm chất cách mạng và nâng cao không ngừng trình độ hiểu biết và năng lực công tác. Với vũ khí tự phê bình và phê bình, người cộng sản bình tĩnh soi xét kỹ mình, đồng thời thật sự chân thành chỉ ra cho đồng chí những khuyết điểm, thiếu sót với tình thương yêu thật sự, để giúp đồng chí mình sửa chữa và tiến bộ, không đao to, búa lớn, dìm dập đồng chí, nhưng cũng không dung túng, bao che khuyết điểm của đồng chí. Nếu nể nang, né tránh, hoặc vì lý do nào đó mà không nghiêm khắc với khuyết điểm của đồng chí là làm hại đồng chí mình, đẩy đồng chí mình vào sự sa

ngã và tội lỗi; như thế không phải là thương yêu đồng chí một cách đúng đắn. Trong điều kiện Đảng lãnh đạo chính quyền, cán bộ đảng viên rất dễ mắc vào quan liêu, mệnh lệnh, xa rời thực tế, xa rời quần chúng là những thứ làm xói mòn bản chất cách mạng của cán bộ, đảng viên, dễ làm cho cán bộ, đảng viên thoái hoá, hư hỏng. Nếu người cộng sản không sáng suốt, trung thực, không thẳng thắn vạch ra và giúp đỡ đồng chí mình sửa chữa những khuyết điểm, sai lầm thì làm sao có thể giúp đồng chí giữ được phẩm chất của người cộng sản?

Nói rằng ngày nay không có tình đồng chí hoặc không thể xây dựng được tình đồng chí là vô tình hay cố ý xuyên tạc bản chất của người cộng sản, phủ nhận thực tế ở nhiều nơi, nhiều lĩnh vực, những người cán bộ đảng viên vẫn giữ gìn vun đắp tình thương yêu đồng chí, hoặc biện hộ cho những hành vi đối xử thiếu tình đồng chí của một số cán bộ, đảng viên.

* Bài đăng trên Tạp chí *Cộng sản*, số 10-1979.

CÁCH NHÌN*

Trước những khó khăn và hiện tượng tiêu cực trong đời sống xã hội ta hiện nay, có nhiều cách nhìn, cách đánh giá khác nhau. Một số người không thấy hết khó khăn, nhất là những khó khăn do thiếu sót, khuyết điểm chủ quan gây ra, cho rằng những khó khăn, khuyết điểm ấy chẳng đáng là bao so với hiện thực cách mạng vĩ đại của đất nước, từ đó không tích cực tìm cách khắc phục. Một số người khác lại chỉ thấy

mặt khó khăn, khuyết điểm, nhìn đâu cũng thấy một màu đen, đùng vào việc gì cũng thấy khó, không phân tích đầy đủ nguyên nhân của tình hình, đi đến phủ nhận cả những thành tựu, những thắng lợi cơ bản. Ở đây không kể đến các thế lực thù địch đang hí hửng, vui mừng trước những khó khăn của chúng ta, thậm chí tìm mọi cách xoi mói, bới móc, thổi phồng những thiếu sót, khuyết điểm ấy, hòng gây thêm khó khăn cho ta, kích động phá hoại cách mạng nước ta. Bởi đó là những luận điệu, là cách nhìn của một lập trường, một thế giới quan hoàn toàn khác, đối lập với chúng ta.

Ta đã biết, cách nhìn nhận, đánh giá sự vật, hiện tượng khách quan là một vấn đề rất quan trọng. Nếu có cách nhìn đúng thì sẽ nhận thức, đánh giá đúng, để từ đó có phương hướng suy nghĩ và hành động đúng. Nếu nhìn nhận, đánh giá sai thì xác định phương hướng hành động sai. Có khi tấm lòng rất trong sáng, nhưng chỉ vì cách nhìn sai, nhận thức sai mà phạm vào khuyết điểm, sai lầm nghiêm trọng.

Chủ nghĩa Mác - Lênin dạy rằng, khi xem xét, đánh giá một sự vật, hiện tượng, phải luôn luôn có phương pháp toàn diện, cụ thể, lịch sử và phát triển. Nếu chủ quan, phiến diện, máy móc, thoát ly hoàn cảnh lịch sử cụ thể thì không thể nhận thức đúng sự vật, hiện tượng. Đánh giá tình hình kinh tế và đời sống của nước ta hiện nay là đánh giá một hiện tượng xã hội phức tạp, có nhiều mặt, nhiều mối liên hệ hữu cơ, chịu tác động của nhiều yếu tố thuộc nhiều phạm trù và quy luật khác nhau, cho nên lại càng phải có phương pháp đúng, khách quan, khoa học, không nên đơn giản, chỉ căn cứ vào cảm tính chủ quan.

Trước hết, phải thừa nhận rằng, hiện nay đất nước ta đang gặp nhiều khó khăn về kinh tế và đời sống, xã hội ta đang có những hiện tượng tiêu cực không thể xem thường. Khó khăn lớn hiện nay là thiếu vốn đầu tư cho sản xuất. Do đó sản xuất chậm phát triển và có những mặt trì trệ. Đời sống của những người ăn lương, của nhân dân, nhất là ở các vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, vùng

gặp thiên tai nặng, đang có những khó khăn gay gắt. Những hiện tượng tiêu cực trong xã hội (như ăn cắp, hối lộ, ức hiếp quần chúng, kỷ luật không chặt, pháp chế không nghiêm...) chậm được khắc phục và có mặt có chiều hướng phát triển.

Những khó khăn, những hiện tượng tiêu cực đó có nguyên nhân khách quan là do chúng ta từ sản xuất nhỏ đi lên, lại liên tục trong mấy chục năm bị chiến tranh tàn phá, hậu quả rất nặng nề. Đã thế, giữa lúc nhân dân ta đang tập trung sức hàn gắn những vết thương chiến tranh, khắc phục những hậu quả của chủ nghĩa thực dân mới, hậu quả của thiên tai, thì các thế lực thù địch lại thực hiện chính sách bao vây cấm vận, chống phá cách mạng nước ta, gây ra cho ta nhiều khó khăn mới.

Về phía chủ quan, chúng ta có những thiếu sót, khuyết điểm, sai lầm. Khuyết điểm lớn nhất là chưa quán triệt đường lối của Đảng, còn non kém trong tổ chức chỉ đạo thực hiện; thiếu kinh nghiệm quản lý, chậm thay đổi và bổ sung những chính sách không còn thích hợp. Một bộ phận cán bộ, đảng viên kém tinh thần trách nhiệm, sa sút phẩm chất, tư lợi, hư hỏng. Có những cán bộ, đảng viên còn lợi dụng những khó khăn để làm điều sai trái, để che đậy sự sút kém phẩm chất và tinh thần trách nhiệm của mình. Có những tiêu cực mà Đảng, Nhà nước và nhân dân đã nhiều lần phê phán, nhưng vẫn không sửa chữa được; có những khó khăn không đáng có nhưng vẫn cứ lặp đi lặp lại.

Chúng ta không sợ khuyết điểm, sai lầm, không ngại nói đến khó khăn, tiêu cực. Trái lại, cần thấy hết những khó khăn, tiêu cực, đánh giá đầy đủ những khuyết điểm, sai lầm để có quyết tâm và biện pháp tích cực sửa chữa. Nếu thấy khó khăn mà việc gì cũng đổ tại khách quan, lúc nào cũng cho rằng những khó khăn, những hiện tượng tiêu cực hiện nay là tất yếu, không phân tích sâu sắc và không nghiêm khắc với những thiếu sót, khuyết điểm chủ quan thì dễ buông trôi, vô trách nhiệm, thậm chí còn có thể nhân danh khó khăn để làm điều sai trái. Mặt khác, nếu chỉ thấy khó khăn, tiêu cực, tuyệt đối hoá những cái đó, phủ nhận hoặc đánh giá thấp

những thắng lợi, những thành tựu, không thấy cục diện cơ bản và xu thế phát triển của cách mạng nước ta, đi đến chỗ bi quan, dao động, mất phương hướng, giảm lòng tin thì lại là không đúng.

Ai cũng biết, lòng tin là một yếu tố hết sức quan trọng. Lòng tin là ngôi sao dẫn đường, là chân trời vẫy gọi và thúc giục mọi người đi tới. Nếu để mất lòng tin là mất phương hướng, mất sức mạnh, mất ý chí và nghị lực đấu tranh. Thực tế đã có không ít người chỉ vì có lúc nào đó bối rối, mất lòng tin mà không còn phương hướng và nghị lực đấu tranh, gục ngã trước thử thách gay go của cuộc chiến đấu. Vì vậy, trách nhiệm lớn lao của mỗi người lúc này, là phải luôn luôn tinh táo củng cố và giữ vững lòng tin; trong khó khăn càng phải vững lòng tin. Đương nhiên, lòng tin của chúng ta không phải là lòng tin mù quáng, mê muội, mà có căn cứ khoa học, trên cơ sở phân tích, nhận định tình hình một cách khoa học. Đó là lòng tin của những người luôn luôn nắm vững quy luật khách quan, hiểu rõ xu thế phát triển của lịch sử, của cách mạng.

* Bài đăng trên Tạp chí *Cộng sản*, số 12-1979.

“PHÁN”*

"Phán", "phán truyền", "phán bảo", "phán xử", "phán xét",... là những từ ngày xưa dùng để chỉ ý kiến của vua chúa, của quan toà, hoặc của các đảng bề trên ban ra, truyền xuống cho các bầy tôi, cho bàn dân thiên hạ. Trong đời sống của những

người dân bình thường người ta ít dùng những từ đó. Nói cách khác, chỉ có vua quan, những kẻ có quyền, có thế, có thái độ kẻ cả mới hay phán và thích phán.

Nhưng hiện nay trong đời sống chúng ta có một số người thích phán và do đó mà từ "phán" xuất hiện với tần số tương đối cao. Nó được dùng với ý nghĩa châm biếm khá sâu sắc.

Xin nêu một ví dụ:

Có cán bộ phụ trách, với chức năng chỉ đạo trực tiếp của mình, đáng lẽ phải đưa ra được những ý kiến chỉ đạo cụ thể, thiết thực, phải lăn lộn trong công tác thực tế, đi sâu nắm chắc vấn đề, tổ chức thực hiện bằng được các chỉ thị, nghị quyết của Đảng thì anh ta lại chỉ phán một cách rất chung chung. Dường như trách nhiệm của anh ta chỉ là "phán"; "phán" xong là anh ta hết trách nhiệm! Nhiều khi vì không nắm được vấn đề hoặc vì "lực bất tòng tâm" anh ta chỉ đưa ra được "mấy đường tơ" chung chung, vô bổ. Nhiều người đã rí tai nhau: "Nếu cứ phán suông như thế thì ai chả phán được". Và cái câu "thủ trưởng phán mấy đường tơ" đã trở thành khá phổ biến ở một số cơ quan, đơn vị để giễu những cán bộ làm việc kiểu như vậy.

Cũng có đồng chí khi nói thì hay, thì đúng. Chẳng hạn như: "Chúng ta phải gương mẫu, miệng nói tay làm, phải sống cho trong sạch, không được tham ô, ăn cắp của công, phải giữ gìn kỷ luật của Đảng, phải đồng cam cộng khổ với quần chúng, phải...". Đúng quá! Nhưng khổ một nỗi là bản thân người phát ra những lời vàng ngọc đó lại không làm đúng như lời mình nói, nhiều khi nói một đường làm một nẻo, thành thử những lời nói hay ho của họ chẳng có ý nghĩa gì và người ta đánh giá "ông ấy chỉ phán là giỏi".

Một số đồng chí khác không chín chắn, thận trọng khi phát ngôn. Là người "cầm cân nảy mực" ở đơn vị, trước một sự việc một hiện tượng, nhất là những sự việc, hiện tượng mới và phức tạp, đáng lý phải xem xét cụ thể, tìm hiểu kỹ càng rồi hãy

có ý kiến, đồng chí đó lại vội vã phán ngay. Có những việc hệ trọng như nhận xét cán bộ, đánh giá tình hình công tác... đồng chí đó cũng kết luận một cách vội vàng, thiếu sự cân nhắc, thận trọng cần thiết. Hoặc giả khi về nghiên cứu xem xét thực tế ở một địa phương, vừa mới chân ướt chân ráo, chưa hiểu hết tình hình cụ thể ở đó thế nào (và có trường hợp cũng không phải là trách nhiệm của mình nữa), đã vội đưa ra những ý kiến "quan trọng", có khi rất "bạo phổi". Nhiều người thường gọi những đồng chí này là những anh "phán ẩu".

Như vậy, trước hết "phán" là một hiện tượng thường thấy ở một số cán bộ có chức có quyền. Tuy nó có những biểu hiện, những hình vẽ khác nhau nhưng chung quy đều là biểu hiện của tư tưởng chủ quan, của thái độ bề trên, có khi pha lẫn cả sự non kém về kiến thức, trình độ hoặc về phương pháp tư tưởng. Cứ để ý quan sát mà xem, những người thích "phán" thường là những người thích đứng cao hơn người khác, thích tỏ ra ta đây là "cỡ này cỡ nọ", thích lên giọng "dạy bảo" người khác. Họ thường nghĩ rằng ý kiến của mình bao giờ cũng là chân lý, là "khuôn vàng thước ngọc", và làm tưởng rằng do có chức có quyền, họ nói thế nào thì quần chúng và cấp dưới cũng phải nghe. Họ không nhớ rằng chính vì họ là người giữ cương vị phụ trách, cho nên mỗi lời phát ra của họ càng phải chín chắn, thận trọng. Nếu không chịu khó nghiên cứu, đi sâu vào thực tiễn, lắng nghe ý kiến quần chúng, tìm hiểu công việc kỹ càng, chỉ bằng vào những kiến thức và kinh nghiệm ít ỏi, cũ kỹ của mình để mà "phán" thì chẳng giải quyết được vấn đề, thậm chí còn gây ra những tác hại không nhỏ. Có khi chỉ vì một lời "phán" sai, một câu kết luận hồ đồ mà ảnh hưởng tới cả một phong trào, công việc trở thành rối rắm, cán bộ tốt bị hiểu thành xấu, việc đáng khen trở thành đáng chê, hoặc ngược lại. Ví dụ: đã có trường hợp trên cùng một cánh đồng, hôm qua anh cán bộ tỉnh về thăm bảo phải trông đậu tương, hôm nay chị cán bộ huyện về bảo phải trông khoai lang, hôm sau

nữa một anh vụ trưởng ở trung ương về lại bảo phải trông tôi... Thật không còn biết lối nào mà lần!

Đó là chưa kể đối với bản thân người "phán", nếu cứ phán theo những kiểu như vậy thì uy tín của họ sẽ còn gì? Hoặc nếu lời nói không đi đôi với việc làm, nói một đường làm một nẻo thì họ còn thuyết phục được ai?

Nhưng đừng nghĩ rằng chỉ những người có chức có quyền mới phán. Trong thực tế có không ít người tuy chẳng có chức tước gì nhưng cũng thích "phán" ra phết đấy. Trước những khó khăn, tiêu cực hiện nay, họ cũng ra dáng "quan toà", tự xếp mình lên trên hoặc đứng ngoài cuộc để phán xét một cách rất chủ quan, tùy tiện. Họ chê bai hết việc này đến việc nọ, bắt bẻ hết lý này đến lẽ khác, dường như họ chẳng có trách nhiệm gì, trong khi trên thực tế chính bản thân họ cũng là một sức ỳ, là một trong những người làm sai, làm bậy. Thậm chí có người phủ nhận cả đường lối, chủ trương đúng đắn của Đảng, nói năng lung tung, cứ như là trên đời này chỉ có một mình anh ta là sáng suốt, là tài giỏi; anh ta là trung tâm của lẽ phải, là cái rốn của chân lý (?). Nhiều khi chẳng hiểu biết tý gì anh ta cũng "phán"; mới nghe đồn hoặc mới biết phong thanh, chưa rõ thực hư thế nào đã "phán"; phán bừa bãi, vô trách nhiệm. Có khi vô tình tự biến mình thành cái loa phát ngôn, cái đài tiếp âm cho bọn chiến tranh tâm lý mà không biết.

Nói chung, những người "phán" kiểu này là những người vừa kém tinh thần trách nhiệm, vừa mắc bệnh chủ quan khi phát ngôn. Họ nhìn nhận sự việc, đánh giá tình hình một cách phiến diện, đơn giản. Biết ít nhưng lại muốn tỏ ra thành thạo, chưa nắm hoặc nắm chưa đầy đủ vấn đề đã vội phán. Phán không kịp suy nghĩ, không biết có đúng sự thật hay không.

Tục ngữ ta có câu: "Biết thì thưa thốt, không biết thì dựa cột mà nghe". Có thể đó cũng là một tác phong cần thiết cho công tác của cán bộ, đảng viên chúng ta. Nó

giúp ta chín chắn hơn, thận trọng hơn và cũng thể hiện sự tôn trọng cần thiết đối với người khác.

Đương nhiên, không nên nhầm lẫn cho rằng mọi ý kiến nhận xét, phê bình, chỉ đạo kịp thời đều là vội vã, là đáng trách. Không, trong thực tế có rất nhiều đồng chí do hiểu biết rộng, từng trải nhiều, giàu kinh nghiệm, cho nên trước những vấn đề gay gắt, phức tạp, thường có được ngay những ý kiến sắc sảo, kịp thời, những quyết định dứt khoát và đúng đắn. Điều đó là hoàn toàn cần thiết. Chúng ta rất quý mến và trân trọng những cán bộ như thế, cách làm như thế.

Chúng ta cũng không máy móc nghĩ rằng chỉ những ai quen với lĩnh vực nào, làm giỏi việc nào mới có quyền được phát biểu ý kiến về những việc ấy. Trái lại, Đảng ta luôn luôn yêu cầu một cán bộ, đảng viên phải nêu cao ý chí cách mạng, dũng khí đấu tranh, làm việc hết sức mình và phát biểu thẳng thắn những ý kiến xây dựng của mình, không quá "thận trọng" đến mức thu mình lại, không dám phê bình, đấu tranh.

Vấn đề quan trọng ở đây là khi đưa ra một ý kiến, một nhận xét, một lời khuyên... chúng ta cần *xác định đầy đủ trách nhiệm của mình, và phải có phương pháp đúng*. Tức là phải có nghiên cứu, có suy nghĩ, có cân nhắc thận trọng, nói đúng chỗ, đúng lúc; suy tính đầy đủ đến tác dụng, hiệu quả và hậu quả lời nói của mình, không "phán" vội và nhất là không "phán" bừa, "phán" ẩu. Người có cương vị, có trách nhiệm lại càng phải thận trọng.

* Bài đăng trên Tạp chí *Cộng sản*, số 7 – 1981.

“TRE GIÀ YÊU LẤY MĂNG NON”*

Ngày xưa, Trưng Trắc dựng cờ khởi nghĩa năm 26 tuổi, Triệu Thị Trinh, cô gái “muốn cưới con gió mạnh, đạp luồng sóng dữ, đánh đuổi quân Ngô, đem lại giang sơn, dựng quyền độc lập, cỡi ách nô lệ” cho dân tộc, đã cùng anh trai chiêu mộ quân sĩ năm 19 tuổi và trở thành người lãnh đạo cuộc khởi nghĩa năm 22 tuổi. Đinh Bộ Lĩnh giữa tuổi thanh niên thực hiện việc thống nhất quốc gia. Lê Hoàn, 30 tuổi đã đánh bại quân Tống xâm lược. Trần Nhật Duật lập công to ở Hàm Tử Quan lúc 27 tuổi. Trần Quốc Toản chưa đủ tuổi dự hội nghị Bình Than, tức giận bóp nát quả cam trong tay lúc nào không biết, rồi tự mình tổ chức nghĩa quân, xông pha đánh giặc. Lê Lợi chiêu tập quân sĩ khi ông mới ngoài 20 tuổi và khởi quân đánh giặc Minh năm 32 tuổi. Nguyễn Huệ, 19 tuổi tham gia phong trào Tây Sơn, 23 tuổi lập công ở Phú Yên, 25 tuổi cầm quân giải phóng Gia Định, 33 tuổi đánh đuổi 2 vạn quân Xiêm, và đến năm 86 tuổi đánh tan 20 vạn quân Thanh, hoàn thành việc giải phóng đất nước.

Như vậy, rõ ràng lịch sử đã từng dành những trang chói lọi cho tuổi trẻ nước ta. Trong lịch sử dân tộc ta đã từng có nhiều lãnh tụ thiên tài, anh hùng lỗi lạc lập được chiến công xuất sắc lúc đang còn ở tuổi thanh niên. Thanh niên là một bộ phận rất quan trọng, tiêu biểu cho sức mạnh của dân tộc. Thanh niên có mạnh dân tộc mới mạnh. Trong sức mạnh của dân tộc, có sức mạnh của thanh niên.

Trong vòng nửa thế kỷ nay, tuổi trẻ nước ta lại càng giữ một vai trò đặc biệt quan trọng. “Đảng ta ra đời và thành lập từ tổ chức Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên. Điều đó có nghĩa là đã có một giai đoạn trong đó thanh niên nắm vai trò là những người châm ngòi lửa đầu tiên cho phong trào cách mạng ở nước ta”¹. Đồng chí Trần Phú giữ chức Tổng Bí thư đầu tiên của Đảng ta khi mới tròn 24 tuổi. Đồng chí Nguyễn Văn Cừ cũng giữ chức Tổng Bí thư của Đảng khi mới 26 tuổi. Các đồng chí Lê Hồng Phong, Nguyễn Thị Minh Khai, Hoàng Văn Thụ... những

cán bộ lãnh đạo xuất sắc của Đảng ta cũng là những đồng chí còn đang tuổi thanh niên. Rồi Cách mạng Tháng Tám, chín năm kháng chiến chống Pháp, và nhất là trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội, chúng ta thấy bất cứ ở đâu, bất cứ trên lĩnh vực nào, thanh niên cũng là những người lính xung kích cách mạng vô cùng anh dũng, thông minh và sáng tạo, lập nên những sự tích anh hùng, những chiến thắng vẻ vang. Hẳn chúng ta còn nhớ hình ảnh kiên cường, bất khuất, dũng cảm, anh hùng của Lý Tự Trọng, La Văn Cầu, Nguyễn Thị Chiên, Phan Đình Giót..., của cả lớp thanh niên trước Cách mạng Tháng Tám và lớp thanh niên kháng chiến chống Pháp? Hẳn chúng ta đã từng biết, hoặc đã từng nghe cái tinh thần gan góc dám "nhìn thẳng vào quân thù mà bắn" của Nguyễn Việt Xuân; cái dũng mãnh "thọc sâu đánh mạnh, trăm trận trăm thắng" của Phan Hành Sơn; cái chín phút cuối đời tiến công mãnh liệt quân thù của Nguyễn Văn Trỗi; cái nụ cười ngạo nghễ, hiên ngang của Võ Thị Thắng; cái quyết tâm "nước còn giặc còn đi đánh giặc" của Lê Mã Lương; cái kiên quyết "trái tim ta có thể ngừng đập, nhưng mạch máu giao thông của Tổ quốc không ngừng tuần hoàn" của Nguyễn Thị Kim Huệ; cái gian lao vất vả, hy sinh thầm lặng, kiên trì đem ánh sáng của Đảng lên cải tạo nghèo nàn, lạc hậu trên vùng cao của Nguyễn Văn Thọ; cái khổ công học tập, say mê nghiên cứu khoa học, mạnh dạn sáng tạo của Nguyễn Văn Hiệu...; cái bản chất anh hùng, vĩ đại của cả thế hệ trẻ Việt Nam? Sung sướng thay, tự hào thay, thế hệ trẻ Việt Nam - thế hệ thanh niên anh hùng của một dân tộc anh hùng! Thế hệ đã làm cho quân thù khiếp sợ, cả nước tin yêu và bạn bè khắp năm châu vui mừng cảm phục; thế hệ bảo đảm thắng lợi hôm nay và ngày mai của chúng ta. Có lần nào nhắc đến thế hệ trẻ Việt Nam mà Bác Hồ yêu quý của chúng ta lại không phấn khởi, tự hào, trong lòng "phơi phới như hoa nở mùa xuân" và "cảm thấy như mình trẻ lại, thấy tương lai của dân tộc ta vô cùng vững chắc và vẻ vang".

Nếu có ai đó không đánh giá đúng vai trò của thanh niên để từ đó mà thêm yêu quý thanh niên, tích cực đào tạo, bồi dưỡng cán bộ trẻ, là bởi họ không có cách nhìn đúng đắn, thật sự khách quan, thật sự cách mạng. Họ bằng vào những biểu hiện tiêu cực của một số thanh niên nào đó để đánh giá sai lạc bản chất tốt đẹp, bản chất cách mạng của thanh niên ta. Họ cho rằng thanh niên chưa trải qua thử thách, thiếu vững vàng, do đó thiếu tin tưởng ở thanh niên, không tích cực đào tạo, bồi dưỡng cán bộ trẻ. Họ không thấy rằng để có những thắng lợi vẻ vang như hôm nay, lớp lớp thanh niên đã phải chịu đựng biết bao hy sinh, trải qua biết bao thử thách.

Đảng ta đã nhiều lần nói rằng, uống nước nhớ nguồn; chúng ta phải ghi lòng tạc dạ, đời đời biết ơn công lao của lớp người đi trước, lớp người xây nền đắp móng cho xã hội tương lai. Nhưng mặt khác, để cách mạng có thể tiếp tục tiến lên, Đảng ta cũng khẳng định rằng nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản chỉ có thể là của các thế hệ trẻ. Bởi vì, như Lênin đã nói, thế hệ những người lớp trước giỏi lắm chỉ có thể phá được nền móng của trật tự xã hội cũ, giỏi lắm thì họ cũng chỉ tạo được điều kiện để xây dựng xã hội mới mà thôi. Xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản, đó là nhiệm vụ của thanh niên, một nhiệm vụ hoàn toàn mới mẻ, hết sức nặng nề và khó khăn. Nó đòi hỏi phải có một lớp người chẳng những có nhiệt tình cao, có phẩm chất tốt, mà còn phải có trình độ hiểu biết về mọi mặt, có năng lực tổ chức và quản lý kinh tế, tóm lại, phải có con người xã hội chủ nghĩa, cộng sản chủ nghĩa. Thanh niên là lớp người sinh ra và lớn lên trong sự biến chuyển không ngừng của cách mạng, được sự giáo dục tốt đẹp của chế độ xã hội chủ nghĩa, thanh niên có sức khỏe, có kiến thức về mọi mặt, nhạy cảm với cái mới, lại dám nghĩ dám làm, thanh niên xứng đáng là lớp người được nhận trọng trách mà Tổ quốc giao cho. Nói như Xtalin: "Thanh niên là tương lai của chúng ta, là hy vọng của chúng ta. Thanh niên sẽ thay thế cho chúng ta là những người đã già rồi. Thanh niên sẽ vác lá cờ của chúng ta đến thắng lợi cuối cùng"².

Nếu có ai đó không chăm lo giáo dục, rèn luyện thanh niên, không tích cực đào tạo, bồi dưỡng cán bộ trẻ là bởi họ không thấy hoặc thấy mà không vận dụng đúng quy luật về sự phát triển của cách mạng. Họ quên mất rằng tre ẩm búi bên gốc là bởi tre già có măng mọc; cách mạng thành công và tiến lên mãi là do cách mạng có nhiều thế hệ, già trẻ nương tựa lẫn nhau, kế tiếp nhau không ngừng phát triển. Quá khứ là tiền đề cho hiện tại, hiện tại kế thừa và bổ sung cho quá khứ nhưng lại là nền móng của tương lai, vươn tới tương lai. Không chăm lo vun xới cho tương lai là kìm hãm sự phát triển của lịch sử, cản trở bước tiến lên của cách mạng.

Chỉ có những ai trong lòng thật sáng, trong treo vô ngần, thật sự toàn tâm toàn ý vì Đảng, vì dân, mới có được cái nhìn đúng đắn, thật sự khách quan, phù hợp với quy luật của cách mạng. Có quan điểm đúng đắn mới có cái nhìn đúng đắn đối với thanh niên, do đó mà yêu quý thanh niên, trân trọng cán bộ trẻ.

“Con hơn cha là nhà có phúc”. Hạnh phúc lớn của một dân tộc, của những người đi trước là đào tạo được lớp người "hậu sinh khả ứ", lớp người kế tục trung thành và xứng đáng sự nghiệp cách mạng vẻ vang, tiếp tục thực hiện lý tưởng cao đẹp mà mỗi người hằng theo đuổi, ước mơ. Với tất cả ý nghĩa đó, chúng ta nói rằng: Hãy yêu quý thanh niên! Hãy trân trọng và tích cực đào tạo, bồi dưỡng cán bộ trẻ.

Tre già yêu lấy măng non

Chắt chiu như mẹ yêu con tháng ngày...

* Bài đăng trên Tạp chí *Học tập*, số 9-1973.

1. Lê Duẩn: *Ta nhất định thắng, địch nhất định thua*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1965, tr 48- 49.

2. I.V.Xtalin: *Bàn về thanh niên*, Nxb. Thanh niên, Hà Nội, 1955, tr. 6.

LÀM XIẾC*

Xiếc là một môn nghệ thuật chân chính đầy hứng thú và hấp dẫn. Nó cuốn hút người xem bởi những tiết mục điêu luyện và tài hoa. Người xem xiếc nhiều khi bị chinh phục và mê mẩn bởi những trò tung hứng đến rối mắt, nhào lộn đến chóng mặt, uốn dẻo cực kỳ tinh vi và khéo léo. Trong tiếng nhạc xập xình lúc trầm bổng, lúc dồn thúc, dưới ánh sáng xanh đỏ, vàng, tím, huyền ảo, lung linh, người xem càng cảm thấy như bị thôi miên đến mức khó mà phân biệt được đâu là thật, đâu là giả; tất cả đều như là ảo thuật. Nhiều người chỉ còn biết gật đầu tán thưởng hoặc vỗ đùi đen đét mà reo lên: Thế thì "thánh" thật! Giỏi đến thế là cùng" .

Có lẽ vì thế mà nói đến xiếc, nhiều người nghĩ ngay đến ảo thuật hoặc một cái gì giống như ảo thuật.

Gần đây, trong dư luận xã hội ta, từ "làm xiếc" được dùng để ám chỉ và phê phán những việc làm có tính xảo thuật và mánh khoé, vì lợi ích cá nhân, lợi ích cục bộ của một số người, một số cơ quan, đơn vị. Và cách dùng từ như vậy phải nói là rất "đắt".

Ta cứ điếm qua một số việc mà xem.

Có những xí nghiệp, những hợp tác xã, những công ty ... "làm xiếc" ngay từ khâu lập kế hoạch sản xuất, kinh doanh. Biết được sự kém cỏi hoặc quan liêu của một số cán bộ có trách nhiệm ở cấp trên, họ dựng lên những tình hình giả, đưa ra những số

liệu giả để “úm” cấp trên, làm kế hoạch một cách gian lận. Năng lực sản xuất của xí nghiệp, đơn vị đáng là một trăm thì họ khai báo độ bảy, tám chục; chi phí sản xuất, mức hao phí nguyên liệu, vật tư đáng là bảy tám chục họ vẽ thành con số hàng trăm. Để làm gì? Để được nhận nhiều tiền vốn, nguyên liệu, vật tư do Nhà nước cấp nhưng chỉ phải giao nộp cho Nhà nước một số sản phẩm không tương xứng. Số tiền vốn, nguyên liệu, vật tư chênh lệch họ sẽ "xàng xê", đem chi dùng vào những việc phục vụ cho lợi ích cục bộ của xí nghiệp, đơn vị họ.

Trong quá trình thực hiện kế hoạch, không ít cơ sở núp dưới chiêu bài "sáng tạo", “linh hoạt”, tìm mọi thứ phù phép, làm đủ trò "ảo thuật" để chuyển đổi, bớt xén hàng hoá, vật tư, làm thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước. Về mặt này, phải công nhận rằng có một số đơn vị đạt đến trình độ "bậc thầy"! Họ lấy khoản này đập vào khoản nọ, dùng cái này bù vào cái khác, thứ này đặt trong sổ sách, thứ nọ để ở "quỹ đen"; họ lập ra hoá đơn giả, chứng từ giả, chi dùng tiền vốn, vật tư một cách vô tội vạ. Họ "xé rào" không phải để sáng tạo ra một phương thức làm ăn mới, vượt qua những gò bó của cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp, mà là vì những lợi ích cục bộ, địa phương, vì tư lợi; họ chạy theo đồng tiền, bất chấp những chính sách, chế độ đúng đắn, mọi người cần phải thực hiện nghiêm chỉnh.

Có những xí nghiệp cứ khoảng tháng 9, tháng 10, xem chừng khó hoàn thành được kế hoạch cả năm thì bắt đầu vò đầu gãi tai trước cấp trên, nêu ra đủ thứ khó khăn để xin được “điều chỉnh kế hoạch”. Thế rồi với kế hoạch mới đã được điều chỉnh (tất nhiên là thấp hơn so với khả năng thực tế), cuối năm đơn vị họ cũng "hoàn thành vượt mức", cũng nhận đủ khoản tiền thưởng như các đơn vị làm ăn chân chính khác. Nếu anh nào "làm xiếc" giỏi, có phép thuật tính toán $2 \times 2 = 5$ (!) thì phần thưởng mà họ lĩnh sẽ còn hơn nữa.

Có những hợp tác xã và tổ sản xuất tiêu thủ công nghiệp chỉ còn cái vỏ là tập thể chứ thực chất là kinh doanh, hành nghề theo kiểu tư nhân, tư nhân một trăm phần

trăm. Ở đó, chủ nhiệm hợp tác xã hoặc tổ trưởng tổ hợp thực chất chỉ là anh "cai đầu dài" đứng ra làm môi giới, ký hợp đồng với nơi này nơi nọ rồi thuê mướn nhân công, kinh doanh hốt lãi. Chính do cách làm ăn gian dối đó của một số người mà trong xã hội ta đang có tình trạng về danh nghĩa thì không ít xí nghiệp, hợp tác xã hoàn thành kế hoạch nhưng Nhà nước vẫn chẳng có thêm được bao nhiêu sản phẩm để trang trải cho các nhu cầu của xã hội.

Đó là chưa kể trong số các sản phẩm làm ra có nhiều cái không bảo đảm tiêu chuẩn chất lượng, thậm chí chất lượng rất tồi. Nhưng vì đã ăn cánh được với các cán bộ OTK, người ta vẫn xếp được nó vào loại chính phẩm; nó vẫn được đưa ra thị trường, vào tay người tiêu dùng, hậu quả thế nào không cần biết. Ngay những hàng giao nộp cho Nhà nước có phải thứ nào cũng bảo đảm tiêu chuẩn kỹ thuật và chất lượng đâu! Lợi dụng sơ hở trong công tác quản lý, những kẻ làm ăn láu cá, láu tôm đánh tráo hàng chính phẩm thành "thứ phẩm" để giữ lại "phân phối nội bộ", còn hàng thứ phẩm thì xếp vào loại "chính phẩm" để giao nộp cho Nhà nước.

Trong sản xuất có nhiều trò "xiếc", sang lĩnh vực phân phối lưu thông càng thấy người ta "làm xiếc" nhiều hơn. Có tiền, có hàng trong tay, một số người trong ngành thương nghiệp vừa cửa quyền, bắt bí, gây khó khăn, phiền phức cho người tiêu dùng vừa giở các mảnh khoé, thủ đoạn để xoay sở, kiếm chác. Những "tiết mục" quen thuộc, thông thường như quay vòng tem phiếu, cân đong đo đếm gian lận, bớt xén tiêu chuẩn của khách hàng, ăn cắp hàng của Nhà nước rồi pha chế lại để giữ đúng định lượng... được các "diễn viên xiếc" của ngành thương nghiệp diễn đi diễn lại mãi. Lắm lúc khách hàng không chịu được đã phải lên tiếng đấu tranh nhưng các "diễn viên" vẫn không "đóng màn" lại. Tệ hơn nữa, họ còn thông đồng, móc ngoặc với "con phe", tuồn hàng của Nhà nước cho "con phe" bán, rồi nhập hàng xấu, hàng giả vào bán trong cửa hàng; hàng tốt thì bán cho tư thương hoặc giữ lại để "bán nội bộ", hàng xấu thì đưa lên thành "hàng tốt" để nâng giá bán kiếm

lời. Chẳng đã có chuyện dao kéo dùng vào việc mổ xẻ của y tế cũng được mang "phân phối nội bộ" đó sao? Chẳng đã có khối người không mua được hàng ở cửa hàng mậu dịch quốc doanh nhưng lại mua được ở chính ngay nhà của nhân viên cửa hàng hoặc "đồng cốt" của nhân viên cửa hàng đó sao? Điều rất đáng suy nghĩ là những hiện tượng đó đang lây lan sang cả những ngành vốn là mô phạm và nhân hậu của xã hội rất tin cậy, kính trọng như ngành y, ngành giáo dục. Bệnh nhân cần thuốc kháng sinh chữa bệnh cấp tính hiểm nghèo ư? Bệnh viện không có, nhưng nếu đến nhà riêng bác sĩ này, cô được tá nọ thì thế nào cũng có, muốn mua bao nhiêu cũng được, chỉ có điều phải mua với giá cắt cổ mà thôi. Thật mỉa mai và đau xót!

Chắc có người sẽ hỏi: Thế cấp trên của họ đâu mà để cho họ làm ăn bậy bạ như vậy? Xin thưa rằng: nhiều vị cấp trên còn "bận"! Và lại, dù cấp trên có quan tâm, có nhiều biện pháp và việc làm tích cực, ráo riết, nhưng có khi do chưa thạo chuyên môn, kém năng lực quản lý, hoặc quan liêu cho nên vẫn bị người ta bịp, bịp mà không biết hoặc biết mà không làm gì được. Một số cán bộ cấp trên thấy tình hình phức tạp quá thì có thái độ lơ tịt, bỏ qua. Thật ra, trừ một số vị cấp trên đồng tình, thậm chí còn đứng ra "đạo diễn" cho các trò "xiếc" đó, cũng có nhiều cán bộ cấp trên rất xông xáo, có trình độ và năng lực, nhưng trong "cơ chế" của ngành, với "luật lệ" của đơn vị như hiện tại, các đồng chí đó rất khó làm việc. Nếu anh muốn xuống kiểm tra cơ sở ư? Vâng, xin mời! Cơ sở sẵn sàng đón tiếp và sẽ đón tiếp một cách "chu đáo". Nhưng xuống cơ sở anh sẽ được những gì? Trước hết sẽ được nghe một bản báo cáo rất rành rọt, lọt tai, có khi kèm theo cả sự phân tích số liệu đâu ra đây, rất chi là cụ thể và khoa học. Nghe sướng tai lắm. Rồi anh sẽ được đi xem xét thực tế, tận mắt chứng kiến "thành tích cụ thể và sinh động" đã được bố trí sẵn để "minh họa" cho bản báo cáo đó. Anh sẽ thấy tất cả đều là hợp lý, hợp lý đến không thể bắt bẻ vào đâu được. Từ số liệu đến sự kiện, từ sổ sách chứng từ đến

hiện trường thực tế, tất cả đều khớp nhau. Anh làm sao mà biết được số liệu ấy là thật hay là ma, hiện trường ấy là thật hay giả. Anh chưa kịp suy nghĩ, so sánh, đối chiếu thì người ta đã mời anh "lên mâm" đánh chén rồi. Gọi là có chén rượu nhạt mừng đón anh, mừng thành tích của ngành ta, không lẽ anh từ chối. Rồi khi anh ra về, người ta sẽ biếu anh một chút "quà mọn", gọi là "cây nhà lá vườn", "đặc sản" của địa phương, của xí nghiệp. Anh không cảm ư? Thì xin gửi biếu bà chị và các cháu vậy!... Cứ theo cách ấy, người ta bao vây anh tứ phía, người ta bịt mõm bịt mắt anh lại, người ta "xiếc" anh, anh làm sao mà biết hết sự tình ở bên dưới; "thủ trưởng" làm sao kiểm tra hết được việc làm của các cán bộ thuộc quyền mình!

Tất nhiên, không phải ở nơi nào cũng thế, ở xí nghiệp, đơn vị nào cũng như vậy. Không, chúng ta không vợ đũa cả nắm. Nhưng phải thừa nhận rằng những hiện tượng "làm xiếc" như vậy đang diễn ra không phải ít. Nó đang gây ra biết bao tai hại cho đời sống kinh tế, xã hội ta, cho thuần phong mỹ tục của nhân dân ta, cho nền đạo đức mới, văn hoá mới của chúng ta. Nó làm hư hỏng không ít cán bộ, đảng viên ta.

Đảng và Nhà nước ta đã nhiều lần phê phán nghiêm khắc những hiện tượng đó. Đông đảo cán bộ, đảng viên và nhân dân thường chê trách những hiện tượng đó. Bởi vì, những hiện tượng đó chính là biểu hiện của tư tưởng con buôn, tư tưởng phường hội, chỉ biết đến lợi ích của cá nhân mình, của bộ phận mình, không phù hợp với tư tưởng và thái độ của người làm chủ tập thể, trái với bản chất chủ nghĩa xã hội. Thử hỏi nếu cơ sở nào, đơn vị nào cũng làm ăn theo kiểu "làm xiếc" gian lận đó, thì Nhà nước làm sao có thể nắm được thực chất của tình hình để có chủ trương, chính sách đúng? Làm sao có thể nắm được sản phẩm, hàng hoá để chủ động được sản xuất, kinh doanh, phân phối, quản lý thị trường, quản lý xã hội?

Chúng ta phải kiên quyết đấu tranh, làm tất cả những gì có thể làm được để hạn chế và từng bước xoá bỏ những hiện tượng "làm xiếc", những kiểu làm ăn dối trá trong đời sống kinh tế - xã hội ta.

* Bài đăng trên Tạp chí *Cộng sản* số 6-1985.

CÁI RIÊNG VÀ CÁI CHUNG*

Một giọt nước trong biển cả, một cái cây trong khu rừng, một cá nhân trong tập thể, một địa phương trong đất nước,... nghĩa là một bộ phận trong toàn cục, tất cả những cái đó nằm trong mối quan hệ giữa cái riêng và cái chung. Không có cái riêng thì không có cái chung, và ngược lại, không có cái chung thì không có cái riêng.

Chủ nghĩa tư bản dựa trên cơ sở chiếm hữu tư nhân về tư liệu sản xuất, sản xuất tư bản chủ nghĩa nhằm thoả mãn lợi ích cá nhân của nhà tư bản cho nên nó rất đề cao cái riêng, tuyệt đối hoá cái riêng. Quyền tư hữu của nhà tư bản được xem như quyền thiêng liêng bất khả xâm phạm. Cái tôi ích kỷ của nhà tư bản được đề cao lên tận mây xanh. Người ta cạnh tranh nhau, dìm dập nhau, thậm chí đâm chém, giày xéo lên nhau cũng chỉ vì lợi ích cá nhân ích kỷ. Sống dưới chế độ tư hữu, ai biết phận này, đèn nhà nào rạng nhà ấy, mọi người không cần biết đến lợi ích của nhau, mỗi người có một cái *Tôi* to tướng. Đạo đức và tình cảm của các nhà tư bản

là "người khác chết cho riêng tôi sống", họ mong muốn "sau tôi là một trận hồng thủy", mọi người lâm nạn, riêng "tôi hứng được trận mưa vàng"!

Trái lại, chủ nghĩa xã hội được xây dựng trên cơ sở chế độ công hữu về tư liệu sản xuất, mục đích của nền sản xuất xã hội chủ nghĩa là thoả mãn nhu cầu ngày càng cao của toàn thể nhân dân, chủ nghĩa xã hội lại có cách nhìn biện chứng và khoa học cho nên thường nhận thức và giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa cái riêng và cái chung, giữa cá nhân và tập thể, giữa bộ phận và toàn cục. Chủ nghĩa xã hội không đối lập cái riêng với cái chung, không chà đạp lên cái riêng như bọn tuyên truyền tư sản thường rêu rao xuyên tạc. Chủ nghĩa xã hội hết sức tôn trọng cái riêng, bảo vệ cái riêng; nhưng trong khi tôn trọng và bảo vệ cái riêng lại rất chú ý đến cái chung, đòi hỏi cái riêng phải nằm trong cái chung và phục tùng cái chung. Cái chung mở đường cho cái riêng, tạo điều kiện cho cái riêng hoạt động hết mình và phát triển rực rỡ, trong khi cái riêng làm tất cả vì cái chung, làm phong phú thêm cái chung. Cái riêng và cái chung thống nhất hài hoà với nhau, nương tựa vào nhau và bổ sung cho nhau. Cái chung không thôn tính cái riêng, cái riêng không nằm ngoài cái chung. Đạo đức của con người trong xã hội xã hội chủ nghĩa là "mỗi người vì mọi người, mọi người vì mỗi người".

Những vấn đề cơ bản nêu trên, mọi cán bộ, đảng viên ta đều đã rõ. Có đồng chí còn được học đi học lại nhiều lần. Vậy mà hiện nay trong chúng ta vẫn có những cách hiểu và cách làm không đúng, giải quyết không thoả đáng mối quan hệ giữa cái riêng và cái chung.

Có nơi trong một thời gian khá dài, không nhận thức đầy đủ ý nghĩa quan trọng của cái riêng, cho nên không quan tâm đúng mức đến việc tạo điều kiện cho cái riêng phát triển. Đáng lẽ phải khuyến khích, động viên các cơ sở, thành viên trong ngành mình, bộ phận mình phát huy tinh thần chủ động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, đẩy mạnh sản xuất và kinh doanh, thì người ta lại "ôm đồm" tất cả, không mạnh

dạn phân cấp, giao quyền cho cơ sở, không kiên quyết thoát ra khỏi lối quản lý quan liêu - bao cấp. Họ rất ngại nói đến sản xuất kinh doanh lỗ lãi; sợ phát triển kinh tế địa phương, kinh tế gia đình sẽ đi vào con đường tự phát tư bản chủ nghĩa! Đáng lẽ phải quan tâm đúng mức đến lợi ích cá nhân người lao động, dùng các chính sách đòn bẩy kinh tế để khuyến khích người lao động phát huy đến mức cao nhất tài năng và trí sáng tạo của mình thì lại chỉ giáo dục chay, hô hào động viên chung chung, rằng hãy vì cái chung, vì tập thể.

Ngược lại, có nơi hiểu không đúng việc phát huy tính năng động, sáng tạo, đi đến chỗ "sáng tạo" vô nguyên tắc, nhấn mạnh một chiều việc chăm lo cho cái riêng, làm việc gì cũng chỉ vì lợi ích cục bộ của riêng địa phương mình, ngành mình, đơn vị mình, không có con mắt toàn cục, không đặt mình trong cái chung tổng thể. Thậm chí có nơi vì lợi ích riêng, sẵn sàng xâm phạm lợi ích chung. Chả thế mà đã có những hiện tượng tìm cách giảm mức khoán, gian dối trong việc tính toán mức hao phí vật tư và số lượng sản phẩm để giảm mức đóng góp với Nhà nước; cố ý làm trái pháp luật Nhà nước, lập quỹ đen, kinh doanh trái phép hoặc tự ý bày đặt ra những luật lệ riêng không đúng nguyên tắc để xoay xở làm sao có lợi cho cơ sở mình. Trong ba phần kế hoạch sản xuất kinh doanh, một số nơi chỉ quan tâm đến "kế hoạch ba", tập trung ưu tiên cho "kế hoạch ba" làm ảnh hưởng xấu đến các phần kế hoạch khác.

Nhiều chỉ thị, nghị quyết của Đảng và Nhà nước đã phê phán mạnh mẽ những biểu hiện không đúng nêu trên, chỉ ra những tác hại nghiêm trọng của nó và đòi hỏi các cấp, các ngành phải giải quyết tốt mối quan hệ giữa lợi ích cá nhân, lợi ích tập thể và lợi ích Nhà nước, tức cũng là giải quyết tốt mối quan hệ giữa cái riêng và cái chung. Gần đây, Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá V) một lần nữa lại nhấn mạnh đến vấn đề này, yêu cầu các cấp, các ngành phải kiên quyết xoá bỏ lối quản lý quan liêu - bao cấp, chuyển hẳn sang thực

hiện hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa, khuyến khích mạnh mẽ các cơ sở, các tập thể và cá nhân phát huy tính năng động, sáng tạo của mình. Nhưng đến nay, một số nơi, một số ngành vẫn còn do dự, ngập ngừng, chưa kiên quyết và dứt khoát chuyển cách làm ăn theo tinh thần của Nghị quyết Trung ương tám. Nếp nghĩ và nếp làm cũ vẫn chưa rời khỏi họ. Nhiều nơi vẫn còn cố bám vào những nguyên tắc, những luật lệ cũ không còn thích hợp làm cho các cơ sở sản xuất vẫn thấy bị bó chân bó tay.

Mặt khác, ở không ít nơi, ngay trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết tám, đã có những biểu hiện tự do, vô kỷ luật, cục bộ địa phương, trái với nguyên tắc tập trung thống nhất trong quản lý kinh tế, quản lý xã hội. Đó là những hiện tượng không tuân theo kỷ luật định giá và giữ mặt bằng giá, lợi dụng thời cơ "đục nước béo cò", tranh thủ làm "chuyện đã rồi" kiểu như một số cửa hàng thương nghiệp trong những ngày bù giá vào lương; làm lộ bí mật kinh tế, phân tán tiền nông ở một số đơn vị, xí nghiệp trong những ngày thu đổi tiền; tranh thủ nâng lương đồng loạt một cách sai trái cho cán bộ, nhân viên ở một số nơi trong những ngày thực hiện cải tiến một bước chế độ tiền lương...

Trong quan hệ giữa cá nhân và tập thể, nhiều nơi có hiện tượng chỉ biết lợi ích cá nhân, tìm mọi cách vun vén cho cá nhân, giải quyết công việc chỉ xuất phát từ yêu cầu và lợi ích cá nhân. Khi có mâu thuẫn giữa lợi ích cá nhân và lợi ích tập thể, người ta sẵn sàng đặt lợi ích cá nhân lên trên lợi ích tập thể. Nguy hiểm rằng Nhà nước còn khó khăn chưa lo hết được cho từng người, từng người phải biết tự lo cho mình, dân giàu nước sẽ mạnh, một số người ra sức chạy chọt, lo lót, buôn bán, làm ăn bất chính để làm giàu cho cá nhân. Một số người lấn đất công, ăn cắp vật tư của Nhà nước, của cải của tập thể để làm nhà trái phép. Một số người lợi dụng chức quyền hoặc nhiệm vụ được giao (nhất là trong các ngành vật tư, thương nghiệp, tài

chính, ngân hàng...) để móc ngoặc, gian lận, vòi vĩnh, chám mót, xà xẻo của công, có người đục khoét rất trắng trợn.

Lại có người nhập nhằng giữa việc công và việc riêng làm sao có lợi cho riêng mình. Họ sẵn sàng mượn tiếng cơ quan, nhân danh tập thể để làm những việc phục vụ cho lợi ích riêng của họ. Việc nào thành công thì nhận là thành tích của riêng mình, công lao của riêng mình; việc nào thất bại hoặc kém kết quả thì đổ tại khách quan hoặc cho đó là "trách nhiệm của tập thể". Cái chung và chỉ riêng ở đây không rõ ràng, có khi lợi chung biến thành lợi riêng, hại riêng hoá ra hại tập thể.

Có thể kể ra nhiều hiện tượng tương tự như thế trong xã hội và trong một bộ phận cán bộ, đảng viên ta. Những hiện tượng này đều trái với bản chất của chế độ ta, làm thiệt hại đến lợi ích chung của Nhà nước và của tập thể.

Càng ngẫm chúng ta càng thấy thấm thía vì sao Đảng ta nhấn rất mạnh sự cần thiết phải giáo dục xây dựng ý thức làm chủ tập thể, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, kiên quyết đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, chống thứ làm chủ cá thể, làm chủ phường hội, không phù hợp với bản chất của chủ nghĩa xã hội.

Bác Hồ đã nhiều lần căn dặn chúng ta: Nhà nước ta ngày nay là của tất cả những người lao động, nhân dân lao động là người chủ tập thể của tất cả những của cải vật chất và văn hoá. Đã là người chủ thì phải chăm lo việc nước như việc nhà, phải biết yêu quý, giữ gìn của công. Cán bộ, đảng viên càng phải gương mẫu, nêu cao tinh thần làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa "*Chủ nghĩa cá nhân, lợi mình hại người, tự do vô tổ chức, vô kỷ luật và những tính xấu khác là kẻ địch nguy hiểm của chủ nghĩa xã hội*"¹.

Thấm nhuần những lời dạy ân cần và sâu sắc của Bác Hồ, thực hiện nghiêm chỉnh các chủ trương của Đảng, chắc chắn chúng ta sẽ giải quyết tốt hơn mối quan hệ giữa cái riêng và cái chung, mối quan hệ giữa lợi ích cá nhân, lợi ích tập thể và lợi

ích Nhà nước, một yêu cầu rất quan trọng trong quá trình thực hiện cơ chế quản lý mới.

* Bài đăng trên Tạp chí *Cộng sản*, số 1-1986

1. *Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng, Sđd, tr. 156.*

BÍ MẬT CỦA ĐỒNG TIỀN

Xưa nay đã có khá nhiều nhà triết học, nhà văn, nhà thơ nói và viết về đồng tiền. Người thì ca ngợi đồng tiền, gọi tiền “là chúa tể”, “là tiên là phật”, “là lá bùa hộ mệnh”, “là thần thánh” (!). Người thì lên án, kết tội đồng tiền, cho tiền là “vật quý quái”, “có ma lực”; đồng tiền gây ra biết bao tội ác ghê tởm, đồng tiền “là con đĩ thập thành”!

Hiện nay trong xã hội ta cũng đang có không ít những hiện tượng sống vì tiền, chạy theo đồng tiền. Dưới mắt của một số người, đồng tiền vẫn là “cái đà của danh vọng”, “cái lọng để che thân”, “cái cân của công lý”!

Đồng tiền là cái gì mà ghê gớm vậy?

Trong bộ *Tư bản*, bằng cách nghiên cứu quá trình vận động và phát triển của các hình thái giá trị nằm trong mối quan hệ giá trị của các hàng hoá, Mác đã tìm ra nguồn gốc và bản chất của đồng tiền, phá bung ra tính chất bí ẩn, xé toang bức màn

thần bí và dối trá vốn một thời vẫn bao phủ lên đồng tiền. Theo Mác, tiền là sản phẩm tất yếu của nền sản xuất hàng hoá. Nó là một hàng hoá đặc biệt được tách ra làm hình thái biểu hiện giá trị của các hàng hoá khác. Lúc đầu, chức năng duy nhất của nó chỉ là làm thước đo giá trị, phục vụ cho việc mua bán, trao đổi hàng hoá. Nhưng rồi dần dần, cùng với sự phát triển của sản xuất, tiền được xã hội thừa nhận làm phương tiện lưu thông, rồi phương tiện cất trữ và phương tiện thanh toán.

Đến thời kỳ tư bản chủ nghĩa, nằm trong tay các nhà tư bản, tiền trở thành phương tiện làm giàu cho nhà tư bản, tức là biến thành tư bản. Nó đóng vai trò quyết định trong việc mang lại lợi nhuận cho các ông chủ của nó. Lúc đầu còn ít, càng về sau lợi nhuận càng nhiều. Cứ qua mỗi vòng tuần hoàn $T - H - T'$, tiền lại lớn thêm lên, lớn lên nhanh như thổi. T' lớn hơn T . T'' lớn hơn T' ... Vì thế tiền được các ông chủ của nó mến yêu, quý trọng, đi đến say mê, rồi say mê một cách điên cuồng. Đồng tiền trở thành đũa con cung, thành báu vật của nhà tư bản. Các nhà tư bản quỳ mọp gối dưới đồng tiền, biến thành nô lệ của đồng tiền. Họ săn đuổi tiền như chó sói săn đuổi mồi, họ sẵn sàng chịu chém đầu hoặc lên giá treo cổ để được nhận ba trăm phần trăm lợi nhuận!

Cứ như thế, chủ nghĩa tư bản càng phát triển, quyền lực của đồng tiền càng lớn. Mọi thứ trong xã hội đều trở thành đối tượng bán và mua, tức là đều trở thành hàng hoá. Mác viết: "Lưu thông trở thành cái bình cổ cong khổng lồ của xã hội, trong đó tất cả mọi thứ đều bị hút vào để rồi lại thoát ra dưới dạng tinh thể tiền". Lòng ham muốn và sự thèm khát tiền ngày càng tăng lên vô hạn độ. Từ chỗ chỉ là vật ngang giá chung, hoạt động trong lĩnh vực lưu thông, lĩnh vực kinh tế đồng tiền xâm nhập và công phá vào cả các lĩnh vực khác nữa, kể cả lĩnh vực đạo đức và tình cảm. Nó phá vỡ tất cả các quan hệ xã hội, chọc thủng các quan hệ gia đình; nó chìm mọi thứ đạo lý và tình cảm con người vào dòng nước băng giá, nó làm cho con người sống và đối xử với nhau một cách lạnh lùng theo lối "trả tiền ngay không tình nghĩa".

Nó làm đảo điên tất cả: tốt hoá thành xấu, phải biến thành trái ("Trong tay sẵn có đồng tiền, thì lòng đổi trắng thay đen khó gì"). Kẻ có tiền là có tất cả ("Có tiền mua tiên cũng được"). Có tiền là có ô tô nhà lầu, có vợ đẹp con khôn, người người kiêng nể.

Đồng tiền trở thành tiêu chuẩn để đánh giá vị trí sang hay hèn, đáng trọng hay đáng khinh trong xã hội, thậm chí nó còn đứng trên cả công lý ("Nén bạc đâm toạc tờ giấy"). Nó biến người tốt thành kẻ xấu, người lương thiện thành trộm cướp, lưu manh, đĩ điếm, "ma cô, ma cậu". Nó làm tha hoá con người khiến cho nhiều người sa đoạ.

Nhưng phải chăng đó là tội lỗi của chính bản thân đồng tiền? Cứ ngắm kỹ từng đồng tiền thì ta thấy nó vẫn là nó. Nó vẫn chỉ là những tờ giấy mỏng manh, hoặc những miếng kẽm, miếng nhôm hiện lạnh, vô tri vô giác. Nó có hề mọc sừng mọc mỏ ra đâu "Giá trị không mang một dòng chữ nào lên trán để nói rõ nó là cái gì"¹. Trong buổi đầu tiên cũng như trong suốt cả chiều dài lịch sử, đồng tiền trước sau cũng vẫn chỉ là phương tiện biểu hiện giá trị của hàng hoá. Nó vẫn chỉ đóng vai trò làm phương tiện lưu thông, phương tiện cất trữ và phương tiện thanh toán. Kẻ làm cho nó trở thành thần bí, thành báu vật chính là chủ nghĩa tư bản, trong đó các nhà tư bản vì lợi nhuận tối đa mà tôn thờ nó, quy lụy nó. Quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa đã biến đồng tiền thành một công cụ để bóc lột, áp bức, đã biến kẻ có tiền thành kẻ có quyền uy, có sức mạnh.

Trong xã hội tư bản chủ nghĩa, con người là nô lệ của đồng tiền. Trong xã hội xã hội chủ nghĩa, do vẫn còn sản xuất hàng hoá cho nên tất yếu vẫn còn phải dùng tiền... Tiền vẫn là một phương tiện quan trọng để tính toán hao phí lao động trong sản xuất và làm môi giới trong lưu thông. Không có tiền người ta không thể mua bán, trao đổi hàng hoá với nhau được, không thể bảo đảm cho cuộc sống bình thường được. Tuy nhiên, so với nền sản xuất hàng hoá tư bản chủ nghĩa, cách sử

dụng, tiêu dùng tiền trong chủ nghĩa xã hội đã khác về bản chất. Nó không phải là tư bản không biểu hiện quan hệ bóc lột, mà là một công cụ của Nhà nước phục vụ cho việc phát triển nền kinh tế quốc dân, nâng cao đời sống của nhân dân. Những quan hệ xa cách, thù địch, dựa trên sự tính toán tiền nong bỉ ổi giữa người và người trong chủ nghĩa tư bản nhường chỗ cho quan hệ đồng chí anh em, trọng nhân cách và tình người.

Thế mà hiện nay trong xã hội ta vẫn có những người sùng bái tiền, tôn thờ đồng tiền chẳng kém gì trong xã hội tư bản. Họ cũng ham thích trữ tiền, săn đuổi tiền; cũng làm cả những việc đến mất cả nhân phẩm để làm giàu, để lo toan cho cuộc sống ích kỷ. Vì tiền, một số người chạy theo bọn gian thương trốn cải tạo, ăn cắp hàng hoá của Nhà nước, tiếp tay cho chúng. Họ "thông lưng", "móc ngoặc" với nhau, kết bè kéo cánh với nhau, giở đủ mọi mánh khoé, thủ đoạn để bòn rút của cải của Nhà nước và tập thể, lừa bịp những người chân thật, lương thiện. Phương châm sống của những người này vẫn là "sống chết mặc bay, tiền thầy bỏ túi". Lương tâm, danh dự, trách nhiệm? Họ cóc cần! Đối với họ, chỉ có tiền là trên hết.

Điều đáng buồn là lối sống đó, cách suy nghĩ theo kiểu con buôn đó đang lây lan sang cả một số người còn đầu xanh tuổi trẻ. Sinh ra và lớn lên trong chế độ mới, nhưng một số thanh niên lại tập tọng, đua đòi sống theo lối sống ích kỷ, tầm thường của bọn chuyên nghề "phe phẩy". Họ cũng lao vào những cuộc buôn bán, đồ đen, cũng rắp tâm kiếm tiền bất chính để ăn chơi "nhậu nhẹt".

Đồng tiền làm lóa mắt bọn tư sản, gian thương, quyến rũ những người kém giác ngộ đã đành; nó cũng đang làm lóa mắt không ít những người trong hàng ngũ chúng ta đang len lỏi và gây rối ở một số cơ quan, công sở. Chúng ta thấy đã có những hiện tượng người dân vào cửa cơ quan, công sở nào đó không có tiền dứt lót thì công việc không xong. Muốn xin một chữ ký cho con đi học: phải có "một chút ít"; muốn xin nhập hộ khẩu, xin chuyển công tác: phải có dứt lót. Thậm chí giữa

các cơ quan, xí nghiệp có khi cần liên hệ, giao dịch công tác với nhau cũng phải có "lót tay", "bồi dưỡng", nếu không thì công việc dây dưa, khó có kết quả. Một số cán bộ có chức, có quyền, nắm vật tư hàng hoá, phương tiện trong tay thì sinh ra cửa quyền vôi vĩnh. Tuy không dám nói trắng ra theo cái kiểu "có ba trăm lạng việc này mới xong" như thời xưa, nhưng bằng cách này, cách khác, họ "gợi ý" khéo cho đương sự hoặc là trực tiếp hoặc là thông qua những nhân vật trung gian "cò mồi". Đây đó người ta quan hệ và đối xử với nhau không phải vì tình vì nghĩa mà đơn thuần chỉ vì vật chất, vì tiền bạc.

Những hiện tượng tiêu cực nêu ra trên đây tuyệt đối không phải là những vấn đề thuộc về bản chất của chủ nghĩa xã hội. Trong buổi đầu của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, khi chúng ta chưa có chủ nghĩa xã hội, khi những yếu tố tư bản chủ nghĩa vẫn còn, thì việc tồn tại những hiện tượng tiêu cực là điều có thể hiểu được. Cuộc đấu tranh chống các hiện tượng tiêu cực gắn liền với cuộc đấu tranh cho thắng lợi của chủ nghĩa xã hội. Những thói hư tật xấu của chế độ cũ còn đang xâm nhập và phá hoại xã hội mới. Cái thây ma chế độ cũ đang còn bốc mùi, đầu độc bầu không khí trong lành của xã hội ta.

Nhưng chớ nên nghĩ rằng những hiện tượng tiêu cực đó chỉ đơn thuần là tàn dư của lối sống cũ, chế độ cũ, hoặc chỉ là vì kẻ thù đang tìm mọi cách tiến công chúng ta, đánh vào lối sống của chúng ta. Thử hỏi nếu ta xây dựng được lối sống đúng, lối sống đẹp, đấu tranh không khoan nhượng với mọi biểu hiện tiêu cực, thì lối sống cũ làm gì có chỗ đứng trong xã hội ta? Đồng tiền làm sao có thể phá vỡ được những thuần phong mỹ tục của nhân dân ta.

Tuỳ theo thái độ đối với đồng tiền mà mỗi người thể hiện nhân sinh quan của mình. Người có nhân sinh quan đúng đắn thì có thái độ đúng đắn đối với đồng tiền. Còn người sùng bái đồng tiền, chạy theo đồng tiền, kiếm tiền bằng bất cứ thủ đoạn

nào là người không muốn lao động, chỉ muốn bóc lột, đua đòi, ăn chơi, chạy theo lối sống xa hoa, hưởng lạc.

Có người cho rằng, trong điều kiện kinh tế và đời sống có nhiều khó khăn thì không thể xây dựng được lối sống mới, lối sống đẹp. Điều đó không hoàn toàn đúng. Là những người theo chủ nghĩa duy vật, chúng ta đồng ý phải có một cơ sở kinh tế nhất định mới có thể xây dựng được đời sống tinh thần nhất định; nhưng mặt khác, lại phải thấy đời sống tinh thần không hoàn toàn phụ thuộc một cách máy móc vào đời sống vật chất. Thực tế đã chẳng có những anh càng giàu càng keo kiệt, bủn xỉn? Có những gia đình lắm của nhiều tiền mà suốt ngày lục đục, đánh chửi lẫn nhau, thậm chí đâm chém nhau? Có những nước kinh tế tăng trưởng, vật chất đầy đủ, nhưng xã hội đầy rẫy bất công, giá trị đạo đức tinh thần xuống cấp đến thảm hại? Chúng ta chẳng đã từng chiến thắng những kẻ địch hung bạo trong hoàn cảnh đời sống vật chất cực kỳ khó khăn đó sao? Dân ta từ ngàn xưa đã phải gánh chịu nhiều khó khăn, thiếu thốn trăm bề về vật chất, nhưng có phải vì thế mà để mất đi cái cốt cách, cái phong độ hào hiệp, khảng khái, trọng danh dự tuyệt vời của người Việt Nam? Đạo lý của người Việt Nam ta là "vật khinh tinh trọng", "tiếng chào cao hơn mâm cỗ", "đói cho sạch, rách cho thơm", không vì nghèo khó mà làm điều xằng bậy, làm mất phẩm giá con người. Trái lại, càng trong hoàn cảnh đời sống vật chất có nhiều khó khăn lại càng cần phải chăm lo đời sống tinh thần, xây dựng lối sống trong sạch, lành mạnh. Nói rằng vì đời sống khó khăn mà sống hạ thấp mình đến làm nô lệ cho vật chất, quy lụy đồng tiền thì chỉ là nguy hiểm, là biện hộ cho những việc làm sai trái, vô đạo đức.

Tóm lại, đồng tiền chẳng có gì là bí mật và ghê gớm cả. Nó trước sau vẫn chỉ là vật vô tri vô giác, là công cụ, là phương tiện phục vụ cho sản xuất và đời sống của con người. Vấn đề chỉ là ở thái độ của mỗi người đối với nó. Nếu thèm khát tiền một cách điên cuồng, chạy theo tiền đến mê muội, làm cả những việc thất nhân tâm,

không tình không nghĩa thì đó là thái độ của kẻ bóc lột, vô đạo đức. Nếu để cho tiền lôi kéo, làm cho sa đọa đến mục ruỗng cả tâm hồn, mất hết cả ý chí thì đó là thái độ của kẻ bạc nhược không bản lĩnh. Chỉ có đối xử với tiền một cách đúng mức, sử dụng tiền một cách khoa học theo đúng tính chất và vai trò của nó mới là thái độ của người biết suy nghĩ, có lương tâm, trọng danh dự và nhân cách.

* Bài đăng trên Tạp chí *Cộng sản*, số 3 – 1985.

1. C. Mác: *Tư bản*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1973, q.1, t.1, tr. 144.

XÀI SANG*

Trong bài *Những việc cần làm ngay* đăng trên báo *Nhân dân*, ngày 11-8-1987, đồng chí N.V.L đã nêu hiện tượng có một số cơ quan và cán bộ công tác ở nước ngoài thích sắm và đi xe ô tô sang trọng, đắt tiền, mỗi chiếc phải mua với giá tương đương với toàn bộ số ngoại tệ của một huyện thu được do xuất khẩu lạc trong một năm. Hiện nay, khắp các tỉnh, thành cả nước trong khi các xe hơi dùng còn tốt, nhiều cơ quan, thủ trưởng vẫn cho sắm các xe con kiệu mới để đi lại cho oai, cho sang... Bài báo đã gọi “đây là một sự thật nhức nhối”!

Cuộc sống hiện nay đang có không biết bao nhiêu những hiện tượng nhức nhối kiêu như vậy.

Có người cậy mình buôn bán lắm của nhiều tiền, hợm hĩnh, thích phô trương, sĩ diện, ăn tiêu theo lối “ném tiền qua cửa sổ”. Người ta cưới vợ cho con hoặc làm ma báo hiếu cho cha mẹ ăn uống linh đình mấy ngày.

Có người ỷ thế có nguồn cứu trợ từ nước ngoài hay có khoản hỏa hồng "trời cho" nào đó, ăn chơi đập phá xả láng, lai rai nhậu nhẹt tối ngày. Qua những tiệm rượu, tiệm cà phê, có thể thấy tập nập những người có máu "anh chị" "chịu chơi"; họ xài toàn những thứ thiết sang, thiết quý. Bia phải bia hộp, rượu phải rượu Tây, thuốc lá phải galăng hay ba số. Món ăn giò chả đối với họ chẳng nghĩa lý gì, xoàng họ cũng phải dùng những thứ "đặc sản" khó kiếm...

Sống sang, ăn sang, tiêu sang, chơi sang đang thành cái một của không ít người. Kẻ lắm tiền đã vậy, người ít tiền cũng cố đua đòi, tập tọng "học làm sang". Người ta ganh đua nhau, chỉ sợ mình mang tiếng là hèn kém, là "không chịu chơi", là "tầm"!

Cái bệnh sĩ diện, thích chơi sang lây lan vào cả một số cơ quan, đơn vị hành chính. Không ít nơi chạy vạy cố xây cho được những trụ sở sang trọng, nhà văn hoá kiểu cách, cửa hàng diêm dúa, lộng lẫy... tốn rất nhiều tiền, nhưng dường như chỉ để phô trương, hiệu quả sử dụng rất kém. Trong khi Nhà nước còn thiếu ngoại tệ để mua vật tư, nguyên liệu, phân bón, thuốc trừ sâu... những thứ thiết yếu phục vụ sản xuất, thì có cơ quan vẫn cứ dùng ngoại tệ, kể cả ngoại tệ mạnh, để mua sắm những thứ hàng tiêu dùng cao cấp chưa thật cần thiết, hoặc những hàng xa xỉ, không phù hợp với điều kiện và túi tiền của mình.

Hiện tượng dùng tiền của công để quà cáp biếu xén cho nhau, liên hoan chè chén, chiêu đãi, thù tiếp lẫn nhau, xảy ra khá phổ biến. Có những ông giám đốc, những vị thủ trưởng quanh năm mùa nào thức ấy, được cấp dưới biếu quà gửi tặng phẩm một cách trọng thị. Thôi thì ngày tết, ngày lễ, ngày kỷ niệm thành lập xí nghiệp, thành lập ngành, mừng hoàn thành kế hoạch sản xuất, mừng khánh thành một ngôi nhà mới dựng, một công trình mới xây... cứ mỗi dịp lại một món quà có giá. Nạn

ăn uống chè chén khá lu bù. Báo *Nhân dân*, ngày 18-8-1987, cho biết, chỉ tính riêng sáu khách sạn ở tỉnh H, trong sáu tháng đầu năm đã có 166 bữa tiệc hội nghị, chi ăn mỗi suất tốn bằng mấy tháng lương của một kỹ sư vừa hết thời hạn thực tập. Nghe nói đó mới chỉ là những "bữa cơm hội nghị" loại bình thường hoặc loại xoàng. Ở nhiều nơi còn có những bữa tiệc sang hơn, thịnh soạn hơn; có những bữa chiêu đãi, khách vừa ăn vừa nhậu thoải thích, vừa được nghe nữ ca sĩ hát rất "mùi"... Thậm chí có ông giám đốc ngân hàng ra Hà Nội họp, nghỉ tại khách sạn cũng tổ chức chiêu đãi có "ca sĩ" mà ông luôn mang theo. Nếu ai bớt thời gian thử tính xem một năm các địa phương, các đơn vị có bao nhiêu cuộc hội nghị, bao nhiêu buổi liên hoan, bao nhiêu lần tiếp khách (khách đến, khách đi, khách cấp trên, khách bạn hàng, khách kiểm tra, thanh tra, khách tham quan trao đổi kinh nghiệm, khách ban thi đua, khách nhà báo, khách trong nước và cả khách nước ngoài...), tổng cộng cả nước có bao nhiêu khách sạn phục vụ những cuộc tiệc tùng như thế, chắc sẽ không khỏi kinh ngạc, giật mình bởi những con số chi phí quá to, quá nhức nhối.

Điều đáng nói là có những vị ăn ở, đi lại quá cầu kỳ, kiêu cách và tốn kém. Ở thì rộng quá xa tiêu chuẩn, với nhiều căn hộ, ở nhiều địa điểm khác nhau. Tiện nghi trang bị, mua sắm toàn những thứ sang trọng, đắt tiền. Có vị xây xong nhà cho mình lại xây luôn nhà cho con, hôm nay quét vôi màu này, ngày mai không ưng lại cho quét thay màu khác. Nhiều người tiêu xài quá đáng. Điện nhà nước họ cứ việc dùng, một tháng hết 4.000- 5.000 số, cũng không cần để ý. Rồi còn con cái, anh em thân thích. Họ mặc toàn đồ sang, dùng toàn thứ quý, ăn uống đủ thứ ngon vật lạ. Của cải ấy, tiền bạc ấy ở đâu ra? Chắc chắn không phải hoàn toàn do lao động chân chính của họ mang lại. Nhưng dù từ nguồn nào thì tất cả những của cải, tiền bạc ấy, xét cho cùng đều là mồ hôi, là nước mắt, thậm chí cả xương máu của đồng bào, chiến sĩ ta. Ai cho họ được mặc sức tiêu xài phóng túng như vậy? Phải

chẳng họ cậy mình có quyền thế, có tiền bạc, tự cho phép mình được vung phí của công, không nghĩ gì đến mồ hôi nước mắt của nhân dân, quên mất cả thanh liêm đạo đức?

Cái tệ sử dụng lãng phí xe con cũng đang khá nghiêm trọng. Theo báo *Nhân dân*, ngày 4-9-1987, hiện nay cả nước có hơn 50 nghìn xe con các loại, chiếm hơn 25% tổng số xe hiện có. Có nhiều trường hợp dùng xe không đúng quy định, không có tiêu chuẩn cũng cứ dùng xe con của công đi làm. Nhiều xe công được dùng vào việc riêng. Tổ chức một đám cưới cho con cũng phải có xe đưa đón dâu, rể... Do việc dùng xe con bừa bãi như vậy cho nên rất tốn xăng dầu. Tính ra, số xăng dầu mà xe con dùng quá mức quy định đã làm lãng phí từ 50 đến 70 nghìn tấn một năm...

Tục ngữ có câu “miệng ăn núi lở”, "mưa dầm lâu cũng lụt", mà "đã lụt thì lụt cả làng". Một nền kinh tế dù có vững vàng bao nhiêu, sản xuất dù phát triển như thế nào, nhưng nếu không tiết kiệm, cứ tiêu dùng hoang phí thì chẳng khác nào gió vào nhà trống, rớt cuộc của cái vào lỗ hà ra lỗ hồng, làm bao nhiêu tay không vẫn hoàn tay không. Không phải ngẫu nhiên mà các nước có nền kinh tế phát triển, đời sống nhân dân rất cao người ta vẫn rất đề cao vấn đề tiết kiệm. Tiết kiệm đối với họ bao giờ cũng là quốc sách. Huống chi đối với ta, một đất nước phải chịu hậu quả nặng nề của mấy cuộc chiến tranh tàn phá ác liệt hiện đang cần phải xây dựng nhiều thứ, trước mắt có rất nhiều khó khăn, làm sao lại có thể lãng quên vấn đề tiết kiệm, chi tiêu một cách xả láng? Những người tự bỏ tiền túi của mình ra để tiêu xài lãng phí trong khi đất nước còn nghèo và có nhiều khó khăn đã là thất nhân tâm, rất đáng phê phán. Những người lấy tiền của của nhà nước, của tập thể để chi dùng quá mức cho cuộc sống riêng của mình càng cần phải nghiêm khắc phê phán và tùy trường hợp phải bị xử lý thích đáng.

Chúng ta không phản đối việc ăn ngon, mặc đẹp, ở rộng, đầy đủ tiện nghi, đi lại thuận tiện, dễ dàng; không bác bỏ cuộc sống đầy đủ, đàng hoàng do thu nhập chính đáng bằng lao động của mỗi người đem lại, không đố kỵ với những người có điều kiện sống khá giả. Trái lại, sống sung sướng, hạnh phúc trong công bằng là mục đích của chủ nghĩa xã hội; chúng ta phấn đấu hy sinh là cốt làm cho cuộc sống của mỗi người, mỗi gia đình ngày càng được sung sướng hơn, hạnh phúc hơn. Nhưng chúng ta không thể đồng tình với những lối sống quá cầu kỳ, hợm hĩnh, quá cách biệt, xa lạ với đời sống chung của mọi người lao động, không phù hợp với hoàn cảnh của đất nước. Đồng thời, chúng ta kiên quyết lên án những hành vi lợi dụng chức quyền tham ô, ăn cắp của công, làm lãng phí nghiêm trọng tài sản của Nhà nước và của tập thể để có cuộc sống xa hoa, phè phỡn. Mọi sự tiêu dùng lãng phí, xa xỉ không thể làm tăng thêm danh giá cho cơ quan hay cá nhân người nào. Trái lại, nó gây ra không biết bao nhiêu tổn kém, ảnh hưởng đến nền kinh tế tài chính của nước ta, tạo ra một lối sống không lành mạnh trong xã hội ta, làm hư hỏng nhiều cán bộ, đảng viên và góp phần tạo ra sự cách biệt giữa cán bộ và quần chúng, làm giảm sút lòng tin của nhân dân đối với Đảng.

* Bài đăng trên Tạp chí *Cộng sản*, số 10-1987.

**PHÁT HUY TRUYỀN THỐNG VẺ VANG, LÀM TỐT HƠN NỮA CÔNG
TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG***

1. Bảy mươi tư năm đã trôi qua kể từ ngày Đảng Cộng sản Việt Nam được thành lập (3-2-1930). Đó là 74 năm cách mạng Việt Nam trải qua biết mấy thăng trầm vượt qua biết bao gian nan thử thách, từng bước đi lên, giành hết thắng lợi này đến thắng lợi khác, lập nên nhiều kỳ tích vẻ vang. Từ thắng lợi của cuộc Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945 đến thắng lợi của các cuộc kháng chiến oanh liệt giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc, đánh thắng chủ nghĩa thực dân cũ và chủ nghĩa thực dân mới. Từ chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ "lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu" đến miền Bắc hoàn toàn được giải phóng; nhân dân lao động đứng lên làm chủ vận mệnh của mình, xây dựng cơ sở vật chất cho chế độ xã hội mới, để rồi với chiến thắng vang dội mùa Xuân 1975, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, thống nhất đất nước, đưa cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội. Những thành tựu của gần 20 năm đổi mới, đất nước vượt qua thử thách hiểm nghèo, phá thế bao vây cấm vận của các thế lực thù địch, phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, mở rộng quan hệ quốc tế, tạo tiền đề vững chắc để đất nước ngày càng phát triển theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Tất cả những thực tiễn phong phú, sôi động, hào hùng đó đã nói lên nhiều điều, cho chúng ta nhiều bài học quý, đặc biệt là bài học về xây dựng Đảng.

Tuy nhiên, để có được những thành quả đó, Đảng ta và nhân dân đã phải đổ bao xương máu, gánh chịu biết bao hy sinh. Chỉ riêng cuộc "khủng bố trắng" của thực dân Pháp trong những năm 1931 - 1932 đã có hàng vạn cán bộ, đảng viên và những người yêu nước bị giam cầm, tù đày, bị giết dần, giết mòn; nhiều đồng chí lãnh đạo xuất sắc của Đảng như Trần Phú, Ngô Gia Tự, Nguyễn Đức Cảnh và sau này là Lê Hồng Phong, Nguyễn Văn Cừ, Hà Huy Tập, Nguyễn Thị Minh Khai... bị sát hại. Ở các nhà tù lớn của địch như Côn Đảo, Sơn La, Hoà Lò, Lao Bảo... giam

chặt ních những người cộng sản; riêng ở nhà tù Côn Đảo có đến 793 đồng chí hy sinh; ở Kom Tum có 339 đồng chí bị thủ tiêu. Trong những năm 1954 – 1959, ở miền Nam có 466.000 đảng viên và những người yêu nước bị bắt giam, 400.000 người bị đưa đi đày và 68.000 người bị giết. Riêng trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ đã có gần 160.000 đảng viên hy sinh...

Nhìn lại chặng đường đấu tranh oanh liệt của Đảng ta trong 74 năm qua, ôn lại những khó khăn gian khổ cùng những thắng lợi vẻ vang mà nhân dân ta đã giành được dưới sự lãnh đạo của Đảng, chúng ta càng trân trọng quá khứ, nâng niu giữ gìn những thành quả của cách mạng, càng thấm thía và biết ơn vô hạn công lao trời biển của Chủ tịch Hồ Chí Minh muôn vàn kính yêu, càng hiểu thêm, tin yêu thêm và tự hào thêm về Đảng ta, nhân dân ta, dân tộc ta. Chúng ta thành kính tưởng nhớ các bậc cách mạng tiền bối, các nhà lãnh đạo xuất sắc của Đảng qua các thời kỳ, các chiến sĩ cộng sản kiên cường, các anh hùng, liệt sĩ, đồng chí, đồng bào đã anh dũng hy sinh trong cuộc đấu tranh lâu dài, gian khổ của nhân dân ta vì sự trường tồn của dân tộc và sự phát triển của đất nước.

2. Thực tiễn 74 năm qua ở nước ta khẳng định rằng, muốn cách mạng tiến lên, đất nước phát triển, nhân dân có cuộc sống ấm no, hạnh phúc, nhất thiết phải có sự lãnh đạo của Đảng. Cách mạng càng phát triển càng cần có sự lãnh đạo của Đảng ở tầm cao hơn, ở phạm vi rộng hơn, sâu sắc hơn. Càng đi vào đổi mới, đi vào phát triển kinh tế thị trường, mở cửa hội nhập quốc tế càng phải *giữ đúng và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng*. Đây là vấn đề có tính quy luật, là nhân tố bảo đảm cho đất nước phát triển theo đúng định hướng xã hội chủ nghĩa. Tuyệt đối không mơ hồ, dao động về vấn đề này. Muốn thế, phải thường xuyên đổi mới, chỉnh đốn Đảng, làm tốt công tác xây dựng Đảng, coi đây là vấn đề then chốt, nhiệm vụ sống còn của cách mạng. Trong công tác xây dựng Đảng, phải kiên định, quán triệt sâu sắc và phát triển sáng tạo những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư

tưởng Hồ Chí Minh, chống các khuynh hướng lệch lạc, giáo điều hoặc cơ hội, bảo đảm giữ vững bản chất cách mạng và khoa học của Đảng, giữ cho Đảng luôn luôn và mãi mãi là Đảng Cộng sản, đảng cách mạng chân chính, hoạt động vì lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc.

Trách nhiệm cao cả và nặng nề trước hết của một đảng chính trị là *vạch ra cương lĩnh, đường lối đúng* để lãnh đạo đất nước, dẫn dắt cả dân tộc đi lên, *không được phạm sai lầm về đường lối*. Đây là vấn đề cốt tử, đòi hỏi Đảng phải thường xuyên *nâng cao bản lĩnh chính trị, trình độ trí tuệ và năng lực lãnh đạo của mình*. Đường lối chính trị đúng là đường lối phản ánh đúng quy luật khách quan, phù hợp với nguyện vọng của nhân dân, đáp ứng đúng yêu cầu của thực tiễn, chỉ ra được mục tiêu, phương hướng và giải pháp cơ bản của cách mạng, trên cơ sở đó tập hợp, tổ chức, động viên quần chúng thực hiện một cách có hiệu quả. Từ ngày thành lập đến nay, Đảng ta đã bốn lần xây dựng cương lĩnh. Đó là *Chính cương vắn tắt* tháng 2-1930; *Luận cương chính trị của Đảng* tháng 10-1930; *Chính cương của Đảng lao động Việt Nam* tháng 2-1951; *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* tháng 6-1991; và nhiều nghị quyết của các Đại hội Đảng. Trong các cương lĩnh và văn kiện Đại hội của Đảng đã trình bày rõ quan điểm, đường lối cơ bản của Đảng là xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập dân chủ và giàu mạnh, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Trong những năm đổi mới, Đảng ta đã đề ra được và từng bước bổ sung, phát triển, hoàn thiện dần đường lối đổi mới, hình thành ngày càng rõ hơn con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Đây là kết quả của cả một quá trình tìm tòi, đổi mới tư duy lý luận, tổng kết thực tiễn, mở rộng dân chủ, phát huy trí tuệ của toàn Đảng, toàn dân, nắm bắt được những vấn đề nảy sinh từ cuộc sống. Trong khi kiên định mục tiêu, lý tưởng, kiên định những vấn đề có tính nguyên tắc, Đảng luôn luôn có ý thức đổi mới, sáng tạo, dám từ bỏ những cái cũ không còn thích hợp, cả trên lĩnh

vực kinh tế cũng như trên lĩnh vực văn hoá, xây dựng; cả đối nội và đối ngoại; giải quyết tốt mối quan hệ giữa giai cấp và dân tộc, quốc gia và quốc tế, mở rộng khối đại đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế, tập trung sức cho công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước. Đổi mới nhưng không xa rời nguyên tắc và phương pháp biện chứng duy vật; không phiến diện, cực đoan, hoặc giản đơn từ cực này nhảy sang cực kia.

Trong công tác giáo dục chính trị tư tưởng, Đảng đặc biệt coi trọng việc củng cố, nâng cao niềm tin, bản lĩnh chính trị, đạo đức cách mạng, ý chí kiên định lý tưởng của đội ngũ cán bộ, đảng viên, trước hết là các cán bộ lãnh đạo chủ chốt; thường xuyên có kế hoạch tổ chức cho cán bộ, đảng viên học tập nâng cao trình độ hiểu biết về mọi mặt, nhất là trình độ tư duy lý luận; trình độ nhận thức, nắm bắt quy luật; trình độ tiếp cận, phân tích, tổng kết thực tiễn; năng lực đề ra quyết sách đúng và tổ chức thực hiện có kết quả đường lối, chủ trương của Đảng. Trước mỗi bước ngoặt và trước những diễn biến phức tạp của tình hình thế giới và trong nước, Đảng kịp thời có định hướng tư tưởng, uốn nắn những nhận thức lệch lạc, phê phán những quan điểm và khuynh hướng không đúng, tạo sự nhất trí cao và sự vững vàng về tư tưởng trong Đảng và sự đồng thuận trong nhân dân. Đảng yêu cầu tất cả cán bộ, đảng viên, dù ở cương vị nào, cũng phải không ngừng tự rèn luyện để nâng cao đạo đức cách mạng, khắc phục các thói quan liêu, cửa quyền, giữ gìn thanh danh, uy tín của Đảng. Phải thấm nhuần sâu sắc và thực hiện lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh về đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân. Cán bộ càng cao càng phải gương mẫu. Các tổ chức đảng xây dựng quy chế và có biện pháp giáo dục, bồi dưỡng, kiểm tra, quản lý hoạt động của cán bộ, đảng viên. Kịp thời biểu dương những cán bộ, đảng viên gương mẫu đồng thời xử lý nghiêm minh những người hư hỏng, không có đủ tư cách đảng viên.

Đi đôi với việc xây dựng Đảng về chính trị tư tưởng. Đảng ta luôn luôn chăm lo xây dựng, củng cố Đảng về tổ chức, bảo đảm nội bộ đoàn kết thống nhất, có sức chiến đấu cao. Xây dựng, củng cố Đảng về tổ chức bao gồm nhiều việc. Từ xây dựng cơ cấu bộ máy đến xác định chức năng, nhiệm vụ, cơ chế vận hành; từ bố trí cán bộ đến xây dựng phương thức, lề lối làm việc; từ thực hiện các nguyên tắc tổ chức đến quản lý, kiểm tra hoạt động của các thành viên trong tổ chức. Trong đó đặc biệt quan tâm thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ và chấn chỉnh hệ thống tổ chức của Đảng.

Thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ là vấn đề trọng yếu bảo đảm cho Đảng thật sự chặt chẽ về tổ chức, đoàn kết thống nhất và có sức chiến đấu cao. Một mặt phải thực hiện đầy đủ các quyền dân chủ của đảng viên, có quy chế, quy trình để các đảng viên tham gia vào quá trình hoạch định và tổ chức thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng; cán bộ lãnh đạo, nhất là người đứng đầu, phải tôn trọng và lắng nghe ý kiến cũng như những việc làm sáng tạo của đảng viên, của cấp dưới; lắng nghe các ý kiến khác nhau trước khi quyết định; thực hiện dân chủ tập thể trong công tác cán bộ. Mặt khác, phải đấu tranh với những khuynh hướng dân chủ hình thức hoặc dân chủ cực đoan, muốn lợi dụng dân chủ để gây chia rẽ, bè phái, mị dân, theo đuôi quần chúng lạc hậu; đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, tư tưởng kèn cựa, địa vị, tranh giành ngôi thứ, lợi lộc, cũng như đầu óc cục bộ, bản vị là nguyên nhân quan trọng gây ra tình trạng mất đoàn kết. Dân chủ chân chính không thể có được nếu thiếu tập trung, thiếu kỷ luật, thiếu trách nhiệm. Dân chủ không tương dung với thói độc đoán, chuyên quyền, cũng không phải là tự do vô chính phủ. Nếu xa rời hoặc coi nhẹ nguyên tắc tập trung dân chủ là làm sai lạc tổ chức đảng từ trong bản chất; nếu thực hiện không đúng nguyên tắc tập trung dân chủ là làm yếu sức mạnh của Đảng từ gốc.

Hơn bảy mươi năm lãnh đạo nhân dân tiến hành cách mạng, Đảng Cộng sản Việt Nam *luôn luôn gắn bó chặt chẽ với nhân dân*, được nhân dân cuu mang, che chở, giúp đỡ hết lòng. Và chính nhờ thế mà Đảng có đủ khả năng và sức mạnh lãnh đạo cách mạng vượt qua mọi khó khăn, chiến thắng mọi kẻ thù, dù đó là kẻ thù hung bạo nhất. *Liên hệ mật thiết với nhân dân là một truyền thống tốt đẹp của Đảng. là bài học lớn của cách mạng Việt Nam.* Nhân dân tin Đảng, ủng hộ Đảng, theo Đảng làm cách mạng. Còn Đảng làm hết sức mình để phục vụ nhân dân, phát huy vai trò và khả năng sáng tạo không bao giờ cạn của nhân dân. Trong điều kiện hiện nay, vấn đề này lại càng có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, bởi vì, như Lênin nói, một trong những nguy cơ lớn nhất và đáng sợ nhất đối với một đảng cầm quyền là Đảng tự cắt đứt mối liên hệ với quần chúng nhân dân.

Ngày nay, trong điều kiện mới, với quy mô, tầm vóc to lớn của cách mạng, với vai trò và trình độ ngày càng cao của nhân dân, với vị thế mới của mình, Đảng Cộng sản Việt Nam có thêm điều kiện thuận lợi để mở rộng và tăng cường mối liên hệ với nhân dân. Nhưng mặt khác, với vị thế là Đảng cầm quyền, tính chất và phương thức lãnh đạo mới, mối liên hệ giữa Đảng và nhân dân cũng có những đòi hỏi cao hơn và đang đứng trước những thử thách mới. Ngoài những nỗ lực phấn đấu để vượt qua khó khăn khách quan, Đảng phải cố gắng rất nhiều để khắc phục những khuyết điểm chủ quan, như tình trạng quan liêu, mệnh lệnh, cửa quyền trong một số cơ quan lãnh đạo và quản lý; những hiện tượng sa sút về đạo đức lối sống, tác phong công tác của một số cán bộ, đảng viên, nhất là những hiện tượng tham nhũng, sách nhiễu dân, lợi dụng chức quyền để mưu lợi cá nhân, trù dập, ức hiếp quần chúng.

Tóm lại, từ thực tiễn xây dựng, hoạt động, phát triển và trưởng thành của Đảng Cộng sản Việt Nam trong suốt tiến trình cách mạng của dân tộc ba phần tư thế kỷ qua cho phép rút ra kết luận: *Một đảng cách mạng chân chính có đường lối đúng,*

có tổ chức chặt chẽ, có đội ngũ cán bộ, đảng viên trong sạch, gương mẫu, tận tụy, gắn bó mật thiết với nhân dân, được nhân dân ủng hộ thì Đảng đó là vô địch; Đảng đó có sức mạnh không thể lực nào ngăn cản nổi lên con đường dẫn dắt dân tộc đi lên, nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng.

3. Từ Đại hội IX đến nay, công tác xây dựng Đảng đã được triển khai tương đối đồng bộ, bước đầu chuyển biến, mang lại kết quả trên một số mặt. Năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng được nâng lên; nhiều chính sách của Đảng đi vào cuộc sống, mang lại kết quả thực tế, Đảng có nhiều biện pháp chỉ đạo khắc phục sự suy thoái, giữ vững bản chất cách mạng, gắn bó với nhân dân. Sinh hoạt trong Đảng, trong xã hội ngày càng dân chủ, cởi mở, công khai hơn. Nhiều cán bộ, đảng viên đã phát huy vai trò gương mẫu trong công tác, rèn luyện đạo đức, lối sống, năng động, sáng tạo, dám chịu trách nhiệm; có phong cách làm việc dân chủ, nói đi đôi với làm. Công tác xây dựng Đảng đã góp phần quan trọng vào việc thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị của Đảng.

Tuy vậy, công tác xây dựng Đảng vẫn còn nhiều yếu kém, bất cập nhất là chưa ngăn chặn, đẩy lùi được tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí. Năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của nhiều tổ chức đảng nhìn chung còn thấp. Một số cấp uỷ chưa dành đúng mức thời gian, công sức và thiếu các biện pháp đủ mạnh để chỉ đạo thực hiện các chủ trương, nghị quyết về xây dựng Đảng.

Trong thời gian tới, chúng ta phải tập trung thực hiện thật tốt những nhiệm vụ trọng yếu mà Nghị quyết Đại hội IX đề ra, đẩy nhanh nhịp độ tăng trưởng kinh tế, giải quyết tốt hơn một số vấn đề xã hội bức xúc; tạo chuyển biến mạnh mẽ về xây dựng, chỉnh đốn Đảng và toàn bộ hệ thống chính trị; củng cố khối đại đoàn kết toàn dân; tiếp tục giữ vững môi trường hoà bình, ổn định, tạo thuận lợi cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Những bài học kinh nghiệm của cách mạng Việt

Nam, của công tác xây dựng Đảng trong 74 năm qua chắc chắn sẽ giúp chúng ta tiếp tục đi tới thực hiện thắng lợi toàn diện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng. Các cấp uỷ Đảng và tổ chức Đảng cần tập trung lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt hơn, làm cho công tác xây dựng Đảng thực sự là nhiệm vụ then chốt, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trên cả ba mặt chính trị, tư tưởng và tổ chức, đáp ứng yêu cầu cách mạng trong thời kỳ đổi mới, đồng thời chuẩn bị tốt cho Đại hội X của Đảng.

* Bài đăng trên *Tạp chí Cộng sản*, số 3 (2-2004).